

NGÔ VĂN PHÚ

Truyện DANH NHÂN VIỆT NAM

TRUYỆN LỊCH SỬ

Thời Nguyễn

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

TRUYỆN
Danh nhân
Việt Nam

NGÔ VĂN PHÚ

TRUYỆN Danh nhân Việt Nam

* Thời Nguyễn

(Truyện lịch sử)

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

THỜI Nguyên

Mùa mai vàng nở

Đào Duy Từ đến huyện Võ Xương. Mai vàng đang độ nở. Từ vốn thông tuệ, học hành nức tiếng trong vùng. Đến kỳ thi Hương, lều chõng về kinh đô thi, những tưởng thế nào cũng tên đề bảng hổ.

Nào dè, mới lên dinh quan Đốc học của tỉnh, để xem giấy tờ đệ đạt ra sao mới biết tên đã bị gạt khỏi danh sách.

Từ ngạc nhiên hỏi người thư lại ở dinh đốc học:

- Sao tôi lại không được đi thi?

- Các vị quan trường ở kinh đô sau khi xem xét kỹ tông tích của anh đã bác đơn, vì ông thân sinh của anh làm nghề hát bội, và mẹ của anh cũng là đào hát.

- Hát bội thì sao?

Người thư lại an ủi:

- Quan Đốc học, tiểc tài học của anh, nên một mặt cứ tường trình mọi nhẽ, một mặt cứ đệ đơn của anh về kinh thành, nhưng quan chủ khảo sau khi đã xét kỹ cho rằng, điều lệ của nhà Chúa không lấy dòng dõi con hát thi cử, cho là...

- Cho là sao...?

- Thì thầy biết đấy, phường hát được xem là xướng ca vô loài, sao lại dự ngang với những bậc quý hiển được...

Từ bức bội ra về, bán hết gia sản, theo thuyền, đáp thẳng vào Nam. Khi lên đất Quy Nhơn, Đào Duy Từ muốn bắt chước người xưa, uốn ba tấc lưỡi để Chúa Nguyễn phải vời mình vào làm việc ở

bên màn trướng. Từ giả làm một thầy khoá tìm nơi dạy học, để dò tìm tin tức.

Một hôm thấy một ông thầy tướng người từ Phúc Kiến, do nước Trung Hoa loạn lạc, lưu lạc sang Quy Nhơn kiếm ăn, gặp Từ ở quán rượu cứ đăm đăm nhìn không chớp mắt.

Từ gọi đến mời rượu rồi hỏi:

- Sao ông nhìn tôi dữ thế?

- Tôi thấy ngài có tướng lạ, không phải người thường, nên không thể không ngắm được.

Từ cười nói:

- Tôi chỉ là anh khoá quên thôi, chắc ông lầm rồi đấy.

Ông thầy tướng quả quyết:

- Không đâu! Không đâu! Mệnh viên của ông sáng bóng như gương, hẳn là người học văn tinh thông. Trung chính hẳn, chạy thẳng từ sống mũi đến chân tóc, đó chính là "phục tề quán đỉnh" vậy. Công danh của ông chỉ hiển đạt trong nay mai.

Từ biểu cho ông thầy tướng một lạng bạc, khiêm nhường nói:

- Tôi mong được như lời ông, nhưng tự xét mình thì khó mà được như thế!

Tuy vậy trong lòng thầm phục ông thầy tướng.

Đào Duy Từ dò la biết được quan Khâm lý Trần Đức Hoà vốn là người dòng dõi quý hiển, được Chúa Nguyễn rất yêu quý, rất tin cậy. Trần Đức Hoà được giao cho việc cai quản Quy Nhơn, lo chu cấp quân lương, mọi việc đều thấu đáo, được Chúa Nguyễn rất yêu tin. Từ biết Trần Đức Hoà có quen một điền chủ rất giàu, ông này ở thôn Tùng Châu, thuộc huyện Bồng Sơn tỉnh Quảng Nam. Điền chủ giao du rất rộng. Một hôm thấy có một thanh niên nhanh nhẹn đến xin nhận chân trâu. Ông thấy mặt mũi khôi ngô ưa nhìn, liền nhận lời. Đào Duy Từ hỏi gia nhân, biết bữa ấy, ông chủ mời các văn nhân, mặc khách quanh vùng đến dự tiệc, liền đánh trâu về sớm.

Khi về thấy phòng khách hai bàn tiệc đã đông người. Một người đang đọc to lên một đoạn trong sách *Đại học*: Sách *Tân Thế* nói: "Ta mong được một vị đại thần cho thành tâm thật ý, dẫu chẳng tuyệt giỏi, nhưng trong lòng thanh sáng, không mảy may ham muốn riêng, như cái đức Trời sẵn cho vậy. Thấy ai có tài, vui mừng và mến chuộng như thấy khách quý. Người ấy làm đại thần không những khen ngợi những trang anh tài và những người thông minh mà còn bao dung và lo sao dùng được họ. Được người như thế thì việc giữ gìn con cháu ta, dân của ta, thật phúc đức, lợi ích vậy thay...".

Ông ta nói:

- Chúa Nguyễn đang mong có những bậc đại thần như thế đấy.

Mọi người trong bàn tiệc đều lấy làm thần phục, thì thấy Đào Duy Từ từ bên ngoài đi vào, đầu đội nón mê, tay cầm roi tre, đứng giữa nhà nói to lên:

- Học trò này xin được bàn thêm một lời.

Tiệc đang vui, diên chủ thấy Từ vào cũng ngạc nhiên, ngà ngà say ông nói đùa:

- Hay là bậc đại thần quan bác vừa nhắc đến trong sách *Đại học* là chính anh chàng chăn trâu nhà ta đây? Người có điều gì cứ nói.

- Đa tạ ông chủ. Câu nói trên trong *Đại học* mới là câu mở đầu khi bàn về việc muốn bình được thiên hạ hãy giỏi trị đất nước, mảnh đất của mình. Nhưng chương này còn có một câu quan trọng nữa. Đó là câu này: "Bậc trị quốc như biết rằng trong nước mình ai là bậc hiền tài, nhưng không chịu cất nhắc, khi cất nhắc thì lại không sớm đưa họ lên xứng với tài đức của người ấy, đó là khiếm khuyết không chịu dùng người hiền, còn như biết kẻ hư đốn, tham nhũng mà không đuổi họ đi, chẳng phải là dung túng kẻ ác hay sao? Vậy đã gọi là bậc quân tử ắt phải dùng hiền, bài kẻ ác, sao cho

của cải trong nước càng nhiều, số người ăn sài phung phí càng ít; khuyến khích kẻ sinh lợi càng mau mắn siêng năng, hạn chế những kẻ tiêu hoang cần phải e dè nể sợ. Như thế tài sản trong nước sẽ đầy đủ, làm việc gì mà chẳng được".

Cả bàn tiệc phục lăm. Tan tiệc, mấy người bạn thân của điền chủ còn ngồi lại rất lâu. Từ bàn bạc với họ về bách gia, chư tử, thông suốt cổ kim, khiến mọi người đều kinh lạ...

Từ bữa ấy điền chủ không bắt Đào Duy Từ đi chăn trâu nữa mà coi như tân khách trong nhà, hỏi chuyện làm ăn tiến, lui, chuyện buôn bán, làm giàu. Đào Duy Từ góp cho nhiều ý tứ rất xác đáng. Điền chủ càng ngỡ rằng người này từ Đàng Ngoài vào, muốn thi thố tài năng nhưng chưa có ai tiến cử, đành phải giả cách làm kẻ chăn trâu mà nhờ cậy mình. Điền chủ gạn hỏi, Đào Duy Từ liền thành thật trả lời.

Ngày hôm sau, điền chủ đánh xe ngựa sang ngay nhà quan Khâm lý Trần Đức Hoà, hết sức ca ngợi tài trí của Đào Duy Từ và ngỏ ý muốn nhờ quan Khâm lý tiến cử lên Chúa Nguyễn.

Trần Đức Hoà cho người đến đón Từ ngay vào nhà. Hoà trò chuyện với Từ suốt ba ngày ba đêm, không tiếp ai cả. Hỏi đến việc gì xưa nay, Từ đều bàn bạc thấu tình đạt lý, không sơ suất một điều gì. Có hôm cơm rượu đã dọn, hai người còn tranh cãi mãi chưa chịu ngồi vào ăn...

Trần Đức Hoà hỏi Đào Duy Từ:

- Theo ông, ở Đàng Trong lúc này, nên như thế nào? Chúa Nguyễn ta cần phải làm gì?

- Không phải vì tôi không được thi cử mới trốn vào đây. Tôi đến đất này, chính là thấy Chúa Đàng Trong có trí lự lớn, khiêm nhường, ở ngôi cao mà không khoe khoang, kiêu ngạo, các đình thần của Chúa thì hết lòng vì vùng đất mới... Điều ông hỏi Chúa đã làm rồi. Chính vì người trên kẻ dưới một lòng, mà nơi đất lạ, người bốn phương tụ hội cũng dần dần qui phục. Đất đai đã bình yên,

lòng người đã thuận, chỉ làm sao ban hành chính lệnh để duy trì trật tự, thì tất cả sẽ hưng thịnh. Đó chính là thuật cai trị vậy...

Trần Đức Hoà thốt lên rằng:

- Ông là người mới đến, rồi đây sẽ ngồi lên đầu chúng ta đây... Ta xin hỏi thật: Ông đã lập gia thất chưa?

Đào Duy Từ nói:

- Một kẻ học trò đang tìm chân Chúa, thì làm sao dám nghĩ đến chuyện vợ con được!

Trần Đức Hoà nói:

- Ta có cô con gái yêu, học hành cũng chăm chỉ lắm. Nhiều nơi đã đánh tiếng muốn xin, nhưng con ta còn chưa ưng, bởi người này được điều này lại thiếu điều kia. Nếu thầy ưng, ta sẽ gả cho.

Đào Duy Từ lay tạ mà nói:

- Tướng quân lấy nghĩa lớn đãi Từ này, trân trọng, ân cần từ khi mới bước chân vào nhà, không câu nệ kẻ tha phương, vốn là một người học trò mặt trắng, Từ rất cảm phục. Nay lại có ý muốn thu nhận Từ làm con cái trong nhà, Từ này từ chối sao được, chỉ xin được trò chuyện với lệnh nữ một lần, cũng là để cho nàng xem Từ này có xứng đáng để tướng quân chọn làm rể không.

Trần Đức Hoà cho mở tiệc thưởng trăng trong hoa viên để Từ gặp con gái mình... Sáng hôm sau, cho đòi nàng lên hỏi ý. Nàng chỉ e thẹn trả lời:

- Thưa cha, người con hàng ước ao trong mộng, giờ quả đã gặp.

Trần Đức Hoà mừng lắm, liền định ngày làm lễ thành hôn cho hai người. Ông bảo Từ:

- Ta quý thầy, nên gả con gái cho từ lúc hàn vi, kéo lúc làm nên mới gả, thiên hạ lại bảo ta ham hố giàu sang mà gả.

Từ vái ông nhạc một vái rồi nói:

- Con người ta khi đã có cái tâm thì lo gì chẳng làm người khác phục. Con đang chân ướt chân ráo, được tướng quân tri ngộ thế này, lòng đầy kính mến. Con xin dâng tướng quân bài văn này. Xin người xem sẽ hiểu rõ lòng con.

Trần Đức Hoà dỡ lấy, đem ấy ngồi giờ xem, thì đó chính là bài "*Ngoạ Long Cương*" văn. Đọc một mạch 136 câu thơ, câu nào cũng hay, văn chương hùng biện đầy khí phách. Trần Đức Hoà đọc đi, đọc lại mãi câu này:

*Lã dù chưa gặp xe Văn,
Cân kia chưa để gác cần Bàn Khê,
Gẫm xem thánh nọ, hiền kia,
Tài này, nào có khác gì tài xưa.
Lầu thông trận pháp binh cơ
Lược thao đã đọc, thất thư lại bàn.
Huyền vi lầu biết thế gian
Máy linh trời đất tuần hoàn lầu thông.
Thảo lai trong có anh hùng
Miếu đường chống võng thấy còn tài cao
Có phen xem tượng thiên tào,
Kìa ngôi khanh tướng, nọ sao quân thần
Có phen binh pháp diễn trần
Điển xà là trận, phong vân ấy đồ...
Quan Khâm lý nghĩ:*

- Người này ví mình như Gia Cát Lượng đời Hán, đang nằm ở *Ngoạ Long Cương* chờ chân Chúa đây. Ta phải sớm tiến cử lên Chúa công mới được.

Vừa lúc ấy, được tin Chúa mừng đánh thắng quân Trịnh ở Nhật Lệ liền vào chúc mừng. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên thấy Hoà liền ra đón, thân rót rượu mời Hoà.

Hoà rút trong ống tay áo ra nói:

- Thần xin đem thêm tin mừng lớn đến với Chúa thượng. Đây là bản "*Ngoạ Long Cựơng vãn*" của thầy đồ Đào Duy Từ hiện đang ở nhà thần làm ra đây!

Chúa cầm lấy đọc một mạch, lại nghe chuyện Trần Đức Hoà kể lại Từ giả làm kẻ chăn trâu tự tiến thân, lấy làm lạ liền triệu vào gặp.

Vài hôm sau, Đào Duy Từ đến ra mắt Chúa. Thấy Chúa Nguyễn mặc áo trắng, đi hài xanh, tức là y phục mặc thường ngày ở trong nhà, đứng ở cửa bên chờ,

Đào Duy Từ bèn đứng lại không tiến lên nữa.

Trần Đức Hoà cuống quýt giục:

- Sao không tiến lên đi!

Từ nói:

- Chúa coi Từ rất thường, mặc áo trong buồng đọc sách, buông ngủ mà tiếp người hiền ư? Bậc vương tước sao lại không hiểu lẽ.

Thấy Đào Duy Từ không chịu lên, Chúa hiểu ý, vội vào thay triều phục, đứng ở cửa giữa đón rồi cho triệu vào. Từ bèn bước đến lạy chào. Chúa cùng bàn chuyện thời thế, rất vừa lòng, cuối cùng thốt lên:

- Sao khanh chậm thế, bây giờ mới chịu ra mắt ta.

Liền phong làm Vệ úy Nội tán, tước Lộc Khê hầu, giao cho việc quân cơ, tham dự triều chính.

Đào Duy Từ trở về nhà Trần Đức Hoà làm lễ cưới. Có người bàn sao chẳng đợi lúc có dinh thự hoàng làm đám cưới của vương hầu có hay hơn không. Đã có tước hầu rồi, sao lại phải nhờ ông nhạc. Từ nói:

- Trần tướng quân đã có biệt nhỡn với tôi, việc cưới xin bàn từ lúc trước tôi ra mắt Chúa công, sao lại thay đổi được?

Hôm cưới, mai vàng nở đầy vườn rất đẹp. Cô dâu dẫn Đào Duy Từ xem hoa nói:

- Ngoài ấy có thứ mai vàng này không?

Từ lắc đầu nói:

- Ngoài ấy mùa này chỉ có mai trắng và hoa đào thôi. Gặp tiết mai nở này, chính là ta được Đàng Trong yêu quý chào đón đấy...

Liên dắt tay nhau về buồng cưới...

*

Mùa đông năm Kỷ Tỵ (1629), Chúa Nguyễn gọi Đào Duy Từ vào bàn kế. Đào Duy Từ nói:

- Phàm mưu việc vương bá, phải có kế vẹn toàn. Người xưa nói: Không một phen nhọc mệt, thì không được nghỉ ngơi lâu dài, không một lần tốn phí thì không được yên ổn mãi mãi. Thân xin lấy hai xứ Thuận Quảng xây lũy dài từ núi Trường Dục đến bãi cát Hạc Hải, chính là giữ chỗ hiểm để quân giặc có đến cũng không làm gì được.

Chúa nghe theo, cho đắp lũy, đến mùa xuân năm Canh Ngọ, sau một tháng là xong. Đào Duy Từ dẫn Chúa đi thăm lũy. Mai vàng ở núi Trường Dục lại nở rất đẹp. Chúa rất vui hỏi:

- Ta nghe nói trong vườn Lộc Khê hầu cũng trồng nhiều mai vàng phải không?

Từ khiêm nhường nói:

- Đó là tạ ơn Đàng Trong đã có biệt nhãn đối với Đào Duy Từ này đấy ạ.

Chúa gạt đầu rất hài lòng rồi nói:

- Ta nghe ông tài thơ rất miễn tiện. Nhân lúc này, có bài nào hay đọc ta nghe đi.

Từ vâng lời khế đọc bài *Tàu là lác, cột là tre*:

Tàu là lác, cột là tre,
Ngày tháng an nhàn dựng chõ che,
Màn vải thưa giăng ngăn muối mặn
Rào gai kín đáo mặc ong ve
Cơm ba bữa chuộng rau cùng muối
Thịt bốn mùa ưa rượu lại chè
Muôn sự đã ngoài chẳng ước nữa
Ước tôi hay gián, Chúa hay nghe.
Chúa nghe xong, cười âm lên:

- Từ ngày ông vào dự triều chính, can và bàn điều gì, ta đều nghe cả đấy thôi...!

1997

Quan nội tán đã về

*Đường vô xít Huế quanh quanh,
Non xanh, nước biếc như tranh họa đồ,
Yêu em, anh cũng muốn vô,
Sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam Giang...*
(ca dao)

Quan Nội tán Nguyễn Khoa Đăng được kiêm chức Án Sát sứ, coi hết việc quân quốc định lại điều lệ. Có người gọi ông là Bao Chửng Đại Việt, mặc dù mặt ông chẳng đen một chút nào.

Ông nhận chức, định lại quy ước. Một hôm Khoa Đăng, xem lại số bạc lưu lại trong kho công, so với số bạc ghi có ở trong sổ xa cách quá nhiều. Ông cho gọi quan coi quốc khố đến hỏi:

- Sao số bạc trong kho không đúng như số bạc ghi hiện có trong sổ.

Quan coi kho thưa:

- Bạc thì nhiều, nhưng hoàng thân quốc thích vay lâu không trả. Cho nên mới có chuyện kho ít, số nhiều hơn đấy ạ?

- Sao không cho đòi về.

- Bẩm làm sao đòi được ạ! Cho người đến, năm bảy, mười bảy, mãi mới được vào hầu. Các mẹ, các ông hoàng bà Chúa đồng đánh nói: "Ta nợ nhà Chúa, chứ ta nợ gì người. Chúa với ta là chỗ tình thân, nợ nào đòi mấy món quà này!". Tôi nói lại, nếu không đòi được Chúa sẽ trị tội, họ lại bảo: "Lo gì, chúng ta mỗi người

nhận cho một ít, người có lấy đâu, mà ta có chịu trả đâu mà có tội!". Họ cho chuyện nợ nần quốc khố cứ như trò đùa ấy vậy.

Vốn tính thẳng thắn, Nguyễn Khoa Đăng nghe nói lộn ruột, hôm sau đem sổ kho và sổ nợ vào hầu Chúa.

Chúa Quốc Nguyễn Phúc Chu hỏi:

- Khanh có việc gì tâu vậy?

- Muôn tâu Chúa công, việc công khố hao hụt ạ?

Chúa Nguyễn cau mặt hỏi:

- Kẻ nào dám lấy tiền công khố tiêu để đến nỗi hao hụt.

Nguyễn Khoa Đăng nói:

- Việc nước, việc quân, tiền rất cần. Nếu không có tiền thì việc đắp lũy, tuyển quân, đóng thuyền, sắm vũ khí đều không có. Nếu quân họ Trịnh đến, lấy gì mà chống đỡ. Chưa nói đến việc phải lo chu cấp hàng năm cho triều đình, bổng lộc các công thần, tu sửa thờ phụng thái miếu.

Chúa Nguyễn sốt ruột, gắt:

- Thế thì ai làm hao hụt công quỹ, Khanh nói ngay đi, sợ gì mà cứ nói vòng vo mãi.

Nguyễn Khoa Đăng bèn đưa sổ quốc khố và sổ nợ của các ông hoàng, bà chúa để Chúa xem.

Chúa Nguyễn hỏi:

- Bây giờ làm thế nào? Ai lại cho vay đến hàng vạn lạng bạc mà không đòi về thế này, lấy gì mà tiêu?

- Hoàng thân quốc thích quen tiêu dùng xa xỉ rồi. Gấm, lụa phải Hàng Châu mới dùng. Đồ trong nhà phải gốm kính gốm Thanh mới quý. Một viên ngọc hàng nghìn lạng tranh nhau mua, trong khi một nghìn lạng có thể được một nghìn bộ áo giáp cho quân lính. Nợ nhà nước thì phải đòi. Các ông hoàng, bà chúa có trả thì mới tiết kiệm, bớt hoang phí được. Phép tắc phải thi hành từ người hoàng

tộc, người nào càng thân thiết với Chúa càng phải đòi trước. Xin Chúa ban lệnh cho.

Chú Nguyễn thở dài bảo:

- Còn cách nào nữa đâu, khanh cứ thế mà làm!

Nguyễn Khoa Đăng biết nợ nhiều nhất là Công chúa chị của nhà Chúa. Bà này làm nhà to, cây được tiên Chúa quý, Chúa Nguyễn Phúc Chu nể, nên vay nợ chồng chất năm năm không trả. Đăng gọi mấy hầu gái, loại áo để ra đón đường Công chúa. Gặp lúc Công chúa đi ngang qua, ngăn kiệu lại đưa sổ nợ ra đòi. Công chúa tức lắm, quát mắng ầm ĩ, dùng dùng vào phủ Chúa đòi gặp.

Công chúa nói:

- Ta là chị ruột của Chúa thượng, nợ vài đồng bạc, làm sao quan Nội tán đòi dữ dần dần thế. Chẳng hay, nó định làm nhục ta, làm nhục luôn cả Nhà chúa chăng?

Chúa ôn tồn nói:

- Nội tán Nguyễn Khoa Đăng trình sổ nợ của các hoàng thân, quốc thích lên cho em rồi. Chị và các người khác đã có bổng lộc, nợ quốc khố vay rồi phải lo trả thì mới có tiền trả lương cho các quan và binh sĩ ở ngoài đồn lũy, ngày đêm vất vả chứ. Quan pháp phải nghiêm. Người thân của hoàng tộc phải làm gương cho kẻ khác chứ? Nguyễn Khoa Đăng chỉ theo phép nước mà làm, đâu dám vô lễ.

Công chúa không biết nói thế nào, đành đem tiền đến trả. Các người khác đều sợ phải phạt thêm tiền khi nợ lâu, liền lục tục đều trả hết.

Chúa thấy Nguyễn Khoa Đăng làm được việc liền giao cho ra trị bọn trộm cướp ở Trùng nhà Hồ. Đăng đem một đạo quân được tuyển chọn kỹ, nắm vững đường đi lối lại của lũ cướp ở Trùng nhà Hồ. Chúng phần lớn đón lõng các đoàn khách thương hoặc những kẻ gặp nạn, tướng lĩnh của họ Trịnh, họ Nguyễn, do thất sủng mà phải bỏ Bắc vào Nam, hoặc bỏ Nam ra Bắc...

Nguyễn Khoa Đăng, thuê dân các vùng với giá rất cao, cho phát đường, lại đặt trạm hẹn, nếu có giặc, thì đốt lửa lên làm hiệu, hoặc vác tù và, đánh phèng la, các nơi gần sẽ phi ngựa đến ứng cứu. Nếu quá hạn không ra, sẽ chém đầu hoặc bắt sung quân làm những việc khổ sai.

Quan Nội tán lại cho người đi khám tận hang ổ của mấy băng cướp có tiếng, thân đốc quân đến bao vây, chém mấy tên trùm đứng đầu, bêu đầu ở trên mép nước và đỉnh núi... Những đứa mới theo ban cấp cho quần áo, lương thực trở về quê cũ làm ăn. Lại mộ quân quanh vùng, lập đồn trấn giữ, chẳng bao lâu giặc cướp ở Trường nhà Hồ, sợ hãi thất tán đi mọi nơi cả...

Cạnh Trường Hồ là phá Tam Giang. Phá ở xứ Bàu Ngược nằm ở địa phận hai huyện Phong Điền và Quảng Điền, từ nam đến bắc, phá rộng tới ba mươi dặm, từ tây sang đông rộng tới sáu dặm. Chung quanh núi non lại vây bọc. Đó là cái túi nước của ba con sông, đều do nguồn từ sông Lương Điền, đến phía Tây Nam thì chia làm sông Tả, sông Trung và sông Hữu, chảy quanh có một đoạn rồi trút vào mà thành phá... Vì thế có tên là Phá Tam Giang. Chảy qua phá, sông lại chảy thêm hai mươi lăm dặm để hợp với sông Hương đổ ra biển ở cửa Thuận An. Ở đây thường có sóng gió bất trắc, thuyền bè qua lại hay gặp nạn, các ngư phủ rất sợ, thường trước khi đến đoạn cuối phá, phải ném vàng hương, hình nhân xuống nước để cầu sóng lặng, gió êm.

Quan Nội tán đi kinh lý hai xã Vĩnh Xương, Kế Môn ở huyện Quảng Điền, thấy hình sông quanh rộng, cong, nước lại sâu, liền gọi phó tướng đến hỏi duyên do làm sao. Viên phó tướng nói loanh quanh, không trả lời được.

Nguyễn Khoa Đăng nói:

- Mọi thứ chuyện rắc rối ở phá Tam Giang này đều do con sông dữ cong như mình thường luồng này. Chính bờ nó cao, nước lại sâu, tạo thành cái phễu hút gió vào thành giông tố, nhấn chìm thuyền đấy. Phải bắt nó thuận phục thôi!

Liên gọi các quan huyện sở tại, đốc suất dân phu, chọn người giỏi xem địa thế đào bờ rộng, uốn sông đi về nơi thấp. Thế nước sâu bỗng giảm xuống. Thuỷ quân và thuyền buồm qua lại đường mới đều an toàn. Từ đó, nạn cướp ở Trùng Bồn và nạn đắm thuyền ở phá Tam Giang không xảy ra nữa...

*

Nguyễn Khoa Đăng vốn ghét thói sa hoa của đám anh em, cô chú, cháu, rể, công chúa, hoàng thân, hoàng tử của Nhà chúa, do đó làm những việc có lúc quá tay. Ông ban lệnh hạn chế bán thịt ở các chợ. Quan Nội tán lấy cớ rằng, các nhà giàu mua thịt ở chợ không quá năm cân. Ai mua hơn sẽ bị phạt, đặc biệt các thịt thú rừng thì chỉ được mua nửa cân trở xuống. Do đó, các bậc vương tôn, các nhà quyền quý, muốn ăn uống sa hoa, cũng không có cái mà mua. Họ ức Nội tán Nguyễn Khoa Đăng lắm.

Một bữa, Nội tán vừa đi châu về, thấy có thiệp mời từ dinh Luân Quốc công, làm Chương vệ sự. Nội tán nói:

- Chắc là có việc gấp gì chăng nên Quốc công Chương vệ mới mời gấp như thế!

Liên lên kiệu đi ngay.

Đến cổng dinh, Luân Quốc công đã ân cần chờ ở đó. Hai người trò chuyện rất ân cần, sau đó, Luân Quốc công mời quan Nội tán vào phòng trong dùng cơm.

Nội tán vào thấy trên bàn tiệc chỉ có chai rượu và bốn đĩa muối. Luân Quốc công ngồi rồi chìa tay mời quan Nội tán. Nguyễn Khoa Đăng tưởng Quốc công đãi mình một món thịt rừng quý ăn với muối, nên cứ chờ mãi. Quốc công lại rót thêm rượu vào chén rồi mời:

- Xin quan Nội tán nâng cốc.

Nguyễn Khoa Đăng hỏi:

- Nhà quan Chương vệ mời khách chỉ có mấy đĩa muối thế này thôi ư? Quốc công khinh tôi quá đấy!

Chương vệ cười mà nói:

- Ô chợ, thịt cấm không được mua nhiều. Người hầu của ta ra chợ thì thịt đã hết cả. Do đó mới làm mấy món muối để đãi khách vậy.

Nguyễn Khoa Đăng biết mình mắc lõm, đứng dậy cáo lui, ra về. Chương vệ cười:

- Nội tán chê cơm muối nhà tôi ư?

Đang lúc bực mình, Nguyễn Khoa Đăng, cười nhạt nói:

- Cơm muối thế này thì lính cũng không nuốt được!

Quan Chương vệ cũng áo đả, đáp lại:

- Ông không nuốt nổi cơm muối, sao lại đi cấm người ta ăn thịt.

Quan Nội tán tức lắm, phẩy tay áo hậm hực ra về. Tuy nhiên, lệnh cấm mua thịt nhiều ở chợ vẫn không bãi bỏ...

*

Mùa hạ năm Ất Ty (1725) Chúa Nguyễn Phúc Chu lâm bệnh mất.

Chương cơ Nguyễn Cửu Thế, vốn cũng là người rất ghét Nội tán, lại được các hoàng thân, công chúa khuyến khích, Thế bây giờ đang nắm quân ngự vệ, do đó bèn làm giả di mệnh của Chúa Nguyễn Phúc Chu cho gọi Nguyễn Khoa Đăng vào châu.

Khoa Đăng vốn có tình sâu nghĩa nặng với Chúa Quốc, do đó, nghe nói Chúa mất gọi vào bên màn trướng để nhận di chiếu, sắc văn gọi, được chính Thái giám hầu Chúa triệu vào, bèn không nghi ngờ gì nữa, vội vừa khóc, vừa mặc quần áo vào cung.

Đến cửa ngoài, đã thấy các võ sĩ mặc đồ đen, nghe một tiếng quát, xô đến trối lại, mới biết mắc mẹo.

Nguyễn Cửu Thế chỉ mặt Nguyễn Khoa Đăng mắng rằng:

- Mày cậy được Chúa yêu nên lộng hành, làm nhiều điều quá quắt. Chúa mất, thì mày còn chỗ nào mà nương tựa nữa. Từ nay những lệnh nọ, lệnh kia của mày, hân chỉ còn xuống âm ty mà cho bọn ma quỷ thi hành thôi.

Nguyễn Khoa Đăng mắng lại rằng:

- Chúa chết người còn nóng, mà các ngươi lại giết người thẳng thắn, trung thực ư? Ta chỉ tiếc hồ đồ để mắc mưu lừa của bọn báam quân Chúa để hưởng sa hoa, truy lạc thôi!

Cửu Thế tức quá liền chém rụng đầu Nội tán... Khi lấp đầu vào đem chôn, gương mặt mắmg mỗ bọn cường thần vẫn không đổi sắc.

1997

Ông Cống đầu to

Vũ Đình Phương người huyện Lệ Thủy, Quảng Bình, thuở nhỏ sinh ra đã có tướng lạ. Người lùn béo, thấp, xấu xí, đầu lại to. Mặt Phương đầy những lang ben loang lổ trông như một gã hề của một gánh tuồng.

Tuy nhiên, Phương học rất thông tuệ, nổi tiếng văn chương một thời. Đời Chúa Nguyễn Phúc Lan, mở khoa thi Hương Cống, Vũ Đình Phương đỗ đầu, khi yết bảng, người cùng huyện đi thi, công kênh tung Phương lên trời, dân chúng chỉ trông thấy đầu ông cống là rõ hơn cả, đến khi nhìn mặt thì xấu xí, người ta gọi luôn là ông Cống đầu to.

Chúa Thượng, Nguyễn Phúc Lan cho các vị tân khoa vào châu. Vũ Đình Phương đứng trên cùng. Chúa trông thấy, đã nói với quan Thượng thư bộ Lễ, đứng hầu bên cạnh: ‘

- Người đỗ đầu là cái anh chàng lùn, thấp, đầu to, mặt lang ben kia ư?

Quan Lễ bộ Thượng thư thưa:

- Người xấu xí mới biết thân phận mình mà nỗ lực. Vả lại do luật bù trừ của tạo hoá, nên thường có tài hơn người khác. Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi thời Trần xưa, chẳng là lùn tiều vãn chương không những ở trong nước mà các danh nhân ở Trung Hoa, khi Mạc sang sứ cũng phải phục sát đất đó ư?

Chúa Nguyễn Phúc Lan, ngẫm lại Phương một lúc, rồi lắc đầu nói:

- Tưởng người xấu thế kia, thì đứng ở văn ban, hay võ ban đều làm giảm mất sự ưu tú, đẹp đẽ ở triều đình.

Bèn cho về rồi quên không dùng.

Vũ Đình Phương về vẫn ung dung thờ thối, không phàn nàn chi cả. Phương mở trường dạy học, lại lấy thú đọc sách, nghiền ngẫm những lời hay, ý đẹp, cách cầm quân, cách trị nước...

Quan huyện sở tại rất quý trọng Phương, coi Phương là cố vấn. Vẫn thường ví Phương như Ngô Long, Phụng Sở, thời Tam Quốc, chưa gặp được Hán Trung Vương Lưu Bị mà thôi.

Quan huyện gặp các việc rắc rối, thường đến hỏi Vũ Đình Phương. Phương bày kế cho, mọi việc đều trôi chảy cả. Quan huyện thỉnh thoảng mang bạc, lụa đến tặng. Phương nhận cho mình một ít, còn đâu thì cho học trò giỏi mà nghèo, hoặc giúp những cô nhi, quả phụ ở trong huyện. Do đó mà tiếng nhân ái của thầy Phương trong vùng không ai là người không biết.

Năm ấy, huyện Lê Thuỷ có nhiều án hình rất oái oăm. Một hôm, quan huyện mời Phương lên, ngồi sau màn, nghe xử án. Có một người trông được giống dưa ruột vàng, bán rất đắt. Y khôn, giữ lấy giống, thường đem quả đi bán rất xa; ăn dưa chín ở trong nhà thì nạy hết hạt mới cho mọi người ăn; hạt thả vào bếp cho cháy hoặc nấu chín đi.

Do đó, khi dưa đến lúc hái, có kẻ đột nhập vào, cứ nhè dưa, bất cứ lớn bé, đều lấy thưởng vằm ra hết cả... Người trông dưa đau xót đem việc lên kiện quan...

Hết buổi kiện, quan huyện hỏi Vũ Đình Phương:

- Thủ phạm không bắt được, chứng tích không có, giờ xử sao đây? Không xử, thì kẻ hại người ăn nên làm ra, thành ra việc làm ăn không được an ổn, cũng không được.

Phương nói:

- Tôi có thể tìm ra thủ phạm.

- Thật không? Ông có thể tìm được ư? Từ đâu?

- Từ những quả dưa! Kẻ vằm dưa bằng thuổng chắc là ghét nhà có dưa lắm! Họ đem những quả dưa lên trình quan, tôi thấy những nhát thuổng vằm nát dưa rồi! Chẳng tin quan xem lại đi. Bằng chứng đấy chứ ở đâu nữa.

Quan huyện vẫn ngơ ngác không hiểu. Vũ Đình Phương lại nói:

- Quan hãy sức cho dân quanh vùng, nhà nào có thuổng phải dán tên họ vào đấy, đem nộp lên quan ngay hôm nay. Tôi sẽ giúp ngài tìm ra thủ phạm.

Quan huyện sai người đi ngay chiều hôm đó, thu về được ngót trăm chiếc thuổng.

Quan huyện nói:

- Ngần này cái thuổng biết là cái nào của thằng ăn cắp đây?

Phương nói:

- Cho người ném lưỡi thuổng sẽ biết.

Quan huyện hiểu ý. Quả nhiên khi ném lưỡi mấy chiếc thuổng có vị đắng, theo tên họ của chủ thuổng dán trên đó, đều tìm ra thủ phạm. Họ khai rằng, chủ ruộng dưa tìm được giống tốt, không chịu chia sẻ cho người trong làng, nên họ ghét, đem thuổng đến vằm nát dưa của hắn ra...

Quan huyện cho phiên toà tạm nghỉ để hỏi ý Vũ Đình Phương nên xuống án như thế nào.

Phương nói:

- Phá hại của người khác là có tội. Nhưng chủ dưa vì lợi ích của mình mà gây thù oán, lại không chịu quảng bá giống dưa mới cho làng, cái ích kỷ này cũng là một tội ác. Quan phạt thế nào là tùy quan.

Quan huyện xử những người bằm nát dưa của người chủ ruộng phải bồi hoàn tiền cho hắn, nhưng tiền được bồi hoàn lại phạt

chủ dừa sung vào công khố, còn tịch thu cả số dừa trong nhà, lấy hạt chia cho dân cả vùng đem trồng... Ai cũng khen ngợi Vũ Đình Phương và quan huyện. Ông huyện sau vụ xử án ấy được thăng chức tri phủ, còn Vũ Đình Phương bởi xấu xí nên vẫn bị triều đình Chúa Nguyễn bỏ quên.

Chúa Thượng chết, Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần lên nối ngôi.

Họ Trịnh họ Nguyễn vẫn chưa chịu nhau, đang hầm hè để gây chiến tranh. Chúa Trịnh sai sứ thần vào Nam, thử xem đất phương Nam có nhân tài nào không?

Sứ họ Trịnh, đầu năm vào chúc mừng Chúa Nguyễn có mang theo một dùi gỗ dài một thước (0,40m), trên dùi có khắc ba chữ vàng lớn là Hồ Bất Thục (cáo chẳng ăn).

Cả triều đình Chúa Nguyễn xem xong, không ai giải nổi. Chúa Hiền rất bức. Bỗng có một người hiến kế:

- Vũ Đình Phương nổi tiếng uyên bác, sao Chúa thượng không mời về!

Chúa có biết tiếng Phương từ hồi mình còn trẻ, nên cho người triệu về ngay. Phương nói đoán được. Để cho sứ thần ~~Đ~~Đàng Ngoài biết người Đàng Trong, nhân tài trong chốn dân gian rất nhiều, nên Chúa Hiền bố trí như thế Vũ Đình Phương được triệu đến là vào châu ngay.

Trước mặt sứ thần Đàng Ngoài, Phương đón lấy chiếc gậy ngăm nghiêm một hồi, rồi nói:

- Người Bắc kín đáo thử chữ nghĩa ta thôi. Kẻ sĩ xưa nay, vốn được sứ thần đổ chữ thường suy ra chữ Nho. Như thời Trạng Hiền xưa, Vua Trung Hoa đổ bốn câu thơ "Lưỡng nhật bình đầu nhật. Tứ sơn điền đảo sơn. Lưỡng vương tranh nhất quốc. Tứ khẩu tung hoành gian". Đó chính là chữ điền. Họ Trịnh Đàng Ngoài thử ta. Nếu cứ đoán thành chữ Hán thì chẳng bao giờ tìm ra đâu.

Sứ thần Đàng Ngoài hơi chột dạ, song vẫn phải giữ điềm tĩnh. Còn Chúa Hiền sốt ruột gặng hỏi:

- Vậy là chữ gì? Khanh giảng ngay đi!

Phương nói:

- Chiếc gậy có chữ... Hồ bất thực, ý muốn nói "hồ bất thực tác hồ sấu"... nghĩa là cáo chẳng ăn thì cáo gậy... Cáo gậy theo lối nói lái Đàng Trong thì cáo gậy chính là câu đố muốn nói là cây gạo thôi!

Chúa Hiền hỏi sứ thần:

- Người của ta đoán thế nào?

Sứ thần nói:

- Ông ấy quả là thông tuệ. Chắc là một vị trạng ở trong này.

Chúa Hiền nói:

- Không, ông ấy mới chỉ đỗ đầu khoa Hương cống thôi!

Chúa Hiền phong cho Phương làm Ký lục Quảng Bình. Sau lại được sung chức Tham quân quản hai vệ lính, làm quân sư cho quan Tiết chế Nguyễn Hữu Tấn.

Vào năm Canh Tý, Trịnh Căn cầm quân vào đánh. Chúa Hiền sai Hữu Dật và Hữu Tấn tiến quân. Hai đại tướng họ Nguyễn này đều giỏi, nên thường vẫn không thân thiết với nhau, vì ai cũng cậy tài. Khi quân Trịnh đến, cả Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Tấn đều lập được công, đánh tan quân Trịnh ở Nghệ An. Hữu Tấn muốn vượt công Hữu Dật định tiến quân. Tham quân của Tấn là Vũ Đình Phương nói với Tấn rằng:

- Tướng quân đem mười vạn quân, không những giữ được thành lũy Đàng Trong mà còn đánh bại được quân Trịnh Căn dồn địch đến tận bên bờ sông Lam. Các tướng Đàng Trong xưa nay chưa ai làm được thế. Nhưng sức họ Trịnh đâu phải đã kiệt, chắc họ sẽ đánh phục thù. Binh thư có nói: "Phàm dấy quân ra khỏi bờ cõi đánh đất khác phải đánh nhanh chứ không thể đánh chậm". Như thế mới toàn được quân mà tranh được thiên hạ. Như thế, quân thì không mệt, mà thắng lợi mới được trọn vẹn. Mười vạn quân Đàng

Trong thắng lớn rồi, chùng chình mãi ở đây thì đường chuyển lương cho quân ăn phải đi ngàn dặm, ắt việc quân không thể tiến nhanh được, tất phải đánh từ từ, lâu ngày. Mà ở lâu tất lòng quân đều muốn trở về. Binh pháp lại nói: "Thấy lợi thế thì hãy theo, thấy khó khăn cứng rắn thì hãy tránh, an nhàn mà khó nhọc, thân thiết mà chia lìa, đó chính là sự nguy hiểm của kẻ dùng binh đấy. Huống chi lòng quân đã sinh chuyện, thế giặc vẫn còn bền, chẳng bằng rút quân về, sau hãy tính kế khác...

Nguyễn Hữu Tấn nghe theo. Chúa Hiền cũng cho thế là phải...

Sau chuyến đánh thắng ấy, ông Cống to đầu được mời về làm văn thân, ở ngay bên cạnh Chúa, dâng kế sách đều được chấp nhận. Chúa Hiền rất yêu, có hôm nói đùa rằng:

- Ông thông minh quá nên tinh hoa mới dồn lên cái đầu to của ông đấy, cho nên hình hài mới chịu cái phần lép vế vậy.

Vũ Đình Phương, thấy Chúa vui liền dâng lên bài thơ Tự vịnh như sau:

Trời sinh nên chịu Lão To Đầu

Chui rúc, đầu to rúc được đầu!

Ơn Chúa tháng ngày thường rủng rỉnh

Thơ thân sương gió đủ nghèo ngao,

Năm mươi phò tá đâu là muộn,

Một trận thành công đủ chuyện sau.

Thì cử triều đình ban Cống sĩ

Trời sinh nên chịu Lão To Đầu.

Chúa rất khen, ban thưởng cho mười lạng bạc.

1997

Khanh có tội gì đâu

Một người dân có oan ức, do bị một gã nhà giàu thấy cô con gái xinh đẹp, muốn cướp lấy. Ông ta ở đất Trấn Biên, mở quán, hai vợ chồng vốn phiêu bạt từ Thanh - Nghệ vào. Họ Huỳnh vốn cậy thế có người nhà là quan to trong triều, bắt ai chết thì chết, cho ai sống mới được sống. Huỳnh Thi là điền chủ lớn ở Trấn Biên, rừng ruộng đều chiếm hết, nuôi người ở trong nhà phải bốn cối xay, bốn cối giã mới đủ gạo ăn hàng ngày. Lại tuyển mộ những dân du thủ, du thực làm tay chân hàng tháng đi bắt tồ, thu thuế, rất tàn tệ. Các quán hàng mở trên dọc đường lên phủ trấn, đều bị thu thuế nếu chỉ dính một hàng cột trên đất của Huỳnh Thi.

Huỳnh Thi háo sắc. Ba vợ vẫn còn thềm. Thấy chủ quán họ Trịnh có con gái đẹp, liền đến ăn uống, rồi sai bắt về vui thú một đêm. Người con gái chửi rửa chống cự, y sai đám đầy tớ, lột quần áo đổ rượu uống cho kỳ say, sau đó thoả mãn cơn thềm đàn bà... Buổi sáng sai vớt ra đằng sau nhà. Khi ông già họ Trịnh đi kiện thì đã chết cứng vì mệt, sợ và gió, lạnh...

Già Trịnh chôn con, đi kiện, Huỳnh Thi lấy bạc, lựa trắng miệng quan huyện... Quan huyện cho gọi già Trịnh lên, hỏi qua loa, rồi gài cho Huỳnh Thi tạo nhân chứng, cho rằng đêm trước còn thấy con gái già Trịnh ở trong nhà... Quan cho là già Trịnh ghét Huỳnh Thi nên vu cho Thi, chứ con gái của ông trúng phong mà chết.

Vụ án xử vừa được ba ngày, quan huyện đổi về huyện khác. Đặng Đại Độ được cử về làm tri huyện, ngay hôm đầu, Đại Độ đã xem xét hình án, thấy văn án của con gái họ Trịnh, có điều nghi

ngờ, liền đánh dấu lại, để có dịp xét kỹ hơn. Vừa định bãi đường về nhà, chợt thấy cổng ngoài có tiếng người già la khóc, kêu oan. Bọn lính huyện thì cản giữ không cho vào. Đại Độ liền nán lại, bảo viên thư lại ra xem có việc gì, nếu có người kêu oan khuất khổ sở thật thì cứ để cho họ vào.

Một lúc sau, ông già họ Trịnh phục trước án. Đại Độ nhìn, đó là một ông già mình gầy, lam lũ. Khi ông ngẩng mặt lên thì mặt nhòa nước mắt, khóc nghẹn không thành lời. Đại Độ hỏi:

- Ông kia, ở đâu, tên họ là gì?

Già Trịnh vội xưng tên, họ. Quan huyện lại hỏi:

- Có phải ông già đã có đơn tố cáo con gái bị điền chủ Huỳnh Thi giết hại không?

Già Trịnh cuống quýt trả lời:

- Dạ, đúng ạ... Đúng là đơn của tiện dân ạ!

- Quan huyện trước đã xét xử, án đã quyết. Cho là cái đêm ông tố cáo con gái bị Huỳnh Thi bắt cóc đem về nhà riêng đồ rượu hăm hiếp, thì hôm đó ả có mặt ở nhà ông kia mà! Chúng cứ họ Huỳnh có người ký nhận, còn lão, lão chỉ tố cáo mồm, có gì làm bằng chứng đâu!

Già Trịnh kêu:

- Con gái tôi quả là bị bắt đi đêm ấy. Còn chứng cứ của Huỳnh Thi là do gã bỏ tiền mua người làm chứng. Con gái tiện nhân lúc chết, miệng còn sặc hơi rượu tay còn nắm chặt vì bị oan ức... Bẩm quan, nếu gọi trúng phong thì con gái đêm đi ra vườn làm gì để trúng gió. Nó làm mệt, chỉ ngủ một giấc đến sáng thôi. Người trúng phong phải là tiện dân, già cả, đêm phải đi tiểu, họa là mới có lý.

Đặng Đại Độ nghe, biết là người mồm mạp thật thà, liền cho người khai quật.

Khi mở miệng cuống họng, dạ dày đều đầy rượu. Tay người con gái họ Trịnh đúng là vẫn còn nắm chặt. Đại Độ cố gỡ ra thì

thấy một chiếc cúc áo! Độ bảo người thu lại rửa sạch rồi gói vào, cầm lấy, lạng lẽ đem về.

Hôm sau, Đặng Đại Độ cho người đem trát đòi Huỳnh Thi lên phủ. Huỳnh Thi vẫn ngang nhiên không chịu khai.

Đặng Đại Độ khẽ an ủi làm như không có chuyện gì. Lại cho gọi đến gần xem tờ chứng có phải những tên người ký là người thân của Thi không. Thi thề sống thề chết là không phải. Đặng Đại Độ để ý nhìn hàng cúc của chiếc áo dài lụa y vẫn mặc ngoài thấy thiếu một chiếc cúc. Liền bảo cởi áo đưa lên cho thử lại xem. Lại giơ trước mặt mọi người, cho thấy rõ chiếc cúc bị khuyết trên áo ở vào hàng thứ tư...

Đại Độ cầm chiếc cúc ở trên án đưa cho viên thư lại đặt vào thì đúng nguyên bộ không hề sai. Thì ra lúc Thi định cưỡng hiếp bị giàng co, người con gái họ Trịnh đã dứt được chiếc cúc, cầm trong tay cho đến khi chết. Đặng Đại Độ đập bàn, quát:

- Huỳnh Thi cậy của, cậy thế, bắt người hiếp rồi bỏ cho đến chết, lại tạo chứng cứ giả... nay vật chứng đã có, mổ tử thi thấy dấu hiệu cô gái lành họ Trịnh bị đổ rượu, còn cãi nổi không?

Nói rồi, đem hạ ngục, sau khi bắt Thi ghi nhận vào bản án. Huỳnh Thi biết không cãi nổi, liền nhắn người nhà cố sức chạy thoát. Người nhà đem mười lạng vàng và một trăm lạng bạc đến để hối lộ. Đại Độ vỗ tay, hai viên thư lại ở phòng bên ghi lại tất cả những lời lẽ em ruột Huỳnh Thi đến lo dứt lốt quan chạy khỏi tội cho anh, rồi bắt ký nhận, bắt đem vàng bạc về...

Hôm sau, Đại Độ nghị án chém Huỳnh Thi, mời quan Ký lục ở tỉnh về chứng kiến, sai chém ngay giữa chợ để thị chúng. Ai cũng khiếp sợ.

Đặng Đại Độ là con Đặng Đại Lược, người huyện Phong Đăng, tỉnh Quảng Bình. Năm Tân Dậu, đời Chúa Nguyễn Phúc Hoạt (1741) Đại Lược được làm Ký lục, năm năm sau được thăng Cai bạ tỉnh Quảng Nam. Suốt đời làm quan rất thanh liêm Đại Lược không nhận của ai tí gì, dù một lễ nhỏ.

Già Trịnh ơn Đặng Đại Độ vô cùng, không biết làm cách gì tạ ơn, vì biết Đại Độ tuy là con quan lớn ở Quảng Nam, lại làm tri huyện rất sớm nhưng tư dinh chỉ là một gian nhà cỏ, một mảnh vườn hoa nhài, hoa cúc, để lúc làm việc về thăm thú, thư giãn tinh thần.

Già Trịnh đến lạy Đại Độ và nói:

- Tôi già mắc phải ác bá giết con, lắm lúc thương con, định tự chết mà không chết nổi, vì thù của con gái còn đó. Nay quan đã cỗi cho nổi oan khổ, giết kẻ ác rồi, tưởng chết cũng thoả lòng, nhưng ơn quan lớn quá. Tôi xin được đến coi vườn cho nhà quan. Đó là tình thật, xin quan đáp ứng!

Đại Độ thấy người chân thật, cảm động, nâng dậy, và cho làm lão bộc trong nhà, sau coi như một người bạn vong niên...

Năm Tân Ty (1761) Đặng Đại Độ được thăng Ký lục Trấn Biên, luôn căn dặn các thuộc lại quan chức dưới quyền, không được gây phiền hà cho dân.

Lúc đó có hai viên Cai đội⁽¹⁾, ỷ thế ở lâu đất Trấn Biên, có công, không coi ai ra gì. Hai vị này cũng là dân ham gái, không hàng quán, ca lâu nào mà không ghé vào bắt hầu rượu, dâng gái, say sưa đến tận sáng, mũ đội xô, áo cài lộn cúc, mất hết cả tư thế. Dân ở trấn thành rất khó chịu, đặt yếm hát chửi bóng gió, và gọi họ là hai thằng dục rửa.

Đặng Đại Độ gọi lên khuyên bảo. Họ có bết được vài ngày, rồi chứng nào tật ấy... Kịp một bận được đi công sai, dọc đường thấy hai thiếu nữ tắm bên suối, lửa tình không dập nổi hai đứa thay nhau hăm hiếp, bị dân làng đón bắt, trói giải về tận dinh Ký lục.

Đặng Đại Độ xin lỗi dân làng, hứa sẽ trị tội đích đáng. Ngay hôm sau, ông thăng đường, chiếu điều lệ, quy tội, tước mũ áo, đánh cho đến chết rồi đem treo cổ ở ngã ba đường cho dân bản địa đang chờ xử biết, rồi mới được chôn.

⁽¹⁾ Một chức quan võ ở tỉnh sau cai cơ.

Xử xong, Đại Độ lên trình Tuần phủ, trao lại mũ áo, rồi mặc áo ngắn đeo gông vào cổ, tự đi bộ về triều nhận tội trước Chúa Nguyễn.

Đi rông rã đến hàng tháng trời. Dân ven đường biết, rất thương, rất trọng, đem võng, đem ngựa ra cho Đại Độ. Ông bảo:

- Đa tạ, đa tạ... Tôi nghiêm trị phép nước răn những bọn quan lại cậy quyền, không biết có quá tay không? Tôi dắc tội với Chúa, vì giết người có công ở Trấn Biên, nên phải tự mình trị tội mình trước như thế này.

Dân chúng thương nói:

- Dẫu có mắc tội, thì cứ đi ngựa, đi võng rồi đến cửa thành tự trối mình, tự đeo gông cũng được.

Đại Độ nói:

- Đa tạ các vị có lòng thương ta, nhưng tội có ngay từ khi mắc rồi, còn đi ngựa, đi võng như lúc đang làm quan, lúc chưa có tội sao được?

Nhiều người mang thịt gà rang, cá muối tặng cũng không nhận, chỉ ăn cơm với cá mắm như cơm tù vậy.

Dọc đường, lão Trịnh theo hầu, rất thương, biết tính Đại Độ không dám khuyên bảo gì thêm. Đại Độ thường bảo:

- Ta ngẫm thấy có tội với Chúa thượng, mới phải kham khổ như tù nhân, còn ông, ông tội tình gì đâu, cứ ăn uống bình thường, kéo gục ở ngang đường đấy!

Liên gọi rượu thịt ở quán cho người đẩy tới già. Lão Trịnh ứa nước mắt, nói:

- Tôi nhìn quan ruột xót như vò, nỡ lòng nào mà ăn ngon được. Tôi cũng ăn cơm cá mắm như quan thôi...!

Hai thầy trò đi bộ rông rã một tháng trời mới về tới kinh thành, đi thẳng vào bộ Hình. Đại Độ dâng đơn lên quan Thượng thư rồi đi thẳng tới nhà ngục, chịu giam để chờ xét xử.

Bộ Hình đem việc tâu lên. Chúa Nguyễn Phúc Hoạt truyền cho vào.

Thấy Đại Độ vào trước sân điện, còn đeo gông, tụt trói, râu tóc mọc đầy, thân hình tiều tụy, không dám đến gần, chỉ quỳ từ xa, kêu lên:

- Thần có tội. Xin Chúa thương minh xét!

Chúa rất thương, bèn cho thái giám truyền lệnh tháo gông, cởi trói, ban cho triều phục, rồi phủ dụ rằng:

- Quan võ ra biên trấn, bắt ca nhi hầu hạ, nếu phạm một vài lần, cũng thương tình xa nhà có thể châm chước, nhưng bọn họ tuổi trẻ sa đà, lòng dục không cưỡng được, mắc hết tội này đến tội khác, Khanh chém là phải. Lại tự nghiêm khắc với mình, tụt trói, gông mình, dân chúng thấy rõ quan của triều đình có người công minh, chính trực như thế, tức là làm sáng uy đức cho ta, thì có tội gì?

Mấy hôm sau thăng Đại Độ làm Tuần phủ Gia Định, sau đó lại làm khâm sai đi tuần sát năm tỉnh, uy danh rất lừng lẫy...

Tuy vậy, Đại Độ đến đâu cũng rất giản dị, khiêm nhường, hết lòng vì công việc, tận tụy đến nỗi gục bèn án mà chết, người hầu cũng không biết.

Già Trịnh theo về quê, và suốt đời ở lại chăm nom phần mộ cho Đại Độ.

1998

Người giữ thành Hà Nội

Lái buôn Jean Dupuis là một tên phòng nhì có hạng. Hắn được thủy sư Đô đốc của nước Cộng hòa Pháp rất tin dùng, phái đi tìm đất mới.

Hắn đã đi một hải thuyền lớn từ phía biển vào, treo cờ Trung Hoa, cập bến sông Hồng. Trấn thủ Bắc Thành, được chỉ dụ của Vua nhà Nguyễn, phải hết sức lưu ý mọi hành tung của gã. Chưa yên lòng, Vua lại gọi đại thần là Thái tử Thiếu bảo Nguyễn Tri Phương đến và nói:

- Trẫm biết khanh là bấy tôi lương đồng của triều đình, công lao phò vua giúp nước đã gần trọn đời. Khanh đã đến tuổi cổ lai hy, song quốc gia lâm nguy, sát phu hữu trách, huống chi một huân thần như khanh. Trẫm đọc tờ biểu xin ra trận của khanh mà ứa nước mắt. Người hết lòng vì nước không thiếu, nhưng Bắc Hà phải giao cho khanh mới được, khanh phải vì Trẫm mà ra giữ cho được đất hiểm yếu ngoài ấy thôi!

Nguyễn Tri Phương, râu tóc bạc phơ, lay hai lay trước mặt rồng, rồi tâu, tiếng vẫn còn sang sảng:

- Thần sinh ra để hoạt động, lại được Hoàng thượng tin cậy. Thế giặc đang bành trướng, o ép ta. Ngoại bang rất mạnh, nhưng lòng dân Việt Nam ta đâu có chịu khuất phục. Thần xin được ra trấn nhậm Bắc Thành cùng với chức trấn thủ ngoài ấy.

Ngày hôm đó Khâm sai đại thần Nguyễn Tri Phương được lệnh lên đường ngay. Ông đi cảng ra cửa biển Thuận An, rồi từ đó giong buồm đi thẳng ra Bắc, vợ con cũng không kịp đưa tiễn.

Vừa đến chiều hôm trước, sáng hôm sau ông đã cho triệu Tổng đốc Hà Nội Bùi Thúc Kiên và án sát Nguyễn Trác đến hỏi han tình hình.

Bùi Thúc Kiên và Nguyễn Trác là những kẻ muốn có chức to, nhưng lại nhút nhát. Tuy mọi chỉ dụ của Triều đình Huế ban xuống, Kiên và Trác có làm cả, nhưng chẳng việc nào đến đâu đến đâu. Chẳng qua chỉ bày biện, sai phái để mọi người thấy là mình vẫn "cúc cung tận tụy", rồi sau đó, nếu không có "động dụng" gì thì bọn họ lại mải lo chuyện thu gom thuế má, trông chờ những thương nhân đến lo lót các việc, và hai vị đầu tỉnh lạng lẽ chia nhau bổng lộc.

Nguyễn Tri Phương hỏi Bùi Thúc Kiên:

- Hiện nay, điều ông lo lắng ở Hà Nội là điều gì vậy?

- Bẩm quan Khâm sai, tôi rất ngại bọn giặc Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc. Chúng đóng quân ở ven đô, quấy nhiễu, cướp bóc, dân tình ca thán lắm.

- Còn chiếc thuyền buôn của tên Đồ Phổ Nghĩa (Jean Dupuis) thế nào?

Bùi Thúc Kiên áp ứng:

- Tôi cho là gã lái buôn này không có gì nguy hiểm, chẳng qua chỉ là hần mũi lỗ, tóc quăn nên dân mình làm khó dễ cho hần mà thôi.

Nguyễn Tri Phương rất giận Bùi Thúc Kiên, cho y làm quan Tổng đốc mà đánh giá việc và người chỉ nhìn ở cái vỏ bên ngoài, không nhìn thấu lõi bên trong. Nhưng ông cố nén, vì ông biết rằng vẫn phải dựa vào Kiên, vào Trác ông mới làm tròn được chức phận mình. Nguyễn Tri Phương rút ở tay áo đại trào ra một bức ảnh và nói:

- Ông thử xem bức ảnh này!

Kiên khúm núm đỡ lấy đưa lên mắt. Đồ Phổ Nghĩa đang được Thuý sư Đồ đốc đóng ở Gia Định tiếp ở buồng khách.

Nguyễn Tri Phương nói:

- Một tên lái buôn chỉ với một chiếc tàu thủy thôi, thì làm sao lại được tiếp đãi riêng trịnh trọng đến thế. Ông quên rằng Đồ Phở Nghĩa là tên lái súng ư?

- Bẩm đại quan!

Nguyễn Tri Phương đứng dậy, đi đi lại lại trong phòng:

- Nó đem súng ngược lên Vân Nam bán, lại được cả Tổng đốc Lương Quảng cấp giấy cho chở súng đi... Chẳng qua là chúng mượn cớ dò xét đường đi lối lại và tình hình Bắc Hà mà thôi, chứ buôn bán gì! Bây giờ hẳn đã đem vũ khí bán xong rồi, chở hàng hoá từ Vân Nam về, đem bày bán công khai ở trên bờ, bọn buôn bán ở ba mươi sáu phố phường háms lợi đều xô đến hỏi han, xem hàng, nó liên hệ với người của nó thì liệu quan Tổng đốc có kiểm soát nổi không?

Bùi Thúc Kiên đứng ngây ra như tượng gỗ, chấp tay cung kính không dám nói năng gì. Thực ra người Pháp thường gọi Nguyễn Tri Phương là Phó Vương. Chúng biết Tự Đức rất yêu quý ông. Ông đã trải thờ ba đời vua, từ một viên thuộc lại trở thành một đại thần... Ông lại là người đánh Nam dẹp Bắc, dám lấy giáo mác, cung tên, thành luỹ và lòng người chống lại đại bác, tàu đồng... Trận chiến ở Đà Nẵng, người Pháp do bị cắt đường hậu cần mà phải tháo neo rút chạy. Trận ở đồn Kỳ Hoà, em ông là Nguyễn Duy bị chết tan xác vì đại bác, ông bị thương nặng, đồn mất, nhưng quân Pháp ở Gia Định khiếp vía vì đội quân nghĩa dũng do đích thân hai anh em Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Duy chiêu tập, và hệ thống phòng tuyến chiều sâu do Nguyễn Tri Phương kiến tạo.

Nguyễn Tri Phương ngao ngán cho gã quan đầu tỉnh.

Ông nhìn Bùi Thúc Kiên mà lòng buồn vô hạn. Ông cảm thấy những điều chẳng lành sắp xảy đến cho đất nước này, khi những bọn mặt trắng, khéo mồm mép như lũ Kiên, Trác vẫn cứ hàng được tin cậy, giao cho trách nhiệm lớn.

Ông thở dài. Kiên và Trác vẫn đứng như trời trồng. Ông nói:

- Giam chân bọn Đồ Phổ Nghĩa ở Hà Nội. Những thuyền muối của hắn định đem bán cho Vân Nam, và các hàng hoá khác, hãy cho người đến canh giữ để thỉnh lệnh triều đình đã.

- Tuân lệnh đại quan, tôi xin làm ngay.

- Ông cho người mời Lưu Vĩnh Phúc, tướng Cờ Đen đến đây cho tôi gặp - Nguyễn Tri Phương nói với Kiên.

- Đại nhân muốn gặp tướng Cờ Đen?

Nguyễn Tri Phương không nói, ông ra án thư, thảo một bức thư ngắn, lời lẽ rất trân trọng, phong lại, đưa cho Kiên:

- Thư của ta đây, ông cho đưa đi ngay, không được để chậm trễ!

Quan Tổng đốc chỉ biết thừa lệnh không dám bàn bạc gì thêm cả.

*

Nguyễn Tri Phương đã gặp gỡ nhiều nhân vật có tiếng ở Hà Nội. Nhiều người tha thiết xin được vào thành làm quân tình nguyện chiến đấu. Trai tráng, phu phen điều bao nhiêu đủ từng ấy. Có người xông xộc vào phủ, râu tóc dựng đứng cả lên, xin được đưa một ngàn quân ra bến sông bắt sống Đồ Phổ nghĩa, đốt cho cháy trụi cả đám thuyền buôn của hắn, để cho hắn bớt thói ngông ngạo, đám trịch thượng với quân dân một miền đất ngàn năm văn hiến.

Ông tướng bảy mươi hai tuổi bồi hồi xúc động cầm lấy tay tráng sĩ mà an ủi:

- Việc nước phải kiên nhẫn, không nóng vội được, xin tráng sĩ hãy cứ về, luyện tập quân sĩ, nếu có việc tôi xin cho người đến triệu ngay.

Nguyễn Tri Phương xem xét lại kho vũ khí lương thảo, các điểm trọng yếu ở bốn cổng thành. Quan trọng hơn cả, ông gọi các

viên chuông cơ, cai cơ đến, bắt xem xét lại đến từng ngũ, từng đội, từng cơ binh, tuyển chọn những người gan dạ, thiện chiến ở lại, còn những hạng lính chưa quen trận mạc thì điều ra phía ngoài cho quân tứ trấn. Ông bố trí tập trung mấy chục khẩu súng thần công ở Cửa Bắc, nơi ông cho rằng quân địch khi tấn công nhất định sẽ đánh thẳng vào mặt này, vì thế rút của chúng ra phía sông sẽ thuận tiện hơn.

Vừa lúc ấy thì Tổng đốc Bùi Thúc Kiên và Án sát Nguyễn Trác lại đến. Mấy bữa nay nhờ làm việc bên cạnh quan Khâm sai, Kiên và Trác xem đã mẫn cán hơn. Kiên nói:

- Thưa đại thân, có mặt chỉ từ trong kinh ra!

Nguyễn Tri Phương vẫn hết sức điềm tĩnh. Ông quay vào trong phòng mời Kiên và Trác cùng vào, đuổi hết những người thân tín ra, nhận mặt chỉ giờ ra xem. Ông lại thở dài.

Bùi Thúc Kiên hỏi:

- Bẩm đại nhân, Hoàng thượng chỉ dụ gì vậy?

- Triều đình dặn không được để cho quân lính và dân chúng va chạm với bọn Đồ Phổ Nghĩa, hãy thôi không để lính canh giữ thuyền muối để y có thể đi Vân Nam được...

- Thế nghĩa là cứ để chúng nó muốn làm gì thì làm!

Quan Khâm sai lại thở dài:

- Chiếu chỉ đã ghi rõ, không thể không theo. Người đem chiếu ra Bắc cho ta biết đại uý Ngạc Nhi (Francis Garnier) đã đem quân ra Hà Nội để thương thuyết. Để ta chờ xem thái độ của quân Pháp thế nào! Thôi hai ông có thể lui được.

Viên Hiệu uý hầu cận vào báo:

- Dạ có tướng giặc Cờ Đen là Lưu Vĩnh Phúc đến.

- Mời người ta đến, lời lẽ phải cho phải phép!

Nguyễn Tri Phương nói đoạn, vội vã xô dép đi ra ngoài trường đón khách.

Lưu Vĩnh Phúc đã bước vào đến bậc thềm, thái độ ngang tàng, đáng mặt một anh hùng mã thượng. Ông ta xá quan Khâm sai trước. Nguyễn Tri Phương đáp lễ rồi ân cần nói:

- Nghe danh tướng quân đã lâu. Hôm nay mới gặp mặt!
- Đa tạ, đa tạ. Tôi cũng rất khâm phục công tích của đại nhân.
- Không dám, không dám! Mời tướng quân vào.

Nguyễn Tri Phương gọi người đem rượu ngon và thức nhắm đến, uống với Lưu Vĩnh Phúc mấy chén rồi mới bàn việc. Ông nói:

- Tướng quân là người có chí lớn. Tôi chắc ông sang nước chúng tôi, chỉ là hùm động rừng tạm náu, chờ cơ hội thôi!

- Đúng vậy!

- Ông chắc căm ghét người Tây Dương lắm!

- Ô, cái bọn đi cướp nước người ta, làm sao chịu được. Phải đánh! Phải đánh!

- Tôi muốn nhờ cậy ông một việc, ông có giúp được không?

- Xin đại nhân cứ nói. Nếu làm được thì Vĩnh Phúc này đâu dám từ nan!

- Hẳn ông đã biết bọn Đồ Phổ Nghĩa đang gây gổ với chúng tôi!

- Tôi biết!

- Ông thấy thế nào?

- Tôi như ngài thì cho lính gõ cửa nó lại, đem về phủ đường đánh cho thịt nát, máu rơi, rồi vớt về thuyền xem nó có làm gì nữa không!

Nguyễn Tri Phương thấy Lưu Vĩnh Phúc không phải là một tên tướng cướp dân chúng vẩn độn đại. Đúng là ông ta có một chí hướng, song chưa gặp thời để thi thố. Ông cầm lấy tay Phúc, ôn tồn nói:

- Quân Pháp đang kéo ra Hà Nội. Lấy việc chúng gây hấn ở Đà Nẵng, ở Lục tỉnh mà suy, thì dữ nhiều, lành ít. Tôi đang lo đốc thúc quân sĩ để lại giáp chiến với chúng một phen.

- Tôi xin đem quân đến cùng giữ thành với đại nhân!

- Đa tạ tướng quân! Tướng sĩ của ta cũng đủ. Giữ thành là kế vạn bất đắc dĩ. Nếu ta có thực lực, có phương tiện thì bọn Pháp kia có gì phải bận tâm. Nhưng súng đạn của chúng quả lợi hại, mà quân ta thì chưa có để đối phó lại. Ta phiền ông nếu như giặc đánh thành, thì ông sẽ đem quân đánh vào sau lưng chúng cho ta. Ông thấy thế nào?

- Một lời đại nhân đã tin cậy vào Lưu Vĩnh Phúc, thì Phúc này xin đem hết sức vì đại nhân.

- Tôi biết thế nào ông cũng nhận lời. Hiện nay ông có cần chúng tôi giúp đỡ không?

- Tôi không chủ động được lương thực, do đó quân lính lắm lúc làm quá, phải đi cướp bóc. Đó là điều cực chẳng đã. Xin được đại nhân cấp cho lương thực.

Nguyễn Tri Phương lấy giấy viết cho quan địa phương lo lương thực cho quân Cờ Đen, rồi đóng ấn Khâm sai đại thần vào, giao cho Phúc.

Phúc đỡ lấy, vái tạ rồi lui.

Francis Garnier đã đem quân đến Hà Nội. Y cho đóng quân, lấy dây thép gai, căng lều đào hầm, cho quân thuỷ lên bộ đóng đồn. Tàu chiến vẫn cập ở bờ sông. Những tên lính Pháp ăn mặc ngộ nghĩnh, khiến ai cũng phải để ý...

Hà Thành xao xuyến hẳn lên. Nhiều nhà buôn lớn đóng cửa. Có người cẩn thận, đem những hàng hoá quý, rời hẳn sang bên Gia Lâm, sợ biến cố xảy ra. Nguyễn Tri Phương cho nổi trống tiền nghiêm, đốc thúc quân lính canh phòng cẩn mật, lại phái những đạo quân do thám dò xét hành tung của quân Pháp.

Tại sở chỉ huy ở Đồn Thuỷ, Garnier ngồi với Giám mục Puginier và Jean Dupuis cũng chờ đến những món quà quý để biểu các sĩ quan tùy tùng và Ganier. Hắn cũng tặng Giám mục Puginier một cây thánh giá bằng bạc.

Garnier hỏi Dupuis:

- Đã đánh được thành Hà Nội chưa?

- Làm gì mà không đánh nổi. Tôi được cầm quân như ngài, nhất định tôi sẽ đánh.

- Ông làm như đánh thành dễ như trẻ con ăn kẹo vậy!

- Đúng, còn dễ hơn thế. Ông có đại bác bắn từ xa, có súng bắn gần, một cỗ pháo của ông có thể phá tan thành, mà lối đánh phương Đông phải dùng hàng ngàn, hàng vạn người mới đánh nổi. Một tay súng của ông có thể chấp năm chục tên lính cầm giáo mác của Nguyễn Tri Phương. Không đánh là bỏ lỡ cơ hội, sau sẽ hối tiếc!

Garnier quay sang hỏi Puginier:

- Đức cha thấy thế nào?

Puginier vẫn còn đang mải mê ngắm nghía cây thánh giá bằng bạc, được hỏi, thủng thẳng trả lời:

- Tôi cho rằng đánh là được, nhưng cũng phải trả giá đắt đấy. Liệu ông Garnier có giữ nổi đất, nổi thành ở đây không? Nguyễn Tri Phương là một tướng tài. Người Pháp đã biết tài cầm quân của ông ta ở Đà Nẵng. Với thành Hà Nội, ông ta càng phải cố giữ. Ta rất nên phải thận trọng.

Dupuis xoay ra khích Garnier, nói bỏ lửng một câu:

- Cái phút trời cho làm người hùng thời cuộc mà không làm là tự mình thôi!

Garnier rất chú ý câu nói ấy. Hôm sau hắn đến gặp Nguyễn Tri Phương, bắt phải mở cửa thông thương trên sông Hồng. Nguyễn Tri Phương cười gằn hỏi:

- Người Pháp định biến đường sá, sông ngòi của chúng tôi thành của nước Pháp hay sao vậy? Các ngài muốn đến đâu cũng được, muốn yêu sách gì chúng tôi cũng phải làm ư?

Garnier ngang ngược nói:

- Các ông không chịu làm, chúng tôi sẽ có cách bắt các ông phải thi hành.

- Việc ấy thuộc về các ông, nhưng dân chúng tôi yêu đất đai, sông núi lắm đấy! Đụng vào của họ là phải bỏ xác lại đấy!

Garnier sầm mặt lại không nói gì. Nguyễn Tri Phương nói tiếp:

- Ông được Suý phủ Nam Kỳ cử ra đây bàn chuyện Jean Dupuis. Gã lái buôn đến đất người ta, tự tiện mua bán, không xin phép ai, lại còn yêu sách làm nhiều điều kích động đến sự yên bình của dân chúng. Một lần nữa, Dupuis phải lập tức rời khỏi Hà Nội và ra khỏi đất nước tôi.

Garnier cười gằn, rồi cáo từ ra về.

Ngày hôm sau, Garnier thuê tay chân đem dán ở các nơi những tờ thông cáo của y về việc thuyền buôn nước ngoài sẽ ra vào tự do buôn bán, và thuế suất ưu đãi, do Suý phủ Sài Gòn khuyến khích.

Sĩ phu Bắc Hà tức lồng lên. Nhiều người tự xé tờ bố cáo đem đến cho quan Khâm sai, đòi phải cất quân đánh chìm các tàu, thuyền của Garnier và Đồ Phổ Nghĩa. Nguyễn Tri Phương tiếp đại diện của họ. Ông bảo Bùi Thúc Kiên cho người đem gỡ hết cả những tờ thông cáo ấy đi. Tin đồn đến Garnier, hắn chỉ chờ có thế để lấy cớ đánh thành.

Nguyễn Tri Phương cho đem những đồ đánh trả lên mặt thành để quyết tử chiến. Quân sĩ cật lực đem tên, chất cháy, dồn hết lên mặt thành. Lại chọn những người cảm tử canh giữ ở các cổng thành chính. Nguyễn Tri Phương cho rằng, Garnier chỉ dọa thôi, chứ không dám đánh thành. Bởi hắn vào sâu đất ta, đánh có nhiều điều bất lợi. Trận Đà Nẵng, hắn là hắn không thể không nghĩ đến. Đà Nẵng ở sát biển, trở lui về Nam Kỳ còn nhanh. Nhưng ở Hà Nội,

nếu chỉ cần Nguyễn cầm cự được khoảng mười hôm, dân chúng phía ngoài lại tổ chức dân binh đánh vào đồn Pháp, lại có quân Cờ Đen giúp sức, hẳn Garnier sẽ chuốc lấy thất bại.

Nhưng súng đã nổ ran ở bốn mặt thành... Jean Dupuis lộ nguyên hình là một tên lái buôn đội lốt tình báo. Tiếng súng nổ ran, nhà cửa trong băm sáu phố phường rung chuyển. Lần đầu tiên Hà Nội nghe tiếng súng lớn đến như thế. Hà Thành nhộn nhạo hẳn lên.

Những quả pháo lớn bắn gần phá vỡ từng mảnh tường thành lớn. Lợi dụng lúc khói pháo toả bay mù mịt, Garnier cho quân bắc thang treo vào thành, rồi mở cửa thành để quân Pháp ồ ạt kéo vào. Ở mặt chính diện, Nguyễn Tri Phương vẫn oanh liệt chống trả. Nhưng bỗng phía sau rối loạn hẳn lên. Viên Hiệu úy đang phải thúc quân xông vào chém giết, ngăn cản những cánh quân Pháp từ cửa Đông kéo đến đánh sau lưng quân của Khâm sai đại thần.

Hàng loạt những tráng binh quả cảm ngã trước làn đạn lửa của quân Pháp.

Quân Nam bắt đầu hỗn loạn...

Đại bác của Garnier vẫn bắn dữ dội vào cửa Đông Nam. Nguyễn Tri Phương cũng đã nã được mấy loạt đạn thần công vào bọn bắn pháo của quân Pháp...

Nhưng bỗng nhiên ông ôm bụng quy xuống. Một mảnh đạn đại bác đã trúng vào người ông... Quân Pháp hò reo trong đánh ra, ngoài đánh vào... Quân Nam bị dồn lại từng cụm. Họ vẫn đang huyết chiến.

Riêng Tổng đốc Bùi Thúc Kiên và Án sát Nguyễn Trác đã cuốn gói tự lúc nào...

*

Nghe tin thành Hà Nội thất thủ, Nguyễn Tri Phương bị thương nặng, Lưu Vĩnh Phúc học lên một tiếng rồi buột miệng chửi:

- Tỉu hà má à! Thằng Garnier lão quá mà!

Mặt ông đỏ phừng phừng, môi mím lại, hai tay nắm chặt.

Những vệ sĩ bên ông chưa bao giờ thấy chủ tướng nổi nóng như thế.

*

Nguyễn Tri Phương được Garnier đưa về một phòng nhỏ, cạnh chỉ huy sở của hắn. Hắn cho bác sĩ giỏi ngày đêm chăm sóc quan Khâm sai đại thần...

Garnier để Dupuis và viên trung uý đóng quân ở trong thành, còn mình thì đóng quân ở Đồn Thủy. Chính y đã đến bên giường Nguyễn Tri Phương thăm hỏi, đem theo cả lê, táo sang trọng từ Suý phủ ở Sài Gòn mới gửi ra. Y nhìn Nguyễn Tri Phương với con mắt kẻ cả như bất cứ một tên lính thực dân nào, song trong bụng y không khỏi cảm phục ông tướng già xứ An Nam này. Y nói:

- Người Pháp rất kính trọng ông, ông Nguyễn Tri Phương ạ.

Nguyễn Tri Phương không thèm đáp lại, chỉ nhắm nghiền mắt như đang ngủ.

Garnier vẫn kiên nhẫn nói:

- Nếu ông chịu đầu hàng người Pháp thì chắc chắn ông sẽ vinh quang, giàu có nhất nước Nam này.

Nghe lời thông dịch, Nguyễn Tri Phương đang nằm liền quay mặt vào tường. Mặc dù khi trở mình ông rất đau đớn, song lúc ấy người ta thấy ông trở mình thật gọn...

Garnier thấy đường, sữa, hoa quả còn nguyên ở trên bàn, liền kéo viên bác sĩ người Pháp ra hỏi:

- Ông ta không chịu ăn uống gì ư?

Viên bác sĩ gật đầu.

Garnier thở dài.

*

Được tin Francis Garnier đem quân tuần tiễu một vòng quanh ngoại thành Hà Nội, Lưu Vĩnh Phúc mừng lắm. Ông gọi viên phó tướng lên nói:

- Ông lấy ngay cho ta một trăm quân tinh nhuệ. Cho họ ăn uống tử tế, nhớ đừng cho uống rượu nhiều, đợi lúc nào ta cần đến thì lên đường ngay.

- Xin tuân lệnh!

- Trận này ta đánh phải thắng. Nguyễn Tri Phương không coi ta là giặc, đối đãi với ta như bậc thượng khách. Con mắt xanh ấy, đến ngay người ở bên nước Trung Hoa mấy ai đã có!

- Quả thế đấy!

- Hôm qua ta nghe tin Nguyễn Tri Phương đã nhịn ăn cả tháng rồi chết, giặc ngày đêm săn sóc dụ dỗ đủ đường cũng không lay chuyển nổi ông. Con ông là Nguyễn Lâm từ Huế ra, đường đường một ông phò mã, mà tận trung tận hiếu. Gương nghĩa liệt của hai cha con quan Khâm sai nước Việt này, thử hỏi kém gì những người trung liệt lừng danh ở Trung Hoa... Ta kính phục lắm. Ông sửa soạn hương án để ta thân lạy trước bài vị cha con ông ấy, các tướng sĩ cùng viếng ông ấy, rồi ta sẽ ra quân.

Viên phó tướng thi hành ngay. Lễ viếng Nguyễn Tri Phương được tiến hành rất long trọng ở một ngôi chùa ven Cầu Giấy. Lưu Vĩnh Phúc nói trước hàng quân:

- Khâm sai đại thần Nguyễn Tri Phương quý ta, trọng ta, tức là quý trọng anh em. Quân Tây Dương ngang ngược. Bọn Hồng Mao đang lăm le nhảy vào Trung Quốc, bọn Pháp thì cướp mấy tỉnh

Nam Kỳ rồi. Đánh Pháp ở Hà Nội tức là trả mối thù chung cho cả quan Khâm sai và chúng ta. Anh em nghĩ thế nào?

- Sát! Sát!

Chiều hôm ấy, Lưu Vĩnh Phúc cất quân đi ngay. Ông cho đóng quân áp sát cửa ngõ phía Tây thành Hà Nội dò xem đường hành quân của Garnier. Gã quan ba này cậy có súng, y chỉ mang theo hai trung đội lính... Hắn đi từ Ô Chợ Dừa lên phía Cầu Giấy. Hắn cũng đang lần mò tìm chỗ đóng quân của tướng Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc. Hắn vừa đi đến quãng đường hẹp, bên dưới là đầm ao, phía bên phải toàn là tre pheo, thì nghe ba tiếng pháo nổ lớn. Quân Cờ Đen từ trong làng xông ra vây kín bọn Francis Garnier lại. Mấy tên đi đầu chưa kịp nổ súng thì một rừng dao sáng loáng dựng lên tua tủa và cứ nhằm vai của bọn Pháp mà chém.

Một số tên khác bị trúng tên, Garnier cuỗi ngựa, y vừa rút súng ra đã bị câu liêm móc cổ xuống, và một lưỡi gươm nhọn xọc thẳng vào giữa ngực. Thanh gươm còn để lại trên ngực viên võ quan người Pháp với mảnh giấy đỏ dính trên cán gươm:

- Vì Nguyễn Tri Phương mà trả hận!

Phía dưới có dòng chữ nhỏ đề tên: Chủ tướng Cờ Đen - Lưu Vĩnh Phúc.

1994.

Quan Tổng đốc họ Hoàng

Tại phủ đường quan Tổng đốc Hà Ninh Hoàng Diệu, đã đủ mặt các quan đầu trấn. Ngồi trên ghế bọc da hổ dù là người gánh vác trên vai việc mất còn cả một phương quan trọng của Nhà nước, quan Tổng đốc vẫn giữ nguyên vẻ nho nhã, cẩn trọng. Ông ra Bắc trọng nhiệm, kể đã ba năm. Ngày chịu mệnh vua ra trấn thủ Bắc Hà, ông biết lành ít dữ nhiều. Ông là người miền Trong, trung trực, khẳng khái. Dù sao, Quảng Nam vẫn là đất mới. Người Thăng Long, nơi đế đô văn vật nghìn năm, vỗ yên được trăm họ, thu phục được kẻ sĩ, đâu phải chuyện dễ. Huống chi, thành Hà Nội, sau khi xảy ra vụ Dupuis và Garnier, đánh thành lần thứ nhất, Võ hiền đại học sĩ⁽¹⁾ nhịn ăn mà chết, triều đình Huế, ở xa, lòng người ly tán. Giặc phương Bắc, phương Nam nhòm ngó, phá rối, liên miên, không lúc nào yên. Một cửa Ô Quan Chưởng, chỉ tám "chú khách" quấy rối cũng đủ mệt, huống hồ, hiện nay, khu đồn trú chò hải thuyền và quân lính Pháp ở mé Chương Dương, Đồn Thủy lại càng nhiều nhương. Tình thế hiện giờ so với thời gian Võ hiền Nguyễn Tri Phương trấn thủ đã khác xa. Ngày ấy, quân Pháp từ Hà Nội đổ bộ lên, chưa đầy ba tuần, lấy liền bốn tỉnh: Hà Nội, Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định. Sau đấy, sĩ khí sôi sục, quân nghĩa khắp nơi, tự đánh trả giặc. Kịp đến Garnier, bị chém chết ở Cầu Giấy, khiến giặc chưa dám đánh chiếm mà rút quân. Chúng gây thanh thế chờ đến một dịp khác.

Bây giờ sáu tỉnh Nam Bộ, giặc đã hoàn toàn chiếm giữ. Các cửa biển Cần Giờ, Hải Phòng, chúng đều khống chế. Những chuyển

⁽¹⁾ Nguyễn Tri Phương.

thuyền buôn của bọn khách trú lại tiếp tay cho giặc Pháp, ngầm chở thuê súng đạn, để chúng tích trữ đầy ở các trại lính ven sông. Tin tức các thám tử báo về cho biết, lính Tây thuê người lên xuống bến sông rất nhiều. Lại có tin bọn khách buôn ở Hàng Buồm, đang chứa chấp đạn dược, đồ ăn đồ uống cho quân Pháp. Tàu đồng có ống khói to, lại cập bến Phà Đen. Bọn lính Pháp vận chuyển bằng lừa ngựa thâu đêm. Quân quan ta đòi khám xét, chúng liền cho bọn lính sẵn súng ống đạn dược, sẵn sàng gây sự.

Cứ mười ngày một lần, theo đường ngựa trạm lưu tinh, Hoàng Diệu lại gửi mật báo lên Nhà vua. Chuyển thư gửi sang trại lính Pháp vừa rồi, ông không còn giữ gìn chi nữa, nói hết mọi sự tình. Bọn giặc Pháp đứng đằng sau, thả cho quân lính làm càn, gây rối, khiêu khích. Mấy lần chúng dọa đánh thành. Chúng tăng quân, tăng tướng. Chúng nghênh ngang ra vào, vượt khỏi đất qui định, làm điều càn rỡ. Thư gửi sang, tướng chỉ huy quân sĩ của chúng đều làm lơ, không phúc đáp. Việc hoành hành của giặc Pháp ngày càng quá quất.

Hoàng Diệu xin Tự Đức tăng viện thật sớm cho thành Hà Nội. Ngoài việc dâng thư thông thiết lên Nhà vua, chính ông còn thảo thư riêng cho Viện Cơ Mật, biện bạch rất rõ mưu đồ lấn lướt của địch, những điều gấp rút cần phải có, để may ra cứu vãn được tình hình. Nhưng khi có mật chiếu đáp lời, ông hy vọng được Nhà vua và Viện Cơ Mật thể tình cho kẻ viễn trấn, ngờ đâu, Vua lại buông lời quở trách, cho rằng, ông quá vể uy thêm cho giặc; không biết sử dụng quyền mưu. Viện Cơ Mật buộc ông tội nói những lời làm mất chủ trương hoà hiếu hiện nay của triều đình.

Làm lễ nhận mật chiếu vừa xong, mắt ông hoa lên. Ông biết cái chết đã chờ mình ngay từ phút ấy. Đêm ấy, trần trọc không ngủ được, khi thiếp đi, ông mộng mị liên miên. Giấc mơ cũng không được yên ổn. Ông mộng thấy những hình ảnh chớp vá: gia cảnh thanh bạch, vợ con vò võ, gia đình ly tán gần suốt đời người. Khi thấy mình bản thân trước đám loạn quân, uất ức, kẻ chạy lên, người

chạy về, người giậm chân tức tối phe chủ hoà; người hăng hái chạy theo đám quân tử chiến với toán quân người Pháp, lấn sâu vào đất quê mình. Lúc lại mơ thấy quan Võ hiển đại học sĩ Nguyễn Tri Phương. Ông mừng vui vãi chào. Nguyễn không nói năng gì, chỉ nhìn ông với nỗi đồng cảm sâu sắc, rồi nắm đốc gươm, đi dọc bờ thành, lên Cửa Bắc đốc chiến. Dáng quan Võ hiển lồng lộng, cao lớn, đứng như lấy lưng mình che cho cả kinh thành Thăng Long. Phía ngoài thành, giặc Tây đông nhưng nhúc như dòi bọ. Chúng bắn đạn nhỏ vào ông, không ăn thua. Chúng liền đẩy cỗ đại bác nhằm thẳng vào ông mà bắn. Ông vẫn không nhúc nhích, giật mình tỉnh dậy, Hoàng Diệu cảm khái vô cùng. Ông gọi lão bộc đem cho một đĩa hoa cúng, một bát nước mưa, một tuần nhang, và ông bày hương án lễ bái vọng quan Võ hiển.

Rồi quay vào, ông cầm quyển binh thư, đọc kỹ chỗ mình lưu ý. Ông cảm thấy như mình đang lặp lại sự tích của Nguyễn Tri Phương chống giặc ở thành này, mười năm về trước. Được cử ra giữ thành Hà Nội, ông đã tâu lên Tự Đức: "Thành phải giữ từ xa, nay giặc ngấp nghé sát chân thành rồi thần cũng không giữ nổi nữa. Nhưng việc lớn được giao trong lúc xã tắc đang thế này, dầu gan nát óc lầy, thần đâu dám viện khó khăn mà từ chối".

Hoàng Diệu thở dài, lại đắm mình vào những trang sách. Viên tùy tướng thân tín, từ phía ngoài vào, dáng có vẻ lo lắng, vội vàng. Khi người lão bộc vào trình, Hoàng Diệu vội vã cho gọi anh ta vào ngay. Ông xốc áo, ra tận thềm ân cần đón. Người tráng sĩ trẻ tuổi cảm thấy an tâm, khi được bàn tay mềm mại, thon nhỏ, thân mật, nắm vào bàn tay võ rắn chắc của mình. Quan Tổng đốc hỏi:

- Hiệu uý vừa đi tuần về!

- Bẩm đại nhân, tôi vừa đi một vòng từ Nghi Tàm lên tận làng Vạn Phúc. Giặc bí mật chuyển quân, cho thuyền đậu suốt từ Chèm Vẽ, Long Biên, Chương Dương, Đồn Thủy. Tin đồn đại, Tây đánh thành, đang loang ra khắp phường phố. Lòng dân nao núng lắm!

- Tướng quân kể cho ta nghe thử tình hình dân chúng ở nội ngoại vì xem sao!

- Nhà giàu chạy loạn về quê hết cả! Vỡng cẳng qua sông nườm nượp, thuyền bè thuê chở về miền Hải Dương, Hoài Đức cũng nhiều. Con trẻ khóc, kêu dậy bến sông. Người già thở ngắn, than dài suốt dọc đường! Đám dân tỉnh thành, gặp náo loạn bối rối ra mặt. Gạo, nước, thịt cá tăng vồn vọt, sáng một giá, chiều một giá.

Hoàng Diệu cau mặt hỏi:

- Bữa ăn của quân sĩ chúng ta thế nào?

- Dạ bẩm, tình thế này...

- Kham khổ lắm phải không? Miệng ta bữa nào cũng đắng nghét khi nghĩ đến cảnh nhọc nhằn của quân tướng, cảnh lâm than của dân chúng. Cái câu dân Nam Kỳ trách: "Triều đình khí dân", dè dàu lại rất đúng!

Ông lại hỏi:

- Hiệu úy có nghe tin thêm gì về quân tiếp viện của quan Tiết chế quân vụ Bắc Kỳ không?

- Dạ bẩm, trong quân cũng đồn đại nhiều về ông này lắm!

- Họ nói sao?

- Dạ, họ nói, ông này khôn ngoan, cầm cờ tiết chế trong tay, tinh binh còn hàng vạn, nhưng thường án binh bất động, chỉ chơi lối đèn kéo quân, khi thì tung tin sẽ tăng viện nội thành, khi thì lại nói cần đóng quân phía ngoài để làm thế ỷ dốc! Chỉ khi nào chắc ăn, ông ấy mới động binh.

Hoàng Diệu cười nhạt:

- Ta chỉ tin quân tướng ở trong tay ta thôi. Năm Quý Dậu, tướng Nguyễn Tri Phương đánh Đông dẹp Bắc, kiệt hiệt là thế, vậy mà, được cử ra giữ thành Hà Nội, xoay sở trăm chiều, rút cục, cũng chỉ còn biết lấy cái chết để đền nợ nước.

Vị tướng trẻ lặng thinh. Hoàng Diệu nói:

- Ta đoán chắc, giặc Pháp sẽ đánh thành ngày một ngày hai thôi! Chiều nay, Henri Rivière đưa chiến thư cho ta, lời lẽ xác xược, coi nước Nam ta như cá nằm trong bàn tay của chúng. Nhưng chúng lầm! Chúng làm sao hiểu hết người Nam mình! Thành này dầu có mất, đất đai có thể thuộc về chúng nhưng lòng người xả thân vì đất nước nghìn năm văn hiến này, bao lâu chúng mới thu phục nổi? Từ xưa đến nay, đã bao đạo quân cướp nước Nam này có đạo quân nào tránh khỏi hoạ diệt vong, chuốc nhục, cuốn gói trở về!

- Bẩm quan lớn, tôi đi ra vùng Gia Lâm, Chèm Vẽ, vào trong nhà dân, đâu cũng mong có người đứng lên, tập hợp quân nghĩa, quyết một trận sống mái với bọn Pháp. Nhiều người kể tội chúng mà râu tóc dựng ngược, lòng căm giận hiện ra từng cử chỉ. Lời nói, câu thề bốc lửa, tưởng có thể lăn xả bầm vằm bọn ngoại bang này ra mấy mảnh mới hả dạ.

- Ta cũng đã nghĩ đến những người áo vải ở chốn quê mùa ấy. Sau này, đất nước mở mặt được, cũng phải dựa vào họ. Từ xưa đến nay, gốc của thịnh suy cũng từ họ mà ra. Triều đại nào được dân cày yêu tin thì bĩ cũng thành thái. Gương sáng từ đời Vua Thái Tổ, Thánh Tông, Nhân Tông nhà Trần, nhà Lê còn để mãi đến giờ. Tiếc rằng, các vua sau, không chịu theo gương tiên tổ. Nhưng thôi, ta phiên tướng quân, cầm lệnh bài, đi tiếp bốn cửa thành, tướng lệ binh sĩ, quyết tâm sống chết với thành. Kẻ nào nhút nhát, thì chuyển sang làm việc lo cơm nước. Ai có nhiệt huyết, cất nhắc lên các chức ngũ trường, đội trưởng. Quân trên mặt thành, ta đã ra lệnh chu cấp thịt, gạo, vũ khí, các đồ đánh trả bọn công thành, khá đầy đủ. Ta cũng cử các tùy tướng thân tín trực tiếp đốc giữ bốn cửa thành. Từ đêm nay, ta và các quan Tuần phủ, Đề đốc, ty niết thay nhau đốc suất nghiêm mật. Dù là chuyện bấp bênh, ta cũng sai một tướng thân tín, đi cầu viện thêm ở dinh Bắc Kỳ quân vụ.

Viên tướng trẻ cầm lệnh bài, xá dài một cái rồi vội vã quay ra...

*

Hoàng Diệu đi đi lại lại trong suy phủ. Ông vừa cho người đi gọi các quan đầu trấn lại để thương nghị việc quân. Ông truyền từ chiều, mở tiệc khao thưởng quân sĩ, lấy bữa tiệc là nơi thề giữ thành, sống chết vì nước.

Suý phủ cũng mở tiệc, cho gọi đông đủ tướng văn, tướng võ, để cùng nhau, chia đi giữ bốn cửa thành. Một lát sau, Tuần phủ Lê Trinh, đã mũ áo chỉnh tề bước vào. Các quan thi lễ cùng nhau, rồi chia ngôi thứ ngồi vào chỗ của mình. Tổng đốc họ Hoàng ôn tồn đưa chiến thư của giặc, đọc trước cho các quan văn võ cùng nghe. Trong lúc nghe Hoàng Hữu Xứng đọc, ông liếc nhìn sắc mặt những người cộng sự với ông. Lê Trinh, giáp trụ chỉnh tề, chống gươm cần mồi suy nghĩ. Tôn Thất Bá, mặt lạnh lùng, không biết ông ta đang nghe chiến thư của giặc hay nghĩ chuyện gì tận đầu đầu. Hoàng Hữu Xứng đọc xong, khảng khái nói trước:

- Bọn này ngông ngạo, lời lẽ quá ư tự phụ. Chúng bắt ta nộp thành, hạ khí giới ư? Tôi là quan văn, nếu cần cũng xin lĩnh một ngọn giáo, trấn giữ một cửa thành. Người xứ Nghệ chúng tôi chỉ biết đánh giặc, không biết đầu hàng!

Hoàng Diệu gật đầu. Lời lẽ của quan Tuần phủ ít nhất cũng làm cho những người nhận trọng trách trước triều đình, nghĩ đến mệnh vua, nghĩ phút thành ải lâm nguy, cần chọn hoà hay chiến. Ông chủ động hỏi Tôn Thất Bá:

- Quan Án sát có mưu chước gì hay, xin cho nghe.

Bá ngồi im, lát sau lại nói:

- Chúng ta được Hoàng thượng uỷ cho việc lớn. Ba năm công cán ở Bắc Hà, đương đầu hết biến cố này đến sự kiện khác. Lúc lo

đắp đê phòng lụt, lúc chạy gạo, chạy vũ khí cho quân sĩ; lúc mềm lúc rắn với phái bộ người Pháp; lúc cử người mật giao với sứ bộ nhà Thanh; lúc xuống thuyền kiểm soát các thuyền buôn, thu hồi những hàng cấm lậu hành; tôi nghĩ, chúng ta cũng không hổ với chức phận. Song thế giặc thì đang cơn lửa lớn, lũ dâng; thế ta thì thành lớn mà hoá cô thành. Trong quân, quyết chiến tử thủ là chuyện người trấn thủ. Song, ta cũng phải lưu ý sao cho phù hợp với lòng dân, với ý muốn của triều đình. Tôi sợ cứng quá cũng hỏng việc. Trong Huế, phe hoà và phe chiến hàng chục năm nay vẫn tranh cãi chưa phân thắng, phụ. Mỗi lần, giặc lần lượt, triều đình chỉ biết ném đất xuống chỗ đê vỡ mà không biết rằng, những hòn đất ấy có hàn nổi đê hay không?

- Vậy ý ông thế nào? - Hoàng Diệu hỏi.

- Giặc đang khiêu khích, thế chúng đang mạnh. Một viên đạn đại bác đủ phá toang đất dày, đá cứng, thành nào giữ cho được. Chi bằng, ta lựa lời nói khéo. Chúng nghe, thôi không đánh càng may, bằng chúng đánh, ta mở cửa thành cho chúng vào, sau đấy, ta lại toan tính. Giờ đây, bốn mặt thành giặc đã vây. Dù quân sĩ đang sẵn sàng tử chiến, song nếu hoà hoãn được để sức quân thêm già dặn, thì cũng tốt chứ sao! Nếu cần đi thương thuyết, tôi sẵn lòng để dòng dây thả ra ngoài thành, dù là việc nguy hiểm, tôi cũng xin nhảy vào lửa bỏng⁽¹⁾.

Đề đốc Lê Trinh cau mày khó chịu, song lại ngồi im như tượng. Hoàng Hữu Xứng biết Bá là người tôn thất khi ra Bắc thành, Bá được Tự Đức tiếp riêng, ban cho ngựa tể, ngựa ý đầy lòng tin cẩn khác thường. Nhưng Bá thường bỏ việc tuy ngoài miệng luôn tỏ ra là người năng nổ. Bá nghe ngóng, chờ thời. Hàng thuộc hạ của ông ta để lọt tin ra ngoài, ông ta có liên lạc với đồn binh Pháp. Song lúc này đâu phải là lúc bài bác nhau. Việc khẩn

⁽¹⁾ Sau này, Bá có ra khỏi thành thương thuyết nhưng hắn đã chuẩn thẳng về quê vợ.

cấp bầy, giờ là giữ thành. Vả lại, Bá là người hay hiềm nghi, chấp vật, ngộ lỗ lòi, hấn mặt tâu lên Vua, hẳn không bị đàn hặc cũng dễ rầy rà. Nghĩ thế, Xúng lại ngồi im dù trong bụng không thích cái lối ăn nói cầm chừng của Bá. Hoàng Diệu như đã quá quen với cách nói của quan Án sát. Ông cũng chẳng hy vọng gì ở người cộng sự nặng về xem xét, theo dõi ông hơn là cùng xắn tay vào lo việc nước này. Ông chỉ nói:

- Giặc càn rỡ bắt nộp thành! Khi tôi nhận ấn tín trọng trấn thành Hà Nội, Hoàng thượng có dặn: Việc quân tùy cơ ứng xử, song, cố giữ sao cho thành vững, dân yên. Tức là Chúa thượng không cho phép chúng ta giao thành cho giặc. Vả lại, đến phút này, so thực lực hai bên, ta đang có lòng trung của quân sĩ, sự nỗ lực của những người có tâm huyết với nước nhà. Mặc ai lòng dạ thế nào, tôi nghĩ, chúng ta, những đại thần ngồi đây không có cách nào khác, là phải tìm hết cách phá mưu mô của giặc, trên dưới một lòng. Còn một người còn quyết giữ thành, nêu gương tiết nghĩa. Quan Đề đốc, tôi phiền quan trấn giữ mặt thành cửa Bắc. Cửa Tây tôi xin bao quát. Quan Án sát giữ cửa Đông, còn quan Tuần phủ đốc chiến phía cửa Nam. Khao quân, tướng ăn uống đầy đủ để có đủ sức canh phòng. Truyền nổi trống tiền nghiêm vào trống canh ba đêm nay để loan báo xa gần tình hình khẩn cấp của thành Hà Nội. Tôi sẽ cùng quan Đề đốc hôm nay đi xem xét các kho đạn dược, vũ khí, lương thảo. Quan Tuần phủ cho người nhắc việc cấm thành, nội bất xuất, ngoại bất nhập. Những phút này, cần giữ cho hiệu lệnh nghiêm minh, không để tay chân của giặc lọt vào thành, gây chuyện nội ngoại tương ứng.

Ông đứng dậy, cầm lấy mũi tên trên án sách, đặt song song với chiếc ấn và chiếc bút, thảo lệnh. Ông bẻ đôi mũi tên, vút xuống đất mà nói:

- Chúng ta thề, nếu không giữ được thành, không còn mặt mũi nào trông thấy núi sông đất nước và thần dân nước Việt này. Xin

các ông chia nhau xuống chia ngọt xẻ bùi với các quân sĩ và đem tinh thần quyết chiến của chúng ta, làm nức lòng họ...

Mọi người đứng dậy ra về. Suý phủ bỗng vắng tanh. Người lão bộc đã cho đốt các đèn nến trong trướng. Hoàng Diệu đứng sững trước căn phòng trống. Bóng ông hắt lên tường suý phủ. Mỗi ngọn đèn, ngọn nến, chiếu lên một bóng to nhỏ tùy theo thế đứng của ông xa hoặc gần với chúng. Ông cảm nhận được nỗi sung sướng tột cùng của người được gánh vác lo toan việc lớn song cũng thấu hiểu hết nỗi đắng cay chua chát khi rơi vào một tình thế: kẻ thuộc liêu thì lòng giữ thành mà bụng chia lìa, đạn được, số quân so với địch, khó bề đương nổi. Những phút này, ông thêm được làm người Hiệu úy trẻ tuổi kia, lẫn lộn giữa đám dân thường để bắt mạch được đúng nhất tâm huyết chí lự của lòng người. Hoàng Diệu đắm chiêu nghĩ hết mọi kế lo sao giữ thành, cầm cự cho bằng được, dù dăm bữa nửa tháng. Trong đầu ông hiện lên những bậc danh tướng xưa như Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn... Ông thêm có tài thao lược của họ! Ông đi lại, ông thở dài. Có bóng dáng thân thiết của người hầu già lom khom từ ngoài bước vào. Ông ta đặt bát cháo gà, đập trứng và hành, rắc trên bàn. Người lão bộc lúc vắng khách, cảm thấy linh hoạt, thân mật hẳn lên. Ông ta mời:

- Thưa tướng công! Cháo mới nấu xong rất nóng. Phiên tướng công ăn luôn thì mới thêm sức đốc thúc quân sĩ được.

Hoàng Diệu ưu ái nhìn người hầu già và mỉm cười hỏi:

- Thế nhưng, lão đã ăn uống gì chưa? Hay lão chỉ chăm cho ta?

- Bẩm quan, thú thật, con đã lỗi trước rồi. Cho dù quân giặc áp sát chân thành, thì con cũng phải đánh phóng ba bát cơm, chiêu một bát nước chè xanh hãm đặc rồi mới cầm giáo, cầm cung gì thì cầm.

Hoàng Diệu bật cười:

- Ta thêm có cái tính hồn nhiên thư thái như ông trong phút này quá!

Vui vẻ, ông đỡ lấy bát cháo, ăn rất ngon lành, khiến người lão bộc cũng vui lây theo ông. Ông ta ôn lại chuyện xưa:

- Hồi sắp đi thi Hội, con nhớ, đêm nào tướng công cũng thức đến tận khuya, mà lúc ấy, nhà mình còn hàn vi, có gì mà ăn đêm đâu chứ!

Hoàng Diệu thoáng xúc động. Ông cảm thấy người thân thuộc nhất, tin cậy nhất với ông, lúc này, chỉ là người nghĩa bộc này. Ông buông bát vào trong nhà, lấy một gói nhỏ, gói trong vuông lụa điều, rót trà uống và đưa một chén cho người lão bộc:

- Ông uống đi, ngồi đây cùng ta một lát. Sau phút này thì ta phải lên mặt thành đốc chiến rồi!

Lão bộc kính cẩn đỡ lấy chén trà, xá dài một cái rồi nói:

- Xin phép quan lớn.

Và ông uống chén trà lạnh lẽ, thưởng thức hết cái nóng đậm của vị trà, cái thâm tình của quan Tổng đốc đối với mình.

Hoàng Diệu rót chén thứ hai cho ông. Chờ lão bộc uống xong, ông từ tốn đặt gói nhỏ lên bàn nói:

- Bên trong gói này có mười lạng bạc, ta tặng cho lão. Bức thư ta cần ngón tay, khẩn thiết xin quân tiếp viện cũng gói trong này! Ngày mai, lạnh ít dữ nhiều, sớm muộn quân Pháp cũng đánh thành. Lão cầm thư này, thoát ra ngoài thành tối nay, đi nhanh về phía Nam đến dinh quan Tiết chế Bắc Kỳ quân vụ Hoàng Kế Viêm, đưa cho người và cốt cho ông ta động binh ngay, may ra còn có cơ cứu được Long Thành. Đây là việc tối hệ trọng, ta phải chọn mặt gửi vàng. Lão gắng tìm cho được, thẳng đến dinh mà xin.

Lão bộc không ngờ mình lại được giao việc trọng yếu này. Ông bùi ngùi thưa:

- Bẩm tướng công!

- Ông định nói gì?

- Con hầu tướng công từ thuở thơ sinh đến giờ. Con muốn được ở bên tướng công đến phút chót, xin lấy cái thân già vô dụng này để đền đáp tướng công trong muôn một.

- Ta biết lòng ông lắm! Song việc này, ngoài ông không thể ai làm được. Ta chẳng muốn ông ở luôn bên ta ư? Nhưng đừng dùng dằng nữa, mất thời cơ. Ta đang lo quân giặc có thể đánh ngay đêm nay đây! Trong tai ta lúc nào cũng đang sẵn sàng chờ tiếng súng nổ.

Tự dưng nước mắt người lão bộc chảy ròng ròng trên má. Ông ta nhận lấy gói nhỏ, đút vào trong ngực áo, vái Hoàng Diệu một cái:

- Con chúc tướng công, phúc lớn luôn chờ, công tích khác thường, để cho con lại được hầu dưới trướng.

Hoàng Diệu vỗ vai ông ta, lòng dào dạt:

- Cảm ơn ông! Ông đi luôn đi, cầm lấy lệnh bài này mà ra khỏi thành. Nếu được trở về nguyên quán, hãy đem tình nghĩa của ta với xứ Quảng, thưa với mọi người.

Người lão bộc lại xá dài một cái!

Hoàng Diệu lật đật đưa ông ra khỏi tư dinh rồi mới quay trở vào!

*

Người Hiệu úy trẻ vừa báo cho quan Tổng đốc biết, quân giặc đang ùn ùn từ bờ sông kéo lên. Súng ống đầy mình, bọn võ quan cưỡi ngựa đeo súng ngắn, bọn quân sĩ đều có súng dài, bắn xa đến hàng trăm trượng. Hoàng Diệu cho nổi trống cấp báo. Trống cấm thành rung lên, vang động bốn mặt thành. Hiệu úy lấp đạn vào các khẩu thần công. Đồ cản phá quân đánh thành như gỗ đá, câu liêm đã giòn dầy đủ. Địch thân Hoàng Diệu giữ cửa Bắc, Đề đốc Lê Trình giữ cửa Đông. Hai cửa này binh lực quân Pháp vây hãm dữ dội nhất, căng thẳng nhất.

Đại bác giặc nổ từ phía bờ sông, đạn bay xuống chân thành, xối tung đất đá. Phía làng Ngũ Xã, quân bộ của địch ùn ùn kéo đến, đông như kiến. Lính Pháp mặc đồ chiến trận gọn ghẽ, đội mũ, cầm súng trường. Lính mộ Nam Kỳ mặc quần áo dài, đi xà cạp, đội nón chóp đồng, băng đạn đeo vàng choé trước ngực. Những cỗ đại bác có ngựa kéo, được đưa áp sát tận chân thành. Võ quan Pháp thúc lính theo từng dây ào lên, sau loạt đại bác yểm hộ, dùng thang dài, hò hét rầm trời trèo ton tốt lên mặt thành. Quân sĩ ta chống trả cũng khá mạnh. Họ dùng hoả hổ, quăng vào những tên giặc đang lóp ngóp lên thang leo lên. Hoả hổ nổ, quăng bọn Pháp xuống chân thành, chết ngất. Hoàng Diệu đứng trên chòi chỉ huy quan sát. Khí thế quyết chiến của quân sĩ làm ông hứng khởi. Giặc chết khá nhiều, xác rải trên mặt đường. Hai khẩu thần công, ngằm đặt xé cổng thành cửa Bắc, câu thẳng vào chỗ bọn Pháp tụ tập, khiến chúng chết thêm một số nữa. Quân lính thấy thế, hào hứng hò hét rần cả mặt thành. Hoàng Diệu khắp khởi mừng. Lòng ông sôi động hẳn lên. Ông mong sao viện quân của Hoàng Kế Viêm sẽ đem quân cứu viện đúng lúc, thì tình thế sẽ chuyển đổi hẳn. Nhưng, bỗng hàng loạt tiếng nổ âm âm. Khói lửa ngùn ngụt phía sau lưng ông. Có tiếng người kêu thất thanh:

- Kho thuốc súng cháy rồi!

Hoàng Diệu nhìn về phía ấy. Ngọn lửa vàng sáng bốc vọt cao quá ngọn cây cổ thụ. Những làn chớp nhoàng nhoàng, giáng nhằng nhịt trên mặt đất. Biết có kẻ theo giặc làm nội ứng. Ông bậm môi tức giận. Hai bàn tay của ông nắm vào nhau. Súng giặc lại nổ dồn dập phía trước mặt thành ông đang đốc chiến. Thành sập. Quân sĩ phía trước chạy lùi lại. Đề đốc Lê Trình nhảy xuống chưa kịp chỉnh đốn quân sĩ thì giặc đã tràn vào. Cửa Bắc cũng vỡ. Quân sĩ giặc ùn ùn hò reo đồng loạt vừa vượt thành, vừa đánh sâu vào tung thâm. Quân giặc tiến lướt qua chỗ quan Tổng đốc đang đốc chiến. Viên Hiệu uý vẫn đứng nghiêm trang bảo vệ ông. Hoàng Diệu rũ ống tay áo rút ra bài biểu Trần tình viết sẵn, xem qua một lượt rất nhanh rồi

cầm lăm lăm trong tay. Phía ngoài giặc câu pháo vào khu đông dân, tiếng kêu la thảm thiết. Ông nói với viên tì tướng:

- Cho tướng quân lui. Tình thế hỏng mất rồi!

- Tôi xin liều chết đưa tướng công ra khỏi thành!

- Không cần. Ta tự lo liệu. Nếu tướng quân ra khỏi đám loạn quân, hãy tìm đến quân doanh, kể hết ngọn ngành để mọi người thấy sự nỗ lực hết lòng của những kẻ giữ thành. Ta mong tướng quân gặp được những người trung lương và lập được nhiều công trạng.

Người võ quan trẻ tuổi dùng dằng không nỡ bỏ đi. Hoàng Diệu giục:

- Một người trung trực lúc này quý gấp mười lần lúc bề yên sóng lặng. Tướng quân đi ngay đi!

Viên Hiệu ứ ứa nước mắt vội vã chạy xuống thêm. Trong thành đã hỗn quân, hỗn quan thật sự. Súng vẫn nổ chát chúa bên tai, khói đạn mù trời, tiếng người bị thương, bị xéo lên kêu thảm thiết. Hoàng Diệu cau mày, ông đi thẳng về phía Võ Miếu.

*

Thi thể quan Tổng đốc được những người lính trong thành trung nghĩa, tháo cỡi từ trên cành cây ở Võ Miếu đem xuống. Họ bí mật bọc ông vào tấm chăn gấm, để trên mình ngựa, rồi vội vã đi về phía làng Kim Cổ. Dân chúng mấy thôn xung quanh, rước vào tắm rửa sạch sẽ. Họ lấy ra trong ống tay áo của ông tờ biểu trần tình và xúm vào đọc. Toàn văn như sau:

"Tôi học văn thô sơ, ỷ dụng rất lớn. Được giao giữ một phương đất nước, gặp phải khi bờ cõi chưa yên. Một kiếp thư sinh, chưa từng quen lo biện sự, nười năm thương ước, thế nào tin được dịch tâm!

Tôi từ khi chịu mệnh đến nay, đã được ba năm. Huấn luyện giáp binh, sửa sang thành trại. Ấy chẳng những lo toan củng cố bờ cõi, mà cũng là phòng bị lòng chúng sai lang.

Nào ngờ: tổ chim vừa rào, lòng thù gây biến. Tháng 2 năm nay bốn hoả thuyền Pháp về tụ tập. Ở các đồn binh, chúng thêm nhiều quân. Quân kia xa lại, lòng dân nôn nao.

Tôi trộm nghĩ rằng: Hà thành là cuống họng của đất Bắc Kỳ, lại là khu yếu hại của bản quốc. Nếu một ngày tan thành như đất lở, thì các tỉnh lân cận mất như ngói bong. Tôi lấy làm lo. Khẩn tư các hạt, tâu lên triều đình xin cho thêm binh, may sớm kịp việc.

Thế mà chiếu thư mấy lần ban xuống: quở tôi đem việc quân doạ dẫm, bắt tôi tội chế ngự thất thời. Kính đọc lời dạy, thấy rất nghiêm khắc. Quan dân thất vọng, tiến thoái lưỡng nan.

Rất hay rằng tự quyết không tài, há giữ nghĩa đại phu ra côi; đành lấy dạy răn làm sợ, từng kích lòng cổ nhân thờ Vua. Hàng ngày, với một hai đồng liêu bàn nghị. Kể thì bảo nên mở cửa, cho nó mặc ra vào; kể thì bàn bày triệt binh, để nó thôi nghị kỵ. Những việc như thế, thì dầu phải tan xương nát thịt, tôi không nỡ lòng làm.

Thu xếp chưa quyết, nó đã bội hoà. Ngày mùng 7 tháng 7 này, trước hạ chiếu thư, ngày sau đánh gấp⁽¹⁾. Quân giặc leo lên như kiến, súng giặc nổ như sấm ran. Ngoài phố cháy lan, trong thành sắp mất. Mà tôi, gượng bệnh ra sức đánh, đi đầu trước quân binh. Bắn chết hơn trăm, liêu giữ nửa buổi.

Nó đủ, ta kiệt; viện tuyệt, thế cùng. Vũ biến thù sợ mà chạy hàng đàn, văn thần mà ngóng chừa, mà tan cả lũ.

Lòng tôi như cắt, một tay khôn cầm. Tướng lược không tài, tự nghĩ sống là vô ích; thành mất chẳng cứu, ví bằng chết cũng chưa đến. Dem thân định quyền sinh, không thể học Tào Mạt hay doạ địch; treo cổ đền trách nhiệm, chỉ mong theo Trương Tuấn chết, giữ thành.

Đám dân trung nghĩa gọi là, chỉ vì sự thể bất buộc. Đất trung thổ trở nên địch địa, sống then cùng phượng nhân sĩ Bắc Hà; lòng

⁽¹⁾ H. Riviere khai trong tờ trình của y cho Đô đốc Jaureguiberry rằng y gửi tới hậu thư lúc 5 giờ sáng và không đợi trả lời, tiến đánh thành Hà Nội lúc 8 giờ 15 cùng ngày 25 tháng 4 năm 1882 (tức 8 tháng 3 Nhâm Ngọ).

cô trung thể giữa Long thành chết mong theo Nguyễn Tri Phương dưới đất.

Mấy hàng huyết lệ, muôn dặm quân thân. Nguyễn ánh sáng nhạt nguyệt soi tỏ tấm lòng son của tôi mà thôi.

Tự Đức năm thứ 35, ngày 8 tháng 3".

Cảm kích về lòng trung của quan Tổng đốc, dân ven thành và các sĩ phu có tiếng ở Long Thành, đứng đầu là ông cử Kim Cổ đã đứng ra làm lễ mai táng trọng thể như lễ một công thần. Bài văn tế trầm thống, sôi sục nghĩa khí, lời văn thấm thiết kích động lòng người. Tưởng nhớ người quá cố, ông Cử xoa tóc, đọc văn, nước mắt chan hoà. Ai nghe cũng cảm kích. Các nho sinh cắn môi, các võ sinh bặm miệng, có người không chịu nổi, lấy tay đập bàn, nhảy ra ngoài lên ngựa, định xông vào bọn Pháp, sống mái một trận nữa, mọi người phải can mãi anh ta mới thôi.

Linh cữu quan Tổng đốc hạ huyết giữa những tiếng khóc thấu trời, tiếng chửi rửa bọn giặc cướp nước... Hàng tuần sau, các hàng tổng, hàng huyện lân cận còn đem lễ đến viếng. Giặc ở kề bên, dầu biết, cũng không dám đem quân đến dẹp, vì một tên do thám lảng vảng ở một ngõ nào đấy, ngoảnh đi, ngoảnh lại đã bị tên độc từ đâu cắm vào ngực. Đuôi mũi tên còn cắm theo một đuôi nhỏ viết chữ đỏ: *Long thành nghĩa binh.*

Những trận đánh lẻ tẻ xảy ra ở Đồn Thuỷ, ở Ô Quan Chưởng. Và, chỉ một tháng sau, nhiều võ sinh ở trong đám tang Hoàng Diệu, đã tình nguyện đi đầu trong trận Cầu Giấy phối hợp với quân Cờ Đen. Trong trận ấy, Henri Rivière, kẻ đầu têu đánh thành Hà Nội đã bị toi mạng trước trăm nghìn mũi mác, mũi dao xông vào đâm, xả, khiến cho quân sĩ của hắn khi thu quân nhặt thi thể mãi mới nhận ra được xác tên chỉ huy của mình.

20-4-1985

Dinh điền sứ

Vua Minh Mệnh là người quyết đoán và tự tin, bề ngoài rất nhu thuận, như là nhất nhất vâng theo lời của Tiên đế, nhưng kỳ thực là muốn làm cho hơn Gia Long vốn nổi tiếng nghiêm huấn. Ngôi kế nghiệp của ông biết chắc không thể có ai dòm ngó, nhưng Tiên đế nhất định không phong Thái tử. Nhà Nguyễn lao đao mới giành lại được ngai vàng từ tay nhà Tây Sơn, nên rất sợ những thế lực khác, ngoài dòng họ tranh chấp vương quyền. Gia Long không phong Hoàng hậu, không đặt chức Tể tướng, không định ngôi Thái tử và không lấy Trạng nguyên là vì cơ ấy... Đối với các trọng thần, Minh Mệnh học cha được một điều: đổi chức, đổi chỗ, chọn người giao việc, tránh không để họ gây được uy tín trong dân chúng...

Nguyễn Công Trứ là một người mẫn cán, ngoài bốn mươi tuổi mới đậu Giải nguyên, đi từ chức quan văn nhỏ để sang làm trọng thần có thể giao việc lớn của triều đình ở tỉnh xa. Ông ta lại rất tự tin. Giao làm Hiệp trấn ở Thanh Hoá đã có công dẹp loạn. Vừa dẹp loạn xong đã dâng sớ xin ba năm làm Dinh điền sứ... Minh Mệnh xem sớ tấu, cho là một sáng kiến hay. Song Vua không bao giờ khen hết lời một sủng thần. Mà chỉ nói xa xôi là được chấp nhận và khuyến dụ những lời nửa rắn đe, nửa khích lệ... Người hầu cận tin cẩn nghe chiếu chỉ, mặt vẫn buồn rười. Ông Trứ cười nói với anh ta:

- Ta là người miền Trong lại ra khai khẩn mép biển của một tỉnh lớn của Bắc Hà. Vua và triều đình một công được hai việc, một

là kẻ trấn trị ngoài biên hải, hai là mở mang đất đai cho nhà Nguyễn. Đức vua phải ưng thuận mà đem tiền lương cho ta ngay thôi!

Vừa lúc ấy có tin điện chủ Phí Quý Trân đến thăm. Ông liền cho mời vào ngay. Phí Quý Trân thì lễ rồi ngồi. Nguyễn Công Trứ nói:

- Ông Phí, ta mời ông đến đây định vay ông một số tiền lớn, một số thóc lớn đây!

- Quan lớn thiếu gì tiền của triều đình mà phải vay tiền đến kẻ hào lại ở cái thẻo đất ven biển này?

- Ta vay thật đấy, không vay chơi đâu, mà vay cho Đức vua chứ không phải vay cho ta! Hiện nay toàn bộ sản nghiệp của ông có được độ bao nhiêu quan tiền, bao nhiêu thùng thóc...

- Dốc hết tiền trong nhà tôi may được một nghìn quan và vài trăm thùng thóc.

- Các nhà khác trong vùng này thế nào?

- Tôi giàu khoảng gấp mười họ. Quan cứ thế mà tính ra! Nhưng những nhà giàu mới nổi này, họ không muốn bỏ tiền, bỏ gạo ra cho quan Dinh điền sứ đâu!

- Thôi ta cứ muốn biết riêng phần ông đã.

- Tôi xin dốc hết của cải ra để giúp quan lớn.

Nguyễn Công Trứ cười âm lên, nói với viên Phó dinh điền sứ:

- Ông xem đây, người hào hiệp này quả là có con mắt xanh.

Nguyễn Công Trứ đi khắp một lượt khu đất khai khẩn. Ông chọn những gã người khoẻ mạnh, vạm vỡ, biết điều khiển công việc, thậm chí bề ngoài có vẻ hung hãn, cho làm đội trưởng.

Dân thập phương kéo về ngày mỗi đông, đủ các hạng người. Có những nghĩa quân vừa thoát khỏi đám quân quan dẹp loạn, nghe tin mộ người khai khẩn cũng vội đến. Có những cùng đinh ở tận miền Tam Đái, Hoà Bình, lại có đám cướp biển chán lối sống giang

hồ lục lâm. Nguyễn Công Trứ cho họp chúng lại, cho hơn một chục vò rượu, lại gọi những cô ả đào hay nhất ở trong vùng đến. Đêm ấy, trên một bờ hồ bán nguyệt, nhà hào phú Phí Quý Trân bày thêm một chục chum rượu, trải vài chục chiếu hoa trên thảm cỏ. Ở giữa hồ, ông dựng một sàn tre nổi, khi các thực khách đã tề tựu đông đủ, rượu ngon, thức nhắm đã bày biện sẵn sàng, ông Trứ cùng Phí Quý Trân, kếp hát đào hát, cầm đàn, xênh phách, xuống thuyền nan, ra trước sân khấu nổi trước hồ bán nguyệt. Ông cũng cho sắp trên bè nổi một vò rượu, một mâm thức nhắm. Ông nói với những vị đội trưởng, những bộ lão của đám dân lưu tán đến khản hoang:

- Bữa nay, Trứ tôi mời các bậc kỳ lão và các ông đội trưởng đến để nghe hát và uống rượu, từ ngày mai ta bắt tay ngay vào đào bờ, cuốc góc. Còn bây giờ hãy uống rượu và nghe đàn. Phí hào chủ đây là người có tấm lòng hào hiệp. Bữa tiệc ngoài trời này đều do ông khoản đãi cả. Cũng xin nói thêm với anh em rằng triều đình cho chúng ta bảy nghìn quan tiền và năm trăm thùng gạo. Những thứ đó Đức vua đã hứa trong chiếu chỉ, nhưng nay mai gạo và tiền mới đến. Nhưng vỡ đất, dựng nhà thì cần đến gạo tiền ngay. Phí hào chủ đây cũng ứng trước cho ta vay. Ngày mai, các ông đội trưởng đến nhà ông Phí mà nhận tiền gạo khoán cho mười lăm ngày đầu. Hết đợt, xem mức làm ăn lại cấp tiếp, tùy theo việc mà cho thêm hoặc bớt đi do đội nào năng nổ lên hoặc lười biếng còn chưa xong việc. Các ông thấy thế nào?

Tiếng dạ ran. Nguyễn Công Trứ cầm trống châu. Từ phía hồ bán nguyệt, một giọng hát trong trẻo vang lên. Câu mở đầu khoan thai dịu dặt. Tiếng trống châu dẫn dắt lời ca:

Việc đời đã chắc chắn đâu,

Lỡm lờ con tạo một màu trên người.

Tiếng phách dồn êm, lời ca đầm thắm dần dần cao thêm luyến láy. Quan Đình diễm sửu ban rượu, ban tiền thưởng cho đào và kếp hát... Rồi, đang lúc ngẫu hứng, ông ôm đàn tự làm kếp để

cho Phí trại chủ cầm chầu. Tiếng đàn tiếng hát lại vang lên. Giọng cô đào vào bài hát này xem ra ngọt hơn, mùi hơn. Đó là bài *Thích chí ngao du*, cũng là một bài hát nói của chính quan Dinh điền sứ.

Tiếng đàn hát xênh phách vừa dứt thì tiếng vỗ tay ran lên như sấm... Quan và dân hoà đồng. Tiếng hát, tình cảm giao lưu. Nguyễn Công Trứ và Phí trại chủ lên bờ rót rượu, chúc chén cùng các bô lão. Có ông già cảm động không cầm được nước mắt. Có người sụp xuống lạy, ôm lấy chân quan Dinh điền sứ, và Phí trại chủ, miệng rên rĩ:

- Trời ban cho hai vị ân nhân xuống cứu chúng tôi đây! Quả là chúng tôi như mây trôi bèo dạt bấy giờ mới có nơi nương tựa...

Họ uống cho đến tàn trăng, rồi thấp đuốc dẫn nhau về cho đến tận những bãi sù vẹt trập trùng tận ven biển.

*

Con dê ngăn nước mặn đã chắn đôi phía bãi sù vẹt và những cánh đồng khẩn hoang mới. Quan Dinh điền sứ đi dạo một mạch trên con dê cát. Một vài người đi làm đồng sớm, bất ngờ gặp ông, liền gập mình xuống vái chào. Ông gật đầu chào lại họ. Lòng ông cảm thấy nhẹ nhõm. Gió biển thổi lộng. Những quả vẹt chín mồm rụng xuống nước. Tiếng chim non nở trong những ô cây xao xuyến. Nguyễn Công Trứ vốn là người cứng rắn, nhưng lại rất dễ mềm lòng trước những vẻ hồn nhiên của tạo vật. Ông dừng chân ngắm một con chim mẹ đang mớm mồi cho con ở cách đó không xa. Chim ở đây còn dạn người lắm. Ông ngược mắt nhìn lên khu đất khai phá còn ngổn ngang, những cánh đồng đang làm dở. Cuộc giành giật miếng cơm manh áo gay gắt chẳng khác gì chiến trận... Những đợt mạ tấp đi vì nước mặn của thủy triều phá đê oà vào. Nhưng những ruộng lúa cấy đầu tiên thì lại xanh ngấn trong nắng sớm. Dân chúng mãi mê cấy cày. Cánh đồng đông nghịt. Một trận

mưa sớm ven biển sấm chớp âm âm cũng không làm họ nguôi tay. Mấy anh lính hậu cần giục quan lui vào một chiếc lều tránh mưa, nhưng quan xua tay không cần. Họ che dù cho quan đỡ ướt. Ông để mặc họ. Một niềm vui tự nhiên dâng tràn trong lòng ông. Ông khám phá ra một công việc lớn mà đời ông, với cái chí lớn *"Đã mang tiếng ở trong trời đất. Phải có danh gì với núi sông!"*, chưa tính đến. Cái quan niệm hành tàng của ông dường hoàng lắm. Làm ra làm, nghỉ ra nghỉ. Làm thì chọn những việc không ai dám làm mà làm. Mà đã nghỉ thì chỉ hoà đồng với non xanh, nước biếc, với đàn ngọt hát hay, với lạc thú ở đời... Việc khai phá ruộng hoang, ban đầu đến với ông, thì là kế sách cầm chân những dân lưu tán, để cho họ đừng quây phá, khó bề chán hưng đất nước trong thuở trị bình. Nào ngờ, đó lại là nguyện vọng không chỉ có đám chán cảnh rối loạn, cầm giáo cầm gươm đâm chém, mà còn là nơi kiếm miếng cơm manh áo của những người nghèo. Mà người nghèo thì nhan nhản ở trong thời mấy chục năm liên miên binh lửa này.

Buổi thăm đồng ấy, ông về công đường, lòng hăm hở, làm tờ tấu dâng lên Đức vua, nói rõ kết quả của việc mở đất, rồi xin cho được khai phá nốt vùng Chân Định (Kim Sơn sau này).

Đức vua nhận được tờ tấu của ông, cho mấy đại thần ở Viện Cơ Mật đến bàn bạc. Người bàn nên cứ để ông làm. Người nhắc Vua rằng Nguyễn Công Trứ không phải là người trí lự tầm thường. Để ông gây uy đức ở một vùng đất rộng lớn, nếu ông có ý kia khác, thì hoạ về sau không thể lường được... Vua nghe hết các lời bàn và phê vào tờ tấu rằng:

"Trẫm rất hài lòng về công việc của khanh tâu về. Việc khanh làm dở hãy cứ làm nốt. Nhưng chẳng lẽ người có tài đánh Đông dẹp Bắc như khanh, Trẫm lại dùng vào một viên tri phủ dài lưng tốn vải cũng làm nổi ư? Khanh nên biết bụng Trẫm, hãy lo người có thể thay khanh điều hành mọi việc. Còn Trẫm muốn giao cho việc lớn khác kia. Khanh nên trù liệu cho hợp ý Trẫm".

Nguyễn Công Trứ yên tâm ngày ngày đắm vào công việc. Vụ mùa năm ấy thắng lợi lớn. Phần đất của huyện Giao Thủy bỗng chốc rộng mênh mông. Ông bàn với quan Hiệp trấn Nguyễn Nhược Sơn làm sớ tâu lên Đức vua lập ra huyện Tiền Hải. Vua chuẩn tấu. Công việc của huyện Chân Định cũng có nhiều hứa hẹn. Những con sông dẫn thủy nhập điền đã đào được đến hai phần ba, ông đang đốc suất dân làm nốt thì được lệnh phải vào triều đình chờ lệnh vua. Ông thở dài, giao công việc cho quan bản địa. Ông gọi viên suất đội Phí Quý Trại, vốn có họ hàng với Phí điền chủ đến mà nói:

- Công việc khai phá ta đã làm xong. Trong thời gian làm việc cùng ta, anh tỏ ra mẫn cán. Vì thế ta có đề cử anh cùng Nguyễn Hiệp trấn. Anh là người có năng lực, ta biết. Nếu có dịp Đức vua ban chiếu dùng người tài mà không đổ đạt, ta sẽ tìm cách tiến cử anh.

Phí Quý Trại và Phí Quý Trản cảm động lắm. Dân chúng thấy quan Dinh điền sứ phải về triều, muốn đến tiễn chân. Phí điền chủ nghĩ đến hôm vui uống rượu, hát ả đào đêm mở đất, ông định mở tiệc tiễn Nguyễn. Nhưng quan Dinh điền sứ ngăn lại:

- Việc bữa nọ là tôi muốn khích lệ lòng người, còn việc tôi đi, nếu giờ giới ra thì hoá ra tôi kể công với mọi người ư?

*

Về triều, Nguyễn Công Trứ được bổ nhiệm Tham tri bộ Hình. Ông xử liên tiếp mấy vụ án lớn ở vùng trong, nổi tiếng là người cương trực. Một bữa ông nhận được thư của quan Hiệp trấn Nam Định Nguyễn Nhược Sơn báo sẽ vào kinh để tâu vua về việc mở mang và phê chuẩn lập hai huyện Tiền Hải và Kim Sơn. Nguyễn Công Trứ mừng lắm. Nhược Sơn lại có ý muốn tìm một người vỗ yên đám dân tứ chiếng du thủ, du thực ở Tiền Hải, mà chưa nghĩ ra ai. Theo ý ông, nếu để một viên quan văn ở đây, e ra chưa ổn. Vì máu lặc lăm thảo khấu của dân Tiền Hải vẫn còn sôi sục. Mà tiến

cử người bản địa thì ngoài hai anh em Phí Quý Trân, Phí Quý Trại không còn ai...

Nguyễn Nhược Sơn ghé thăm nhà Nguyễn Công Trứ, hai người bàn bạc thâu đêm. Sáng sớm, Nguyễn Nhược Sơn được gọi vào chầu, để hỏi công việc về hai huyện Kim Sơn và Tiền Hải và việc bổ dụng quan phụ mẫu ở đó. Kim Sơn tìm được người rồi. Nhưng Tiền Hải, bởi vì là dân chiêu tập từ trước, nếu bổ nhiệm một viên quan văn, không khéo thì bọn quấy trời phá nước dám phá cả huyện đường cướp ấn...

Buổi chiều, Nguyễn Công Trứ được mời vào Nội Mật Viện.

Ông nhìn thấy mấy cái đám họ Trương, họ Nguyễn, những kẻ lúc nào cũng bám gấu quần vua, mà khinh bỉ. Họ cũng không ưa gì ông. Tuy hai bên rất ghét nhau, nhưng bề ngoài họ vẫn hết sức ân cần. Vua ban trà cho Nguyễn Công Trứ. Trước khi vào việc. Vua đùa hỏi:

- Ông nhận việc quan ở bộ Hình thấy thế nào?

Nguyễn Công Trứ thưa:

- Dạ, việc cũng mới đến, thần còn đang dốc lực vào mấy vụ án lớn!

- Án lớn nào? Sao ta chưa biết?

- Dạ, tâu Đức vua, nếu như án lớn bày ra trước mắt, thì quan Hình nhàn lắm. Phải làm sao nhìn thấu những vụ án mà kẻ bị gông trói chỉ là vật tế, còn những kẻ vợ bám lại là mũ áo cao sang.

- Khanh muốn nói rằng trong đám đại thần của ta cũng có tham nhũng?

Nguyễn Công Trứ biết mấy ông đại thần nhieu lông mày, song ông cũng mặc. Ông ung dung nói:

- Bệnh tham vàng, tham tiền thì đến Bảo Thúc Nha bạn thân của Quân Trọng xưa còn mắc, huống chi bây giờ.

Đức Vua cũng khó chịu về cách trả lời ngông ngạo ấy. Song không lộ ra nét mặt, ngài hỏi:

- Ta nhận được tờ sớ của khanh tiến cử cho suất đội Phí Quý Trại làm Tri huyện Tiền Hải, khanh đã nghĩ kỹ chưa?

Trứ nói:

- Huyện mới lập, giáo hoá là việc rất cần. Song uy vũ triều đình lại cần hơn bao giờ hết. Do đó phải có người biết việc quân trị nhậm. Phải biết làng nào lành, làng nào dữ mà gửi quân ở những nơi làm ruộng. Có động thì giặc nhỏ có thể vây bắt được, giặc lớn có thể giữ huyện vài ba ngày chờ quân trên tỉnh xuống tiếp ứng. Và lại, anh Phí Quý Trại và Phí Quý Trân, vốn là một hào chủ rất giỏi việc quản lý đất đai, điều khiển người làm, giỏi giao tiếp, có thể hỗ trợ được cho Phí Quý Trại.

Quan Thiệu phó chờ cho Nguyễn Công Trứ tâu xong liền nói:

- Quan Tham tri là người theo học đạo thánh hiền mà liệu việc xem ra quá thiên về võ biên. Tâu Hoàng thượng, nếu ta dùng tên suất đội Phí Quý Trại, thần e nhiều sự dở. Đưa một viên tri huyện từ lính cơ mà lên thì các viên tri huyện khác phải lều chõng mấy khoa, phải thử thách đủ các chức nhỏ rồi mới được cho vào ngạch quan trấn nhậm, thì phong một kẻ làm cho cả đám quan từ đường nho học mà thành đều phải xấu hổ. Chức tước là của Tiên đế, của Hoàng thượng, của triều đình, chứ đâu riêng của Nguyễn Công Trứ mà dám thay Vua ban tặng cho nhà họ Phí.

Mấy vị Thượng thư khác cũng hòa theo. Đức vua nhìn Nguyễn Công Trứ, cười rồi nói:

- Khanh thử nghĩ lại xem có hấp tấp không? Liệu khanh có chịu rút lại lời đề nghị?

- Việc đàn hạch của các quan là cứ gò theo điển lệ triều đình. Còn thần không nghĩ thế. Nhân tài đâu chỉ có ở trong những người trường ốc mà ra. Ý nguyện của thần là từ công việc mà dâng lời, cúi xin Thánh thượng cứu xét.

Vua mỉm cười bảo Nguyễn Công Trứ về. Buổi chiều hôm đó, Nguyễn Công Trứ đang ngồi đàm đạo công việc ở huyện mới khai

phá Tiền Hải thì có quan triều mang chiếu chỉ đến. Nguyễn Công Trứ bày hương án quỳ xuống lắng nghe.

Chiếu ấy có đoạn:

"Do tội cày công, tiến cử người không thoả đáng. Trảm hạ chức xuống bốn cấp, bổ làm Tri huyện do quan Phủ doãn phủ Thừa Thiên quản lý để lập công chuộc lại lỗi lầm".

Sứ giả ra về, Nguyễn Nhượng Sơn kinh hãi.

Nguyễn Công Trứ vỗ vai Nguyễn Nhượng Sơn, nói:

- Ta là cái gai của các quan đại thần ở đất Phú Xuân này. Họ tâu Vua giáng ta xuống bốn cấp là còn khá. Họ còn muốn buộc ta vào tội chết ấy chứ!

- Sao lại có thể thế được?

- Việc Đức vua đặt ta làm Hữu tham tri bộ Hình, họ âm ức lắm. Việc hạ bốn cấp này cái đích của họ không để ta khai ra những vụ án lớn có dính líu đến họ mà thôi. Họ không muốn ta thành Bao Chửng!

Nói đoạn ông cười vang, rồi giục gia nhân lo dọn nhà để xuống huyện sở trị nhậm.

Người cùng quê

Nguyễn Thông từng làm án sát, sau đổi ra giữ chức Bố chánh Quảng Ngãi, chưa đầy ba năm ông lại xin về trọng nhậm ở tỉnh Bình Thuận.

Bạn bè họ mạc hết sức ngạc nhiên. Trong lúc một số đồng liêu của ông đang tìm mọi cách để về nhận một chức quan nhỏ ở kinh thành Huế, để tránh khỏi mọi phiền phức của thời tao loạn, thì ông lại chỉ thích những nơi nước sôi lửa bỏng... Khi quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, Nguyễn Thông đang làm việc ở Huế, được Phan Thanh Giản, vốn cũng là người Lục tỉnh đang có ý dẫu đất, thì ông lại tự bút khởi thứ "quan dinh phủ", xin trở lại Nam Kỳ, tình nguyện tòng quân, làm việc dưới trướng của quan Thống đốc Tôn Thất Thiệp.

Thành Gia Định mất, ông giữ một nỗi đau không thể nào nguôi được. Chính mắt ông đã nhìn thấy nghĩa quân của Trương Định cùng những tướng sĩ của Triều đình, suốt ngày đêm quần quật vừa lo chống cự với kẻ địch mạnh hơn hẳn về hoả pháo, súng ống; những người lấy giáo mác cung tên chống với đại bác, nỗ lực hết lòng, lấy du binh để đánh thắng cường kích; lấy thành luỹ sâu chắc, ẩn hiện khôn lường để chặn từng bước tiến của địch.

Cũng chính ông, cùng Tôn Thất Thiệp, Nguyễn Duy, lo chống trả địch nóng ra đánh ở đồn Phú Thọ. Duy trấn thủ ở đó. Duy là em quan tướng Nguyễn Tri Phương, đỗ Tiến sĩ năm 1842, đường văn nghiệp hơn cả anh, nhưng lại theo gương anh, xả thân ở mặt trận đánh quân Pháp ở phía trước, chứ không chịu nhận mũ cao áo

dài. Ông và Nguyễn Duy, tuy quan chức có khác nhau, què kiểng mỗi người mỗi xứ, song lại thân thiết với nhau hơn bao giờ hết. Duy cùng quân sĩ quyết chiến với giặc, giữ thành suốt mấy ngày đêm. Đạn giặc dày như cát rắc, mà hào phía trước, người lính già yếu nhất vẫn không chịu lùi trước những viên đạn đại bác nổ như sấm sét giáng liên hồi trước mặt. Gần tới ngày thứ ba thì đồn vỡ. Nguyễn Duy bị trúng đạn trái phá, thân thể bay tan vào khối lửa, không nhận ra nổi nữa. Viên tùy tướng lúc ấy cũng vừa hoàn hồn khỏi chết, ngóc dậy thì giặc đã leo lên mặt thành. Quân ta nhảy lên đánh giáp lá cà. Anh ta thấy cạnh mình chỉ còn một ống tay áo quan đại triều, biết là chủ tướng của mình đã hoá thân vì đất nước. Nước mắt lăn dài, anh cầm lấy chiếc ống tay áo ấy, giắt vào trong ngực... Khi thoát khỏi cơn hiểm nghèo, của trận huyết chiến, viên tùy tướng trở về tuyến sau, kể chuyện giữ thành. Tướng sĩ và dân chúng nghe chuyện tử tiết của Nguyễn Duy, ai cũng rơi nước mắt.

Người ta lo lễ diếu tể người tuân tiết, đắp mộ giả, lập miếu thờ và phụ lão sở tại nguyện đàn nhang, hàng năm thăm viếng. Nguyễn Thông nhớ bạn, đau việc quân rất bạn, cũng về thăm mộ. Trong bài thơ khóc người anh hùng ấy có những câu thống thiết: "Hùng lược vùi đáy đất. Ba quân khóc người xưa. Thương chết chôn bằng áo... Khí thiêng vẫn chói lòe...". Ông ngồi bên mộ, nước mắt chan hoà, đọc to lên những câu thơ ấy, cũng là lời khóc người bạn cùng chí hướng, tâm đầu ý hợp.

Cái chết của Nguyễn Duy, nghĩa khí của Trương Định, Nguyễn Hữu Huân, các cuộc chiến đấu oanh liệt của nghĩa dân, sĩ tử ở vùng ven đô, đã làm Nguyễn Thông tỉnh ngộ. Cái ý chí đánh giặc đến cùng trong ông đã thành máu thịt từ lâu, song ông nhận thấy sâu sắc rằng: với một kẻ địch hung hãn, mạnh giàu như giặc Pháp hiện nay, thì "tốc quyết, tốc thắng" khó thành. Phải lo củng cố gốc nước, học hỏi những mưu lược sâu xa của cha ông từng đánh giặc ngoại xâm ròng rã hàng chục năm trời, tăng cường võ bị, nuôi dưỡng sức dân, tích trữ lương thảo để kháng chiến thì mới mong

thắng được quân giặc dữ tợn này.

Những năm ngồi giữ chức án sát ở Khánh Hoà, nghiền ngẫm các bản án hình sự, ông ngẫm thấy, giữa lúc đất nước lâm nguy như vậy, mà bọn tham quan lại những vẫn còn nhan nhản. Nhiều hâu, bá lo cướp ruộng đất của người nghèo, ăn chặn từng vạt đồi, từng lô ruộng. Ông dâng sớ lên Nhà vua, nói rõ chuyện tăng thuế vô lối của bọn nha lại ở các huyện gần các người Chăm, người Mán, để vơ vét từng cân yến sào, cân hương trầm kỳ nam, mua rẻ đôi ngà voi bằng vài đấu muối. Nhân đó, ông tâu với Đức vua hãy ra sức cầu hiền, trị những, giảm thuế cửa biển, cửa rừng, chăm lo đến mảnh ruộng, căn nhà nát của đám dân sinh. Bởi, chính những người lính chết trận hiện nay sinh ra ở những ngôi nhà tồi tàn ấy, chứ không phải là con em ở các dinh, phủ lâu son gác tía. Triều đình đã im lặng không trả lời. Có thể là lá tấu đã bị im đi từ các viên Thị lang ở bộ Lễ, cũng có thể đến mắt Vua, song biết bao nhiêu bản điều trần công phu khác, nào có được đáp ứng, hướng hồ ý kiến của một ông cử nhân đất Lục tỉnh, mà các quan triều thường cho là nơi thô lậu chỉ biết kéo cày, kéo thuyền, chứ danh gia chỉ đếm trên đầu ngón tay.

Song, quan án Nguyễn Thông không nản chí. Ba năm chuyên giữ chức Bố chánh ở Quảng Ngãi, ông nhân được giao cho việc chăm lo nội chính, liềm hồ hào dân chúng đắp đập, đào kinh, làm thủy lợi. Nhờ có nước, đất Quảng được mùa liềm. Quan Bố lại phạt roi, cách chức hàng loạt thuộc quan lợi dụng chức quyền ăn hối lộ cho con nhà giàu trốn lính, lấy tiền thừa để mua vàng lụa tích trữ trong lúc điều động người đi đắp đập. Dân chúng hả hê nức lòng hưởng ứng. Họ gọi ông là quan Bố, vừa là đúng chức vừa có ý kính trọng như cha mẹ. Họ chuyển bài thơ khuyên đào nương của ông thành điệu ca. Ông vô cùng xúc động, giữa đêm trăng ngồi trong quán dịch, nghe vọng về từ một cánh đồng gần, lời hò bài chòi của đám đồng đang đào đắp nương phai. Họ đã phổ bài thơ "Khuyến hưng cù" của quan Bố thành bài hát đào nương và hát vang những câu hò dân dã:

*Ruộng cao nước đã cạn
Trũng thấp nước còn vơi
Gần núi có mạch suối
Sớm liệu làm nương phai
Làm mướn bằng nhát cuốc
Thần là ta chứ ai
Nay mệt, mai nhàn hạ
Nay túng, mai thành thoi
Chí đời non, lấp biển
Nấu trong tay thợ cày⁽¹⁾.*

Chuyến này ông dâng sớ tâu lên Vua Tự Đức khẩn khoản được về trị nhậm Bình Thuận. Ai cũng lấy làm lạ. Kẻ gièm pha cho ông là kẻ thích chơi trội, hay chọn lấy đất dữ chứ không thích ngồi yên ổn ở những vùng đầy cày cấy, buôn bán xa nơi binh lửa giao tranh... Người tốt bụng lấy cổ một tay sao chống nổi trời, khuyên ông nên ở với xứ Quảng, nơi dân chúng hết lòng mến mộ ông. Nhưng ông vẫn quyết chí xin đi bằng được.

Bình Thuận là vùng đất bán sơn địa, người Kinh, người Thượng, người Chăm ở lâu. Núi nhiều, trũng ít, biển uốn lượn gập ghềnh, hay sinh ra sóng to gió lớn. Rừng rậm âm u, cộp beo rất sẵn. Những huyện miền núi, đi kinh lý hàng tháng không hết. Nhưng tỉnh này chính là cái yết hầu của các tỉnh phía Nam miền Trung tiếp giáp với đất nóng Lục tỉnh... Sáu tỉnh Nam Bộ triều đình đã nhường cho giặc cả rồi. Những nghĩa sĩ của Trương Định, Phan Văn Đạt, Nguyễn Hữu Huân, những đạo quân còn giữ được khí tiết của các võ tướng kiệt hiệt như Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển, Nguyễn Duy vẫn thường lấy đất này làm nơi tụ nghĩa... Nguyễn Thông đã ngầm sai người đến trước, chọn một khuôn đất thích

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán, người viết truyện dịch.

hợp, tiến có thể ra biển, lùi có thể vào núi, đất cát màu mỡ, dân tình thuần phác. Ông mở một điền trang tụ tập những người dân ly tán ở Lục tỉnh về. Người làm ruộng, người đi buôn, người dạy học, người đến trước làm chỗ dựa cho người đến sau. Tre nứa vốn sẵn, nhà cao cửa rộng thì khó, chứ dăm bảy gian nhà lá to có khó gì... Nhờ có "Đồng châu xã" mà nhiều gia đình mất sạch ruộng nương, trâu bò, hoặc gia sản bị giặc Pháp đốt trụi, tịch thu, đến Bình Thuận đều có chỗ đứng chân.

Đến Bình Thuận chưa được bao lâu, các thành trì, cửa biển cũ ông đều cho sửa sang lại chu đáo. Ông cho củng cố thành Bình Thuận, mở rộng chu vi tới năm mươi trượng, xây bốn cửa chính đông, chính tây, chính nam, chính bắc thật kiên cố, đào hào rộng đến 4 trượng. Ngoài cửa thành còn xây những đoạn thành cong để che mưa, trên đặt súng thần công... Ở nơi nào có thể khai khẩn được, ông lấy việc tốt làm ở xứ Quảng truyền bảo cho dân, đắp đập đào mương, cày bừa chăm sóc, chỉ một vụ đã thóc lúa đủ đầy... Ông ngăn cấm các thuyền buôn lớn, lợi dụng lúc dân chúng thiếu gạo, thiếu vải, thiếu muối, thiếu dầu thắp, đem hàng tới để đổi rẻ các thứ hàng hiếm của trong vùng như kỳ nam, hương bài, sừng tê, ngà voi, yến sào... Ông lập những đội thuyền của quan binh đi tuần tiễu dọc biển, lập những đội du binh vào núi, vừa dẹp các đám giặc cướp nhỏ, vừa giúp dân sắm dao, rèn khí giới, ngộ khi giặc Pháp lấn tới, có thể kìm chân chúng, tránh thiệt hại cho dân. Tiếng tăm thanh liêm, thương dân của ông truyền từ Quảng Ngãi, Khánh Hoà vào, nay lại càng thêm được mến mộ. Người Thượng đón ông ở đầu núi với những tù trưởng tóc trắng như bông, dàn công chiêng sắp hàng hai bên, rước ông lên nhà rồng, mở những chén rượu cần ngon nhất thiết ông, rồi sau đó, ông bàn với họ việc gì cũng được.

Người Chăm cũng mở lễ hội bên những dòng mương mới, gây đàn bụng bằng da cá sấu, nhảy múa suốt đêm, mừng ông đến ăn tết đầu năm với họ và té những chậu nước lấy từ tận thượng nguồn, chúc ông có sức mạnh mẽ như núi Lai, núi Vĩ.

Đêm đêm trong ngôi nhà nhỏ dựng khuất ở sau phủ đường, ông thường tiếp các khách ở quê ra. Ông hỏi thăm tường tận tình hình bà con sống trong đất địch. Ông thở dài khi biết thêm một gương sáng của một người lính thường đã khảng khái đập đầu vào cửa lao mà chết, không chịu khai nơi ẩn náu của nghĩa quân.

Cuối năm vào mùa khô ráo, cảm kích khi nghe chuyện dân chúng ở mấy làng giáp với đất giặc bị chúng đốt phá, những ngôi mộ chôn trên cát của các người lính vô danh trong các trận đụng độ lẻ tẻ với tàu chiến giặc, khi chúng ngang nhiên vào cướp hàng, đồ ăn thức uống, hoặc hoành hoè khiêu khích, ông cho quan đi nhặt hài cốt họ về, chôn chung vào một mộ ở phía ngoài thành. Ông thân mời dân chúng các nơi về, cử những người có lòng thành vào đắp cho mộ thật lớn, uy nghi. Ông cho bày hương án, đích thân làm chủ tế. Ông xoa tóc đọc những lời điều thống thiết ai nghe cũng phải động tâm:

Xương khô phút này có mộ

Sao người sống bị bỏ rơi?

Quan tham lại những vơ vét

Máu sinh dân vắt cạn rồi!

Người dệt vải, thân rét cóng

Kẻ làm ruộng mà bỏ vơi

Lắt lay như đèn trước gió

Sống dấy cũng là chết thôi...

Tất cả những việc làm của ông đều không lọt qua mắt giặc. Một buổi sáng, khi trống công đường vừa nổi, Nguyễn Thông đã thấy người cháu yêu ông vừa đem ở quê ra, cho ở bên mình để dạy bảo kèm cặp và giúp ông các việc thường nhật, quan yếu trong phủ đường vào nói:

- Thưa chú, có một thầy ăn vận chững chạc, xưng là bạn đồng song với chú, xin được vào hầu chuyện.

- Mời ông ta vào.

Khách đã đến. Nguyễn Thông vẫn chưa nhận ra ai. Bạn đồng song thì "thiếu cha gì". Bạn từ lúc học "Tam tự kinh, Nhân chi sơ, tính bản thiện", cho đến lúc mũ áo vinh quy, ai nhận là bạn học không được.

Người mới đến, mặt lạnh thâm trầm, môi đầy khắc khổ, cánh mũi nhỏ. Vốn tính trung thực, mới thoáng nghe người từ thành Gia Định đến, Nguyễn Thông đã ghét không muốn tiếp nữa, nhưng lại e mình thành kiến ban đầu mà ngộ nhận người tốt, nên vẫn giữ thái độ hết sức hoà nhã. Khi khách bước lên thềm, ông thân ra đón. Hai bên vái chào nhau, rồi cùng vào nhà khách uống trà, đàm đạo.

Khách làm ra vẻ am hiểu, vừa uống hết chén nước đã khen:

- Bẩm ông lớn, tôi thấy cái thế đất ở đây quả là hay lắm.

- Xin ông cho nghe!

- Bẩm, tỉnh Bình Thuận đông giáp Khánh Hoà, tây giáp Biên Hoà, trải dài trên bốn trăm dặm. Phía bắc núi non trùng điệp, phía nam sát biển. Núi Mũi Diên, núi Hương Ân vừa là danh thắng, vừa có thể là nơi tụ nghĩa cho hàng vạn người. Sông Mai Nương, sông Kỳ Xuyên, sông Phố Bài, sông Phan Thiết có thể gọi ngàn học lương, ngàn dân quân về trong khoảnh khắc. Chỉ cần một đạo quân nhỏ trấn ở núi Thị Linh, núi La Thô, thì dầu địch có một cánh quân lớn cũng chịu lùi. Một vụng Mũi Diên, nếu có hoả thuyền kỳ tập thì hải tặc, thuyền của quán Pháp cũng chẳng dám coi thường. Phố xá sâm uất, buôn bán tấp nập thì nhất là Phan Thiết và nhì là Phan Ri.

Nguyễn Thông giật thót mình, nhìn kỹ lại khách vừa có vẻ giáo hoạt, lanh lợi, lại vừa có cái điềm tĩnh đáng ngại. Phong thái ung dung, lời lẽ từ tốn, cân nhắc. Nếu là người có tâm huyết với đất nước thì thật quý biết nhường nào! Nhưng nếu là kẻ đã mắc phải bả vinh hoa của giặc thì không thể coi thường!

Nguyễn hỏi:

- Ông quê ở vùng nào!

Khách khẳng khái nói:

- Tôi vất vả long đong từ bé, nay đây mai đó đã nhiều. Quê chính thì tíu mĩ Hà Tiên, nhưng sáu tỉnh Nam Kỳ thì đi kiếm ăn đã khắp. Nhờ có sức khoẻ nên gặp việc gì cũng làm, nên cũng độ thân được. Chữ nghĩa thì cũng chỉ gọi là đủ giao dịch việc nhỏ, chứ sao dám nhận là kẻ học trò.

Nguyễn nghiêm sắc mặt:

- Sao ông lại nhận là bạn đồng song của ta!

- Bẩm, đó cũng là tấm lòng muốn được tiếp kiến ông lớn, nên cũng nhận xằng, nhận bậy mà thôi!

Người này càng nói càng tỏ ra khôn ngoan không thể coi thường. Nguyễn cố giữ vẻ ôn tồn:

- Vậy ông tìm ta có việc gì?

- Dạ, cánh sĩ phu Nam Bắc bây giờ gặp nhau đôi hồi một lúc, tất cũng không khỏi chuyện thế sự.

Giọng Nguyễn hơi xẵng khi thấy khách đã chuyển sang cao ngạo:

- Ông là người của Suý phủ Nam Kỳ mật phái đến đây chăng?

- Dạ phải!

Mặt nóng bừng, Nguyễn Thông thẳng thắn bảo:

- Ông hẳn biết tính ta! Những kẻ bất chính ta đã thẳng tay trừng trị.

Khách vẫn ung dung, cứng cỏi trả lời:

- Nhưng tôi biết, quan lớn coi trọng những người khinh thường cái chết!

- Ông mà cũng dám coi mình là anh hùng!

- Dạ, coi chớ! Người Lục tỉnh mà! Nếu chẳng gan dạ sao tôi dám đem thân đến miệng hùm. Chỉ một cái vỗ tay của quan lớn,

đầu tôi có thể rơi xuống đất. Tướng ở tỉnh tiền tiêu kẻ đất giặc, uy quyền to lắm. Tôi biết quan lớn đang được Vua và các quan nắm trọng trách ở Phú Xuân đang hết lòng tin cậy.

Nguyễn Thông bắt đầu khó chịu:

- Thôi, ông có thuyết lý gì thì nói toạc ra luôn đi, ta không thích úp mở!

Khách càng ngày càng lộ vẻ xác xược:

- Thưa quan, thế nước như thế cờ bày sẵn trên bàn cờ, có gì mà phải bàn cho lắm. Nhưng cờ không thể đánh theo ý mình được, bởi còn tùy đối phương. Người thua muốn thắng cũng không được. Người thắng muốn thua cũng không được.

Nguyễn nghiêm sắc mặt:

- Ông nên giữ lời. Đây là đất Bình Thuận chứ không phải ghé êm chỗ ông ngồi làm việc với mấy thằng giặc Tây bên Suý phủ.

Khách hỏi lại:

- Bẩm, quan ở phe chủ hoà hay phe chủ chiến!

- Với ta giặc đến chỉ có đánh! Còn một mình ta, ta cũng đánh!

Khách bắt chuyện, nói một mạch dài:

- Đánh và hoà chỉ là kế sách. Người cầm quân giỏi phải biết đánh lúc cần đánh, hoà lúc cần hoà. Tự Đức đâu muốn dâng đất cho quân Tây Dương, nào có muốn nghị hoà. Song việc cắt đất ba tỉnh rồi sáu tỉnh Nam Kỳ, vẫn cứ phải cắt. Phan Thanh Giản vẫn phải hạ bút nhò ký xuống bản nghị hoà mà chắc chẳng có lợi gì cho triều đình. Đó chẳng phải là tình thế hiện nay ư?

Nguyễn đột ngột hỏi:

- Chắc ông là bạn thân với tác giả mười bài thơ "Tôn phu nhân quy Thục"? ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Của Tôn Thọ Tường.

- Ông Tường họ Tôn, bà phu nhân cũng họ Tôn. Một bên là Tàu một bên là ta, cảnh giống nhau, tâm tình uẩn khúc như nhau thì mượn lời thơ nói tâm trạng, tôi cho cũng là thẳng thắn.

Nguyễn Thông cười vang:

- Bà phu nhân họ Tôn là phận đàn bà, em một ông vua luôn có ý thức giữ yên mảnh đất Giang Nam, nên việc lấy chồng của bà là việc khác. Còn ông Tôn là người có học, chẳng lẽ lại nhận giặc Tây Dương là vua cha, nên mượn nói khôn nói khéo thế thôi. Đã đánh đi lại kéo người khác cùng vậy như theo thì quá lắm!

Khách biện bác:

- Cùng là nhà nho, mỗi người một chí, ai nói nổi ai. Tôi biết quan lớn cũng đang khinh tôi trong bụng, song cũng xin cứ nói. Tôi hỏi quan lớn, phe chủ chiến ở triều đình bây giờ trông cậy vào ai... Một Nguyễn Tri Phương, lúc ở Lục tỉnh, lúc ở Đà Nẵng, bây giờ nghe đâu lại sắp cất quân ra Bắc dẹp lũ thổ phỉ và lo việc quân ở Bắc Hà... Ở phía Nam, đất nước mất rồi. Nguyễn Hữu Huân, Huỳnh Mãn Đạt, đã rụng đầu. Các tướng giỏi quen đất, quen trận mạc như Phạm Thế Hiển, Tôn Thất Thiệp, Nguyễn Duy đều tử trận. Kiệt kiệt như Trương Định cuối cùng cũng chết âm thầm trong đám đầm lầy. Người Tây hơn hẳn ta về thực lực. Quan lớn vốn có tài thao lược hẳn biết: chiến trận ai khoẻ thì thắng! Tôi là người cùng quê với quan, thật lòng mến mộ. Tôi biết quan có nhiệt huyết can cũng chẳng nổi, song phải biết lường sức, làm cái việc đáng làm, kéo chết lại phí.

- Ông khuyên ta nên làm gì?

- Chắc quan ngờ tôi là người của giặc?

Nguyễn Thông lặng im không nói được một câu nào! Người này nếu thật là người đã cam tâm theo giặc thì không thể lường nổi bụng dạ, xảo quyệt tột cùng. Nhưng nếu là một người còn chút lương tâm thì cũng không nên rào lấp đường ông ta muốn lui tới. Nguyễn dụ giọng nói:

- Điều đó có lẽ chỉ mình ông hiểu, ta đâu dám vũ đoán, ngộ oan cho ông thì sao!

- Tôi cảm thư của Suý phủ đến cho ông lớn đây! Họ sai tôi đi. Tôi từ chối nhiều làm việc sai trái kiểu này, nhưng với quan thì tôi nhận. Người cùng quê mà! Quan lớn hai lần trọng nhậm Bình Thuận, hẳn cũng muốn tỏ chí mình. Quan lại cho lập "Đồng châu xã", giúp đỡ người cùng quê long đong có chỗ đứng chân, rồi ai có tâm huyết thì lại xả thân vì nước, ai vương bận vợ con thì cũng đủ bữa cháo, bữa rau. Những việc làm ấy đến giặc cũng phải kính trọng hướng chỉ tôi. Nhưng việc làm của quan còn chưa tính hết! "Đồng châu xã" lập ngay bên mép nước. Nếu giặc cho hoả thuyền vào giả cố tìm kẻ hành hung mà bắn đạn lớn một chập thì công xây dựng ba năm sẽ tan nát một giờ... Theo tôi, quan lớn hãy cho rời "xã" vào chỗ an toàn hơn. Vả lại, người quê ta nóng nảy hay manh động. Giặc khiêu khích vài quả đạn, dễ đem cả quân bộ, quân thuỷ ra đánh những chiếc thuyền nhỏ ấy. Khi đại binh của chúng kéo đến thì quân giữ thành liệu còn có dư sức nữa chăng! Đó chẳng là điều đáng lo sao!

Nguyễn Thông chợt nhận ra, cảm khái nói:

- Ông thật là người lạ thường, tôi xin ông thứ lỗi đã không có con mắt xanh nhận ra từ trước!

Khách không để ý đến cử chỉ thân thiện ấy, vẫn cứ tiếp cái mạch chuyện vô cùng quan trọng:

- Một Bình Thuận không thể giữ được cho triều đình Huế vững vàng đâu! Giặc Pháp xảo quyết lắm. Giờ chúng đã cho người tâm phúc đóng vai lái buôn, giấu súng ống dưới hầm hàng hoá, tiến vào sông Nhĩ Hà để gây thêm chuyện rắc rối ở ngoài Bắc, làm cho lửa cháy hai đầu cùng ập vào, khiến Nhà vua đối phó không kịp. Huống chi bên Trung Hoa nhà Thanh cũng bối rối trước bọn Hồng Mao. Giặc Cờ Đen, Cờ Vàng, Cờ Trắng tràn vào các tỉnh Lạng Sơn - Hà Giang... Phe thủ hoà ở triều đình lại có nhiều vây cánh và thế

lực... Quan lớn trấn giữ Bình Thuận hôm nay ngồi ở công đường, ngày mai truất chức chưa biết là đâu. Mà chức đã mất rồi thì chí lớn thực hiện được thật khó khăn đấy!

Giọng khách bùi ngùi. Đến đây Nguyễn Thông đã phân biệt được thật giả. Ông nắm lấy tay khách, run run cảm kích nói:

- Người cùng quê! Người cùng quê! Ông hãy bảo ta nên làm gì đi!

Khách nói:

- Mọi việc quan làm rất hay nhưng cần khéo léo và kín đáo. Hãy lo sao nuôi dưỡng thực lực, gây chí hướng nghĩ đến non sông đất nước cho lớp người sau. Bề ngoài sơ khoáng nhưng bên trong khấn trương rèn cặp quân sĩ, học hỏi cách đúc súng, cách đánh trận, phù hợp với thời thế hiện nay. Lương thảo cất giữ nhưng nên để rải rác nhiều chỗ, đừng ùn ùn theo sông chở vào thành. Nếu giặc đánh, thành cháy, lương cũng cháy nốt, sau này quân lấy đâu mà ăn, không đúng mùa lúa, dân không có thức ăn, lấy đâu mà nộp. Gươm dài, giáo sắc là quý, nhưng phải tìm người giỏi, tìm bằng được cách đúc súng. Nay mai giáo mác sẽ thừa dân, trong quân phải có nhiều tay súng thì mới chống chọi cùng giặc được. Một vài kế mọn dâng lên, quan lớn suy ra nhiều việc khác. Thời khắc hết rồi, nói chuyện lâu sợ giặc cho người theo dõi, sẽ nghi ngờ tôi. Bây giờ tôi xin trao cho quan lớn bức thư của Suý phủ.

Nguyễn Thông giờ ra đọc:

Độc Phủ sứ Sài Gòn ngày...

Gửi quan Tổng trấn thành Bình Thuận,

Độc phủ sứ lấy làm lo lắng nhận thấy việc làm của ông Tổng trấn thành Bình Thuận trái với những điều khoản trong các bản hoà nghị của nước Pháp ký với triều đình Huế. Chúng tôi được biết số quân ở quý tỉnh tăng gấp nhiều lần. Số thành trì, tấn sở đều được tăng cường lực lượng. Lương thảo được tích trữ. Quan tổng trấn lại còn chiêu dụ người Lục tỉnh về lưu trú ở

những vùng hiểm địa... Nhiều toán hải thuyền đã tấn công vào thuyền buôn và thuyền tuần tiễu của chúng tôi. Nhiều toán du binh đã lấn sang đất Biên Hoà là đất Triều đình đã nhượng cho nước Pháp mà quấy rối các đồn binh hoặc lòng giết những người theo chúng tôi... Đốc phủ sứ mong ông Tổng trấn, bằng quyền hạn của mình, đình chỉ ngay các hoạt động ấy. Hãy giải tán các đội quân thường trực, hãy trả những người lưu vong ở Lục tỉnh về quê quán của họ, hãy nghiêm trị những kẻ đã tấn công vào thuyền Pháp, người Pháp...

Chúng tôi không muốn dùng đến vũ lực. Mong ngài lưu ý. Vạn bất đắc dĩ, nếu dùng chẳng được, quân lính chúng tôi phải đánh trả để bảo vệ thì mong ngài đừng cho là không báo trước. Mọi hậu quả không lường được rất có thể xảy ra. Mong ngài Tổng trấn lưu ý.

Tư lệnh quân vụ Nam Kỳ,

Hải quân Thiếu tướng".

Chữ ký của Bô-na như cái gai đâm vào mắt Nguyễn Thông. Nếu không nể mặt khách, ông đã xé vụn bức thư láo xược của hắn ra từng mảnh. Khách chớp chớp mắt khuyên:

- Xin quan đừng nóng giận. Hãy dùng lời lẽ ôn hoà mà trả lời. Tôi xin cầm theo về. Lấy ba tác lược để che bớt mắt giặc.

Nguyễn Thông muốn mời khách ăn cơm với mình, nhưng ông ta từ chối, lòng đầy lưu luyến:

- Cái thân chịu tiếng đi theo giặc này, chắc không làm nhơ đất lục tỉnh đâu! Nếu có gì đáng mặt báo, tôi sẽ tìm cách đến với quan. Nhưng quan phải giữ mình cẩn thận, giặc Pháp coi trọng cái đầu của quan lớn lắm. Chúng sẽ tìm mọi cách để ngài phải bật ra khỏi đất Bình Thuận này, kể cả chuyện cho người lên vào mưu hại.

- Xin đa tạ "Người cùng quê!".

Nguyễn Thông thảo thư trao cho khách, sau khi giả bộ đập bàn tức tối, đuổi người đưa thư ra khỏi phủ đường.

*

Điều người khách cùng quê dự đoán quả không sai. Ba lần Nguyễn Thông đi kinh lý đã có người bắn lén. Cũng may, phúc ông còn lớn, nên ông qua khỏi cả. Lần thứ nhất, mũi tên độc găm vào người cận vệ đi sát ông, vừa lúc ông rẽ cương xuống dốc núi thăm chỗ khe núi có thể dẫn nước về ruộng. Lần thứ hai, do cái linh cảm của người cháu đứng cạnh, thúc ngựa lên gạt tay bảo ông cúi đầu xuống. Viên đạn súng trường véo qua tai, làm đứt chiếc giải mũ. Lần thứ ba, là bát canh chua có thuốc độc, do ông bận việc quan, để quá nguội, người hầu đem cá gấp cho con mèo tam thể rất quý của ông. Nó ăn đứt mồi đã kêu thét lên mấy tiếng liên hồi rồi lăn ra chết.

Ông thâm cảm ơn lời tiên đoán của người cùng quê. Ông còn được mật báo tránh được việc giặc cho người đốt kho thuốc súng và dùng kế ly gián của ông với những tù trưởng có thể lực nhất ở vùng núi của người Chăm và người Thượng... Những sự việc ấy khiến Nguyễn Thông cẩn thận lo từng việc nhỏ, cho việc nuôi dưỡng thực lực mình có, để hoặc ở vùng quê có đất nổi dậy, những cánh quân thuộc "Đồng châu xã" của ông sẽ có dịp về quê hương, góp thêm sức cho người chống Pháp. Một tỉnh Bình Thuận, lần thứ hai ông ra trọng nhậm, thế và lực đã được củng cố thêm nhiều. Ngoài thành Bình Thuận, được ông chuyên tâm chăm lo bậc nhất là các thành Hàm Thuận, Ninh Thuận. Các cửa quan, cửa bể, các nhà trạm đều được ông đặt người, cất việc hết sức chu đáo. Quân Pháp ngỡ ông có ý ngấm gì, nên sau tìm đủ mọi mánh khoé khiêu khích, đầu độc, bắn lén không xong, chúng cử người ra kinh thành Huế, bức Vua Tự Đức phải đổi ông đi nơi khác và phải bãi bỏ hết chuyện tăng cường binh bị, tích trữ lương thảo.

Triều đình đang lẩn tránh về chuyện Bắc Kỳ, lại sợ ông gây ra chuyện gì bất lợi khiến quân Pháp có thể vin vào mà lấn tới, nên đã thể theo ý giặc, cất nhắc ông việc khác, không làm Trấn thủ Bình Thuận nữa. Chiều chỉ vời ông về kinh, vào bệ kiến Đức vua, tâu bày các việc rồi nhận chức mới. Chuyến đi này vui ít, buồn nhiều. Ông lại nhớ đến cuộc gặp mặt với người khách cùng quê kỳ lạ, mà ông ân hận mãi không biết hỏi rõ họ tên của ông ta... Ông lại còn lo khi ông đi khỏi đây rồi, khách có biết chăng, lại mật báo như cũ, nhờ xảy ra việc gì nguy đến tính mạng người tốt bụng ấy, thì cũng thật tiếc.

Triều đình giục gấp, quân sĩ biết tin xô nhau đến hỏi. Nguyễn Thông phải hết sức nén những cơn nóng giận lúc nào cũng rất dễ bùng ra trong lòng để an ủi, dặn dò người ở lại. Ông tuy đi khỏi đây, nhưng hồn ông vẫn còn gắn bó chặt chẽ với mảnh đất địa đầu ông đã dày công lao tâm khổ tứ, xây dựng mới được thế...

Ông cho thuyền đưa vợ về quê nhà, để nếu sau này có tính chuyện phải nay đây mai đó lo việc nước, khỏi vương bận vợ con. Đưa vợ về quê, vừa nhớ nhà, vừa cảm cảnh chia lìa giữa đôi vợ chồng tâm đầu ý hợp, ông buồn ngủ mãi. Ông có làm bài thơ tặng vợ, lời lẽ rất ân cần, ông lại thân đưa Ngô Vũ Khanh, người bạn đời thân thiết của ông ra tận cửa biển Ninh Thuận rồi mới quay thuyền trở lại.

Ngày hẹn về triều đã sắp đến, ông sắp sửa lên đường. Vừa lúc ấy, người hầu có lên thưa chiều qua có mấy vị già làng ở các bản Thượng vùng trong nghe tin ông đi có lên thăm. Bởi ông đi tiền phu nhân nên họ đành về, có gửi lại chút quà biếu, trong đó có lồng chim đa đa. Ông cảm động lắm, gọi viên phó tướng cho người đem muối và cá biển tặng lại dân làng và chuyển giúp bức thư ngắn cảm ơn thịnh tình của họ do đích tay ông thảo. Trời đã sắp tối, ông bảo đưa lồng chim đa đa lên cho ông xem.

Những con chim núi này có một dáng khác khổ. Sự tích của nó cũng hay lắm. Nó được truyền từ sách bên Trung Hoa sang.

Chim là hiện thân của một bậc danh sĩ yêu nước, vì nhà Chu lấy mất nước vào núi ở, chết hoá thành con đa đa, và ở đâu cũng cứ kêu vang lên cái câu "Bất thực cốc Chu gia". "Không ăn thóc nhà Chu", cái tiếng chim ấy hàng ngàn năm nay đã làm cho những nhà nho nặng lòng trung hiếu đều cảm khái. Bao nhiêu câu thơ hay của các nhà thơ có tiếng bên ta, bên Tàu đã viết về con chim này.

Ông nhắc lồng chim lên, nhìn ngắm từng con. Chim nhón nhờ rồi sợ hãi, xô nhau lẫn cụm về một góc lồng. Mắt chớp chớp, ông nói một mình:

- Người ta yêu tao, lại đem bẫy chúng mày cho tao đem nấu cháo. Tắm lòng đôn hậu của người miền núi có gì đáng trách. Nhưng tao làm sao mà ăn thịt mi được, làm sao nuốt thứ cháo nấu bằng thịt mi được.

Ông từ từ thả từng con một cho chúng bay đi. Những con chim được thả bay vụt ra ngoài vườn rồi đi mất. Ông quay vào uống rượu một mình, sẵn bút mực, cầm bút viết:

Thả chim đa đa

*Tầng mây chẳng ráp bay cao
Gà rừng kết bạn tiêu dao suối, rừng!
Ta đang mắc nghẽn giữa chùng
Nỡ đâu nhìn cảnh chim lồng cho đang!*

*Thả mày về với càn nam
Tìm bày đàn cũ suối ngàn dạo chơi
Giữ mình cho khéo chim ơi
Đừng sa vào bẫy, những người háu ăn...*

Ông ngâm vang rồi ngồi uống rượu tiếp. Chợt có tiếng khép cửa cẩn thận, rồi có tiếng chân của người cháu yêu bước đến gần. Người cháu chào:

- Lạy chú!
- Vào đây, ta đang cần gấp cháu! Có việc gì vậy?
- Dạ, chú có thư.
- Thư nào? Của ai?
- Dạ, của người khách lạ.

Người cháu trân trọng rút từ trong mình bức thư trao cho ông. Ông mở ra ghé đến ngọn bạch lạp chỉ thấy mấy dòng đá thảo, chữ rất đẹp: *"Thời cuộc vẫn xoay, biến đổi không lường. Nhưng tấm lòng "người cùng quê" có bao giờ giảm sút. Mong quan lớn lấy việc lựa việc, ứng biến nhanh, đừng nhụt chí. Dân Lục tỉnh vẫn chờ đợi ở ngài!"*.

Nguyễn Thông thở dài. Lần đầu tiên người cháu thấy con người cứng cỏi, gan dạ này ứa nước mắt. Ông đốt bức thư bằng ngọn bạch lạp. Ông trấn tĩnh lại bảo người cháu:

- Thuyền đã sẵn rồi chứ con?
- Dạ, sẵn.

- Ngày mai ta khởi hành thôi! Nhưng đi đâu về đâu thì lòng ta vẫn cứ hướng về cái vùng đất "Người cùng quê" này và cái nghĩa trang chôn cất những người chết vì nghĩa của người dân Lục tỉnh. Rượu ngon, uống một mình buồn quá! Con uống cùng ta một chén.

Ông rót rượu cho người cháu rồi cầm khay đọc cho cháu nghe bài thơ "Thả chim đa đa" ông vừa làm xong chưa rảo mực.

Năm 1987
Đêm tua-rua mực

Quan phủ áo vải thô

Soái phủ đã bó tay trước Hồ Huân Nghiệp. Chúng cân nhắc mãi. Tên chánh mật thám đích thân lo từ đầu đến cuối vụ án này. Thi thố trăm phương, nghìn kế, hần vẫn thất bại trước một thân hình nhỏ sinh bị ngược đãi, như một chiếc xác ép, hiện nằm ở xà lim tử tù.

Một gã thầy tu cộng tác đắc lực của Soái phủ, đêm qua lại gõ cửa viên chánh mật thám để hiến kế mới. Ông ta nhiệt thành đến khó chịu. Gã cam kết, gã sẽ thuyết phục được Huân Nghiệp, bởi gã đã nắm được thóp chỗ yếu của người tù. Viên chánh mật thám như bừng tỉnh trước lối nói mềm mại, đầy toan tính, với những lý do kể cũng vào loại tin được. Khoái trá thả mình trong ghế bành mây, nhấp một chén rượu vang có đá cực mát, viên giáo sĩ nói:

- Xin ngài chánh mật thám yên tâm. Ngài nhớ chứ, quyền lực của ngài đâu mạnh nhưng mạnh đâu bằng tình thương của Chúa Cứu thế. Tôi còn muốn đi xa hơn nữa kia.

- Tôi sợ ngài quá tin rằng công việc sẽ dễ dàng. Theo tôi, Huân Nghiệp không phải là kẻ dễ vỗ về đâu.

- Rồi ngài xem! Tôi sẽ làm ông ấy chuyển lòng. Mà tôi còn muốn ông ta là tín đồ của đạo Ki-tô nữa chứ!

Viên chánh mật thám cười nụ, nghĩ bụng: thằng thầy tu béo mồm này hơi chủ quan đây! "Tảng đá lạnh lòng" ấy, lửa nào mà hun chảy ra được! Nhưng Soái phủ lại tin cây thằng cha này! Một tiếng nói của ông ta có thể thay đổi mọi vị trí ở đất Gia Định. Rút hơi thuốc lá thơm dài, viên chánh mật thám bảo nhà truyền giáo, giọng châm biếm nhẹ nhàng:

- Tôi rất mong Cha thành công mỹ mãn. Soái phủ hẳn không tiếc Cha một thứ gì! Nhưng tôi hứa, nếu Đức cha giúp tôi thu phục được tên tù "đầu bò" này, tôi sẽ dâng Đức cha một thứ quà đặc biệt.

Nhóm người dậy, mắt sáng lên, Đức cha tò mò hỏi:

- Quà chi vậy? Thưa ngài!

- Một "thánh nữ đồng trinh" đồng bằng sông Mê-kông!

Giáo sĩ kêu thốt lên tên cực trọng, nụ cười tỏ ra vẻ nghiêm trọng, lại rất tình tứ:

- Ô! Ngài chánh mật thám. Ngài đã quá coi thường kẻ chặn chiền của Chúa!

*

Quan phủ Tân Bình được chuyển từ xà lim của Sở cầm vào nhà khách của một giáo đường nhỏ. Ông đã được cởi áo tù. Đức Cha xứ Tân Bình sai người giúp việc đem cho ông bộ quần áo lụa sang trọng, là nếp cực phẳng, xúc nước hoa thơm phức. Song Hồ Huân Nghiệp lại dùng bộ quần áo vải thô mình mặc chính lúc bị bắt. Hành trang của ông vẫn là chiếc tay nải dãn nâu có mấy thứ mẹ ông và vợ ông vừa gửi từ quê lên cho. Mọi thứ ăn uống ngon lành, thơm tho, rượu ngon, cá béo, thịt tươi, sữa tươi, quả mới, ông đều bỏ nguyên trên bàn mà uống rượu đế, nhắm với khô ruốc, quả cóc; ăn cơm với chút ít thịt kho nước dừa, mặn và đậm. Ông thản nhiên ngủ một giấc ngon lành sau nhiều đêm nằm trên sàn đá lạnh của chiếc xà lim ẩm mốc, đầy muỗi. Giác Pháp cho bạn bè và người thân thuộc vào thăm ông. Thấy hai người đàn bà, một già một trẻ vừa thoáng hiện phía ngoài cổng sắt, lòng ông đã bồi bồi trăm nỗi. Chắc là mẹ ông! Nhưng còn người đàn bà trẻ kia là ai? Có phải vợ ông chăng hay một người trong họ? Ông cố làm ra bộ khỏe khoắn để bà mẹ khỏi lo.

Mẹ ông bước lại gần. Người thiếu phụ xóc nách cụ dõ lên chiếc thêm cao nhiều bậc. Người mẹ thấy con tiêu tụy thì sững lại,

không đi nổi, nước mắt chảy oà ra trên gương mặt lo nghĩ, khắc khổ mệt mỏi trong cảnh loạn ly. Huân Nghiệp thương mẹ lắm. Ông thề lười liếm liên hồi đôi môi khô gằn như nứt nẻ vì cảnh ngược đãi của giặc. Ông chớp chớp mắt cố ngăn không khóc theo mẹ. Ông ân cần dắt mẹ đến bên ghế, tay rung lên theo nhịp tay run của mẹ già. Ông biết nhất cử, nhất động của ông trong lúc này, bọn tay sai đều theo dõi chặt chẽ, chúng sẽ nhè chỗ yếu của ông mà khoét sâu. Ngày xưa, Tào Tháo từng bắt mẹ Từ Thúc làm con tin, để ông vì quá thương mẹ bỏ Hán về Tào, mặc dù về, ông không góp thêm một mưu nhỏ. Nhưng đó là chuyện người Tàu. Giặc Pháp cũng xảo quyệt, nham hiểm lắm. Để xem, chúng giở những trò ma quỷ gì!

Huân Nghiệp hỏi nhỏ, lòng đầy kính cẩn:

- Mẹ có được khoẻ không ạ?

Bà mẹ lau nước mắt gạt đầu. Ông quay sang nói chuyện với người thiếu phụ. Bà mẹ dần bình tâm lại. Huân Nghiệp cười, thân mật nói:

- Chị Trương mà tôi không đoán nổi là ai đấy! Chị tới làm tôi nhớ anh ấy quá! Trong tù, tôi thường mơ thấy anh Trương Minh Nghĩa luôn. Đúng thôi mà, khi anh ấy còn sống, hai chúng tôi như hình với bóng! Anh ấy thật phong độ, khoan thai, đĩnh đạc. À, đám sách vở của anh ấy, chị vẫn giữ được đấy chứ? Chính nhờ mấy câu sách của anh ấy, bạn bè mới có cái mà đọc, mà xem, để mở mang trí tuệ!

Người đàn bà đặt trái cây lên bàn, nói:

- Mẹ và tôi lại chỗ ngục cũ mới biết người ta đã đưa anh về bên này! Liệu anh có được tha không?

- Trời ơi, tha ư, chị có tin không? Tôi bị ghép những tội gì chị biết không? Tội điều động binh lương, chiêu mộ binh sĩ, dự vào ban tham mưu cho Trương Định; tội nhận chức tri phủ do dân chúng phong tặng và bắt làm; tội khi Trương Định vỡ đôn Tân Hoà mà tôi không chịu ra đầu thú; tội không chịu khai nửa câu về những người

tự nghĩa; tội mắng những kẻ hời cung khi chúng xác xược xúc phạm đến người Nam mình... ngần ấy tội thì tôi có đến bốn năm cái đầu cũng rụng trước mấy chém của giặc!

Huân Nghiệp hỏi thăm Phạm Như Châu, Lê Xuân Khánh, những người bạn tâm đắc của mình! Ông ca ngời lòng hào hiệp, tính khảng khái của họ. Người thiếu phụ chớp chớp mắt. Gương mặt đôn hậu bỗng dờ ra vì cách xử sự thiếu suy xét của mình. Chị thốt lên:

- Thế mà tôi lại gom tiền bạc để chạy cho anh ra tù đấy!

- Chị ngây thơ thế, chị Trương. Giờ có ngài Phan Thanh Giản mang lệnh của Đức vua can thiệp, tôi cũng chưa thoát khỏi bị chết chém! Chị mất toi tiền cho bọn sâu mọt, mặt thám, mã tà rồi!

- Anh ăn trái cây, tôi gọt nhé!

- Tôi ăn bao nhiêu mà mang cho lắm thế?

- Bà con hàng xóm gửi cho anh đấy. Nhận hết có hoạ hàng xe. Tôi và mẹ chỉ dám lấy mỗi người chút xiu, tượng trưng thôi!

Huân Nghiệp cảm động lắm. Ông biết tình dân đối với ông! Dân Lục tỉnh thương ai là da diết lắm! Mắt ông ướt ướt, ông lừ lừ nói:

- Xoài đầu mùa đây! Thơm quá! Thơm quá!

Ông đưa trái xoài lên hít hoài vào làn da vàng pha xanh mỡ màng. Ông nhận về được cả hương cây, hương quả, hương làng của miệt vườn xum xuê hoa trái. Tháng 4 này, vườn cây mới nhộ nhịp làm sao! Xoài trĩu trĩu. Mận (gioi) đỏ thắm lấp ló trong lá. Sầu riêng quả đang độ tơ, treo lủng liểng trong nắng sớm mai chiếu dọi giữa tán cây. Ong bướm đầy vườn. Chim chóc không bao giờ dứt tiếng hót. Rồi, những trận mưa đầu hè rửa sạch nước duềnh lên. Tôm cá theo sấm động tháng 3 xấn xỏ vào ăn phù du tận các chân vườn, chân làng, chân ruộng... Với tay xuống đất là kiếm được thức ăn ngon, giơ tay lên đầu là chạm vào hoa trái. Trời đất giao hoà cho

muôn loài sinh nở! Chao ôi, đất Lục tỉnh sôi động đến côn trùng hoa cỏ, sao ông lại bị cùm trói ở nơi này. Huân Nghiệp ngồi thừ ra! Người thiếu phụ đã gọt xong trái cây. Không có đĩa mang theo, chị phải trải lá xoài phủ trên mặt bàn làm đĩa. Huân Nghiệp nhìn những miếng xoài vàng tươi, thơm tho, hương vị ngọt ngào, nói:

- Ăn xoài trên đĩa lá cây thế này mà ngon đấy!

Ông nhón tay, chọn một miếng xoài ở má quả, dâng lên mẹ:

- Mẹ ăn với con một miếng!

Vừa tạnh cơn xúc động, bà mẹ lại giàn nước mắt, bởi bà lại nhớ, khi ở nhà, dù lúc còn hàn vi, hay khi làm quan phủ được ông Trương Định hết lòng vì nể, có miếng ngon, miếng ngọt nào, Huân Nghiệp cũng mời bằng được mẹ cùng ăn với mình.

Bà cụ cầm miếng xoài cho con vui lòng:

- Con ăn đi!

Huân Nghiệp chọn một miếng khác mời chị Trương. Chị nhận, nhưng đặt tạm sang bên, ngồi gọt tiếp. Huân Nghiệp ăn liền hai ba miếng một lúc, miệng khen rồi rít:

- Trời, xoài quê mùa nay ngon quá!

Ông nhớ lại những ngày sôi nổi ở đồng bằng. Khi nhận lời cộng sự với Trương Định, ông len lỏi khắp vùng kinh rạch, tổ chức các kho chứa vũ khí, lương thực, lo những thứ cần thiết cho vùng căn cứ của nghĩa quân, khi việc lớn gặp phải những lúc không thuận buồm xuôi gió. Ông tìm đến những người hào hiệp, kết giao với những bạn bè nhiệt thành, xả thân vì nước. Người theo quan Bình Tây Nguyên soái Trương Định ngày một đông. Có khi ông tổ chức một tối hội hè cho trai gái hát hò lý, múa rồng, múa lân, rồi từ trong đám hội ấy mà vận động mọi người góp lương, góp tiền, góp người cho quân khởi nghĩa; có buổi ông hội họp những người yêu văn chương cùng đàm đạo ngâm nga những bài thơ xướng họa của Phan Văn Trị và Tôn Thọ Tường mà bàn luận chính, tà cho rõ kẻ ngay

người gian ở đất Lục tỉnh. Người tốt kết tụ lại khá đông, lòng mến mộ ông phủ ngày càng tăng. Đôi khi ông cũng phải bận tâm đến các vụ kiện tụng ở trong vùng. Dựa vào đám dân chúng bộc trực, thẳng thắn, ông đã gỡ rối nhiều vụ tranh đất, lấn vườn, đánh ghen, trộm cắp. Ông đã làm cho hai nhà kiềng mặt nhau, lại giao hảo thân thiết, rồi gả con cho nhau. Dân trong vùng hài lòng vì mình đã tìm được người đáng mặt trấn trị cái phủ vốn là một đất dữ, gồm nhiều dân đầu sông, ngọn nguồn, đỉnh rừng mép biển về tụ hội.

Huân Nghiệp hỏi mẹ:

- Mẹ vẫn khoẻ, chứ ạ?

Bà mẹ cầm lấy tay ông. Tay mẹ nhăn nheo, những đường gân xanh nổi lên rõ mồn một:

- Bao giờ con về nhà?

- Mẹ ơi, con biết mẹ mong con về lắm! Nhưng con đành thất hiếu với mẹ thôi!

Bà mẹ sững sốt hỏi:

- Sao con lại nói gở thế!

Nước mắt bà mẹ lại ứa ra. Huân Nghiệp cắn môi, nhìn mẹ:

- Mẹ ơi, mẹ đã cho con đi tự nghĩa, hẳn mẹ đã lường trước những việc này. Giặc Pháp ác độc lắm! Nó bày mưu lập kế để mua chuộc con. Nó biết trên đời này, chỉ có mẹ là bảo được con vâng lời thôi! Nhưng con hỏi mẹ, mẹ có muốn con hàng giặc không?

Bà mẹ khóc lên thành tiếng, nói trong nước mắt:

- Mẹ biết... Mẹ biết lần mẹ thăm con này sẽ là lần cuối cùng... Nghiệp ơi... tội nghiệp cho con quá! Chẳng lẽ mẹ ngồi nhìn chúng nó giết con ư?

Bà mẹ lão đảo, đứng không vững. Huân Nghiệp đỡ mẹ, nói:

- Con biết lòng mẹ. Mẹ sinh ra con là để nối chí cha ông, không nộp đất, nộp quê hương cho giặc. Bao nhiêu cái đầu rơi trước

con rồi. Ông Trương Định anh hùng, trí lự là thế, muốn giàu sang nào có khó gì, mà ông vẫn chọn con đường cứu nước, mặc mọi chuyện dữ dằn có thể xảy ra. Con là bạn, là người thân tín của ông Trương, con đành chết chứ không bao giờ chịu cho giặc mua rẻ đời mình. Con biết rằng, nếu thằng Nghiệp này hèn thế, thì chính mẹ lại từ con, chứ không phải ai khác...

- Trời ơi. Con tôi...!

Hai mẹ con đôi hồi, lòng ngổn ngang trăm mối. Huân Nghiệp nói với chị Trương:

- Tôi nhờ chị trông nom mẹ giùm tôi, bây giờ cũng như sau này. Ông ấy, Nghiệp này xin kết cỏ ngậm vành.

Chị Trương đầm đìa nước mắt, khẽ khàng nói:

- Anh nói làm chi cho thêm rầu lòng. Anh và anh Trương Minh Nghĩa nhà em, ăn ở với nhau hơn cả anh em ruột. Mẹ anh tức là mẹ chúng em... Dù rau cháo qua ngày, em thề chẳng dám rời mẹ!

Huân Nghiệp ngoảnh mặt đi, tránh để hai người đàn bà thấy mình sa nước mắt.

Bọn canh cổng vào mời những người đến thăm ra về, sau cái nhú lông mày khó chịu của tên mật thám đứng giấu mình sau cánh cửa. Khi họ ra cổng, chúng sổ sàng giữ lại khám xét rất kỹ lưỡng, sợ Huân Nghiệp truyền tin mật về cho nghĩa quân.

Khách đến thăm quan phủ Hồ Huân Nghiệp ngày hôm ấy rất đông. Bọn gác ngăn lại nhiều người, và chỉ cho những ai chúng cho không nguy hiểm mới được vào.

Chiều tối, một người đàn ông gầy gò đen đui, mắt đen như than, lông mày hơi xệch được chúng cho vào, sau một hồi to tiếng!

Anh ta vào đến cửa đã lễ phép, khác hẳn cái thói ngông nghênh khi gặp bọn gác cổng làm khó dễ. Anh chấp tay xá dài:

- Lạy thầy ạ!

Huân Nghiệp ngờ mãi, không nhớ nổi người đến thăm mình là ai! Con người có tướng võ nhiều hơn tướng văn này là người thế nào? Sao anh ta lại cố vào thăm mình bằng được mà bọn giặc cũng để vào. Dù sao cũng phải thận trọng! Biết đâu đây cũng là một cách lừa nhử vào vòng cạm bẫy của giặc. Song nếu người mến mộ mình thật thì sự nghi ngờ ấy thật là lỗi lớn. Huân Nghiệp cứ bồn thần nhìn thì anh ta đã hồ hởi nói:

- Thầy không nhận ra con ư?

- Anh thứ lỗi cho, quả thật tôi...

- Thầy lạ là phải. Bởi con chưa bao giờ ngồi với thầy đôi hồi trò chuyện, con cũng chẳng học thầy ngày nào. Nhưng mấy anh em kết nghĩa chúng con mến đức trọng tài, tôn thầy làm thầy từ lâu!

- Xin đa tạ, song anh là ai vậy?

- Con là kẻ đốt nhà thầy!

- Nói chi kỳ dữ vậy?

- Dạ thiệt! Con đâu dám giỡn! Con ở trong tụi đốt nhà thầy hồi thầy ngồi dạy học ở ngã ba Châu Thành đó!

- Ủa!

- Đúng vậy! Hồi đó, mất mùa đói kém, mấy đứa con họp nhau làm bậy làm bạ kiếm sống! Cũng là trò trêu tường khoét vách thôi. Mới tập tọng vào nghề, chúng con ngờ nghịch lắm! Có hôm bị vây cả tụi suýt sa lưới. Có bận chó đuổi té luôn xuống ao! Buồn cười lắm! Vậy mà thầy lại cho cất ngôi nhà ngôi dạy trẻ, chắn ngay chỗ hiểm địa, ngày nào chúng con cũng phải qua lại, mới gay chứ! Bởi thế tụi con đốt rụi liền!

- Ra vậy. Thế mà khi nhà cháy, tôi cứ bản khoăn mình ăn ở ác độc chẳng mà bà con ngấm đốt nhà! Sau cũng có đoán ra hay là mình làm nhà ở chỗ cánh anh em giang hồ qua lại, họ ngứa mắt đốt cho biết mặt. Kỳ thực, mộ cha tôi vừa chôn ở đó, tôi phải cất nhà vừa dạy học, vừa chăm sóc. Có vậy thôi!

- Về sau tội con có biết.

- Các anh đốt là việc của các anh. Gìn giữ trông nom mộ ông thân sinh là việc của tôi! Bỏ sao được. Vả lại khi các anh đốt, tôi càng ngại các tay "hảo hớn" có ý quật mả kiếm vàng, do đó càng phải giữ!

Chàng mắt xé cười nheo cả mắt, lắc đầu:

- Tội con bái phục liền mà! Chúng con tôn thầy lên bậc đại hiền liền mà!

Huân Nghiệp phì cười. Chàng hảo hán kể chuyện bỏ nghề lục lâm, theo nghĩa quân, bị giặc vây, truy nã, lại phải lấy nghề lục lâm đánh lạc giặc mà độ thân. Anh ta thấy Huân Nghiệp bị giam, cố lần về thăm bằng được, không sợ nguy hiểm. Anh ghé tai, nói nhỏ:

- Chúng con trôi nổi về tận Tân An theo ông Nguyễn Lịch. Đánh mấy trận, diệt mấy đồn! Tây đến, đồn ép quá trời, nã toàn đại bác, triệt phá hàng mấy làng, dân người lúng lúng như đám chó săn lúng thỏ, đành phải phá vây tạm nương nấu chờ thời! Tan tác cả rồi, thầy ơi! Con chạy dọc kinh xáng, mệt tưởng đến chết. Ba ngày ăn toàn ngó sen, lại càng buồn ngủ. Ngày thứ tư luôn vào gác bếp một nhà giàu, sục được ít thức ăn, lên nhà khoắng được vài bộ quần áo, đem đến chợ xa tẩu tán, làm một bữa nhậu bù trừ. Như vậy con có đáng can vào tội thập ác không thầy?

Anh chàng này cũng vui tính, hóm hỉnh lắm! Huân Nghiệp lây vui, đùa bảo:

- Thiện căn là gốc thì đức Thích Ca Mâu Ni cũng châm chước.

Chàng hảo hớn cười phá lên:

- Có vậy chứ! Hôm nay con góp ít bạc vụn, mua chai rượu, mua đồ nhắm, xin thầy la đà với con một bữa, gọi là duyên kỳ ngộ, nghĩa thầy trò! Xin thầy đừng từ chối.

- Thì bày ra!

Chàng hảo hớn bày thức nhắm. Anh chuẩn bị đầy đủ cả. Anh trải lên bàn một mảnh lá chuối trần nước sôi làm mâm, đặt lên đó một chiếc chân giò đã lọc phần xương, thịt thái miếng to, một con vịt quay mua ở hiệu cao lâu chặt làm sáu, kiệu, ớt, gia vị đầy đủ không thiếu. Anh xoa tay rồi rót rượu mời:

- Xin mời thầy!

Huân Nghiệp lấy trái xoài còn hơi xanh thái cả vỏ thành từng lát bày thêm làm thức nhắm. Hảo hớn ăn như vũ bão. Huân Nghiệp ăn từ tốn nhưng thật lòng. Chẳng mấy chốc cả rượu và đồ nhắm đều cạn sạch. Thoả mãn, thu dọn các thứ, hảo hớn cáo từ:

- Con phải quay ra đây. Mong được ngày hội ngộ cùng thầy.

Nước mắt anh rơm rớm, khiến Huân Nghiệp cũng bồi hồi. Ông đặt tay lên vai anh:

- Việc nghĩa biết chết cũng phải làm. Người như anh cũng là hiếm. Xin cảm tạ tấm lòng tốt của anh và bạn bè khác. Biết đâu chẳng còn lúc chúng ta lại được nâng chén cùng nhau. Chúc anh thượng lộ bình an!

- Lạy thầy ạ!

Hảo hớn vái dài rồi lui. Huân Nghiệp định ngả mình một chút thì một dáng người bệ vệ, vận áo tu sĩ, tay cầm cây thánh giá bằng bạc, bước vào. Vị linh mục người Pháp. Ông mở đôi mắt híp, dèch đôi môi mỏng, tiến thẳng đến chỗ Huân Nghiệp, cất tiếng ồm ồm:

- Chào ông!

- Chào giáo sĩ!

- Ông có khoẻ không! Ông thấy chúng tôi cũng biết người biết của đấy chứ!

Huân Nghiệp cười:

- Có thể là ông biết người, nhưng của ông tung ra lập mẹo lừa người, khéo mà phí toi đấy!

- Ông lại nghi ngờ lòng tốt của chúng tôi rồi!

- Thưa giáo sĩ, người Pháp họ cũng biết dùng tiền của lắm! Cần bỏ đỡ một ông quận công để dựng lên một điểm tựa, mấy nghìn lạng vàng có là bao. Nhưng nếu phải bớt miếng gạc cho một người dân bướng bỉnh, mất máu vì đại bác chết cho rảnh mắt, thì họ cũng bớt!

Đức cha nhú lông mày, cười nhạt:

- Người Nam Kỳ ta quả là khó chiều!

- Ông lầm đấy! Người Việt Nam, nhất là dân Nam Kỳ, chỉ ưng kết bạn. Nhưng đánh rắn thì họ lại đập nát đầu!

- Ông quả là một con người có lá gan bằng thép!

Giáo sĩ ngồi thờ người trong ghế xích đu, nghĩ kế mới. Huân Nghiệp rót trà mời rất lịch thiệp. Ông cũng nhấp chén trà nóng, cầm điều thuốc lờ, châm đóm, rít mỗi thuốc giòn tan, không cần biết kẻ ngồi trước mặt mình là ai! "Đức cha" hơi phật ý! Ông ta đi đi lại lại và nói:

- Sáng nay, tôi thấy bà cụ đến gặp ông. Ra ngoài đường, bà tưởng như quy, không đứng dậy nổi. Người thiếu phụ cùng đi xốc cụ dậy, cả hai đều khóc sụt sùi. Tôi cảm lòng không nổi, nên tôi muốn giúp ông!

- ...

- Đạo nho rất trọng hai chữ trung hiếu. Bậc sĩ quân tử như ông nữ nào lại coi nhẹ chữ hiếu!

- Ông lầm rồi! Chính là hiếu lòng mẹ tôi nên tôi không dám làm trái ý bà. Ông là người thay Thiên Chúa để vỗ về đám dân chúng, vốn rất giỏi tâm lý, sao lại nói thế? Tôi được mẹ nuôi nấng từ nhỏ, biết rất rõ mẹ tôi không muốn tôi là kẻ hư đốn phản dân, hại nước.

Giáo sĩ cười ngạo mà nói:

- Ông hơi câu nệ đấy. Phương Tây chúng tôi lấy văn minh làm trọng. Người Pháp đem văn minh đến cho nước ông, tôi

nghĩ, nếu các ông thức thời thì nhất thiết phải cộng tác với chúng tôi chứ!

- Thưa ông, nếu các ông thực bụng đem văn minh đến cho nước tôi mà không nhằm một chút lợi lộc gì, thì người Việt Nam chúng tôi trải chiếu hoa đón người Pháp vào. Nhưng, cái chính là các ông muốn cướp nước tôi thật sự, muốn biến dân chúng tôi thành một lũ tôi đòi, biến Vua chúng tôi thành một gã nô lệ dễ bảo; vợ vết của cải đem về chính quốc như tất cả những người ngoại bang đã sang đây! Cha ông chúng tôi đã đọc nhiều lời phủ dụ ngọt ngào của các Vua Nguyên, Vua Minh, Vua Thanh, và đã trả lời họ bằng giá máu để giành lại đất nước...

Giáo sĩ át di:

- Ô, mỗi thời mỗi khác, người Tàu khác, người Pháp khác. Về phần tôi, làm nghề giáo sĩ, tôi lấy tình thương của Chúa muốn tránh cảnh chém giết, máu chảy đầu rơi vô ích nên mới tận tình giúp ông.

Huân Nghiệp cũng cười, đồng dạc, vừa đi vừa nói quanh chiếc bàn lim lớn:

- Nghề nào cũng có chân có giả. Đến vàng ngọc cũng có đồ giả. Thầy tu cũng vậy thôi. Đạo Phật chúng tôi cũng có nhiều người đi tu. Có người đúng là bậc hoà thượng chí tôn, nhưng cũng có gã là sư hổ mang. Người chân tu, chân giáo thường chọn chỗ lâm than, hoà đồng cùng dân chúng, lấy cái thiện làm hành động, lời hay làm lời ân cần dạy bảo; chứ có đâu ngồi trong lầu cao, ăn cơm ngon, núp sau tàu đồng, đại bác, bênh kẻ gây chiến, đao binh, cướp của giết người, hoàn toàn trái với đạo lý!

Cố nén giận, viên giáo sĩ cười nham hiểm đáp:

- Tôi sợ ông và những nhà nho thường hay có định kiến với người Ki-tô giáo chúng tôi đó!

Huân Nghiệp ý nhị, đáp:

- Đã hào hiệp thực lòng, thì ngại gì định kiến!

Viên giáo sĩ tức tối bỏ đi. Ngay tối hôm đó, bản án tử hình của Hồ Huân Nghiệp được Soái phủ phê chuẩn. Nước Pháp chửi máy chém từ Pa-ri sang để chém đầu những người yêu nước Việt Nam! Chúng lôi ông trở lại xà lim tử tù, cùm chặt lại. Tuy vậy, khi ông được đưa từ nhà khách giáo đường về, chúng phải bất ngờ lên đi một lối tắt, sợ du binh phục kích, đánh tháo mất một yếu nhân quan trọng, cánh tay phải của Trương Định.

Mờ sáng hôm sau, chúng đã đem ông ra hành quyết. Không một ai được gặp mặt ông. Chúng đem cơm rượu đến cho ông ăn. Ông co chân đạp đổ. Máy chém đã đặt giữa lòng sân trại giam. Tên đao phủ đã treo lên lưỡi dao thép nặng, chờ người tù nằm vào tư thế chịu chết!

Hồ Huân Nghiệp được dẫn đến. Ông mặc đồ nhà nho, quần trắng, áo sa lam, đi giày Gia Định, chít khăn nhiễu Tam Giang. Ông thanh thản đến kỳ lạ. Trên đường sắp kề máy chém, tên giáo sĩ từ góc bên, gạt những tên lính áp tải, bước vội đến. Hắn nói thật to để mọi người chú ý:

- Hãy khoan, ta cần nói chuyện với người này.

Hồ Huân Nghiệp dừng lại. Viên giáo sĩ lấp bắp nói:

- Ông Nghiệp... ông Nghiệp, tôi thực bụng muốn giúp ông mà! Ông không nên chết, uống phí mất một đời tài trí!

Huân Nghiệp nhìn hắn, bĩu môi cười khinh bỉ. Ông bước lên máy chém. Viên giáo sĩ níu áo ông lại, chìa chiếc thánh giá ra:

- Mẹ già ông ai nuôi? Ông Nghiệp ơi! Tội lắm! Chỉ cần ông hôn lên chiếc thánh giá này thì dù án đã phê chuẩn, máy chém lập tức cũng được dẹp đi thôi!

- Đừng quấy rầy ta!

Hồ Huân Nghiệp lấy tay gạt mạnh, tay ông đánh mạnh vào cánh tay tên giáo sĩ khiến chiếc thánh giá văng xuống đất. Ông từ từ bước đến máy chém, quay lại, đọc to mấy câu thơ vừa nghĩ được lúc sáng nay:

*Kiến nghĩa ninh cam bất dũng vi,
Toàn bằng trung hiếu tác nam nhi.
Thử thân sinh tử hà tu hậu,
Duy luyện cao đường bạch phát thi⁽¹⁾.*

Ông bước lên máy chém. Trong số người lính áp tải, có một người cùng tỉnh khác huyện với ông. Anh ta cảm kích trước cái chết hiên ngang, sau khi ông tử nạn, thường bí mật mua hương hoa đến chăm nom phần mộ. Anh còn liên lạc với người coi xà lim, thu thập được kỷ vật của ông.

Một đêm ra thăm mộ, vô tình anh gặp chàng hảo hán. Hai người làm quen với nhau và kết bạn cùng nhau. Chàng hảo hán đã nghe trọn phút lâm chung, nghe bài thơ tuyệt mệnh của người anh suy tôn làm thầy học, lòng lại càng thêm ngưỡng mộ, sùng tín.

Sau này, anh đã đem kỷ vật của Hồ Huân Nghiệp về cho gia đình, đi tìm bằng được tân quân của Trương Định và theo cho đến phút ông Trương lâm nạn.

1987

⁽¹⁾ *Thơ tuyệt mệnh của Hồ Huân Nghiệp, tạm dịch:*
Làm ngơ trước nghĩa há lòng nào!
Trung hiếu, làm trai, vẹn mới hào!
Sống thác thôi bàn chi đến nữa
Chỉ thương thân mẹ, tóc phau phau!

Tiếng trống kêu oan

Tri phủ Bùi Hữu Nghĩa, đang ngồi xem lại các công văn, thư tín thì bên ngoài có tiếng ồn ào. Viên thừa phái vào, hốt hoảng thưa:

- Bẩm đại nhân, dân chúng rạch Láng Thê kéo đến đông lắm!

- Ủa, sao vậy!

- Dạ, con không biết mỗ, tốp ra thế nào?

- Để ta ra coi xem!

Quan phủ rời công đường bước ra trước cổng phủ. Những tiếng thét, tiếng la ồn ào:

- Đánh chết chủ thầu đi! Phải để cho kênh xáng của dân, dân dùng!

- Đúng thế! Của Trời, của Đất, của Vua ban, đâu phải của nhà chúng nó, mà chúng nó láo!

Vận chiếc áo sa lam hoa, quan phủ ra đứng trước dinh, nói:

- Này, các ông, các bà, đây là cửa quan chứ không phải là ở chợ đâu mà làm ầm ĩ lên thế nhé!

- Bẩm quan, oan ức lắm! Oan ức lắm!

- Oan ức gì thì cử người vào phủ đường kêu, chứ không bạ ai người ấy nói được, biết nghe ai, đừng ai?

Dân chúng im lặng, quay cổ lại nhìn nhau. Họ đang chọn người để vào trình việc.

Bùi Hữu Nghĩa vốn người Long Xuyên, Bình Thủy, người Lục tỉnh. Nhà ở xa, nhưng cha Nghĩa quen thiên hộ Lý, người Mỹ

Khánh, Tổng chánh Mỹ Thượng, liền gửi con ở đây. Nghĩa đâm đuối học hành, không mải chơi như các thầy khoá miệt đất mũi được lên đất phở, buôn bán sầm uất, đất ăn chơi rượu chè, cờ bạc, ca lâu... chỗ nào cũng có.

Khoa thi Hương năm Ất Mùi, Bùi Hữu Nghĩa liền chõng đi thi. Nhiều cậu khoá, hôm vào trường thi, mặt cứ vênh lên, khoe khoang rầm rĩ, nhất là đám học trò đất Gia Định, Mỹ Tho. Họ là con các nhà giàu, con quan huấn, quan lãnh binh, cứ tưởng bằng vàng chiếm chẳng có chi là khó, chỉ chờ ngày xướng danh, yết bảng là ân tứ vinh quy. Nào ngờ, khi xem bảng, thì các công tử lại là những chàng tiu ngử trước nhất. Đỗ đạt năm ấy, toàn là cánh học trò các tỉnh miền Tây, miền Đông xa xôi của Lục tỉnh, nhà nghèo, hiếu học. Thủ khoa lại chính là Bùi Hữu Nghĩa!

Thiên hộ Lý mừng lắm, gả luôn con gái cho. Bùi Hữu Nghĩa do thế mà được bổ làm quan ngay. Riêng quan Thượng thư Phan Thanh Giản nghe tin có người học trò giỏi, đỗ cao, khiến các quan chủ khảo, đề điệu phải khen, tiếng đồn về tận kinh đô, ngàì vui lắm. Ngàì hỏi tên vị thủ khoa và lưu ý đến quan Giải nguyên vốn ở gần với quê hương Bến Tre của mình.

Bùi Hữu Nghĩa cho mời bên nguyên đưa đơn kiện vào. Một ông già tóc trắng như bông, vai vất chiếc khăn rằn, mặt vuông, mắt xếch đi đầu. Kế đến là những nhà nông có vườn ruộng ở hai bên kênh Láng Thέ. Người cầm tờ đơn là một thư sinh nhỏ nhắn, mặc áo đen, quần đen, đầu chít khăn nhiễu tam giang.

Quan phủ xem đơn, rồi nói:

- Chủ thầu là ai vậy.

- Dạ đó là một chú khách quen với quan Tổng đốc họ Trương và quan Bố chánh Truyền.

- Từ trước đến nay kênh Láng Thέ ai sử dụng?

- Dạ chúng con sử dụng ạ!

- Có đóng thuế không?

- Dạ, không phải đóng!

- Sao lại không phải đóng?

- Bẩm, do dân Láng Thế trước có cất giấu đức Cao Hoàng Đế Gia Long, do đó, khi lên ngôi, ngài Ngự đã ban ơn cho Láng Thế không phải nộp thuế thuỷ lợi.

- Vậy bây giờ ai bắt nộp thuế?

- Dạ chủ thầu là cái thằng Tàu Chợ Lớn đấy ạ!

- Sao người cha vợ, chú vào ở đâu đến lại làm ngược lại điều trước đã thành lệ.

- Y nói là y đã thầu được kênh Láng Thế từ các quan tỉnh. Y cho vài ba đứa đến dọn lục bình, phát dừa nước qua quýt rồi cho người canh chừng dọc kênh, ai chịu ký vào sổ lấy nước, sau này nộp thuế thuỷ lợi, mới cho tháo nước vào ruộng! Nghe nói, y đã hối lộ quan Tổng đốc Trương và quan Bố chánh Truyen!

Quan phủ nhận đơn rồi nói với dân sở tại:

- Ta nhận đơn này, đợi ba ngày nữa sẽ có liệu định. Các ông hãy cứ về đi.

Bùi Hữu Nghĩa giở lại các văn bản của các quan tiền nhiệm, thấy có ghi lại: trong một vụ tranh chấp kênh giữa hai làng, có nói đến việc gia ơn của Vua Gia Long, liền yên chí phê vào đơn:

"Việc tha thuỷ lợi không phải nộp thuế là ân xưa của Đức Thế Tổ Cao Hoàng đế. Ai nhỏ hơn Ngài mà làm trái, đứng ra bán đấu thầu rạch thì có chém đầu hấn cũng không sao!".

Quan phủ vốn cũng không phục Tổng đốc Trương và Bố chánh Truyen. Họ là người đang lâm đục nước, béo cò. Quân Pháp đã vào Gia Định đang chiếm mấy tỉnh miền Đông. Bọn lái buôn ở Chợ Lớn đi lại, buôn bán rất phát tài. Chúng lo lột các quan tỉnh nên xin gì cũng được. Không những chúng vét thóc gạo, trái vườn, tôm cá đem lên thành phố bán, chúng còn bán với

giá cắt cổ những thương phẩm vải vóc ở những nơi nhiều loạn hoặc xa kẻ chợ...

Dân chúng ở đây đã theo Thiên hộ Dương gương cờ Cần Vương, sẵn sàng đánh Pháp. Có người thích Trương Định thì lên tận Gò Công - xung vào nghĩa quân để gần đồn Pháp, đánh giặc được nhiều hơn... Ở đất quân nhậm thuộc Vĩnh Long, Tổng đốc Trương và Bố chánh Truyện, để tránh xung đột với thủy quân Pháp đang rập rình, điều võ giương oai ở dọc sông Hậu, nên không lo giúp rập quân Cần Vương. Còn ở đất Bùi Hữu Nghĩa cai quản, ông cho tha hồ mở lò rèn, đúc vũ khí không ngăn trở. Không những thế, tàu Pháp có lúc xin đường qua kênh, ông mượn cớ đi vắng, đi tuần sát các làng xã, khiến chúng chần chán phải rút quân đi. Do đó, Nghĩa không được lòng quan tỉnh.

Dân Láng Thê được lời phê của quan phủ sứ long lăm. Tên chủ thầu kênh đến gây sự. Chúng cho gia nhân đánh chửi mấy người tháo nước vào ruộng, bất chấp cả tờ lệnh của quan huyện sở tại.

Dân chúng khiêng người đến bắt vạ, chủ thầu cậy có đám đầu trâu mặt ngựa thuê từ Chợ Lớn lên, liền đánh vỡ đầu chảy máu mấy người nữa. Không kìm giữ được, dân chúng xông vào phá đập, tháo nước vào ruộng, đuổi đánh đập mặt chủ thầu và quật chết mấy tên tay chân của hắn.

Vụ án thành to chuyện. Tổng đốc Trương và Bố chánh Truyện đích thân xuống xử án. Y thấy lời phê ở đơn của Tri phủ Nghĩa liền tức tốc cho bắt giam Bùi Hữu Nghĩa rồi giải lên giao cho quan Án sát tỉnh xét hỏi; lại dâng trình về quan Hình bộ thượng thư, luận tội Bùi Hữu Nghĩa đáng tội chém bêu đầu vì không tuân lệnh trên, mạn thượng, gây ra rối loạn đến xảy ra án mạng.

Bùi Hữu Nghĩa bị lột mũ áo, trói giải theo thuyền quan Tổng đốc về thành Vĩnh Long rồi đưa về kinh đô.

Dân chúng Láng Thê ức không kêu ai được nữa...

Vua Tự Đức đang ngồi xem án Bùi Hữu Nghĩa. Ngài đích thân sang bộ Hình để hỏi kỹ về vụ án này. Chiều qua, ở Cơ Mật Viện, Thượng thư bộ Lại Phan Thanh Giản có nán lại tâu trình:

- Tâu Bệ hạ, thần muôn chết mong được ngài Ngự chú ý đến dân Lục tỉnh.

- Khanh có việc gì cứ nói.

- Đất Lục tỉnh hàng trăm năm nay chịu cảnh chinh chiến, lại là vùng đất kinh rạch xa xôi mới khai phá, do đó học vấn chưa bồi đắp được bao lâu! Những khoa thi Hương có được vài ba chục cử nhân, đã lấy làm quý hoá. Giờ đây, thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa làm Tri phủ Trà Vang thuộc Vĩnh Long, cố vâng theo điển lệ mà bị khếp vào tội chết. Vợ con kinh hãi đến kêu xin. Thần mong Thánh thượng mở lượng hải hà xem xét!

- Đó là chuyện gì vậy.

- Số là vợ Tri phủ Bùi Hữu Nghĩa từ Vĩnh Long ra kêu oan cho chồng.

Nói đoạn, đem hết sự việc của vợ Nghĩa ra tâu bày. Tự Đức ngẫm nghĩ rồi nói:

- Đức thế Tổ Cao Hoàng xưa, hồi còn long đong tìm đường dựng nghiệp, những phút trốn chạy do bị truy lùng gấp, có nương náu ở một số vùng. Vì thế, khi thống nhất giang sơn, khai sáng vương triều Nguyễn, có gia ân đặc biệt cho một vài vùng đất. Điều đó có được chép trong điển lệ hoàng triều, để ta sai người xem lại.

Bữa nay, lại thấy tiếng trống kêu oan, tiếng la khóc thảm thiết. Quan Hình bộ thấy Vua ngồi ngự, không thể không đứng dậy.

Đức vua nói:

- Khanh ra xem có vụ oan ức gì lớn. Trẫm ngồi lùi lại phía sau, cũng là để chứng giám!

Một lúc sau, một người đàn bà phúc hậu, nhanh nhẹn, đầu bù, tóc xỏ, bước vào chưa đến nơi đã sụp lạy những người ngồi trên án đường rồi lau nước mắt nói:

- Tâu các đại nhân, xin các ngài hãy cứu chồng tôi.

Quan Hình bộ, đập thanh quyền án xuống bàn, nói:

- Người là ai. Có đơn khiếu oan không?

- Tôi là vợ Tri phủ Nghĩa ở Trà Vang, Vĩnh Long. Chồng tôi từ gã học trò mặt trắng cần công khổ học mới đỗ Giải nguyên. Làm quan, ngoài bổng lộc, trong nhà không có một chút gì khác. Dân khổ, bệnh dân, ai ngờ lại bị tội chết chém. Vậy thì ai dám làm quan nữa, thưa đại nhân.

Tự Đức thấy người đàn bà mạnh bạo, cứng cỏi, lời lẽ thẳng thắn, trong lòng có cảm tình, càng chăm chú nghe. Quan Hình bộ hỏi:

- Án mạng gây ra có tới bảy mạng chết, chẳng lẽ chồng người không có tội gì ư?

- Chủ thầu đánh dân què trước sao Tổng đốc, Án sát không bắt tội. Khi người ta tức nước vỡ bờ, dòn hội chợ quá tay, thì tội ở người gây trước, đâu phải tội người chống đỡ...

Quan Hình bộ Thị lang, nghe nói đầu ra đấy, liền mở tờ đơn xem rồi nói:

- Mụ ở xa về. Vụ này quan phủ bị quan Tổng đốc khép tội, nên án phải được Hoàng thượng xem xét châu phê. Bản chức sẽ điều tra kỹ lưỡng trình lên quan Thượng thư và Thánh thượng!

Vợ Tri phủ lạy tạ rồi lui về. Một tuần sau, vụ án được làm rõ. Tự Đức xem xét, quả kênh Láng Thê đã được xếp vào vùng miễn thuế. Bởi chủ thầu cây thế Tổng đốc, ham lợi, tự tiện làm xằng. Quan tỉnh ham tiền, tương đất xa kinh thành, làm gì khó ai biết đến, liền ngoảnh mặt làm ngơ, kịp đến khi án mạng xảy ra, thì lấy chuyện xô xát, chết người mà nghị tội, không đếm xỉa đến gốc tích nguyên nhân.

Nhà vua phê án của Hình bộ trình lên như sau:

"Tri phủ Bùi Hữu Nghĩa nắm vững điển lệ, bênh vực dân chúng, đó là điều các quan chức đáng noi theo. Nhưng việc phê đơn cho dân Láng Thê, ngạo mạn không nghiêm, do đó dân ỷ thế làm quá. Xét án mạng, dân chúng tức khí, bị đánh mà gây ra, bên dân cũng có người chết, người thương tích nặng, bên chủ thầu, bọn chết đều là bọn tội phạm đang ẩn náu, nên miễn nghị. Tổng đốc Vĩnh Long giáng ba cấp, phạt bổng một năm. Án sát Vĩnh Long giáng bốn cấp, phạt bổng sáu tháng. Bùi Hữu Nghĩa giáng hai cấp, phạt bổng hai tháng. Vợ Nghĩa là Nguyễn Thị Tồn biết phép nước, hết lòng vì chồng, thật đáng nêu gương, Trẫm ban cho bốn chữ "người đàn bà trung tín".

Khâm thử".

Bà phủ đón chồng từ ngục đại hình ra. Hai vợ chồng lạy tạ quan Hình bộ, quan Lại bộ thượng thư Phan Thanh Giản, nhờ họ dâng giúp tờ biểu tạ ơn rồi xuống thuyền trở lại quê hương để kịp ăn Tết.

1996

"Phật sống" miền Tây bắc

Nguyễn Quang Bích vừa đi thăm một lượt trên mặt thành và bốn cửa chính của thành Hưng Hoá. Ông cảm thấy, cuộc đời của ông sắp kết thúc ở những ngày này. Mấy hôm trước, giặc Pháp đánh thành Sơn Tây, Bố chánh Nguyễn Văn Giáp cùng quân sĩ, dân binh, anh dũng chống trả suốt một ngày, đến chiều thì thành mất. Quân Pháp ồa tràn vào giết hại những người yêu nước. Chúng cầm tù cả súng bắn cả vào những người bị thương, để trả thù trận đánh quyết liệt mà chúng không tới.

Thành Sơn Tây, thành Hưng Hoá là hai toà thành ở phía Tây Bắc sót lại của đất nước, Pháp chưa hạ được. Sau khi, tướng Đờ Cuốc-xi tiến vào Phú Xuân, hoà ước Pa-tơ-nốt ký với những điều khoản tồi tệ nhất trong các hoà ước từ trước đến nay với giặc Pháp; sau khi Tự Đức chết, trong một thời gian ngắn đã thay đến ba vua, Tôn Thất Thuyết cùng phái chủ chiến lo một cuộc đánh úp vào đồn giặc ở Phú Xuân không thành công, quan Nhiếp chính đại thần đã đưa xa giá lên Sơn Phòng Quảng Trị, từ đó xuống chiếu Cần Vương. Lời chiếu đã bay đi khắp các nơi trên đất Bắc. Những sĩ phu có lòng trung với nước đều nhất tề hưởng ứng.

Độc chiếu vua được mấy hôm, Nguyễn Quang Bích trần trọc không yên. Là người hoà nhĩ, đôn hậu, trải làm quan ở trong triều, rồi từ Nam ra Bắc, ở đâu ông cũng được bạn bè, liêu thuộc và dân chúng mến mộ. Lãnh chức Tuần phủ một tỉnh biên trấn, Nguyễn Quang Bích quyết giữ cho được mảnh đất ăn lộc của vua, nặng nghĩa với dân. Mới về vùng đất này được mấy năm, nhưng tiếng

tầm ông, dân trong vùng từ phủ Điện Biên xa xôi đến các châu quan trọng của người Mông, người Mán, người Thái, người Mường ở Châu Thuận, Châu Sơn La, Châu Quỳnh Nhai, Châu Mai, Châu Mộc đều mến tiếng quan Tuần phủ Nguyễn. Dân trong vùng tôn ông là Phật sống. Về kinh lý vùng nào, ông thường lặng lẽ đi, đến nơi mới báo. Dân chúng biết ông đến thường đem công chiêng, cờ xí, kiệu ngựa, đèn cồng, đón rước hàng dặm đường. Mà ông không thích phiền nhiễu, chỉ cần một con ngựa bên bỉ, vài người lính hầu, một viên thuộc lại thạo việc. Ông đến nhà các quan lang lúc nào không biết. Ông thích được ngồi trên nhà sàn, chung chiếu với người già, vít cần uống rượu với các hào kiệt trong vùng, bàn chuyện làm ăn, giữ vững đạo lý, chứ không mê đắm vào các cuộc xoè múa suốt đêm bên các vũ nữ trẻ trung da trắng ngần, mắt đen lánh, uyển chuyển và ẻo lả. Ông cũng không thích thú sai người đi săn hổ, săn gấu, săn nai, đem theo những mật gấu, da hổ, gạc nai, nhưng hươu về tư dinh và bày biện nghênh ngang hoặc có dịp đem biếu các quan lớn trong triều để thăng quan, tiến chức.

Bấy giờ một tỉnh Hưng Hoá bốn đạo quân lớn đang chiếm cứ. Tổng đốc Vân Quý Sầm Dục Anh cũng đem quân Thập vạn đại sơn sang đây để tránh xung đột sau cuộc chiến tranh Nha Phiến. Lưu Vĩnh Phúc cho quân Cờ Đen hoành hành từ Châu Thủy Vỹ xuống các phủ huyện giáp Hà Nội. Lưu là một tướng nhiệt thành, phóng khoáng, nhưng quân Lưu bởi cậy có thuật đánh gan dạ, táo tợn, nên tính nết cũng hung tàn, đi đến đâu cướp phá nhiều nhưng thậm chí gây ra án mạng, dân chúng căm giận cũng gọi luôn là giặc.

Đạo quân của ông tướng nham hiểm Hoàng Tá Viêm thì rong quân kiểu đèn-kéo-quân. Chính ông ta có tội trong việc không tiếp viện để đến nổi thành Hà Nội thất thủ và Hoàng Diệu tuần tiết... Ông ta bị các chức Ngự sử trong triều đàn hặc, song vẫn bình chân như vại, vẫn theo "sách cũ" mà làm. Ông cứ kéo cái đạo quân gồm mấy ngàn tướng tá, cố giữ các cự ly làm thế ỷ dốc với các tỉnh quan trọng. Nhưng các tỉnh khi chiến sự xảy đến, nào

có được nhờ cậy gì đến đạo quân của Hoàng. Trận giặc Pháp hạ thành Sơn Tây vừa rồi, Bố chánh Nguyễn Văn Giáp so quyền chức với Hoàng Tá Viêm thì Viêm là quan Tiết chế một phương; Giáp chỉ là quan Trấn thủ một tỉnh. Vậy mà quân lính ở trong thành Sơn Tây đã đánh giặc đến nổi gãy giáo, vật nhau với giặc, cắn cổ xé họng, lăn đến tận chân hào. Người giữ thành, thằng giặc cướp thành co quắp không chịu buông nhau ra, cho đến lúc xác trương nổi lên vẫn ở dạng tử chiến... Vậy mà Hoàng nổi tâm không cho đến một đạo quân nhỏ cứu viện, lại mật báo cho rút hết lên những làng mạc xa trong tỉnh Hưng Hoá này, giữ cho toàn thể lực. Hoàng vác xác đến dinh Tuần phủ, than thở rồi đòi cung cấp lương thảo cho quân lính. Trong bụng đã ghét cái lối "ngồi yên hưởng lộc" của Viêm, Nguyễn Quang Bích chỉ lấy lễ đáp qua loa, thí cho dăm con trâu, mấy chục học lương, rồi ông cáo bận vì còn đang lo đôn đốc việc giữ thành, vì quân giặc chiếm được Sơn Tây, chỉ nay mai, chúng thế nào cũng mò vào Hưng Hoá.

Chợt có tiếng vó ngựa trạm chạy như bay từ phía cổng chạy vào. Viên Hiệu uý trán đầm mồ hôi, đi thẳng vào công đường, quỳ một gối, xá một cái, vội vã nói:

- Dạ bẩm tướng công...

Nguyễn Quang Bích điềm tĩnh, ôn tồn nói:

- Ông Hiệu uý hãy ngồi!

Ông gọi người hầu đến quạt cho viên tướng trẻ bớt cơn nóng nực và đưa cho anh ta một chén trà nóng.

Viên Hiệu uý chớp chớp mắt, cảm động và phục vẻ thần thái bình tĩnh đến lạ thường của chủ tướng. Nhấp xong chén trà, anh vội bẩm:

- Thừa tướng công sau khi hạ thành Sơn Tây quân Pháp kiểm điểm binh mã, bổ sung đạn dược, súng ống, chia làm hai đạo tiến về Hưng Hoá. Một đạo đi theo đường chính, xuyên qua Quảng Oai tiến vào ngã ba Hồng Thao đánh quạt lên. Một đạo đi theo men

sông Đà tiến vào vùng Thanh Thủy và kéo xuống. Chẳng mấy chốc quân của chúng sẽ đến chân thành!

- Các đạo quân của quan tướng Hoàng Tá Viêm và Tổng đốc Vân Quý của nhà Thanh đâu?

- Bẩm, quan tướng của Hoàng Tá Viêm đã từ mạn Tây Nam Hưng Hoá kéo quân lùi dần về phía Chi Nê, Ninh Bình... có người nói, ông đã ngầm cho người, nhận về triều đình cộng tác với người Pháp và quan Nhiếp chính đại thần tại Phú Xuân là Nguyễn Văn Tường.

Nguyễn Quang Bích khẽ nhắm mắt lại, thở dài:

- Vậy thôi, cây lùn vẫn là cây lùn, cây bồ đề vẫn là cây bồ đề mà! Còn ông Sầm Dục Anh?

- Quan Tổng đốc Vân Quý nhà Thanh là Sầm Dục Anh, nghe tin Vua Quang Tự đã ký hoà ước mới với Pháp, cũng đem quân trở về Trung Hoa để giữ lại thế lực cũ tại đó. Bây giờ chỉ có quân lưu trú của ta và quân của Lưu tướng quân ở lại. Nhưng quân Cờ Đen thì mãi xuống các vùng ven đô, sẵn lương thực hơn, khó mà trông cậy ở họ có thể tiếp viện cho ta. Ta chỉ có thể trông vào sức mình mà thôi!

Nguyễn Quang Bích nói với viên Hiệu úy:

- Việc theo dõi sự tiến quân của giặc cần được tăng cường. Những đám quân nhỏ chặn giặc từ xa, có làm được việc gì không?

- Dạ, toán chặn đánh ở bến Trung Hà, giặc lại không đi theo đường ấy nên vẫn không dám di chuyển vì chưa có lệnh. Nhưng mấy cánh quân phục sẵn ở Hạ Bì và La Thượng thì có giao chiến. Ta bắn ngã ngựa và giết được khoảng vài chục tên địch, nhưng giặc khôn ngoan chỉ cho một lực lượng nhỏ đối phó, còn thực lực vẫn cứ kéo thẳng tiến về thành của ta!

- Thôi tướng quân về nghỉ, ta có lệnh sẽ đến!

Viên Hiệu úy vừa ra khỏi, Nguyễn Quang Bích cho nổi trống tiền nghiêm⁽¹⁾. Tất cả bốn cổng thành đều đóng chặt. Những viên

⁽¹⁾ Trống báo có việc quan trọng, quân đội sẵn sàng chiến đấu.

tướng đốc chiến ở từng cửa thành quan trọng đều tức tốc lên lo việc chiến trận, chuẩn bị cung tên, bắn đá, sắp đặt những đội quân canh gác phá thành giàn lên phía trước.

Những người lo chuyển vận đồ khí giới đưa hết các khí cụ đạn dược ở những vị trí đã quy định. Hai mươi bốn khẩu thần công đều nạp đạn sẵn, sẽ đánh phủ đầu vào những cánh quân tiên phong của giặc liều lĩnh kéo đến chân thành.

Nguyễn Quang Bích truyền mang bộ phẩm phục mới nhất. Ông đội mũ đại trào, mặc áo sa tía, đi hia, mang đai, hốt rồi ung dung bước lên đài vọng địch, quyết giữ vững, sống chết với thành.

Cử chỉ của ông giống như đúc phong thái của quan Tổng đốc Hoàng Diệu giữ thành Hà Nội.

Gia nhân của ông biết ông đã coi ngày hôm nay là ngày đem thân báo quốc ai cũng ứa nước mắt. Nhiều người khóc nức lên thành tiếng!

Tiếng súng cối của địch đã ùng oàng nổ nghe thấy rõ môn một. Trên vọng địch đài, Nguyễn Quang Bích đã nhìn thấy cánh quân tiên trạm của giặc đang mai dõi phó với đám du binh của người Mường ở ngã ba phía Tây Bắc ven thành. Đám du binh của người Mường ẩn hiện thật tài tình, lúc ở phía trước lúc ở phía sau, cứ nhờ các bụi rậm của các đồi gỗ quanh quất ven đường, đánh tạt sườn vào kẻ địch, khiến giặc Pháp hơn hẳn vũ khí mà không dám khinh suất.

Chợt Nguyễn Quang Bích thấy từ dưới chân lầu một người vội vã leo lên, quân lính giữ chân thang phải giãn cả ra cho ông ta lần tới. Người đó đã bước lên sàn lầu. Nguyễn Quang Bích nhận ra quan Án sát Nguyễn Khê Ông người Khê Thượng huyện Bát Bạt.

Nguyễn Quang Bích hỏi:

- Cửa thành đã đóng, ta muốn theo gương các tiên liệt là Nguyễn Tri Phương, và Hoàng Diệu tử thủ với trấn Hưng Hoá để tỏ lòng trung với nhà nước, ông lên đây làm gì?

- Bẩm tướng công có thư từ ngoài thành bắn vào!

- Đưa ta xem.

Nguyễn Khê Ông rút từ tay áo bức thư do ngựa trạm đến thành, nhưng không có lệnh mở, đành buộc vào tên hoả tốc bắn vào trong thành. Quân sĩ cửa chính Nam nhật được vừa đưa cho Khê Ông. Đó là bức thư của Nguyên soái tổng tiết chế quân vụ đại thần Tôn Thất Thuyết, thừa lệnh Vua Hàm Nghi phong cho Nguyễn Quang Bích là Lễ bộ Thượng thư xưng Hiệp thống Bắc Kỳ, Quân vụ đại thần cho phép quan văn từ tham tán, quan võ từ Đề đốc trở xuống được quyền "tuỳ theo mà bổ dụng". Thư hẹn phải ra ngoài thành ngay, nhận thư của Vua Hàm Nghi sang xin quân Thanh cho quân tiếp viện để có thể kháng cự với giặc Pháp giành lại đất đai...

Nguyễn Quang Bích đang trù trù, thì Khê Ông nói:

- Việc giữ thành tỏ lòng trung là đáng quý, đáng trọng. Nhưng nay lệnh vua việc mới đã đến, ngài nên giao thành cho phó tướng, lui về phía sau để nhận trọng trách. Vả lại, cả nước đã mất vào tay giặc, làm sao giữ nổi cô thành sót lại cuối cùng này. Chi bằng, hãy rút đại binh, chỉ để lại một lực lượng nhỏ, bắt chước người xưa, tạm nhường đồng bằng cho giặc, lui về nơi hiểm yếu bàn kế đánh lâu dài, nuôi dưỡng thực lực, há lại không hơn chết vô ích ở đây sao?

Nguyễn Quang Bích nghe ra, liền chuyển hướng chiến đấu, chỉ để lại thành chốt giữ khoảng dăm trăm quân tinh nhuệ, còn đại binh mở cửa Tây Bắc, chuyển hết lương thảo khí giới nhằm rút về căn cứ Tiên Động.

Nguyễn Quang Bích đặt bản doanh ở một ngôi nhà sàn của một trại chủ người Mường. Dân chúng ở đây thuần hậu chất phác, đều mang họ Hà... Tổ tiên của họ có công đánh giặc Nguyên Mông từ thời Trần, nên con cháu nghe tin quân triều đình về lo chuyện Cần Vương cứu nước, ai cũng hăng hái. Các nhà giàu trong ba huyện đua nhau đến góp lương, góp vũ khí cung nỏ. Họ bảo nhau lo

việc canh phòng để bảo vệ quan tướng "Phật sống", để xứng đáng với truyền thống của người Động Tiên.

Cùng một ngày thư từ các nơi, người ca ngợi chiến công đánh giặc Pháp ở Hưng Hoá, người báo tin đã mộ nghĩa hưởng ứng Cần Vương, sẵn sàng đợi sai phái điều động của Hiệp thống Bắc Kỳ quân vụ đại thần. "Hoàng Tá Viêm đã về Huế. Bây giờ việc quân ở Bắc là trông cậy vào tướng công!" Đinh Công Tráng, Đinh Hàm nổi dậy ở Nam Định. Quách Tất Nguyên ở Ninh Bình, Trần Văn Long ở Hưng Yên. Nguyễn Cao ở Bắc Ninh đều có thư hẹn cùng nhau giữ vững phong trào Cần Vương và không đội trời chung với giặc. Ở vùng Châu Phong cũ, Bố chánh Nguyễn Văn Giáp đã từ Sơn Tây sang lập căn cứ mới ở Lâm Thao. Mé ngoài "Đề Kiều" cũng có một đạo quân mạnh ở Cẩm Khê, nghe tướng công họ Nguyễn về Tiên Động, họ đều đến yết kiến và nhận những mật lệnh.

Lệnh vua phong ông kiêm chức Lễ bộ thượng thư, cầm thư riêng sang cầu quân viện của nhà Thanh rất khẩn cấp. Ông giao việc quân ở Tiên Động và trong vùng cho Nguyễn Văn Giáp và Đề Kiều lo liệu, rồi cùng Nguyễn Khê Ông và Chu Thiết Nhai, cấp tốc sửa soạn lên đường.

Quân Cần Vương do Nguyễn Quang Bích chiêu mộ đóng đại bản doanh ở Nghĩa Lộ. Dẫu giặc ra sức lùng sục, cần quét cánh quân chủ lực của ông, song nhờ có tài giấu quân, tổ chức đánh tía những tốp quân nhỏ của giặc, lấy súng ống trang bị cho mình, hai phó tướng là Nguyễn Văn Giáp và Đề Kiều, không những giữ nghiêm quân phong mà sắp xếp doanh trại, lo chặn nơi hiểm yếu, lúc phòng ngự, lúc tấn công rất đúng phép tắc. Tuy lác đác có những quân sĩ nhớ nhà, không chịu được lam chướng, trốn bỏ về quê, song đại bộ phận vẫn một lòng theo cờ nghĩa. Hai phó tướng lại chọn riêng một lũy, gồm năm trăm quân kỵ lấy toàn trai tráng của vùng này gồm đủ người Mông, người Mường, người Thái, người Mán, huấn luyện cách đánh du binh và đã tỏ ra có kết quả. Máy trận giáp chiến với giặc, anh em đánh rất gan dạ. Họ đã dùng tên

tẩm thuốc độc, nắp sau khe đá, chờ giặc đến gần mới bắn. Những đám quân tuần tiêu của bọn Pháp, bọn quan lại mới theo giặc ở Hưng Hoá, đều bị trúng tên, chết rất đau đớn gây ra một niềm kinh hãi trong trại giặc.

Nguyễn Quang Bích đi lại thăm hết các đồn trại ở nơi đóng quân. Ông mừng thăm đất Mường Lò quả là một mảnh đất khá thích hợp cho việc dụng võ. Thanh thế của nghĩa quân làm cho quân Pháp khá lo ngại. Tháng 12 năm Bính Tuất, chúng lại tạo ra hai gọng kìm từ hai ngả, một phía từ Văn Bàn, đi xuyên rừng, qua vùng quế phía Tây Bắc, một từ phía Văn Chấn, tiến quân mở trận càn tiến thẳng vào Nghĩa Lộ. Quân sĩ của tướng Bơ-rit-xô chạm trán với đội du binh của Nguyễn Văn Giáp, bị thiệt hại nặng và đành chịu kéo quân về... Lần khác, quân Pháp từ mạn Sơn La kéo sang, lại bị cánh quân của Lãnh binh Vương chặn đánh... Những chiến sĩ người Dao, người Mông đua nhau cướp súng ống, đạn dược, lương thảo của giặc, nộp cho chủ tướng.

Nguyễn Quang Bích truyền đem hết số bạc, vàng mang theo được năm trăm nén, thưởng khắp cho các tướng sĩ có công. Quân sĩ nức lòng múa hát rộn cả một góc trời Tây Bắc.

Rượu đã ngà say, các tướng, tá của ông đang vui trong tiệc mừng công lớn, ông ngồi giữa họ, ung dung vui vẻ, thản nhiên vô cùng. Lãnh binh Vương, ghé tai nói:

- Quan lớn thưởng hết bạc vàng rồi, lấy gì mà nuôi quân sĩ?

Ông Nguyễn chỉ vào đám tướng sĩ hết lòng với mình mà nói:

- Đây mới là bạc, là vàng của chúng ta. Chúng ta phải giữ gìn từng ly từng tý! Còn những thứ bạc vàng ta vừa phân phát kia chẳng qua chỉ là đám của nổi dưng làm đồ trang sức.

Lãnh binh Vương gật đầu liên hồi rồi nói:

- Được ngồi uống rượu cần với tướng công, nghe những lời thốt ra từ tim gan, máu thịt, tôi đâu có bị giặc lóc da, vứt xương xuống suối, cũng theo tướng quân đến cùng.

Những năm sau này, chiến trận của giặc Pháp với nghĩa quân xảy ra liên tiếp. Thuốc men, lương thực thiếu thốn, vòng vây của giặc từ bốn phía thắt càng chặt lại phạm vi hoạt động của nghĩa quân. Những mãnh tướng, tham mưu giỏi của ông như Nguyễn Khê Ông, Chu Thiết Nhai, Nguyễn Văn Giáp đều lần lượt hy sinh vì đại nghĩa... Ông lại vừa đưa tiền Tán tương quân vụ Nguyễn Tử Ngôn về quê hương mộ thêm quân sĩ thay thế người ốm yếu, việc không biết bao giờ xong, và liệu có đem thêm được bao nhiêu trai tráng nguyện xả thân vì nghĩa lên trên này...

Lương thảo, thuốc men, súng ống, đạn dược dự trữ, đã dần cạn. Người cung cấp phía ngoài không đưa vào nổi. Tuy bề ngoài, quân sĩ vẫn một dạ trung thành, nhưng cục chiến không mở rộng được đến miền đất thượng nguồn sông Lô, sông Thao mà lại cứ rút ngược lên mạn sông Đà khiến cho trong quân người mệt yếu thêm nhiều, nỗi nhớ quê hương, thêm một ngày thanh bình đã nảy sinh ra ở doanh trường.

Nguyễn Quang Bích lo lắng, mặc dù, ông và một đạo quân nhỏ khoảng vài trăm người có thể ở trọn đất Tây bắc này. Ông vẫn cứ hy vọng vào sức dân. Ông nghe ngóng các cuộc khởi nghĩa ở bên ngoài, nhưng ở mảnh đất cực Bắc này quá xa, đi lại điều vợi. Giặc Pháp xảo quyệt lại chia cắt các phong trào Cần Vương ra từng khoảng, tìm cách diệt dân. Miền Trung, cuộc khởi nghĩa của ông Nghè Phan Đình Phùng, có tướng Cao Thắng kiệt kiệt, học được cả thuật đúc súng và làm đạn, ở giữa vùng đất lương thực dồi dào mà còn gặp khó khăn, hướng chỉ là quân nghĩa ở Tây Bắc.

Quân thứ luôn phải rời chỗ. Sơn Động, Sơn Lương, Qui Chân, Yên Lập... Mường Lò, Nghĩa Lộ, các căn cứ tuyệt vời đã mất vào tay giặc... Chủ tướng từng phải đến các vùng xa lo lương, lo thuốc cho quân sĩ...

Cùng đem quân đi vây bắt nghĩa quân có tên nguy Bố chánh Hưng Hoá, nhờ vào việc cộng sự đắc lực với giặc, mà thăng quan. Y

nhận lời với viên tướng chỉ huy các đạo quan binh ở Tây Bắc của giặc, tình nguyện vào dụ hàng Nguyễn Quang Bích... Tin nhắn ra, nhắn vào mấy lần. Giặc Pháp cho ngừng hàng tuần các trận càn để tỏ thiện chí. Ông Nguyễn lúc đó đang buồn về việc quân. Câu thơ ghi trong cuốn sổ nhỏ, tập hợp các bài làm dọc đường đã có những câu: "Ó điều thế giặc, khép vòng vây! Quân mệt, lương khan, chạy thẩu ngày... Cây cao khắp núi, chim kêu rộn. Mưa giội tràn khe, khí lạnh bay!". Muốn tỏ thêm cho giặc biết ý chí của mình, ông nhận lời cho tên Bùi Quang Tín được vào gặp.

Tín ngóng nghênh, ngạo mạn, mặc áo gấm, đội mũ đại triều đi cáng vào. Nhưng đội cận vệ người Mường đã bắt hấn xuống cáng, đi bộ. Tín ngạc nhiên suốt dọc đường không hề gặp đồn binh, trạm gác... Nhưng hấn rừng mình, lạnh buốt xương sống khi thấy ở Khe đá, một nghĩa quân lăm lăm chiếc lao cán gỗ ngắn trong tay, sẵn sàng phóng vào gáy hấn. Từ đó, điều đi của hấn bớt hống hách, mặt hấn cúi xuống không dám ngửa lên cả khinh tất thấy rừng núi cỏ cây trang nghiêm và những nghĩa quân đứng nghiêm phăng phắc ở những lối vào quanh co sâu thẳm, người như tạc vào với đá.

Tín rất ngạc nhiên thấy Nguyễn Quang Bích vui vẻ, đường hoàng ngồi trong túp lều nhỏ của nhà một người Mán dựng ngay phía dưới ngọn suối. Luồng nhà, lúa má còn vớt bỏ thừa thãi. Nhà chủ bận rộn vào công việc thường ngày. Vợ dệt cửi, chồng sửa lại cái cày lo cho việc làm đồng buổi mai. Quân theo hầu Tín bị giữ lại từ trạm ngoài. Ông Nguyễn ngồi ung dung trên hai chiếc chiếu hoa cũ trải trên nền đất, dùng một bộ trà quê mùa, và hút chiếc điếu của đám dân vùng núi hẻo lánh.

Chủ nhà mang ra hoa quả miền rừng, đào mận đầu mùa và một chai rượu cất từ men lá, hương thơm toả ra ngào ngạt từ miệng chén. Ông Nguyễn chìa tay mời:

- Xin mời ông ngồi.
- Xin phép tướng công.

Ông Nguyễn nâng chén mời khách, rồi nói:

- Ông lặn lội vào đây hẳn có những điều tốt lành đem đến!

Tín đặt chén rượu xuống, chớp chớp đôi mắt lơn tí hí, nhìn trộm dung nhan con người dám đương đầu với cả mấy đạo quân đủ súng ống, lương thực, đạn dược, súng cối, đại bác của nước Pháp hùng mạnh mà hấn hết lòng thần phục. Tín cũng vỗ về được dăm ba câu chữ nghĩa. Chắc rằng ông Nguyễn không có ý hăm hại mình nên Tín liền giở giọng dụ dỗ:

- Ở Bắc Hà, tướng công chỉ đứng sau ông Hoàng Tá Viêm. Mà bây giờ ông Viêm đang vồng lọng nghênh ngang ở kinh thành Huế, người Pháp rất trọng vọng, tiệc lớn tiệc nhỏ nào cũng gửi thiệp mời, còn tướng công thì bạn với dưa mọc, chén thô, quả rừng, nước suối thế này ư?

- Ông cám cảnh cho tôi lắm sao?

- Dạ, đến con chim cũng biết chọn miếng mồi ngon, con thú cũng ưa chỗ nằm tốt, huống chi con người!

Nguyễn Quang Bích cười lớn:

- Bởi thế loài chim, loài thú mới không bao giờ trở thành người được! Nhưng thôi, ông ở dưới xuôi, thịt ngon cá béo vốn sẵn, lên đây tạm uống rượu với hoa quả vùng rừng, âu cũng là một cái thú chứ sao. Nào mời ông!

Ông Nguyễn rót rượu. Bùi Quang Tín đang đỏ dừ mặt về câu mắng khéo của ông Nguyễn, chưa định thần lại được, đành nâng chén, cầm quả đào ông trao cho. Rượu cay, quả chất, Bùi nhần mặt lại, nhưng cũng phải làm ra bộ lạ miệng:

- Quan lớn ở gần trời nên sắp thành tiên rồi!

- Không, tôi vẫn sống trên mặt đất với những người vốn thường bị chê là mọi rợ mà lại hiểu lễ nghĩa, thật thà, đã tin ai thì yêu quý suốt đời. Do thế, mà không sao rời họ nổi. Ông ở gần với người Pháp, họ làm ra tàu đồng, họ vượt được biển, họ lại thích làm

ông chủ, dám bắt cả dân chúng một nước có ngàn năm văn hiến phải khuất phục. Họ mở miệng nói khai hoá, nhưng chưa đến đất người đã dùng tiếng súng hà hiếp, đặt chân đến cửa biển thì tranh hàng hoá, tranh đất đai, gây rối loạn; cây có khí giới tốt mà làm nhiều điều xằng bậy... Bởi thế mà nhiều người hiện nay vẫn cứ bị của nả của đám giặc dữ này làm mờ lương tâm đấy! Ông lặn lội vào đây với ta hẳn không ngoài việc dụ ta giải giáp binh mã về cộng tác với người Pháp?

Tín khúm núm trao cho Nguyễn Quang Bích bức thư của viên Thống sứ Bắc Kỳ. Ông Nguyễn xem qua rồi nói:

- Người Pháp nói lời lẽ khiêm tốn thế này, nhưng họ đã đặt giá cái đầu của ta cho ông rồi đó. Nhưng cả ông và bọn người ấy đều quên mất rằng, một viên tướng nhỏ, một người dân Mường, dân Thái này đã ở lý được đến bây giờ, mặc dù bị bao vây bốn phía, cái chết ở trong tầm tay, họ vẫn không chọn cái hướng cầm cờ trắng mà vẫn lăm lăm ngọn giáo, cây nỏ và ống tên, thì sự lặn lội của ông chẳng qua phí công vô ích thôi!

- Tướng công là chủ! Uy tín của tướng công rất lớn. Tướng công đã quyết chí thì mọi người đâu dám trái lệnh.

Ông Nguyễn lại cười vang:

- Quả là cách nghĩ của ông khác xa cách nghĩ của ta. Theo giặc như ông thì có khó gì. Đánh giặc thì mới khó chứ. Ông là người từ nhỏ sinh xuất thân hẳn nhớ câu "Nhà nghèo biết vợ hiền. Nước biển biết trung thân!" chứ. Thời bình ai chẳng khoe là trung được. Trung trong những lúc này mới khó chứ!

Tín đáng miệng, đành ngậm hột thị không nói được câu gì! Ông Nguyễn lại rót rượu thêm, mời y rồi thủng thẳng nói:

- Nhưng ta cũng không để ông mất công lặn lội vào đây đâu! Ta đã có thư trả lời người Pháp đây, ông cứ cầm về, hẳn cũng được thưởng đấy!

- Xin tướng công cho tôi đọc trước được không?

- Mời ông cứ đọc.

Tín mở thư ra đọc. Nét chữ rần rỏi của bậc túc nho hiện ra trước mắt hắn:

"Hiệp thống Bắc Kỳ quân vụ đại thần Thuần trung tướng Nguyễn, xin ngỏ lời cho vị đại thần Pháp quốc ở Bắc Kỳ rõ: Các ông cho chúng tôi kết đảng làm càn, tội đáng nghiêm trị, đáng phải diệt trừ và khuyên hãy ra đầu thú."

Song chúng tôi nghĩ: các ông sang kinh lý nước chúng tôi, nào kỹ thuật giỏi, quân tinh cho nên người Nam chúng tôi đã bỏ chỗ sáng đi theo các ông đã quá nửa, và cái nước có ngàn năm văn hiến này, hầu như đã thuộc về Pháp rồi! Thế mà chúng tôi không lượng sức mình cứ lấy hơn trăm thân sĩ cùng với mấy nghìn quân đã mệt mỏi để chống lại các ông há chẳng phải là nguy lắm ư?... Các ông sang đây một rằng hoà hiếu, hai rằng bảo hộ, rồi chiếm thành trì, đuổi vua tướng của chúng tôi, tự quyền lập Đông Khánh, chẳng qua là cái trò bịt tai người lấy trộm chuông thôi! Các ông nắm lấy hết lợi quyền chính trị. Các văn thần võ tướng chúng tôi đều bị câu thúc, trời buộc. Như thế có thể gọi là hoà hiếu, bảo hộ được chăng? Nếu có một nước khác cũng đối xử với các ông như thế? Các ông liệu có phục tùng không? Hay rồi cũng nghĩa kích trong lòng, căm giận lộ ra mặt, rồi các ông cũng phải làm công việc chúng tôi đang làm ở đây!

Các ông cậy tài khoe giỏi! Chúng tôi cũng chẳng bỏ công việc của chúng tôi dù ở trong hoàn cảnh nào đi chăng nữa! Chúng tôi hoặc là thắng, hoặc là nghĩa sĩ của triều đình hoặc chết thì cũng được là con ma đã giết được giặc cướp nước. Thà mất lòng các ông nhưng được tiếng với đất nước, thà khó khăn nhất thời, nhưng lại được sự thanh thoi mãi mãi cho con cháu. Cái chữ "đầu thú" các ông đừng nhắc đến làm gì nữa.

Chúng tôi liều chết với đất nước này, vì nghĩa lớn đã nguyện theo.

Xin các ông liệu mà lo tính!".

Tín chán nản phong thư lại toan cáo từ thì tiếng súng phía ngoài cửa rừng nổ ran trời. Tín thất sắc khi thấy những người hộ vệ ông Nguyễn xuất hiện. Nhà chủ cũng gọn gàng hành lý lên đường. Người con dâu đệu cháu nhỏ sau lưng, Nguyễn Quang Bích cũng cầm lấy gậy tre, súng ngắn từ trong nhà bước ra. Ông nói với Tín:

- Phiên ông đứng lại đây. Ông chỉ cần nhắc chân nhắc tay thì những mũi tên vô hình sẽ không tha ông đâu. Bởi ông đã biết lối vào nơi tôi ở mà phía trước thì quân Pháp đã nổ súng! Ông cứ chờ đây, người Pháp sẽ vào đón ông.

Một vệ sĩ tiến đến nói:

- Phiên ông cho tôi bịt mắt và trói tay lại. Để người Pháp đến lại gia thêm cái ơn cởi trói, cởi dây bịt mắt cho ông.

Anh ta giở dải vải đen ra thì người chủ nhà cũng tự tay phóng hoả đốt nhà mình. Họ tình nguyện đi theo Nguyễn Quang Bích, bỏ lại Tín đứng trơ trước ngôi nhà sàn bốc cháy và bức thư trả lời quyết chiến của nghĩa quân do ông Nguyễn cầm đầu. Tín đứng lại, đầu cúi gằm xuống đất.

1987

Gặp lại người đánh đàn ở Long thành

Quan Tham tri họ Nguyễn vốn là một người hào hoa. Quê đường trong, nhưng ông ở kinh kỳ từ lâu. Bà mẹ ông, vốn từ một thị tỳ, dịu dàng, có giọng hát hay. Một đêm trăng, quan Tham tụng gọi bà hầu rượu. Bà được ngài ưng, rủ lòng thương yêu, sau cưới làm thiếp. Từ ngày cụ Thượng mất, ông Nguyễn trở về quê vợ, bởi kinh thành có nhiều tao loạn. Các cửa hàng buôn gấm vóc, vàng bạc, đều đóng cửa. Các quán rượu mở ra nhiều hơn. Đô thành đã thuộc về quân Tây Sơn cai quản. Vua Lê trốn ra khỏi nước, lưu vong, sống nhờ vào triều đình nhà Thanh... Quan Tham tri hồi ấy còn long đong. Ông được tập ẩm chúc quan võ của người bố đỡ đầu. Vùng Thần Phù đất mặn, đồng chua, thê thiếp đèo bồng, ông Nguyễn đã có thời nếm trải cái lao đao của một đại gia thất thế.

Gần hai mươi năm, ông mới trở lại Long thành mặc dù sứ bộ bận nhiều việc tíu tít, quan Tham tri cũng giành chút ít thì giờ thăm thú bạn bè, thăm phố phường quen thuộc cũ. Ông không đi cang, không đem theo người hầu. Chiều ấy, ông cáo mệt, cho các tùy tùng kẻ về quê, người đi đạo phố phường. Người thăm mệt, song háo hức muốn biết những nét sinh hoạt sau bao nhiêu năm xa cách, ông liền thay áo, lấy bộ đồ nho sinh, vấn chiếc khăn lượt, trút hia, lồng chân vào đôi guốc sơn, nhân lúc mọi người không để ý, đi vội ra cổng. Để người nhà yên tâm, ông ghi lại vài chữ trên án sách: "Tôi có chút hẹn với bạn cũ, đi hơi lâu, khoảng giờ đậu, giờ tuất mới về; người nhà đừng mong".

Ông theo lối phủ đường, tắt sang huyện Thọ Xương, đi về phía thành nội. Lúc mau, lúc khoan, ông vừa đi vừa ngắm. Phố phường chẳng ai chú ý đến ông. Từ ngày kinh đô thuộc về triều Nguyễn, phép tắc nghiêm ngặt hơn. Những chiếc cang của các quan qua lại với những đoàn tùy tùng tiền hô hậu ủng, gương tuốt sáng loè, làm cho ông ngùi ngùi nhớ đến cảnh tao loạn buổi nào. Toán tuần canh, mặt đầy sát khí. Một đoàn tù mang gông từ phía Bồ Đề bị giải vào trong thành. Bản bố cáo hành quyết Bùi Thị Xuân, một nữ tướng kiệt kiệt của Tây Sơn, được mọi người xô đến xem rồi lại lảng lạng bỏ đi. Ông ghé mắt xem qua rồi hối hả rảo bước. Quan Tham tri hiện nguyên hình câu công tử hào hoa hồi nào, mặc dù tóc ông đã lốm đốm bạc. Ông thích nghe các thứ tiếng ồn ào. Ông mỉm cười với các bậc mệnh phụ ngồi trên cửa lầu, ném xuống đường những cái nhìn kín đáo rồi bóng hồng lại vội vã khuất sau những bức tường hoa. Ông lắng nghe tiếng đàn sáo từ các dinh thự, các tư dinh ông lớn. Âm điệu thời Nguyễn ưa sự véo von. Những khúc Nam Ai, Nam Bình đang được đưa từ Phú Xuân ra Thăng Long. Những yến tiệc, lễ nghi đều được tấu nhạc Đàng Trong.

Ông giật mình chợt nhớ ra Thăng Long không còn là kinh đô nữa mà hiện chỉ được gọi là Bắc thành. Nghĩ thế, lòng ông lại bùi ngùi.

Ông đi ngang qua vùng Hồ Tây. Hành cung, dinh thự Chúa Trịnh cũ đã bị san phẳng. Nhà cao, cửa lớn, lầu bát giác, quán nghinh phong, vườn thường mai, hồ ngắm trăng đều bị phá phách hoang tàn, biến thành đường quan lộ. Hàng cây muỗm già, ngôi đền cũ dày thêm một lớp rêu phủ. Cố cung thuở nào đã mất. Một khúc thành mới được xây, màu đá, màu gạch còn tươi. Một câu chào rất thanh lịch:

- Chào Nguyễn công tử!

Giật mình quay lại, ông Nguyễn vội vồn vã:

- Không dám, chào tiểu thư, à phu nhân!

Người đàn bà bỗng con vào trong nhà khiến ông Nguyễn càng khó hiểu. Không khí hai mươi năm trước còn phảng phất đâu đây. Con gái viên quận công họ Hoàng đấy chẳng? Dinh thự nhà quận công há chẳng một thời dập dìu xe ngựa mà nay cỏ hoang mọc lán thêm, cửa đóng then cài, vắng tanh, vắng ngắt. Cô gái xưa đẹp là thế, giờ đã hoá bà. Còn đâu gấm rủ, màn che, lụa là tha thướt! Còn đâu một tiếng gọi, cả đám thị tì dạ ran, xúm đến. Vật đổi, sao dời, giờ hình vóc cô lam lũ, tiều tụy đến thế ư?

Ông Nguyễn thở dài, lững thững trở về. Ông rảo bước, lòng bồi bồi trầm thứ...

*

Buổi tối, quan Tham tri dự tiệc ở dinh Tuyên Phủ. Lòng luyến ái đô thành cũ còn đang vời vợi trong ông. Băm sáu phố phường tấp nập đông vui. Đám dân buôn, dân phường này chẳng quan thiết đến triều đại này, triều đại nọ, vua mới thay vua cũ gì cả. Họ như những đám ong kiến, tha thẩn kiếm mồi và vui theo cách của họ. Sứ bộ được đích thân quan Trấn thủ ra cổng phủ đón vào bàn tiệc. Bởi có thư riêng của Viện Cơ Mật nên quan Trấn thủ tiếp đoàn đi sứ với biệt nhãn. Quan Tuyên Phủ là bậc tri giả. Ông biết dòng dõi quan Tham tri chánh sứ. Ông còn thuộc tính nết từng người con của quan Tham tụng họ Nguyễn xưa. Hai mươi năm trước đây, quan Chánh sứ - nguyên là Nguyễn công tử - ông càng quen lắm... Hôm nay ông muốn tạo cho người quen cũ một cuộc hội ngộ lý thú.

Bữa tiệc với các món ăn quen thuộc của đất Bắc Hà làm cho cả sứ bộ đều có ấn tượng sâu sắc. Người mới ra Thăng Long lần đầu thấy rõ tài nấu nướng của đất ngàn năm văn vật vẫn vượt hết thảy mọi nơi. Quan gia phục dịch đâu ra đấy. Quan Trấn thủ người đất Bắc nên việc nào việc ấy rành rập. Chỉ cái nhắc tay, đưa mắt của ông là hiệu lệnh được thi hành nhanh hơn tên bắn. Ông Nguyễn giật mình khi quan Trấn thủ giở say, ghé tai nói nhỏ:

- Xin quan Chánh sứ để mắt cho món sâm cầm tần. Hồi tôi còn trẻ, mỗi lần được cụ lớn nhà yêu, gọi lên hỏi việc, giữ lại ăn yến, tôi thường được cụ cho dùng!

- Đa tạ quan lớn!

Tiệc giữa chừng thì có tiếng xướng, báo đoàn con hát vào chào. Quan Trấn thủ nghiêng người nhìn suốt một lượt. Quan đã nhìn mặt toán đào kép này, song quan vẫn nhìn. Cho đến lúc thấy một dáng người gầy, mệt mỏi, nhưng tự nhiên suông sã hơn cả, đang dừng lại đối đáp với viên quan coi việc vài câu bông lơn gì đó, quan Trấn thủ mới yên tâm quay lại trò chuyện với ông Chánh sứ:

- Đám đào kép này còn trẻ. Lớp trẻ, thanh sắc có trội hơn lớp liền anh liền chị, song ngón sở trường xem ra có phần chưa già dặn. Tôi phải nuôi không khá nhiều đào, kép cũ để vực họ lên.

- Trăm công ngàn việc dồn dập mà quan Trấn thủ còn để mắt đến đám ca công, kỹ nữ, hẳn họ cũng được tấm gọi ơn mưa móc của người!

Nhạc nổi rồi! Tiếng phách, tiếng đàn, tiếng thử trống! Quan Trấn thủ tính tình phóng khoáng. Đây là tiệc vui ngoài nghi lễ, nên ông không cho gọi đội nhạc miền Trong mà ông cho gọi đội nhạc Bắc. Những đào kép trẻ, những tay đàn, tay phách, những giọng hát nói; hát ả đào nội ngoại thành đều được sai đi gọi về cho cuộc rượu đêm nay. Quan truyền lời xuống cho viên đội trưởng coi việc tấu nhạc:

- Quan Chánh sứ là một nhà thơ có tài, ngài lại sành âm luật. Việc thưởng phạt hôm nay đều do ngài định đoạt. Các đào, kép hãy diễn sao cho ngọn trống của ngài gọi thưởng như trận mưa đầu hạ...

Ngài ngửa đầu về phía sau chiếc gối tựa, cả cười. Nhạc đã nổi. Phách đang gọi mời. Những tiếng hát trẻ cất lên. Ngoài vườn trăng sáng. Bóng cây chưa chi đã xao xuyến. Gió rình rập từ đâu, nhẹ nhàng ập đến, chờ lời vào trong khoảng không vắng vạc ở hoàng thành. Ban hát các bài *Dâng hương*, *Giáo trống*, *Giải thư*, *Thết nhạc*...

Lòng quan Tham tri trời dạy những năm tháng nhộn nhịp, mải mê, tha thiết của tuổi trẻ. Ông bồn chồn, xúc động lạ lùng... Ngoài mặt tuy giữ vẻ nghiêm trang, đúng lễ nghĩa với quan Trấn thủ, nhưng bên trong, con người hào hoa của ông đang thúc giục ông xô ghế đứng lên, cầm chén nâng bầu rượu, chuốc rót mời những đào kép má phấn môi son, buông lời cảm khái tự nhiên về thời thế cùng bề bạn... Và theo đà cuộc vui, ông có thể xướng một lời hát có sẵn, vượt mặt tờ giấy hoa tiên cho thật phẳng, nhón cây bút lông, dầm mực, viết một hơi câu hát nhờ cô đào đẹp nhất hát cho...

Ông Nguyễn có cảm tình với lời ca trong trẻo, đúng giọng nghìn năm văn vật. Ông nhận ra những niềm tin gửi trong lời hát ấy. Vẻ đẹp kinh thành sẽ không bao giờ mất. Ông buông trống, thưởng rất khoan hậu. Chỉ cần ngọn roi châu của ông vụt xuống là những quan tiền cao đã được viên quan coi tiệc sai lính đặt ngay xuống chiếc chiếu cạp điều, trước mặt người được thưởng.

Bổng quan Trấn thủ truyền:

- Gọi cô Cẩm ra hát chào sứ bộ đi!

Ông Nguyễn thột người lắng nghe. Ông không tin rằng mình nghe nhầm. Kia, một người đàn bà gầy, đen tiêu tuy, da khô, mặt tối, đầu tóc buông thả, quần áo thô kệch, vai áo còn vá những miếng lụa trắng lố, tiếng đàn Nguyễn của cô, quả vượt xa những tay đàn trước. Ông Nguyễn bị tiếng đàn cuốn đi đến nỗi không kịp chú ý đến dáng người. Cô đào vừa đàn vừa hát bài *Hồ Hoàn Kiếm*, một bài hát nói, loại hát đang được các dinh thự từ Bắc chí Nam hâm mộ. Tiếng hát đã hơi rè nhưng còn hay lắm. Riêng ông Nguyễn trong nỗi riêng khép mở, lại yêu cái tiếng rè lẫn khéo vào cái giọng trời cho quý hơn vàng kia.

... Thu phong, thu nguyệt

Cảnh kiếm Hồ bao xiết vẻ phong quang

Soi biết bao lợi tấu danh trường

Lòng quan Tham tri trời dạy những năm tháng nhộn nhịp, mải mê, tha thiết của tuổi trẻ. Ông bồn chồn, xúc động lạ lùng... Ngoài mặt tuy giữ vẻ nghiêm trang, đúng lễ nghĩa với quan Trấn thủ, nhưng bên trong, con người hào hoa của ông đang thúc giục ông xô ghế đứng lên, cầm chén nâng bầu rượu, chúc rót mời những đào kép má phấn môi son, buông lời cảm khái tự nhiên về thời thế cùng bề bạn... Và theo đà cuộc vui, ông có thể xướng một lời hát có sẵn, vượt mặt tờ giấy hoa tiên cho thật phẳng, nhón cây bút lông, dầm mực, viết một hơi câu hát nhờ cô đào đẹp nhất hát cho...

Ông Nguyễn có cảm tình với lời ca trong trẻo, đúng giọng nghìn năm văn vật. Ông nhận ra những niềm tin gửi trong lời hát ấy. Vẻ đẹp kinh thành sẽ không bao giờ mất. Ông buông trống, thưởng rất khoan hậu. Chỉ cần ngọn roi châu của ông vụt xuống là những quan tiền cao đã được viên quan coi tiệc sai lính đặt ngay xuống chiếc chiếu cạp điều, trước mặt người được thưởng.

Bổng quan Trấn thủ truyền:

- Gọi cô Cẩm ra hát chào sứ bộ đi!

Ông Nguyễn thột người lắng nghe. Ông không tin rằng mình nghe nhầm. Kia, một người đàn bà gầy, đen tiêu tụy, da khô, mặt tối, đầu tóc buông thả, quần áo thô kệch, vai áo còn vá những miếng lụa trắng lố, tiếng đàn Nguyễn của cô, quả vượt xa những tay đàn trước. Ông Nguyễn bị tiếng đàn cuốn đi đến nỗi không kịp chú ý đến dáng người. Cô đào vừa đàn vừa hát bài *Hồ Hoàn Kiếm*, một bài hát nói, loại hát đang được các dinh thự từ Bắc chí Nam hâm mộ. Tiếng hát đã hơi rè nhưng còn hay lắm. Riêng ông Nguyễn trong nỗi riêng khép mở, lại yêu cái tiếng rè lẫn khéo vào cái giọng trời cho quý hơn vàng kia.

... Thu phong, thu nguyệt

Cảnh kiếm Hồ bao xiết vẻ phong quang

Soi biết bao lợi tẩu danh trường

*Kìa vên cầu mảnh gương còn mãi đó
Nước biếc khôn tìm gương Thái Tổ
Đá xanh hầu mọc chữ Phương Đình
Chẳng quản gì, người chi nhục, kẻ chi vinh,
Lấy sơn thủy hữu tình làm kẻ hữu
Khi bình hoa, khi đối tửu
Kho trời chung phong nguyệt của riêng ta
Chơi đi kéo nữa mà già.*

Tiếng đàn buông bắt khi mau, khi khoan, khi mạnh, khi đều, khi như mưa sa gió táp. Bởi đã nắm vững cung bậc nên đôi bàn tay khô gầy, đen đũi đã thao túng cả năm cung. Những phím gỗ, những sợi dây mảnh mai, vô tri kia đã thức tỉnh góc ngách tâm hồn những ai có điều riêng thầm kín. Bàn tiệc im phăng phắc. Phách cũng im, tay đàn cũng im, khiến quan Chánh sứ không dám đánh trống nữa. Cô Cầm đang chơi những bài đàn đặc biệt mà không phải lúc nào cô cũng đánh cho nghe. Dũa bát im theo, không dám làm kinh động đến nhạc. Gần đây cô Cầm gảy đàn và hát một mình, không cần trống phách gì hết. Lòng riêng của cô gửi gắm ở tiếng đàn, ngón tay buông bắt nhả những tiếng thánh thót từ đáy ruột thốt ra. Rồi cô hát. Bài hát thì ngang tàng mà giọng cô lại buồn man mác. Cô hát nhiều loại bài khác nhau, nét buồn nét vui tôn nhau, cái sang trọng cái bộn bề đời thường hoà lẫn, nhưng ngấm lại cuối cùng thì tiếng khóc thầm nghe vẫn nào nuốt hơn. Nỗi buồn thấm sâu, không làm sao rũ ra được.

Cô chuyển làn hát sang điệu *Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai*. Câu thơ tiễn biệt như nhỏ như khêu từng người trong sứ bộ:

*Ân cần tương tống xuất Thiên Thai
Tiên cảnh na kham khước tái lai
Vân dịch ký quy tu cương ẩm*

*Ngọc thư vô sự mặc tân khai
Hoa lưu động khẩu ưng trường tại,
Thuỷ đảo nhân gian định bất hồi,
Trừ trưởng khê đầu tông thử biệt
Bích sa minh nguyệt chiếu thương đài⁽¹⁾*

Tiếng hát khàn dần, gần như nghẹn lại. Quan Chánh sứ cần môi. Ông cho gọi viên quan coi tiệc lấy món sâm cầm tần và hồ rượu tới. Ông thưa với quan Trấn thủ:

- Bẩm quan, cô Cẩm đó chẳng? Xin quan cho phép tôi được tỏ một chút tình riêng.

Đắc ý, quan Trấn thủ cười vang, ân cần đáp:

- Xin quan Chánh sứ cứ xuống lệnh. Tôi đã nhường quyền chủ toạ cuộc vui hát cho ngài từ đầu kia mà!

Được ban thưởng, cô Cẩm đặt đàn xuống, đỡ khay vái tạ. Rất tự nhiên, cô rót rượu cầm bát, ăn uống ngay trước mặt mọi người. Quan Chánh sứ thấy mắt nhoà mờ. Người con hát khốn khổ đến thế kia ư? Vậy mà cô ta vẫn quên thân hình tiêu tụy để cố níu lấy tiếng hát, tiếng đàn chỉ mình cô có ở đất kinh đô thanh lịch này!

*

Đêm ấy, quan Chánh sứ họ Nguyễn không tài nào ngủ được. Trăng sáng quá. Tiếng tiêu khuya đang bay khắp mặt thành, ùa vào song cửa, gọi bao hồi âm, bao kỷ niệm. Và, ông Nguyễn lại

⁽¹⁾ Thơ Tào Đường, nói về các nàng tiên tiên Lưu Thần, Nguyễn Thiệu ra khỏi động, đại ý: Ân cần ta cùng tiễn nhau ra khỏi Thiên Thai. Cảnh tiên này có thể một lần nữa đến chăng? Người trở về xin uống thêm chút rượu tiên nữa. Lá thư em gửi theo, nếu chàng chưa thấy cần thì chớ mở. Hoa lưu lại động này sẽ còn tươi mãi. Nước xuôi về cõi đời thường kia liệu có quay về? Ngơ ngẩn mãi đầu ngọn suối, biết là cuộc chia tay này sẽ là mãi mãi, cát biếc bên sông vắng vặc một vầng trăng chiếu trên làn rêu xanh.

nhớ đến cô Cẩm. Thuở ấy, khi quân Tây Sơn kéo ra kinh thành dịp Tết, ở hồ Giám mở tiệc đêm. Đèn, hoa treo kết rục rờ. Con hát ngồi trước quán nghênh phong. Tướng Tây Sơn phẩm phục loá mắt. Các võ tướng ăn uống đùa cợt rất tự nhiên. Dân chúng tha hồ vào xem. Nguyễn công tử chen chúc trong đám đông. Đêm ấy là một đêm khó quên. Đuổi được bọn kiêu binh, dân Bắc Hà mát từng khúc ruột... Đám nhạc, tấu những bài ngợi ca thật khá. Đào kép nào cũng tranh nhau bộc lộ giọng hay nhất để làm vừa lòng những khách miền Trung. Đám quan võ Tây Sơn chừng cũng mê nhạc Bắc. Họ nghe say đắm. Có người mặt ngây, cầm rượu không uống, mắt đăm đăm nhìn tận đầu đầu. Có người quên cả lễ nghi, xà xuống đám nhạc công, ném tiền bảo hát một bài ông ta ưa thích. Công tử họ Nguyễn nhíu lông mày... Đám con hát này dễ làm quen với triều đại mới quá... Một vài sĩ phu có tuổi đứng bên công tử lặng lẽ bỏ ra về. Có người thì lại khâm phục thật sự, ở lại cho đến phút chót. Công tử họ Nguyễn suýt nữa cũng bỏ đi, nếu không nghe một giọng hát đặc biệt cất lên. Tiếng hát trong ngần hoà với nhịp phách, tiếng đàn điều luyện lạ thường. Người hát, thần thái tự nhiên, không chút gì vấp vả. Điều hát khi vút cao, khi trầm lắng, không sai sót một gợn nhỏ. Những thanh cao hướng lòng người đến những điều tao nhã, những âm trầm như thể một nỗi băn khoăn. Có tiếng thì thầm:

- Đào này hát hay quá, chưa thấy bao giờ!

- Ủa, cô Cẩm đấy! Trước đây, cô hát ở trong cung. Bây giờ vua chúa tan tác, thân gái cũng lênh đênh nổi.

Câu nói khá ngậm ngùi. Công tử họ Nguyễn nghiêng người cố nhìn lấy gương mặt cô đào. Người không đẹp lắm. Từ xa ông chỉ thấy khổ mặt bầu bầu, hơi gầy. Cô đậm người, đường nét nở nang. Các võ tướng Tây Sơn bắt đầu mê mẩn. Họ không để ai hát nữa, chỉ bám riết lấy cô. Trên chiếc chiếu hoa cạp điều, bạc thường quăng ra trắng xoá. Những quan tiền cao thấp nhấp nhô. Bát rượu men ngọc tràn đầy. Cô Cẩm, rất tự nhiên vừa hát, vừa

dùa vui với họ. Lời đối đáp cứng cỏi, tự trọng. Các tướng Tây Sơn thích cô thật sự, họ bốn cợt cô như thể tài tử họ mang theo từ Đàng Trong ra. Họ nể trọng tài hoa của người đánh đàn đất Thăng Long.

Tiệc tàn, công tử họ Nguyễn còn đi lang thang trong đêm trăng. Tiếng đàn, giọng hát cô Cẩm như đuổi theo ông. Đám võ tướng Tây Sơn hồn nhiên, cởi mở, ám ảnh ông. Quốc biến, gia biến cùng một lúc. Gia thế của dòng họ Nguyễn không còn lấy may mắn ở Long thành. Những ngày tới, anh em ông sẽ sống ra sao? Anh trai ông muốn ngả theo Tây Sơn. Ông ta đã đem gia nhân ra bên đường chào đón khi họ vào thành và sẵn sàng cộng sự. Ông lại có ý nghĩ khác. Thế là sảy đàn, tan ghé... Đi, ở, về đâu, chót lại đâu? Phải xa đất thánh này ư? Quê gốc trong kia, sao ông không dứt nổi bụi kinh thành?

Mấy ngày sau, ông Nguyễn nấn ná bên nhà anh ruột. Cô Cẩm đã về hát bên nhà. Ông anh của ông Nguyễn rất hào hoa. Thú ham mê âm luật, thì nhà ông, người con trai nào cũng mắc. Khác với các đào hát, cô Cẩm là một người độc đáo. Không phải ai cũng mời nổi cô hát! Nhưng cô nhận lời ngay anh em quan họ Nguyễn! Cô đến nhà đàn hát, ăn uống tự nhiên. Có đêm quá vui, cô vừa đàn, vừa hát, uống rượu. Rượu càng nồng, hát càng ngọt, đàn càng hay. Say quá, cô nôn mửa gục ngủ ngay bên cây đàn Nguyễn...

Rồi quan Chánh sứ cũng chợ mắt được! Giấc ngủ mệt mỏi, mộng mị. Sứ bộ vừa được lệnh lên đường ngay, sớm hơn một ngày, để đúng ngày mùng 1 Tết có mặt ở Nam Ninh. Đoàn tuế cống hồi hải đi trong buổi sớm mai. Ông Nguyễn sắp đi ra bờ sông Cái. Đã 24 Tết. Người đi lại tấp nập. Ông Nguyễn vén rèm cạm nhìn ra. Dòng sông hoa đào bắt đầu từ phía ngoại ô vào chợ. Những cô gái Nghi Tàm, áo mớ ba, mớ bảy, hay tay nâng cao hai cành đào bích vào sát cổng chợ. Một luồng gió mát ào qua, chiếc cạm vùn vụt ngược dòng người. Gương mặt, sắc hoa đầy vẻ Tết nhất. Vậy mà, ông Nguyễn lại phải đi sứ. Trôi chảy, ít nhất một

năm mới về. Ta cố về để được ăn Tết sau, tại Thăng Long! Ông Nguyễn thăm hện, mắt không rời cảnh đào bích cuối cùng, một cảnh đào đẹp chưa từng thấy!

*

Ở lại bên Trung Quốc đúng một năm, việc tuế cống đã lo xong. Nỗi dọc đường quá vất vả. Cái thú riêng của ông Nguyễn là được du ngoạn những nơi đất lạ ở nước ngoài. Đêm đêm, dưới ngọn bạch lập, người hầu thường thấy ông Nguyễn đọc sách, đi dạo, làm thơ. Ông ít nói. Trên đường về, mọi công việc hầu như ông giao cho ông Phó sứ. Ông ít muốn thù tạc với người Thanh. Thời buổi bối rối, văn nhân, mặc khách xứ Tàu ẩn dật đâu hết. Nơi cửa quan giao tiếp, toàn một loại hách dịch, trịch thượng. Cố giữ lấy quốc thể, sứ bộ khéo léo vượt qua mọi hạch sách vớ vẩn mà phía sau chỉ là sự vùi vĩnh quạ lạ vùng Lĩnh Nam cũ. Có những phút ông Chánh sứ cười một mình.

Chuyến đi này, ông làm được nhiều thơ. Ông thường đọc cho ông Phó sứ và đoàn tùy tùng nghe. Ông chửi Tần Cối, ông ca ngợi Khuất Nguyên những lời bạo dạn nhất...

Sứ bộ trào đèo lội suối để về đến đất Lạng Sơn vào cuối năm, ai cũng nóng lòng về nước. Khẩu cuối cùng bị quan Tổng đốc Quảng Tây chơi lõm. Ông ta giữ sứ bộ ở Nam Ninh mất một ngày về chuyện không đâu. Thế là lại thêm một cái Tết xa nhà, xa đất nước! Quãng 25 Tết, ông Nguyễn nhận được một phong thư. Từ lúc đọc xong, ông bản thần mãi. Ông bỏ cơm chiều, khoảng chín giờ tối mới chịu dùng một bát canh nấm.

Quan Phó sứ tưởng có việc hệ trọng, vào vấn an, ông Nguyễn đưa cho xem lá thư và lưu ý đến đoạn sau này:

"... Anh đành phải nói em hay: Cô Cẩm đã mất đêm 23 Tết! Gắn dây, do chơi bồi, buông thả, giọng hát của cô xuống rất nhanh. Cô trái tính, không chịu ở đâu lâu, thích đâu thì tìm đến hát vài tối

lại bỏ đi... Rồi do tuổi tác nhiều, tính tình biến đổi, không ai chịu mời cô nữa! Cô rời bỏ các nhà quan sống lẫn với đám hát rong ở cổng đình, cổng chợ, uống rượu, chơi bồi thâu đêm suốt sáng! Một buổi sớm, ở cửa chợ Đồng Xuân, người ta thấy một cái xác nằm co quắp úp mặt vào tường. Té ra là cô Cẩm hát đêm về, đang say, trúng cảm không ai biết. Cô lăn lộn một hồi rồi chết, tay còn giữ khư khư cây đàn Nguyễn..."

Quan Chánh sứ thở dài. Lại một đêm mất ngủ. Ông nhớ về buổi gặp gỡ cuối cùng người xấu số. Ông nghĩ về những con người tài hoa hay lận đận. Ông nghĩ xa xôi đến cả bà mẹ của mình. Nếu bà không gặp cụ Thượng Nguyễn thì số kiếp sẽ ra sao? Ông nhớ đến người tiểu thư bỗng con bên bờ hồ Tây trong dinh thự hoang tàn của Quận công họ Hoàng... Trăng lạnh lẽo như trăng đêm nào ở hồ Giám nọ, một vầng trăng về sáng! Lạnh lẽo quá, cô đơn quá! Ôi cái Tết ở đất nước người tẻ quá đôi, buồn đến chết người.

Ông mài mực, lấy trang giấy trắng, loại sang nhất, đặt lên mặt án. Hình ảnh người đánh đàn đất Thăng Long như hiện ra trước mắt. Cái dáng tiêu tụy, gầy khô, hai vai áo bạc trắng, xiêu xiêu bước vào bàn tiệc... và, giọng hát khàn khàn...

Lòng tràn đầy xúc cảm, ông viết liền một hơi bài hành về cuộc gặp gỡ hồi năm trước. Viết liền một hơi, thấm mệt, ông gấp tờ giấy vào một quyển thơ Đường.

Ông ngủ thiếp đi. Ông lại thấy cô gái gầy đàn. Cô tươi cười, tiến đến thêm, xá dài một vái, tự kéo ghế gầy đàn. Âm thanh náo nê, buồn khổ. Ông Nguyễn lắng nghe, mắt nhìn qua song cửa, lấy trăng hoa, trời đất bên ngoài để hiểu thêm âm điệu.

Có tiếng động ghế. Ông tỉnh dậy, chỉ thấy một mình nằm trơ giữa gian phòng lạnh. Người hầu ngoài cửa dạng hắng. Ông Nguyễn ân cần hỏi:

- Có việc chi đó con?

- Bẩm quan, quan Lệnh doãn Nam Ninh cho người sang mời sứ bộ ta lên thăm tỉnh lỵ và xem một tối Việt kịch. Quan Phó sứ đang chờ ý của quan.

Ông Nguyễn gọi:

- Con vào đây nghe ta truyền!

Người hầu mở cửa, rón rén vào. Ông Nguyễn lấy giấy viết thư tạ từ và đưa cho người hầu một viên hồ phách cỡ lớn làm quà cho viên Lệnh doãn và dặn:

- Con thưa quan Phó sứ đi giùm ta, đến cảm ơn quan Lệnh doãn hộ. Lòng ta còn nhớ Long thành, nhớ quê, ngổn ngang trăm mối không thể đi được!

Người hầu đi rồi, ông Nguyễn thẩn thờ bước ra khỏi nhà, đi tản bộ về phía chân núi. Ông lững thững đi, lạc vào một rừng đào. Đào chơi vơi trong mây như thể cây của trời của núi! Nhà cửa phía sau mờ sương. Ông cảm thấy người nhẹ nhõm, dễ chịu.

Ông ngẩng mặt nhìn lên. Có một dáng người nào đứng trên núi mỉm cười. Ông vội tiến đến. Người ấy có ý chờ. Ông Nguyễn giật mình. Người con gái đánh đàn ở Thăng Long sao lại thấy ở đây? Ông hăm hở tiến đến gần hơn. Khí lạnh ùn ùn xô tới. Bóng hình kia biến mất. Rồi sương tan, nắng nhạt hừng dần, nhìn kỹ thì đấy là một tảng đá, giống hệt hình một kỹ nữ ôm đàn.

1983

Ông đồ Tân thời

Thầy Đồ Chiêu chạy về Cần Giuộc. Được người vợ trọng nghĩa, chiều chồng, thực cũng đỡ dần cho ông nhiều lắm. Quê hương cũ của ông ở làng Tân Khánh, Bình Dương chắc đã khác biệt lắm. Chiêu qua có người học trò cũ, sau buổi Gia Định thất thủ, theo gia đình chạy về Vĩnh Long, được trúng cách vào trường tỉnh, là học trò yêu của quan Nguyên soái Bình Tây Trương Định vừa dấy nghĩa ở Cần Giuộc, nghe tiếng ông đồ lánh nạn ở đây, ghé qua thăm thầy. Ông đồ giữ lại để hỏi chuyện.

Tiếng súng giặc vẫn ì ầm nổ ở phía Biên Hoà - Tân Định. Đêm loạn ly không được yên tĩnh. Từng làng chó sủa lúc rộ lên, lúc im. Có lúc, nghe tiếng người bàn tán râm rì ngoài phố. Đã đến giáp canh hai, gần canh ba, ngọn đèn dầu mù u vẫn toả sáng. Người học trò, trước người thầy giáo mù, vẫn giữ đúng tiết lễ, không dám buông thả. Anh ngồi ngay ngắn, đối mặt với ông đồ, lòng đầy thương cảm. Phía nhà trên, nhà chủ đã đóng cửa ngủ yên. Nhưng dưới nhà, bà đồ, cùng với một ngọn đèn, đang ngồi sàng gạo, lo mai đi chợ. Thỉnh thoảng bà lại ngừng tay, ru rín đứa trẻ con ngủ một mình trên một chiếc giường tre. Bà phải làm hàng sáo kiếm thêm tiền độ nhật. Hai năm xa quê, về nương náu ở đất Cần Giuộc này, học trò của thầy đồ ngày một vắng. Thầy đã chuyển sang làm thuốc. Song tỉnh Gia Định đã thất thủ rồi, người bán thuốc mua về, rất ngại cho chịu tiền, đòi trả ngay. Loạn lạc mà! Mà nhà thầy thì làm gì ra có tiền. Thế là bệnh không chữa nổi. Nhà giàu ít tìm đến. Thầy lại chữa bằng thứ cây, thứ lá những bệnh phong, hàn, cảm,

mạo cho bà con, phần nhiều không lấy tiền... Người nghèo, người có tâm huyết với đất nước, thầy đồ kiêm thầy thuốc này tận tình chăm sóc. Ông từng chữa cho một nghĩa quân bị đạn bắn vào bụng tưởng không thể nào qua khỏi, bằng toàn thứ lá hái ở bãi bờ và vườn tược... Từ ngày cuốn thơ *Lục Vân Tiên* viết xong thì cả Lục tỉnh ai cũng biết tiếng thầy đồ Chiêu. Nhiều nhà giàu muốn đón ông về dạy con, mở hiệu thuốc để lấy tiếng thơm lây, song ông toàn nương tựa vào chỗ thân thích, hoặc học trò. Tiếng là đi lánh nạn mù loà, song vợ chồng ông không gây phiền hà cho ai cả, còn làm được khá nhiều việc, giúp rập bà con cô bác xung quanh. Bởi vậy tài năng, đức độ ông càng truyền xa.

Cuộc đời long đong của ông, dân Lục tỉnh hầu như thuộc lòng. Tuy sinh ở Tân Thới, Bình Dương, Phủ Tân Bình, song quê gốc của ông tận Thừa Thiên kia. Năm hai mươi lăm tuổi, thi Hương ở Gia Định đậu tú tài ông ra Huế học hành để tiếp tục con đường khoa cử. Chưa kịp thi, được tin mẹ mất, quá thương mẹ, ông khóc nhiều. Gặp lúc trời oi, ông nhiễm bệnh đau mắt đến hỏng mắt. Người có chí không chịu buông trôi cuộc đời trước oan trái của thế gian, ông đã tự học thêm cả chữ nghĩa lẫn nghề thuốc. Cho đến nay thì các mạch lạc, ý nghĩa của văn chương, y lý của nghề thuốc, chưa chắc người sáng mắt đã sành, giỏi hơn ông. Hai thầy trò vẫn ngồi bên khay trà. Trò rót, dâng hai tay lên, đặt vào lòng tay thầy, bùi ngùi nói:

- Xã hội ba đào⁽¹⁾ quá. Mới ngày nào, chúng con còn đến ăn mỳ chữ nghĩa ở cửa nhà thầy. Con cứ nhớ, hôm nào con cũng đi muện vì mắc đi đưa bánh cho các hàng quà giúp mẹ con. Vậy mà thầy không quở, còn cho sách cho bút. Bây giờ, con vào cửa quan, làm việc từ hàn tối mật của những người có lòng với đất nước, con không thể nào quên được mái tranh ở Tân Thới nơi thầy đã mở lòng cho chúng con để tạo thành những con người có ích cho hôm nay.

⁽¹⁾ Xã hội sóng gió.

Thầy Đồ Chiêu lạng lẽ hỏi:

- Anh từ Vĩnh Long lên, có qua chỗ thành Gia Định không? Nghe nói gạch tan ngói vỡ hết rồi, phải không?

Mắt ông đồ hướng về phía quê hương, sống với những kỷ niệm không bao giờ quên được. Thành Gia Định xưa là một danh thắng của quê ông. Thành được khởi công vào năm Canh Tuất (1790), do lệnh của Chúa Nguyễn Phúc Ánh (tức Vua Gia Long sau này). Chu vi thành tới 429 trượng, cao 10 trượng ba tấc. Hào quanh thành, xẻ rộng tới 11 trượng bốn thước và sâu bảy thước. Thành xây theo hình bát quái, có dáng hoa sen. Tám cửa mang tên đẹp của tám quẻ trong Kinh Dịch: Càn Nguyên Khảm Hiềm, Cấn Chỉ, Chấn Hành, Tốn Thuận, Ly Minh, Khốn Hậ và Đoài Duyệt.

Bên trong, dựng nhà Thái Miếu, giữa có dinh hành tại. Tả là nhà kho, hữu là công xưởng làm quân nhu vũ khí. Quân túc vệ được đóng quanh tám mặt thành. Có điều kiêu, có thang dây, thuận tiện cho việc quân lên xuống. Những ngày việc binh quan yếu, bảy ngày treo cờ, đêm treo đèn hiệu, hiệu trống hiệu mõ từ canh một đến trọn ngày không bao giờ trễ nải. Sau này, Gia Long lên ngôi, các quan tổng trấn còn cho xây vọng cung, xây lầu bát giác để chuông trống, lầu tía, gác son, cửa hoa trạm lộng lẫy...

Khi Tây vào chiếm thành Gia Định, chúng lừa dân đi như lừa vịt. Tàu đồng, tàu thiếc chúng áp vào Bến Nghé. Chúng lập đồn binh đối diện với thành. Dùng đại bác vãi vào thành, rồi chiếm luôn lấy, sau đấy, chúng dựng soái phủ. Chúng không đóng nổi ở thành bát quái này vì đêm đêm, những đội du binh vẫn lén vào, khi dùng súng hoả mai, khi dùng dao găm, thậm chí dùng gạch đá, đập nát đầu bọn lính Tây và bọn mã tà, ma ní.

Điên tiết, tháng 3 năm 1855, chúng cho địa lôi san phẳng cả toà thành để dễ bề quan sát khi các thuyền chài từ phía sông Sài Gòn đi biển trở về.

Nghe thầy hỏi và ngồi lặng đi hồi lâu, người học trò mới thưa:

- Dạ, Gia Định không còn là nơi thuyền, chợ chen đua, trai thanh gái lịch sầm uất như xưa nữa. Bây giờ buổi sáng là tiếng kèn tồ tí te gọi lính của Tây, buổi chiều lại tồ te tí... Khói lửa mù mịt khắp đông, tây, nam, bắc. Xịch chân ra khỏi nhà là thấy cảnh bồng con, bế cái, tay xách nách mang chạy loạn. Nội ngoại vì thành Gia Định tấp nập là thế nay vắng ngắt như chùa Bà Đanh. Lác đác trên đường phố có xe song mã, tàn rủ lọng che, nhìn lên, lại thấy bọn mũm lổ tóc quăn. Quay lại, lại thấy bọn mặt xanh nanh vàng, hôm qua đi cầu móc túi, hôm nay đã thành thông ngôn, bang tá. Chúng hoạch hoệ sách nhiễu cả từ người ốm yếu, người chống gậy mắt lòà chân chậm, lục lợi tận tâng tã lót của hài nhi.

Người học trò quê ở miền Tây, giáp cửa biển, dẫu theo đòi văn học nhưng giọng cứ ồm ồm vang vọng. Lòng căm giặc của anh bùng lên, khiến cho những cơn uất, lời đau đớn, thốt từ đáy lòng ra, không giữ được vẻ bình thường. Chợt nhớ mình đang ngồi trước mặt thầy học, anh vội vàng dịu giọng xuống:

- Nhưng thưa thầy, con đi ra vào các vùng quê, khí thế muốn đánh giặc của dân chúng vẫn đang hăng hái lắm. Nhà có của thì còn mất trước mắt sau nghe ngóng, chứ người chân lấm tay bùn, thì trước sau chỉ biết giặc đến là đánh thôi.

Ông đồ gật đầu, thấy người học trò cũng đang tâm đắc với những điều mình nghĩ. Người học trò nói thêm giọng hùng tráng, hứng khởi hẳn lên:

- Con vừa qua chỗ quan Bình Tây Đại nguyên soái Trương Công Định. Trương Công Định là ai? Chẳng qua chỉ là một chàng công tử con một chức lãnh binh. Nhưng khi vận nước lâm nguy, khác hẳn bọn tầm thường, tự chiêu mộ dân nghèo, lập một đạo quân, một lòng vì vua giết giặc. Quan Hiệp tán quân vụ tâu lên được phong chức Quản cơ. Tiếp khi quân Pháp-lăng-sa đánh thành Gia Định, quan quân rút chạy, thì ông lại dẫn binh lên đóng ở

Thuận Kiều. Ông với những tướng lĩnh tâm huyết chủ chiến của triều đình luôn đi tiên phong lập được nhiều chiến công. Vậy mà triều đình không nhìn ra cây quý từ buổi ngang vai, lại chỉ trao cho chức Phó lãnh binh mà thôi. Có biết đâu, ở trước thành Gia Định này, Tây gồm chỉ có mình Trương Định!⁽¹⁾ Loại "phương diện quốc gia" như Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp, từ kinh đô đến, không làm nức lòng dân thì chớ, lại cứ chiều theo yêu sách của Bô-na, một mực chủ hoà, lui quân nhường đất. Trai trẻ như bọn chúng con tức nổ gan nổ ruột ra được!

Ông đồ càng quý thêm người học trò khảng khái này. Ông nói ôn tồn:

- Quốc gia lâm nguy, sát phu hữu trách. Thời buổi này là thời xếp bút nghiên theo việc đao cung! - Ông cười: - Nhưng thầy xem ra, người cầm cuốc, cầm cày, những tay nông phu, ngư phủ, chân lấm tay bùn, mình tay đầy vẩy cá, hạng người mà nhà nho gọi Nôm là "sát phu" ấy, mới thật sự đáng kính trọng, họ đúng là những người anh hùng!

Như chọc đúng mạch nước, người học trò liền kể cho thầy nghe về các nghĩa quân ở các nơi anh gặp mặt:

- Nhà nho bao giờ cũng liệt cho giới mình mới là tôn quý. Gần đây, lẩn lộn trong cảnh loạn lạc, con mới thấm nhuần lời thầy giảng cho nghe thuở nào: gốc của nước chính là những người trồng cây. Ông Trương một đêm tụ nghĩa, năm nghìn nghĩa sĩ đến đầu quân. Họ là ai, thưa thầy? Người từ vùng đất hoang mới lên, áo phong phanh trước gió, người đội nón mê nhưng nói những điều mà người làm tướng không khỏi thán phục, lời lời sôi sục những ý chí lấy lại non sông gấm vóc. Nhắc đến tội ác giặc, mắt quắc lên đến rách mi, lông mày dựng ngược, răng nghiến, môi bặm, tưởng gặp giặc thì xé xác moi gan mới hả. Kể đến xóm làng, lòng dạ nguì nguì thương nhớ. Cơm lính mộ nghĩa đạm bạc, đắp thành xây lũy

⁽¹⁾ Trương Công Định (Trương Định).

suốt ngày cật lực, không một chút than vãn. Xong pha trước rừng tên mũi đạn, bị thương cả cánh tay, ruột đổ lòng thông, trong cơn mê sáng miệng vẫn còn hô: Sát! Sát!

Người học trò rơm rớm nước mắt. Chắc anh lại nhớ đến từng gương mặt nghĩa quân mà anh được tiếp xúc. Câu chuyện của anh gây xúc động mạnh cho ông Đồ Chiểu. Ông thở dài ngồi chờ đến một lúc. Người học trò hối hận, trót làm thầy xót xa nghĩ đến hoàn cảnh hẩm hiu của mình, không được tung hoành trong cái tuổi ba bảy, ba tám đang độ tài năng nảy nở, mắt không chứng kiến được cái cảnh đau thương xen những phút hào hứng của một vùng đất nóng bỏng này. Nhưng ông đồ đã vượt qua những ngày thử thách nhất của đời mình từ lâu rồi. Nỗi buồn đến cũng tự nhiên, nhưng đi cũng nhanh chóng.

Thầy hỏi trò:

- Quan Nguyên soái Bình Tây không được triều đình nâng đỡ, chắc cũng nhiều khó khăn về lương thực, đạn dược lắm nhỉ!

- Thừa thầy, họ Phan họ Lâm ký hoà ước rồi bãi binh triều đình, gọi tướng ngoài trận về triều. Ông Trương cũng bị điều đến An Giang làm Lãnh binh. Tất cả đều theo như ý của bọn Tây trong soái phủ. Phút này gây ra những bất bình trong quân nghĩa. Họ bàn với nhau: "Bọn Pháp-lăng-sa bị nhiều lần đánh lui. Chúng bị ta lợi dụng địa hình kênh rạch rắc rối, dẫn chúng vào thiên la địa võng mà bằm vằm chúng ra. Nay triều đình giảng hoà, giặc sẽ lòng tìm giết hại bọn ta. Sao bằng hợp lực đánh lại chúng, giữ lấy một mảnh đất để cùng bảo toàn tính mạng". Mọi người quyết định bàn mưu suy tôn Trương Định nắm giữ binh quyền. Vừa hay có Phạm Tuấn Phát ở Tân Long đem thư của nghĩa hào đến hợp sức. Mọi người xây đàn tôn Trương Công Định lên làm chủ soái, cử Trần Quang Nghi làm Tham tán quân vụ. Hiện nay quân nghĩa đã làm chủ các nơi hiểm yếu. Đại quân đóng ở Gò Công, mặt Đông Nam ra đến bể, mặt Tây đến đất Hoa

Cương, đều là tướng giỏi, quân thiện chiến trấn giữ. Từ đập Tây Ba đến đập Ông Canh, từng đoạn một, đều đắp lũy để cản quân Tây đột nhập. Trương Định đã cho đúc thêm đại bác, chọn quân lính các huyện, bổ sung vào đồn Tân Hoà, phòng thủ chắc chắn để làm kế lâu dài. Ông bảo phó soái là Trịnh Quang Nghi thảo thư hiểu dụ các nghĩa hào, khuyên mọi người nên nỏ nức đánh giặc. Dân chúng các phủ huyện đều theo lệnh ông, vận tải tiền gạo, đưa thêm những người khảng khái đến tụ nghĩa dưới cờ!

Ông Đồ Chiểu nghe xong, lòng rất hào hứng, nói:

- Thời thế tạo anh hùng là vậy. Sự nghiệp của một người chỉ có lúc nước sôi lửa bỏng mới tạo dựng được. Đó cũng là cái điều mở mắt cho ai đó chỉ đi theo con đường chữ nghĩa!

Hai thầy trò đang trò chuyện bỗng thấy tiếng súng lớn nổ rền rĩ ở phía Long An. Tiếng trống ngũ liên nổi nhau nổi trong đêm. Ở các làng gần, còn nghe được cả các hiệu lệnh khánh mõ của các đội tuần sát ở các lũy, hào tăng tăng lớp lớp. Tiếng súng lớn, tiếng súng con nổ đến sốt ruột. Những người xung quanh đều thức dậy. Đám trai tráng vác hèo, gậy, dao mác tăng cường cho các điểm canh. Các hào trưởng mỗi thôn tận xuất ra mặt đường, lên mặt lũy đốc thúc canh phòng, ngăn giặc tràn đến địa phận mình. Nhiều nhà lo xa đã sắp xếp gong gánh để lo chạy loạn. Tiếng sàng gạo của bà đồ đã ngừng hẳn. Bà lên nhà và nhẹ nhàng thưa:

- Thầy hôm nay lại thức khuya quá đấy! Súng ống đêm nào chẳng có. Việc nước lo bao nhiêu cho cùng!

Ông đồ an ủi vợ:

- Súng ống thế này mai chắc má nó lại không chợ búa nổi rồi. Thôi không đủ gạo thì nấu cháo ăn cũng được. Má nó ăn gì phải cho tôi ăn nấy. Tép rang, cua đồng cũng được! Thời loạn phải dè sẻn, không thì nằm đường, ngủ miếu, cơ nhỡ xa lạ, chẳng biết nhờ ai đâu! Một mình má nó xoay vần, tội nghiệp lắm!

Bà đồ dịu dàng thưa:

- Thày em khỏi lo. Tôi nhờ lộc thày nhiều chứ. Bà con có gạo ăn thì nhà mình cũng có cháo húp. Dân Lục tỉnh từ ngày giặc đến, dùm bọc cứu mang hơn trước nhiều!

Bà đồ chạy vào thủ một số đồ tư trang đem xuống gối đầu giường, đề phòng giặc đến thì chạy ngay được, rồi bà xuống nhà nằm với con nhỏ.

Tuy không nhìn thấy gì, nhưng qua tiếng súng, tiếng hò hét phía ngoài, ông đồ lại hồi tưởng lại những làng bị giặc tàn sát, đốt phá... Trâu gục trên đường cày, lợn kêu rống kéo lê mình trúng đạn; tre nứa nổ lốp đốp liên hồi không lúc nào dứt. Có lúc đám cháy tấp nóng cả vào mặt, khi ông vịn vai một người học trò mà lần theo, thoát khỏi làn đạn đại bác từ nội thành câu ra phía ngoại vi... Biết bao nhiêu bồi hồi thương cảm lại chen lẫn trong lòng ông.

Sáng sớm hôm sau, tin truyền về, nức lòng mọi người: Bọn Pháp cho quân đến đồn trú tại Cần Giuộc, nhằm bình định tiếp các khu vực ngoại vi của thành Gia Định. Không để cho chúng muốn làm gì thì làm, quân nghĩa ở địa phương đã tiến đánh giặc ngay tận sào huyệt của chúng!...

Suốt ngày hôm sau chiến trận vẫn còn tiếp tục đến nửa buổi. Cho đến chiều, tiếng súng mới tắt và những đám cháy mới im. Một lúc sau được tin nghĩa quân đã rút lui về phía Cần Giuộc, ở sát ngay làng bên cạnh. Mười lăm nghĩa sĩ đã bỏ mình vì nước trong trận đánh giặc táo bạo này. Dân làng đã chọn ra những cổ ván tốt nhất sơn son để làm quan tài cho quân nghĩa. Thống tướng Bùi Quang Diệu, quân triều đình, cũng tham dự trận này, rất cảm kích. Chính ông xin với Tuần phủ Đỗ Quang, dùng nghi thức tế lễ người có công với nước để truy điệu, vừa để tưởng nhớ các nghĩa sĩ, vừa để khích lệ lòng giết giặc của dân chúng. Trận này, nghĩa quân đã dùng mã tấu, tay thước, bắt chập làn đạn giặc, lấn vào hào, chém giết hàng chục tên Pháp, làm rụng đầu một quan hai Pháp và một tên Tri huyện làm tay sai cho giặc. Biết tin ông Đồ Chiểu ở ngay

làng bên, Bùi Quang Diệu cho người cầm thư sang xin ông làm gấp cho một bài văn tế. Ông đồ nhận lời ngay. May có người học trò yêu đến chơi, ông bảo anh nán lại thêm một đêm, giúp ông chép giúp những điều ông sẽ viết...

Bà đồ sửa soạn cơm lên cho chồng và khách. Suốt bữa cơm, hai thầy trò không nói với nhau một câu nào. Người học trò biết thầy đang dồn tâm sức, suy tư cho một áng văn đầy tâm huyết, nên xới cơm đưa bát để thầy ăn. Anh lấy làm sung sướng về sự gặp mặt trong những ngày loạn lạc này. Anh ăn qua loa, vì tâm trí cũng còn đang mãi suy nghĩ về việc ngày mai phải đi theo lối nào ngắn nhất, để đem phúc thư của Trương công về cho quan Đốc học Nguyễn Thông. Ông đồ vẫn chậm rãi và từng miếng cơm, mắt dăm dăm. Miếng thịt rim người học trò gấp cho vẫn còn ở góc bát.

Ông vừa ăn vừa lẩm bẩm:

- Vạn sự khởi đầu nan. Vạn sự khởi đầu nan!

- Với bút lực của thầy, con tin một bài văn tế có chi là khó!

- Không, ta đang mắc món nợ lớn! Làm một bài văn tế bình thường có để đọc thì đúng là chẳng khó khăn gì! Nhưng những phút thiêng liêng này thì mỗi câu văn phải là một "cây thương phá giặc".

- Dạ...

Người học trò biết mình chưa hiểu hết bụng thầy, hơi ân hận. Ăn cơm xong anh vội mài mực, lấy bút dầm nghiên. Hơn một tiếng đồng hồ, ông đồ đọc cho anh vài đoạn mở đề, rồi không ưng lại bắt anh xóa đi... Chợt lúc ấy một loạt súng xa lại nổi lên và có tiếng quân reo ầm ầm ở ngoài đường cái lớn. Ông đồ hứng khởi hẳn lên. Ông bảo người học trò:

- Nào, bây giờ anh ghi ngay đi, ghi ngay lấy ý... Ta sửa câu, sửa lời sau nhé!

Và ông đọc, giọng sang sảng:

"Súng giặc đất rền

Lòng dân trời tỏ

*Mười năm công võ ruộng, chưa ắt còn danh nổi như phao
Mặt trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ*

Nhớ linh xưa:

Côi cút làm ăn; toan lo nghèo khó

Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung

Chỉ biết ruộng trâu, ở theo làng họ

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm

Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó

*Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan
như trời hạn trông mưa;*

*Mùi tinh chiến vấy vá đã ba năm, ghét thói mặt như nhà nông
ghét cỏ,*

Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan

Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cỏ!"

Bởi không tự viết được nên vừa đọc xong ông lại phải dừng để nghe học trò đọc lại và tự nhớ những đoạn vừa nghĩ được. Ông mừng là lời văn đã có không khí, những điều chứa chất từ lâu đã được dịp hiện thành lời:

... Một khối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi lươn

Hai vầng nhật nguyệt chói loà, đâu dung lũ treo dê bán chó

Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức chém kinh

*Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này quyết một phen
bắt hổ".*

Nhiều trai tráng nghe tin ông đồ đang làm áng văn tế hết sức quan yếu, liền lục đục kéo vào nghe. Người đến trước lên vào ngồi trong nhà, người đứng sau tựa lưng vào thềm, vào cột để uống lấy từng lời nói với người chết mà cũng là nói với lòng mình, nói với người sống:

"... Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu bầu
ngồi.

Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nào sắm dao tre, nón
gỗ,

Hoả mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà đại đạo
kia

Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan
hai nọ

Chi nhọc quan quân đánh trống kỳ, trống giục, đập rào lướt
tới coi giặc như không...

Nào sợ thằng tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào liều
mình như chẳng có

Kẻ dâm ngang người chém ngược, làm cho mã tà ma ní kinh
hôn

Bọn hè trước, lũ ó sau, trót kệ tàu thiếc tàu đồng súng nổ

Nhưng tấm lòng nghĩa lâu dày

Đâu biết xác phàm vội bỏ

Một chắc sa trường rằng chữ hạnh, nào hay da ngựa bọc thây

Trăm năm âm phủ ấy chữ quy, nào đợi gươm hùm treo mộ

Đoái trông Cần Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng

Nhìn lại Trường Bình, già trẻ hai hàng lỵ nhỏ..."

Nhiều người ngồi nghe ông đồ đọc, giọng ngùi ngùi cảm
động đến lúc nghe người học trò cảm khái đọc thêm một câu
nữa, thì ai cũng bồi hồi xúc cảm. Có người đưa tay lên quệt
ngang mặt. Có người trừng mắt lên trời cao, cưỡng lại những
dòng lệ cứ định ứa ra...

Canh tư thì bài văn mới viết xong. Lấy giấy thếp vàng dùng
cho việc tế lễ của đình miếu mà quan thống tướng cho người mang
sang. Người học trò, chữ đá thảo, đẹp như cắt, chép vào. Đoạn lạc

khoản, đề: "Tân Thới, Bính Ngọ khoa Tú tài Nguyễn Đình Chiểu
cẩn soạn..."

Thống tướng gửi ông đồ hai lạng bạc và quả cau lá trầu, ông chỉ nhận trầu cau, xin gửi lại bạc, lại có lời ân cần bày tỏ tấm lòng với quân nghĩa, hẹn đến lúc cử tế, thế nào ông cũng sang...

*

Đã đến những ngày giáp Tết năm Quý Hợi. Ông đồ có hôm nói vui với bạn bè: Tết lợn nhà không lợn. Nhà ông đã túng lại càng thêm túng. Song ông vẫn sống theo cách những ngày ông hoà đồng cùng đồng bào chạy loạn. Ông Đồ Chiểu không "tiến về phía trước" đã đành. Bao nhiêu thứ mỗi vinh hoa phú quý đã bày ra trước mắt. Đốc phủ sứ Tôn Thọ Tường, hôm qua còn là một nho sinh, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, và từ lúc vào làm trong soái phủ, đã được bơ sữa, tàn lọng làm cho tóc mượt lên vì bóng, má ụ lên vì gà quay, lợn béo. Ông đồ không chịu lui về phía sau, nơi tiếng súng địch còn xa! Dân chúng kính mộ, nhiều nơi cho thuyền, cho người đón về, ông quyết không về, cứ gần bó với ngôi nhà tre ở Cần Giuộc, lợp lá dừa nước, ở nơi loạn lạc. Mấy tháng gần đây, ông buồn lắm. Sự gắng gỏi của Trương Định mấy lần đều bị thất bại. Giặc Pháp bị Trương đánh cho thua đau ở trận Quý Sơn, tập trung thuyền lớn trên sông Gò Công bỏ vây đánh vào các đồn lũy hiểm yếu. Các tướng giỏi của Trương Định là Đặng Kim Chung, Lưu Bảo Đường đều bị trúng đạn chết cả. Trương Định bèn truyền hịch cho các đạo nghĩa quân từ Tân Long, Bình Long, Bình Dương, Biên Hoà hội quân đánh Mai Sơn và Tây Thuận Kiều của giặc, nhưng quân Pháp biết trước đã tăng quân, thêm súng lớn, quân Trương đánh không nổi. Dẹp dần những đồn lẻ phía ngoài, soái phủ Pháp ở Sài Gòn, trận này đang quyết đánh cho tan nghĩa quân ở Gò Công. Làng xóm đã cùng nhau chạy loạn theo kinh rạch, ra biển, về các tỉnh miền Tây tạm trú. Bà đồ nóng ruột cũng giục ông đi. Sắp ra giêng mà quân

Pháp lại càng tăng sức ép với quân Trương Định. Hiện nay ông Trương lâm vào thế cô mà quân địch đã áp sát, dồn quân vào Tân Hoá... Theo tin quân lính thám binh báo về, mặt ven bể Thư Giang, mặt cửa biển dẫn vào Lăng Lộc, mặt kênh Kỳ Nam cũng đều có quân tập trung của giặc cả. Bọn bè cũng khuyên ông đồ tránh nơi nước lửa, kéo lại mắc tên rơi, đạn lạc ở đám loạn quân. Chính Trương Định cũng nhắn lời: "Ông đồ hãy tạm lánh về Ba Tri, nếu thế quân mạnh lên, thì việc trở lại Cần Giờ có gì là khó!".

Ông Đồ Chiểu định ăn một cái Tết nữa ở Cần Giờ, rồi khoảng mồng 3, mồng 4 lui về Bến Tre cũng chẳng muộn. Như thế cũng đỡ phiền hà bà con nơi mới đến, trong dịp tết nhất. Chợt chiều hôm ấy, một người vi hành, mặc áo nho sinh bước vào trong nhà. Tết ông Táo, bà đồ cũng không để ông đồ phải uống rượu suông. Bà kiểm con cá chép và thổi thịt, thổi nấu gạo xôi để cúng Thổ công lên châu Ngọc Hoàng Thượng đế. Vừa hay, khách bước vào. Ông đồ tiếp khách, một người học trò ở nhà bên sang giúp ông pha trà, điều dóm.

Khách giở tay nải, lấy ra một chai rượu nho, một cân mứt sen từ Hồng Kông lấy về và một bức thư riêng. Đó là thư của một người Pháp ở Đốc phủ sứ gửi cho ông đồ. Lời thư với danh nghĩa cá nhân, song lòng mày ông đồ cứ nhúu lại.

*"Thưa ông, tôi là một người Pháp làm việc trong Soái phủ. Tôi cũng là một người yêu văn học, biết tiếng An Nam và hân hạnh được đọc cuốn **Lục Vân Tiên** của ông. Tôi có ý định muốn dịch ra tiếng Pháp để giới thiệu với đồng bào tôi ở bên chính quốc. Việc này được ông Đô đốc, tổng chỉ huy công việc ở Soái phủ hết lòng khuyến khích. Khoảng vài năm nữa cuốn sách của tôi mới xong. Riêng tôi nghĩ, ông đang lâm vào cảnh khó khăn của người chạy loạn, nên gửi ông một số tiền nhuận bút trước, để ông chi dùng. Quan Đô đốc biết việc này cũng nhân đấy gửi tặng ông một chút quà mọn (rượu và mứt), mong ông đừng phụ lòng tôn quý của chúng tôi!"*

Người đưa quà đặt rượu mứt lên giường và hai chục lạng bạc.
Ông đồ cười:

- Tôi là thầy đồ nghèo, sống xa lánh cảnh giàu sang từ lâu, các ông Tây bên Soái phủ cũng để tâm đến kia à?

Người đưa quà thưa:

- Dạ bẩm ông, tiếng tăm của ông đã bay khắp Lục tỉnh. Chẳng qua là ông không thềm hám cái thứ bơ thừa, sữa cận đó thôi.

- Ông được cử đem quà đến mà cũng nói thế ư?

- Tôi vì miếng cơm manh áo phải nán lại trong thành. Giặc biết tôi là người nhu nhược, đã ép buộc tôi làm việc này cho chúng. Khi đi tôi đoan chắc - với ông - việc này chỉ là vô ích.

- Nhưng không vô ích đâu, thầy nho ạ! Ít ra chúng cũng tung tin là ông Đồ Chiểu đã giao thiệp với Pháp rồi chứ gì! Mà người Pháp thì lấy tỉnh nào mà chẳng mất, cứ gì sáu tỉnh phía Nam này! Nhưng mưu mẹo gì thì chúng cũng không làm giảm nổi thanh danh của tôi đâu. Ông về nói giúp rằng: "Đồ Chiểu này thà ngửa tay xin cơm của đồng bào mình, còn hơn nhận một hạt gạo của giặc!"

Giọng ông dữ dần, vang to, khiến người đưa quà sợ hãi. Thấy ông to tiếng, những người xung quanh xúm đến khiến người của Soái phủ cuống quýt kêu van:

- Thưa ông, việc này từ Soái phủ ép tôi đi... Xin ông đừng bắt tội tôi...

Anh ta lăm lét nhìn những người cầm gậy gộc, mắt xếch ngược lên vì giận đứng ngoài bậc cửa. Một người nói:

- Thành này là gián điệp, dám đường đột vào tận đây lừa phỉnh một bậc danh sĩ, lời cổ nó ra mà cho mấy nhất!

Nhưng ông đồ ôn tồn bảo:

- Tết nhất đến nơi, anh ta cũng phải về với vợ con. Giết một con cây nhất bổ gì! Xin các ông để hấn ta về nói lại những lời của tôi cho chủ hấn.

Người đưa quà lấm lét thu nhặt các thứ mà chân vẫn còn run bần bật. Một đầu lĩnh râu hùm, hàm én, tiếng nói như chuông, phải bật cười lên:

- Trời đất ơi, cũng là nhà nho mà thầy trước ông đồ như là hòn phên trước trái núi vậy!

Cả đám cười âm lên sáng khoái, bỏ mặc kẻ đưa quà lấm lét chuồn như chó cụp đuôi.

1987

Ông Hoàng Mười

1

Trong dinh phủ Tùng Thiện Vương Miên Thắm - thường được quen gọi là Hoàng Mười - một ngày bình lặng lại trôi qua. Khu đất mười hai mẫu giờ đã càng ngày càng sầm uất. Cây cối chim muông hoà đồng ríu rít. Đêm trăng, tiếng tiêu thiêu réo rất những giai điệu mới. Đêm nào, trên lầu văn nển bạch lập thấp sáng trung, đêm đó người xung quanh biết là có khách quý!

Miên Thắm, người nho nhã từ bước đi đến giọng nói. Ông khiêm cung, từ tốn, ai gặp lần đầu tiên cũng phải mến. Ông học rộng, biết nhiều, tấm lòng yêu quý hết thảy mọi người, ai cũng nhận ra.

Cao Bá Quát, người khó gần, khí phách ngang tàng, kiêu ngạo, nhưng Miên Thắm lại kết bạn rất thân. Lúc nào, thấy cổng dinh ông hoàng cài then, treo biển miễn tiếp khách, đó chính là lúc Cao đến chơi nhà. Hai bên đàm đạo thơ văn không bao giờ chán. Tùng Thiện Vương hỏi chuyện Cao về Nguyễn Văn Siêu, Bà Thanh Quan và các bạn thơ khác. Cao tự phụ với ai, chứ trước Tùng Thiện Vương, ông lại rất nhã nhặn. Tuy Cao làm quan ở trong kinh, nhưng là chức quan nhỏ, một thời lại phạm trọng tội, ít người thích giao du, nhưng Miên Thắm lại rất trọng ông. Những bài thơ hay, câu thơ hay của Cao, ông không ngớt lời khen ngợi. Khi Vua Tự Đức hỏi về Cao, ông nhất nhất nói tốt cho bạn, nhất là về mặt học vấn. Vua biết ông rất mến Cao, nhưng người không thích kẻ sĩ Bắc Hà, sợ tài của

họ gây ra sự khuynh loát và đổ kỵ cho các quan chức người Phú Xuân hoặc những tỉnh miền Trung vốn được tin cậy.

Tự Đức rất hay làm thơ, và biết rằng Tùng Thiện Vương Miên Thắm là người thơ hay và sành thơ nhất ở hoàng thành này. Vua thường viết, đọc cho mấy bà phi nghe, rồi chép lại, để vào một tráp son, rồi sai người đem đến cho Miên Thắm xem, bình phẩm, hoặc sửa chữa hộ. Miên Thắm là chú nhà vua. Vua yêu lắm, mới có biệt nhãn như thế. Tùng Thiện Vương đọc kỹ lưỡng từng bài, bài hay lựa ra, bài dở gửi lại. Lại dâng lời bàn bạc rất xác đáng. Miên Thắm rất ít chữa thơ của người khác, dẫu Hoàng đế đã ghi trong thư riêng những lời uỷ thác tin cậy rất mực, vạ bất đắc dĩ ông mới chữa một hai chữ, còn phần lớn gợi ý để Nhà vua tự sửa. Vua rất yêu, khi có sứ thần yêu thích văn chương đến là mời Tùng Thiện Vương ra tiếp. Sứ Trung Hoa như Lao Sùng Quang, Chung Ứng Nguyên, vì mến tài đều đến nhà chơi.

Khách văn chương người tài trí lúc nào cũng có mặt ở nhà ông. Người ta gọi ông là Mạnh Thường Quân ở kinh đô Phú Xuân này.

Vua Tự Đức phong chức cho ông đứng đầu hoàng phái, vì không ai ngoài ông xứng với chức ấy. Đạo ấy loạn lạc rất lớn. Giặc Pháp gây hấn ở Gia Định làm nhiều điều quá quắt. Nghe chuyện ông Đồ Chiểu và nghĩa quân nổi dậy đánh Pháp, Tùng Thiện Vương cảm kích lắm. Ông nhờ người chép cho mình bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, đọc mà nước mắt ròng ròng. Ông cảm khái cầm bút viết luôn được bài thơ hay. Và hôm sau, dâng sớ lên tâu với Vua Tự Đức, đại ý như sau:

"Miên Thắm tôi kính tâu lên Hoàng đế Bệ hạ đôi lời. Vừa qua nghe tin giặc dữ gây hấn ở Gia Định, Quan tướng Nguyễn Tri Phương vì nước đến nổi thân thể bị trọng thương. Em là Nguyễn Văn Duyệt⁽¹⁾ hết lòng vì nước đến nỗi đạn pháo làm tan thây nát thịt.

⁽¹⁾ Nguyễn Văn Duyệt (Nguyễn Duy).

Vậy mà, công lớn không xét, tội lớn lại đàn hặc, đình thần nghị vào tội trăm giam hậu, thật khó có thể yên lòng người vì nước được. Vẫn biết luật lệ định ra từ thuở tiền triều, song ứng dụng không thể không cân nhắc. Với Nguyễn Tri Phương, phải kể to công trạng trước mọi người, dù trận ở đồn Kỳ Hoà là thua, nhưng tinh thần bất khuất thì gương sáng muôn đời không ai sánh kịp. Nay lại trước tuyên án trăm giam hậu, sau mới xét công, tôi nghĩ có phần không thuận. Mong Hoàng đế soi xét và sớm có những chiếu chỉ đầy uy đức với công thần.

Lại được biết Trương Công Định khởi nghĩa họp người yêu nước chống trả quyết liệt với giặc Pháp, lấy bao tấu, bờ ngòi chống với tàu đồng, đại bác. Nên phong chức thật cao, khích lệ thật lớn, miễn thuế cho những ai vì triều đình đánh giặc, sai đại thần đến tướng lệ tướng sĩ... Với người trí thức yêu nước như Nguyễn Đình Chiểu, tuy không đỗ đạt, nhưng cũng có uy tín của cả một vùng, cũng nên tìm một chức học sĩ, đại phu mà phong tặng cho, để dấy lên một phong trào từ người chân lấm tay bùn, các bậc thức giả, những hảo hán, nhân tài ẩn náu, đứng ra giúp nước, thế mới cứu vãn được tình thế nước sôi lửa bỏng hiện nay. Lại như Hoàng đế Bệ hạ, coi quân lính đánh giặc xa như những người đáng trân trọng khích lệ nhất. Nếu chết vì nước hoặc thương-tật, nên có ban cấp rõ ràng. Nếu có mẹ già con thơ, cho được phép làm ruộng công không thuế nhiều năm để nuôi dưỡng...

Thần liều chết mạo muội dâng lời, xin Hoàng đế dèn trời soi xét".

Tự Đức xem xong, ngồi lẳng lặng hồi lâu không nói gì cả. Ông trao thư của Tùng Thiện Vương cho mấy vị đại thần cùng xem.

Vị nọ đưa mắt nhìn vị kia, cũng không nói gì. Vua thở dài nói:

- Ông Tùng Thiện Vương có tấm lòng trung hậu, hễ ai cũng rõ. Những việc ông nói trong thư đều là việc lớn cả. Phải bàn và làm

dẫn. Nhưng việc phục chức cho Nguyễn Tri Phương thì phải làm ngay, không được chậm trễ...

Các vị đại thần lại vãi Vua như chầy nhíp nhanh, vâng dạ rồi rít.

2

Sáng mùng 10 tháng 9 năm Bính Dần (1866) một tin đưa đến như sét đánh ngang tai: con rể của Tùng Thiện Vương là Đoàn Hữu Trưng nổi loạn, cất quân từ Khiêm Lăng, vào hoàng thành, mong phế lập Vua Tự Đức để đưa Ứng Đạo lên ngôi. Quân của Trưng đã vào tận thành nội, đột nhập chỉ còn một bức tường, song đã không chém nổi Hồ Oai là Chương vệ quân Ngự lâm. Trưng đã bị bắt, tống giam, hiện đang chờ xử lý. Tùng Thiện Vương được tin kêu to lên một tiếng:

- Khổ thân ta quá rồi! Đoàn Hữu Trưng sao lại ngông cuồng đến thế!

Cả phủ ông Hoàng Mười như có đám tang. Chủ tớ rầu rĩ, không ai dám nói to. Chỉ có mấy bà con gái của ông Hoàng thấy anh vận hạn, liền đến hỏi thăm, song vẫn phải giấu nhà chồng mà đến, ngồi chớp nhoáng lại đi...

Tùng Thiện Vương buồn lắm. Nhưng nhờ bản lĩnh thâm uyên nên ông điềm tĩnh, không hề lúng túng bối rối. Là người hoàng tộc, song Miên Thẩm sống rất khác mọi người. Ông chọn trong đám học trò giỏi và rất yêu của mình hai người trẻ nhất, cùng làng với nhau, cùng thụ học ở ông, được ở gần và đàm đạo. Và chính hai chàng nho sinh ở làng An Truyền, huyện Phú Vang này đã có tình riêng với hai cô con gái của ông là Thế Cúc và Thúc Huấn. Thế Cúc đẹp hơn, đa cảm hơn nên yêu Đoàn Hữu Trưng, còn Thúc Huấn uỷ mỵ, đoan trang, ít nói, ít nhiều thừa

hường được nét của cha nên yêu Hồ Đắc Thuấn. Ông Hoàng Mười gả con cho hai người học trò nghèo, và đem về phủ nuôi bên mình, chờ ngày hội văn chương để thoả sức bút hỏ, bút rồng vùng vẫy. Cả hai đều đỗ cử nhân, chờ ngày thi Hội. Văn chương thì Đoàn Hữu Trưng sắc sảo hơn, khác đời hơn nên được nhiều người biết đến, còn Hồ Đắc Thuấn chỉ vui đầu vào thi cử.

Ông Hoàng Mười quý cả hai chàng rể, song với Đoàn Hữu Trưng ông có biệt nhỡn hơn. Ông rất yêu nét hào hoa, sự thông minh, tính thẳng thắn của Trưng, nhưng lại không chịu nổi tính kiêu căng, tự phụ của chàng rể đầu. Trưng làm thơ khác hẳn bố vợ, chàng chịu nhận là bố vợ có tài, nhưng chỉ là cái tài vùng vẫy trong khuôn thước cũ, không dám tìm lấy một thể cách riêng. Hồn thơ thì nhạy cảm, chữ nghĩa thì sâu sắc uyên thâm, song ông Hoàng Mười không dám phá cách. Một lần Tùng Thiện Vương trao cho cả hai con rể tập thơ "Thương Sơn" của mình. Hồ Đắc Thuấn ghi gần mười trang đặc nhận xét, lời bình lời chê đều đúng cả, Tùng Thiện Vương rất vừa ý. Còn Đoàn Hữu Trưng, đọc rồi, trao trả lại tập "Thương Sơn" cho ông, không ghi một lời nào. Ông hơi phật ý, song cố nén lại, điềm nhiên hỏi:

- Con thấy tập thơ này thế nào?

- Những lời đáng nói thì danh sĩ Cao Bá Quát nói hết cả rồi, con biết nói gì hơn nữa?

Tùng Thiện Vương hơi đỏ mặt:

- Thế con hiểu lời bạt tập thơ cho ta, Cao Bá Quát nói gì?

Đoàn Hữu Trưng nói:

- Ông Cao nói: thơ của cha được nhiều người nói đến rồi, ông Quát thấy không còn gì phải nói thêm... Thưa cha, con cũng nghĩ như ông Quát, thơ của cha hay là cái hay của thời thượng...

Tùng Thiện Vương lặng đi không nói. Ông cũng lạ khi thấy mình chơi được với một bạn thơ kiêu căng nhất nước là Cao Bá Quát, lại chịu được cả chàng con rể coi trời bằng vung, biến

động ở ngay giữa khung cảnh giàu sang, êm đềm, tĩnh lặng đầy phong vị này.

Nó muốn gì? Cái thằng con rể bướng bỉnh ấy?

Trung hay làm thơ ngay cuộc rượu, khuấy động bạn bè cùng vui. Trong phủ Tùng Thiện Vương nghiêm trang là thế, Đoàn Hữu Trưng cũng dặt người về, đá cầu, luyện võ, uống rượu, ngâm thơ, có đêm mãi vui tận thâu đêm suốt sáng. Các bà vợ của vương không chịu nổi, hết bà nọ đến bà kia ca cẩm, ông đành gọi con rể đến lựa lời khuyên răn. Đoàn Hữu Trưng bật bỏ đi được dăm bữa nửa tháng, có khi cả tháng mới về. Rồi lại lôi bạn đến, nói cười phóng khoáng, coi phủ đệ bậc nhất ở trong vùng như nhà của mình. Thế Cúc can chồng, đang cơn say Trưng nói:

- Nàng là con ông Hoàng. Ta lấy nàng thì cũng phải cho ta một chút quyền uy ở ngôi nhà nhỏ này chứ. Ta có dám phá phách ở ngoài cái hàng rào mà Vương đã dành cho ta đâu?

Rồi vẫn cứ dặt bạn về.

Tùng Thiện Vương thấy không thuận liên cho vợ chồng Đoàn Hữu Trưng ra ở riêng ngoài Vương phủ. Vừa dựng nhà cho chàng rể xong thì xảy ra việc tày trời này.

Triều đình hạch tội. Ngày hôm sau, triều đình cho lính đến canh ở bên ngoài. Ra vào đều hạn chế, trừ Tùng Thiện Vương. Đó là điều đặc biệt. Nhưng ông ra ngoài làm gì? Ông buồn chết lặng. Một hôm bà Mai Am đến chơi, bà nhìn anh trai mà đứt từng khúc ruột. Bà nói:

- Thằng Trưng tội tày trời, không thoát khỏi tùng xẻo. Kỳ này bọn Ứng Đạo, Ứng Trị, Ứng Chuyên, Ứng Trường chắc cũng không thoát chết. An Phong Vương Hồng Bảo trước vẫn hậm hực là anh của Hoàng đế Tự Đức mà không được nối ngôi, đã gửi thư cầu viện sang Cao Miên, định gây mầm phế lập. Bố đã chết oan gia trong ngục, nay đám con lại hục hặc phục thù. Thằng Trưng đem người ở Vạn Niên, mộ toàn dân phu xây lăng

làm lính, vào tận trong hoàng thành, suýt nữa gây loạn lớn... Em thật lo cho anh.

- Em có lòng lo cho anh thế, thật là tình ruột thịt. Nhưng thằng Trưng đã là con rể anh, thì người ta buộc tội bố vợ là phải lắm!

- Lòng anh thế nào Hoàng đế khắc biết. Cái đáng sợ là đám người ghen ghét anh.

Bà cả của Tùng Thiện Vương nói với Mai Am:

- Hoàng cô có nghe ngóng người ta luận tội về Vương nhà tôi thế nào không?

- Luật của Triều đình, tội dấy loạn là tội tru di, nhưng bởi vì Tùng Thiện Vương như vầng trăng vàng vạc giữa trời, nên người ta đang luận có bắt tội hay không bắt tội.

Tùng Thiện Vương thở dài:

- Ta để cho thằng Trưng ở trong nhà, dạy không được, lại là bố vợ của thằng Trưng, làm sao thoát tội được. Trước đây khi An Phong Công bị quản thúc, ta nghĩ tình máu mủ ruột thịt, thân đến hỏi han xem hư thực thế nào. Đạo ấy, nhiều người cho ta là coi thường phép nước. Hoàng đế có hỏi, ta trả lời rất rõ ràng: Đấng Tiên đế cha của Hồng Bảo (Vua Thiệu Trị) có uỷ thác cho ta dạy Bảo hồi còn nhỏ về văn chương. Hồng Bảo rất trọng ta. Nó có tội, phải hỏi rõ ngọn ngành, cũng phải để cho nó đỡ tủi thân rằng hoàng tộc xa cách nó... Ta đã tâu ngay cùng Hoàng thượng hôm đi thăm về. Người chỉ nhìn ta mà bảo: Chỉ có ông Tùng Thiện mới dám làm như thế! Rồi thở dài không nhắc nhở gì đến chuyện ấy nữa...

Bà Mai Am nói:

- Lần này có người cũng đã cộng tội của ông vào. Ông Tuy Lý thân vào xin với Hoàng đế một lần nữa. Học trò của ông là các ông Nguyễn Trọng Hợp, Phạm Phú Thứ đều là người có chân trong Cơ Mật Viện, chắc là không để thầy học đến nỗi nào đâu.

Hai anh em chưa nói dứt câu thì có chiếu chỉ đến. Tùng Thiện Vương bày hương án quỳ nghe. Hoàng thượng phê án như sau:

"Giặc Trưng gây loạn tội đã rõ ràng, Tùng Thiện Vương là nhạc phụ sao tránh khỏi liên lụy. Song Trẫm xét, ông Tùng Thiện không phải là người ham danh háo lợi, không có tâm thuật; lại biết lấy trung hiếu làm căn cơ, chỉ vì kén rể sai lầm mà vương tội. Nay buộc tội thì e không đúng theo luật ý của tiên vương, là xét tội dè dặt phải oan uổng. Tuy vậy, phạt bổng một năm, theo điều: Cha anh không biết ngăn cấm con em!"

Nghe chiếu xong, Tùng Thiện Vương trào nước mắt mừng cho mình, mà cũng biết lòng vua nhân hậu..., nếu như một kẻ nào khác thì vương tước cũng không giữ nổi đâu, mà cả nhà cũng tan xương nát thịt theo.

Nỗi đau riêng của ông là việc Thế Cúc, bởi có chồng như thế nên cũng đã bị hạ ngục. Tính mệnh không biết sống chết thế nào! Đoàn Hữu Trưng đã bị hành quyết ngay rồi! Nhưng Thế Cúc là người hoàng phái nên còn chờ thêm lệnh của Hoàng đế.

Phải non một tháng nữa, triều đình mới xuống án rõ ràng: Xá tội chết cho Thế Cúc, nhưng buộc phải tước quyền trong hoàng tộc, phế làm dân thường. Nhà vua lại ngầm sai người bảo với Tùng Thiện Vương lo người gửi Thế Cúc vào tu viện...

Tuy bên ngoài vẫn trấn tĩnh, điềm nhiên để yên lòng với mọi người trong nhà, nhưng Vương trong lòng đã chán ngán lắm. Văn chương cũng không viết nổi. Cầm đàn lên chẳng lẽ gảy điệu buồn. Đó không phải là cung cách của bậc thức giả. Vương phủ một năm không bổng lộc lấy gì mà tiếp đãi bạn bè? Nếu cứ ở Vương phủ thì khách vẫn lại đến, lại nườm nượp như xưa, kẻ hiểu cho thì chớ, kẻ không biết lại cho mình là người nhơn nhơn không biết phận mình. Do đó, Vương để Vương phủ cho bà cả trông nom, còn rời sang khu nhà cỏ bên cạnh. Vương ngồi trong nhà đọc sách. Ai đến, gia đồng đều thưa: Quốc công tôi không có nhà...

Được ít bữa, Hoàng đế lại có lệnh triệu đến. Tự Đức đang nghỉ ở Khiêm Lăng. Tùng Thiện Vương đi ngựa đến, vào ra mắt.

Vua nói:

- Vương vẫn khoẻ chứ? Tai nạn cũng qua rồi. Ta rất biết lòng ông.

Tùng Thiện Vương dập đầu xuống đất nói:

- Thần thật đắc tội với triều đình. Được Hoàng đế ân sủng, ơn ấy thật không biết lấy gì đền đáp.

Vua an ủi, nâng ông dậy:

- Luật pháp phải nghiêm, quân pháp vô thân là thế. Song ân uy cũng phải có lý có lẽ. Nếu ông không phải là bậc hoàng thúc đáng trọng nhất của triều đình thì ta không biết sẽ xử sự như thế nào? Đó là sự học vấn, văn hoá tạo nên nhân cách của Vương thúc, ta rất mừng và tự hào về ông. Hôm nay ta mời ông đến để trả ông chức đứng đầu hoàng phái đây. Ta đã hỏi Viện Cơ Mật và các vị đứng đầu các chi ngành. Phải là Vương mới đứng đầu Tồn Nhân phủ được.

- Tâu Hoàng đế, thần là người...

- Khanh đừng câu nệ nữa, nhận lại ấn, kim sách đi... Lâu lắm ta không gặp ông, thôi hãy cùng ta lên Điều Ngự Đài để hưởng cái u tĩnh của hồ, của nước, cho lòng thanh thản đôi chút.

Vương theo Hoàng đế lên lầu câu cá. Hoàng đế ban rượu. Và coi như mọi chuyện đã xong, Nhà vua lại chỉ vào cái tráp nói:

- Ta lại có mấy vần thơ mới viết. Đạo này thế sự nhiều nổi thăng trầm, ta mãi với công việc, có lúc đêm khuya, ngẫm vương nghiệp, thế sự mà viết. Viết rồi bỏ đấy. Mấy bữa biết Vương thúc buồn, ta định đưa cho Tuy Lý Vương xem hộ, nhưng từ trước đến nay thơ ta chỉ mình ông là người bình phẩm xác đáng nhất, ta cũng không muốn đưa cho ông Tuy Lý nữa...

Tùng Thiện Vương nhận lấy, liếc qua mấy vần thơ. Thấy thơ vua nói nhiều về nhân tình thế thái, lo toan trần trở, bất giác trào nước mắt...

*

Từ ngày ra ở bên rìa Vương phủ, Tùng Thiện Vương không tiếp khách, để thì giờ vào việc ngao du nhiều hơn...

Vương ra bìa rừng, dừng chân lại xem đám người kéo gỗ. Gió cửa rừng buốt đến từng múi thịt mà đám người lao khổ kia mồ hôi đầm đìa, áo quần rách xơ tướp, làn thừng chịt xuống vai gầy, chân bám miết vào đá sắc cứ theo tiếng gỗ lăn. Rừng khai thác nhiều, chỉ trên triền vách sâu mới có gỗ súc, đám chủ thầu bọn lái gỗ thuê công cao, đám người lao nhau vào mà làm. Một cây gỗ mắc kẹt ở ngang lũng, nghìn cái thân rách bám vào như kiến tha mồi lớn. Tận mắt Vương nhìn gỗ lao vào làm chết và bị thương hàng chục người. Quân lính chủ thầu lại giục hàng chục người lao lên để kéo cho bằng được, có những vết đường máu chảy chan hoà.

Tùng Thiện Vương hỏi một kẻ thầu gỗ:

- Gỗ này làm gì mà phải khổ công đến như vậy?

Gã chủ thầu nói:

- Gỗ dùng cho lăng tẩm Nhà vua đấy.

Tùng Thiện Vương lặng đi, không nói được một câu nào. Đức Hoàng thượng có một cung điện đẹp thì máu dân đã đổ. Lòng ông buồn rười. Lại chợt nhớ những bài thơ trắng, mây, non nước Nhà vua thường làm và ông lại phụng mệnh chữa, rồi là thơ ca một đảng mà đời vẫn vụn như đám lốc xoáy cát lầm ở một nẻo. Ông chợt nhớ về Đỗ Phủ, những năm tao loạn. Thơ ông Đỗ đã thấm nhuần những cảnh đau đớn của người đời nên mới trầm thống đến như thế. Hôm sau Tùng Thiện Vương lại đến chỗ kéo gỗ, và nhiều lần nữa. Một

lần, ông gọi người thư lại ở cửa rừng làm việc biên chép thu nhận những bề gỗ xuôi về kinh đô. Ông rót rượu mời gã, và nói:

- Thầy ở đây lâu chưa?

Viên thư lại nhìn lối ăn mặc của Miên Thẩm, tưởng là một ông già ở ẩn liền khật khưỡng nói:

- Ông hỏi tôi ở đây lâu chưa à? Ngày phạt mộc lăng vua Tự Đức bữa nào thì tôi ở đây đến nay được chừng ấy ngày?

- Nghĩa là gần ba năm!

- Chứ sao nữa!

- Sao triều đình không cử người thay?

- Một viên lại ở cửa rừng này, ai thèm quan tâm. Miễn là chọn về cho Nhà vua những cây gỗ lim cực tốt, trăm cây như một.

- Đám phu kéo gỗ cực nhọc thế, sao không nghĩ cách làm cho người ta đỡ vất vả, đỡ thương tật, đỡ mất mạng.

- Ôi dào, dân là kiến cỏ, ai người đã nghĩ đến!

Vương thở dài, rót rượu mời viên thư lại uống! Đang rét, lại có rượu ngon, viên thư lại hăng hái hẳn lên. Anh ta nói:

- Tôi có thịt nướng, quên mất, để tôi đãi ông.

Nói rồi với ở gác bếp, lấy xâu chả thịt mang nướng sẵn đem qua còn đó, cười hề hả:

- Tôi với ông có duyên nợ đó! Rượu này uống với thịt này mới đã...

Vương rất có cảm tình với anh ta hỏi:

- Thầy làm thư lại mãi thế này ư?

- Học dốt không đỗ đạt nổi, được làm thư lại ăn một vài học lương, mấy chục lạng bạc một năm là số may cho tôi rồi, chẳng ao ước gì nữa. Chẳng hạn đám phu gỗ chết rải đường hoặc bọn ra trận chết như ngã ra trước súng đại bác của bọn mất xanh mũi lõ ư?

- Vậy là thầy cũng câu nhàn ư?

- Đâu phải! Mình hèn thôi! Nói bậy bạ thế thôi, chứ người lính dám chết trước mũi tên hòn đạn thì đáng kính hơn cả đám vương tôn, công tử suốt ngày rong chơi báo hại ở trong triều.

- Thầy có thích nghe thơ không?

- Ô, tôi cũng là một người đã từng lều chõng đi thi đấy. Và lại, trước bếp lửa đầu rừng, rượu ngon, nhắm tốt này lại được ông cho nghe thơ thì còn gì bằng. Nhưng thơ ông có hay không?

Tùng Thiện Vương cười:

- Thì thầy cứ nghe đi đã.

Lòng đầy cảm khái, khi nghĩ đến những vệt đường đỏ máu những người phu kéo gỗ, Tùng Thiện Vương cất giọng đọc:

Hồ kéo gỗ⁽¹⁾

Hồ dô ta! Hồ dô ta!

Một người hồ vang trăm kẻ kéo,

Mồ hôi như mưa, gió bắc réo,

Đá chích gai cào, thịt tả toí,

Gỗ nào biết đau mà kêu khổ.

Sức trâu khoẻ thật, trâu lại dân,

Gỗ nặng, vệt sâu, gỗ dễ lẩn.

Phải dùng sức người thay trâu giữ

Trăm người lỗ chết, nghìn người thế,

Sương buốt, hổ gầm, nước độc thay,

Lầu ai cao vút, mình vách đổ,

Khi đi tóc mượt, về trơ xương

Năm ngoái còn hát, giờ lệ tứa

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán.

Mong núi sinh cỏ, đừng sinh cây,

Xứ nào đua nhau, dựng nhà thế?

Viên thư lại ngẩn người ra nói:

- Ông là ai vậy? Đến đây có mấy ngày mà đã như người từng ở đây hàng năm vậy. Vậy ra thơ ca là thế. Nó có thể làm thoả vọng linh những người bất hạnh, những đời lao khổ.

Tùng Thiện Vương ngẩng người nhìn ông. Cả đời ông tiếp xúc với hàng ngàn văn nhân thi sĩ trong nước và ngoài nước mà chưa ai có được một lời khích lệ chân tình đến thế. Ông ứa nước mắt nói:

- Ai ngờ ở cửa rừng này lại có người thấu đạt được những lời thân thiết của ta...

Vương từ đó rất hay đến những khu đào vàng, những xóm nghèo nhà xiêu vách đổ, lang thang trong các quặng đèo mà đám lính bị thương lê lết từ cửa Cần Giờ trở về... Vương đi tìm những nguồn thơ những tứ mới.

1994

Đường quan tước

Thầy đồ Huyền sang chơi nhà ông Kép Thầy⁽¹⁾. Hai người vốn cũng là chân khoa cử lận đận. Đất Sài Sơn nổi tiếng hay chữ ở vùng Xứ Đoài này, mà có mấy người tài thi mấy khoa, đều đi ông đồ về vẫn chỉ là ông đồ, ông tú.

Đồ Huyền sang đúng lúc Phan Huy Chú cho học trò nghỉ. Thấy bạn, thầy Chú mừng ra mặt, nhưng vẫn nói đùa:

- Thế nào bữa nay sư tử Hà Đông ngủ hay sao mà trốn nhà được thế, mời huynh vào đây.

Thầy Huyền cười:

- Hôm qua tôi đổ cháo lú cho vợ, nên hôm nay, quen lệ buổi sáng chấp tay hỏi mẹ ấy, xem có phải làm gì không. Mẹ ấy tưởng mình là khách của chồng, liền nhã nhận bảo: "Thế bác không ở lại chơi với nhà em vài ngày ư, bác về thật ư?". Thế là mình vội vàng nói: "Vâng, chào bác gái, hẹn có ngày tái ngộ!". Thế là mình téch luôn sang đây.

Phan Huy Chú cười âm lên thích thú, kéo bạn vào trong nhà. Bà Kép Thầy cũng ra chào ông đồ Huyền rồi vội vã xuống bếp sửa soạn thức nhắm.

Phan Huy Chú pha trà mời bạn. Đồ Huyền hỏi:

- Bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* của huynh đến đâu rồi!

⁽¹⁾ Phan Huy Chú đổ hai lần tú tài nên gọi là ông Kép. Lại ở vùng chùa Thầy, nên thường được gọi là Kép Thầy.

Thầy Chú nói:

- Cũng gọi là xong. Hôm qua, tôi vừa mới viết đến dòng chữ cuối cùng.

- Đệ chịu huynh thật. Nước Nam này có lẽ chỉ có huynh là một. Vừa dùi mài đèn sách để làm giạt bằng vàng, lại bỏ công ra mười năm viết được một bộ sách lớn này. Thế là huynh đã trả được cái ơn cha sinh, thầy dạy rồi đấy. Còn như đệ thì suốt đời chỉ là một anh đồ gàn mà thôi.

- Đất bằng vang sấm lúc nào không hay đấy. Tài văn của huynh, đức độ, gia thế huynh, lo gì không có đất dụng võ.

Thầy Huyền nói, sau khi lật giở xem tác phẩm của bạn:

- Những người như huynh, phải đỗ Trạng mới phải!

Phan Huy Chú cười:

- Đỗ Trạng thế nào được. Người ta cho đỗ Tú tài là may lắm rồi đấy. Ông ngoại đệ là cận thần của Vua Quang Trung, từng làm cho Gia Long thất điên bát đảo, long đong chạy ra tận Phú Quốc, thuở ông ấy còn chưa lấy lại được nước. Người ta không vui đầu mình xuống bùn đen là may lắm rồi đấy.

Nhấp một chén trà, Phan Huy Chú hỏi bạn:

- Huynh là người đọc từ dòng đầu tiên đến những trang cuối cùng, cho đệ nhiều điều để suy ngẫm. Thấy sách quý ở đâu, lại lôi về cho đệ để lấy cái mà viết cho đình đặc, huynh thấy công trình của đệ thế nào?

Thầy Huyền nói, tay còn lần giở tiếp những trang viết của bạn:

- Tác phẩm này không chỉ dùng một đời, mà đám hậu sinh sau này còn qua đó mà hiểu cả hàng ngàn năm lịch sử. Quý lắm. Đáng tài lắm. Quả là, tinh hoa nước Việt, văn hoá Đại Việt, địa linh nhân kiệt đã được thu tóm cả vào đây gọi là bộ sử văn minh thì từ xưa đến nay chưa có bộ nào đầy đủ, khúc chiết bằng. Gọi là tám

lòng với người xưa, từng đổ máu, vắt óc để dựng nước, giữ nước, thì không gì trân trọng bằng. Không phải là người, mắt đọc hàng vạn cuốn sách, không phải là cháu ngoại của văn phái họ Ngô làng Tó, con cháu các đại gia họ Phan, làm sao viết nổi tác phẩm đồ sộ này! Không phải là người say mê, tâm huyết với cái hay, cái đẹp của hồn nước, hồn quê làm sao viết được những dòng này!

Phan Huy Chú, vội khiêm nhường nói:

- Huynh lại quá khen rồi! Đó cũng là nhờ cha ông giữ được nhiều sách cổ trong nhà, và cũng là ở công tận tụy cóp nhặt, chứ tài của đệ cũng chẳng là bao! Huynh này, đệ có chuyện này muốn thỉnh huynh cho một lời khuyên bảo đây!

- Việc gì vậy?

- Chiều qua, quan Trấn thủ Bắc thành vừa cho người đem chiếu chỉ của Minh Mệnh Hoàng đế, triệu đệ vào cung làm việc.

- Trấn thủ Bắc thành chẳng là người tiến cử huynh đó sao?

Phan Huy Chú thở dài:

- Thân thế mình thế này, vào kinh thành Huế, chẳng qua cũng chỉ là một chức quan ngời sao chép, gom nhặt các chuyện trong triều, cho các vị quan lớn thôi!

- Thế Đức vua định trao cho huynh chức gì?

- Trong chiếu chỉ nói rõ, đệ sẽ được cử làm Biên tu ở Quốc tử giám. Đó cũng là một thứ thầy đồ nhà nước mà thôi!

- Độ bao giờ thì huynh lên đường.

- Chóng, chầy cũng không thể qua tháng sau được. Đệ cứ nghĩ thân phận mình có xuất chính cũng chẳng nên cơm cháo gì, chỉ bằng cứ ngồi ở quê nhà gõ đầu trẻ, chức tác được thứ gì mình tâm đắc, am tường thế là mãn nguyện.

Thầy Huyền nói:

- Tiến thân cũng có năm bảy đường. Lã Bất Vi xưa chán buồn, tham chính, làm đến Trọng phụ, Tể tướng của Tần Thủy

Hoàng, cuối đời để lại được cuốn *Lã Thị Xuân Thu*. Nếu không đổi nghề đâu có được thế. Vả lại, trong kinh đô Huế, sách vở nhiều, khiến huynh có dịp đối chiếu lại những điều viết trong *Lịch triều hiến chương loại chí* chẳng bổ ích hay sao!

Phan Huy Chú chịu lời bạn, ngược mắt nhìn đầy ưu ái.

*

Có người bàn với Phan Huy Chú:

- Sao ông không dâng lên Hoàng thượng bộ *Lịch triều hiến chương loại chí*?

- Tôi ngại là người khoe khoang!

- Ông lầm rồi. Dâng bộ sách này lên, chỉ ít Đức vua biết ông là người như thế nào, đó là điều đáng làm thứ nhất. Sách dâng lên, nếu thấy là bổ ích, Hoàng thượng sẽ cho người khắc ván đem in, thế là cái đáng làm thứ hai. Cái đáng làm thứ ba là, mình quân sẽ nhận ra một chân tài, hiểu biết hơn người không thua kém gì những bậc lương đồng của triều đình hiện nay!

- Xin cảm ơn ngài chỉ giáo, nhưng Chú này từng nghe cha giảng cho lời Khổng Tử bảo học trò "Miêu nhi bất tú giả, hữu hĩ phù. Tú nhi bất thực hê, hữu hĩ phù!" Tôi chính là người như thế!

Người kia cả cười, cười như là một kiểu chế giễu. Phan Huy Chú tuy rất khó chịu, nhưng nín nhịn mà bảo:

- Ông cười gì vậy!

- Ta cười ông mượn lời Khổng Tử tự ví mình như lúa mọc lên mà không trở bông, mà khi trở bông thì hạt lép cũng không nuôi sống được ai ư! Thế ông chắc cũng còn nhớ, ở thiên Tử Hân này còn có một câu: Tử Cống viết: Hữu mỹ ngọc ư tư, uẩn độc nhi tàng chư? Câu thiện cổ nhi cô chư?". Tử viết: "Cổ chi tai, cổ chi tai, ngã đãi cổ giả dã!". Tử Cống, học trò yêu của Khổng Tử hỏi

thầy: Có viên ngọc quý, nên bỏ vào hộp cất chằng? Hay là đi tìm lái buôn ngọc mà bán? Đức Thánh trả lời ngay rằng: "Bán đi chứ! Bán đi chứ! Ta đang đợi khách buôn đây!" ngọc quý mà để trong hộp thì ai biết.

Phan Huy Chú thấy bạn nói đúng, liền dâng bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* lên Vua Minh Mệnh. Vua thức mấy đêm liền, rất mê đắm. Có lúc đọc xong, bỏ sách xuống, đi đi lại lại suy nghĩ. Vua thích nhất là các phần Quan chức chí và Lễ nghi chí. Hôm sau, Vua cho gọi quan cận thần họ Trương vào bảo:

- Ta được Phan Huy Chú dâng lên bộ sách quý. Thấy người này thật có tài, hiện nay ông ta đang làm gì?

- Dạ mới được chuyển sang làm Biên tu ở Quốc tử giám.

- Thân thể người này ra sao?

- Dạ, y là cháu ngoại nghịch thân phò Tây Sơn Ngô Thì Nhậm và là con của Phan Huy Ích, cũng là văn thần của Quang Trung xưa.

- Tính cách người này thế nào?

- Điềm đạm, thâm trầm. Nói câu nào chắc câu ấy. Vui đâu vào đọc sách. Giao việc nào, đều làm đến nơi đến chốn.

Minh Mệnh hỏi đùa:

- Người này liệu có thể dự vào hàng đại thần được chằng?

Cận thần họ Trương chẳng lạ gì, tính Vua vốn ngại những danh sĩ Bắc Hà, liền thưa khéo:

- Giỏi chức tác chưa chắc làm được đại thần.

Minh Mệnh gật gật đầu, bảo:

- Tuy vậy, Khanh cũng nên cho khắc ván, in bộ sách này, để ở thư viện hoàng gia. Các đại thần từ tứ phẩm trở lên ban cho mỗi người một quyển. Lục bộ, các Viện Hàn Lâm, Viện Đô Sát..., nên ban cho đến tận hàng thất phẩm.

Hôm sau, Minh Mệnh cho Phan Huy Chú vào chầu, được Vua khen, thưởng cho ba mươi lạng bạc, một cái áo sa, ba mươi cái bút và ba mươi thỏi mực.

*

Phan Huy Chú đi sứ Trung Hoa về thì được phong làm Hiệp trấn Quảng Nam. Khi ông đến thì viên Trấn thủ bề ngoài tiếp có vẻ ân cần, trọng đãi lắm, nhưng vốn là người thận trọng, Phan Huy Chú đã nhận ra sự dè chừng của viên quan đầu tỉnh. Tuy vậy, ông nắm bắt ngay vào công việc và cố làm trọn phận sự của mình. Ngoài lúc lên công đường, ông cho người nhà đóng hết cửa trước cửa sau, ngồi trong phòng đọc sách. Ông vừa thu thập được ít tài liệu quý, và có ý định soạn thêm một số tiểu sử của các nhân vật ở Đàng Trong bổ sung cho phần nhân vật chí, đang được khắc ván.

Hôm sau lên công đường thì viên lục sự trình lên việc bắt vụ buôn lậu kỳ nam rất lớn trong thuyền buôn của một viên khách thương người Trung Hoa. Vốn là người trung thực, Phan Huy Chú cứ cho giữ thuyền buôn lại và cho khám xét, giữ chủ thuyền, làm mọi điều cần thiết, rồi chuyển tờ trình lên quan Trấn thủ.

Chờ đến một tuần, cũng không thấy quan đầu tỉnh cho lời thẩm định. Thì, tin không hay lại đến, chủ thuyền đã khéo léo lo liệu cho tiền đám người ở Ty thương bạc và nhỏ neo chạy thoát ra ngoài biển...

Lập tức ngay ngày hôm sau, quan Trấn thủ gọi Phan Huy Chú khiển trách rất nặng lời, và dâng bản tấu về triều đình, từ lúc đó, Hiệp trấn Phan Huy Chú chỉ còn chờ chiếu Vua triệu về triều hỏi tội.

Cũng may Minh Mệnh cho rằng Phan Huy Chú không làm nổi việc chăn dân, liền giáng chức cho trở về làm Biên tu ở Quốc tử giám, rồi làm Thị độc ở Viện Hàn Lâm.

Phan Huy Chú không thể hiểu nổi rằng, chính quan Trấn thủ đã thực thi khéo léo vụ này, từ việc ngấm lâu không đọc tờ trình và

tảng lờ cho thuộc hạ để chủ thuyền buôn lậu kỳ nam, nửa đêm nhỏ neo trốn thoát. Quan đã loại được Phan Huy Chú, người không "hợp" với cách làm quan của mình.

Ít lâu sau, có sứ bộ sang Trung Hoa, Phan Huy Chú lại được cử đi theo. Không ngờ không khéo xử sự, sứ bộ về đến Huế thì bị đàn hặc về tội lộng quyền. Là Phó sứ, ông bị cách hết chức tước và đày sang Giang Lưu Ba, hiệu lực cho sứ bộ.

Thầy đồ Huyền đã đỡ Giải nguyên và cũng được vời vào kinh đô để nhận chức. Ông đến thăm Phan Huy Chú.

Thấy bạn sắp sẵn rất nhiều giấy mực cho vào tráp, thầy Huyền hỏi:

- Ông làm gì mà mang giấy, bút nhiều thế. Người khác thì lo mua thứ hiếm, thứ quý để bán cho nước ngoài, còn ông lúc nào cũng kè kè mực, sách và giấy!

- Và rượu ngon nữa chứ. Kỳ này tôi cũng đi buôn đấy chứ!

- Ông đi buôn?

- Đi buôn chữ. Tôi đem các thứ này, các cuốn sách về đi biển, về con đường tơ lụa, đọc trên đường công cán, và thu nhận trong chuyến đi những kiến văn mới!

Thầy đồ Huyền à lên một tiếng.

- À ông lại định viết một cuốn sách về chuyến hải trình này chứ gì!

Phan Huy Chú nói:

- Thì cái mệnh của tôi là ở chỗ ấy. Chữ cứ dính vào quan chức thì hôm trước được ban cho một chức vào hàng thất phẩm, thì nửa tháng sau lại mất tuột, Vua có thương có ban chức mới thì cũng chỉ đến thất phẩm mà thôi!

20.7.2000

Chén rượu của người nghèo

Quan Hành tẩu bộ Lễ, thuê nhà ở ngay bờ sông Lợi Nông. Chúc quan nhỏ, ba gian nhà cửa thế là đủ. Vả lại, đang thời trai trẻ từ Long thành vào kinh đô Phú Xuân làm quan, không mang vợ con theo, thế là vừa. Ngoài ba mươi tuổi, tiếng tăm ông đã lẫy lừng. Thi Hương năm trước, ông đậu Á nguyên. Giai thoại về tài năng của Cao đồn vào tận trong này: nước Nam có bốn bồ chữ, ông chiếm hai; ông Siêu, bạn ông, và anh ông là ông Đạt, chiếm một bồ, còn một bồ phân phát cho khắp sĩ tử trong thiên hạ. Có tài mà kiêu xưa nay hiếm gì! Kiêu cũng năm bảy loại. Nhà nho kiêu bạc, tướng võ kiêu hùng; quyền quý vô học hay hợm mình, kiêu căng...

Anh học trò nghèo ở Huế không ngờ lại được ở cùng ngõ với quan Hành tẩu. Quan nhỏ, quan nghèo, nên phải ở xa kinh thành! Các ông lớn đều có tư dinh trong thành nội hoặc cạnh bờ sông Hương. Ở bên bờ sông Lợi Nông, Cao là người thuê nhà trước nhất. Ông thích bạn bè với các đám sĩ phu áo vải. Mới ra làm quan, ai chẳng thế. Chẳng biết sau này Cao có được thăng quan, tiến chức để nghênh ngang lầu son gác tía như quan Tham tri Hộ bộ Thân Văn Quyền không? Ông ấy xuất thân cũng từ chức Hành tẩu, bây giờ đã trở thành cận thần, danh vọng. Anh học trò nghèo tung tích từ đâu, không ai rõ. Đáng lam lũ, khổ hạnh, mắt sáng, hay tự lực. Người ta bảo: xem tướng thì nhìn vào mắt và dáng đi. Một bận, Cao thấy người bán củi trong lúc chờ người nhà ông đem trả tiền củi, liền rút trong bị một cuốn sách ra đọc. Đáng tiêu phu còn đấy, mà vẻ nho sinh có trí lực đã hiện trên gương mặt. Cao cảm động, bèn hỏi:

- Anh đọc sách gì vậy?
- Bẩm, con đọc...
- Ta xem có được không?
- Dạ...

Cao mở xem và thốt lên:

- Chu Dịch! Anh đọc Kinh Dịch ư? Thế thì sức học đâu phải xoàng!

- Dạ, con tài bạc, phận mỏng, còn kém cỏi lắm!
- Nhà có xa không?
- Dạ, cuối ngõ này!
- Thế à! Vậy là người "đồng hạng" với ta!

Đồng hạng nghĩa là "cùng ngõ", nhưng quan chơi chữ, và thích thú với câu nói chua chát, tự bật ra ấy!

Ông ân cần hỏi tiếp:

- Đã nộp quyển xin đi thi lần nào chưa?
- Chữ nghĩa chúng con còn ăn đong! Vả lại, con còn mẹ già, em nhỏ. Con định rèn cặp một năm nữa cho lực học già giặn thêm, mới nộp quyển!

Cao dim mắt lại. Đó chính là cái mà ở nơi quyền quý không tìm thấy, chỉ có ở xóm nghèo! Ông an ủi người học trò nghèo:

- Nghĩ như vậy cũng là cần trọng đấy. Danh lợi đến với chúng ta không dễ dàng gì đâu!

- Đa tạ quan có lời khích lệ!

Người nhà đem tiền trả. Gánh củi được mười đồng tiền kẽm. Tiêu phu vừa định quay ra, thì Cao gọi giật lại:

- Sang năm, anh quyết nộp danh sách ứng thí đấy chứ!
- Dạ, con cũng chẳng còn con đường nào khác. Chỉ buồn một nỗi, thi cử bây giờ vụ từ chương; đám người mài câu, dưa chữ, tía

tốt cho câu văn sách, câu kinh nghĩa véo von thì có thì giờ, mà chúng con kiếm sống đã trọn ngày, đọc sách lại hay nghiền ngẫm đào sâu vào nghĩa lý.

Cao cho đó là những lời tâm huyết, ông phụ thêm:

- Đúng thế. Sách là cuộc đối thoại giữa nhiều đời, sau trước với nhau, đọc vội vàng sao được. Mỗi đời, mỗi khác. Ngũ Kinh có ngần ấy chữ, mà lời bàn bao nhiêu đời, vẫn có những lời cao kiến. Người giỏi là biết đón lấy ý tốt trong Kinh, ứng xử vào mọi việc.

- Dạ, bẩm thầy... à bẩm quan, lòng con cũng nghĩ thế!

Cao suông sã vỗ vai người tiểu phụ:

- Ta muốn kết bạn với anh, được chăng? Lúc nào rảnh, mời anh cứ đến chơi. Chuyện học hành ta có thể giúp được anh chút nào, sẽ giúp.

- Dạ...

Người học trò ghen ngào, xúc động. Hai giọt nước mắt lăn trên má anh. Người ta đồn ông Cao kiêu căng lắm, nhưng xem ra ông chỉ kiêu với bọn sang giàu hay học đòi, khoe chữ nghĩa rơm, chứ với ai chân thực, con mắt xanh của ông nhìn đã sẵn tình riêng!

Anh lúng túng thưa:

- Con xin được tôn quan làm thầy! Được thế đã là vinh hạnh cho con quá!

Cao lặng yên không nói. Ông hỏi:

- Ở làng trên, dinh thự nào mà nguy nga thế?

- Dạ, chắn giữa ngã ba đường vào làng và xuống Cửa Tư Dung là dinh quan Ngự lâm, cai quản đội Thị vệ của Đức vua.

- Còn khu vườn có nhiều toà nhà xinh xắn, hình như nhà của một vương tước.

- Vâng, đúng thế. Dinh ông Hoàng Mười Miên Thẩm đó, người nổi tiếng Mạnh Thường Quân ở Phú Xuân này. Khách văn

nhân xa gần ra vào nườm nượp. Máy ông hoàng, bà Chúa võng, kiệu đến luôn. Nhà lúc nào cũng vang tiếng đàn sáo. Nhiều buổi thi thơ, bình văn kéo từ mờ sáng đến nửa đêm. Xứ Huế rất tự hào về ông Hoàng Mười. Đức vua cũng nể trọng, trao cho ngài đứng đầu Tôn Nhân Phủ. Nghe nói, Vua Tự Đức làm thơ, và mặt sai nội thần, nửa đêm đem đến cho ông Hoàng Mười phủ chính.

- Ông ấy đến người nước ngoài sang sứ còn chịu tài kia mà. Nghe ta vào triều, ông và cho người hẹn sẽ đến chơi và mời ta đến thăm Mạc Văn thi xã. Vinh hiển mà nhún mình thế kể cũng đáng quý!

- Dạ, dân kinh thành ở đây thường lấy câu của sứ giả nhà Thanh là Nhan Sùng Hoàn, người ứng khẩu khen Tùng Thiện Vương: "Phân tài trực bách Ngụy Tào Thực. Ái khách canh siêu Tề Mạnh Thường" để nói về ông.

- Họ yêu họ đề cao vậy thôi. Ta để ý, thì khách bên dinh Ngự lâm nhiều gấp mấy bên ông Hoàng Mười.

- Thưa, đúng thế. Người đến bên dinh Ngự lâm để tìm quan tước, còn người đến phủ ông Hoàng Mười để tỏ ra là khách hào hoa.

Cao đắc ý cười to, rất tự nhiên:

- Đáng sợ thay cái giá học trò nghèo như anh! Ta một thời cũng là nho sinh bụng đói, cật rét rồi, có điều không lam lũ đến thế này!

Ông thở dài, bảo:

- Đợi ta một lát!

Ông quay vào, khi ra, cầm hai lạng bạc, gói trong một mảnh lụa, ân cần nói:

- Anh cầm lấy, gọi là tấm lòng của ta. Đem về đong gạo nuôi mẹ và em. Ta có mẹ già, vợ đại, con nhỏ ở xa, ta biết!

Luống cuống, người học trò nhìn thẳng vào mắt Cao. Mặt anh bỗng chan hoà nước mắt. Tựa chiếc đòn càn vào vai, rút vội cuốn Kinh Dịch vào tay nải, hai tay run rẩy đỡ lấy gói bạc, anh lắp bắp:

- Thừa quan... Dạ, thừa thầy, ơn tri ngộ này, con xin kết cỏ, ngậm vành ghi nhớ!

Cao cũng bùi ngùi, gạt đi:

- Có gì đâu! Xin đừng bận tâm, kính cẩn quá e thành khách sáo!

*

Tin quan Hành tẩu bộ Lễ Cao Bá Quát, can tội sửa chữa bài thi ở trường thi, bị hạ ngục, làm sôi nổi kinh thành. Người kết tội là mạn thượng, người cho là tình thực thương tài, tiếc thực học; Đức vua bắt tội là oan! Triều thần thì nghị tội trăm quyết, Vua xem án, phê xuống tội giam giam - hậu. Nghe đồn, trong lúc chấm sơ khảo, ông cùng người bạn là Phan Nhạ, đọc được một tài văn quý lắm, nhưng sơ suất một vài lỗi trường qui nhỏ. Hai ông bàn nhau lấy muội đèn, chữa dùm cho. Có người còn tọc mạch, đọc cả đoạn văn chương luận tài năng với thời cuộc nghe mà thật khoái. Đại ý như sau: *"Tiến kẻ hiền tài, bỏ kẻ không tốt làm việc lớn của chính trị, cho nên dùng người hiền không lường lự, bỏ kẻ gian không ngăn ngừa, đời thịnh trị do đó làm phong tục biến đổi. Nếu người hay, biết kẻ dở, tỏ người thiện, trừ kẻ ác làm nên thịnh trị thái bình... Các vua sáng Lý, Trần, Lê khi mới lên ngôi đều lo việc tuyển hiền, nghe lời nói thẳng. Do thế, kẻ nịnh không lấn được người trung. Lời gièm nói ra nói vào không được đón nhận. Văn hiến rờ rờ nổi lên. Phong vực đêm ngày yên ổn, nước lớn tức dấy bụng mà phải hoà, bầu bạn chí tình sẵn lòng kết nghĩa..."*. Người học trò có tài ấy lại được người thầy cao minh ra tay cứu vớt, ngờ đâu thầy lại rước hoạ vào thân.

Sớm nay, dọc đường từ ngục đại hình chuyển về ngục đô ty, dân chúng đều bị quân canh dẹp đám khá dữ, mà người vẫn xô đến, đứng hai bên đường đông như kiến. Dân chúng tận mắt trông thấy quân lính giải người hay chữ bậc nhất nước, đi ngang phường phố.

Giữa đám lính đằng đằng sát khí, quan Hành tẩu hình dung tiêu tụy, tóc tai bơ thờ, chân đất. Cổ ông đeo gông tre dài ba thước. Gông dài kéo xé cả vạt áo ngắn. Bà mẹ già thở dài:

- Sức vóc kia, mà làm tội tình người ta quá!

Tiếng lính thúc giục khá to. Chân quan Hành tẩu bước vội vàng. Những cơn gió lạnh buốt thổi thốc vào lưng áo. Người tù chốc chốc lại rung mình. Khốn khổ nhường ấy, mà vầng trán vẫn hiên ngang, ánh mắt vẫn thản nhiên. Chiếc khăn nhiễu xổ ra, phủ xuống gương mặt gầy khắc khổ. Ông khẽ đứng lại, chống gông, lấy đầu khẽ hất cho nó xổ tuột xuống vai với động tác thật bình tĩnh. Một đôi người xúc động, lấy nón che mặt để bọn cai đội áp tải khỏi nạt nộ. Tù vừa giải tới công đường, chợt có người đội nón rách, gọi thật to:

- Quan Hành tẩu... thưa thầy, con đây...

Rồi anh ta lẻo đẻo đi theo. Lính dùng roi song, đập túi bụi vào vai, vào đầu. Chiếc nón bẹp rúm, rách toang, anh không để ý, cứ dấn thân theo, chan hoà nước mắt. Cao Bá Quát nhận ra người bán củi cho mình ở cùng một ngõ, cảm khái quay lại nói:

- Ta cảm tạ lòng anh! Hãy về đi, kéo lại liên luy đến thân.

Người học trò nghèo không chịu quay lại, vẫn lẻo đẻo theo, quên cả uy pháp của nhà nước, ngọn roi vũ phu của bọn lính cửa quyền. Anh sắp tận công đường, tự nhận là người thân của người tù, cho đến lúc anh bị lưới gươm nhọn thích vào cánh tay, quân sĩ kéo tút ra ngoài, còn người tù thì bị lôi vào sân trong, anh ngửa cổ lên trời mà than:

- Trời ơi, người thế mà bị tội chết được sao, hỡi trời...

Anh giẫm chân than thở, khiến có một anh lính lệ gác công đường cũng phải cúi lòng, chạy đến an ủi:

- Bị bắt giam chưa chắc đã có tội. Ở đây mình quan cũng có mấy vị, anh hãy cứ về đi, tìm chỗ mà kêu, chứ đứng đấy than khóc, liệu có ích gì.

Người học trò nghe ra, thất thểu trở về nhà, người rữ như bánh đa phải trời mưa, vừa đi vừa thốn thức, ai trông thấy cũng phải ái ngại.

*

Quan Hành tẩu đã bị mấy trận đòn tra khảo. Ông vẫn một mực kêu oan. Quan Hình bộ tức giận thét vang cả nhà, nọc ông đánh thêm mấy trận nữa. Da thịt nát tươm, máu xối lênh láng trên sàn. Ngọn roi bạo tay của mấy đứa lính vũ phu, chỉ biết thừa lệnh, cứ vụt lên hạ xuống, lấp loáng như ánh chớp, đan nhau như hai luồng khói đặc quánh quýt ập xuống lưng, xuống mông. Da thịt của ông chỗ nào cũng như bị lửa nóng giạt tạt người thiêu đốt, rát cháy. Đang cơn roi vút, thân thể đã đau đớn không cùng, đến lúc ngừng roi, đau rất lại càng tăng chỉ một luồng gió lửa vào, khắp người ông đã như muối xát. Khi quan chán nản, phát tay áo đứng dậy, mặt hầm hầm còn chưa tan cơn giận thì dưới đất, Cao nằm sóng soài như một cây chết, người vằn vệt vết máu, chân tay rữ rụi, mấy lần lính ngục xách lên, người Cao lại đổ phịch xuống.

Cao tỉnh dậy, tưởng mình đã thành người khác. Giọng thất thanh trở mình không nổi. Trong cơn dần vật cả về thể xác lẫn tinh thần, Cao thoáng thấy có ai gọi mình qua khe cửa ngục:

- Thầy ơi! Thầy ơi!

Cao ngờ vực, ngại ngần. Tứ cố vô thân, ông chắc chỉ còn người lão bộc, may ra còn xoay xở đưa thêm cơm nước vào cho ông. Nhưng từ ngoài Bắc vào đây, ông lão chỉ loanh quanh việc nhà, nào biết trại giam chỗ nào mà tìm?

Vấn thứ tiếng quen thuộc lại gọi nhỏ mà khẩn thiết:

- Thầy ơi! Con đây!

- Có phải anh Hoàng?

- Vâng, chính con đây, thầy ơi. Con phải cho tiền lính mới được nói chuyện với thầy đôi chút. Thầy sát gần cho con được thấy mặt.

Chính Cao cũng muốn được nhìn người học trò ân nghĩa ấy. Ông ngồi xuống nhìn được rõ mặt anh ta. Cao mừng quá, quên cả đang đứng trong ngục thất. Người học trò đã gây lại gây thêm. Anh đưa tin:

- Thầy yên tâm. Nhà con nghèo, nhưng con có chữ, nên cũng biết cách. Con đã tìm đến một số bạn bè thân thiết của thầy, trong đó có cả ông Hoàng Mười, nhờ kêu xin thêm lên Đức vua xem tội thầy có được miễn giảm chút nào chăng?

Đang lúc tội tày đình, mọi người xa lánh, còn đâu cảnh người đến xin chữ, kẻ đến cậy đọc thơ, người đến xin đề tựa vào cuốn sách sắp đem khắc ván. Những người nói như ngựa bần tay cho ngồi, nay chẳng thấy ai. Đùm bọc mình chỉ có anh học trò này và người lão bộc.

Cao thò tay qua lỗ cửa, quờ nắm lấy tay anh học trò họ Hoàng, ân cần nói:

- Thương ta ở đất Phú Xuân này còn được mấy người đâu! Ta có duyên nợ gì xưa, mà được anh ân tình đến vậy?

Người học trò hốt hoảng khi thấy người lính coi ngục hắng giọng. Anh vội luồn qua dưới gầm cửa ngục, đưa các thứ đem đến cho Cao:

- Đây là thư, đây là áo mền. Thư của cô con nghe tin dữ vừa nhờ người gửi vào, lão bộc nhờ con đem đến cho thầy. Còn đây là thịt kho và mắm ruốc, con gửi để thầy ăn dần. Lão bộc gửi cho thầy ít bạc vụn, lót tay cho quan coi ngục để được xống xềnh. Con vẫn đang cố xoay xở, kêu oan hộ thầy!

- Ta thật không biết nói gì trước sự chân tình của anh.

- À, trong túi áo mền, có một nửa cái mặt gấu. Nghe con kể chuyện, lão bộc phải bán bộ đồ trà cổ của thầy để lấy tiền mua, gửi đến cho thầy. Ông lão từ lúc thầy đi, chân nam, chân chiêu, lúc nào cũng đăm đuổi vào đủ thứ việc. Khi thì bị triệu lên hỏi cung. Khi thì

lo trồng thêm rau cỏ trong vườn mà tự sinh nhai... Lúc thì tắt bật đi chợ làm thức ăn gửi vào ngục...

- Tội nghiệp quá, mình ta làm cho mấy người khổ lây!

- Thầy gửi ít bạc vụn cho lính ngục nhờ mua cho chai rượu ngâm với mật gấu, uống để chống đòn. Con cũng gửi biếu thầy một miếng cao hổ cốt. Thầy dùng mật hết thì dùng đến cao!

- Anh có gì đâu mà còn cho ta của rất quý trong lúc này. Dồn tiền cho ta lấy gì nuôi mẹ, nuôi em?

- Tình của thầy đối với con, mẹ và em con đã biết. Vả lại đạo này đồng không, cỏ ấy, củi than cũng bán được, không đến nỗi nào.

Người lính ngục lại giục. Anh học trò họ Hoàng xá dài mấy vái, nước mắt lại chan hoà. Nhìn theo qua lỗ cửa ngục, Cao cũng bồn thần nôn nao không kém. Người học trò sợ ngục quan đến, lẩn mất rồi, mà Cao vẫn còn lúng túng với mấy thứ quà vừa được lên gửi vào.

Mấy hôm sau, nhờ có chai rượu mật gấu, Cao vừa uống, vừa xoa bóp, những vết đòn đau lặn đi được một nửa. Lòng đầy cảm khái, sẵn bút mực mượn của ông bạn tù họ Nguyễn, vốn là quan coi kho bị giam cùng mình, ông viết lên tờ giấy gói cao một bài thơ:

Trẻ trung sớm chuốc lấy phùng nông.

Thành bại đôi đường, có cũng không,

Say khướt, cai quên quên Lão Lý

Thương đời, trò khổ cứu thầy cuồng.

Sáo ngân Thử cốc, trời mau ấm

Kiểm nấu Phong Thành, ánh sáng trưng.

Chớ giấu sách xưa trong núi hiểm

Gác Khuê nhà Hán trọng văn chương⁽¹⁾

⁽¹⁾ Nguyễn văn chữ Hán, người viết truyện dịch để bạn đọc dễ hiểu.

Cao lấy việc có thật làm đầu đề viết trong phút ngẫu hứng trước việc xảy ra trong trại giam.

Viết xong, ông giấu bài thơ trong áo mền, tâm niệm khi gặp lại người học trò họ Hoàng sẽ trao cho anh. Ông lại giở thư nhà đọc kỹ lại thêm một lần nữa, để lòng mình được an ủi. Tình vợ, nghĩa người lão bộc, người học trò ở Huế vừa quen; có những người đồng cảnh hoạn nạn cũng bị giam với mình, Cao thấy lòng đỡ trống trải. Những nỗi buồn lớn như cũng vơi được đôi chút.

Ông Cao đang cao hứng nhàn đàm với người bạn tù thì cửa ngục mở. Phái quan bắt ông quỳ nghe chiếu chỉ ân xá của Đức vua. Ông được triều đình tha tội, bắt theo đoàn công cán sang xứ Giang Lưu Ba, sung làm quân hiệu lực. Việc gấp gáp, được trả tự do, ông không khỏi bàng hoàng. Ông chào bạn bè, cởi áo mền đắp cho người thiếu áo, phân phát thức ăn khô cho những người còn bị giam lại. Ông được mở gông theo viên Hiệu úy ra khỏi cửa ngục. Mắt ông bị quáng vì chói nắng, thứ phản ứng chưa kịp thích nghi, gây niềm sung sướng cho kẻ thường đói khát ánh sáng, vừa được bữa no nê nắng trời. Xe ngựa chạy như đâm sầm vào mặt ông. Những tiếng la hét đẹp đường của đám quân đưa các quan lớn vào triều làm ông giật mình lùi vào một bên đường. Cao tự mỉm cười.

Ngót năm nay, xa cách đời sống kinh kỳ, đêm ngày chui rúc trong đáy ngục tối, trở lại cảnh cũ, ông không khác gì kẻ bị hôn thoát khỏi xác một lúc, may có người gọi mới nhập về. Ông lấy lại được tinh thần ngay, rảo bước, hào hứng. Cao mê mải ngắm cảnh dân chúng gồng gánh, chợ búa kiếm sống, nhìn dáng những ông chài bủa lưới trên sông Hương. Ông tạt vào một phiên chợ đầu ô, sức nhớ không có một trình dĩnh túi, nhưng ông vẫn dạo thăm khắp chợ. Ông ngắm những hàng lụa là, vải vóc, cảnh xô chen ở dãy thóc gạo, và cảnh ngả nghiêng say nói trong các quán rượu. Ông ngắm những con tôm hùm lớn còn tươi, bày trong mẹt và tự cười thầm sao mình đang đói lại đi qua hàng bún chả, nem cua bể thơm sức nức.

Giá có một ai đó sinh chữ, mua một đôi câu đối, mà bán được lúc này, kể cũng hay. Nhưng đó chỉ là cái ý hài hước vốn sẵn có trong Cao, chứ giữa chợ này, tìm đâu ra kẻ xin chữ!

Cao tiến về nhà cũ của mình ở bên bờ sông Lợi Nông. Chủ cũ đã đòi nhà cho người khác thuê. Lão bộc đã trở ra Bắc, chắc chạy tiền toan tính trở vào lo liệu chăm sóc cho ông. Cao thốt rùng mình. Đêm nay mình ngủ đâu! Thân vừa thoát tù này, liệu bạn cũ có ai còn dám chứa? Ông cố lục tìm xem có người bạn nào gần đây có thể nhờ cậy được trong đêm bơ vơ này, thì có tiếng hót hải gọi phía sau:

- Bẩm thầy... Bẩm thầy...

Cao quay lại. Ông nhận ra ngay người học trò nghèo. Anh ta cảm động quá, chạy đến, thụp xuống, ôm lấy gối Cao mà thốt lên:

- Con đến nhà ngục thì hay tin thầy vừa được tha, theo "dương trình hiệu lực". Con theo chân ngay, ngỡ ngác tìm thầy không thấy đâu cả, đã chột dạ. Con chạy xuôi, chạy ngược tả hình dáng thầy. Tìm các đường phố không thấy, quay về, may sao gặp thầy ở đây. Nếu thầy không chê nhà con nghèo, con xin được phép đón thầy về nhà để mẹ con con được hầu hạ, cơm nước cho thầy một vài ngày.

Cao nhận được cả nhịp tim mừng rỡ đập dội vào da thịt mình. Ông cúi xuống, ân cần nâng dậy, bảo:

- Thôi anh Hoàng, ta về thôi, trù trù gì nữa.

Người học trò nghèo hân hoan đi trước dẫn đường. Nhà anh ở cuối xóm, một miếng đất đầu thừa đuôi theo, vỡ vạc, đổ đắp chán mới có. Nhờ có bàn tay cần cù, mảnh vườn cũng khá vui mắt, rau hành, mía mọc chen với một vài cây hoa thược dược, hoa hồng. Người học trò họ Hoàng lật đật vào nhà, trải chiếu đẹp giường, đón Cao vào. Cao quẳng cái tay nải lép kẹp, ra bờ kênh rửa mặt. Nước sông Lợi Nông trong vắt, mát mẻ, khiến ông khoan khoái. Ông phóng mắt nhìn đồng điền, vườn tược. Nỗi nhớ quê từ đâu chợt ập đến. Ông trở vào quanh quẩn ngắm cỏ cây, thêm đất.

Dừng hồi lâu bên một cây mai mới trồng, ông ngắm những bông mai vừa bói hoa, lòng chợt dấy lên những ý thơ thanh tao. Tiếng chào của bà mẹ và cô con gái vừa đi chợ về, làm Cao phải quay đầu lại. Ông nghiêng mình đáp lễ và ân cần hỏi han chuyện chợ búa. Rồi ông lại quay lại với cây mai. Ông cảm thấy cây đang nói với mình bằng màu bằng sắc. Những bông mai trong vườn đã vô tình gây cho ông những ý nghĩ tốt đẹp, đang dấy lên trong lòng mình. Đó là loài hoa tự tôn, không lẫn hương sắc với các cỏ cây xô bồ tảo tợn quanh mình. Ông khẽ nghiêng mình, cúi ngắm những cánh hoa mỏng như lụa, mong manh góp một nét riêng biệt với mùa xuân. Cao lùi lại, đứng vào hồi nhà. Khoanh tay, tựa lưng vào vách, nép sau tán cây. Ông nhận ra thứ hương thơm thanh khiết lạ kỳ toả nhẹ trong chiều đông.

Cơm rượu đã dọn. Ông vào nhà, mời cả nhà cùng ăn. Hai người đàn bà vái tạ, không dám. Họ thoái thác mãi việc, để ăn cơm sau.

Cao tự so đo, vui, tự nhiên như đang chính ở nhà mình. Tình người đã khiến cho hai thân thể long đong xích lại gần nhau và quý nhau hơn cả tình huyết thống. Người học trò, bồi hồi nhắc lại những chuyện xảy ra từ lúc ông Cao gặp nạn đến giờ. Anh vẫn soi kính náu sử nhưng ngày đêm, phải cật lực kiếm sống để đỡ đần mẹ và em. Cao cười thốt lên:

- Ta hiểu thêm một điều, chữ nghĩa được thấm mỗ hôi mới là chữ nghĩa thực.

Trong lúc hàn huyên. Cao với tay, cầm tay nải, lục ra bài thơ viết trong tù ra tặng anh. Ông tâm sự:

- Ta giao thiệp tao nhân mặc khách ở Bắc Hà và ở thành Huế này đã nhiều, ngẫm lại, kẻ sĩ lúc hàn vi thường làm được nhiều điều tốt lành nhất. Sau này, dù làm nên chức trọng quyền cao, anh đừng quên lúc gian truân, lam lũ này.

Ông khen:

- Vườn tược nhà anh đẹp lắm. Rau cỏ nuôi sống người. Lại có một cây mai như người thầy trầm lặng, nhắc nhở mình giữ lấy cái tâm, nêu cao phẩm hạnh. Ta hiểu lòng anh lắm!

Người học trò lo lắng kể cho Cao nghe việc quân Pháp gây hấn ở Cửa Hàn, gần đây lại cho tàu buôn vào Cửa Thuận, nghênh ngang không coi luật pháp triều đình là gì, không chịu nộp thuế nhập cảnh, không tuân thủ theo chỗ neo đậu cho tàu nước ngoài, tự tiện xộc vào tận phía trong thềm đất, sát cửa sông. Cao lặng người không nói. Lát sau, ông hỏi:

- Anh có dám xung quân đợt đầu không?

- Giặc làm trời làm đất. Kẻ không được học hành mắt còn quắc lên đến rách mi vì căm giận. Quan Nghè Phạm Văn Nghị một lời hiệu triệu, bốn trăm sĩ tử đã có mặt dưới cờ, đi đánh trận, hưởng chi con ở đây, ngày nào không thấy kẻ chinh chiến trở về.

Cao gật đầu:

- Ta tin nước mình trước sau sẽ làm cho bọn ngoại bang nhận ra một điều: nước Nam này vốn có văn hiến từ lâu và không bao giờ chịu làm nô lệ cho kẻ khác. Bây giờ, anh cho ta mượn bút mực.

Người học trò biết là ông muốn làm một điều gì quan thiết. Anh dọn dẹp mâm ăn, trải chiếu chiếu mới ra thềm. Anh lấy chiếc tráp của mình vẫn thường dùng để tập văn. Mực Tàu đen thơm, theo tay mài tan trong nước mưa, nhánh một màu huyền óng ánh trong nghiên. Cao xem bút rồi đặt xuống. Ông nhổm dậy, với chiếc tay nải lép của mình, lôi ra chiếc ống bút. Ông sắp ra mấy cái bút hảo hạng, rồi dầm ngọn bút vào nghiên mực, quét thử lên một mảnh giấy tap. Ông lấy ra hai dải vóc, sợi thô, để ăn mực kẻ thêm:

- Những thứ này, bạn tù tặng cả. Trong ấy cũng có thi xã. Có điều thơ không hay nói chuyện trời mây trăng gió, mà hay nói điều mình trải, mình cần nói với nhau. Ta có ý dành mấy vuông vóc này để viết đôi câu đối tặng cho anh.

Đĩa mực đen nhánh như màu lông chim ưng, mắt Cao nhìn vào long lanh thật sự. Vầng trán tinh anh như toả sáng. Mực sánh, hương thơm, gây thêm cảm xúc cho ông. Ông thấm bút đại tự vào mực, thấy được, đặt bút xuống, quỳ hai gối, hai tay chùi vào chiếc khăn khô, đảo mắt, ước định những vị trí cho những chữ thần từ trong lòng ông vụt ra đậu xuống. Mọi thứ đã đậu vào đấy, ông lấy trong tay nài ra những hòn cuội nhỏ, đặt rải trên hai dải vóc. Người học trò dâng trà. Ông uống liền ba chén, bảo anh cất luôn đi rồi quay vào chiếu.

Thử bút lần cuối. Cao cầm bút, viết liền một mạch vẽ câu đối thứ nhất:

Thập tải luân giao cầu cổ kiếm

Khi cái móc của chữ kiếm vừa trọn vẹn, người học trò họ Hoàng xuýt xoa thốt lên:

- Thật là thần bút. Chữ có cốt cách riêng. Người viết thiếp Lan Đình giá còn sống cũng phải chịu tài.

Cao không để ý đến lời khen. Tay, mắt ông bận bịu thật sự. Ông tự cho thêm nước mưa, mài thêm mực, rồi lại chùi tay, thử bút, viết tiếp vẽ đối thứ hai:

Nhất sinh dê thủ bách mai hoa⁽¹⁾

Nét chữ đá thảo tươi tắn lạ thường. Hai hàng chữ trong đôi câu đối như hai hàng vũ nữ, vừa có vẻ đẹp chung tao nhã, vừa có cái vẻ riêng, mỗi chữ một cốt cách. Bay bướm nhất phải nói là năm chữ "dê thủ bách mai hoa".

Viết xong, ông đứng lên tự ngắm, gạt đầu bằng lòng, rồi nói với người học trò họ Hoàng:

- Ta tặng anh đấy! Tặng anh...

⁽¹⁾ Câu đối này có nghĩa:

- Kết bạn trong mười năm vừa qua khó như chuyện tìm gương báu
Một đời ta chỉ cúi đầu chịu lấy, phục hoa mai

Người học trò cảm kích vô cùng, chỉ còn biết nghẹn ngào nói:

- Vật vô giá này sẽ trở thành gia bảo của nhà con.

Cao vui hẳn lên, ông bảo:

- Còn rượu chứ, mang ra đây.

Người học trò vui theo, chạy vào lấy chai rượu hai thầy trò uống chưa với một nửa. Cao rót ra hai chén. Ông trao cho anh nói:

- Cạn nhé. Mừng cho ta, mừng cho anh!

Ông cạn trước, khà một tiếng. Sẵn chiếc võng mắc sẵn ở gian bên, ông đến ngã mình xuống, sảng khoái. Ông lim dim dẫn mình vào giấc ngủ, trong mắt còn hiện ra vẻ riêng chang chói của những bông mai và những hàng chữ vừa viết còn chưa ráo mực.

Mùa xuân năm Ất Sửu, 1985

Mùa xuân năm Canh Ngọ, 1990

Bà Huyện Thanh Quan và những con chim Sâm Cầm

1

Ông Nho Dương cũng là người hay chữ ở đất Nghi Tàm, song đi thi không đỗ. Ông chẳng sinh sống bằng nghề dạy học. Cũng chẳng sống bằng nghề làm ruộng. Nhà ông có một sào vườn nhỏ. Ông có một bà vợ đảm, cứ quần quanh với hoa trái, rau cỏ trong vườn cũng đủ nuôi chồng nuôi con. Ông Nho thường khoe với bè bạn: "Chẳng phong lưu mà hoá phong lưu. Rượu sớm trà trưa cũng ít nhiều. Sớm dự bình văn, chen cửa Giám. Chiều xem hoa nở, đứng bên cầu!".

Ông là người ưa phóng túng. Câu văn bác cổ tám vế gò bó, ông ghét vào bậc nhất. Ông hay nhạo báng, cho cứ như thành lẩn thẩn, một ngày nhét vào trong đầu khoảng vài chục câu văn đối nhau chan chát, lời lẽ thì có vẻ như bay như múa, mà ngầm cho cùng cũng chỉ là đầu lưỡi, đầu môi rỗng tuếch. Văn chương thời nay làm duyên làm dáng quá đổi, văn nhân đích thực thì ít mà thợ chữ lại hung như súc, thâm uất như cỏ dại. Ông đi thi có một lần, còn học để mà học, mà chơi theo kiểu thanh lịch. Nhà ông có những buổi uống trà, thưởng hoa, bình thơ, uống rượu, xem tranh của cái nhóm bạn thân quanh vùng, bên Kinh đô, bên Kinh bắc, bên Phủ Tam Giang. Nhớ nhau thì tìm đến với nhau và sống với nhau một ngày, một đêm. Tâm đắc, rồi lại biệt đi tìm đâu đâu, chẳng ai cần biết nữa...

Nghi Tầm là đất vua chúa cũ. Chúa Trịnh Giang đã mở bến tắm tại đây. Trịnh Giang vào loại chúa ăn chơi. Bến tắm của Chúa đâu chỉ tắm, còn nhiều điều khác nữa, nhưng thôi không nói làm gì... Nhưng cảnh quan đẹp của làng Nghi Tầm thì không ăn nhằm gì vào cái tên "bạo chúa" ấy. Dân làng thường nhớ đến nàng Công chúa Từ Hoa, người đã bỏ cung vua đi ở chùa, lấy công đức dựng lên chùa "Sen Vàng", ẩn náu giữa cái bán đảo "xinh xắn" vốn trước kia là bãi dâu "xanh ngắt một màu".

Ông Nho Dương sinh hạ được một người con gái, mãi tiếp từ nhỏ. Cô cũng rất thạo việc nhà, giúp mẹ được nhiều việc, mẹ con ở nhà, giữ nếp đất cũng nuôi lấy vài nông tằm, kéo kén bán tơ, để mua sắm đủ dùng. Vợ chồng ông Nho rất hoà thuận. Và do thế cô con gái cũng nét na từ bé. Ông đặt tên cho con là Hinh. Lên bốn tuổi cô đã viết được tên mình bằng chữ nho. Cũng là ông bố bày vẽ ra để khoe con thôi. Cô con gái thắc mắc hỏi:

- Sao bố đặt tên cho con cái chữ khó thế?

Ông Nho giảng, trong cơn say rượu, loáng thoáng nghĩ thấy mùi hoa:

- Tên con là Hinh. Đầu chữ là Thanh. Thanh là tiếng. Ở dưới là chữ Hương. Hương là thơm. Cha mong cho con để tiếng thơm ở đời.

Vợ ông Nho, vốn cũng quen cái kiểu ăn nói chữ nghĩa của chồng từ bao nhiêu năm nay, bèn nói:

- Đàn bà thì chỉ có cái bếp và cái vườn thôi ông ạ! Ông cầu kỳ quá đấy.

Bà lườm nhẹ ông một cái. Ông Nho không lấy thế làm giảm hứng, lại tiếp tục trò chuyện với cô con gái nhỏ. Ông nói:

- Con thấy mẹ nói thế nào?

Cô bé tay vẫn viết thêm vài ba chữ tên mình lên thềm, rồi thưa:

- Thừa cha, mẹ con nói đúng.

Rồi không nói gì cả...

*

Khoảng mười ba, mười bốn tuổi cô Hinh đã đoan trang nhất mực và nổi tiếng hay chữ. Hai cha con bây giờ lại thường hay bàn luận văn chương với nhau. Ông Nho Dương thích những bài thơ phóng khoáng. Lý Bạch ông đội lên đỉnh đầu. Vai trái ông thờ ông Đào Tiềm, còn vai phải ông công kênh Tô Đông Pha. Ông gọi Tương Tiến Tửu là thơ tuyệt phẩm. Gọi *Quy khứ lai từ* của Đào Tiềm là liều thuốc an thần mỗi khi nghĩ đến chuyện rắc rối phức tạp của cuộc đời. Ông có cả một cuốn sách riêng, bìa đóng cẩn thận, chép riêng những bài phú đọc lên sướng tai đến từng lời, từng chữ của Tô Đông Pha... Cô Hinh khác hẳn cha. Cô yêu thơ lắm. Nhưng cô lại thích thơ Nôm hơn thơ Hán. Cô rất mê bản dịch *Chinh Phụ Ngâm* của Đoàn Thị Điểm, yêu làng, yêu Tây Hồ từ thuở nhỏ, những gì thuộc về những cái hay cái đẹp của rẻo đất ven hồ, cô đều thích đọc. Cô đọc cả bài *Tụng Tây hồ phú* của Nguyễn Huy Lượng và bài *Chiến tụng* của Phạm Thái. Cô ngâm thuộc lòng bài *Liên ngâm* về Tây hồ, tương truyền là của Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan và bà Liễu Hạnh, cùng hai người nữa, một họ Lý, một họ Ngô. Một lần, kể cho con nghe chuyện Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi cũng làm thơ, hiện còn lưu lại trong cuốn thơ Đường toàn tập, sưu tầm được ở cuối đời Minh, ông Nho đọc cho con nghe bài thơ Phi viết tặng cô vũ nữ Trương Vân Dung, sau khi nhớ những lúc cô múa điệu Nghê thường:

La tị động hương, hương bất dĩ,

Hồng cử huệ huệ, thu yên lý,

Khinh vân lĩnh thượng chá giao phong,

Nộn liễu trì biên sơ phát thủy.

Nghe bài thơ xong, lại hiểu về đời Dương Quý Phi, cái người đàn bà thao túng được cả một ông vua, từng làm cho một quốc gia rộng lớn đã có một thời thịnh trị, cô Hình dịch ngay rằng:

*Ổng tay áo rộng, hương thơm nức,
Thu chớm, sen hồng còn thấp đuối,
Mây nhẹ đầu non, gió thoảng lay,
Bờ ao, nước gợn, liễu buông tóc...*

Ông Nho chịu con là hơn mình. Lòng ông lại ngậm ngùi. Giá cô Hình là con trai có lẽ đường tiến thân không đến nỗi lận đận như ông.

Người ta đồn, đất Nghi Tàm lại nổi Trạng, nhưng lại là trạng đàn bà!

Mấy năm sau, cô Hình lấy chồng ở Nguyệt Áng, nghe nói cô thường cùng chồng trao đổi về các bài tập văn ở nhà Giám. Chồng cô là thầy khoá Lưu Nghi, đầu thời Vua Minh Mệnh thi đậu Cử nhân. Cô Hình bỗng chốc trở thành bà quan. Đám nhà nho thi hỏng cho rằng, tài Lưu Nghi không bằng vợ. Có người còn nói: sự tấn tới của Lưu Nghi về học hành những năm giáp với khoa thi Tân Tị (1821) là nhờ vợ nhiều hơn nhờ thầy, nhờ bạn. Lưu Nghi quý và nể vợ là phải. Chẳng thế mà khi được bổ làm Tri huyện Thanh Quan, nha lại bên ấy, nhiều khi thấy quan ông đi vắng, mỗi khi có việc quan trên sắc xuống, thường vào hỏi quan bà. Bà huyện Thanh Quan là người có học. Bà đoan trang, dịu dàng, còn dễ gần hơn cả quan ông. Không những thế, những ai chưa hiểu những luật lệ của nhà nước, bà còn đem mạch sách từ đời nọ, đời kia, giảng giải ân cần. Nghe bà giảng một lần là nhớ mãi, chẳng cần phải hỏi ai khác nữa. Bà cũng là người vui tính. Một lần bà thấy chồng, đến bữa không xuống nhà ăn cơm, vẫn còn bận bịu trên nhiệm sở. Lại thấy đôi lúc to tiếng. Bà lặng lẽ đi lên huyện đường, ý tứ nấp phía sau rèm. Một ông cống sinh

ở làng ven sông lên xin thịt trâu để làm giỗ bố. Ông Lưu lưỡng lự không muốn cho. Ông là người đôn hậu, ân cần khuyên nhủ ông cố gắng: năm nay mùa màng thất bát, có lẽ ông có dư thừa thóc lúa cho cái đám người nghèo vay mượn mà hay... Ông cố gắng năn nỉ xin cho bằng được. Cuối cùng ông huyện cũng phê chuẩn cho vào đơn xin của ông Cống. Mời chồng vào ăn cơm, bà huyện tủm tỉm cười, hỏi:

- Tưởng chuyện gì, có chuyện con trâu mà các ông ngồi dai thế?

- Úi dào, ông ta trước khi xin trâu còn khoe chữ nghĩa. Ông ta đọc bô bô những đôi câu đối ông ta làm để tán tụng công đức của bố ông ta. Mà mình thì giờ có dư thừa gì đâu. Dân chúng đói, nao núng lắm, trộm cắp lại nổi lên bốn phía. Rồi gay go đấy. Tôi đã làm tờ trình lên quan Tuần phủ xin thóc kho ra để phát chẩn!

- Vậy mà ông cống vẫn cứ cứng giỗ bố linh đình.

- Cái thằng hợm của ấy, nó nặng nề đòi thì mình can cũng chẳng được.

- Ông phê như thế nào?

- Phê thế nào nữa. "Y kỳ sở nguyện". Chẳng lẽ lại còn làm thơ phê vào nữa!

- Nếu tôi được phê, tôi sẽ phê khác.

- Bà huyện phê thế nào?

Bà huyện Thanh Quan cười:

- Tôi sẽ phê như thế này: "Người ta thì chẳng được đâu! Ừ thì ông cống làm trâu thì làm..."

Quan huyện cười âm lên. Nhưng ông lại thôi ngay, gương mặt ông thoáng buồn. Bà huyện là người tinh tế, nhận ra ngay. Bà lặng lẽ bước theo chồng, bà thâm hiểu: "Làm người đàn bà nếu tài hoa hơn chồng, thì cũng cần kìm giữ". Và bà cũng thấm buồn, còn buồn hơn quan huyện Lưu Nghi.

Khi mặt hồ Tây đã bật hẳn cái cảnh "nước trời lộn sắc, phong cảnh vừa thu", tầng mây xanh ngắt đã chuyển thành gam màu chì, những cơn gió bắc đã buốt dần, mang theo cái ớn lạnh của miền quan ải phía Đông Bắc, cũng là lúc những phường săn sâm cầm, tay nải gió đưa lên đường. Họ ngược lên phía Thượng Nông - Lâm Thao hay đi lên phía Ba Vì, uống rượu với những phường săn trên đó, rồi xuôi thuyền xách về theo những lông chim quý vào bán cho tận cửa, qua tay gia nhân các nhà quyền quý, đổi lấy những quan tiền không hề lẫn một đồng tiền cũ, sứt mẻ, thậm chí phải vứt đi hoặc những đĩnh bạc nén có đóng dấu nội phủ, mà một nén bạc ấy có thể các thêm được một ít bạc vụn của các nhà buôn bán lớn kèm nén bạc đang lưu hành.

Cái tên "sâm cầm" chắc cũng từ một nhà quyền quý đặt cho. Miền thượng du người ta gọi nó là con cốc vộc. Gọi là cốc nhưng nó cũng không hẳn là cốc. Nó mờ giời như cốc, nhưng khi say ăn, lăn vào đám bãi sừng, nó có thể chống vộc lên hàng giờ mầy mò để khuấy đục cả một đám đầm, sục lấy những củ ấu non hoặc những đám tôm tụ rét, quanh quẩn bên cái đám sen, đám ấu, sừng ấu. Nhìn con chim "sâm cầm" không ai biết nó là loài chim quý. Mỏ le mình cốc - khoác một màu lông đen thui đen thui ở đầu và cổ. Lưng màu xám chì. Phía dưới bụng vẫn màu gam xám ấy nhưng nhạt hơn, thẫm ở phía ức, phía đuôi; loé sáng dần ở quầng bụng. Chỉ cái mỏ, cái mắt, đôi chân là có màu "quyền quý" hơn cả. Mắt chim nâu đỏ, mỏ trắng ngà, góc mỏ phớt hồng. Chân chim màu lục nhạt, mỗi ngón chân đều có màng bơi. Khác với những màng bơi của vịt, màng bơi chân sâm cầm có tới ba màng, khi xoè ra như cái bơi chèo trong nước mà khi cụp lại thì dễ dàng chạy lẩn, không khác gì loài cuốc, gặp động là trốn được liền. Cái tang sâm cầm này thật là một loại chim trời đặc biệt. Không biết trời phú cho, hay là "bà mẹ" tài hoa nào sáng tạo ra cho nó cái loài "nửa gà nửa vịt", "vừa cuốc, vừa

cốc", mà cái dáng hình, bộ áo thì lại có cái vẻ quyền môn. Nếu gọi hạc là loại chim cao quý của trời, công là loại chim tự hào của những tầng đất rừng kín đáo, thì con sâm cầm, cũng thế gọi là loài chim "quý tộc" ở những loại đầm dân dã được... Thịt chim ăn rất bổ. Cái chữ "chim sâm", có lẽ muốn ví thịt chim là loại sâm của loài cầm... Thứ chim mà phường săn chuộng dùng, không phải là chuyện đùa... Lúc đầu, nó cũng được biết đến qua cái đám "lục lâm". Dần dà, chim được bán cho các nhà giàu. Rồi, mùa thu biểu chim ngói, mùa đông biểu chim "cốc vộc", lan truyền từ mấy vùng Ba Vì, Lâm Thao; chim đến các bữa cơm nhà các quan phủ, quan huyện ở các địa phương ấy; bỏ vào các phủ, thự quý của kinh thành, rồi thành ra thứ chim dâng vua... Dân kinh thành bao giờ cũng lâu cá hơn các đất khác. Đất làng Nghi Tàm, cái đám "hạ lưu" bỗng sinh ra một cái nghề, đi bắt sâm cầm để bán cho các nhà quyền quý ở ven Tây hồ...

Phủ chúa, cung vua thưởng ấy lấy cái rêu đất nổi hoàng thành với hồ Mù Suong này thành vùng đất ăn chơi thưởng ngoạn. Trịnh Giang mở bến tắm, Trịnh Sâm mở các hành cung, lấy hết các hoa chim, cây cảnh ở các nhà buôn trong phường phố đem ra đó, để cùng các bọn nội giám, tế thần rong chơi, giải trí... Món sâm cầm cũng là một thú ăn chơi, mà các tước vương, tước hầu, tước bá có phủ đệ ở ven Tây hồ, nếu không có trong các bữa tiệc tùng khoản đãi thì chưa thể gọi là giàu sang. Bởi thế, sâm cầm được săn mua khá đắt. Nghề bẫy chim, bắt chim sâm cầm đã thành một kế sinh nhai độc đáo của đám dân nghèo, trú ngụ trong những làng thôn xen lẫn với những thái ấp ven hồ.

Làng Nghi Tàm cũng có những gia đình sống bằng những nghề đi bắt sâm cầm này. Họ có một chiếc thuyền thúng con, khi thì đi câu khi thì bẫy. Lúc bẫy chim lúc bẫy cá. Mùa sâm cầm thì bẫy luôn cả sâm cầm... Nghi Tàm không hiểu từ đâu, sang đời nhà Nguyễn bỗng dính vào cái lệ tiến sâm cầm. Ước khoán ghi rõ rằng: "Hàng năm mỗi giáp phải nộp năm chim sâm cầm (sâm cầm ngũ

điều), từ bảy lạng đến một cân, béo đẹp, đến cuối tháng một, phải nộp đủ số. Nếu nhà nào không nộp thì phải phạt vào tội "trốn lệ vua, thiếu một con chim phải phạt vạ bạc mười nén, gà sống thiến một đôi, dây dưa thì phải đánh một trăm roi trên phủ..."

Một trăm roi này là lệ đặt ra của quan lệnh phủ Phụng Thiên, nhằm để buộc lý dịch Nghi Tàm phải lo nộp đủ... Vì thế chức Lý trưởng Nghi Tàm chạy dễ hơn làng khác, vì "sâm cầm" có phải lúc nào năm nào cũng bắt được. Từ ngày kinh đô chuyển vào Phú Xuân, thành Thăng Long, chạm vào niên hiệu của vua nên chữ Long là Rồng, phải đổi chữ Long là sự thịnh vượng. Quan nhân và dân chúng lại sợ động chạm đến huy, phạm, nên gọi chệch là Bắc thành. Rồi chữ Bắc thành cũng không ổn. Minh Mệnh lên ngôi, để kiêng cả đến niên hiệu cũ của Tiên đế, cũng là ngầm triệt cho cái đám sĩ phu Bắc Hà, mượn tiếng tên thành để giương oai một cõi, khinh thị những sĩ tử miền Trong, liền đổi ra thành Hà Nội. Gia Long xưa vốn cũng thích ăn thứ sâm cầm này, nên từ ngày vua cha băng hà, Hoàng thượng còn xuống chiếu dâng thêm chim, tiến vào kinh thành Phú Xuân vào dịp giỗ Vua Cao Hoàng của nhà Nguyễn nữa... Lệ tiến chim kéo dài ròng rã hàng chục năm. Đã bao nhiêu ông Lý trưởng Nghi Tàm bị cách chức, một số ông bị đánh đòn roi, một vài ông khác thì từ hoạ "sâm cầm" bị phe cánh khác vu cho tội nọ tội kia đến khuynh gia bại sản...

Năm ấy Lý Râu được bổ nhiệm làm Lý trưởng Nghi Tàm. Lý Râu vốn vừa bướng bỉnh, vừa lười vật. Ông ta có bộ râu đầy cằm, đầy mặt, trông có vẻ một tên tướng cướp hơn là một "tước hầu bách hộ". Lý Râu có tên thực là Chấm, xuất thân từ một gia đình chài lưới, từng bám lấy Tây hồ mà sống... Nghề săn bắt sâm cầm của Nghi Tàm đâu có phải dễ dàng như trước nữa. Bởi các dân làng khác thấy có lợi cũng đi rình, đi bắt chim. Mấy anh nhà giàu ở vùng Tứ Tổng, Yên Hoa cho gia nhân cầm hèo gậy theo, lấn cả vào vùng hồ Nghi Tàm mà săn bắn chim. Người làng Lý Râu không chịu, thế là sinh ra ẩu đả. Không được ăn thì đập đổ, bọn họ tìm cách

"phồng" tay trên những bẫy chim mà làng Nghi Tàm gài, hoặc cho thuyền đi đánh cá đêm, lừa chim bay đi ăn sang những vùng hồ khác mà đánh bắt. Bởi thế lượng sâm cầm bắt được ở Nghi Tàm có đâu được dồi dào như trước. Lệ vua lấy trước đây là mười con, mỗi con từ bảy lạng đến một cân, ác một nỗi chim cúng tế nên chỉ lấy chim đực chứ không lấy chim cái. Lệ càng rắc rối thì quan lại càng vớ bẫm, càng dựa vào đó để hoành hành, do đó, chỉ có Lý trưởng nào giàu có ở làng Nghi Tàm họa may mới thoát đòn. Lý Râu lần này, quan ung một phần, nhưng chính là do các bộ lão kỳ hào nghĩ cách mà chạy cho ông ta được ra làm việc. Lý Râu cũng đi học được vài năm chữ nho, cũng có thể ứng đối được với những văn nhân, mặc khách, thỉnh thoảng đến chơi nhà. Trông có vẻ ngang tàng, nhưng cũng là người dễ gần, ưa kết bạn. Bạn bè ông có đủ hạng người. Từ những người lái buôn cắm thuyền trên bến Xù, bến Gạ, chờ dỡ hàng để ngược xuôi đi chuyến khác, đến những người lông mày lười mác, xếch ngược như hộ pháp canh chùa. Nhà ông lúc nào cũng có khách. Tiền khách nọ nuôi khách kia. Ông lấy tiền của người này nuôi người kia. Ông lấy tiền của người này, giúp đỡ người khác. Ở cái đất thanh lịch này, có được một ông lý hào hiệp đến thế, dân tình xem ra cũng mến...

Như mọi năm, sau Tết cơm mới mùng 10 tháng 10, các kỳ lão Nghi Tàm đã phải nổi trống để bàn việc tiến sâm cầm. Ngoài mười con chim tiến, Phủ doãn Phụng Thiên năm nay bắt nộp cho phủ mười con. Tri huyện Vĩnh Thuận cũng lấy theo thêm mười con nữa. Lý Râu cảm tờ sức của quan huyện đọc, râu đã muốn dựng ngược lên hết cả. Ông hăm hăm tức giận, vút vọi lên chiếc kỷ sơn sơn thiếp vàng đã cũ, nước sơn đã mờ mịt đi dần. Đã vương vấn cái sự đời vào người, Lý Râu thường không giấu nổi ai. Ông mặc áo, úp chiếc khăn xếp lên đầu, đi bàn với các đàn anh trong làng, khi về, thấy râu ông đã lởm chớm, mặt mũi đã có vẻ hể hả... Một ông khách thương đang chờ ông ở nhà về để uống rượu thấy thế liền hỏi:

- Quan bác, có việc quan gì mà gấp vậy?
- Chuyện con chim sâm cầm.
- Chuyện người lo chưa xong lại còn lo chuyện chim.
- Ấy có lo xong chuyện chim thì chuyện người mới ổn. Nay ông, ông xem tôi có tướng làm phúc thần của làng không?
- Sao ông lại hỏi câu ngạo ngược đến thế?
- Kỳ này tôi đem thân ra để đỡ họa cho làng. Cái đất này đang lo chạy mật gấu, hổ cốt, nhân sâm, để chống với một trăm roi vua phạt đấy!

Nói đoạn, Lý Râu bèn kể lại chuyện tiến chim cho khách nghe. Rồi cười âm lên bảo:

- Phen này một là được việc, hai là chết. Mà chết vì nghĩa thì làng thờ. Tôi nhờ bác đoán hộ tôi có tướng phúc thần không là thế.

Lý Râu đã bày ra một mẹo. Năm ấy, ông cho mua một lồng chim cước và chỉ mang lên huyện một lồng chín con chim sâm cầm, không qua đám nha lại mà nộp thẳng cho quan huyện. Trong lúc nhá nhem tối lại được Lý trưởng đem gà thiến, gạo nếp, cá chép mấy đôi lên biếu, quan huyện Vĩnh Thuận ưng lắm. Quan huyện nhận chim rồi lên biếu trên phủ. Trên phủ cũng được Lý Râu biếu xén gấp rưỡi quan huyện, nên hai lồng chim, các quan đều nhận trót lọt cả... Quan Lệnh đoán ở phủ lại còn ban lời khen cho Lý Râu, quan còn nói thêm, nếu chim đến sân rồng, đoàn người dâng chim tiến về, Lý Râu sẽ có thưởng. Khi thiết lập được đoàn người áp tải đưa chim vào tiến vua, trên phủ mới vỡ lẽ ra là cái lồng chim Lý Râu nộp khi tiến kia là chim cước... Từ làng ven các vùng Tây Hồ cũng đồn âm lên, quan lệnh phủ Phụng Thiên năm nay "trông sâm cầm hoá cước". Quan biết mình mắc lõm Lý Râu, song đau đống người không dám nói, liền sai gia nhân, tức tốc đi khắp các vùng có sâm cầm, mua kỳ được đủ số chim cho đúng lệ, để tiến vào thành... Chim tiến rồi, quan cho lính về bắt Lý Râu lên phủ, nọc ra, tụt tay cầm roi mây,

đánh cho kỳ mỗi tay mới thôi... Lý Râu biết có trận đòn thù này từ lâu, nên thủ sẵn trong mình một góc chiếc mật gấu, uống liền chén rượu, nuốt ực một cái. Nhờ thế mà quan đánh chán tay, lại cho sai nha đánh tiếp một trăm roi, mà đánh xong, Lý Râu oằn oại một lúc, như thể để lắng cho cái đám rượu mật gấu thấm vào, làm tan những vết roi tứa máu, nát như hai mông, rồi đứng dậy, mặc quần, ôm dít, chào quan rồi về. Quan huyện định cách chức Lý Râu, nhưng quan phủ ngăn lại. Ông nói, phải cho nó nếm cái hoạ sâm cầm một lần nữa, ta không cần đánh cần bắt, cần chém mà mượn tay người khác, giết chết cái thằng "quan ôn vật" này đi mới được...

3

Lý Râu về nhà phục thuốc chỗ đau. Nhờ hàng xóm, bạn bè, chẳng bao lâu ông đã bình phục. Ông nhờ người làm đơn kiện quan phủ Phụng Thiên, đánh ông không có chứng cứ tội tình. Lờn kêu rất khẩn thiết. Sớ được làm xong, ông vay mượn bạn bè tiền ăn đường để tiến kinh. Làng xóm cũng đưa cho ông thêm chút đỉnh để giúp ông vào hầu vua, đi đến nơi về đến chốn, khỏi bỏ xác dọc đường. Lý Râu theo thuyền buôn từ bến buôn theo sông Nhị Hà, đi thẳng ra biển và vào thẳng Phú Xuân. Ông hỏi thăm đến tư dinh nhà bà huyện Thanh Quan, hiện nay đang được Nhà vua vời vào làm Cung trung giáo tập ở kinh thành.

Nghe nói có người làng cát công vào thăm, bà Huyện cảm động lắm. Bà cho đón Lý Râu vào ngay, truyền người nhà khoản đãi chu đáo, sắp xếp chỗ nghỉ ngơi. Sáng hôm sau, bà đã cho mời Lý Râu lên hỏi chuyện. Lý Râu lấy trong hành lý ra một chút quà quê. Đó là mấy vuông dũi mỏng, dệt từ tơ làng Nghi Tàm, một cân chè sen và một đôi chim sâm cầm. Bà Huyện cảm động lắm: Bà nhìn mãi đôi chim, mắt đượm buồn và nói:

- Thầy Lý cho ta nhiều quá. Cái ta thấy qua đây, còn cả một cảnh Hồ Tây bát ngát mà bao nhiêu năm rồi ta đã phải xa cách. Người ta nói, có xa quê mới thấy những điều trước kia mình chưa hề thấy. Đôi chim sâm cầm này, thú thực trước kia ta chỉ nghe nói, giờ mới nhìn tận mắt. Nhưng nhìn thấy nó, lòng ta không thể ngậm ngùi.

Lý Râu nghĩ thầm: "Bà Huyện quả là người tâm huyết quê hương, chắc là cũng giúp được mình nên việc!".

Nhân đó, ông nói thêm:

- Tây Hồ so với trước không còn sâm uất nữa. Hành cung ở Trấn Bắc không được tu sửa, ngày càng hoang phế, xóm Bảo Khánh nơi bà Chúa Liễu rong thuyền ngâm thơ với ông Trạng Bùng giờ cũng sen ầu mọc trùm, dân chúng đến đó mà bầy sâm cầm.

- Nghe nói bây giờ ngoài ấy, nhà giàu sang hay ăn tiệc sâm cầm lắm. Chim đã hiếm, lại có lệ tiến chim, nên làng mình cũng gieo neo lắm phải không ông Lý?

Lý Râu liền nói luôn một mạch cảnh chạy chim tiến mấy chục năm nay và cảnh bị đánh một trăm roi, tróc da, nát thịt ở phủ đường Phụng Thiên. Bà Huyện nghe kể xong, bậm môi suy nghĩ. Bà chỉ vào con chim:

- Con chim này ngon lành đến thế ư? Mà để cả một làng, đời nọ rồi đến đời kia phải khốn đói!

Lý Râu nói:

- Loại sâm cầm này ăn sen ăn ấu và ăn tôm, nên thịt nó như là một loại thuốc bổ đã pha chế. Việc lùng bắt săn nó, khi cả vùng đã biết chim bắt được giá, thật là gian nan. Chỗ nào cũng giăng lưới đặt bẫy, rình rập săn bắn. Chim không còn say mỗi như trước nữa mà thường cứ chập choạng bay lên bay xuống kinh sợ. Người săn chim tiến thì cứ lặn vào kiếm tiền, làm khuấy động cả một vùng, giành nhau từng mô đất, từng vũng hồ, từng bãi sen, bãi ấu... Đánh

nhau, chửi nhau, phá nhau, làng nọ ghét làng kia, cũng vì con chim tiến này...

Bà Huyện nghe thở dài. Lý Râu nhân đó mới đưa đơn kiện lên bộ Hình về việc quan Lệnh doãn phủ Phụng Thiên và quan huyện Vĩnh Thuận xét việc oan. Bà Huyện đọc đi đọc lại nhiều lần, rồi bảo:

- Thầy Lý thật đáng khen, dám đứng ra làm việc nghĩa cho cả làng. Lẽ nào ta không giúp. Song đụng vào quan phủ Phụng Thiên không phải chuyện đùa đâu. Thế lực của ông ta to lắm. Nhưng thôi được. Ta sẽ có cách. Thầy Lý hãy tạm ở đây, dạo chơi xem cảnh kinh thành, rồi vài hôm, ta vào hoàng thành tìm cách nói với các tước vương, tước hầu gần gũi với Hoàng thượng, hoạ may ra Ngài Ngự có bớt cho được lệ tiến chim sâm cầm này chăng...

*

Bà Huyện đem đôi chim sâm cầm Lý Râu biếu vào Hoàng thành, dâng bà phi họ Nguyễn. Bà phi mới được tuyển vào cung sau lúc Vua Tự Đức lên ngôi. Bà cũng là người có học. Do đó khi bà Huyện Thanh Quan được cử làm Cung trung giáo tập, thì hai người chơi với nhau thân lắm. Vua Dực Tông rất quý bà và thường hay bàn luận về văn chương cùng bà. Bởi thế, bà quý phi họ Nguyễn cũng hay hỏi han về chuyện thơ phú, văn chương với bà Huyện. Bà cũng là người sành thẩm thơ. Một bận bà Huyện đọc cho bà Phi nghe mấy bài thơ mới viết. Toàn những bài thơ về quê hương cả. Trước khi đọc thơ mình, bà Huyện có đọc cho bà Phi nghe những thơ phú xung quanh Tây Hồ. Giữ ý, bà không dám đọc các bài *Tụng Tây Hồ* và *Chiến tụng Tây Hồ* của Nguyễn Huy Lượng và Phạm Thái. Bà chỉ đọc *Tây Hồ tức cảnh* của Trịnh Sâm và bài *Liên ngâm* của bốn danh nhân Phùng Khắc Khoan, Liễu Hạnh và một người họ Ngô, một người họ Lý. Bà *Phi bình thơ* của Chúa Trịnh hay nhất có hai câu:

"Đôi đoá nhị vàng in dáng tía.

Một dòng nước biếc, ánh trời xanh".

Bà Huyện lại tò mò, hỏi thêm: "Còn bài *Liên ngâm*, Quý phi thích đoạn nào?". Bà Nguyễn đáp:

- Bốn nhà thơ ba nam một nữ, cả thầy cùng liên ngâm 40 câu, thi nhân khoe cảnh Tây Hồ, bà Liễu chỉ thích có hai câu, câu mở đầu và câu kết thúc. Câu mở đầu là: "Hồ Tây riêng chiếm một bầu trời", câu kết là: "Trăng tròn soi một bóng tiên thai". Xem ra hai câu ấy là hai câu hay nhất. Bởi các ông kia nói trời nói đất, chỉ toàn nói về cảnh, về thế sự, chứ cái đẹp nhất là cảnh nàng tiên đứng trước trăng ấy lại không tả, thì đáng phạt rồi! Thế mới biết, tài bà Liễu hơn cả Trạng Bùng kia đấy...

Nói xong bà cười rất có duyên và kín đáo. Hai bà từ buổi ấy thân thiết với nhau không rời. Bà Huyện đem sấm cảm vào biểu bà Phi và kể lại chuyện Lý Râu kiện quan phủ lên cho bà Nguyễn nghe. Bà không quên kể cảnh chịu đòn một trăm roi của Lý Râu. Nghe đoạn, bà Phi cau mày nói:

- Vì có mấy đôi chim tiến mà đánh một người có lòng nghĩa khí đến máu rơi thịt nát, rồi còn thâm thù người ta! Chúc Lệnh đoãn phủ Phụng Thiên còn thế, hướng gì bọn quan nha phía dưới...

Rồi bà Phi thở dài, hứa sẽ liệu lời nói đến tai Vua Tự Đức... Bà Huyện ân cần cảm tạ...

Lý Râu ở chơi Kinh thành đúng nửa tháng vẫn không được tin tức gì. Một bữa thấy được gọi lên, Lý Râu mừng lắm, hồi hộp chờ bà Huyện ở nhà khách từ sớm. Bà Huyện tiếp ông rồi trả lời:

- Bà Phi đã hết lòng nói với Đức vua. Ngài Ngự đã nghe, nhưng còn chần chờ để bàn với các quan lo việc điển lễ đã... Riêng đơn của thầy, Ngài Ngự đã xem. Được bà Phi nói thêm vào, ngài cũng phải nói rõ ý mình: "Giang sơn này là của hoàng tộc. Của hiếm quý dâng vua với ý nguyện tốt của trăm họ thì có gì đáng bàn.

Song cái đáng trách là chuyện bức bách dân, sách nhiễu họ lắm nổi, thì cũng cần phải kiềm chế".

Lý Râu hỏi thêm:

- Đức vua không ban gì về việc riêng của làng ta tiến sâm cầm, thưa bà?

- Được Ngài Ngự ban thì quý lắm rồi đấy, phải là bà Phi họ Nguyễn nói mới được thế! Chứ người khác khi Vua đi săn chim ở vườn Lợi Nông lại dám nói xa nói xôi về chuyện chim tiến thì có hoạ mất đầu... Thầy Lý cứ tạm về đi. Cũng phải khôn ngoan lắm kéo quan lệnh phủ Phụng Thiên lại đánh cho trăm roi vự tiến chim năm tới nữa...

Lý Râu lo lắng ra mặt. Nhưng không biết làm thế nào, ông ta đành phải sửa soạn hành lý, xuống thuyền trở về đất Bắc.

*

Làng Nghi Tầm năm ấy, thương ông Lý Râu chịu đòn thay cho làng, đã nổi trống đình, hô hào dân chúng, lo cho đủ số chim tiến đúng ngày, quan trên xuống lấy thì sẽ nộp. Đánh được chim rồi, lại phải có người biết nuôi chim, nhồi chim, đúng theo những thứ mỗi chim vẫn ăn, để giữ cho thần sắc chim tươi như chim bơi lượn trên hồ, và béo mập như những con chim trời khoẻ nhất. Dân làng lo lắng chu đáo cho mình như thế, nhưng ông Lý Râu vẫn phải nhờ người bạn là thổ hào tận Tu Lý miền sông Đà mua cho một lạng cao và nửa chiếc mật gấu để chịu một trận đòn mới. Quan Lệnh đoãn trả thù, thì chim đâu có đủ số, ngài vẫn bắt nọc ra đánh được. Dù cho lượng ngài có mở, thì số roi chí ít cũng còn một nửa...

Chim đã đủ lệ, bắt về được dăm chục con. Dích thân Lý Râu chọn vài chục con giành riêng cho người chăm sóc. Bỗng có tiếng chiêng trống báo có quan trên đem chiếu chỉ của Nhà vua về làng tuyên đọc. Các bộ lão kỳ hào vội bày hương án ra để nghênh chiếu... Quan Thừa sai phủ Phụng Thiên, hướng về cửa khuyết lay ba lay rồi

đọc chiếu. Tờ chiếu ban ơn vua xuống cho làng Nghi Tàm được miễn lệ cống sâm cầm kể từ mùa xuân năm tới. Nhà vua còn vỗ về khuyên dân Nghi Tàm nên chăm chỉ làm ăn để báo đền đặc ân này của Vua. Hoàng triều ban bố rộng cho các nơi cùng biết...

Tin vui ấy lan rộng ra khắp vùng quanh Tây Hồ. Nghi Tàm mở hội lớn vui chơi hát xướng liên tiếp trong ba ngày. Ông Lý Râu đem tất cả chim sâm cầm ra bờ hồ, thả bằng hết. Ông nói: "Làng ta được cỏi trời vì luật lệ hà khắc, lẽ nào ta lại thịt chúng mày"...

Trai làng công kênh ông Lý Râu đi khắp làng, đằng sau là đám múa lân, múa sư tử. Ông Lý Râu biết rằng sở dĩ làng được hưởng cái sung sướng thoát tội tiến chim này, ông đóng góp một phần, nhưng công lớn ở bà Cung trung giáo tập Nguyễn Thị Hinh. Ông thưa với các bô lão trong làng, ghi công trạng này bên dưới ngọc phả của bà Từ Hoa Công chúa để lưu truyền mãi mãi đời sau.

Cũng năm ấy, quan Lệnh phủ Phụng Thiên cũng bị đổi tít lên mạn ngược. Khi đi đường qua Nghi Tàm, ông ta thoáng nghe trẻ con chăn trâu hát:

Đít Lý Râu trăm roi không nát

Chim sâm cầm thịt ngọt hơn sâm

Hồ Tây mây kéo đen rầm,

Thù quan Lệnh doãn còn bầm ruột gan

Câu hát ám ảnh ông ta lên tận biên giới. Một năm sau, phần do lam sơn chướng khí, phần do bị ám ảnh bởi các chuyện rắc rối trong đường hoạn lộ, quan Lệnh doãn lần ra chết, đúng vào dịp từng đàn sâm cầm lũ lượt kéo về kiếm ăn đen đầy một góc Hồ Tây...

1988

Ngõ trúc

1

Làng Và hơi sùng sốt khi thấy rải rác tin ở đâu đồn về, quan Tam Nguyên đã từ chối chức Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên và sắp sửa về nhà hưu trí. Người ta xô đến hỏi bà Yên Đổ. Lúc ấy bà đang cùng người nhà cuốc vườn, trồng một loạt bông bưởi. Trên đường lên Lạng Bằng chờ quan Chánh sứ, hội kiến để cùng sang bàn việc với vua quan nhà Thanh, quan ông dặn bà gắng phải sửa sang lại vườn tược cho quang quẻ.

Trời hôm nay hơi nóng, đến chiều lại nổi gió mùa Đông bắc. Khách rậm rịch lui tới luôn. Bà Yên Đổ mặc việc tiếp khách cho anh Bạng, con trai đầu. Nhưng trong lòng thì không khỏi thắc thỏm. Sao dạo này khách ra vào lăm lăm người lạ thế. Người đi kiệu, người đi cáng, người đi cổng trước, người đi cổng sau, người thân, người sơ, người mặc áo gấm đeo bài ngà, người mặc quần áo Tây, đeo kính râm đen rầm trước mặt, tay lại cầm cái hèo song như sẵn sàng đánh người, miệng nói chuyện mắt họ nhìn soi mói khắp nhà. Tiếng Tây lúu ra lúu rúu, động miệng nói lại phải có người khác thông ngôn. Anh Bạng mỗi bận tiếp khách trở ra lại thở dài, có lúc lại bốn chồn lẳng tai chờ đợi. Bà biết, anh con trai cả chờ quan Tam Nguyên về, còn bức bối, nóng ruột hơn cả bà...

Những tiếng hò hét cướp bóc ban đêm thỉnh thoảng dội về cái làng chiêm trũng này. Trong làng trai tráng trốn đi đâu không biết. Bọn cai tổng ở làng khác, sùng sục cho tuần phiên về khảo đả vợ

con ở nhà. Nề mặt làng quan Tam Nguyên nên họ cũng chưa dám làm gì thêm càn rỡ. Nghe nói, ở một làng gần, nơi có mấy ông huân, ông sĩ phu theo quan Nghè Phan Đình Phùng, Tây đã cho lính triệt hạ, đốt sạch, phá sạch, đến cái bát mẻ cũng không có mà ăn... Giá cả, gạo nước rau cỏ lên vòn vọt. Người nghèo rủ nhau vào rừng đông như kiến, những dây người đi đổi sản, đổi khoai làng nào cũng có, dây khác đứt, dây kia lại nối, dài ngắn khác nhau.

Mờ sáng hôm sau, quan Tam Nguyên về đến nhà. Ông già dăng mệt mỏi, nhưng vẫn hết sức vui vẻ. Con cháu rủ nhau ra chào đón. Để nguyên áo đại trào, ông ân cần chia chút hoa quả, quà trên cửa ải, cho mỗi người một ít. Ai cũng được quà, từ người lão bộc già tay run lấy bầy. Đêm qua, trong lúc cọ rửa chén bát, lão đã làm vỡ chiếc ấm Mạnh Thần. Người đằm tính như cậu Bảng cũng phải lo lắng, nhẹ nhàng quở trách đôi câu...

Tất cả mọi người lui về, quan Tam Nguyên đã tắm gội xong. Nước tắm bằng lá bông, lá bưởi, nước gội tóc bằng bồ kết. Những thứ ấy đều chính tay bà Yên Đỏ, khi thấy ông về, đã chào qua một tiếng rồi xuống bếp lo liệu cho ông. Ông khẽ dặn người lão bộc:

- Già khép chặt cổng hộ tôi, ai đến cũng không tiếp. Có ai gặng, thì bảo tôi đi xa về, mệt, hơi khó ở.

Cậu Bảng vội thưa:

- Trình thầy, hôm qua quan Khâm sai có cho người về, ý vẫn muốn thầy ra liệu công việc cho Sơn Hưng Tuyên.

Đưa chén nước trà cho con, quan Tam Nguyên hỏi:

- Ý con thế nào?

- Thưa cha, con nghĩ, làm bề tôi, bao giờ dám trái mệnh vua?

Quan Tam Nguyên khẽ dèch miệng cười:

- Sách vở nói những điều của thời thịnh trị, con ạ! Con nói mệnh vua ư? Bây giờ trong nước đang có hai vua. Con bảo thầy chịu mệnh vua nào?

Rồi ông già khẽ mỉm cười, một nụ cười kín đáo, chua xót đau đớn, nhưng vẫn vô cùng điềm tĩnh. Chiêu thêm ngụm nước trà sau khi rít một hơi thuốc lào ngon, từ chiếc điều bát cổ kính, quan Tam Nguyên còn giữ từ thuở hàn vi. Để cho cơn say thuốc đưa người về trạng thái nửa thực nửa hư đứt đoạn, ông mới ân cần bảo con:

- Việc xuất chính bây giờ lại vạn bất đắc dĩ. Vạn nước rơi vào lúc chìm đắm rồi. Minh là quan văn, không có tài thao lược như quan Phụ chính, quan Tán lý Nguyễn, là có tội với nước non rồi! Bây giờ con lại bảo ta ra ngồi trấn giữ xứ Sơn Hưng Tuyên, cộng tác với người Pháp, chống lại những người từ bỏ giàu sang, nằm ổ lá, ăn cơm hẩm với những người dân có lòng nghĩa khí ư? Ta đã vào tuổi năm mươi. "Ngũ thập nhi tri thiên mệnh". Năm mươi biết được mệnh trời! Nhưng không biết ta có tránh khỏi lỗi lầm?

Cậu Bảng rụt rè thưa:

- Thưa cha, con nghĩ, cha là người có tiếng tăm, trong triều ngoài nội đều biết. Người ta tìm đến mình, mình không chịu ra, có khi mang họa vào thân... Mà cha đã già rồi. Mười hai năm nhận mũ áo triều đình hết dạy học ở Thanh lại vào xứ Quảng, ở nhà mẹ con con chưa sắm sửa được gì ngoài ngôi nhà cổ và mấy thước vườn. Bây giờ, nhà đông, tiêu pha nhiều. Con e sợ kham khổ đã thập thò ngay ở trước cửa...

Quan Tam Nguyên cười:

- Kìa, anh quên rằng, trước thầy vừa đi học vừa đi đánh giặc ư? Anh có biết thức ăn nào thầy thích nhất không? Đúng là món tép dầu kho lá gừng cháy cạnh, hoặc nôi cá rô vùi trấu... Thầy có phải là người của cao lương mỹ vị đâu...

Cậu Bảng cúi đầu:

- Mấy hôm cha chưa về, khách khứa đông lắm. Người đến giục cha ra nhận chức, người đến hỏi về nhân tình thế thái. Quan công sứ mới đến cũng cho người gửi danh thiếp đến chào. Người ta bàn tán nhiều về Nha Kinh lược ở Bắc Kỳ. Mọi công việc rồi sẽ

thâu tóm ở ông Độ. Thừa cha, lớp hậu học của chúng con bàn tán ông Độ cũng là người được Pháp-lăng-sa tin cậy lắm...

- Bạn bè anh có muốn ra làm quan không?

- Thừa cha, học rồi thì ai cũng muốn được dùng. Nhưng cha tính, hạng chúng con trẻ tuy có học, nhưng đâu bằng mấy anh thông ngôn học tất bấy giờ. Con nghe nói, có ông bang tá ở một huyện nọ chữ nhất bề đôi không biết, chỉ có công chỉ cho người Pháp đến làng có tàn quân ông Nguyễn Cao, vậy mà cũng đang ngôi chồm chồm ở huyện đường. Dân tình xứ ấy hiện bị hoạch hoẹ, bắt bớ, đánh đập khổ sở lắm.

Quan Tam Nguyên thở dài:

- Vậy mà con muốn ta làm đồng liêu với hạng người ấy sao?

Cậu Bàng nghe đến câu ấy, bỗng thảng thốt, sợ hãi. Từ câu chuyện vô tình, cậu mới biết thêm những ý tứ thâm trầm sâu sắc kín đáo của cha mình. Quan Tam Nguyên thoáng thấy bà Yên Đồ đi qua, liền gọi:

- Bà vào ăn trâu. Chỉ có bà là biết chiều tôi nhất ở nhà này thôi... Gớm cái rặng trúc đầu ngõ lúc đi chưa có gì, mà ba tháng tôi về, đã vọt lên được mấy cái măng vòi vui mắt quá... Giàn mướp năm nay, cố Tèo bắc cho, đẹp đấy. Quê đồng chiêm trũng ta, canh cua rau rút, canh cua mướp hương, ăn khi vào hè với dăm quả cà pháo giòn, thì tưởng cũng khó có người hơn được ta đấy...

Chợt có tiếng chim yến hót riu ran ngoài hàng hiên, quan Tam Nguyên hỏi:

- Chim ở đâu thế?

- Thừa cha, quan Cử Văn Đình cho gia đồng đem sang biểu đấy ạ. Giống hồng yến này hiếm lắm. Quan Cử biểu một đôi. Nghe đâu có người ở mạn sông Đà bắt được ba đôi, quan Cử biểu cha một lồng...

Quan Tam Nguyên cười:

- Vân Đình là vùng thanh lịch hàng trăm năm nay. Họ ăn chơi tao nhã cửa quyền. Mình là người chân quê, nuôi chim yến thế nào được nhỉ? Nhưng bạn ta đã cho, con hãy cứ nhận, nuôi dăm ba bữa, sau này bạn bè con ai thích, con đem biếu lại họ cho ta.

- Dạ thưa cha, con đâu dám!

- Thầy nói thật đấy! - Ông ghé tai nói nhỏ: - Cái giống này ăn đậu xanh, gạo tám tẩm lòng đỏ trứng gà! Nhà mình không nuôi nổi đâu!

Nói đoạn, ông xỏ dép đứng dậy, không để cậu Bàng nói thêm các chuyện khác. Ông bảo bà Yên Đổ:

- Rặng chanh, rặng bưởi bà chăm nom, năm nay trông thuận mắt lắm!

Bà Yên Đổ khẽ nói:

- Bởi có ông về đấy! Ông đi làm quan xa, cây cối trong vườn nó cũng ngơ ngác.

Quan Tam Nguyên phá lên cười, bảo cậu Bàng:

- Đấy con xem, con đừng tưởng người không có chữ thánh hiền không nói được điều thâm thúy... Mẹ con trách thầy đấy!

Rồi quay sang ông nói với bà:

- Bây giờ thì tôi ở tịt đây, tôi không nay đây, mai đó nữa đâu mà bà lo...

2

Rặng trúc đầu ngõ quan Tam Nguyên giờ đã um tùm... Xe ngựa, vồng cáng, tàn lọng không còn dập dìu như trước nữa. Người ta cũng quên luôn làng Và là nơi có trạng như thuở nào ông già Yên Đổ đã đem về vang về... Tiếng trống vinh qui thuở ấy chỉ còn lưu lại đó đây với lớp người già, mỗi khi khuyến khích con cháu mình

học hành cho chín chu, thấu đáo. Ngày qua tháng lại, xung quanh mảnh vườn rộng chín sào đã thuận mắt. Đó là công lao của mẹ con bà Yên Đổ làm làm quần quật suốt ngày. Rau cỏ hoa trái, đủ cho nhà dùng không phải mua ngoài. Rằm Tết, mồng một, một ít hoa cúng, vài trái đầu mùa, cũng đủ thắp hương khấn thần Phật. Nhà quan thường cổng kín tường cao. Ba lần cổng, cổng ngoài, cổng trong, cổng giữa. Những ông quan tước tử, tước bá, tước nam, những ông quận công thì cổng còn phải chôn cối đá hồng, lấy cây lớn làm toang, chẹn giữ như cổng làng, cánh cũng gỗ lim dày hàng tấc, sừng thần công để gân hoạ may mới bắn vỡ nổi. Đằng này, vườn quan Tam Nguyên chẳng khác chi vườn xóm, vườn làng... Có chỗ giậu đổ, bờ làng còn tạt vào ăn cả rau... Quan bà te tái chạy ra đuổi, chẳng khác gì một bà nhà quê trong xóm.... Bưởi bòng, mận, cam mỗi thứ một tí cho vui mắt. Những cây cối dung dị góp bóng mát, hương sắc, tạo ra một phong vị riêng, rất hợp với sở nguyện của quan Tam Nguyên. Ông chẳng mong ước gì hơn được về sống giữa cảnh làng quê vui cùng thôn xóm... Đẹp nhất vườn quan Tam Nguyên có lẽ là cái ngõ trúc. Từ cổng vào, ngõ trúc đi vòng vèo, lượn theo thế đất, tre pheo cứ tự nhiên mọc không uốn sửa. Giống trúc từ măng, cây non, đến cây già, đều đẹp. Các ông già trong xóm, mền quan Tam Nguyên, mỗi người đem đến cho dăm bảy gốc. Không ai bảo ai, họ đều chọn được giống tre của mấy làng ven núi An Lão. Tre đôi, không được to bằng các loại tre hoá, song cây thon óng, mềm mại. Trong cái mềm mại, có cái óng chuốt lạ kỳ.

Quan Tam Nguyên yêu cái ngõ trúc ấy lắm. Mùa hè, người ta thường thấy ông cầm chiếc quạt thước, bắc chông ngồi dưới bóng trúc, bên bờ ao, xem trẻ vui chơi, câu cá, mắt lơ đãng nhìn khắp mọi vật chung quanh, từ giậu hoa bím bím bên bờ giậu, phơi những chiếc kèn tím lên trời, từ đàn vịt bầu của bà Yên Đổ đang sục mỏ mò cua ốc, thỉnh thoảng lại ngụp đầu xuống, chống mõng lên trời, khua hai cái chân vàng để giữ thăng bằng khiến mấy đứa trẻ con thích chí bị bỏ cười chỉ trỏ, từ tiếng cuốc cuốc kêu khắc khoải làm

xói mòn cả khoảng thời gian từng tí một và gieo vào lòng mỗi người những suy nghĩ theo những tâm trạng khác nhau. Ngõ trúc ropy bóng tre. Từ hai phía ngọn tre đã giao nhau, tạo ra một thứ cổng trời hình tổ tò vò... Mà có thứ vòm cổng vòm nhà nào lại xanh được đến vậy. Mùa xuân tre còn giữ nguyên lá già, rơi đầy xuống ngõ... Bô Tèo cầm chiếc chổi bằng rong quét gọn vào xó cổng và nhét vào một sọt để đem vào nhà nấu. Thân tre qua một mùa đông, những cây ông cây bà từ màu xanh thẫm đã chuyển ra màu xanh ả của rêu. Những hoa nheo trắng trắng như vết mờ hơi loang đã hiện dần ở những đốt tre ngắn. Những cây tre bánh tẻ thì vút thẳng lên trời, mình đậm xanh, phồng phao hơn cây bố, cây mẹ... Cho đến khi gió bắc hục dãn, những hơi gió nam dài lên, những cơn mưa rào trút sạch lá tre, một buổi sớm, lá tre oà xanh trong nắng sớm mùa hạ, cái ngõ trúc thực sự là một lối đi huyền ảo. Nắng dẹt hoa văn trên đất, trên vòm cây, lá non được nắng phát ra thứ ánh sáng xanh rực rỡ của màu lục ngọc. Chim xập xoè bay. Con giẻ quạt bay dưới gốc, đàn liều điều ồn ào cãi nhau ở một góc bờ ao. Mấy con chèo béo thì hong nắng trên những ngọn tre cao nhất bụi. Quan Tam Nguyên thích đi trong cái yên lặng của làng quê ấy. Bóng dáng ngựa xe, tàn lọng đã thôi làm cho cái ngõ trúc của ông tách biệt hẳn với mọi người. Mời mọc chán, họ đã đành bỏ mặc ông ở một xó làng đồng chiêm trũng này. Họ tưởng ông sẽ chán ngấy ngay cái cảnh tẻ nhạt, bần bách mà chẳng bao lâu lại phải dấn thân vào đường hoạn lộ, và họ sẽ có dịp "phản thù" lại những giễu cợt, cay chua, đối lại một giọng thơ điềm tĩnh từ đâu thỉnh thoảng lại bay vào tai họ.

Nhưng quan Tam Nguyên lại lấy chuyện ngựa xe tàn lọng vắng vẻ làm mừng. Ngõ trúc đêm khuya còn rậm rịch chân người. Đến nhà quan Tam Nguyên, toàn những người áo nâu, áo vỏ già, khăn bạc, dung dị. Có người nghèo, có người giàu. Họ cũng hay biếu xén, quà cáp, mỗi khi họ đến xin câu đối, xin chữa hộ một bài thơ mừng đám cưới, đám dựng nhà. Có người đến để nghe quan đọc cho những bài thơ nói về cái chết của Tống Quận công Nguyễn

Hữu Độ. Có người đóng cả một quyển giấy tàu bạch, bìa phất cật mới nguyên, nài nỉ xin cụ chép cho những bài thơ về thời thế. Có người đến đón cụ về cầm châu cho một buổi hát lễ của hội ca trù, nhân đình làng của họ được trùng tu... Vậy mà cái ngõ trúc này, nay mai lại có xe ngựa đến. Mà quan Tam Nguyên biết, mỗi khi có tin các quan to trên tỉnh về thăm, làng này đều biết. Và những người guốc gộc áo vá tự nhiên lại không ai vào nhà cụ nữa. Không phải họ không thích cụ. Họ ngại. Họ sợ chạm mặt với những người sang trọng, và biết đâu, trong những cử chỉ vụng về thất thố của họ, một anh lính lệ hách dịch nào đó ngứa tay lại vụt trộm vào lưng hoặc vào đầu họ.

Tin quan Thượng Vũ Văn Báo sẽ sang chơi làm quan Tam Nguyên hơi lo. Ông ta bán tin cho biết Quận công họ Hoàng có ý muốn mời ông về ngôi dạy học tại ấp riêng của quan ngay kề ngoài ô thành Hà Nội. Cái ông anh con thầy học cũ, giờ lại hoá thông gia với ông này, thật quá ư tạ sự. Hồi nào, ông ta nằng nặc đòi ông phải ra làm quan. Đùng chẳng dă, ông đành phải để cho anh Bàng xuất chính thay ông. Giữ lại chính ông ấy bán cái tin mới này... Mười hai năm bỏ hết chuyện mũ áo triều đình cáo về, cố theo gương ông Đào Tiềm, mà vẫn không sao dứt bỏ được. Nhìn lại, bạn đồng khoa với ông như các ông Nghè Vân Đình, ông Nghè Châu Cầu, vị nọ vị kia đều ra cộng tác với người Pháp cả. Ông Nghè Vân Đình trước kia năng nổ là thế, ông từng đứng về phe chủ chiến như hồi Vua Dục Tông vẫn còn, thành Hà Nội chưa mất. Tưởng đến lúc người Pháp đến, ông sẽ trả mũ áo quay về, nào ngờ vẫn cứ còn lặn dận với mũ cao, áo dài... Loại bất cố liêm sỉ như Tổng Quận công, loại các ông Tổng đốc Vũ Văn Báo, ông Cử Dương Lâm, không nói làm gì. Đến như người nổi tiếng tài hoa, văn chương rất mực như Tiến sĩ Phú Thị Chu Mạnh Trinh, coi đồ đạc, quan chức, chữ nghĩa đều là chuyện phù phiếm, gặp đâu hay đó. Trời ơi, cái đạo nho chẳng lẽ lại suy đến như vậy. Quan Tam Nguyên đi lại trong ngõ trúc. Bóng trúc rủ xuống người ông. Chiếc áo dài thâm ông mặc thường ngày,

dải khăn nhiều tam giang chít rất khéo theo kiểu nhà chí sĩ, đều đan cài bóng trúc và những hoa nắng. Quan Tam Nguyên thoáng nhớ một bài thơ quốc âm của Nguyễn Trãi. Ông thầm nhẩm:

*Đột sung biếng tới ánh can qua
Thú lều ta, dưỡng tính ta,
Sớm tới hằng lễ phiên sách cũ
Hôm dao đủ bữa bát cơm xoa
Đêm thanh nguyệt hiện ngoài hiên trúc
Ngày vắng chim kêu cuối khóm hoa
Quân tử hỹ lăm bên chí cũ
Chẳng âu ngặt, chẳng âu già...*

Ông thở dài... Bài thơ vận vào cảnh ông bây giờ hợp quá! Ông Nguyễn Trãi cũng là một người yêu trúc... Rừng trúc ở Côn Sơn nơi ông ở như một cảnh tiên. Mây và sương, tiếng suối, tiếng chim, núi cao, đất cảnh, trúc ấy là trúc tạm lánh hẳn cõi đời. Còn ngỗ trúc của quan Tam Nguyên đây thì ở giữa nơi đông đúc, quanh quẩn với những người sống ngâm da, chết ngâm xương... Cả hai thứ đều là trúc. Còn ông, liệu ông có giữ được thành một người quân tử, giữa cái đám "rừng nho" không còn ai trông mặt mũi cho ra hồn?

Buổi tối, quan Thượng Báo tới. Ông ta cho những món quà quý. Với gia đình họ Vũ, quan Tam Nguyên là người chịu ân sâu. Cụ Vũ Văn Lý thân sinh ra ông Báo chính là người đã đem ông về nuôi cho ăn học, để rồi ông mới có chút tiếng tăm khoa cử với đời. Ông Báo có thể coi là anh quan Tam Nguyên được, vì là con thầy học. Khuyết tật của một người không nói làm gì. Mưu đồ giấu kín trong bụng chưa lộ ra, có đoán trúng, người ta chối phất, mình cũng là người hồ đồ... Cái ông Tổng đốc này còn muốn làm đến gì nữa, mà cứ muốn lấy lòng hết ông Quận công này đến ông Quận công nọ. Ông Nguyễn Hữu Độ mất, ông lại chăm đi lại với ông Hoàng Cao Khải. Ông biết thừa những bài thơ quan Tam Nguyên chữ

thăng vào mặt bọn Tây. Tưởng ông ta quên mình rồi, nào ngờ ông ấy lại còn nghĩ đến chuyện làm môi giới cho Quận công Hoàng lôi mình ra dạy học.

Lâu lắm không gặp bạn, ông Báo cũng đôi chút bùi ngùi. Biết tính quan Tam Nguyên ưa sống thanh bạch, đạm bạc, ông Báo không ngựa xe, tàn lọng, tiền hô hậu hét gì, mà chỉ báo gia nhân chuẩn bị chiếc võng điều, vượt qua mấy cánh đồng, tắt sang làng Và. Sự chờ đón hơi trịnh trọng của gia đình bà Yên Đỗ cũng bằng thừa. Vừa chia ngôi chủ khách, quan Tam Nguyên đã ân cần nói:

- Em thấy bác bắn tin sang chơi mừng lắm. Từ Tết đến nay, tai diếc, mắt kém, em cũng chẳng đi đến đâu. Chuyện làng xóm biết nhiều, chuyện triều chính không khác gì người ở nơi đèo heo hút gió. Để bác lặn lội sang đây, em thật có lỗi.

Ông Báo hiểu ngay đây là câu giáo đầu của sự thoái thác sau này, song ông cũng vẫn dụi dãi, khề bảo:

- Quan là người của dòng trong, chúng tôi là người dòng đục. Trong đục có khác, nhưng suy cho cùng vẫn là cái đám nhà nho. Chúng tôi vì thời vì thế, dấn thân vào dòng đục nhưng vẫn quý trọng dòng trong, còn việc khinh rẻ chê bai, miệng thế tài nào bịt hết.

- Chết nỗi, bác dạy thế thật khó nói cho em. Đời người không dài, mỗi người một ý nguyện, người có duyên nợ với quan trường, kẻ có duyên kiếp với ấm trà, chén rượu, hương cúc, hương lan. Em trước sau với bên nhà vẫn như một. Ông thầy nâng đỡ cũ, em chẳng khi nào quên.

Rồi quan Tam Nguyên lảng ra chuyện khác:

- Vườn bên nhà chắc nhiều thứ lạ lắm, nhưng em cũng mong bác ra thăm vườn em đôi chút.

Một ông quan đương nhiệm và một ông quan về ẩn dật dẫn nhau ra vườn. Quan Tam Nguyên xỏ chân vào đôi guốc, còn

quan Thượng Báo thì nhìn đôi giày Tây bóng lộn, đứa ở quen lệ đánh suốt sáng nay, ông ta hơi ngần ngừ. Song ông cũng xỏ vội vào, bước ra ngoài... Vườn quan Tam Nguyên rau cỏ nhiều hơn hoa cảnh. Mẹ con con bò vàng còn gặm cỏ trong vườn. Những đám phân bò, phân chó đôi lúc vẫn lọt vào mắt cái người lâu nay nơi ăn chốn ở cũng vào loại đệ nhất thành phố. Quan Tam Nguyên đưa ông Báo đến bên một khóm hồng nhưng mà một người học trò quê ở vùng Nghi Tàm, nhớ thầy, lặn lội đem về tận đây cho ông. Y như lời anh ta dặn, nhờ sự chịu khó của con cái trong nhà, khóm hồng này lúc nào cũng cho ông vài bông hoa ở cái khoảng đất thích hợp trong những lúc ông đi dạo cảnh, suy nghĩ chuyện đời. Ông nói:

- Giống hồng này, cụ tổ người học trò em thường thường hàng năm phải cung tiến vào hoàng thành, theo lệnh của quan Hoàng môn Thị lang, là năm gốc. Năm gốc này đều được đem trồng thay gốc năm trước ở tư thất của cung bà Chúa Chè...

Ông Báo khen:

- Tôi cũng vào kinh đô Huế nhiều lần. Đất Phú Xuân chơi đã sành, nhưng vẫn thua cái chơi thanh lịch của Bắc Hà. Triều chính trong ấy bây giờ khác lắm. Mình làm quan ngoài, ngơ ngác vào triều kiến vua, gặp các quan đại thần, cách khu xử cứ rồi như canh hẹ. Chỉ trò chuyện đậm đà với người này hơn người khác một chút cũng có chuyện.

Quan Tam Nguyên lặng thinh. Ông Báo tiếp:

- Sau vụ ông Nguyễn Hữu Độ, chỉ vì chiếc cối đá, kết tội chết hai vợ chồng Văn Minh diện đại học sĩ Phan Đình Bình làm cho trăm quan xốn xác chưa yên. Rồi ông Độ cũng không sống được lâu, bá quan lại năm bè bảy mảng. Do đó Hoàng Quận công lại nghĩ đến những người đức độ...

Quan Tam Nguyên dẫn ông Báo đi thăm thú vài nơi nữa. Nể lòng thì ông ta đi. Thứ vườn ngự uyển ông này còn chẳng thích

huống chỉ cái mảnh vườn quê chó ỉa. Ông ấy chỉ thích vào vườn vào biệt thự quan Toàn quyền và quan Thống sứ thôi.

Quay vào nhà, bà Yên Đỗ đã ra, ngỏ ý xin được bung cơm rượu ra mời khách. Bà nói chân tình:

- Bẩm quan, nhà em được quan sang chơi, mừng lắm. Chẳng có gì, quan xơi với ông Tam Nguyên nhà em chén rượu nhạt.

Quan Tam Nguyên cười nói với bà:

- Bà có lời thì bác Báo hẳn tin hơn tôi. Chúng em mời bác đúng với kiểu "thú quê thuần hức bén mùi" thôi.

- Không sao! Không sao cả! Tôi về đây thăm quan Tam Nguyên với mấy danh nghĩa: bạn học, thông gia, đồng liêu, tình anh em không ruột thịt cũng gần như ruột thịt. Bà đãi tôi theo cách nào nào?

Bà Yên Đỗ cười rất tâm thành:

- Em nhớ hồi còn chưa thành ông nghề, ông cống, bác sang đây cứ nhất thiết đòi ăn bún riêu cua... Hôm nay cơm nhà em cũng chỉ có bún riêu cua thôi đấy ạ!

Ông Báo nghỉ đêm lại đấy. Các ông khi ngồi ở hiên, khi đi lại trong chòm sân rợp bóng cây cối và ánh trăng thảng tư... Nghe ông Báo nói, Quận công họ Hoàng còn "sắc sảo" hơn Tổng Quận công Nguyễn Hữu Độ nhiều. Xưa nay, ý ông đã quyết, khó có ai chối được. Chối từ chỉ có đem hoạ vào thân. Việc ngồi dạy học cho con cháu ông, bao nhiêu người ngấp nghé, nhưng ông cứ năn nỉ mời cho được ông Tam Nguyên Yên Đỗ, xem thế ông ta cũng coi trọng nhà nho lắm (!). Ông Báo khen thật tình:

- Ông ấy đỗ đạt không cao nhưng thạo đời lắm. Người Tây còn phải nể. Vả lại, ông ta cũng là người có văn học.

Dù năn nỉ thế nào, quan Tam Nguyên vẫn cứ bảo để thư thả đã. Bệnh mắt khiến cho ông nhìn chữ "tạc vạc ra chữ tộ", "hạ mã" lầm là "bất vi" rồi. Ông không còn giữ ý làm gì, nói thẳng với ông Báo:

- Việc dạy chữ Nho cho con cái Hoàng Quận công chẳng qua cũng là việc người đầy tớ già thôi! Bác định đem em bán vào cửa nhà người ta sao đấy?

Ông Báo vội xua tay:

- Quan đừng nghĩ thế mà phụ lòng Quận công và tôi. Thực tình là Quận công mến tài quan và cũng biết cả tài văn chương của quan nữa... Sao quan lại cho là mượn đầy tớ.

Rồi ông Báo bảo:

- Này này, tôi nghe nói quan còn làm thơ lỡm tôi nữa phải không? Cái bài *Hỏi thăm quan Thượng mất cướp* ấy! Thế nào nhỉ? A, tôi nhớ ra rồi:

*Tôi nghe kẻ cướp nó lên ông
Nó lại lói ông đến giữa đồng
Lấy của đánh người quân tặc nhỉ
Thân già da cộp có đau không?
Bây giờ mới sẽ sây da trán
Ngày trước đi đâu mấy mảy lông
Thôi cũng đừng nên ky cốp nữa
Kẻo mang tiếng đại với phùng nông.*

Bài này có người bảo quan chữ lão tuần Địch. Lão Địch về hưu vừa bị mất cướp thật. Nhưng cũng có đứa ghét tôi lại bảo quan làm thơ xỏ tôi, chuyện cướp chỉ là chuyện mượn thôi. Nó bảo "Cộp" chẳng là Báo thì còn ai...

Quan Tam Nguyên phì cười. Cái ông Báo này ra cũng còn được một cái tính nhẹ dạ, cả tin. Ông bảo ông Báo:

- Thế quan thấy trong dân gian người ta nói thân già da cộp hay thân già da cóc?

- Thì "thân già da cóc" là của miệng người đời, nhưng thi nhân thì chữ nghĩa ở trong tay, cóc hay là cộp họ viết thế nào nên thế.

Ông Báo nhìn thẳng vào mắt ông Yên Đồ để dò xét. Nét mặt ông Yên Đồ vẫn thản nhiên. Ông chỉ tùm tùm cười.

3

Việc đi ngồi dạy học ở Thái Hà áp không sao từ chối được. May mắn làm sao, sắp đến ngày lên đường thì ở Hà Nam đề vỡ tứ bề. Quai Mễ, Thanh Liêm đề vừa hồng sạt. Chẳng mấy chốc nước đã tràn về vùng Lý Nhân, Bình Lục. Lụt đã trở thành tai nạn thường xuyên của vùng đồng chiêm trũng.

Quan Tam Nguyên nghe tiếng trống ngũ liên dội liên hồi, lòng rối như canh hẹ. Mỗi tiếng trống như lôi gan, lôi ruột ông ra ngoài. Dân tình đã cơ cực quá rồi. Tây bóc của, hại người, quan ăn chặn, hà hiếp, giờ lại thêm lụt lội nữa, sống làm sao được. Nước đã trắng băng mọi chỗ. Những chân vằn đồng chiêm có người chưa đi gặt được, nước về, gặt cướp với nước. Nhà tranh vách nát, cái trước, cái sau trôi theo luồng nước dữ. Những thứ gì thường bị tù túng trong ao trong vườn, trong làng, đều cuốn phăng đi theo ngọn nước cả. Đề vỡ từ sông Nhĩ Hà ulla tràn vào. Những đám bèo tấm, bèo cái, bèo lục bình, nhẹ mình cuốn đi trước. Sau đó, là rơm rạ, gáo dừa, tre pheo, gầu, mo các thứ thường dùng không cần cất vào trong nhà. Tiếp đến, nước cuốn theo cả những bù nhìn giữ dưa, lều chợ, chuồng ngỗng... Những túp lều tranh của những nhà nghèo trong xóm, "Vua Thủy Tề" cũng rinh luôn cho, để họ khỏi tư bọn gì ngoài vài tấm áo vá và hai bàn tay trắng. Rồi bờ, rồi dây rợ cành lá... Cả mấy xác lợn, xác gà ở nơi cửa khẩu đề vỡ cũng trôi tuột qua làng, mang theo cả mùi hôi thối. Nửa đêm có cái đồ nan lật úp cuốn theo xác một người đàn bà xấu số... Trong làng lá lành đùm lá rách, ruột thịt xúm xít cứu vớt lẫn nhau. Người ta chạy tạm đến những nhà cao nhất, làm sàn nhà ở, hoặc vớt lại mọi thứ lên nóc, gửi treo lủng lẳng ở các bụi cây. Cảnh chạy lụt thật cơ cực mà cũng tức cười. Có ông

nhà giàu nọ hũ bạc không chạy lại chạy hũ tương. Bà Yên Đỗ dễ chìm mất hai chĩnh thóc giống, lại cứ xăm le lo cho bộ mũ áo vua ban của ông bị bẩn, lem luốc...

Cái tháng lụt cũng lại chính là mùa bỏ thuế. Bọn quan tỉnh, quan huyện vẫn cho người đốc thúc thu trọn cho bằng đủ các loại thuế điền thuế trạch, thuế thân vừa bỏ. Mọi thứ lại đổ lên đầu người khố rách. Không bắt trời được ai, họ lại bắt mấy anh chàng cùng đình, hò hét rống trên mặt nước để đe dọa những người còn chưa nộp thuế...

Gạo, thóc lên vùn vụt. Ở những vùng lụt, người biến thành chim chóc, cơ cực không kém gì con vật. Thoạt đầu ăn trù bữa hoa quả trong vườn... Sau đó đi lặn lội kiếm cua ốc, cho thuyền bè đi hàng ngày rồng rã lên những nơi chưa lụt, hái rau đồng; đổi rẻ mạt hàng những thứ kiếm được lấy bát ngô, lẻ gạo về mà nấu cháo loãng húp xì xụp với nhau cho qua ngày đoạn tháng.

Chiều đến, anh nào buồn tình lại còn đem sáo ra thổi vo ve. Tiếng sáo như một điệu ngân ngảm, giễu cợt, nghe ra không biết nên cười hay nên khóc. Gió từ biển thổi lên gấp gáp, tiếng sóng vỗ ì oạp ngay trước đầu hiên, mái bếp... Tầng người nâng lên, không sống sát kề mặt đất có ít hôm mà cơ khổ. Ông Táo phải rình lên bè chuối mà nấu lì lụm lấy bữa cơm hàng ngày. Củi đóm đượm nước, mớ tắt, mớ cháy. Cơm khê, cơm sống có mà ăn cũng đã là phúc rồi, còn dám há miệng ra kêu ca chi nữa...

Một buổi chiều, có chiếc thuyền gỗ từ ngoài làng lướt sóng đi vào. Trên thuyền có mấy ông chức dịch đi theo một ông quan mặc áo thụng lam. Trên ngực áo của quan còn đeo cái thẻ bài ngà. Quan nào vậy? Quan về thúc thuế, bắt lính hay có việc gì hệ trọng? Nhưng thuyền tắt ngang bờ ao chiếu thẳng về phía nhà quan Tam Nguyên Yên Đỗ.

Cả nhà lúng túng không biết tiếp đãi như thế nào, thì ông quan mặc áo thụng lam xá dài quan Tam Nguyên ba vái rồi nói:

- Bẩm quan, cụ Thượng Báo cho tôi về đón quan lên ngay trên tỉnh đường để về gặp dinh quan Quận công họ Hoàng đợi lệnh. Việc không thể chậm trễ.

- Tôi phải đi ngay sao, thưa quan nhân?

- Dạ bẩm quan thể tất cho, nếu đi muộn, tối giữa đường, sông nước này, tôi e không tiện. Tôi đã mang theo cả mấy anh lính kèm theo súng đạn, đề phòng có sự bất trắc.

Quan Tam Nguyên thở dài. Hành lý thì có gì mà sợ cướp bóc. Mấy cái áo cái quần thay đổi, như hồi đi học, gói gọn trong chiếc tay nải, khoác vào vai là xong! Lên nhà quan, mình cũng phải ý tứ, thì mang theo cái tráp. Quần áo xếp cả vào tráp, kèm thêm mấy quyển sách hay, đặt trên cái ngăn phụ, thế thôi. Bà Yên Đổ nhìn chồng, ái ngại. Bà biết ông không nỡ rời làng xóm và gia đình đi trong cảnh éo le này. Quan Tam Nguyên thở dài, bảo bà:

- Bà lấy xống áo giùm tôi, để tôi mời quan xơi tạm chén nước. Đấy quan xem, cảnh lụt lội thế này!

Viên quan trả lời qua quýt chỉ mong ông Tam Nguyên đi về tỉnh càng sớm càng tốt. Tiếng bà Yên Đổ từ trong mái nhà, nói vọng ra:

- Đem theo những bộ quần áo nào hớ ông?...

- Đem những thứ tôi vẫn mặc thường ngày ở nhà thôi mà! Quan đã về lâu rồi, mặc áo vải thô giặt chớng sạch, lại mát...

Viên quan không nói năng gì cả. Nghe tiếng quan Tam Nguyên đi, làng xóm chờ thuyền chờ mảng đến hỏi thăm, chẳng mấy chốc kín cả mé trước nhà. Viên quan không hiểu họ đến chất vấn mình hay định làm gì, có ý sợ hãi. Quan Tam Nguyên vừa mặc chiếc áo vải thâm nền nã, xỏ chiếc khăn nhiễu tam giang, chít kiêu chữ nhân rất chững chạc, nói vọng ra với một người:

- Cảm ơn các cụ, các bác đến tiễn. Tôi đi dăm bữa nửa tháng lại về thôi!

Những dáng người, nét mặt luyến tiếc từ bốn phía hướng vào. Thuyền đã quay ra. Viên quan đưa đường muốn đi theo đường tắt. Nhưng quan Tam Nguyên chỉ mọi người đi theo cổng chính. Quan chấp hai tay vào ngực chào tất cả mọi người rồi không giấu nỗi thương cảm, ông quay mặt đi. Những đuôi mắt già rung rung, những thế ngồi thờ thẩn nhìn theo một con người, vốn từ lâu đã là linh hồn của cái làng nghèo vùng chiêm trũng này.

Thuyền đã đi vào cái ngõ trúc. Hai dãy trúc ngập nước thấp tho chỉ còn lộ những ngọn tre đan vào nhau. Thuyền bè đi lại thành luồng làm giập nát mất dăm bảy lối. Nhưng vẫn còn nguyên cái ngõ trúc xưa... Khi thuyền ông đi qua, những ngọn tre như muốn vươn ra vịn vào thuyền. Thuyền đi rồi, tre trúc còn đập đình lưu luyến nhấp nhúm muốn lượn theo. Lụt lội, đám trúc cũng chịu phần lấm láp. Minh tre ngâm đầy tháng lá, thân mất hẳn màu xanh thẫm của tre đồng bằng giữa mùa tháng 6.

Lòng cảm khái không cùng. Thế là ông không còn được bạn bầu chia sẻ vui buồn với cái ngõ trúc này nữa. Từ giờ cái ngõ trúc quanh co đã vắng lại càng vắng thêm.

Nhưng hẹn với trúc, lòng già trước sau vẫn gắn bó với nơi này. Cả một triều đình còn không níu giữ được ta hướng chỉ một viên Quận công, đầy tớ của giặc Tây, kẻ thù của đất nước.

Nghĩ đến trúc, ông lại như có thêm niềm vui để đi xa. Trúc như lời nhắc hãy giữ lấy tiết tháo của người quân tử.

1984

Chậu trà núi đầu xuân

Quan Tam Nguyên vừa đi chúc Tết về. Cụ đang vui. Chẳng là, những ngày giáp Tết vừa qua, người đến xin thơ, xin câu đối cụ khá nhiều. Không phải ai cụ cũng cho đâu! Không kể sang hèn, cụ yêu ai, thích ai, cho chữ người ấy.

Ông lão hàng thịt lên thọ bảy mươi, cụ cho bài thơ, đọc lên toàn những lời chúc thật đẹp đẽ:

*Nay tiết mừng ông mới bảy mươi,
Cổ hy chưa dễ mấy làm người.
Răng long nhưng hãy còn tinh mắt,
Đầu bạc nhưng mà chưa tắc tai.
Bầu bạn bày vai kéo chén Lý
Cháu con dưới gối, múa sân Lai
Xưa nay vẫn giữ lòng chân thật,
Chữ "Đức" giả xương máu để đời.*

Nhưng cái tài, cái hóm của cụ gửi gắm trong bài thơ, đọc xong ai cũng biết ông già bảy mươi này làm nghề mổ lợn, bởi trong tám câu, câu nào cũng có "hèm" của lợn cả: tiết, cổ, mắt, tai, vai, gối, lòng, xương. Ngoài ra lại còn có cả rượu nữa (kéo chén Lý). Nhưng đó chỉ là cái vui hoà đồng với dân chúng, đùa nghịch bầu bạn cùng họ một chút. Cụ vui vì dịp này, nhân một hôm ngắm cây quất ở một nhà người bạn dạy học ở làng bên, nghĩ về phẩm hạnh của ông, rồi nghĩ rộng ra những người còn có chút phẩm giá giữa cuộc đời nổi nênh nửa Tây, nửa ta, nửa nho,

nửa bọm này, cụ về thấp nển, mài mực, chấm bút viết được bài thơ "Yêu quất":

Người yêu cúc, kẻ yêu sen,
Người khôn đâu chỉ yêu riêng một loài,
Già rồi, bầu bạn với ai?
Giờ ta yêu, chỉ một loài quất thôi,
Vỏ cay nhưng chẳng cháy môi,
Có đâu như khế, rùng người còn chua.
Ngọt nhưng đâu phải đường mà
Ngấm ngấm đắng chút, chẳng là mật đâu!
Quả ngon, ai chẳng nhớ lâu
Còn là thuốc chữa cơn đau, cứu người
Chẳng đua hương, chẳng ganh tài
Xa nơi sầm uất, gần nơi yên nhàn
Thứ này chẳng phải cây thường
Rét tê chẳng sợ, buốt sương dạn dày
Cây quân tử, thật là đây!
Le te có búi sánh tây được chẳng?⁽¹⁾

Trong buổi mừng xuân, bạn tốt gặp nhau, đọc bài thơ, ai cũng trầm trồ khen. Có mấy người thân thiết nâng chén mừng cụ, chúc cụ tuổi càng cao, thơ càng lão luyện. Cụ khiêm nhường tạ lại. Một cô đào hát xem thơ, xúc động lắm, xin phép cụ mượn một điệu quê hương, hát thử. Sênh phách, đàn nhị, gọi giọng, người ngâm mắt vờ vờ nhìn ra trời đất, vườn tược núi sông, cất giọng khi trầm đục, khi thanh cao, cố thể hiện ý thơ thành lời ca. Sự cảm kích của cô làm cho câu thơ càng thấm vào tình người, giữa lúc trời xuân còn nhạt nhòa sương, nắng hé lên rồi lại hoà vào sự mờ mờ của tạo vật.

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán, người viết truyện tạm dịch

Cụ Yên Đổ, thân cầm một chùm quất bày trên mâm ngũ quả, sau khi được chủ nhà vui vẻ cho phép, đem tặng cho người bạn trẻ có cái giọng trời cho, đủ diễn tả các nỗi vui, buồn xen lẫn... Cụ uống thêm một chén nữa rồi bước về nhà. Người lão bộc ra đón cụ. Trong cơn say chuẩn choáng, cụ bước lên thêm. Thấy ở cạnh chân cột hiên có một cây hoa cảnh ai để đấy. Lòng đang vui, cụ hỏi:

- Hoa hoét ở đâu thế này?

Lão bộc thưa:

- Bẩm cụ, đây là chậu hoa của quan Án sát bên Hưng Yên cho người cầu kỳ đem sang tận đây biếu cụ ạ!

- Thế hả. Hoa gì vậy, lão?

- Dạ, sơn trà...

- À "Trà núi".

Cụ loáng thoáng nhìn qua một lượt, ghé mũi vào rồi bất giác cười một tiếng thật to!

*

Bây giờ, quan Tam Nguyên ngủ một giấc ngon đầu năm đã thức dậy. Trong nhà vẫn còn ngát ngào hương vị Tết. Đèn nến còn sáng. Hương khói còn nghi ngút. Mâm cỗ cúng xong, còn úp lồng bàn để trên bồ thóc. Bánh trái, phủ giấy điều, mứt kẹo hoa quả, con cháu, học trò, hàng xóm, bạn bè biếu Tết cụ còn bày trên án gian, bàn thờ. Riêng cây hoa trà người lão bộc vừa tưới nước, đặt trên một thềm vườn mộc mạc. Cụ Yên Đổ bây giờ mới nhớ ra. Vốn lão thực, nên khi có ý gì thoáng qua, cụ đều cảm nhận ngay được.

Cụ chống gậy bước ra đầu thềm ngắm cây trà núi. Đây cũng là một loại cây cảnh quý. Người chơi sành lắm. Ngoài việc tạo dáng cho cây có vẻ khắc khổ, gió sương, gốc và cành đều có những nét rần rở. Những nhành lá do chăm tưới đều đặn, tia hãm công phu, nên vừa có độ xanh đậm cứng cỏi, lại có dáng kìm giữ, tượng trưng

của những loại cây to, được thu nhỏ cuộc đời trở thành cây cảnh... Những bông hoa trà trắng ngần, nhị vàng tươi toả những vòi mảnh mai. Màu trắng như sữa đông của cánh hoa, màu vàng ngấn phấn, biểu lộ sinh lực ngầm chứa, tạo cho những cánh hoa nở đúng dịp rét, càng trở nên ý vị... Thực ra, chậu sơn trà cũng gây cho cụ Yên Đỗ một xúc cảm tế nhị như mỗi khi cụ thưởng thức mỗi loài, mỗi thức hoa dân dã, hoặc đài các...

Nhưng cái thú thưởng hoa bỗng lụi tàn ngay, khi cụ nghĩ đến người tặng hoa.

Quan Án Hưng Yên chẳng phải là ông Nghè Chu Mạnh Trinh chăng? Đó là một cái người tài hoa, phong nhã. Một người hay chữ của lớp người văn chương tiếp nối thế hệ cụ. Quan Tam Nguyên nhớ lại cuộc chấm giải thi thơ ở nhà Tổng đốc Lê Hoan. Cái hay của văn chương ai chẳng biết thưởng thức. Nhưng kẻ lợi dụng văn chương để khoe danh, che bớt những tội lỗi, những thói xu thời, theo Tây để mưu cầu phú quý như quan thượng nọ thì văn chương lại hoá chuyện nhảm mất rồi. Chẳng thế mà dù được Lê Hoan trọng vọng, mời ngồi vào ngôi chủ khảo, cụ Yên Đỗ cũng gửi gắm nỗi lòng mình ở bài Kiều bán mình, trong đó có hai câu: "Thằng bán tơ kia giờ giới ra, Làm cho bạn đến cụ Viên già"... Cái ý xỏ ngọt của văn chương, lập tức được mọi người truyền tụng.

Chu Mạnh Trinh đã chiếm ngôi thủ khoa của cuộc thi thơ năm ấy. Đọc thơ Chu, phải công nhận đó là một tài năng hiếm có. Chu là người ít làm thơ thế sự. Chu thích đắm mình vào cảnh trí và các thú chơi. Ông ta học rộng, tài hoa, thơ văn đã giỏi lại có tài kiến trúc. Ông viết bài thơ *Hương Sơn phong cảnh* khắp Bắc Hà từ danh sĩ đến người thường ở chốn quê mùa hay nơi phố phường, chợ búa, đều thuộc. Dân gian còn nói mẩu chùa Thiên Trù ở Hương Tích chính tay ông vẽ kiêu. Thơ *Vịnh Kiều* của Chu bài nào cũng nảo nuột. Trong cái nảo nuột có cái tâm linh của người tri âm tri kỷ. *Vịnh Kiều đi thanh minh* Chu có hai câu: "Dưới hoa nép mặt, gương

lồng bóng. Ngàn liễu rung cương sóng gợn tình". Xao xuyến, bồi hồi lắm! Đến lúc Kiều bán mình, Chu viết: "Bèo dạt mây trôi đành với phận. Đào tơ liễu yếu ngán cho xuân", thì sự diễn tả nỗi ngậm ngùi tủi cực, vẽ ra sự đoạn trường dằng dặc, tưởng cũng đã đến cực điểm rồi... Cả một tập *Thanh Tâm tài nhân thi tập*, xoay quanh cuộc đời chìm nổi của Kiều, Chu chưa thấy thoả! Con người đa tình ấy lại còn gửi gắm vào bài tựa, cũng chẳng kém tài hoa.

Cụ Yên Đỗ ngâm thầm: "*Ngọc kia không vết, giá liền thành khôn xiết so bì; nước đã trôi xuôi, hồn cội mộng hãy còn vợ vắn. Bàn cho thật phải, tình cũng nên thương. Lại xem như bút mực tài hoa, đoạn trường mười khúc; trúc tơ phong nhã, hồ cầm một chương. Câu thần vắng giọng tiêu tao, bóng ngọc tưởng chừng nảo nuốt. Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh. Vậy nên khách đa tình say chuyện phong lưu, trăm năm cũ còn ghi tên tuổi hão. Người chép sách tiếc vì tài sắc, nghìn thu sau nhật chút phần hương thừa...*"⁽¹⁾

Thơ Chu đấy! Thơ chải chuốt, phong tình như người vậy. Cụ Nguyễn nhớ đến vóc dáng một viên quan, đến dinh Tổng đốc không khoe phẩm phục, chỉ mặc một chiếc áo sa tía, trong lồng áo đoạn trắng, mặc quần dài là nếp bằng sa tanh hoa, đi giày Gia Định bóng, đội mũ nho sinh... Người ấy chẳng là Án sát Chu Mạnh Trinh đó sao! Ông lên thăm quan Tổng đốc dò hỏi về tin cuộc thi thơ, xem ý cũng hồi hộp lắm.

Thế mới biết, văn chương có một cái gì cũng cao giá lắm, nên người ta mới đăm đuổi, say mê nó đến như thế. Ông Tổng đốc Hưng Yên lấp lửng cho Chu biết, tập thơ vịnh Kiều của Chu được các giám khảo lưu ý. Chu rất mừng. Vui chuyện, quan Thượng đế lộ rằng khi đọc bài "Vịnh Sở Khanh" của Chu, đến câu "Làng nho người cũng coi ra vẻ. Bọm xỏ ai ngờ mắc phải tay". Nguyễn Khuyến sẵn bút son trong tay liền phê sang bên cạnh: Rằng hay thì

⁽¹⁾ Nguyên văn bằng chữ Hán.

thật là hay. Nho đối với xỏ, lão này không ưa. Chu nghe xong chỉ khẽ mỉm cười, không nói năng gì rồi cáo từ quan Tổng đốc ra về. Cụ Nguyễn nghĩ:

- Bởi thế mà hôm nay quan Án đem tặng hoa trà núi cho ta chẳng? Ta đã loà đâu? Tặng thứ hoa này, ý hẳn bảo ta, hoa đẹp mà mất loá, thì cũng chẳng thấy hết vẻ đẹp của sơn trà chẳng?

Nguyễn Khuyến bỗng nhiên cất một tiếng cười thật to rồi chống gậy đi chung quanh sân, ngẫm nghĩ tiếp.

Chu không phải hạng người xấu. Làm Án sát một tỉnh, Chu không có tai tiếng gì. Cũng là ra làm quan với giặc, nhưng Chu giống Dương Khuê nhiều hơn. Làm để cho thiên hạ biết mình cũng là người có danh, có giá. Chu tâm đắc với *Truyện Kiều*, tâm đắc với nàng Kiều. Cụ Nguyễn đọc rất kỹ tập thơ của Chu. Không ai thương Kiều, đồng cảm với Kiều bằng Chu. Chu tưởng mỗi truân chuyên của Kiều như nỗi truân chuyên của chính mình, sự bất hạnh của Thuý Kiều chính là nỗi bất hạnh của mình vương phải. Lời văn thê thảm, xót xa, gửi gắm một chút gì đây? Chu vẫn tiếc cái tài của mình lắm, thương cái đời của mình lắm. Chu cũng không mê gì cái xã hội đã giày vò Thuý Kiều...! Đời làm quan của Chu kể ra cũng thanh khiết. Nếu như vào hạng Dương Lâm, Nguyễn Hữu Độ thì Chu đâu có chịu làm quan Án mà nay cứ chơi núi, mai lại đắm đuối vào một tối hát ca trù, một tối ngâm thơ thưởng trăng, hay một buổi uống trà cúc đầu thu, vui với trò đố chữ! Nếu chịu cúc cung thờ người Pháp, Chu muốn gì mà chẳng được... Nhưng Chu chỉ dừng lại cái chức phận quan Án - nhà thơ... Quả thật là: tài nên trọng mà tình cũng nên thương. Chu đa tình, đa cảm, thơ có giọng điệu xót xa, chẳng giống một ai.

Song, tại sao Chu lại tặng hoa trà núi cho ta. Cái anh nhà nho bao giờ, ngoài đức tính bậc sĩ-quân-tử, cũng là một thằng người, cũng xỏ xiên, cũng hăm hực như ai. Ý hẳn Chu cũng cho, dù tuổi có kém Nguyễn Khuyến đến vài ba chục, nhưng cũng đường đường

một ông Nghè hay chữ. Có khi quan Án còn coi văn chương của ông hơn cả cụ Nguyễn nữa chứ! Vậy là ông ta oán mình đây! Cụ Nguyễn nghĩ. Quan Tam Nguyên có bốc máu lên chút ít, mặc dù từ trước đến nay, cụ vẫn được tiếng là người trầm tĩnh và điềm đạm. Về đạo lý mà nói, mọi thứ, phẩm hàm, chức, với cụ Nguyễn cũng chẳng ra cái quái gì, đó vẫn là thước đo về tài học. Còn đức độ, phẩm giá, đâu có thuộc về học rộng, tài cao! Dù sao, Chu là kẻ hậu sinh. Đức Thánh có nói: Kẻ sinh sau đáng sợ thật! Nhưng tôn ty trật tự có đâu lại lộn nháo, lộn nhào được!...

Cụ Nguyễn giận thầm trong bụng. Chu xược ta! Chu cho rằng ta không nhận ra tài năng của Chu, cũng như mắt ta đã lòa, không nhận ra cái đẹp của hoa trà chứ gì! Hà, hà! Nhưng ta có loà đâu. Ta vẫn biết được vẻ đẹp của trà núi nở giữa đầu xuân đấy chứ!

Trò đời, các cuộc chơi đều có cái hay, cái dở! Cụ Nguyễn đi lại bên khóm trà, cúi xuống gí mũi vào hoa, rồi bật lên một tiếng cười sảng khoái. Cụ thốt lên thích thú như khám phá ra một điều gì:

- Trà núi có đẹp nhưng đêch có mùi thơm! Đêch thơm! Khả khả...

Người lão bộc đang chăm chú quét dọn xác pháo ở góc sân, tưởng cụ Nguyễn bảo gì mình, liền quay lại hỏi:

- Dạ, cụ dạy gì con ạ?

- Không, lão cứ làm đi! Cứ làm đi! Ta đang nói chuyện với chậu trà núi đây. Lão thấy cái chậu hoa trà núi này thế nào?

- Dạ, con thấy nó đẹp lắm!

Cụ Nguyễn lại cười, vuốt khế chòm râu bạc:

- Đúng, đẹp thật, nhưng đêch thơm!

Lão bộc thật thà thưa:

- Vậy mà con cứ tưởng hoa trà cũng thơm kia đấy.

- Nó nhờ những hương các loài hoa trong vườn nhà ta đấy. Khả khả!

Vui như trẻ nhỏ, cụ Nguyễn bước vào nhà. Cụ đặt chiếc gậy trúc bên án gian, ngồi lên sập. Nước trà đầu xuân, lão bộc đã pha sẵn trong ấm. Nghiền mực vẫn còn chưa khô. Cụ lấy ít nước mưa ở chén nước cúng, đổ vào, mài thêm cho quánh. Cụ rút một chiếc bút lông ưng ý nhất, lấy móng tay dài khải một tờ giấy trắng tinh, dùng hai bàn tay mỏng và thanh, những ngón dài như những búp măng, trên làn da hiện những nét mỗi của một ông già thanh tao, đẹp từ dáng vẻ đến linh hồn, vuốt thẳng ra trên mặt tráp.

Bởi cả đời bạn với bút nghiên, nên khi mùi mực Tàu thơm lẫn dần mùi hương Tết, cụ dầm bút, lặng lẽ suy nghĩ rồi viết. Đầu đề một bài thơ dần dần hiện lên:

Sơn trà

Nhớ lại tất cả những cảm xúc, những suy nghĩ, bận tâm, chung quanh chậu hoa trà núi đầu xuân, cụ Nguyễn viết liền một mạch cả bài thơ bát cú:

*Xuân lai khách tặng ngã sơn trà
Tuý lúy mông lung bất biện hoa
Bạch phát thương nhan ngô lão hĩ
Hong bào kim đới tử chân da?
Tâm thường tế vũ kinh xuyên điệp
Tiêu sắt thần phong khủng lạc già
Cận nhật tương khan duy dĩ tỵ
Liễu vô hương khí nhất kha kha.*

Viết xong, cụ đặt bút, cầm lên đọc lại, giọng sang sảng. Vừa lúc ấy có tiếng lão bộc quát chó. Một cụ già có lẽ cũng vừa uống rượu chiều xuân xong, chân đi cứ đưa dài ra phía trước, tay xách cái đèn lồng, bước vào:

- Năm mới, tôi sang mừng tuổi cụ, chúc cụ và gia đình một mùa xuân như ý!

Lão bợ đỡ đèn, đỡ coi trầu, đưa khách vào trong nhà. Đó là cụ đồ Phan, một bạn già trong làng của cụ Nguyễn. Cụ Nguyễn đứng dậy, ân cần:

- Đa tạ cụ, mời cụ ngồi xơi nước.

- Không dám!

Chủ khách ngồi đối diện nhau, thân mật. Thấy trang thơ mực vừa ráo, còn đặt vội trên bàn, cụ đồ hỏi:

- Chết, cụ đang khai bút, tôi vào lại làm phá mất những tứ thơ đẹp đầu xuân!

- Không sao! Không sao! Khai bút thì từ phút trừ tịch rồi! Đây là bài thơ tặng người cho hoa đấy!

Cụ Nguyễn kể lại cho cụ Phan nghe về lai lịch bài thơ, rồi kéo cụ Phan ra, soi đèn lồng mà xem hoa trà trong đêm. Cụ Phan tấm tắc khen:

- Hoa trà của quan Án quả là đẹp. Thật là quý hoá!

- Bây giờ mời cụ vào nghe bài thơ tạ lại người cho hoa của tôi nhé!

Cụ Nguyễn đọc cho người bạn già nghe với tất cả sự thích thú gửi gắm của mình. Cụ Nguyễn chờ nhận xét của bạn. Cụ Phan chưa bình, mà gặng hỏi:

- Hai câu "Tâm thường tế vũ kinh xuyên điệp. Tiêu sắt thần phong khủng lạc già!" có phải cái ý khuyên người chơi hoa cần phải giữ sương gió cho loài hoa đẹp này chăng?

- Đúng đấy! Cụ có thấy, mùa đông chỉ cần một loại sương nhẹ mà cây cối cũng bị xém lá, một trận gió ác thì quả cà cũng rụng, hướng chi là hoa... Khà khà! Cũng cần nhắc nhau tí chút chứ!

Cụ Phan được tiếng cười nhắc nhở, liền à lên một tiếng:

- Bẩm tôi nghĩ ra cái ý gửi gắm của cụ rồi! Xuyên điệp, thung lá, còn có nghĩa là xỏ lá; lạc già, có nghĩa là rụng cà... à à, thâm

thuý lắm! Nhờ bài thơ của cụ mà bây giờ tôi cũng mới biết trà núi không thơm. Cụ Nguyễn reo to lên:

- Đúng, đúng, cụ tinh lắm! Sành lắm! Cụ chờ tôi một tý nhé!

Cụ Nguyễn lại cầm bút viết luôn bài thơ dịch của mình rồi đọc cho cụ Phan nghe:

Trà núi

Tết đến người cho một chậu trà

Đương say ta chẳng biết là hoa

Da môi tóc bạc, ta già nhủ?

Áo tía, đai vàng, bác đó a?

Muta nhỏ những kinh phùng xỏ lá

Gió to luống sợ lúc rơi cà!

Xem hoa ta chỉ xem bằng mũi

Đếch thấy mùi hương một tiếng khà!

Bây giờ đến lượt cụ Phan cười bật lên thật to:

- Tài quá! Tôi biết tại sao cụ làm thơ chữ Hán xong lại thường dịch luôn ra Nôm!

- Vâng, mình làm, mình dịch mà có lúc vẫn không diễn hết nguyên bản đấy cụ ạ!

Rồi cụ Nguyễn gọi lão bộc sang:

- Ngày mai, ta phiên lão cùng mấy cháu đem quà tạ lại quan Án sát giùm ta. Chắc quan Án sát chẳng thiếu gì, nhưng bên phủ Khoái xa xôi, hẳn không chọn được quá đẹp đâu. Lão chọn cây quất, chính tay lão trồng và ta chăm tưới, quả đẹp nhất, đem tặng quan Án. Ta còn có thơ tặng quan Án nữa đấy. Tý nữa ta sẽ chép cẩn thận và làm phong bao bằng giấy hồng điều đã. Sáng mai đi sớm mà về cho mát!

- Dạ!

Cụ Phan ngắm nhìn cụ Nguyễn, một con người chu đáo. Cụ Phan rất mê thơ quan Tam Nguyên. Sẵn giấy mực, cụ chép luôn một bản để đem về cho vào tập thơ cụ đã mất công sưu tập những ngày gần gũi cụ Nguyễn. Cụ lặng lẽ không nói cho cụ Nguyễn biết tấm lòng trân trọng thầm kín của mình.

1986

Thầy tú Vị Xuyên

*Hoa cù hồng phấn nữ
Tranh khán lục y lang⁽¹⁾
(Trạng Nguyên thi)*

Khoa Đinh Dậu 1897 thầy Tú Vị Xuyên lại đi thi. Nhờ giỏi khoá trước thầy đã giành được cái tú tài. Từ bác đồ nông bước lên ông Tú ở đất Vị Hoàng⁽²⁾ này, cũng chẳng ra cái thá gì đâu! Nhưng nó cũng gọi là thành danh. Năm Giáp Ngọ ấy nhiều người đến chúc mừng, thầy rót trà ngon mời khách và trả lời theo cái lối bông phèng vui tính thường nhật của mình:

- Cái danh phận ông Tú của tôi có khác gì mấy cậu lính đi trấn thủ lưu đồn, lâu ngày được nhà nước gọi là ông "bếp". Bây giờ bao nhiêu cậu khố xanh, khố đỏ ở làng chẳng đều gọi là ông bếp cả đó ư!

Tết năm ấy nghĩ đến cái gia cảnh nhà mình, ông Tú làm luôn mấy bài tự vịnh. Bài thứ nhất là bài hát nói:

*Nhập thế cục bất khả vô văn tự,
Chẳng hay ho cũng húng hắng một vài bài!
Huống chi mình đã đỗ tú tài
Ngày Tết cũng phải nẩy đôi câu đối.*

⁽¹⁾ Thơ trong sách "Thơ năm chữ cho trẻ học vỡ lòng" (Ấu học ngũ ngôn thi) cũng gọi là Trạng Nguyên thi, tạm dịch: "Đường hoa bao người đẹp, Tranh xem chàng áo xanh"!).

⁽²⁾ Chỉ thành phố Nam Định.

Đối rằng:

Cực nhân gian chi phẩm giá phong nguyệt tình hoài

Tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt.

Viết vào giấy dán ngay lên cột

Hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay!

Thưa rằng hay thật là hay!

Chẳng hay sao lại đậu ngay tú tài!

Xưa nay em vẫn chịu ngài!

Bài thứ hai là bài thơ Đường luật:

Anh em đừng nghĩ Tết tôi nghèo

Tiền bạc trong kho chứa lĩnh tiêu

Rượu cúc nhẩn nhe, hàng biếng quảy

Trà sen mượn hỏi giá còn kiêu.

Bánh chưng sắp gói e nôm chảy,

Giò lụa toan làm sợ nằng thiù

Thôi thế thì thôi dành Tết khác,

Anh em đừng nghĩ Tết tôi nghèo!

Cả hai bài, năm ấy, ông Tú lấy giấy điều, mực Tàu viết lên, treo ở giữa gian nhà của mình. Bà Tú quần quanh với bánh chưng, thịt mỡ, dưa hành, nào có thiết gì thơ với hát nói; gặp ông Tú, gọi giật lại để đọc câu đối cho nghe, cứ lắc đầu nguầy nguậy:

- Thôi thôi, thơ với phú để các ông bình nghe với nhau, tôi còn bận xuống với cái nồi thịt kho tàu của tôi đây!

Ông Tú và khách cười rôm rả! Khách nói oang oang:

- Thế là nhà ông có bánh chưng mà thơ ông lại nói là không có bánh chưng nhé.

Ông Tú lại cười to hơn:

- Nhưng nhà tôi chỉ có thịt kho tàu thôi, làm gì ra giò lụa!

- Chẳng giò lụa thì giò chân. Giò chân cũng là giò!

Hai nhà nho như thế là đã cùng chuếnh choáng rồi!

Lều chõng của ông Tú đã thay đến mấy bận, bà Tú cũng không nhớ nữa. Làng Vị Xuyên là đất quan. Ông Tam Nguyên Trần Bích San cũng ở làng này xuất thân. Cử tú thì khỏi phải bàn. Con gái làng Vị Xuyên ở cạnh sông Vị Hoàng, nổi tiếng đẹp, buôn tài, khéo chiều chồng, khéo nuôi con. Nhưng ông Tú lại không lấy gái làng. Cụ thân sinh ra ông chọn người kết thông gia, nguyên quán tại Lương Đường bên tỉnh Đông. Những tướng con gái nhà khoa cử, thường là người yếu điệu, nhưng nhập tịch vào cái vùng làng đang hoá phố này, thì đến mẹ mốc của cụ Tam Nguyên Yên Đổ cũng phải sành buôn, thạo bán. Bà Tú bám lấy mấy cái bến ở mạn sông Vị Hoàng này, theo mẹ là cụ Hai Sửu, khi buôn nâu, khi buôn cau, khi buôn mắm, cá khô ở quanh mấy cái bến tàu bến thuyền tam bản. Từ ngày Tây sang đến giờ, phố Tây, phố ta đã mọc lên nhan nhản. Phố "Tây" thì mấy thầy thông ngôn, ký phán, ăn mặc kiêu mới, quan cách, dựng nhà lầu. Khởi đầu dựng nhà ở phố ta là những nhà thầu cai xe, thầu chợ, xây nhà hai tầng trước. Các chủ thuyền, các nhà buôn lớn đua nhau xây nhà hai tầng... Tre pheo bị tường ngõ lấn át dần. Vườn tược bị chia năm xẻ bảy. Những nơi buôn bán sầm uất, quán ăn, quán chợ lấn sâu cả vào ruộng, bãi. Đồng lúa, ngô, khoai cứ bị đẩy lùi ra xa. Nhà nước đo đất, làm đường cái quan. Cái xe lu đen xì xì, máy xục xà xục xích, theo sau là các toán phu lục lộ, kẻ dắt người đeo bao tay xếp đá. Những thùng nhựa đường bốc khói nghi ngút đưa thứ khói đen quánh như muối đèn theo gió thổi quạt vào tận các ngõ hẻm... Ruộng đất còn bị cấm để làm đường hoá xa, làm nhà ga... Cái đà này thì sự mở mang còn nghênh ngang lăm nổi lăm!

Kể từ khi Tây chiếm thành Nam lần thứ nhất (1873) cho đến khi ông Tú sắm cái lều, chõng đầu tiên hăm hở bước vào trường thi, vừa đúng hơn mười năm. Triều đình Huế vừa ký hoà ước Hác-măng với nước Pháp được hai năm, ông Tam Nguyên Trần Bích San được

cử sang Pháp làm sứ giả điều đình, bỗng lẫn dưng ra chết, làng Vị Xuyên lại hy vọng cái cờ biển Trạng nguyên về tay những thần đồng mới. Trần Tế Xương cũng từng được bầu là một trong những thần đồng ấy...

Nhưng vận nước, cũng như vận làng đã biến đổi nhiều lắm. Đạo Nho ngày ngày một suy vi. Năm nay lều chõng đi thi, ông Tú có một nỗi buồn man mác. Ông không buồn ngó đến sách vở. *Tứ thư, Ngũ kinh* đọc lâu đến mạch sách, nghĩa sách. Suy những điều cụ Khổng, cụ Mạnh nói với thời thế bây giờ, nó cứ như dòng lạc khoản để ở một đôi câu đối.

Làng Vị Xuyên xưa nền nếp là thế! Đình ra đình, chùa ra chùa. Hồ bán nguyệt, văn chỉ, văn miếu, làng trên xóm dưới đâu ra đấy. Buổi sáng, ở vùng đất vốn sẵn nền nếp thi thư, trọng đạo, đón thầy, mở lớp; lớp thư sinh nho nhã đi lại trong làng, tay cắp quyển sách Nho, lòng tay có ngọn bút lông, trông cũng phong vận lắm. Bây giờ, làng ngổn ngang bề bộn quá thể rồi. Cả làng đổ xô vào buôn bán. Nhà thi nhau dựng ở mép sông. Đâu làng mọc ra cái chợ bờ sông, tranh bán, tranh mua. Lái thuyền kéo về, hàng ăn kéo đến, mua mua, bán bán; thi mặc, thi ăn. Quán trọ, quán cơm, đủ thứ hạng người tạp nham, mặc cả mặc lẽ với nhau; lớn thì hàng thuyền cau, thuyền chuối, nhỏ thì mớ tôm, mớ tép, gánh rau hành... Kể có bọc tiền to ở thắt lưng mặt vênh như bánh đa nướng; còn người có tấm lòng với làng mạc đất nước thì cứ trơ mắt ra nhìn những cảnh éo le, mỗi ngày bày ra một nhiều. Trạng nguyên, Cử nhân, Tú tài, người ta nhắc đến để giễu về sự bất lực, sự gàn dở, sự lỗi thời. Đến ông Khuất Nguyên có sống lại thì đến cũng phải nhảy xuống sông Vị Hoàng ta một lần nữa. Câu cảm khái ấy văng ra từ lời một nhà nho, khi thấy cảnh một ông cử, mũ áo, khăn giày ra vái lạy như tế sao một thằng cò Tây, xin nó đừng lôi về sờ cảm cái món hàng lậu thuế của vợ mình. Bên bàn trà, bên hội tổ tôm, trong một châu tom-chát ở phố Hàng Thao, các nhà nho thường được lôi ra làm đầu têu câu chuyện. Thôi thì các loại chân

nho, hủ nho, nghịch nho, nho giả cây, nho bồi, nho bếp, nho thành ký, thành phán, nho đốt làm quan, nho giỏi ở nhà đuổi gà cho vợ... làng nho thường được điểm hết các mặt mũi. Bàn hết các nhà nho lại bàn đến thức ăn, quà cáp. Thanh lịch thì chuối ngự chợ Rống, trà tàu Long Tĩnh, tháng ba rượu tằm, chả cá mè; Đoan ngo thì vịt quay, kiệu chua phở khách... Phở gánh, cơm đầu ghế nơi nào ngon, nơi nào tồi. Cô đào Tuyết, cô đào Hồng, cô nào hát hay, cô nào duyên dáng... Cái nếp thành phố nó như chất độc của thuốc lào ngấm dần vào trong máu, lâu dần thành nghiện. Và, cùng với cái hình dáng bên ngoài, phở đang nuốt làng. Mỗi con người ở cái làng Vị Xuyên này, bị chất thành thị choán mất luôn nếp chân chất mộc mạc của người chân quê sẵn có trong mình.

Hơn chục năm đi thi, bốn khoa hương thi mới đỗ được cái "Tú tài" quèn! Cùng sấm lều chõng khoá đầu tiên với mình, Võ Tuấn là ai mà bây giờ cũng Đốc học Tri huyện. Ấm Kỷ, rong chơi, lêu lổng, rượu chè, thạo cao lâu, ngón hát hơn văn sách, kinh nghĩa, thế mà cũng đậu Cử nhân. Hắn cũng nhận cờ, biến vua ban như ai: cũng khao cử pháo đốt om sòm suốt mấy ngày liền. Rồi đối trưởng mừng ca tụng tưởng như là kẻ hay chữ nhất thành Nam này, chính là hắn ta vậy... Những thứ ngang tai trái mắt ấy làm cho ông Tú bề ngoài có vẻ phóng túng, nhưng khi tàn cuộc rượu, tàn cuộc chơi, ngủ thiếp đi, tỉnh dậy một mình, mới thấy lòng dạ bồi bồi trăm thứ.

Khi người ta còn hăng máu như con gà chọi trong cuộc, thì nào biết cái đau, cái rát sau cuộc đá là gì! Thi cử bốn năm khoa, bây giờ ngồi lại mới ngấm đòn.

Bảy trường thi từ thời Vua Minh Mệnh đặt ra, bây giờ thu lại, mỗi khoa có khi chỉ thi được có vài ba trường. Trường thi Gia Định bỏ bẵng từ khi quân Pháp chiếm Lục tỉnh. Khoa thi Nhâm Ngọ (1882), trường thi Hà Nội cũng mất bếng. Tây đốt cháy rụi trường thi Nam Định vào năm Quý Mùi (1883). Ở trường thi Hà Nội, Tây nghiêm nhiên đặt lều trại, dựng chuồng ngựa, lập kho khí giới. Tây đã lên nắm quyền! Sở dĩ nó vẫn cứ chiều nhà Nguyễn, bày ra cái trò

thi cử nhỏ nhẻ này là vì nó biết cả cái nước Việt Nam này, bao nhiêu cuộc khởi nghĩa đều do những nhà nho cầm đầu cả. Khởi đầu thì có các ông Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng, Nguyễn Quang Bích, gần đây thì có các ông Trương Định, Nguyễn Hữu Huân ở Gia Định. Miền Trung có ông Phan Bội Châu, ông Đặng Nguyên Cẩn. Ông Nguyễn Cao, ông Tấn Thuật ở mạn Đông Bắc... Tây dẹp chỗ nọ thì chỗ kia lại bùng nổ. Nó lấy thành, vào thành tường đầu đã yên, mà lại bị cái thứ lửa đặc biệt này đốt náy người hết ngày này sang tháng khác. Thi cử Tây đặt ra, làm ra cái vẻ "bảo hộ", tôn trọng triều đình cũ thôi, chứ cái bụng của nó là thích mở các lớp thông ngôn Ký lục thật nhiều kia... Ấy thế mà bao nhiêu nhà nho, kể cả ông Tú làng Vị Xuyên này, vẫn cứ đắm đuối vào lều chõng. Chao ôi, trước sau mình vẫn là một kẻ nhu nhược!

Nhà ông Tú dạo này đã túng bán lăm. Bà Tú tần tảo nhưng đông con. Lúc bà kiếm ra tiền, lúc nằm bếp u con không kiếm ra một đồng xu nhỏ. Ngôi nhà cũ của cha ông ở đầu phố Hàng Nâu, cũng vì chuyện buôn bán cụ bà thân sinh ra ông Tú, phải vay lãi năm phân ở nhà mù Hai An ở phố Khách, vừa bị mù ta tịch ký. Vợ chồng con cái dọn sang cái nhà bên số chẵn này, vốn là của hồi môn của bà Tú mới được mẹ chia cho.

Khi thấy ông Tú đem cái ống quyển sơn sơn, cái chõng con xinh xắn toàn thứ tre hóp, mấy cái cộc lều bằng trúc, lẫn mấy tấm giấy phát cây, quét và lau đi lớp bụi mới, gắn lên với cái độ thời gian tương ứng với những khoa thi thời trước là bốn năm trời, bà Tú đứng dưng không một chút hào hứng nào như thuở nào còn mơ làm bà Trạng nữa. Ông Tú cũng chẳng đòi hỏi gì thêm, vì năm nay, khác hẳn với khoá phải lặn lội vào tận trường Thanh Hoá, ông lại được thi tại tỉnh nhà.

Căn nhà ở phố Hàng Nâu đang vắng tanh. Mấy đứa trẻ chạy đi chơi đàng nào hết cả. Chợt có tiếng chó cắn. Ông Tú nhìn ra. Một người đeo một tay nải nâu đẩy cửa bước vào sân. Người thanh

niên này trán cao, mắt sáng, bước đi dàng hoàng. Dáng nhanh nhẹn, vai vuông, lông mày hơi xếch, môi đỏ như son, hàm răng trắng bóng, chúng tỏ anh là người đang thời độ sung sức. Anh lễ phép hỏi:

- Thưa đây có phải nhà ông Tú Vị Xuyên không ạ?

- Dạ, phải!

Khách nhìn lâu, lòng đầy kính trọng, tự giới thiệu:

- Tôi họ Ngô, người làng Quang, huyện Thọ Xương trên thành Hà Nội, về thi khoá này, nhân tiện đến thăm ông Tú.

- Mời thầy vào chơi!

Ông Tú rửa tay, ngồi vào bàn trà, rót nước mời khách. Khách rút trong tay nải ra chai rượu và mấy nắm nem chua, đặt lên bàn, giọng rất tự nhiên, như thể quen ông Tú từ lâu rồi:

- Thưa quan bác, em mến mộ bác từ lâu. Khoa Giáp Ngọ trước, em cũng lều chõng thi cùng bác. Người ta truyền tụng về tài hoa của bác, học trò trường Hà, nghe đều vì nể. Có một tối, chúng em ngồi uống rượu thưởng trăng với nhau, có mấy cậu khoe khoang đem tài nấu sủ, sôi kinh ra múa mép, chúng em đều gạt đi cả, xoay ra toàn ngâm thơ của quan bác!

- Thầy đi thi khoa này là thứ mấy rồi?

- Từ khoa Giáp Ngọ bữa trước đến khoa này là hai. Mới có hai khoa, mà thú thật với quan bác, em đã ngấy lên tận cổ.

Chà, anh chàng này mới hồn hậu tự nhiên làm sao! Ông Tú đã thấy cảm mến, song vẫn dè chừng chưa dám bộc lộ. Ông biết rằng, những khoa thi gần đây, phức tạp lắm! Đầu còn cảnh thơ thời, thuần hậu như trước. Trong trường thi hàng nghìn, vạn sĩ tử, người đến cầu danh, người đi thi để qua đó mà xem vận nước, người cay cú về có tài mà chưa ai biết đến! Lại có cả mật thám của Tây cũng nộ quyền, cũng lều chõng ở lô này, lô kia! Chúng thi là phụ, mà theo dõi hành vi tung tích khả nghi thì nhiều.

Người thanh niên nhấp một chén nước trà, lòng đầy cảm xúc, ngùi ngùi nói:

- Thơ của bác, em thuộc cũng nhiều. Thú thật, các loại bài như *Giễu ông Đới*, *Chế ông huyện*, *Bơm già*, *Già chơi trống bỏi*, kể cũng đã tài tình, nhưng cái tạng em cứ thích cái bài *Đền kéo quân*.

Khách ngâm:

Tiết rầm chẳng biết hấn vầy ai

Bốn mặt quanh co kéo dài dài

Đứt nhạc ngựa ô rong nước đại.

Ngâm tằm quân đội kéo hàng hai

Hấn rằng chúng nó cùng quên chết

Nên chẳng thẳng mô chịu tháo lui

Động địa chùng còn chờ tướng lệnh

Cờ chưa thấy phát, trống chưa hồi.

Khách lại bình:

- Em đọc một lần là thuộc. Chao ôi, có phải trong kia, sau cuộc khởi nghĩa của ông Trương ở Gò Công, lại thêm bao nhiêu cái đầu nữa lại rụng vì nghĩa cả nữa đó sao! Thức giả của nước Nam mình đâu có chịu ngồi im. Tây vừa sang, đã chiếm Côn Lôn để dựng nhà tù. Chúng nó có súng, bắn đôm một phát là chết, nhưng chúng vẫn thích cái trò chém treo ngành man rợ của bọn vua, quan xưa để răn đe người Nam mình đừng có mà nổi loạn chống lại chúng. .. Nhưng, bác thấy không, cơ đồ này, hàng ngàn năm nay thiếu gì nhân tài. Pháp càng chém thì phong trào văn thân càng bùng ra mạnh mẽ.

Những lời nói khí khái của chàng tuổi trẻ này, đã khiến ông Tú nhận ra ngay là người có khí tiết. Tuy thế, ông cũng thận trọng, bước ra cửa và cài then lại, vừa để bảo vệ khách mà cũng để bảo vệ mình. Ông quay vào, lấy đĩa bát, và hai chiếc chén men chàm, đặt xuống bàn, tay cầm lấy chai rượu. Ông đổi luôn cách xưng hô:

- Anh có lòng đem rượu, đem nem về, anh em mình vừa thưởng thức, vừa đàm đạo.

Hai nhà nho, kẻ rót rượu; người bóc nem. Mắt họ long lanh lên khi chén rượu tằm dâng lên ngang mày:

- Xin vì những vị quan tân khoa của khoa này!

- Xin vì cái tâm trạng của những "Đền kéo quân!"⁽¹⁾

- Uống cạn!

- Uống cạn!

Hai tiếng khà cùng thốt ra tâm đắc!

Họ nhìn nhau lặng lẽ, không nói gì thêm. Ông Tú nhìn về người phóng túng, con mắt xa vời của chàng trai kia, cảm thấy, anh chàng không thể là người đóng đinh một chỗ như ông. Ông ở lì với cái thành phố Nam Định này! Chàng trai nhìn ông như thêm có cái trầm thống âm ỉ ở trong lòng, kín đáo đến mức một mình mình biết, một mình mình hay. Khi người ta cảm thấy cô đơn thì nỗi đau đớn mới thấm thía. Mắt đắm đuối nhìn vào ông Tú, một nhà thơ anh vô cùng mến mộ, chàng trai xoay chén, hồi khích ông ta:

- Em hỏi thật bác câu này nhé! Bác chữ thiên hạ thế có thật thú lắm không? A ha ha... "Thiên hạ xác rồi còn đốt pháo! Nhân tình bạc thế lại bôi vôi!"... Không, cũng còn có những kẻ không những muốn mình làm người mà còn mong làm sao xoay chuyển lại cơ đồ này nữa chứ!

Vậy là men rượu đã đẩy những tâm trạng thốt ra lời. Chàng trai kể, sau khoa thi Thanh Hoá, chàng cứ tay nải giỏ đưa, đi một mạch qua đất Hoan Diễn, vượt đèo Ngang đi một lèo nữa sang tận Huế. Chàng còn vượt đèo Hải Vân sang đất Quảng rồi từ đó đáp thuyền về lại Hà Nội. Đến khoa thi này chàng khăn gói từ Hà Nội theo các sĩ tử hành hương về đây!

⁽¹⁾ Một bài thơ của Trần Tế Xương.

Chàng trai nói:

- Kinh thành Huế, từ khi thất thủ, Tự Đức băng hà, nhiều chuyện lắm! Quan tướng Tôn Thất Thuyết chống Tây được một độ, rồi bị Tây ép phải trốn khỏi thành, ra nương náu ở Nghệ Tĩnh. Bộ hạ tẩu tán gần hết, không còn sức liên hệ với phong trào Cần Vương ở ngoài Bắc nữa, thế là ngài đánh bài chuồn sang nằm hút thuốc phiện ở Quảng Tây, không còn nghĩ đến việc khôi phục đất nước gì nữa. Sau cái chết của nhiều sĩ phu ở Lục tỉnh, phong trào Bắc Hà cũng trôi dạt mạnh mẽ hơn: Ông Tống Duy Tân, quan Tán lý Nguyễn Quang Bích. Cuộc khởi nghĩa ở Ba Đình, dẫu thất bại nhưng cũng làm cho Tây biết người Nam mình, không chịu để chúng nó muốn làm trời làm đất gì thì làm. Vào đến Diên Châu, em trà trộn vào đám nghĩa dân của hai ông Đặng Như Mai, Trần Tấn, để xem người khởi xướng có những điều hay gì. Căm giặc, thương đời, yêu nước thì hai ông có thừa, nhưng giáo dân họ cũng khổ như ta. Bọn giáo sĩ mật thám Tây đã lợi dụng họ. Đáng lý cứ dấy nghĩa làm sáng tỏ cái chí hướng vì dân, vì nước thì giáo dân sẽ theo. Hai ông lại ghét Tây, thù oán mà đi tìm các làng công giáo mà đốt, tìm các giáo dân mà giết. Phương lược thế là hỏng rồi! Thua là phải!

Ông Tú thấy chàng trai đang kích động những bầu máu nóng của mình từng bùng bùng từ mấy năm trước. Gần đây, chán ngán vì thời thế, ông dần thân vào xóm hát cô đầu, trà, rượu để quên đời. Ông ân cần rót rượu, bóc nem tiếp khách. Chàng trai ăn uống tự nhiên, trong bụng quên khuấy đi, những thứ này mình nhiệt thành đem đến để làm quà cho ông Tú, chứ không phải để lời ra mà nhắm như thế này. Nhưng lòng chàng còn đâu chú ý đến rượu và nem:

- Lớp thanh niên có học như chúng em bây giờ làm gì đây? Phong trào Cần Vương tan rã rồi! Triều đình đầu hàng rồi! Giặc thì hoành hành, đánh dẹp khắp chốn! Em thất vọng khi thấy các ông đề, ông lãnh đất Bắc chưa đánh giặc được bao tháng đã bị giặc đánh tan hoặc buộc phải cầu hoà với Pháp. Bác có thấy cái

hạng sung của thằng Tây cũng đáng gờm đấy chứ! Nhưng thằng Tây vẫn sợ mình đấy.

Ông Tú chêm vào một câu:

- Được mất là lẽ thường của trời đất. Khi ta bị mất nước thì chúng ta lại nhận ra được nhiều điều mới lạ!

- Chính thế. Người mới, việc mới nhiều hy vọng chứ! Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thượng Hiền, Đào Nguyên Phổ, tư tưởng đã khác lớp chí sĩ Cần Vương rồi. Sĩ tử chán khoa trường, đi thi là mượn trường thi để bộc lộ cái tâm trạng, cái bất đắc chí của mình. Trường thi Thừa Thiên, trường thi Hà Nội, trường thi Nam Định, học trò ở đâu cũng bài Pháp cả! Pháp bày ra thi cử để tỏ ra là xứ sở này đang bị chúng bình định. Song lấy được đất thì dễ, chứ lấy được lòng người ư! Cái bọn lang sói này giáo quyệt, có thực lực, song còn bác đấy, còn em đây, xem chúng nó có thi thổ được điều chúng muốn hay không?

Chàng trai uống rượu suốt một buổi sáng, trút ra cùng ông Tú những lời tâm huyết ấy rồi đứng dậy đi luôn. Trong phút xúc cảm, ông quên khuấy hỏi xem anh ta ăn trọ ở đâu, và ông trông chờ mỗi mắt, cũng không thấy anh ta quay lại nữa.

*

Rồi ông Tú cũng lều chõng vào trường thi. Đến cuộc thi này thì lòng hăm hở xem ra chẳng còn bao lăm nữa. Đỗ thì cũng đỗ rồi, mà trượt cũng trượt rồi. Mấy khoa vừa qua ném đủ cả mùi đỗ, trượt. Vậy mà thầy Tú Vị Xuyên vẫn cứ đi thi. Nói cho cùng là để tránh né sự soi mói của lũ cú vọ, để đỡ bị quan tư đòi hỏi lời thôi. Trước ngày đi thi một hôm, bè bạn đến chúc tụng, nhân phút cảm khái, ông xuất khẩu nói ngông về chuyện thi cử một bài:

Ông trông lên bảng có tên ông

Ông nốc rượu vào, ông nói ngông

Tốt bằng năm hai thầy cử đội
Bốn kỳ, mười bảy cái ưu thông
Xướng danh tên gọi trên mình tượng
Ăn yến xem ra có thịt công.
Cụ xứ có cô con gái đẹp
Lắm le xui bố cưới làm chồng.

Thế là chưa thi, ông đã lừng tiếng vì bài thơ này. Nếu là kẻ hay nệ vào lối nói khẩu khí vận vào sự may rủi, thì người ta tiên đoán ông lại trượt một lần nữa. Vì tên ông, cả năm mươi hai ông cử phải đội lên tức là siêu-giải-nguyên, mà cái tên ông trên ông Giải nguyên ở thi Hương làm gì ra có. Thi cử có bốn kỳ, mỗi kỳ bốn cái ưu, thông được mười sáu cái ưu thì cụ Tam Nguyên Trần Bích San cũng chưa đạt được. Ông Tú vào loại được những mười bảy ưu thì lại siêu-ưu rồi! Thối đời đồ cao, nhà giàu hay gọi gả con gái cho. Cụ xứ họ Hàn ở phố Khách, chẳng là một nhà giàu ư? Cụ xứ họ Hàn ở số nhà cuối cùng ở phố Khách, là chủ hiệu thuốc Nam Thụy Sinh, chuyên trị hậu sản. Trước cửa hiệu có treo "duốc huy" là con ngựa gỗ, gãy một chân, tục gọi là con ngựa què. Cụ xứ đang cao giá không phải vì có cô con gái đến thì, mà là nổi lên như một kẻ giàu địch với các nhà buôn phố Khách. Ông Tú mà đồ khoa này thì... Khoa thi ấy, bà Tú vét túi đưa cho ông được hai đồng bạc. Thi ở tỉnh nhà, một ngày giam trong trường, kỳ thứ nhất có hai đồng bạc trong túi cũng tạm đủ dùng. Nhưng cái bụng của ông chữ nghĩa có còn được nguyên như cũ nữa không?

Khoa thi năm nay lành ít, dữ nhiều. Khoá sinh từ Hà Nội lều chông vào thành Nam, mang theo cái nền nã của cách điệu lẫn ăn vận. Quán cao lâu, nhà hát ả đào đầy ắp người. Các xóm, các phố chính gần trường thi, được đón bao nhiêu thầy đồ từ mấy tỉnh về trợ. Khoa thi Giáp Ngọ, người ứng thi đã tới mười một ngàn, kỳ này đông gấp hai, gấp ba, Quan trường đã cho làm đường thập đạo, cho đóng cọc chia lô, chỉ còn chờ đám học trò căng lều lên là thành cái

cảnh tấp nập của trường thi. Khoa thi thường kéo dài đến vài tháng. Kỳ thứ nhất cách kỳ thứ hai chừng hai chục ngày. Kỳ thứ hai cách kỳ thứ ba chừng mười ngày. Kỳ đệ tứ phúc hạch cách kỳ thứ ba chừng mười, mười hai ngày. Học trò ở xa, cơm nắm, gạo đùm, lều chông đi trọ thi, bỏ rở cũng mất trong ngoài hai tháng. Năm nay, để đề phòng cẩn thận với cái đám học trò bất trị của Bắc Hà, quan Tây, quan ta cho người khám xét kỹ càng lắm. Con nhà quan, đi cáng, đi kiệu cũng bắt dừng lại để xem trong đồ dùng thi cử có tàng trữ các sách vở lưu truyền hoặc các đồ vũ khí liệ vào hàng cấm kỵ không. Gần đến ngày thi, phố Mỹ Trọng chật cứng, người ùn đống lại. Khố xanh, khố đỏ đứng đầy đường.

Chuyện đầu môi của các thầy khoá là, khoa này quan chủ khảo là ai, đầu đề thi năm nay là gì? Bài vở ra có còn nguyên vẹn một thứ chữ thánh hiền xưa hay lại phải thi cả chữ quốc ngữ. Chuyện thi cử quan tuần, quan sứ bàn đi tính lại mãi, nào đã ngã ngũ gì đâu! Chuyện công khai cũng có, mà chuyện lưu truyền ngầm cũng nhiều. Ông Kỳ Đồng về nước hồi năm ngoái, không hiểu sao lại đi mở chung đồn điền với Tây! Không phải đâu! Ông ta che mắt thế gian thôi! Sao ông không mở ở quê nhà mà lại lên tận Nhã Nam khai phá ruộng nương! Ấy là ông ta muốn ở gần chỗ con hùm xám Yên Thế là ông Đề Thám đó! Các viên quan nội địa nhận được mật lệnh của quan công sứ rằng có thể ngày lễ xướng danh, đích danh vợ chồng quan Toàn quyền sẽ về dự, vì vậy phải "tuyệt đối đảm bảo an ninh, trật tự suốt thời kỳ thi cử, cần tăng cường thêm bao nhiêu mật thám thì Hà Nội sẽ sẵn sàng phái xuống". Các thầy khoá Hà Nam mang về theo một bài thơ của cụ Tam Nguyên Yên Đổ, cẩn thận dặn học trò: *Này thi, này cử, các thầy nho! Lão dặn điều này phải nhớ cho! Ra phố khăn tay che lấy mặt. Vào trường quần rộng xắn ngang co. Câu văn dắc ý đừng khoe khoác. Chén rượu mềm môi chớ gât gù! Nghe nói kỳ này nghiêm ngặt lắm! Đi đêm phải sợ phép ông cò!*

Ông già trải đời này thâm nho thật!

Trùng trùng điệp điệp những lều thi được căng lên, xa trông như ngày hội của một đàn rùa bất động. Thầy Tú Vị Xuyên cố tìm người bạn cũ đến thăm mình mấy hôm trước đây, nhưng không gặp. Không biết anh ta ngồi ở lô nào, kết bè, kéo cánh với những ai. Ông Tú càng trách mình hôm ấy, quên không hỏi tí gì về văn chương để dò xem tông tích chàng trai này, có đi thi thật không, hay là người của phong trào Đông Du, phong trào xuất dương, đang đi tìm người lập hội.

May sao, khoa thi năm ấy, vẫn lễ thói khoa cử cũ. Lại văn sách, lại kinh nghĩa, lại tứ lục, thơ phú. Bài văn sách nói chuyện xưa, nhưng chính là thăm dò xem ai thật sự muốn theo Pháp, hay ai lại muốn tính chuyện giành lại cơ đồ, lăm mưu cầu đưa đất nước khỏi cái vòng phụ thuộc vào ngoại bang. Lô này truyền lô kia là có thí sinh đã bị hạch hỏi vì ngạo nghễ với quan trường, với lính canh. Vào tứ trường, số học trò đã giảm đi rất nhiều mà nghe đâu công sứ còn mặt cho đàn đại pháo nạp đạn, lấy sẵn phân tử bắn vào trường thi Mỹ Trọng, nếu như cái đám thầy nho phản đối này nổi loạn!

Kỳ nhị trường gió mưa tầm tã. Con mưa đoái mùa thu thật tai quái. Gió bắc thổi tạt ngang thốc tháo vào tận lều. Có người ngồi đầu gió bị gió lật cả mái lều phát cạy, phải co túm lưng tôm che bài thi để khỏi phạm vào luật để quyển thi tì ố! Có người rét run lên cầm cập. Nước dôn vào những lô trũng. Có người ngồi trong nước để viết bài thi. Thiên thảm địa sâu là thế! Cấm cảnh thi cử, ông Tú làm bài chẳng hào hứng gì, và, khi đến cái phút người người nô nức rủ nhau đi xem cái lễ xướng danh, ông Tú cũng phải hoà vào cái đám bùng nhùng ấy.

Khi tiếng loa vang lên thì đám đông cũng rộ lên đủ các thứ trò về đủ kiểu. Người đi xem, người chửi đổng, người í ới gọi nhau, nhỏ lều chõng rã đám. Thầy tớ lòi thoi lếch thếch cuốn lều, đội chõng, đi chen ngang chơi, chọc tức mấy hàng lính khố đỏ, khố xanh. Các cậu lính cũng biết điều không dám quát lác, thị oai gì, vì

cái chuyện ông cử được chấm sơ khảo, đồng thời là mặt thám cho Tây, khi xuống nhà cô đầu ở phố bị mấy thầy khoá Hà Nội, nhảy vào, dùng chữ nghĩa để moi cái cốt nát của đám quan chức ba lớp của thời thượng này ra! Khi ông cử định lên mặt quan mắng mỏ, thì, một anh khoá, đã khéo léo vừa khích, vừa dọa để đến nỗi ông giẫm vào trống châu ngã chúi mặt, úp vào mông cô đào hát, gây trò cười cho thiên hạ. Ấu cũng là cái bức chí của đám sĩ tử, thi cử thì ít, náo loạn thì nhiều...

Lọng xanh, lọng tía đã cắm rợp trời! Lễ xướng danh kẻ rề kéo suốt từ sớm cho đến chiều tối. Hàng ngàn người thi, biết ai trượt ai đỗ. Người xướng danh quê xứ Nghệ, trọ trọ, đưa các chiếc loa dài sang phía Đông, xoáy lên cái âm thanh tên tuổi của ông tân khoa, dài đến năm bảy phút, rồi lại gọi xoay sang phía Tây. Ghế bành của các quan khách và quan chấm trường làm cao lêu nghêu ở phía trên. Quan Toàn quyền Đu-me, mặc áo Tây, đeo mề đay, ngồi chễm chệ ở giữa. Bên cạnh ông ta là vợ, to béo, trắng phốp phốp. Cái mông cong tớn lên. Thỉnh thoảng mụ vén váy, ngoi lên nhìn quan tân khoa dạ ran, chen vai thích cánh đến để nhận mũ áo vua ban. Ông Tú thốt bật cười và nghĩ ra được mấy câu thơ tức cảnh ngay tại chỗ: *Một đoàn thằng hồng đứng mà trông. Nó đỗ khoa này có sướng không? Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt: Dưới sân ông cử ngồng đầu rồng!...*

*

Khoa này, ông Tú lại hồng thi. Một nỗi buồn vô cớ ở đâu ủa tràn đến! Trời đã vào cuối thu. Mấy năm nay, Pháp đã cho xây cảng Hải Phòng, làm cầu Đu-me. Sông Vị Hoàng, thuyền buôn lên, cứ dần dần thưa thớt. Đất phù sa, mỗi mùa mưa lũ, từ mạn thượng du ủa theo sông định trôi ra mạn sông Hồng, lại bị phù sa sông Hồng, nhiều hơn, từ phía ấy dội vào. Mùa lũ nào con sông Vị Hoàng nước chẳng chảy ngược, và đồng bãi làng Vị Xuyên chẳng bị ngập nước

hai, ba lần. Bãi bồi dần, sông cạn lại, nó tự lấp vùi mình đi như thể khao khát nhập với rẻo đất này bên sông mà hoá phường, hoá phố. Trời kia phiên vậy sông nên bãi. Ai khéo xoay ra phố cả làng. Những hạt mưa thu thừa thớt mà to, rơi xuống in loang trên vai áo ông Tú. Mặc, ông cứ đi. Ông Tú đi lang thang trong phố, không rẽ vào đâu, không xuống Hàng Thao, không lên phố Khách. Ông ra bờ sông Hồng, nhìn cái bến tàu thuỷ. Hình như ông tìm một người nào đó. Khác hẳn mọi ngày, gương mặt ông buồn rười rượi. Phường phố Nam Định đang chìm trong những màu lạnh ngắt. Nước sông Hồng đỏ đục bức bối, mà đã trong lại rồi. Trời thu không còn xanh ngắt mà quánh đục những mảng trời màu chì. Phố Tây, phố ta ánh lên cái màu xám đá của những con đường nhựa mới làm xong. Người người đi qua, lộng tàn kiệu, cồng nghênh ngáo, ngạo mạn mà lại xao xác như một hội cờ rã đám. Ông cảm Tây, đội mũ vàng sáu múi, mặc áo nhà binh, ngậm xì gà, cuỡi xe tay đi dọc cảnh phố phường như một con thú dữ đi ngược chiều với những sinh vật hiền hậu trong cái rừng... người. Thành phố đang lao vào việc kiếm ăn sinh sống, ông cảm, càng phải giữu võ giương oai.

Tiếng ếch nào kêu thọt trước trời lạnh! Nhìn ra, bến đò xưa đâu còn nữa. Trong khi đó, tiếng còi tàu hoả xa từ đâu lại cứ dội vào, như những tiếng hù dọa của kẻ muốn làm náo loạn một nơi mình sắp đến.

Người bạn cũ đi đâu? Sao anh ta không thấy trở lại. Mỗi khoa thi, ông Tú lại được làm quen với những người bạn xa. Năm trước ông Phan Bội Châu có ghé qua chơi. Tiếng ông trẻ mà vang, người điềm đạm, quắc thước, mắt vời vọi những điều sâu kín. Trán rộng, mặt vuông, đầy vẻ cương nghị, đàm đạo ít, gọi mở nhiều! Ông Phan đi rồi, ông Tú thấy như mình đánh tuột khỏi tay một thứ gì thiêng liêng vô giá. Mấy tháng sau khi ông Phan tới, ông Cử Hồng cũng đến. Khác với ông Phan, ông Cử rủ rỉ rừ rì hay nói đến tâm trạng các nhà nho nghèo, cảnh bần bách của quê hương, lại có lúc bàn đến cái bạc bẽo của nhân tình thế thái, bàn về sự trông đợi thăm

thảm tử đáy lòng những con người khả thủ ra gánh vác việc lớn của đất nước đây khó khăn này... Mưa thu buồn càng nhớ bạn!... Ta nhớ người xa cách núi sông! Người xa, xa lắm, nhớ ta không?...

Rồi, lại anh chàng thư sinh họ Ngô tai quái vừa rồi nữa. Ào vào nhà như một cơn gió, nhiệt tình thấp lên cho cái nổi lòng nguội lạnh của ông Tú, những ngọn lửa mới, rồi lại biến đi đâu không còn tăm dạng. Con tàu thủy kéo hồi còi ngậy đại, vang trên mặt sông để ra đi. Ai đó trên boong tàu đang vẫy vẫy người trên bến. Họ vẫy nhau hay vẫy ông Tú?...

Con tàu đi rồi, một mình ông Tú cô đơn trên bến bãi, nếu không có một bàn tay thân ái đặt vào vai. Ông Tú quay lại thì ra chú Mán. Mán nhìn ông Tú cười hỏi:

- Ông Tú, ra đây làm gì thế?

Ông Tú cũng hỏi lại:

- Chú cũng đi đâu vậy?

- À, em đi tải lợn về! Có tiền đây, đi uống rượu không?

- Thì đi!

Ông Tú vui vui, đi theo chú. Ông nói:

- Hôm nay, tôi còn đồng bạc, chú ưng gì, tôi đãi chú.

- Không, em ối tiền. Ta uống rượu lòng lợn tiết canh, em đãi ông!

Và chú cười rất hồn hậu, nhe ra hai cái răng cửa rất to. Ông Tú thấy lòng mình đỡ trống vắng khi được chú Mán mời uống rượu! Chú Mán hồn nhiên hỏi:

- Bài thơ ông làm cho em hay lắm! Em cũng thích. Hay hơn bài *Cô Cácy chợ Ròng*.

Ông Tú cười âm lên trong phố. Ấu cũng là một thứ đèn bù của những người ông yêu mến. Mán kéo ông vào quán, móc hết hai đồng bạc vừa kiếm được, đập lên mặt bàn nhìn chủ quán và bảo:

- Cho tôi sạch hai đồng, đủ cho hai anh em tôi một bữa, ông chủ!

Mọi người trong quán nhìn vào. Có ai đó đang nhìn ông và nói thì thầm. Chắc họ ngạc nhiên vì ông Tú lại sánh vai ngồi uống rượu với Mán. Thì có sao? Không có gan theo người vượt biển trèo non, góc bể chân trời, mưu cầu giành lại giang sơn, gấm vóc, thì ở lại vui với những con người hồn hậu làm ăn chân chỉ, làm thơ ca ngợi họ, chẳng đáng vui sao!

Mán rót rượu, gắp vào bát cho ông. Lúc này, Mán đâu còn là người ngây nữa. Mán vui theo kiểu Mán, vui kiểu người nghèo. Mán coi ông cũng là một bạn nghèo! Ông Tú uống rượu với Mán như một người tâm đắc, cả hai đều ngà ngà. Hình như Mán vội, muốn chia tay với ông. Mán uống cạn một hơi, hết chén. Nhưng ông Tú cản lại. Ông bảo chủ quán cho thêm một cút nữa, thái thêm một đĩa nhắm, bốc thêm một nắm rau thơm, múc thêm một thìa mắm tôm canh vắt thêm miếng chanh cho đĩa mắm ngầu bọt. Tự tay ông Tú gắp bỏ vào đĩa dăm bảy lát ớt tươi, đỏ thắm. Ông Tú mời Mán:

- Ta uống thêm chút nữa!
- Thì uống!
- Chú có nghe thơ, tôi đọc chú nghe!
- Thơ gì?
- Thơ về chú! Tôi lại tặng chú một bài thơ nữa!
- Thì nghe!

Ông Tú nhấp một chén rượu, nhắm một miếng dôi, kèm thêm một lá rau thơm, đọc liền một mạch giữa quán ăn:

*Kể suốt thế, đổ ai bằng anh Mán,
Trải mùi đời, khôn chán giả làm ngây!
Hổ sinh ra lúc thời này,
An thân mệnh thế, giấu tay anh hùng.*

*Không danh cho dễ vầy vùng,
Mình không phú quý, mắt không vương hầu.
Khi dễ chớm, lúc cạo đầu,
Nghêu ngao câu hát nửa Tàu, nửa ta.
Không đội nón, chịu màu da nắng dãi,
Chẳng nhuộm răng, để trắng, để cười đời.
Chốn quyền môn, luôn cúi mặt ai ai!
Ngoài cương toả, thanh thời ai đã biết,
Chỉ ẩm ớ, giả cầm, giả điếu,
Cứ vui tràn, khi hát, khi ngâm
Trên đời mấy mặt tri âm!*

Chú Mán chăm chú lắng nghe cho đến hết, rồi vỗ vào đùi ông Tú Xương đánh đét một cái, khiến ông nảy thót người lên. Chú cười rất to, nói rất to, vui vẻ:

- Hay, hay. Hay quá! Ông Tú làm thơ hay quá!

1987

Ông đốc Nguyễn

Ông Cử Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền lên Hà Nội chơi. Ông rẽ vào chơi với một người bạn đồng khoa, định bàn nhau cùng vào Huế thi. Khi đi ở giữa phố, nhiều cô gái, dấu biết ở ngoài đường phải giữ vẻ đoan trang, mà vẫn không dừng được. Bởi ông thật thanh tú. Da trắng hồng, mày thanh tú, tóc đen láy, cằm vuông, tai dài... Riêng đôi mắt đã đẹp lại hơi sâu, càng làm cho gương mặt thêm có một chút gì u ẩn.

Thành Hà đạo này nhộn nhạo lắm. Người ta đổ xô vào buôn bán, người thì đi tìm hội kín để theo cờ Cần Vương. Người ta hy vọng nhiều vào phái chủ chiến ở kinh thành Huế do Tôn Thất Thuyết chủ xướng.

Nguyễn Thượng Hiền đi ra ngoại ô phía Tây, ghé vào Kim Mã, thăm nơi sĩ phu Bắc Hà đặt di hài của Hoàng Diệu để lo tang lễ, năm cụ tuần tiết. Ông cử rất cảm khái. Chiều về, ông cầm bút, mài mực viết luôn bài thơ, sợ để lâu, các việc khác xen vào, không làm được. Ông viết:

Dạo thăm phía Tây thành Long Biên⁽¹⁾

Tảng thành xưa đã hồng

Miếu cổ hãy còn đây

Hoa dại, cỏ hoang nhìn dưới mắt,

Hồn thiêng nường nấu cỏ hoa này.

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán, ở đây người viết truyện tạm dịch.

*Thấy chẳng ai,
Gió hạn đầu gò Kim Mã nổi
Xương cốt trung thân chôn ở dưới,
Dời non lấp biển chí tuy cùng,
Một tấm lòng son còn mãi mãi
Chết rồi hoá làm chim đỗ quyên,
Rừng xa, nhớ nước, giọng kêu rên...
Chẳng như phỗng đá bên đường nọ,
Bùn bám cổ vầy vẫn thản nhiên...*

Có tiếng đẩy cửa. Người bạn bước vào. Nhìn thấy bài thơ vừa viết xong chữ rất đẹp, anh ta cầm lên đọc rồi trầm trồ:

- Huynh người đẹp, lại tài hoa thế này, chẳng trách đi đến đâu, con gái chết mê đến đấy!

Nguyễn Thượng Hiền cười:

- Tài mệnh tương đố! Huynh không biết ư? Càng có tài càng chết!

- Tôi nghe cụ Tam Nguyên Trần Bích San có hứa gả con gái cho anh. Nhưng chẳng may tiểu thư lại sớm bạc mệnh!

- Thôi nhắc mãi chuyện nhân duyên làm gì. Anh có định vào kinh ứng thi không?

- Xa xôi quá!

- Xa xôi thì cũng phải đi thôi chứ, biết làm thế nào?

- Anh định bao giờ lên đường?

- Khoa thi thường mở vào mùa xuân. Từ ngoài này đi vào, nếu theo đường biển cũng mất bốn, năm ngày. Mùa này, biển lặng, đi được.

- Nếu vậy, ăn Tết xong, phải đi ngay!

- Độ mồng bốn, mồng năm, ngày nào tốt, anh ghé qua tôi rồi cùng đi. Tôi sẽ nhờ đám lái cất hàng ở thành Nam, kiếm cho anh em mình hai chỗ, giong thuyền vào Thuận Hoá⁽¹⁾...

- Được thế, thì hay quá!

*

Nguyễn Thượng Hiền vào kinh thi. Bài vở đã làm xong, chỉ còn chờ lễ xướng danh là biết kết quả. Ông tin mình sẽ đỗ cao. Hiền thông minh đĩnh ngộ, lâu thuộc kinh sử, vẩy bút thành văn. Văn như từ trong lòng phôi bày, chẳng giống một ai. Bàn thảo suốt về lẽ huyền vi, về thế sự, thời cuộc, không ai hơn nổi. Chỉ lưu lại ở kinh đô Huế chừng nửa tháng, tiếng tăm đã nổi như cồn. Thượng Hiền cũng là người hào hoa. Vào quán rượu, cầm chén uống, đọc thơ, bình văn, thì các bàn tiệc xung quanh đang ồn ào, đều im bật để lắng nghe. Có người không dùng được, đã phải kéo ghế đến để được thưởng thức những cao kiến. Không ít những danh gia quý tộc bần tín chọn làm rể quý. Chẳng là họ biết cụ Tam Nguyên Trần Bích San, vốn trước là một vị đại thần, lại cũng là một bậc danh nho, lại biết Hiền là con rể của cụ, mặc dù chưa kịp thành hôn thì con gái quan Tam Nguyên đã mất, nên khi gặp người, họ càng quý trọng.

Nguyễn Thượng Hiền tin ở tài mình, nên cứ sống theo cách của mình, không hề quy lụy, song cũng rất khiêm nhường, do đó rất được lòng các giới quan trường, nhất là những người đã từng là bạn thiết của Trần Bích San.

Sĩ tử đã thi Hội xong, đang chờ kết quả. Bấy giờ ở kinh thành Huế, không khí chộn rộn khác thường. Khâm sứ Pháp là một tên xảo quyệt. Tôn Thất Thuyết là người chủ chiến, quyết chống lại bọn Tây dương. Công cuộc đánh úp đồn Mang Cá đang được chuẩn bị.

⁽¹⁾ Thuận Hóa: Huế.

Người bạn cùng đi thi với Nguyễn Thượng Hiền nói:

- Tôi chắc chẳng ăn nhằm gì đâu! Dẫu vào được đến kỳ thứ tư nhưng bài của tôi bỏ dở bởi đâu đề ra hóc hiểm quá. Còn anh thì phải ở lại, để vinh qui bái tổ.

Hiền nói:

- Máy khi vào đến đất đế đô. Mọi sự của đất nước đang tập trung ở đây. Ta cũng được dịp làm quen với những người có chí khí lớn. Anh nỗ bỏ về sao?

- Nhà tôi mở cửa hàng lớn. Mọi việc trông chờ đến sự tính toán của tôi. Tôi đi, phải mượn người thay. Cơ chừng này, thì kẻ sĩ chẳng bằng thương nhân đâu anh ạ. Thôi anh ở lại, tôi về.

Bạn đi rồi, Mai Sơn⁽¹⁾ có chút gì hụt hẫng. Ông pháp phòng chờ ngày xướng danh tên có trên bảng rồng.

Khâm sứ Rheinart thấy quân sĩ Huế di chuyển rất nhiều, cho quân thám thính và đánh điện báo để Đô đốc De Courcy đem quân vào. Dân chúng Huế vẫn ghét Pháp, thấy Tôn Thất Thuyết quyết chống Pháp đến cùng, nên hăng hái lắm.

Ngày mồng 1 tháng 7 năm 1885, Courcy đưa quân vào đồn Mang Cá, hấn cho người sang triệu Cơ mật đại thần là Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường sang bàn chuyện Hoàng đế An Nam tiếp đón đại diện tối cao của Chính phủ Pháp.

Tôn Thất Thuyết không sang. De Courcy chờ không thấy, quát lác âm ỉ... Y vẫn tướng triều đình Huế làm cao, trì hoãn để giữ thể diện. Nhưng chờ mãi, chờ mãi, vẫn không thấy Thuyết động tĩnh gì!

Nửa đêm mồng 4 tháng 7 năm Ất Dậu (1885) chợt lửa cháy rợp trời, quân reo dậy một góc thành. Quân Nam đánh vào trại binh đóng cạnh Khâm sứ và đồn Mang Cá. Quân Pháp nổ súng bắn lại... Cuộc chiến diễn ra đến vài giờ. Đến sáng thì quân Pháp tiến đánh

⁽¹⁾ Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền.

Ngô Môn. Tôn Thất Thuyết biết không chống cự nổi liền đem Vua Hàm Nghi rời hoàng thành, ngược ra Quảng Trị, lên sơn phòng, quyết đánh Pháp tiếp. Cuộc yết bảng đề danh thi Hội cũng bỏ dở. Bạn bè ai cũng tiếc cho Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền. Thế là, mấy hôm sau, ông cử Hiền cũng tay nải gió đưa trở về quê cũ...

Tuy nhiên, khi về quê, tiếng súng đánh vào đồn Mang Cá vẫn vang lên trong đầu Cử Hiền. Ngồi trên thuyền uống rượu, ông mơ mình thành một hiệp khách vẫy vùng cứu nước. Buổi chiều, ráng đỏ hừng trên biển, cá heo hàng đàn vui đùa nhô lên mặt nước như hộ tống ông trở về. Lòng đầy cảm khái Nguyễn Thượng Hiền rót rượu ra bát, ngồi trên mũi thuyền, lấy đũa gõ vào bát rượu mà ngâm bài thơ vừa nghĩ được:

Khúc ca về chàng hiệp khách⁽¹⁾

Giữa đường thấy bát bình,

Cơn giận đến dựng tóc.

Nửa đêm kiếm báu vùng khỏi nấp.

Đạp nhà, lăm lăm đầu kẻ thù.

Lao như gió ruổi chớp lóe sáng,

Tìm ra không nổi, áo giáp bền.

Rồng thiêng thoát khỏi vòng luẩn quẩn,

Trở về biển Đông câu cá Ngao.

Lò vàng, vạc ngọc luyện thành cao,

Tên họ lừng danh tận tiên giới,

Lông hồng, trần thế nhẹ làm sao!

Cử Hiền vừa hát xong thì ở dưới có tiếng nói to lên:

- Hiệp khách! Hiệp khách, đánh giặc không nổi định trốn lên tiên, nhìn xuống cõi đời ư?

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán.

Mai Sơn nhìn lại, người đó đã bước lên mũi thuyền. Hiền rót rượu mời. Hai người uống cạn, rồi nhìn nhau cười vang cả sóng, khiến lũ cá heo cũng nhảy tung lên. Cử Hiền hỏi:

- Huynh là ai vậy?

- Tôi là Tăng Bạt Hổ, người Bình Định. Tôi vừa ở Huế ra đây. Tôi cũng đang muốn làm hiệp khách như anh, nhưng lại nghĩ, hiệp khách một mình thì làm sao chống được đại bác, tàu đồng của bọn Pháp, do đó, muốn tìm cao nhân trong thiên hạ để tìm đường cứu nước.

- Vua Hàm Nghi và quan tướng Tôn Thất Thuyết đã lên sơn phòng. Tôi nghe chiếu Cần Vương đã được thảo, sao ông chẳng lên đó theo Vua và quan tướng.

- Cần Vương là một cách, nhưng xem ra thiên hạ còn nhiều cách hay hơn?

- Sao, anh nói sao?

- Nước Pháp, nước Anh học đâu mà có đại bác, tàu đồng.

- ...

- Nước Nhật so với văn minh trước đây, chưa chắc đã bằng nước mình, sao bây giờ họ cũng đang tự lực tự cường, đúc tàu, đúc súng, mở rộng thông thương, đưa dân tộc, dân sinh, dân quyền lên hàng đầu đó thôi.

- ...

- Bên Tàu, các nhân sĩ Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu đang diễn thuyết, kêu gọi đồng bào họ, hợp quần, cử người xuất dương học hỏi kia...

Nguyễn Thượng Hiền kêu lên:

- Sao anh biết nhiều thế? Anh đọc ở đâu, nghe ở đâu mà biết được nhiều điều lạ vậy?

- Anh không thấy sách của hai ông Khang, Lương bao giờ ư? Kỳ này đi xa, tôi không mang theo được nhiều chỉ có hai cuốn của Khang Hữu Vi, anh cầm mà đọc vậy!

Cử Hiền cầm lên tay đó là cuốn *Đại đồng thư* và *Âu châu thập nhất quốc du ký*! Hiền sừng sốt hỏi:

- Anh kiếm sách này ở đâu vậy?

- Anh lạ ư? Thương gia Tàu đi biển dài, đều đem sách theo đọc cả. Thường là họ đọc những chuyện phong tình. Tôi ở Qui Nhơn, gần họ, nhờ họ kiếm cho mới có đấy!

Nguyễn Thượng Hiền hỏi:

- Bây giờ, anh định đi đâu vậy?

- Tôi ghé Nghệ An, tìm Phan Sào Nam, nghe nói ông này cũng trử được nhiều sách tân thư lắm!

- Đến bao giờ mới gặp lại anh?

- Nếu anh còn vào Huế thi, thế nào chẳng gặp tôi ở đó...

Đêm ấy, thuyền ghé Cửa Hội, Tăng Bạt Hổ lên bờ.

*

Nguyễn Thượng Hiền đọc xong cuốn sách của Tăng Bạt Hổ đưa cho, quên cả ăn. Lòng cứ trần trở hoài không nguôi. Thuyết hợp quần đúng lắm. Đó chẳng là chuyện lấy dân làm gốc ư? Nhưng dân làm gốc này khác hẳn với tư tưởng của đạo Khổng. Hợp quần tôn dân thực sự, chứ không phải chuyện lấy dân làm gốc để mà giáo hoá biến họ thành những kẻ lam làm cung phụng cho cái trật tự vua tôi, cha con, chồng vợ, thầy trò, bè bạn của mình...

Nguyễn nghĩ lung lắm. Từ đó tò mò, ông mượn thêm một số tân thư nữa để xem, trong lòng nảy ra nhiều ý nghĩ, tư tưởng mới, song vốn là người trầm tĩnh kín đáo, ông cứ vẫn điềm đạm, chí thú, có khách là bàn đến Ngũ Kinh chư sử, không ai biết những điều đang nung nấu ở trong lòng.

Năm Bính Tuất (1886) ông mở trường dạy học tại nhà, cũng là lấy chỗ để kết giao với bè bạn xa gần. Và, niên hiệu Đồng Khánh năm thứ tư, 1889, ông đã quen biết nhiều lắm. Nhiều đêm

ông Cử thức suốt đêm, đi lại trong vườn, lòng bồn chồn lo lắng, suy tư. Ông nghĩ đến các văn thân khắp nước đang cuộn cuộn nổi lên chống Pháp. Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Quang Bích ở ngoài Bắc, Đinh Công Tráng, Phan Đình Phùng ở Thanh Nghệ, phía trong kia thì Nguyễn Thông, Thủ Khoa Huân. Có những người tâm phúc của các đạo quân nghĩa đã đến liên lạc với ông, song, ông vẫn ân cần đãi khách, lấy việc nhà chưa yên, chưa cất mình đi được mà từ chối khéo.

Khoa thi Hội kì này lại mở, ông lại khăn gói lên đường. Khoa ấy, Nguyễn Thượng Hiền đỗ Hoàng giáp, được một quan đại thần ở triều đình gả con cho. Ông nhận lời, hôm trước vinh qui, hôm sau bá tử. Cả triều đình Huế, hầu như tập trung vào con người hào hoa nhất nước này...

Ít lâu sau, Nguyễn Thượng Hiền được bổ làm Toàn tu ở Quốc Sử Quán, ai cũng tưởng đường hoạn lộ của ông sẽ còn thăng tiến vùn vụt.

Từ ngày Đồng Khánh lên ngôi, triều đình ngả về chính phủ bảo hộ Pháp nhiều hơn. Những đại thần có tâm huyết với nước đã bị thay thế. Những đám quan lại mới, thân Pháp lấy lòng chủ, ngày càng nhiều. Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân..., các bậc sĩ phu, nhắc đến tên chúng, ngoài mặt thản nhiên, nhưng trong bụng rất khinh bỉ, có người nhỏ bọt.

Tuy nhiên, lớp thanh niên mới có nhiệt huyết cũng nhiều.

Vừa đây, ông Hoàng giáp Hiền vừa tiếp Phan Chu Trinh, từ Quảng Nam ra. Vừa trông thấy Phan, ông đã thấy phong thái của lớp người mới khác hẳn mình. Họ đầy tự tin, ham hiểu biết, khí phách thật đáng kính nể. Họ nói những điều tâm huyết, khát khao, chỉ nghe thôi, trong lòng đã muốn hoà chung nhịp bước cùng họ. Quan Hoàng giáp cũng đang có chí hướng mới, nên thích lắm. Hai bên nói chuyện hoài không dứt. Phan ở lại mấy ngày rồi đi, Hoàng giáp Hiền đưa tiễn, trở về, hệt hẳng đến hàng tuần, cứ thèm được

gặp lại. Sau đó, Phan Bội Châu từ Nghệ An cũng vào. Phan đỗ Giải nguyên khoa thi Hương năm Canh Dần (1890), từ ngoài ấy vào kinh, để tìm người cùng chí hướng.

Phan Bội Châu, nghe tiếng Nguyễn Thượng Hiền đến chào. Hai bên nói chuyện thâu đêm suốt sáng.

Họ nói nhiều về Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi và nước Nhật. Họ nhắc đến những người có tâm huyết đang dấy lên một phong trào đánh Pháp trên khắp nước. Phan vừa nói, vừa trầm ngâm, nhiều lúc môi bặm lại. Phan kể chuyện mình đi dạy học để tìm đồng chí, lắm muốn dựng một trào lưu Đông Du, sang nước Nhật học hỏi những điều mới lạ để trở về đưa đất nước thoát khỏi thể chế quân chủ để tự lực tự cường. Phan biết ông Hoàng giáp cũng là người tân tiến, lại đọc sách rất nhiều, liền hỏi mượn những cuốn sách quý của Âu Tây mà đã được các nhà tư tưởng tam dân của Trung Hoa dịch ra. Quan Nguyễn đến bên chiếc giá sách, treo ở đầu giường lấy ra mấy quyển. Phan Bội Châu cầm lên xem. Đó là các cuốn *Trung Đông chiến kỷ*, *Pháp Phổ chiến kỷ*, *Doanh hoàn chú lược*...

Phan cầm về đọc, mấy hôm sau lại đến. Phan nói:

- Tôi rất thán phục người biết nhìn xa như đại nhân. Một người đang rất gần với danh vọng, giàu sang lại không chọn đường thuận mà đi, lại dám dấn vào con đường đầy chông gai, quan thật là người hiếm có.

Hoàng giáp Nguyễn nói:

- Ông đã nghe bài thơ này của ta chưa?

- Xin ngài cho nghe

Nguyễn Thượng Hiền đọc:

Cây to bị bão lật⁽¹⁾

Gió cuồng thổi, cây lớn,

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán.

Trốc rễ đổ bên đồi,
Hoa trên cành trĩu trĩt
Phấn vương khắp cỏ gai.
Ong rình đầu kéo đến,
Đông nghịt, mấy đàn dài,
Leo cành đưa hút nhụy,
Vo ve suốt cả ngày...
Cây sống, chết nào thiết,
Ong háo mật bám vầy.
Đàn, đàn no phè phỡn
Hí hửng nhớn nhơ say
Lại thêm một lũ kiến,
Xông xáo, hăm hở đây,
Ngó nghiêng vết hương, phấn
Chiếm cứ bầu quanh cây...

Gốc hủ không ai đắp,
Lợi nhỏ vết sạch rồi!
Có một người thấy cả...
Cười, thở dài không thôi...

Phan nói:

- Học trò này đã nghe nhiều người đọc bài thơ này ngoài quán rượu. Có người lại còn đọc vang lên trong cơn say. Họ nói, ngài mượn cái cây đổ để chửi bọn quyền thần là Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân, cho chúng là lũ ong kiến nhất thời chỉ đục nước béo cò...

Nguyễn Thượng Hiền nói:

- Văn chương lạ lắm. Khi nó đã nói được trúng cái điều mọi người đang yêu hoặc ghét, thì chẳng lo gì, người khác không hiểu mình, dù rất kín đáo. Phan Bội Châu rất trọng quan Hoàng giáp. Ông cho rằng Nguyễn Thượng Hiền là người đột xuất trong đám quan lại triều đình. Hai bên còn bàn bạc nhiều điều. Và, đám mã tà, mật thám của toà Khâm sứ không bỏ sót một giây những buổi gặp gỡ của họ.

*

Hoàng giáp Nguyễn Thượng Hiền được đổi ra Ninh Bình làm Đốc học. Khâm sứ Pháp đã buộc Nội Mật Viện làm việc này, vì chúng cho rằng để Nguyễn Thượng Hiền ở lại kinh đô cực kỳ nguy hiểm.

Ông Nguyễn đi chào mọi người khởi hành ra Bắc ngay. Có nhiều người tiếc cho ông phải chuyển sang ngạch học quan, ông chỉ nói:

- Ngạch nào cũng được, miễn là làm được điều có ích.

Rồi lặng lẽ xuống thuyền ra Bắc.

Quan Đốc học về Ninh Bình ít bữa lại được đổi về làm Đốc học Nam Định.

Mọi người lấy làm lạ là, từ ngày về, quan rất chẩn chu trong công việc, ít giao du với mọi người. Nam Định lúc này đã nhộn nhịp lắm. Còi tàu thủy lúc nào cũng vang lên ngoài bến. Những phố xá mở ra, cửa hàng cửa hiệu đua nhau mở. Những bích, những bồ, những cọt, mỏ cân, kho chôn, kho chiếu, kiện sợi khuôn về các cửa hàng ngổn ngang. Chợ Rồng tấp nập đủ các thứ miếng sống, miếng chín... Nghe nói người Pháp còn mộ phu để làm đường hoả xa, ra mở đào than...

Không khí phố phường đô hội thế, mà quan Đốc học Nguyễn, khác hẳn hồi ở kinh thành Huế, lại lẩm lũi, nghiêm nghị đến lạ thường.

Ngày ngày, ông đến nhiệm sở. Khi chiều tối, ông thường đến ngôi nhà của cụ Tam Nguyên Trần Bích San ở phố Giá Nứa⁽¹⁾. Ông vẫn còn quyến luyến mối tình cũ... Ở đấy, ông làm gì không ai rõ. Chỉ biết rằng đến gần sáng, ông lại từ nhà cụ Tam Nguyên rồi trở về dinh Đốc học... Có người lại nói dạo này ông hay đọc kinh Phật...

Thì ra quan Đốc ra đó, tuy khi về trong tay có mấy bộ kinh Tam Tạng, kinh Kim Cương, nhưng ở trong các quyển kinh ấy gấp những gì có trời mới biết. Ông ở nhà quan Tam Nguyên soạn những bài thơ quan trọng để thức tỉnh người dân trong nước. Đó là bài *Phủ Cải lương* nổi tiếng dùng toàn tục ngữ và thành ngữ, khuyên quốc dân nên tỉnh ngộ nên giao thiệp mở mang với các nước trên đại lục để tìm đường tiến hoá, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Đó là bài ca *Hợp quần doanh sinh thuyết* mà sau này các lớp Đông Kinh nghĩa thực ở Hà Thành chọn làm bài giảng chính. Bài thơ mà Phan Chu Trinh đã phải thốt lên:

"Biết thời thế, đến nỗi khóc máu tim sôi, mỗi mồm khản tiếng, ngay ngáy lo cho đồng bào ta các bước sau này, đó chẳng là cái ý kín đáo của ông Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền đó chăng? Ông là một danh sĩ Bắc Hà, nay lại đem sức theo đòi học điều mới lạ, lấy việc hợp đoàn thể, mở thực nghiệp, là bước thứ nhất xây dựng nghiệp lớn đó ư?...".

Thì ra quan Đốc học ra đó để tránh tai mắt bọn phản thân, làm việc lớn. Ở đây ông chúc tác, gặp các chiến hữu của Phong trào Đông Du như Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ, Đặng Tử Kính...".

Và ít lâu sau, hai ngày, ở dinh Đốc học không thấy Hoàng giáp Nguyễn Thượng Hiền đến.

Thuộc lại vội báo cho quan Tổng đốc. Vừa hay dinh Công sứ cho người đến khiển trách vị quan đầu tỉnh đã không biết hành tung

⁽¹⁾ Nay là phố Bến Ngự tỉnh Nam Định.

của Đốc học Nguyễn Thượng Hiền. Chính ông là một chủ suy của những nhà hoạt động cách mạng chấp nối những đường dây, đưa những thanh niên giác ngộ có tư tưởng chống Pháp vượt biển sang Nhật, mưu trở về hoạt động cứu nước.

Cũng lúc ấy, Nguyễn Thượng Hiền đã ra đến vùng biển quốc tế, giong buồm qua Trung Quốc đã gặp Phan Bội Châu ở Quảng Đông.

16.4.1998

Một thời ngang dọc

Nguyễn Cư Trinh thức suốt đêm làm biểu tấu dâng lên Chúa Nguyễn Phước Hoat, trong tấu có đoạn viết:

"Dân là gốc của nước, gốc không vững thì nước không yên. Lúc yên bình không lấy ân nghĩa mà thu phục lòng dân, đến khi có việc làm sao mà nhờ cậy? Trộm nghĩ thói tệ chất chứa trong đời đã lâu, nếu cứ theo lối thường, giữ phép cũ không chịu tùy nghi đổi mới, không lập phép tắc kỷ cương thì một đạo cũng không trị được, huống chi một nước. Nay những tệ nạn làm khổ dân là các quan địa phương những nhiều là nuôi lính, chăm voi, nộp tiền án phí. Lính thì quốc gia đã chu cấp lương bổng, xong các quan, mượn cơ quân Trịnh thường đến, phải có quân địa phương để phòng lúc bất ngờ, chờ quân nhà chúa đến, xách nhiều gạo tiền, bỏ đầu từng nhà mà thu. Giàu còn có tiền, nghèo lấy đâu mà chịu? Lại có nơi phải nộp voi cho Chúa, thợ săn không công đã dành, người không săn voi cũng phải nộp gạo, nộp thóc thay suất phải phục dịch, voi bắt về nuôi hàng tháng mới tạm là thuần phục, triều đình đã cho, quan lại lờ đi lại gõ vào đầu dân chúng, lại đến tiền án phí, co dân khôn lường, vô chừng mực. Đó là bởi quan coi hình án ở triều đình không chỉ rõ mức đóng, mặc dưới trần, phủ muốn thu bao nhiêu thì thu... điều tệ hại thật khôn kể xiết".

Nguyễn Cư Trinh còn tâu xin định lại việc thu thuế lệ và tô ruộng, nên giao cho phủ huyện, đừng để cho quan coi thuế từ triều hàng năm xuống tự thu, gây nhiều phiền nhiễu.

Tờ tấu dâng lên, Chúa Nguyễn cũng muốn thực thi, song lại có kẻ gièm pha bảo:

- Anh em Nguyễn Cư Trinh cậy có chức học vấn, được Chúa tin yêu, nay vạch điều nọ, can điều kia, lòng tự phụ đã nhen nhóm. Diễn chương pháp độ của Chúa do Nguyễn Đăng Thịnh bày ra, còn văn thư từ lệnh đều do Cư Trinh soạn thảo, Chúa quý người có học mà trọng dụng, xem có vẻ lớn. Vả lại phép tắc tiên Chúa đã ban, vừa lên đã sửa, liệu có nên không?

Chúa Nguyễn nghe can liền thôi. Nguyễn Cư Trinh bèn nhất quyết xin từ chức. Chúa triệu về phủ dụ. Cận thần có kẻ lại xúi giục Chúa:

- Nguyễn Cư Trinh chỉ vẻ mồm, nay có giặc Đá Vách ở Quảng Ngãi luôn cậy hiểm địa quấy rối, để lâu không lợi khi có quân Trịnh kéo tới. Sau lưng không yên thì mặt trước thế giặc lớn, đôi đảng tương hỗ, hẳn bất lợi, nên cử Cư Trinh về đó, xem có làm nên trò trống gì không?

Chúa Nguyễn nghe theo, cho Nguyễn Cư Trinh làm Tuần phủ Quảng Ngãi...

Nguyễn Cư Trinh đến nhiệm sở, làm như chưa tính gì đến việc đánh giặc Đá Vách, mà thay đổi những việc quan lại trước những nhiều dân chúng. Cứ mười ngày lại xuống một huyện, xem xét công việc, nhất là xem các việc xử án, duy trì sự công minh liêm khiết. Được một năm, dân tình rất ca ngợi, thuận theo.

Cư Trinh chọn lấy hai nghìn lính giỏi, đưa lên vùng núi tập luyện rất kỹ, rồi tính chuyện đánh giặc Đá Vách.

Có viên Ký lục bàn chùn:

- Giặc Đá Vách cậy địa thế hiểm trở làm căn cứ, các triều trước còn không dẹp nổi huống chi bây giờ. Theo tôi cứ tăng thêm tuần tra ở các chợ lân cận. Thế nào chúng cũng xuống cướp bóc, ta đem quân đến tĩa dần, dọa chúng là chính, hẳn cũng bớt hơn trước.

Nguyễn Cư Trinh nói:

- Rừng là nơi kiếm sống của dải đất hẹp này, giặc chặn giữ mất, dân lúc nào cũng nơm nớp, phải phá tan sào huyệt của chúng thôi.

Liên cất quân đi đánh. Cư Trinh lại tự đặt ra bài *Sãi Vãi*, những đêm trú quân, cho người diễn, để thúc giục lòng quyết trừ giặc của tướng sĩ. Lại tự tay viết thư phủ dụ, bắn vào núi, khuyên giặc nên theo về với Chúa Nguyễn.

Giặc vẫn không nghe.

Ông cho quân bí mật theo đường núi, vào tận sào huyệt, đánh bất chúng, đuổi khỏi thung lũng, rồi chiếm giữ, cho đặt đồn trại cứu ứng nhau, cử tướng giỏi ở lại trấn thủ, canh phòng rất cẩn mật. Lại cho lính làm ruộng, trồng ngô, làm ra vẻ sẽ ở lại lâu dài. Bọn giặc Đá Vách sợ, liền đến quân dinh đầu hàng. Từ đây Cư Trinh được Chúa rất yêu và tin dùng.

*

Nguyễn Cư Trinh lại được cử ra giữ đất biên trấn, rồi về trấn thủ Gia Định.

Đất Gia Định thời ấy rộng mênh mông, sông rạch rất nhiều, chợ bên sông buôn bán tấp nập. Công việc rất bận bịu. Mọi việc phủ dụ đất mới mở, Chúa Nguyễn giao cả cho Cư Trinh. Dựa vào các rừng đước và sông rạch, các toán cướp nhỏ, thường giả làm dân miệt sông nước, hoặc những thuyền buôn, chợ họp cứ xốn xác không yên, quan quân không làm sao dẹp nổi.

Nguyễn Cư Trinh vì hành, giả làm chủ buôn đến một vài buổi chợ, thấy chúng không phải là những đám cướp lớn, thường chỉ đi một vài thuyền, trà trộn vào đám thuyền buôn, bất ngờ nhảy sang những thuyền lớn, dí dao vào tổng tiền rồi nhảy về thuyền mình chèo vội đi, lẫn khuất sau những rặng bần, rặng đước mà chuồn mất...

Nguyễn Cư Trinh về nghĩ suốt một đêm. Bữa sau, cứ mỗi chợ bên sông, đưa xuống một cơ lính, trang bị đầy đủ vũ khí, lại chọn những người giỏi bơi lội, đặt một trạm ở phía ngoài chợ, một trạm bên trong chợ. Các thuyền buôn đem sản vật lên chợ bán, đều phải ghé vào, ghi tên chủ thuyền. Lại sai những người giỏi khắc, chữ đẹp, khắc chữ nổi, viết chữ trắng, tên chủ thuyền ở đầu mũi thuyền. Những thuyền chịu theo qui định đều được ghi vào sổ để tiện theo dõi. Bọn cướp chợ đành chịu, không làm gì nổi.

Nguyễn Cư Trinh lại đem quân đuổi người Chân Lạp, khi họ mang quân đến chiếm đất đai.

Mùa xuân năm Ất Hợi (1755), Chúa Nguyễn sai Thống suất Nguyễn Thiện Chính và Nguyễn Cư Trinh làm tham mưu tiến quân đánh Chân Lạp, thu được nhiều đất đai... Dinh quân đóng ở Ngưu Chử (Bến Nghé). Doanh trại do Cư Trinh sai lập rất qui củ, đúng với binh pháp. Hàng ngày ông cho luyện binh rất gắt, rồi tập trận đánh bộ, đánh thủy. Thiện Chính cũng nắm một đạo quân lớn thì không động tĩnh gì. Cư Trinh giục Thiện Chính cho quân luyện tập, phối hợp, Thiện Chính cười mà bảo:

- Quân của ta tập nhiều rồi, binh pháp đã thuần thục, tập làm gì nữa.

Rồi kéo quân xuống đóng ở Mỹ Tho, sau khi đánh thắng người Chân Lạp, phủ dụ người Côn Man. Dân Côn Man theo rất đông. Thiện Chính sợ ảnh hưởng đến việc hành quân, liền để họ ở lại phía sau, đem quân đi trước. Không ngờ đến đất Tà Ân bị quân Chân Lạp tập kích, tách quân của Chính và vây đám người Côn Man. Chúng đã bắt đầu tàn sát. Cư Trinh được tin liền đem quân bản bộ đến, đánh tan thuyền Chân Lạp, cứu được năm nghìn dân Côn Man, khiến Thiện Chính cũng thoát nguy.

Cư Trinh phá vây, đón Thiện Chính, điềm nhiên, ôn tồn khuyên nên chỉnh đốn thêm quân thủy. Thiện Chính ngượng, đành nói:

- Nếu tôi nghe ông luyện quân thật kỹ, thật giỏi thì đâu đến nông nổi này.

Nguyễn Cư Trinh đưa dân Côn Man về đóng ở núi Bà Đen.

Chúa Nguyễn cử Trương Phước Du làm Thống suất, cùng Nguyễn Cư Trinh, quân Côn Man, đánh đuổi quân Chân Lạp, rồi tiến về Hà Tiên.

Mạc Thiên Tích liền ra đón. Cư Trinh thấy bạn thơ, giao việc cho phó tướng rồi đi chơi Hà Tiên mấy buổi cùng Mạc Thiên Tích. Tích đưa Cư Trinh thăm mười cảnh đẹp ở Hà Tiên, rồi làm thơ ngâm vịnh. Hai người thích nhất là bài "Thạch động thôn Vân". Bài của Mạc Thiên Tích như sau:

Động đá hút mây

Núi xanh kìa ngọn vút sông Ngân

Lòng động, long lanh đá biếc ngần.

Mây khói ở đi không tự ý,

Vô tình cây cỏ cũng rung rinh.

Gió sương từng trải, văn chương lạ,

Năm tháng vẫn xoay, khí sắc lành.

Tuyệt đích tình hoa là đất ấy,

Gió trời hút thở, thế chênh vênh.

Bài thơ của Nguyễn Cư Trinh, tài hoa chẳng kém:

Động đá nuốt mây⁽¹⁾

Chẻ đôi một núi thế chon von,

Nuốt gọn mây bay giữa đá hòn,

Rắn đuôi, rồng co thu gọn cả,

Loan bay, phượng liệng giữa không trung,

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán, người viết truyện dịch.

*Hồ lô lửa ấm nên thơm khói,
Nhà đá chắn bóng phải đắp chồng.
Cửa động vượt ra, năm vẻ sáng,
Hào quang sáng rực dọc non sông...*

Ngồi bên bầu rượu túi thơ, không ai nghĩ Nguyễn Cư Trinh là nhà thao lược!

*

Năm Ất Dậu (1765), Nguyễn Phúc Thuần lên ngôi, gọi Nguyễn Cư Trinh làm Lại bộ kiêm Tào Vận Sứ. Trương Phúc Loan chuyên quyền mấy chục năm. Loan giết cả Chuồng Vần, Chuồng Võ, con Chúa Khoát là anh của Chúa Thuần. Phúc Khoát muốn lập Chuồng Võ, nhưng Phúc Loan lấy quyền làm sai di chúc, lập Phúc Thuần... từ đó thu quyền về trong tay, lập bè cánh, lấn át cả Chúa và triều đình...

Trương Phúc Loan muốn gì Phúc Thuần cũng cho, ban cho ăn lộc ở nguồn Sái, nguồn Thu Bồn, nguồn Trà Đình, Trà Vân, mỗi năm lợi tức thu về bốn năm vạn lạng bạc. Các nguồn thu từ bắt voi cho triều đình, đóng tàu..., vụ việc khác cũng tới ba, bốn vạn lạng. Châu báu, vàng bạc, ngọc quý, đồ cổ không biết bao nhiêu mà kể. Riêng dây xâu tiền kẽm, mỗi năm phải dùng tới một lượng mây khá lớn... Gặp mùa lũ lụt, ngập vào phủ, vườn Phấn Dương, rương hòm bị ngập nước, vàng bạc, gấm lụa, phơi đầy chiếu mây, sáng cả một góc trời. Gia nhân ra chợ, mua rẻ hàng hoá, chẳng khác gì cướp giật chẳng ai dám kêu.

Trương Phúc Loan coi thường cả triều đình, trước còn lên châu Chúa, rồi vào phủ, sau này Loan ở nhà. Các quan có việc đều được gọi đến nhà riêng bàn việc triều chính. Không một ai dám lên tiếng.

Nguyễn Cư Trinh, nhân một buổi chiều, xuất ban lạy Chúa rồi chỉ vào mặt Trương Phúc Loan mắng rằng:

- Ông là Quốc phó, coi bộ Hộ lại kiêm coi Tào vụ, có hiểu phép tắc triều đình không! Từ cổ chí kim, việc triều đình phải bàn ở Phủ, ở Viện, rồi tâu lên Chúa thượng... Ông là gì, mà coi nhờn ngôi tôn, gọi người đến nhà để bàn việc triều chính. Tội nhờn vua, chuyên quyền ấy là tội gì? Thiên hạ làm loạn chính là từ ông đây!

Nói đoạn tức run lên, tóc dựng ngược, mắt quắc đến rách cả mi.

Cả triều đình sợ liên luy, không ai dám ngẩng mặt lên...

Chúa Thuần ngồi ngây ra một lúc rồi cho bãi châu.

Trương Phúc Loan giận tím mặt mà không dám làm gì cả...

Từ đó, ông buồn, chỉ làm hết chức trách, rồi đóng cửa ở nhà, nằm đọc sách... Hai năm sau ông mất.

17.8.2000

Thầy đồ làng Gia Trung

Lâu lắm, quan Tổng trấn họ Nguyễn mới về lại Long thành. Ông buồn ngủi, cảm động lắm. Đất quê gốc của ông đây. Nhớ hồi thấy cảnh đất nước loạn ly, Chúa Trịnh mãi mê tranh giành quyền lực, anh em hận nhau đến chết, dẫn đến cảnh cả đô thành xảy đàn, tan ghé. Nhiều gia đình vì không thích Võ Văn Nhậm, Nguyễn Hữu Chỉnh mà phải mai danh ẩn tích. Danh nho thành thầy thuốc. Cựu thần hoá ông đồ, quan Tổng trấn một mình đeo tay nải, xuống bến Chương Dương, bỏ quê hương xứ sở ra đi, lần mò vào Nam giúp Nguyễn Ánh. Sau bao nhiêu năm xông pha trận mạc ông đã thành đại tướng, lại được Vua Gia Long phong cho làm Tổng trấn Bắc thành. Quan Tổng trấn trong lúc vào sinh ra tử, thường chọn mấy cơ lính người Bắc làm hộ vệ, cũng tin dùng một số mưu sĩ, vệ sĩ quê ở Sơn Nam Hạ, Sơn Tây, Sơn Nam Thượng, theo mình từ thuở hàn vi, hơn là những người Đàng Trong. Một lần, trong một bữa tiệc, Gia Long đã đùa Tổng trấn Nguyễn:

- Khanh thích đất Bắc hơn là đất Phú Xuân phải không?

Trong cơn say, lòng cũng đầy tâm trạng, khi Vua còn lúc lệnh dênh trên biển cả, việc lớn, việc bé đều hỏi đến ông. Nhưng khi lên ngôi Hoàng đế, bình định được thiên hạ, thì những người được hỏi đầu tiên là những người khéo nịnh, người Đàng Trong cả. Bởi thế, Tổng trấn Nguyễn đã khẳng khái trả lời:

- Tình quê ai người chẳng có! Bệ hạ không thấy thơ của Hạ Tri Chương: "Thiếu tiểu ly gia, lão đại hồi. Hương âm vô cải mấn

mao tồi. Nhi đồng tương kiến bất tương thức. Tiểu vấn khách lòng hà xứ lai"⁽¹⁾ ư?

Vua Gia Long ngoài mặt gật đầu khen, lại ban thưởng cho Nguyễn một chén ngự tửu, nhưng trong lòng thì ghét, cho rằng Nguyễn ngông nghênh, dám tỏ vẻ mình không cần đến Vua, mà muốn quay về Bắc Hà.

Mấy hôm sau, Vua cho gọi Nguyễn vào mà bảo:

- Bắc thành là quê hương của khanh, ý nguyện trở về Bắc, khanh đã vô tình thổ lộ trong buổi Trẫm ban yến tiệc nọ. Trẫm vẫn còn nhớ. Dân Bắc thì phải người Bắc cai quản, mới hiểu hết được góc ngách sự việc. Trẫm định phong khanh làm Tổng trấn Bắc Hà, khanh nghĩ thế nào?

Nguyễn biết rằng Gia Long lại đẩy việc khó đến cho mình, nhưng thấy được trở lại đất quê, liền sụp lạy nói:

- Thần xin đem hết tài khuyến mã để đền ơn tri ngộ...

Mấy hôm sau có chiếu chỉ tới, Nguyễn về Bắc. Hôm lên phủ đường, kiệu quan qua phố, cờ lọng đi, dân chúng cứ giãn ra, quay lưng không thèm nghênh đón. Thỉnh thoảng quan Tổng trấn vén rèm nhìn ra, thấy phố xá sau những ngày loạn ly, người không được đông vui như trước. Lại thấy bản thông cáo trên tường chưa ráo mực về việc kiêng không được lấy Rồng biểu trưng của đế kinh, Thăng Long phải đổi chữ Long là Rồng, thành Long là thịnh vượng.

Tổng trấn Nguyễn suy ngẫm một mình.

Thăng Long là đất ngàn năm văn vật. Nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê nối nhau coi đất này là đế đô, mỗi đời mở mang thêm một ít. Đất này không dùng làm kinh đô thì cũng phí. Nhân tài, vật lực chốn này thường hơn các đất khác. Nay lại còn đổi tên nữa thì dân

⁽¹⁾ Nghĩa là: "Rời làng từ bé, già quay lại. Tóc rụng thưa còn giữ giọng quê. Gặp mặt, trẻ con nào có biết. Nhoèn cười hỏi khách từ đâu về!".

chúng làm gì chẳng lãnh đạm. Chắc họ cũng cảm thấy bùi ngùi. Thăng Long giờ chỉ còn là một trọng trấn thay tên thì chọn tên hay hơn, dân còn chịu chứ tên lại không hay bằng trước, làm gì cái đám thức giả ở Long thành chẳng quay lưng lại. Và những ý định muốn làm kinh đô cũ giàu có không kém gì Phú Xuân, làm cho quan Tổng trấn thêm phần chán, quên cả những cảm nghĩ hơi chút ngao ngán chợt thấy dân tình chẳng hoan hỷ gì khi mình từ Đàng Trong ra nhậm chức.

Quan Tổng trấn khuyến khích người trở về Thăng Long buôn bán, lấy đất hoang ở năm cửa ô mở phố mới. Quan cho đánh thuế ruộng, thuế đình, thuế chợ thuế đồ giảm hẳn hơn trước, do đó chẳng mấy chốc kinh thành lại tấp nập.

Tổng trấn Nguyễn vốn cũng là người hay chữ. Năm ấy, ngày giỗ trận, lòng ông lại bùi ngùi. Nhớ đến binh lính tướng tá của mình ngày xưa, ông ra cửa nam thành hướng về phương Nam chiến trận thuở nào, rồi tổ chức một buổi tế long trọng ngoài trời, lập một đàn chiến sĩ trận vong, thân vào tế. Ông tự viết một bài văn tế, sau khi thức trắng một đêm, trong đó có những đoạn rất cảm khái, chân thành:

"Phận trung tuyền gấm lại cũng cơ duyên, trường chiến đấu biết đâu là mệnh số!

Kẻ thời chen chân ngựa, quyết giật cờ trong trận, xót nhẽ gan vàng mà mệnh bạc, nắm lòng hồng theo đạn lạc tên bay.

Kẻ thì bắt mũi thuyền, toan cướp giáo giữa dòng, thương thay phép trọng để thân khinh, phong da ngựa mặc bèo trôi sóng vỗ.

Hồn tráng sĩ biết đâu miền mình mặc, mịt mù gió lốc thổi dấu tha hương.

Mặt chinh phu khôn vẽ nét gian nan, lập lòe lửa trời, soi chùng cổ độ.

Ôi, cùng lòng trung nghĩa, khác số đoản tu, nửa cuộc công danh, chia phần kim cổ.

*Đoái tiếc là xương đồng da sắt, thanh bảo kiếm đã trăm năm
rèn mới có, nợ áo cơm phải trả đến hình hài.*

*Những là khen dạ đá gan vàng, bóng bạch câu xem nửa phút
như không, ơn dây dợ cũng cam trong phế phủ.*

Phận dù không gác khối, dài mây,

Danh đã rập ngàn dâu, nội cỏ..."

Quan Tổng trấn tự mình đọc văn tế, những đoạn nhớ đến các người đồng cam cộng khổ, nước mắt ròng ròng...

Chưa hết lòng thương nhớ, Tổng trấn Nguyễn còn mở cuộc thi câu đối về các nghĩa sĩ trận vong. Một số sĩ tử trong băm sáu phố phường cũng mặn mà hưởng ứng.

Gần một trăm câu đối được gửi đến. Nguyễn Văn Thành, quan Trấn thủ Bắc thành, đọc hết một lượt. Một trăm đôi, có câu được vẽ một lại ép vẽ hai, có đôi vẽ một thường, vẽ hai lại được mấy chữ sắc sảo. Có đôi chung chung, bàng bạc, có đôi nịnh bợ không hồn... Có kẻ lời kêu mà ý rỗng, có kẻ gò gẫm dụng ý thành khiên cưỡng, thâm tâm quan Trấn thủ chưa chọn được câu nào. Quan rất buồn, nhưng chẳng lẽ cuộc thi đã mở, không công khai không xong. Liên gọi các bậc hay chữ đến, mượn sân Văn Miếu làm buổi bình văn. Hơn một trăm đôi được lần lượt đem bình. Sân Văn Miếu chưa bao giờ đông thế. Người tò mò kéo đến xem, người định mượn ngày bình câu đối tỏ tài trí với thiên hạ.

Không khí văn chương ở nơi học hội, quả lại được nhen dậy. Bình hết những bài dự thi, kẻ khen người chê, chưa câu nào được toàn bích, câu sần sần thì nhiều, câu vượt trội hầu như không có.

Quan Tổng trấn nhìn khắp lượt để ý đến một thầy nho ngồi dựa cột, từ buổi đầu bình câu đối, tỏ vẻ khinh đời, nghe nửa tai, nhìn nửa mắt. Câu nào ý phải còn lắng nghe, câu nào, chữ nào dở thì cau mày, thờ dài có vẻ khó chịu. Bình hết cả trăm câu, thái độ

coi thường đám dự thi đã rõ. Quan cho lính đòi anh ta lên trước mặt các giám khảo. Khi mọi người nhìn ra người vừa bị đòi, đều thốt lên:

- Thầy đồ làng Gia Trung!

Chẳng là, thầy cũng là người có tiếng ở kinh kỳ. Thầy ít xuất hiện, nhưng khi xuất hiện thì thường tụ hội được ở quán rượu những người chuộng chữ nghĩa. Nghe thầy bình văn Ly Tao, bàn chuyện văn chương *Hồng Lâu Mộng* hoặc nêu cái hay cái dở của *Kim Bình Mai* do Kim Thánh Thán bình phẩm, ai cũng chịu là người chịu đọc, chịu nghĩ...

Tổng trấn Nguyễn Văn Thành hỏi:

- Người là ai?

- Thiên hạ quen gọi tôi là thầy đồ làng Gia Trung.

- Tên thật là gì?

- Tên phong mới là quý. Bạn bè, làng xóm chỗ tôi ngồi dạy học phong cho tôi cái tên ấy, lâu dần tên cha mẹ đẻ tôi cũng quên mất!

Nguyễn Văn Thành đã thấy tính ngất ngưởng của thầy đồ. Vốn cẩn trọng, ông không khiển trách, lại dịu giọng bảo:

- Ta thường thấy thầy ngồi nghe, lúc thì nhíu mày, lúc thì thở dài, chẳng lẽ một trăm câu đối của sĩ phu Bắc Hà, không câu nào lọt tai thầy ư?

Thầy đồ làng Gia Trung nói:

- Sĩ phu Bắc Hà nếu bảo ho vịnh cây, vịnh đá, vịnh núi, vịnh sông, nói lịch sử, bàn địa dư, hẳn họ không đủ giấy mà vẩy bút, viết những lời hay ý đẹp... Còn như ra câu đối cho họ về những người chết trận ở phương Nam, thì hẳn họ đâu có nhập vào đấy mà có câu đối hay...

Nguyễn Văn Thành đỏ mặt, biết là câu nói xác xược, nhưng thầy đồ Gia Trung đã biết làm cho quan Tổng trấn ngượng gượng, thầy nói:

- Tôi xin góp vào một câu đối, không biết ngài có ưng không! Cũng để cho ngài thấy sĩ phu Bắc Hà không điều gì là không tường tận.

Nguyễn Văn Thành mừng lắm. Con giận bay luôn mất, liền ân cần nói:

- Thầy cứ đọc đi! Cứ đọc đi!

Thầy đồ Gia Trung cao giọng đọc. Mọi người lắng nghe:

Nhật mộ hương quan hà xứ thị

Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi

(Chiều buông quê kiểng nơi nào nhỉ?

Xưa nay chinh chiến mấy ai về)

Phía dưới ồ cả lên... Một nho sinh đứng dậy nói:

- Đó chẳng là lấy hai câu thơ của hai nhà thơ đời Đường ghép lại đó sao? Có phải là của anh ta đâu!

Quan Tổng trấn gật đầu phân giải:

- Đúng là câu thơ có sẵn, nhưng ngẫm ra cả trăm đôi câu đối, ta bình suốt buổi sáng nay, chẳng câu nào hay hơn câu ấy. Thầy quả là đáng thưởng vì đã cho ta một lời răn: Cái có sẵn đã hay, cần gì phải truy tìm ở đâu!

Liền giữ thầy đồ Gia Trung ở lại, mấy đêm đàm đạo văn chương chữ nghĩa, rất tâm đầu ý hợp. Một hôm quan Tổng trấn hỏi:

- Trong các sách thánh hiền, người thích sách nào nhất?

Thầy đồ Gia Trung nói:

- Tôi thích nhất Đạo Đức Kinh của Lão Tử!

Quan lại hỏi:

- Trong Đạo Đức Kinh, thầy thích câu nào nhất?

Thầy đồ Gia Trung, ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Tôi thích câu này: "Ba mươi tay hoa cùng quy vào một cái bầu, nhưng chính nhờ quăng trống không trong cái bầu xe mới dùng được. Nhồi đất sét để làm, chén bát mới dùng được. Đục cửa chính và cửa sổ khi làm nhà, chính nhờ cái trống không đó mà nhà mới dùng được. Vậy ta tưởng cái có, có lợi cho ta mà thực ra cái không mới làm cho cái có hữu dụng vậy"⁽¹⁾.

Quan Tổng trấn nghe xong tự bình:

- Câu này sâu sắc lắm. Quả là ta chưa có dịp nghiền ngẫm! Hay là người mượn nghĩa sách để khuyên ta.

Thầy đồ Gia Trung, chỉ cười khiêm tốn nói:

- Quan lớn đã trải dư trăm trận, ném đủ mùi, thầy đồ gàn này đâu dám hỗn!

Tổng trấn Nguyễn Văn Thành muốn giữ thầy đồ Gia Trung trong nhà, nhưng thầy từ chối, chỉ xin một mảnh đất ngoại ô Thăng Long ngồi dạy học để có dịp giao lưu với bè bạn. Quan Tổng trấn cũng muốn có dịp gọi thầy đồ lên phủ đường hoặc ghé qua trò chuyện liền ưng ngay...

Ít lâu sau có chiến trận Nguyễn Văn Thành về Phú Xuân. Nguyễn Văn Thành đi. Thầy đồ Gia Trung đến tiễn và để lại một phong thư dặn giang đường hãy mở. Quan Tổng trấn vào đến Ninh Bình, mở thư ra chỉ có hai câu:

Đài các hà vi kỳ ngộ khách

Ngũ hồ du ngoạn kỷ nhân tri

(Nỡ đâu làm khách nơi đài các,

Ngũ hồ chơi suốt, mấy người hay)

Nguyễn Văn Thành giật mình. Hoá ra người này rất thành tâm với ông. Câu văn Đạo Đức Kinh bữa nọ, lời thơ bữa nay, xa gần

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán: tam thập bát, cộng nhất cốc, dương kỳ vô, hữu xa chi dụng. Duyên thực dĩ vi khí, dương kỳ vô, hữu khí tác dụng. Tạc hộ dĩ dĩ vi thất, dương kỳ vô, hữu thất chi dụng. Cố hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng.

đều chung một ý, đừng quyền luyến danh lợi nữa... Nhưng chân đã bước, lùi sao được nữa. Nguyễn Văn Thành vào kinh đô Phú Xuân, chỉ ít lâu sau, bị bọn quyền thần, vin cớ con trai ông làm bài thơ ngông cuồng có ý oán Vua, gây rối loạn. Cả nhà ông bị tội chết. Khi chịu hành hình, người quan Tổng trấn nhớ nhất chính là thầy đồ làng Gia Trung.

Ông nghề Bát Nhị

Làng Bát Nhị, huyện Tiên Phước, có nhà họ Trần, nghèo mà ham học. Hai mẹ con tận tảo nuôi nhau.

Trần Quý Cáp ít nói, hay làm. Ngay từ tuổi mười lăm, mười sáu đã tự đi dạy học kiếm tiền nuôi mẹ. Quý Cáp lắm lùi, không thích ganh thi với ai, ai tranh giỏi tranh tài giữa đám trường văn, trận bút cũng mặc. Tuy vậy, khi không dùng được phải biện bạch thì, nói năng như gió thổi, suối chảy, ai nghe cũng thích.

Một lần, tập văn ở trường tỉnh, bàn về chương I, phần Thiên Thượng trong Đạo Đức Kinh, thầy sai Trần Quý Cáp đọc to lên. Quý Cáp mặt đỏ, tiếng trầm, nghe rất hay. Anh đọc:

Đạo khả đạo, phi thường đạo; danh khả danh, phi thường danh.

Vô, danh thiên địa chi thủy; hữu, danh vạn vật chi mẫu.

Cố thường vô, dục dĩ quan kỳ diệu; thường hữu, dục dĩ quan kỳ kiếu.

Thử hưỡng giả, đồng xuất nhi dị danh, đồng vị chi huyền. Huyền chi hữu huyền, chúng diệu chi môn.

Trần Quý Cáp đọc xong, quan Đốc học cao giọng giảng:

- Các trò nghe đây. Lão Tử, chương này, muốn nói về cái đạo trong trời đất. Nghĩa như sau:

Đạo mà có thể diễn tả được thì không phải là đạo vĩnh cửu. Tên mà có thể đặt thành tên thì không phải là cái tên bất biến.

"Không", là tên cái có trước nhất của trời đất. "Có", là thứ để gọi mẹ của muôn vật.

Cho nên, tự thường đặt vào chỗ "Không" là để xét cái thể vi diệu của đạo; tự thường đặt vào chỗ "Có" là để xét "cái được dùng" không cùng của đạo!

Hai thứ "Không" và "Có", từ đạo ra mà khác tên, đều là huyền diệu.

Huyền diệu rồi lại thêm huyền diệu, đó là cái cửa của mọi biến hoá kỳ diệu.

Giọng thầy sang sảng. Các trò lắng tai nghe như nuốt lấy lời. Quan Đốc học chỉ vào học trò yêu mà bảo:

- Trò Lê con nghĩ về câu này của Lão Tử thế nào?

Anh học trò kiêu căng này, đứng phất dậy, muốn tỏ ra mình là vượt trội. Anh nói:

- Thưa thầy con hiểu hơi khác một tý. Câu *Đạo khả đạo, phi thường đạo. Danh khả danh, phi thường danh*, có nghĩa là Đạo thực là đạo thì khác với cái đạo bất biến. Danh thực là danh khác với cái danh bất biến!

Quan Đốc cười khen:

- Đó là anh muốn hiểu chữ phi khác với cách giảng của ta. Cũng là một ý mới. Nhưng đi thi mà bình như anh thì quan trường dễ đánh hỏng lắm đấy, vì cố hiểu khác với cái điều người ta đã giảng cho nhau hàng trăm năm nay. Còn anh Cáp, anh hiểu câu này như thế nào?

Trần Quý Cáp đứng dậy thưa:

- Thưa thầy, con hiểu, Lão Tử muốn nói: đạo là bản nguyên. Cái "thể" của nó là vô cùng... Nó lại biến hoá mãi mãi, đời người thì cực ngắn, làm sao hiểu hết lẽ huyền vi của Đạo được.

Quan Đốc học khen:

- Nói như anh Cáp, gọn ngắn mà súc tích. Ta khen con đấy!

Trần Quý Cáp lâu thông bách gia chư tử, học một biết mười, văn chương, kinh nghĩa, thơ phú đều giỏi, thi Hương đậu Cử nhân. Năm Tân Sửu (1901) vào thi Hội, đậu ngay Tiến sĩ...

Những tưởng trước, sau Trần Quý Cáp sẽ theo con đường cử nghiệp...

Nhưng...

*

Ông vẫn đi dạy học... Đã là ông Nghè rồi, mãi không thấy Trần Quý Cáp được chiếu Vua gọi ra làm quan.

Người ngoài, thân tộc sốt ruột cho ông. Trần Quý Cáp không lấy thế làm buồn, trái lại vẫn rất vui vẻ. Có người hỏi:

- Sao quan Nghè không nhờ cậy người ở kinh thành lo cho một chức quan. Người như ông thì Quốc Sử Quán, Hàn Lâm Viện, học sĩ Đông Các, làm gì không được.

Ông chỉ cười mà trả lời:

- Đức Thánh Khổng ngày xưa, đi bao nhiêu nước không được dùng làm tướng, mà sau danh vang bốn bể, lấy lòng thiên hạ. Làm quan, bổng lộc nhiều thì lưng phải cúi. Ta lại không quen chào, lạy.

Nhiều người cho ông là gàn.

Một hôm có người khách lạ đến đập cửa xin vào. Hỏi ra mới biết là đồng chí của Phan Sào Nam đến mời tham gia phong trào Đông Du. Người ấy được ông đãi rượu, nói rất nhiều về những nhân tài của Việt Nam Quang Phục hội, kể tên từ Nguyễn Thượng Hiền, Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân, Tăng Bạt Hổ, để mong ông dưng vào, giúp chiêu mộ những người tài trí Đông du. Cả đêm, ông chỉ gật gù nghe mà không trả lời.

Đến gần sáng, lúc chia tay đã đến, người kia hỏi:

- Ý ông thế nào, để tôi về nói lại với ông Phan.

Ông nói:

- Đã có chí độc lập, tự mình tìm lấy đường của mình, cứ gì phải Đông du... Người Nhật người ta có phải đi đâu đâu, mà cũng tự cường được.

Người kia lắc đầu, chào rồi ra về. Trần Quý Cáp chơi thân với Phan Chu Trinh. Phan cho ông mượn hai cuốn: "Khế ước xã hội" của Lư Thoa⁽¹⁾ và cuốn "Ý thức pháp luật" của Mạnh Đức Tư Cưu⁽²⁾... Ông đọc suốt ngày đêm, bỏ cả ăn, thú vị lắm. Hôm sau, đến tập văn ở trường tỉnh, theo lời mời của quan Đốc học. Ông ngồi lên sập, học trò đang mở sẵn sách Mạnh Tử để nghe ông giảng. Ông đồng dục nói:

- Gập sách của thầy Mạnh lại... Hôm nay ta giảng cho các anh những tư tưởng ánh sáng mới của hai nhà tư tưởng Âu châu. Ông thứ nhất là Lư Thoa, một nhà dựng lên lý thuyết cho cuộc Cách mạng Dân quyền ở Pháp. Ông thứ hai, cũng là một nhà tư tưởng lớn không kém. Ông này cũng là Mạnh, nhưng không phải là Mạnh Tử mà là Mạnh Đức Tư Cưu...

Cứ thế ông diễn thuyết về những điều mình thấu nhận được. Trước hết, đó là tư tưởng bài bác vua chúa phong kiến, kìm hãm sức người, sức dân, kìm hãm chí tiến thủ của xã hội. Ông Trần giải thích những ý tưởng đòi giải phóng cá nhân, giải phóng trí tuệ; đòi bình đẳng, tự do, đòi bình quyền, công bằng cho xã hội; đòi tổ chức xã hội thành một thể chế mới, trong đó lấy dân quyền, dân chủ làm gốc để chăm lo cho dân sinh được ngày một tốt đẹp, được cải thiện; đòi khai mỏ, mở công xưởng, khuyến khích ngành cơ khí, đóng tàu, mở rộng buôn bán...

Học trò há hốc miệng ngồi nghe. Nhiều người ngơ ngác không hiểu sao, một sớm một chiều, thầy Trần lại chuyển động

⁽¹⁾ Phiên âm theo chữ Hán, tức Jean Jacques Rousseau.

⁽²⁾ Tức Montesquieu.

lanh lẹ, cấp tiến hùng hực đến như thế. Đốc học sợ toát mồ hôi, sau buổi học, gọi ông đến quở trách:

- Ông giảng thuyết bài bác quân chủ, kích động học trò, ông làm tôi khó xử với các quan trên đấy! Hôm qua ông tán dương Khổng Mạnh, Lão Trang đến tận trời, sao hôm nay ông lại vút họ vào sọt rác, công kích cựu học, khuyến khích tân học, đề cao dân trí, khuyến khích đòi độc lập, đề xướng dân quyền. Ông không sợ người Pháp tổng giam ư?

Trần Quý Cáp cười:

- Tôi lấy Pháp chống Pháp đó! Ông Lư Thoa và ông Mạnh Đức Tư Cưu chẳng là người Pháp ư! Những người như họ là người khai sáng, còn bọn thực dân bây giờ, lại đi ngược với ánh sáng tư tưởng của họ. Tôi nói để đồng bào mình giác ngộ, ai bắt bẻ nổi.

Quan Đốc học cũng là người tốt nói:

- Bọn Pháp tàn ác lắm, lũ gian thần cũng chỉ mong có dịp là lập công, ông nên giữ mình! Tôi chỉ lấy làm lạ, là ông do đường cử nghiệp mà ra, mà bỗng chốc coi chuyện thi cử, vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bè bạn, cương thường, đều là thứ cổ hủ cả...

Trần Quý Cáp chân tình, bộc bạch:

- Tôi cũng lấy làm lạ. Đầu óc tôi không hiểu từ bao giờ đã bị tân học chiếm lĩnh, nên không còn chỗ để lối văn tám vế (bát cổ) sinh hoạt nữa, biết sao bây giờ...

Bữa sau lên lớp, ông lại không giảng Luận Ngữ, Mạnh Tử, lại đem "Khế ước xã hội" và "Ý thức pháp luật" của Lư Thoa và Mạnh Đức Tư Cưu ra giảng tiếp.

Quan Đốc học từ đó không dám mời ông sang giảng cho học trò mình nữa.

Ông lại đi đến các trường huyện, bởi ông là người thực học, danh vọng lớn nên quan Giáo thụ đều nể vì cả. Ông đi khắp thành thị, thôn quê, cứ thấy trường nào cho nói, cho giảng thì

đến nói, đến giảng, không hề câu nệ. Mưa cũng đi, nắng cũng đi. Có lúc người đông trong quán rượu, tụ tập dưới gốc đa, mời ông nói chuyện, ông đều nói cả. Dần dần những buổi nói chuyện ở sân đền, sân miếu, ở bãi cỏ lại đông hơn ở lớp, ở trường. Vì kiên trì như thế, người ta vỡ vạc dần. Thanh niên trí thức rủ nhau đến nghe ông nói chuyện. Ông đọc thêm sách, viện dẫn nhiều câu chuyện lý thú, nên các cuộc nói chuyện càng về sau của ông, càng có hiệu quả. Có bữa, đang nói ở nhà một người học trò, ông đứng giữa sân, người vây xung quanh, trời đổ mưa to, ông nói át cả mưa. Mưa lớn, chân lầy bùn, cả người nói, người nghe, chẳng ai chịu rời chỗ.

Ông kể chuyện từ Đông sang Tây, từ lớn đến nhỏ, vạch rõ các tập tục hủ lậu của nước ta, sự ngu hèn yếu đuối của người dân ta, đang bị giặc lấy súng đạn đe nẹt mà không dám vùng dậy... Lắm lúc nói đến cảnh nước mất nhà tan, giọng ông nghẹn lại, lời rung lên như trong trận khóc, có lúc nói đến lòng khao khát tự do, chí hướng mong dân trí, dân sinh dồi dào, mắt ông sáng lên, miệng như cười hướng về một chân trời đầy hứa hẹn.

Công sứ Quảng Nam triệu ông đến bảo:

- Ông xúi giục dân chúng vùng này nổi loạn phải không?

Ông cười nói:

- Ông lầm rồi. Tôi nói điều mà người Pháp các ông luôn nhắc đến trong buổi cách mạng lập ra nền Cộng hoà, Dân chủ đó thôi! Những điều tôi nói đến là Công lý, Dân quyền, điều mà công luận, báo chí Pháp ra rả bàn đến hàng ngày đó!

Viên Công sứ tức lắm, không làm gì được. Hắn cho đòi tên tay sai đắc lực đến rồi bảo:

- Trần Quý Cáp lợi hại lắm! Không giết người này, vài năm nữa, dân Quảng Nam, Quảng Ngãi không trị nổi nữa đâu.

Gã mặt thám bảo:

- Đưa nó ra khỏi vùng đất dữ này, nó có diễn thuyết, ngo ngoe được cũng mất hàng năm.

Công sứ Pháp bàn với Khâm sứ ở Huế đưa Trần Quý Cáp làm Giáo thụ Ninh Hoà, phủ Khánh Hoà... Gã mật thám cũng được gọi đến mà bảo:

- Trị được Trần Quý Cáp, chỉ có anh! Ta xin quan Khâm sứ bỏ cho anh làm Bố chánh Khánh Hoà, anh theo dõi Cáp, thấy hắn bộc lộ điều gì nguy hại đến trật tự an ninh thì buộc tội mà giết đi...

Tên mật thám rồi rít cảm ơn gã Công sứ...

Khi Công sứ Pháp cho người ở dinh Tổng đốc đem chiếu chỉ của Nhà vua phong Trần Quý Cáp làm Giáo thụ, ông tránh mặt để không phải quỳ lạy. Chờ mãi, viên thừa phái của quan Tổng đốc phải về. Mấy hôm sau, quan triệu Trần Quý Cáp lên hầu, trách:

- Người khác, chỉ mong có chiếu Vua để ra làm quan, mở mặt với đời, sao ông để mắc tội khi quân, không cả thêm tiếp chiếu thế?

Cáp ung dung nói:

- Nhà tôi nghèo, phải đi dạy học xa nuôi mẹ già, quan không báo trước, tôi làm sao mà nghênh chiếu được?

Biết Cáp nói thác ra thế, quan Tổng đốc lại hỏi:

- Hay là ông không định cộng tác với người Pháp.

Cáp thưa:

- Mẹ tôi già, đã tám mươi tuổi. Tôi đỡ Tiến sĩ, tiếng cả nhà thanh, mẹ tôi không lấy thế làm buồn. Lòng mẹ tôi thế, tôi không phụng dưỡng được, rất áy náy. Mẹ tôi chỉ thích ở quê, không thích đi đâu! Nếu tôi đi làm quan, lấy ai trông nom được!

Tổng đốc bầm lại với Công sứ. Viên Công sứ buộc Cáp phải đi dạy học. Ông nghĩ bụng:

- Cứng quá cũng hỏng việc. Chi bằng ta cứ đi. Ta lại dạy học trò những điều sở đắc của ta, há chẳng hay sao?

Rồi nhận lời đi làm Giáo thụ.

Trần Quý Cáp đến Diên Khánh thì quan Bố chánh Khánh Hoà đã ra đón. Y chính là tên mặt thám lợi hại của viên Công sứ, phái ra đây để lo trị những nhà hoạt động cách mạng.

Cáp đến, y vội vã sang chào. Y đã đến trước bốn tháng. Y mừng rỡ vì ở đây có người đồng hương. Cáp về ngồi dạy học ở Ninh Hoà. Kỳ xuống kinh lý, y thân đến thăm Cáp, lại biếu mấy thước lụa để mẹ Cáp may áo.

Cáp vẫn chờ quan Bố chánh nhắc nhở mình về chuyện vẫn tiếp tục giảng cho học trò những điều tâm đắc về dân sinh, dân quyền, dân chủ. Nhưng quan Bố chánh không nói gì.

Tuy nhiên, y đã cài lại ở Ninh Hoà một người bề ngoài có vẻ suy tôn Trần Quý Cáp, nhưng thực ra để theo dõi dò la ông!

Tên này tỏ ra rất hâm mộ Cáp, y cũng bàn về dân sinh, dân chủ, dân quyền, tỏ vẻ thông thạo, do đó Trần Quý Cáp không nghi ngờ gì cả. Một bận hai người đang ngồi đàm đạo, thì người lão bộc của Trần Quý Cáp vào đưa thư nhà... Người thân của quan Bố chánh thấy Trần Quý Cáp đọc thư, cười ha hả có vẻ khoái chí, liền hỏi:

- Quan Giáo thụ có điều gì mà đắc chí thế?

Trần Quý Cáp nói:

- Có gì đâu, cái điều tôi dự đoán nay đã đến. Người Pháp bòn rút, triều đình bòn rút, vụ chống sưu ở Quảng Nam đã nổ ra rồi.

Nói đoạn sẵn nghiên bút, liền viết luôn mấy chữ Hán bên cạnh bức thư: "Ngô dân thử cử, khoái, khoái, khoái" (Dân ta đứng dậy như thế, thật là sướng, thật là sướng, thật là sướng!). Tên phản bạn tìm cách lấy được bức thư của Trần Quý Cáp đưa về cho quan Bố chánh. Quan Bố chánh thân đem lên cho quan thầy là viên Công sứ Quảng Nam.

Công sứ Pháp, viết thư cho quan Bố chánh, bảo phối hợp với các quan đầu tỉnh ở Khánh Hoà, ghép Trần Quý Cáp vào tội xúi dân

làm loạn, xử tử hình. Ngày mồng 5, tháng 5, năm Mậu Thân, Trần Quý Cáp bị đem ra chém ở chợ Diên Khánh.

Trước khi bị đem hành hình, ông nhờ người coi ngục đem cho hương án và áo khăn đến. Ông mặc quần áo chỉnh tề, lạy trước án, khấn to lên rằng:

- Quý Cáp bất tài, không giúp được việc lấy lại nước cho dân, để dân lầm than. Trước khi chết xin tạ tội cùng đất nước! Quý Cáp không ở lại để cùng đồng chí, cùng chiến hữu mở mang dân trí, đấu tranh cho dân quyền, xin tạ tội cùng bè bạn! Quý Cáp còn mẹ già, không sống để thờ phụng được, đành lấy cái chết nghĩa khí để báo đền. Con xin mẹ hiểu lòng cho con!...

Rồi ung dung bước khỏi nhà lao đi thụ hình.

1998

Người đàn bà xứ Huế

Trong khám tử tù ở Dinh Phủ doãn Thừa Thiên một người đàn bà vừa bị tổng ngục. Bà họ Đinh. Tên hỏi không xưng, chỉ nói với bọn quan hình:

- Ta vào đây trước sau cũng chết hỏi tên mà làm gì?

Tính bà rất khảng khái. Từ ngày vào trong ngục, không hề buồn phiền. Hàng ngày cầm sách đọc. Dù chân cùm sung tấy cũng thản nhiên như không.

Quan coi ngục là người vì miếng cơm manh áo mà phải thừa hành, trong lòng rất trọng. Bà muốn đọc sách gì ông ta đều bảo lính canh đưa cho. Tất nhiên chỉ được đọc vào buổi trưa, là lúc bọn quan lại hình sự và mật thám Tây ít đến. Có buổi, ông ta còn lấy cớ vào thăm hỏi vòng vo thật lâu, cởi cùm cho bà được thảnh thơi đôi lúc. Bà biết cử chỉ và tấm lòng tốt của ngục quan, nên còn nhờ ông việc nọ việc kia. Việc nào giúp được ngục quan đều giúp cả.

Do đó, ông mới biết phu nhân là con nhà dòng dõi, ở ngay đất kinh đô. Phu nhân vốn thích văn thơ, đặc biệt là những bài thơ vịnh sử.

Một bận vào thăm thấy bà đang đọc thơ vịnh sử của Đặng Minh Khiêm, ngục quan mở đọc thấy có bài Đặng viết về Chu Văn An:

Thất trăm chương thành tiệp quả quan,

Chí Linh chung lão hữu dư nhân.

Thanh tu khổ tiết cao thiên cổ

Sĩ vọng nham nham ngưỡng Thái San.

"Thất trăm" làm xong, xin cáo quan

Chí Linh vui với tuổi già nhân.

Thanh tao, khắc khổ nêu gương sáng

Sĩ tử vời trông ngọn Thái San.

Đình phu nhân hỏi ngục quan:

- Chu Văn An ngày trước xin chém bảy quyền thân. Còn bây giờ, nếu được dâng sớ, tôi sẽ xin chém ít nhất bảy mươi đứa!

Ngục quan im lặng, sợ nói theo bà, có kẻ lại mách lẻo với bọn mật thám, quan trên. Phu nhân lại nói tiếp:

- Quan lại theo Pháp ở triều đình đều đáng chém cả. Bọn giá áo túi cơm ấy, chỉ vục đầu vào miếng ăn, bóng lộc, nào có nghĩ gì đến sự còn mất của nước nhà! Ông thấy lời ta nói thế nào?

Ngục quan nói rất nhỏ:

- Tôi biết phu nhân là người khác đời. Con quan, vợ quan, chỉ vì nhiệt huyết mà bôn ba Nam Bắc, đến nỗi thân bị luy mà gia đình thì bị giặc o ép. Mong phu nhân liệu cách mà xử sự, kéo chúng dùng đại hình thì khổ đến thân.

Nói rồi lui ra.

*

Tra xét mãi không xong, Công sứ Pháp trao cho bộ Hình, dùng cục hình để tra hỏi. Bữa ấy Hình bộ Thị lang đích thân ngồi công đường. Mặc dù thân thể còn rách nát bởi kim dút thịt, dùi nung xuyên qua bàn tay, phu nhân tư thế ung dung.

Hình quan hỏi:

- Mụ có dính líu đến việc vận động người xuất dương nhằm chống chính phủ bảo hộ và triều đình không?

Bà nói:

- Việc ấy từ Nam chí Bắc hàng nghìn, hàng vạn người đang làm, đâu chỉ mình ta!

- Mụ nhận lời của Ngư Hải Đặng Thái Thân, chuyển thư chuyển tiền, dắt mối cho đám thanh niên xuất dương sang Nhật, mưu làm loạn, hại nước phải không?

Bà cười to:

- Kẻ bán nước lại dám bàn đến chuyện hại nước. Người nói thế mà không thấy ngượng mồm ư? Những người xuất dương ấy là những người ham học, cầu tiến, thấy nơi văn minh thì tìm đến, lắm giành lại giang sơn sau này từ tay giặc Pháp để rồi chấn hưng nước nhà thoát khỏi bọn hủ lậu, sâu mọt chúng bay.

Viên Hình bộ Thị lang tức quá, gầm lên:

- Con giặc cái! Dìm nó vào nước cho nó cầm miệng đi!

Chúng ấn đầu bà xuống nước hàng chục lần, sau đó lại đưa về ngục đại hình...

*

Trương Như Cương vốn làm Ký lục ở toà Khâm, được Công sứ Pháp gọi đến, bảo:

- Anh cố nhẫn nhục đến khuyên con mụ họ Đinh khai đồng chí của nó ra, như thế mới trị đến gốc phong trào Đông Du sau này được!

- Tôi xem mụ cứng đầu lắm. Đến bộ Hình còn không làm gì nổi, huống chi tôi. Tôi nghe nói các ngài có nhiều cách dụ dỗ, moi tin của bọn chính trị phạm lắm kia mà!

- Chúng ta là người Pháp, nếu gặp gỡ họ thì chỉ nhìn thấy mặt là đã ghét rồi còn chịu trò chuyện, nghe bàn phải trái gì nữa! Vì thế phải nhờ đến các ông!

Trương Như Cương về nhà, bóp đầu suy nghĩ. Từ hôm đó, phu nhân được bỏ cùm, được ăn uống tử tế, muốn đòi gì, người coi ngục phải chiều theo.

Phu nhân hỏi ngục quan:

- Sao dạo này, ta được đối xử khác hẳn trước, hay là ông chính là kẻ thực thi mưu mô của bọn giặc Pháp.

Ngục quan thực lòng thưa:

- Với phu nhân tôi nào dám giấu. Lòng tôi quý trọng phu nhân là ở những ngày phải giấu cùm, đưa sách... Còn bây giờ tôi không phải giấu ai để chiều chuông phu nhân như thế này, đâu có phải tự quyền mà làm được.

Phu nhân nói:

- Ta cũng hiểu như thế. Cảm ơn ông đã mách bảo để ta có cách đối phó.

Mấy hôm sau Trương Như Cương dẫn xác đến. Hắn khua môi, múa mép lấy chuyện xuôi dòng, ngược dòng, chuyện dấn thân vào tù đầy, chuyện liên lụy của gia đình để thuyết phục bà.

Những ngày đầu, bà giữ vẻ lạnh lùng, không thềm nói lại nửa câu. Cương tức lắm, về mách với Công sứ Pháp.

Gã an ủi thầy ký chó săn:

- Im lặng tức là có cơ nghe theo. Ông chẳng thấy mù ta ở bộ Hình, thét lác, chỉ thẳng vào mặt quan Hình bộ Thị lang mà chửi mắng ư? Thôi ông nhin nhục mà gắng thêm chút nữa.

Cương lại tìm đến ngục đại hình. Sau mấy câu mào đầu, Trương dần lòng nhin cái vẻ thờ ơ của Đình phu nhân, dụ dỗ:

- Chết vì nghĩa khí thì ai cũng kính trọng. Song còn chuyện thờ phụng, tổ tiên hương khói thì phu nhân định để cho ai? ... Lại nữa, con cái phu nhân đang ở cảnh giàu sang, chuốc lấy vạ tù đầy, đời đời khổ cực, không ngóc lên nổi, bà có liệu cam tâm không?... Việc khai báo người của hội, đoàn Đông Du, nếu phu nhân ưng

chịu viết, thì người Pháp chẳng những tha tội mà còn trọng thưởng nữa! Mà chúng tôi sẽ giữ kín việc này, người ngoài không ai biết được. Phu nhân đừng sợ mang tiếng.

Phu nhân nhìn hần rất lâu rồi bảo:

- Các ông xem ra cũng biết trọng ta, đối đãi không đến nỗi tệ. Song việc này rất quan thiết, ông cho ta nghĩ thêm một tuần nữa!

Đúng một tuần sau, Cương lại đến. Kỳ này, phu nhân tỏ vẻ sốt sắng hơn. Bà bảo Trương:

- Thôi, một cây không chống nổi trời. Ta nghe lời các ông vậy. Các việc bí mật của hội Đồng Du ta đều biết hết, những yếu nhân như các ông Trần Quý Cáp, Đặng Thái Thân có đến hàng trăm tên tuổi sự trạng, ta biết tường tận cả. Trước đây, ta cũng nặng lòng vì con cái, chuyện gia đình lắm, nhưng ta không tin các ông, cho rằng nói ra chỉ là mắc mẻo các ông, thế nào các ông khai thác xong rồi cũng giết, nên không nói. Bây giờ ông cam đoan xin mạng sống cho ta, thì ta đành nói vậy. Song, đồn tra chưa lặn, khắp mình mẩy đau tấy, không chịu nổi. Ông có thể cho ta một phòng riêng yên tĩnh, đuổi mọi người xung quanh đừng quấy rầy ta. Ta được nghỉ ngơi rảnh rang, một mình trong phòng, thì mới nhớ hết các điều các ông cần được. Ta sẽ moi hết gan ruột ra để đáp lại thịnh tình của các ông.

Trương Như Cương mừng lắm, vội sai người làm theo ý của phu nhân.

Ngày hôm về phòng, phu nhân đi dạo ngoài vườn thành thơi, về mặt có lúc đây tư lự. Trương Như Cương cho người theo dõi. Thỉnh thoảng, lại thấy phu nhân vào phòng cầm bút, dầm mực, rồi lại đặt bút xuống, ngồi thần ra...

Cho đến chiều ngày thứ ba thấy cửa phòng đóng chặt không mở, phu nhân ngồi trước bàn, mãi miết viết lên tờ cung.

Trương Như Cương mừng lắm, dặn người đưa cơm khế đặt rồi trở ra, không được làm kinh động đến phu nhân.

Buổi tối, phu nhân còn mài miết viết...

Sáng hôm sau, Cương sai người đến lấy tờ cung, thì đã thấy phu nhân nằm gục trên sàn nhà, máu xối ra lênh láng. Bản lời cung thì chẳng khai một câu nào, mà chỉ chửi bọn giặc Pháp cướp nước, bọn Trương Như Cương cục cung ôm gối, làm tay sai cho giặc, quên cả đạo lý, luân thường...

Trên tường với những ngón tay thấm máu, ba bài thơ tuyệt mệnh đã được viết trọn:

*Huyết khô lệ kiệt hận nan tiêu
Trường đoạn Hương Giang nhật dạ trào
Ngô đảng tảo thanh cầu lỗ nhật
Phản tiên nhất chỉ vị nùng thiêu*

*Trùng tuyền yểm lệ kiến Trưng Vương,
Để huyết thư quyên chỉ tự thương
Bằng tạ Phật Linh như tái thế,
Nguyễn thân thiên tỷ, tỷ thiên sang.*

*Thê lương ngực thất mệnh chung thì
Hải khoát sa không khốc tự tri
Tử quốc đảo nùng thiên hữu phận,
Thương tâm quan lũ kỷ nam nhi?
Nghĩa là:*

*Máu khô lệ cạn, hận không tan,
Đứt ruột dòng Hương nước xuống lên.
Giặc dữ ngày nào đã quét sạch,
Trước mồ xin được một tuần nhang.*

Suối vàng nuốt lệ gặp Vua Trưng,
Khóc máu, hồn quỳên, chảy chẳng ngưng.
Nếu Phật linh thiêng cho sống lại
Nghìn tay thân hiện quyết vung gươm.

Nhà giam lạnh lẽo phút lâm chung
Bể rộng, sông dài có biết không?
Vì nước quỳên sinh dành phận gái,
Làm trai, ai hỡi, sống anh hùng!
Trương Như Cương đến. Y sững sờ, vò đầu, bứt tai:
- Ta lại thua chí người đàn bà xứ Huế này rồi.

1998

Trong rừng Yụ Quang

Buổi chiều hôm nay, xem ra có vẻ khác thường. Các đại thần đợi ngoài cửa điện, vẻ mặt đầy lo lắng, hiếm thấy một câu nói đùa của quan Phủ doãn vốn nổi tiếng siêng năng và hài hước.

Khi viên quan Hoàng môn cất giọng báo Hoàng đế đã ra, các quan quỳ xuống lạy, thì nhìn lên, Vua bữa nay đã khác, không còn là Vua Dục Đức bữa trước nữa...

Quan phụ chính đại thần là Tôn Thất Thuyết xuất ban, đứng trước bệ rồng, tuyên đọc lời suy tôn Vua mới là Hiệp Hoà, thay cho Dục Đức, bởi Dục Đức là người nhu nhược, không thể cầm cân nảy mực cho triều đình.

Lời tuyên đọc xong, các quan rầm rập, tung hô vạn tuế.

Nhưng, đã có một đại thần, người dong dỏng cao, mày thanh, mắt sáng, bước ra, cất giọng đàn hặc rằng:

- Tôi, Phan Đình Phùng, xin hỏi các vị phụ chính đại thần: Đức kim thượng trước là do di chiếu của Tiên Hoàng đế lập nên... Ở ngôi mới được ba ngày, thì làm sao mà biết nhu nhược hay cương nghị. Làm vua được ba ngày, sao mà biết được tài trị nước, an dân...! Từ thuở Đinh - Lê, Lý, Trần - Lê, Nguyễn, các triều từng có nhiều đời vua, chưa thấy có việc này bao giờ. Việc phế lập đâu có thể tùy tiện được. Vua mới trị vì được ba ngày, kiếm đâu ra lỗi mà phế lập... Tôi cho các phụ chính đại thần làm chuyện động trời này, nếu không vội vã thì cũng là có ý gì kia khác, không công minh. Việc này coi như sự đã rồi! Còn việc khác? Triều đình còn gồm đủ bá quan văn võ, sao phế lập chỉ do phụ chính đại thần và Nội Mật Viện?

Tôn Thất Thuyết át đi, tiếng giận dữ:

- Người Pháp vừa bắt ta ký hoà ước phụ thuộc vào nước họ. Giương cao cờ đuổi Pháp, giành lại giang sơn gấm vóc, kẻ nào dám chống lại, thì hãy sờ lên cổ, xem đầu có thể còn hay mất!

Các quan im thin thít. Phan Đình Phùng cười khẩy.

Ái cũng tưởng quan tướng Tôn Thất Thuyết sẽ tìm cách giết Phan Đình Phùng, vì dám lên tiếng hạch hỏi, làm mất mặt bậc thống tướng trước mọi người.

Nhưng Phan Đình Phùng chỉ bị cách chức Đô ngự sử và đuổi về nhà...

Ông không lấy thế làm buồn, liền trở về làng Đông Thái vui thú điền viên. Ở đó, ngày ngày, ông thường giao du với các sĩ phu trong vùng Đức Thọ, Hương Sơn, Hương Khê... Hy vọng của ông rất lớn, ông lại là người đồ đạt cao, là bậc thức giả bậc nhất ở Nghệ - Tĩnh bấy giờ. Nhiều người muốn mời ông ra ngồi dạy học để họ gửi con em đến, ông cười chua chát nói:

- Khoa cử bây giờ còn ích gì nữa. Ích quốc lợi dân bây giờ là những điều khác kia...

Và nhất định không mở trường dạy học.

Năm 1885 (Ất Dậu) xảy ra chuyện chính biến đánh lại người Pháp, cũng lại do chính Tôn Thất Thuyết khởi xướng, không thành công. Quan tướng phải đưa Vua Hàm Nghi chạy ra vùng sơn phòng ở Quảng Trị, ban chiếu Cần Vương, hiệu triệu thần dân giúp Vua chống Pháp. Phan Đình Phùng đọc chiếu, nước mắt đầm khăn... Ngay hôm sau, đem hết tài sản và gia đình vào khu rừng cấm ở Hương Khê, dựng cờ khởi nghĩa, hưởng ứng chiếu vua...

Ít lâu sau, ông nhận được thư của Tôn Thất Thuyết có ý muốn đưa Vua Hàm Nghi ra Hà Tĩnh và muốn cử ông làm Hiệp thống quân vụ đại thần, thống lĩnh việc quân ở ba tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh. Quan tướng ngỏ lời xin lỗi, tiếc vì việc cũ, buổi tau

Vua cách chức ông. Ông xem thư, ngồi lặng. Hai giọt nước mắt bất chợt lăn trên gò má.

*

Cao Thắng bấm với Phan Đình Phùng:

- Chống Pháp lâu dài, nếu cứ dùng giáo mác thì không thể mong thắng chúng được.

Phan Đình Phùng hỏi:

- Ông có kế gì hay chăng?

- Chẳng phải là phải lo đúc súng và làm đạn ư?

- Liệu có làm được không?

- Thừa chủ tướng, dân ba tỉnh ắt có thợ rèn giỏi. Ta phục kích Pháp, cướp lấy khẩu súng, về tháo ra, rồi học cách chế lấy, tôi chắc là được!

Thấy Cao Thắng nói quả quyết, Phan Đình Phùng vội giục làm ngay.

Cao Thắng cho người đi tìm thợ rèn, thợ đúc, tất cả được vài, ba chục người. Lại cho một đạo quân đón giặc ở bìa rừng, đảm chết được hơn mười tên giặc, cướp được ba khẩu súng...

Họ về tháo tất cả các bộ phận, mò mẫm, bắt chước chế thử. Cuối cùng thì khẩu súng mẫu cũng được hình thành.

Buổi bắn thử, hồi hộp lắm. Súng tuy không mạnh như súng Pháp, nhưng cũng sát thương được giặc.

Phan Đình Phùng lập tức cho mở xưởng đúc súng. Song do làm thủ công nên mấy tháng trời mới được hơn trăm khẩu, và do thép tôi từng mẻ không được tốt như nhau, nên khẩu này có khi lại tốt hơn khẩu kia.

Nhưng có khẩu súng trong tay, nghĩa quân tin tưởng hẳn lên.

Từ buổi có súng họ liên tiếp ra quân, đánh theo lối chặn đường, phục kích cũng cướp được của giặc hàng chục khẩu nữa...

Thanh thế của nghĩa quân rất lớn. Bản doanh của Phan Đình Phùng đóng ở rừng Vụ Quang, một khu rừng rậm rạp, rất nhiều chim thú.

Phan Đình Phùng cho quân, những ngày không đánh giặc, vỡ đất trồng lúa, trồng khoai sắn, lại nuôi trâu hàng chục đàn, mỗi đàn vài chục con cho đeo mõ ở cổ, và cho dân binh thay nhau đi chăn.

*

Năm Giáp Ngọ (1894) giặc Pháp mở một trận càn lớn vào dinh lũy nghĩa quân.

Cao Thắng bàn với Phan Đình Phùng:

- Chúng đánh lớn, nhiều ngày, định phá bằng được chiến khu của ta. Phải làm thế nào đây!

Quan Hiệp thống quân vụ nói:

- Ta bảo toàn quân lực là chính. Phải tránh lực lượng tinh nhuệ của giặc. Ông là người đặt kế phá giặc, đã có kế hay gì chưa?

- Mặt tướng nghĩ, hãy nhử chúng vào sâu trong rừng! Hãy cho chúng ném một đòn đến nơi đến chốn. Mấy khi chúng tập trung quân dẫn đến tận nơi cho ta đánh.

- Ông phải tính thật kỹ, không sơ khoáng được đâu!

Cao Thắng nói:

- Ở đất này, ai cũng có thù với Pháp nên mới tụ nghĩa Cần Vương. Tôi đã chọn trong số quân những người gan góc, có chí khí, giao súng cho, chia quân nhử giặc trong rừng..., tạo ra mê trận, khiến tiến sâu vào thế nào chúng cũng tổn thất lớn.

Nói rồi bàn kế hoạch phá giặc.

Pháp đem hai mươi lính Pháp và khoảng tám mươi tên đồng, có súng cối, súng liên thanh tiến vào rừng Vụ Quang.

Ở cửa rừng, súng cối mở đường đến đâu, nghĩa quân Vụ Quang rút đến đấy. Bọn Pháp đã nhìn thấy những đồn trại tre nứa ở phía ngoài. Chúng tiến sâu vào và ra lệnh đốt...

Nhưng những bước sau thì bị chúng bị chống trả quyết liệt. Những tay súng bắn tỉa rất chính xác, cứ nhè những tên Pháp mà bắn...

Súng bắn bên trái, bắn bên phải, bắn đằng trước, bắn đằng sau.

Lại có cả mấy tay súng, nấp cả ở trên cành cây cao mà bắn xuống, rồi tụt xuống chạy thấp thoáng trong rừng...

Có lúc lại thấy súng bắn hàng loạt ở một phía rất đông... Thật ra đâu phải súng. Cao Thắng đã cho mấy tay súng thật bắn, đồng thời đốt một loạt pháo dùng để giặc tưởng đó chính là sào huyệt của nghĩa quân. Viên thiếu úy Pháp quả nhiên cho người tiến theo hướng ấy.

Khi chúng gần đến nơi, súng bắn bật lại, rồi tự dừng chỗ súng bắn nhiều nhất lại lặng tanh không có chi cả... Viên chỉ huy biết mắc mọ, quay ra, thì súng lại nổ ran ở cánh trái, chúng lại nấp, lại bắn trả rồi tiến về phía này... Nhưng, sau đó là những thầy lính bị bắn tỉa đổ vật xuống.

Cuộc chiến giằng co từ sáng sớm cho đến khi đổ tối mới thôi.

Quân Pháp đành phải rút lui, khiêng theo nhiều tên lính bị thương và bỏ lại hàng chục xác chết...

Phan Đình Phùng và Cao Thắng mừng lắm, cho ngả trâu mổ tiệc khao quân.

Phan Đình Phùng ngồi chung với quân sĩ, uống rượu, ăn thịt nướng. Các nghĩa quân râm ran trò chuyện về trận thắng vừa qua và muốn quan Đình nguyên đọc thơ cho nghe.

Ông đứng lên, cảm khái, nâng chén rượu ngang mặt. Lá rừng làm cho mặt ông xanh lên đôi chút, song giọng ấm và vang của ông đã làm nức lòng người chiến thắng:

Sơn cái cao hể, thủy cái thanh,
Mỗi ư mặc tướng hiển anh linh
Bất nhiên chúng quả tương huyền thậm,
Hồ đảo khe biên dĩ thất kinh
(Núi cao vút hể, nước xanh trong,
Hiển thánh thần linh, giúp nước non.
Lấy ít thắng nhiều công lẫn thủ,
Giặc đến đâu khe đã hết hồn...)

*

Từ ngày Cao Thắng, Nguyễn Thanh tử trận, Phan Đình Phùng cất nhắc những tướng trẻ lên thay thế, nhưng giặc bao vây rất dữ... Muốn có muối, có lương thực, nghĩa quân phải đi vào ban đêm đến các làng, vào các nhà có tâm huyết với việc phục quốc để đem về. Bữa cơm của quân lính thường phải ăn thêm khoai sắn. Những người theo Phan Đình Phùng từ buổi đầu đến nay đã thành những người lính già mà vẫn chưa vợ con gì.

Không nói ra, ông thương quân sĩ lắm! Giặc đồn càn ở Vụ Quang, ông phải dẫn quân lên núi Quạt. Do thiếu thốn nhiều năm, ông bị bệnh ly. Biết không thể qua khỏi, ông gọi viên tướng trẻ họ Lê đến bên giường bảo:

- Ta biết mình không qua khỏi, mọi việc cậy nhờ vào tay tướng quân. Cố đánh giặc, chờ thời cơ, liên kết với những quân Cần Vương khác.

Viên tướng khóc mà nhận lệnh. Ông báo người hầu đem đến bút, nghiên mực, tuy tay đã run nhưng nét chữ vẫn đẹp như cắt. Ông viết liền một mạch bài thơ trước lúc lâm chung: *Lâm chung thời tác*

*Nhung trường phụng mệnh thập canh đông,
Võ lược do nhiên vị tấu công.*

Cùng hộ ngao thiên nan trạch nhận,
Phủ đồ biến địa thượng đồn phong.
Cửu trùng xa giá quan sơn ngoại,
Tứ hải nhân dân thuỷ hoả trung.
Trách vọng dĩ long ưu dĩ trọng,
Tướng môn thâm tự quý anh hùng⁽¹⁾.
Viết xong bài thơ chừng một giờ ba khắc sau, ông mất.

⁽¹⁾ Xin tạm dịch: Thơ làm trong lúc sắp mất:
Mười năm vâng chiếu cầm quân,
Quân cơ võ lược đâu phần tấu công?
Dân như nhận đói, kêu sương,
Quân thù như kiến như ong tụ về.
Vua còn lợi suôi trèo khe
Dân lành chốn chốn đầy khe lửa nong.
Ngày đêm canh cánh bên lòng
Tướng môn luống thẹn anh hùng thuở xưa.

Chiếc nghiên mực của vua Tự Đức

Sứ thần Trung Hoa mến tiếng của Vua Tự Đức liền đem dâng một báu vật. Quan nội giám giở ra xem thì chỉ là một chiếc nghiên mực. Liền cất đi, không dâng lên.

Một lần, y mài mực cho Vua viết, Vua chỉ chiếc nghiên ngọc bảo:

- Chiếc nghiên này tuy đẹp, nhưng ta đọc trong sách thì nghiên phải được làm bằng đá, đá ráp, mới mài mực được. Nghiên bằng ngọc chỉ để chơi thôi!

Rồi, bởi thông tuệ, ngài Ngự chợt nhớ ra:

- Bữa nọ, sứ thần Trung Hoa có tặng chiếc nghiên mực, Khanh để đâu rồi!

Nội giám tâu:

- Thần cho là thứ nghiên mực không được quý như các báu vật khác, nên đã vất vào ngự khố rồi ạ.

- Lấy ra đây cho ta xem nào!

Nội giám vâng mệnh đi ngay. Vua giở ra xem. Khi sờ tay vào thớ đá, Vua đã lấy làm lạ. Chiếc nghiên mực quả không phải làm bằng đá thường. Đó là chiếc nghiên hơi quá cỡ, bề dài dễ đến gần tám tấc⁽¹⁾, bề rộng năm tấc, dày non một tấc. Đá vừa trơn vừa bén. Bờ nghiên chạm trổ rất tinh vi. Vua hỏi nội giám:

⁽¹⁾ Đơn vị đo lường đương thời, một tấc bằng 0,04 mét.

- Khanh có biết xuất xứ chiếc nghiên này từ đâu không?

Nội giám ứ cổ không nói được. Vua nhắc:

- Về sau, nếu những báu vật được thu nhận, người phải hỏi người dâng xem nó từ đâu tới và lai lịch ra sao, hiểu không?

Rồi Vua lại cười độ lượng bảo:

- Chắc là người lại cho là thứ đồ xoàng. Nghiên mực bằng đá thì có gì là quý đâu chứ! Thế người có biết tích ngọc Biện Hoà ngày xưa không? Ngọc ẩn trong đá mới là thứ ngọc quý đấy!

Nội giám sợ hãi, tóc gáy dựng lên, mồ hôi vã ra trên trán, tự vả vào mặt mình mà nói:

- Thân biết tội rồi ạ, thân là đứa ngu ngốc, tầm thường ạ!

Hôm sau Vua cho mời Tùng Thiện Vương Miên Thẩm tới và hỏi xem có biết về gốc tích chiếc nghiên mực này không?

Tùng Thiện Vương nâng chiếc nghiên mực lên tay, nhìn toàn thể, lật lên lật xuống, nhìn chân nghiên bờ nghiên rồi đáy nghiên, mắt chớp chớp, gương mặt lúc rạng rỡ, lúc đăm chiêu suy nghĩ. Thận trọng vốn là nết của Vương. Vua cứ để mặc cho ông Miên Thẩm quan sát.

Tùng Thiện Vương để mắt rất lâu trong lòng nghiên mực. Lòng nghiên khoét sâu rất khéo, ở rốn nghiên hơi trũng mà mắt thường nhìn không thấu nổi. Cạnh cái rốn nghiên ấy, khắc hình bát tiên xem tranh rất sinh động. Đẹp nhất là hai ông Lý Tĩnh và Lý Thiết Quài. Lý Tĩnh thì mảnh mai, tiên phong đạo cốt, còn Lý Thiết Quài thì mặt tròn to, râu quai nón rậm rì, lông mày lười mác xếch ngược, mũi to, mắt sáng... Miên Thẩm bất giác mỉm cười khiến Vua cũng vui theo. Tám vị tiên đứng chéo nhau vừa khéo trong lòng nghiên, mắt dán vào một bức tranh cổ. Vua đã xem trước và nói:

- Không phải là thợ tài hoa, không thể có những sáng tạo tinh vi, hài hòa đến thế được. Ta cho đây quả là một báu vật. Chỉ tiếc khi người dâng tặng, ta chưa phải là bậc tri âm, tri kỷ của họ...

Tùng Thiện Vương vội tâu:

- Quý nhau mới tặng vật lạ. Mà vật lạ mỗi chốc ai đã nhận ra ngay. Bệ hạ quả có con mắt xanh mới thấy hết chiếc nghiên đá này, người dâng tặng vật báu dầu không có mặt, nhưng tin vào lòng thành và vật tặng thế nào cũng có người biết đến, như thế cũng đủ mãn nguyện rồi!

Vua Tự Đức gật đầu, hỏi:

- Khanh biết xuất xứ chiếc nghiên đá này chứ!

- Tâu Bệ hạ, thần đọc sách Trung Hoa cổ sử, có nhắc đến một miền đất gọi là Đoan Khê. Khe Đoan phong cảnh rất đẹp, ở sâu trong núi. Đá ở đây có thể đẽo được thành những cổ vật rất quý đem bán cho các nhà quyền quý. Họ làm chậu cảnh, hoặc tạc phượng múa rồng châu, lân mừng chân chúa, cá hoá long, rất nhã rất đẹp, nhưng nổi tiếng nhất là nghiên mực. Nghiên mực Đoan Khê rất được ưa chuộng.

Tự Đức ban trà, Tùng Thiện Vương nâng tay đón, nhấp một ngụm, nói tiếp:

- Chung quanh nghiên mực đều khắc hoa văn chân muỗi, hoa văn này làm tôn lên bức bát tiên xem tranh trên cái đóm giữa nghiên như chiếc cù lao này. Còn đây mới là điều độc đáo nhất của chiếc nghiên này!

- Cái gì vậy? - Tự Đức hỏi.

- Bệ hạ nhìn kỹ vào lòng nghiên đây. Thoạt nhìn cái nghiên này như là thợ chưa làm cho lòng nghiên trũng đều. Bởi trong lòng nghiên có tám cái u nhỏ, vây xung quanh chiếc cù lao mang bức vẽ tám tiên xem tranh. Tám cái u này cùng với chiếc cù lao ở giữa, tạo thành cửu đảo. Tại sao lại tám, vì để ứng với bát tiên vậy. Còn chỗ kỳ diệu ở tám cái u nhỏ là ở chỗ này.

Tự Đức bị lời kéo vào lời dẫn giải rất đặc sắc của Tùng Thiện Vương, liền giục:

- Khanh nói tiếp đi.

- Tàu, tám cái u ấy đều được gọi là cù dục nhãn, nghĩa là mắt chim hoạ mi, cũng có người cho cù dục là chim cun cút, vì mắt cun cút hơi lồi. Nhưng chữ nghĩa mà làm gì, miễn là nó đẹp là được rồi.

Tự Đức nói:

- Ta xem nghiên thấy lạ, tự tay mài mực thử, thấy mực chóng quánh lắm.

Tùng Thiện Vương cười:

- Thông thường muốn thử mực nho lúc nào đã được để thôi mài, nho sinh thường thổi lên mặt mực xem đã đạt chưa. Bây giờ thần xin Bệ hạ hãy thổi xem.

Vua Tự Đức nâng nghiên lên thổi thử rồi đặt nghiên xuống. Vua hết sức ngạc nhiên. Trước ánh sáng trời của Hiên Ngự Mặc hơi thổi trên nghiên mực đã biến thành một làn nước mỏng, ánh lên màu ngũ sắc, nước chảy lên, chảy xuống trên mặt nghiên rồi vụt biến mất.

Vua Tự Đức ngạc nhiên thật sự. Tùng Thiện Vương lại nói:

- Phiền Bệ hạ quẹt thử đầu ngón tay lên nghiên xem.

Vua Tự Đức quẹt nhẹ vài cái thì thấy đầu ngón tay ướt đầm những mực, đen nhánh, thơm đẹp như ai đã mài sẵn...

Tùng Thiện Vương lại giảng thêm:

- Cù dục nhãn chính là nơi túi nước chứa mực khi được mài. Những túi mực ấy cũng là nơi thử xem mực mài đã đạt chưa. Nếu thổi thấy ánh lên màu ngũ sắc là được.

Nội giám đứng hầu, động tai lên mà nghe, rất phục. Chợt Tùng Thiện Vương quay lại bảo:

- Sao không lấy nước để Hoàng thượng rửa tay, còn đứng ngây ra đấy!

Từ ngày được chiếc nghiên quý, Vua Tự Đức không rời nó. Chỉ những đại thần trong Nội Mật Viện mới được Vua cho xem.

Vua đặt riêng trong văn phòng tứ bảo, chỉ chuyên dùng khi làm văn chương, thơ phú. Vua bảo nội giám:

- Nghiên thường dùng các việc đòi thường, nghiên nghệ thuật phải dùng vào những việc sáng tạo. Như thế mới xứng với báu vật.

Tùng Thiện Vương thơ văn đã lừng danh cả nước. Các sứ thần Trung Hoa biết tiếng đều đến thăm, ngâm vịnh, rất kính trọng.

Tự Đức cũng rất thích thơ, phú, nhưng bởi triều đình lắm việc, Vua không được rảnh rang, dành riêng cho thơ ca. Vua có đọc *Hồng Đức quốc âm thi tập* của hội Tao Đàn, một bạn gọi Tùng Thiện Vương vào châu hầu mà bảo:

- Thơ thời Hồng Đức lời lẽ thanh tao, cao khiết, nhưng chưa gần đời như Đỗ Phủ, chưa vầy bút viết hết cho lòng mình như Lý Bạch. Nếu ta làm thơ, có lẽ sẽ khác!

Tùng Thiện Vương thưa:

- Ngài Ngự dạy rất phải!

Tùng Thiện Vương thường được gọi thân mật là ông Hoàng Mười, con Vua Minh Mệnh, vào hàng vai chú của Vua. So với những người ở Tôn Nhân Phủ, Tùng Thiện Vương là một bậc văn nhân, thức giả vào bậc nhất, do đó Vua càng tin trọng. Vua thường hay gọi ông vào đàm đạo văn chương. Vua hỏi:

- Trong bài tựa "Đăng Vương Các" của Vương Bột, có hai câu rất hay là "Lạc hà dữ cô vũ tề phi, thu thủy cộng trường thiên nhất sắc"⁽¹⁾ thật tuyệt diệu, nhưng ta nhớ là đọc được ở đâu, ai cũng viết tựa tựa thế này, Vương có nhớ không?

- Tâu, hai câu đề tựa Đăng Vương Các quả là hay tuyệt, nhưng trước kia văn của Thảm Ước đã từng có câu: "Lạc hoa dữ chi cái đồng phi, dương liễu cộng xuân kỳ nhất sắc", tờ Thiên Chiếu của Vua nhà Chu cũng từng có câu: "Chức cống dữ văn vũ câu

⁽¹⁾ Ráng trời, cùng chim lẻ cùng bay. Nước mùa thu, cùng trời mênh mông một màu.

thông, hiến chương cộng quang hoa tịnh căng"⁽¹⁾, nhưng so với câu thơ của Vương Bột thì không thể nào hay bằng.

Tự Đức hỏi tiếp:

- Thi ca là nghề vì điều có thể truyền nghề được không?

- Tàu, thơ là riêng của từng người. Sầm Tham là Sầm Tham, Cao Thích là Cao Thích. Nhưng cái hay của người nọ, người kia có thể học được.

- Nghề thơ khó lắm sao?

- Tàu không khó, nhưng ít người có đủ tư cách, cảnh ngộ để hành nghề, luyện nghề!

- Như ta liệu có đủ tư cách không?

- Xin Bệ hạ tha tội nói thẳng. Ngài Ngự lo trị nước, trách nhiệm nặng nề, tâm không được nhàn, không hư tĩnh, xưa nay các đấng chí tôn làm thơ chỉ là tiêu khiển nhất thời... Còn như Đỗ Phủ và Lý Bạch đều bỏ quan mới thành thi hào, thi bá được!

Tự Đức trầm lặng nói:

- Ta muốn làm thi nhân hơn là làm Vua. Song biết làm sao. Thôi ông giúp ta vậy. Ông có bài thơ nào mới làm đọc cho ta nghe thử!

Tùng Thiện Vương nói:

- Thần xin đọc bài thơ về cái guồng nước:

Thủy xa hành⁽²⁾

Đỏ rực vầng ô, tiếng nước xối

Ngăn sông, xe guồng tát nước vội

Một lời hát buồn, chín họa theo

⁽¹⁾ Lễ cống nạp cùng văn võ thông suốt, hiến chương cùng vẻ đẹp văn chương hai lại muôn đời.

⁽²⁾ Nguyễn văn chữ Hán, bản dịch của Ngô Văn Phú.

Thay nhau đập xe, lòng rười rượi
Năm nay rông bướng chẳng phun mưa
Nhà nông than khổ mấy cho vừa
Thân dầm mồ hôi, lệ nhoà mắt
Mong đem nước vào ruộng khô rốc
Mười ngày cực nhọc chữa nên công
Đất nứt, bờ vỡ, nước mát không
Trưa trệt cả nhà meo bụng rỗng
Đòi tô, hạch thuế vẫn om sòm.

Nghe xong Vua khen:

- Có cảnh này thật ư? Quả là năm nay hạn nặng thật. Ta đã ban chiếu để các nơi lúa hỏng được miễn giảm thuế. Nhưng quan lại sở tại là vấn nạn của dân chúng, biết làm thế nào? Thôi hãy bàn về chuyện thơ ca đã. Ta thỉnh thoảng cũng làm thơ, mà ông thì có đầu chịu ở trong hoàng thành. Từ nay, ta làm, khi được dăm bảy bài, gom lại nhờ ông phủ chính cho.

Từ bữa ấy, lúc mau, lúc lâu, dinh phủ của Tùng Thiện Vương thường được thị vệ mang tráp ngoài có để Ngự chế thi. Tùng Thiện Vương vâng đọc thơ của Nhà vua, rồi tự tay viết mật sớ dâng lên, tâu xin đổi chữ nào, và nói rõ, tại sao nên đổi. Vua khi được trao lại tráp, xem lại ngay, rồi sai Bằng Phi mài mực ở chiếc nghiên quý của sứ thần Trung Hoa dâng tặng, Vua tự chép vào sách.

Việc ấy kéo dài cho đến tận lúc Tùng Thiện Vương mất.

Vua Tự Đức bảo Bằng Phi:

- Chiếc nghiên mực này từ ngày ông Miên Thẩm mất nó cũng như kẻ mất hồn.

- Bệ hạ cũng thôi làm thơ ư?

- Ta cũng có làm, nhưng ít có ai là người thẩm thơ giỏi như ông Miên Thẩm. Ông ấy quả là bậc thầy trong đám thi sĩ. Mà thơ

của ông ấy có kém gì thơ Đường đâu. Phi thử nghe bài *Xuân khuê oán* này nhé: "Tứ lâu hựu kiến hạnh hoa phi. Nộn lục kinh hoàng, liễu tiệp phi. Mạc thị niên lai, xuân thảo át. Mã đề hành xứ bất tư qui"⁽¹⁾. Thơ của ông tao nhã kín đáo lắm. Quả là như sinh thời ông nói, đã làm Vua, thì ít có ai trở thành thi sĩ như đúng danh của nó được. Ông ấy sở dĩ thành thi sĩ vì không ham danh chuộng lợi.

Vua lại buồn. Bằng Phi nói:

- Thiếp thích bài "*Tàn tốt*" (Người lính sống sót) của ông hơn: "Loạn thi, tòng ý bạt thân hoàn. Nhất lĩnh đơn y, chiếu huyết ban. Ý trượng độc cô sơn tử điểm. Tự ngôn sinh nhập Hải Vân quan"⁽¹⁾. Ông Miên Thắm viết về người lính vua đánh giặc Tây Dương ở cửa Hàn về. Tứ thơ đầy cảm khái, cảnh bi mà tứ tráng. Bài này so với thơ của Đỗ Phủ, đâu có thua!

Vua thở dài:

- Ta mất ông Miên Thắm, như mất một người bạn lớn về văn chương.

Nhưng bất hạnh cho Nhà vua, ít lâu sau Bằng Phi cũng mất. Một đêm, trăng cuối năm lạnh, gió se se, Vua ngự một mình trong cung, buồn không sao ngăn nổi. Nhìn đâu đâu cũng thấy dáng Nguyễn Nhượng Thị. Vua liền lấy nghiên mực quý, tự mài mực rồi viết một hơi:

Khóc Bằng Phi

Ớ Thị Bằng ơi, đã mất rồi,

Ớ tình, ớ nghĩa, ớ duyên ơi!

Mưa hè nắng chói oanh ăn nói.

Sớm ngỗ trưa sân liễu đứng ngồi.

⁽¹⁾ Bốn lầu hoa hạnh đã bay bay. Xanh thắm xua vàng, liễu đậm cây. Đâu phải năm nay xuân biếc cỏ. Quên về, vó ngựa ruổi chân mây!

⁽¹⁾ Lê chân vượt núi, chiếc thân tàn. Máu đỏ còn loang áo mỏng manh. Chóng gậy bước vào quán núi lạnh. Hẹn còn trở lại Hải Vân quan.

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng.

Xếp tàn y lại để dành hơi.

Mối tình muốn dứt càng thêm bận

Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi.

Tự Đức viết xong, gục đầu bên nghiên mực, mím môi lặng khóc một mình.

Hôm sau Vua gọi nội giám đến bảo:

- Khanh đem cất chiếc nghiên này vào ngự khố cho ta!

- Tâu Hoàng thượng...

- Ta đã bảo cất đi mà! Sao chậm thế - Vua cau mặt...

Nội giám vội cầm trong tay nâng lấy nghiên, mang đi.

Vua buồn vời vợi nói theo:

- Người ta mến, ta yêu đã bỏ ta mà đi cả rồi. Kỷ vật thì cứ luôn ở bên mình, chịu làm sao nổi!

Ông nghề Giao Cù

Giao Cù là đất có nhiều nơi trú ẩn. Quan Nghè Giao Cù là người hưởng ứng chiếu Cần Vương của Vua Hàm Nghi, quyết không chịu ra cộng tác với Pháp, liền nấn ná ở lại đó.

Viên Công sứ tỉnh Nam Định chưa bắt được ông Nghè Giao Cù Vũ Hữu Lợi, bực lắm! Hắn bảo với Án sát Vũ Văn Báo:

- Quan Án sát là bạn học với Tiến sĩ Vũ Hữu Lợi, chẳng lẽ không thu phục được kẻ chống lại triều đình nhà Nguyễn mà ông ta từng chịu ơn học hành, thi cử, mũ áo vua ban ư!

Vũ Văn Báo vốn là kẻ hám công danh, phú quý, đang nhăm nhe chức Tuần phủ, nên được viên Công sứ gợi ý, liền nói:

- Quan lớn có súng ống trong tay, sao không xuất binh mà dẹp tan nốt tàn dư quân Cần Vương ở Giao Cù ư?

Viên Công sứ mắt xanh, ranh ma bảo:

- Tắc lưỡi của một quan văn bằng cả một đạo quân hùng mạnh của quan võ... Nghĩa quân Cần Vương Giao Cù thực sự đã tan rã. Nhưng vì quân đánh dẹp của lính khố đỏ, khố xanh tỉnh Nam, đã bắt hụt tên cầm đầu nguy hiểm, Tiến sĩ Vũ Hữu Lợi. Mà ông biết đấy! Đánh rắn phải đánh đập đầu!

Vũ Văn Báo hỏi:

- Ông bắt tôi phải đi tìm Vũ Hữu Lợi, khuyên ra đâu hàng người Pháp ư?

Viên Công sứ Pháp nói:

- Phải thế thôi, ông Án sát! Hiện nay Tán Thuật ở Bãi Sậy Hưng Yên, và Tạ Hiện ở Thái Bình vẫn chống đánh người Pháp rất dữ. Nếu như Giao Cù lại khôi phục được phong trào Cần Vương, tạo thế liên hoàn, thì gây ra nhiều rắc rối lắm, sẽ còn hao binh tổn tướng với cái đám sĩ phu Cần Vương này, cho nên, quan Án sát phải dấn thân vào hang hùm thôi!

Vũ Văn Báo cũng là kẻ nhất gan, nhưng cái bả công danh không thể bỏ qua thời cơ cần nắm lấy này. Báo hỏi viên Công sứ:

- Ông phải cho người và súng ống đi cùng tôi chứ?

Viên Công sứ rút một hơi thuốc tẩu thật sâu, phả khói ra thơm nức, bảo Vũ Văn Báo:

- Đem binh sĩ súng ống đi cùng thì chưa đến nơi, người mà ông muốn gặp đã tếch xa tận đâu rồi. Ông ngây thơ thế, ông án sát. Ông phải đi một mình, mà cũng đừng đi kiệu, đeo thẻ bài ngà, mặc áo gấm, áo the làm gì cả. Cứ đóng bộ quần áo nho sinh như thuở nào các ông đi học đi thi với nhau ấy! Còn như chuyện an ninh, ông khỏi lo! Mật thám, hào lý, tuần phiên ở nơi Vũ Hữu Lợi trốn tránh, tôi đã gài sẵn cả rồi. Mỗi bước chân của ông ta đi đến đâu, tôi đều được mật báo cả! Mà ông Lợi không có súng ống gì đâu, chỉ có con dao găm thủ trong người. Cái đáng lưu ý là tên vệ sĩ vẫn đóng làm người hầu, tên ấy võ nghệ giỏi lắm đó, đặc biệt là có tài phi đao!

Vũ Văn Báo lắng lắng nhận lời viên Công sứ. Họ đưa mắt nhìn nhau và cùng chạm cốc rượu vang xứ Boóc-đô.

*

Thấy chó cắn, ông Cử Mã thân ra mở cửa. Vũ Văn Báo và người hầu tiến vào. Cử Mã sững sốt giây lát mới trấn tĩnh được:

- Ông án Báo!

Báo nén mình, nhún nhường:

- Chào quan cử, Báo tôi muốn gặp đại huynh Vũ Hữu Lợi...

Ông Cử Mã chưa biết thưa gửi ra sao? Báo là người lọc lõi trong giới quan trường, nói ngay:

- Huynh đừng ngại, ông Nghè Giao Cù là bậc sĩ quân tử, ông ấy ra ngay đây mà.

Vốn không quen nói dối, ông Cử Mã liền dẫn Báo vào nhà! Quả nhiên đã thấy ông Nghè Vũ Hữu Lợi ngồi ở bên chiếc tràng kỷ tre đợi khách. Vũ Văn Báo bước vào, liền cúi mình chào:

- Chào quan Nghè Giao Cù, huynh vẫn mạnh giỏi chứ?

- Chào quan án, ngài vì hành lận lợi tìm tôi ư?

Ông Nghè Vũ Hữu Lợi cười mỉm, khẽ dim mắt lại, một nỗi chua xót dâng trào trong lòng, ông cố kìm giữ. Hoá ra chữ thánh hiền thầy dạy, trò nghe, nhưng phẩm chất mới là thứ con chữ, đậu lại hay bay đi... Những điều tốt như hạt giống gieo đất tốt mới nảy mầm được. Thầy Phạm Văn Nghị, lòng trung nghĩa cả nước đã biết, mà học trò lại là tên bán nước hại anh em Vũ Văn Báo, đang ngồi trước mặt mình. Ông Cử Mã rót nước mời hai người rồi lui vào trong nhà.

Ông Nghè Giao Cù chặn hòng Vũ Văn Báo trước:

- Quan Án đến đây, chắc là lại lấy lý lẽ của người Pháp dụ Vũ Hữu Lợi này ra đầu thú chứ gì. Quan đã đọc Luận ngữ, Mạnh Tử, đức Khổng Tử có lời nào dạy người quân tử làm trái với đạo làm người đâu.

Bị chữ rất ngọt, Vũ Văn Báo rất đau song vẫn từ tốn. Báo nói:

- Thời thế là thứ kẻ có học phải biết. Biết thời biết thế, thì việc gì cũng êm hoà. Đệ đến đây, mời huynh là trọng tài huynh. Giúp nước có nhiều thứ... Người có tài thì bất kỳ thả vào chỗ nào cũng

vẫy vùng được. Người như quan Nghè, có vốn, mở một cửa hàng ở chợ sông Vị, làm gì chẳng khuếch trương được tài năng! Tôi đến đây chỉ lấy nghĩa bạn bè, khuyên huynh nên trở lại thành Nam, nhất thì nhận ra làm quan với triều đình, nếu không làm quan thì làm nhà buôn, mở hiệu thuốc, ngôi dạy học... Cùng lắm thì vui thú điền viên, chứ đừng theo binh nghiệp làm gì. Mấy thứ giáo mác, cung tên đã lỗi thời lắm rồi.

Vũ Hữu Lợi nói:

- Quan Án sát được người Pháp trọng thị cũng phải. Bảo người ra đầu hàng mà không hề phải khoe đại bác tàu đồng của Pháp. Khuyên bạn theo giặc mà không cần dùng những lời nói thẳng vào việc đó... Câu nói nào chẳng có cái đích của nó! Nhưng cái đích của quan Án nhằm khuyên Lợi này ra đầu thú giặc Pháp thì lắm chỗ rồi! Vua long đong, dân lầm than, kẻ sĩ nào lại cảm mặt lo riêng cho mình được... Thôi trả lời nhau như thế là đủ, không cần nói nhiều. Mong quan Án đại xá!

Vũ Văn Báo định nói thêm vài câu nữa, song ông Nghè Giao Cù ngăn lại:

- Quan Án chẳng cần nhiều lời. Đệ này đã quyết xả thân vì nước rồi. Có điều này đệ nói cho quan Án rõ. Ông Cử Mã đây là người quý bạn, nên giữ đệ ở lại bằng được. Huynh nên giữ lấy một chút đạo lý, đừng vì đệ mà làm liên lụy đến ông ta! Ngày mai chắc là đệ đã không còn ở đây nữa.

Vũ Văn Báo biết là ông Nghè Giao Cù không bao giờ nghe lời mình, nhưng Báo cứ đi. Dù được dù không thì người Pháp cũng thấy được sự tận tụy của Báo với họ.

Báo chào rồi về. Bữa cơm tất niên đã dọn ra. Rượu đã rót. Ông Cử Mã mời ông Nghè ngồi vào, rồi nâng chén mời:

- Quốc gia lâm nguy, thất phu hữu trách. Nước càng khó khăn thì gương trung nghĩa càng treo cao phẩm giá. Cho đệ được uống với huynh một chén để tỏ lòng ngưỡng mộ.

Ông Nghè uống, cảm khái, bùi ngùi bảo:

- Tôi mộ binh khởi nghĩa Cần Vương cũng là đền đáp chút ít với dân với nước. Nay mai, cảnh chạy trốn, tránh giặc, chắc cũng làm liên lụy đến nhiều người. Mà huynh là người đầu tiên hứng chịu đấy. Bởi đích thân Vũ Văn Báo thấy huynh chứa chấp tôi rồi mà!

Ông Cử Mã khẳng khái nói:

- Chí khí hiên ngang, không khuất phục của huynh cao ngất tận trời, một chút hành động vì nghĩa của đệ nào có thấm tháp gì. Huynh cứ ở đây, ăn Tết với đệ. Nếu giặc đến bắt, thì đệ được ở bên huynh ngày nào chỉ sáng giá thêm thôi!

Ông Nghè Giao Cù biết lòng bạn, nhưng ngay đêm hôm ấy, ông đã phải từ biệt ông Cử Mã. Ông Cử cố giữ cũng không nổi. Ông Nghè Giao Cù nói:

- Anh em theo cờ nghĩa của tôi còn nằm ngoài bờ, ngoài bụi, tôi ở đây ăn thịt, ăn giò, uống rượu làm sao nổi. Huynh chí nghĩa chí tình với việc nghĩa, với đệ thế này thì trời biết, đất biết, người biết rồi! Sự thế không ở lại được. Vả lại phải chọn lúc Tết nhất này, mà lên đi thì mới thoát được vòng vây của bọn mật thám, tổng lý, cường hào. Huynh đừng giữ nữa!

Ông Cử Mã biết không giữ nổi bạn, liền bảo người nhà đem một cân giò lụa, thả con gà luộc và gần chục chiếc bánh chưng vào đây để hai người tùy tùng mang theo cho nghĩa quân. Ông Cử Mã mở cổng để ông Nghè và hai tùy tướng đi thoát.

Bọn mật thám theo dõi ông Nghè bỗng ông mất hút... Chúng thất thủ, mừng 3 Tết về chịu tội trước Án sát Vũ Văn Báo. Báo bực mình quát:

- Đồ ăn hại! Lại mãi ăn chơi phè phỡn mà bỏ công việc chứ gì. Vũ Hữu Lợi thất thế, thì phải biết những đêm giao thừa, Tết nhất, hấn sẽ lợi dụng mà thoát vòng vây chứ! Bọn bay lại để

cho hổ về rừng rồi. Ta biết ăn nói thế nào với quan Công sứ đây?

Báo chưa nói dứt câu thì đã có tin báo, nghĩa quân của ông Nghè Giao Cù đã chém bị thương quan huyện ngay mùng 2 Tết, khi quan đang ngồi nghe hát ả đào...

Vũ Văn Báo tức đến hộc máu, rít lên:

- Thế có khổ tôi không chứ lại!

2002

Chiến tướng họ Nguyễn

Trước khi Nguyễn Duy đi thi Hương lần nữa, anh ruột ông là Nguyễn Tri Phương, đã là một tướng lĩnh lừng lẫy của triều đình, đã được phong làm Võ hiển đại học sĩ, tước Tráng Liệt Bá. Nguyễn Tri Phương làm Tổng đốc ở hầu hết các tỉnh đồng bằng Nam Bộ...

Duy ba lần thi Hương chỉ đỗ tú tài, có phần muốn học anh trai, tiến thân không bằng con đường khoa cử.

Gặp khi Nguyễn Tri Phương về triều, Nguyễn Duy đến nhà và ngỏ ý ấy với Tri Phương.

Quan Võ hiển đại học sĩ, ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Hai anh em một nhà, không nên đi theo những vết đường như nhau. Anh từ nhỏ thích binh thư, ưa trận mạc, nên không ứng thi mà tiến thân bằng thực tài. Dầu vậy, cũng phải nhờ quan đại thần Nguyễn Đăng Tuấn tiến cử mới được làm Biên tu ở Nội các. May sau đó, gặp thời loạn lạc, mà tài năng mới phát triển được. Nghề võ chỉ dùng được ở thời loạn, còn nghề văn, đời nào cũng dùng được. Em nên theo đường khoa cử để làm rạng rỡ tổ tông, cũng là để con cháu sau này trông cậy vào sự kèm cặp, dạy dỗ của em.

Nguyễn Duy nói:

- Mười năm lều chõng, kỳ thi nào em cũng chỉ vào được đến tam trường. Ba lần tú tài rồi, nếu lần này đi thi, lại không đỗ tú tài, mà hồng tuột, chẳng là điều đáng tính hay sao?

Nguyễn Tri Phương cười vang nói:

- Em còn có mười năm ba tú tài, chứ anh đến một lần tú tài cũng không có. Vậy mà, vâng chiếu Vua, ra biên ải, đánh mấy thứ giặc. Giặc biển, giặc Xiêm, giặc Pháp đánh hết lại lo lập đồn điền, chăm sức dân, việc nào cũng mới, chẳng việc nào giống việc nào. Thế là phải nghĩ, phải hỏi, ngày quên ăn, đêm quên ngủ, để tìm ra phương kế hay, sách lược đúng... Việc thi cử cũng thế! Em đã tìm ra được phương kế hay, sách lược đúng để học, để thi chưa?

Nghe anh trai đem gan ruột ra nói, Nguyễn Duy biết mình còn nông nổi, ứa nước mắt nói:

- Em còn hồ đồ, xin anh tha thứ. Em quyết không phụ lòng dạy bảo của anh...

Về nhà, Nguyễn Duy đóng cửa học ngày học đêm. Lại lên kinh thành Huế trước vài tháng để dự những buổi đại tập ở các thầy dạy có tiếng. Quả nhiên, đầu năm Thiệu Trị (1841), thi Hương đỗ Hương tiến, năm sau thi Hội đỗ Tiến sĩ. Nguyễn Tri Phương lúc ấy đang làm Tổng đốc An Hà (An Giang - Hà Tiên) được thư mừng lắm. Tuy bận phải dẹp giặc nhưng ông cũng gửi về cho em trai một tấm lụa và một số sách quý ông sưu tập được trên những tỉnh vừa trấn nhậm. Niên hiệu Tự Đức năm thứ năm, Nguyễn Duy được bổ làm Tri phủ Tân An. Nguyễn Tri Phương lập được nhiều công lớn, dẹp giặc biển ở Sóc Trăng, Nông Nại (Đồng Nai), An Giang, được Vua Tự Đức ban sắc cho làm An Tây Trí dũng tướng, lại được cử làm Khâm sai đại thần, coi việc miền biên giới phía Tây. Công lao của anh càng lớn, Nguyễn Duy càng cố làm tròn chức trách để không hổ là em ruột quan tướng có thể coi là đệ nhất công thần thời ấy.

Duy coi việc ở phủ Tân An, có tiếng là thanh liêm, sau chuyển sang các phủ Hoàng Hoá, Quảng Ninh, xử án, xét oan khá miễn cán... Ngoài việc quan văn đốc sức học hành, có đêm được cuốn sách hay, chong đèn đọc thông đến sáng, nghỉ một lát, dùng bữa sáng rồi lại thẳng đường lo việc, không dám trễ nải. Quan bố chính sở tại đốc

lòng tiến cử... Nguyễn Duy được vào ra mắt Hoàng đế rồi được thăng làm Thị độc Viện Tập Hiền... Vua mở kỳ sát hạch các quan văn ở các Viện và Các... Kỳ ứng thí ở điện Văn Minh, Vua thân ra bài sát hạch, Nguyễn Duy lại dự vào hạng đỗ, được bổ làm Thị giảng học sĩ rồi thăng Hồng lô tự khanh, sung làm Biện lý ở bộ Lại...

Lúc ấy Nguyễn Tri Phương đã được gọi về kinh, sung vào Nội Mật Viện đại thần. Gặp em, Nguyễn Tri Phương không khen, mà chỉ gửi tặng cho một số sách khảo cứu về Chu Dịch. Nguyễn Duy biết ý của anh rất nghiêm, muốn mình luôn phải cố hơn nữa để làm được những việc lớn hơn cho triều đình, liền khắc sâu vào dạ, sau đó đến chào quan tướng, đến cửa biển Đà Nẵng, lo liệu đắp đồn lũy khi tàu của người Pháp đến sinh sự, rồi lại về kinh thành làm việc ở Viện Đông Các...

*

Quân Pháp cho thuyền bắn vào cửa biển Đà Nẵng. Đó là năm Tự Đức thứ mười một (1858). Giặc bắn vào pháo đài và đồn lũy. Tổng thống quân thứ Quảng Nam là Đinh Lý bị trúng đạn... Nguyễn Tri Phương lại được cử ra đánh giặc.

Xem xét những đồn lũy trước khi Nguyễn Tri Phương được cử ra lo phòng thủ, Nguyễn Tri Phương chỉ lo bồi thêm cho vững chắc mà không phải sửa sang gì! Giặc khá mạnh, hơn hẳn về vũ khí... Nguyễn Tri Phương dùng kế sách thủ mà chiến để đối phó với giặc... Cầm cự nhau khá lâu... Nguyễn Duy thương anh trai cao tuổi, vất vả, liền dâng biểu tấu, được ra Đà Nẵng đánh giặc. Vua Tự Đức khen là khảng khái, cho làm Tán lý cho Nguyễn Tri Phương...

Khi Nguyễn Duy đến, Nguyễn Tri Phương cho gọi đến, cười mà bảo:

- Mình ta đánh giặc, quyết đem hết tài khuyến mã giúp nước. Thế giặc khá dữ. Thua, được chưa biết thế nào. Em ra đây, hai anh em liều chết với giặc, nếu thua thì tội gấp hai đấy!

Nguyễn Duy biết Nguyễn Tri Phương ngầm có ý, hai anh em phải dốc chí mà lập công... Nguyễn Duy đi thị sát tình hình giặc tiến công và cách chặn giặc của quân ta nhiều ngày, một hôm dự bàn kế phá giặc, liền hiến kế:

- Đồn lũy của ta đã chắc, nhưng chỉ ở những chỗ trực diện với giặc... Giặc có đại bác tầm xa và có những vũ khí lợi hại, lợi về thế công. Ta có thế núi thế sông và đồn lũy, lợi về thế thủ. Tôi nghĩ, nên nối dài lũy từ bãi biển lên tận làng Phúc Ninh, phòng thủ chiều sâu... Phía bên ngoài lũy đào những hố chữ phẩm trồng thông, trên phủ cát và cỏ, rồi chia quân phục sát tận thành Điện Hải... Như vậy có thể chặn địch khi chúng tiến đánh được...

Nguyễn Tri Phương nghe theo, cho làm như kế ấy.

Mấy hôm sau, thuyền quân Pháp chia ba toán lên đánh... Quân Nam trong thành lũy chống trả quyết liệt... Quân Pháp tiến vào trận địa hầm chông, trúng vào kế mai phục, sa xuống hố, chân đạp vào chông sắt, đau đớn kêu la âm ỉ, phải khiêng nhau rút chạy.

Ít lâu sau chúng cho người đến bàn cách nghị hoà...

Hai anh em Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Duy hôm ấy, áo bào, xám đen vì khói súng.

Thế giặc ở Gia Định rất lớn. Ý đồ muốn chiếm Gia Định làm bàn đạp chiếm trọn sáu tỉnh đồng bằng Nam Bộ đã rõ. Vua Tự Đức lại phái Nguyễn Tri Phương làm Tổng thống quân vụ, đem quân chống giặc. Vua nói:

- Chúc Tán lý quân vụ, khanh định chọn ai?

- Tâu thần chọn Nguyễn Duy.

- Khanh không ngại người ta dị nghị, hai anh em cùng cầm quân ư?

- Tâu, đây là việc nước. Ai giỏi thì phải được chọn, dù là anh em hay người ngoài. Việc chống giặc ở Gia Định, sách lược không

ngoài việc lập đồn lũy, ngăn sức tiến nhanh của chúng. Mà việc ấy, Nguyễn Duy đã làm tốt ở Đà Nẵng trước đây!

Vua chuẩn tấu, phong chức ngay cho Nguyễn Duy.

Đồn Chí Hoà còn quy mô hơn ở Đà Nẵng nhiều. Dân Nam Bộ ghét giặc Pháp, hưởng ứng rầm rộ... Đồn như một toà thành đất lớn, đối mặt với đồn trại của giặc Pháp, gồm những lực lượng thiện chiến của triều đình. Từ khi Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Duy tới, nhiều người ở khu đô thị Gia Định và các tỉnh xung quanh tự nguyện đến xung quân. Các nhà giàu có chở gạo, lợn đến để làm lương thực, chiến đấu lâu dài... Nguyễn Tri Phương trấn giữ đến hàng năm trời, quân Pháp tiến đánh nhiều lần vẫn không làm gì nổi.

Nước Pháp phái Đô đốc Sác-ne tăng cường binh lực đến Gia Định, chuẩn bị đánh lớn.

Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Duy cũng tăng quân đồn lực lượng để đối phó. Hai ông cho quân sĩ, đào thêm những hào chiến đấu, luyện cho lính cách tránh đại bác. Họ được phát thêm súng và vũ khí đánh gần, đánh giáp lá cà...

Tình hình chiến sự khá căng thẳng...

Tám ngàn quân Pháp với dàn đại bác lớn đã tiến đánh đồn Chí Hoà.

Nguyễn Duy lo đốc chiến ở mặt chính diện.

Ba phó tướng giỏi khác được cử ra giữ ba mặt khác.

Quân Pháp tiến sát đồn vẫn chưa thấy gì nguy hiểm. Những chướng ngại vật phía trước đều đã được đạn pháo 105 ly dọn đường. Sau loạt đạn pháo dữ dội hàng tiếng đồng hồ, Đô đốc Sác-ne cho quân tiến thẳng tới mặt chính diện. Tiểu đoàn quân lê dương viễn chinh số 1 được lệnh đánh đồn. Khi đại đội 2 vừa dồn quân lên thì một loạt đạn thần công của quân Nam đồn dập đánh vào đội hình. Đạn đá văng ra, sát thương tới hàng chục lính Âu-Phi. Một viên thiếu úy Pháp vỡ toang lồng ngực... Lập tức đại đội 3 được dồn tiếp

tiến thẳng đến chân lũy đất... Một trận mưa tên ở những cự ly gần khiến quân Pháp không thể ngờ. Những đội cung thủ thiện chiến lại gan góc, bí mật chờ giặc vào tầm bắn, để sát thương hàng loạt binh sĩ của chúng, sau đó, lẫn xả xông tới đánh giáp lá cà... Quân Pháp bị đánh bật trở lại.

Đô đốc Sác-ne tung tiểu đoàn hai lên tiếp ứng chiến đấu. Quân của Nguyễn Duy kháng cự quyết liệt. Hai bên loạn đả ngay trên mặt lũy đất. Quân Nam nhờ có chiến hào chằng chịt, nên tiến lui đều lợi thế. Những nhánh hào bên phải, bên trái là những mũi phục kích nhỏ, vu hồi khá lợi hại. Viên tiểu đoàn phó đeo lon quan ba, bị chém đứt cổ. Tên quan một cầm cờ xông lên đầu tiên bị chém đứt cánh tay, lá cờ tam tài dính máu, lăn quay xuống đất... Nhưng quân của Sác-ne đã băng qua mặt lũy tiến vào bên trong. Giao tranh ác liệt lập tức xảy ra. Giữa những làn đạn bắn chéo, dưới sự chỉ huy bình tĩnh, gan dạ của Tán lý quân vụ Nguyễn Duy, quân Nam nhẩy vọt lên miệng hào lẫn xả vào bọn lính Pháp, lính Ma-rốc, Xê-nê-gan mà đâm mà chém. Người này ngã xuống, người kia lại xông đến. Mỗi vuông đất, xác người ngổ ngổ. Máu loang những vệt lớn trên đất, trên cỏ trước ánh nắng ngày càng gay gắt...

Ba mặt kia, quân Pháp cũng đã tiến được qua lũy đất, đánh vào trung tâm đồn Chí Hoà. Đô đốc Sác-ne quyết tâm dứt điểm trước khi trời đổ tối.

Khoảng một giờ sau, một loạt pháo bắn dồn dập vào phòng tuyến đối mặt, nơi Nguyễn Duy đang đốc chiến. Khi phát hiện ra ông mặc áo bào tím, cầm cờ lệnh đứng ngay trên mặt lũy chỉ huy, Sác-ne lệnh cho pháo binh cấp tập vào nơi ấy. Hơn một chục quả đạn pháo nổ vang trời. Sau đấy, người ta không thấy chiến tướng họ Nguyễn đâu nữa. Ông đã bị trúng đạn pháo tan xác. Ở trên một ngọn tre cháy, người ta chỉ thấy một cánh tay áo gấm văng lên, mắc ở đó...

Nguyễn Tri Phương bị thương nặng. Đồn Chí Hoà mất vào tay quân Pháp. Theo luật triều đình, mặc dù lập nhiều công lớn, nhưng

để thua và mất đồn Chí Hoà ở Gia Định Nguyễn Tri Phương vẫn phải dâng sớ chịu tội để triều đình xét xử.

Viện Cơ Mật tấu lên. Vua đọc rồi truyền gọi Thượng thư bộ Lại đến ban chỉ:

- Trần Chí Hoà, giặc hơn hẳn về vũ khí, dù thua, nhưng quân, tướng triều đình đã liều thân giữ từng tấc đất. Trẫm ban cho mỗi nghĩa sĩ hy sinh vì nghĩa lớn mỗi người ba sào ruộng trích từ công điền để làm ruộng hương hoả. Riêng anh em quan Thống đốc quân vụ Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Duy lòng trung toả sáng, Trẫm miễn tội để mất đồn. Không những thế, Trẫm truy tặng cho Nguyễn Duy làm Binh bộ Tham tri, truyền đem thuốc quý chữa trị cho Nguyễn Tri Phương, rồi hộ tống về kinh đô cho thật an toàn...

Viện Cơ Mật thi hành ngay lệnh của Vua Tự Đức.

2003

Quan Thái Bảo họ Yũ

Minh Mệnh triệu Tổng đốc Bình Phú Vũ Xuân Cẩn đến hỏi:

- Trẫm đã nhận được bản tấu của khanh đàn hặc về tội Binh bộ tả Thị lang, mượn cố những người giàu có đóng góp nhiều lương thực cho triều đình, có thể hoãn giảm người đầu quân được! Khanh không ngại các đại thần ở bộ Binh, trong đó có người ở Nội Mật Viện bực mình sao?

Cẩn thưa:

- Tâu, nghĩa vụ quốc gia giàu nghèo như nhau, việc đăng lính, tuyển quân là việc của mọi nhà, không thể vì cố giàu có cậy tiền mà trốn tránh việc quân dịch được. Việc đóng góp lương thực cho nhà nước, nếu có công, ban thưởng là đủ, cố chi lại thành lệ miễn giảm việc quân cho đám con cái nhà giàu.

Vua gật đầu cho là phải, sau đó ông được thăng làm Hiệp Biện đại học sĩ, Minh Mệnh biết ông thanh liêm lại có hiếu. Cha mẹ già vẫn ở quê Lệ Thủy, không đưa đến nơi làm quan để phụng dưỡng được, liền ban cho năm mươi lạng bạc gọi là thêm tiền chu cấp để ông phụng dưỡng cha mẹ. Vũ Xuân Cẩn biết Vua thương yêu mình, liền ra sức công cán để đền đáp ơn tri ngộ.

Cẩn về trấn nhậm Tổng đốc Bình Phú, thấy đất Bình Định màu mỡ hơn, nhưng ở các huyện Hoài Nhơn, Phù Cát, An Nhơn, Tuy Viễn hay Tuy Phước, ruộng tốt đều do nhà giàu chiếm lĩnh cả.

Đất Bình Định là nơi giành giật giữa nhà Tây Sơn với nhà Nguyễn, các trọng thần của nhà Nguyễn như Võ Tánh, Ngô Tông

Chu, Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Ông Ích Khiêm, từng chiến trận giành đi giật lại thành Quy Nhơn, và những nơi trọng yếu khác. Nên khi Vua Gia Long lên ngôi, để tưởng nhớ những binh lính đã xả thân cho cơ đồ nhà Nguyễn, đã để lại ruộng công điền cho các tướng sĩ khá nhiều...

Vậy mà chỉ mười năm trở lại đây, các nhà giàu cậy thế, cậy quyền; hoặc lấy tiền mua chuộc tổng lý ở các địa phương đã mua được hầu hết những ruộng công. Họ phát canh, thu tô, cho vay nặng lãi, do đó, những người nghèo ngày càng đông, thường phải đi làm thuê cấy rẽ cho các nhà giàu.

Sau khi điều nghiên kỹ lưỡng, Vũ Xuân Cẩn thức mấy đêm liền gửi về triều một bản tấu lời lẽ vô cùng thống thiết, có đoạn như sau:

"Nước có mạnh phải nhờ binh hùng, tướng giỏi. Nước có giàu thì số đông dân chúng phải được đội ơn mưa móc của triều đình. Thần Vũ Xuân Cẩn, vâng mệnh Hoàng đế ra trấn giữ đất Bình Phú. Nhiều đêm nghiên ngẫm mong sao ân huệ triều đình thấm đến từng căn nhà, ngõ xóm nơi đây. Xét ruộng đất tỉnh Bình Định có tới trên mười vạn mẫu, số đình điền nay mới trên năm vạn. Nếu đem quân bình, thì mỗi hộ có thể có tới gần hai mẫu ruộng. Nếu có hai mẫu ruộng, thì một nhà nghèo cũng có thể trở thành trung hậu, mà cảnh dân đen, một giải khó rách đeo đẳng một đời sẽ không có nữa..."

Những ruộng đất Bình Định chỉ thuộc về những đại điền chủ. Ruộng ở vùng đồng bằng, một năm hai vụ, nhà giàu chiếm đoạt cả. Những công điền, có xã từng chiếm quá nửa tổng điền thổ, nay cũng đã hoá tư điền... Những binh lính cũ có công với triều Nguyễn, nay không có ruộng mà làm đều phải cấy thuê, cước mướn.

Thần xin Bệ hạ ân chuẩn chỉ để một đến hai phần để lại cho các hộ nhà giàu. Số ruộng thừa ra, đem cấp cho dân chúng như thế người nghèo mới có đất mà cày cấy, thoát khỏi túng đói quanh năm,

mà cái ách chủ tớ cũng sẽ giảm bớt. Số đông có ruộng sẽ nhớ ơn triều đình mà ra sức cày cấy. Tờ thuế nhờ thế mà cũng đầy đủ. Điều bình, chọn lính mọi việc khác hẳn cũng không đến nỗi trầy trật như bây giờ.

Đất là của báu của người cày. Lợi của đất phải thuộc số đông, không thể để một số nhà chiếm lĩnh rồi từ đó quyền uy vượt cả luật lệ, triều đình. Tổng lý bị mua chuộc. Người nghèo thấp cổ bé họng, tiền không có, tố tụng đều chịu thua thiệt.

Một tấm lòng trung mong được giải bày gan ruột. Thần ngày đêm trông ngóng ơn trời biển của Bệ hạ.

Thần can tấu".

Vua xem, nghĩ ngợi hồi lâu rồi giao cho bộ Hộ nghị bàn để xem có thực thi được chăng?

Ba tháng sau, bộ Hộ tâu có thể làm được. Vua Minh Mệnh đưa tờ trình cho sáu bộ cùng xem xét và cùng hợp lực để làm cho tốt.

Sáu bộ đều cho là nên làm. Lúc này Vũ Xuân Cẩn đang được làm Thượng thư bộ Hình kiêm quản lý Viện Đô Sát và Tổng Tài biên soạn bộ Thực lục. Công việc rất bận, nhưng Vua Minh Mệnh sai ông, phải xuống Bình Định để thực thi việc quân cấp điền thổ. Vua lại sai Tham tri bộ Hộ là Doãn Uẩn đi cùng. Lại sức cho Tuần phủ đương nhiệm Bình Định phải cử một đội quân tinh nhuệ đi bảo vệ hai trọng thần.

Khi đến thành Bình Định, Tuần phủ ra đón và cùng bàn kỹ để đốc thúc công việc. Vũ Xuân Cẩn bàn với Doãn Uẩn, việc chia lại ruộng đất là việc động trời, các nhà giàu chắc sẽ phản ứng quyết liệt. Nếu đem quân lính xuống các nơi thì lấy đâu cho đủ, chi bằng, hãy triệu tập các Tri phủ, Tri huyện, lên bàn việc để việc rõ thực lục từng vùng, xem thử phản ứng của những nhà giàu ra sao, rồi cho họ về, lập sổ điền điền rõ rệt từng bước ở các xã. Bấy giờ mới xuống mấy huyện các nhà giàu biết phục mệnh triều đình, rồi ra sức phủ

dụ thêm... Sau đó mới cho tiến hành sang các huyện khác. Huyện khó, bị chống đối nhiều nhất, cũng phải làm trong dịp này. Kẻ nào không tuân lệnh Vua phải thực tay trị đúng tội. Ân uy cùng một lúc thì việc lớn mới xong được.

Quan Tổng đốc Bình Định và Tham tri bộ Hộ là Doãn Uẩn đều cho là phải, rồi chia ba người đi ba huyện khác nhau để lo việc.

Vũ Xuân Cẩn đến huyện Hoài Nhơn. Ông cùng Tri huyện sở tại đưa giấy mời các chủ điền lớn trong xã đến dự tiệc. Họ đến khá đông đủ. Trong bữa tiệc, ông đem hết điều phải trái rạch ròi ra khuyến nghị và khuyên các nhà giàu hãy tự nguyện kê khai ruộng đất và tự nguyện đem những ruộng đất lấn chiếm, mua rẻ, chiếm đoạt trả lại cho triều đình, để ban cấp cho người nghèo. Người nào thiện chí sẽ được triều đình ban thưởng... Còn ai chống lại thì sẽ bị xử tùy theo vi phạm nặng nhẹ...

Có một vài nhà giàu khảng khái nộp đúng quy định của triều đình, còn đa phần đều đem ruộng xấu, hoặc khai tăng diện tích những khoản ruộng đã nộp. Cẩn cho người xuống đo đạc lại, rồi lại triệu lên phủ. Người sai ít phạt năm mươi lạng, sai nhiều phạt tới ba trăm lạng bạc... Các nhà giàu biết chống lại triều đình không nổi nên chịu nộp ruộng cả...

Đến tháng mười công việc hoàn tất, ông và Doãn Uẩn về phục mệnh. Vua mừng lắm, khen mãi, ban thưởng áo và bạc cho ông và Doãn Uẩn, lại tuyên dương công trạng trước đình thần...

Vũ Xuân Cẩn trải thờ mấy đời Vua, từ đời Gia Long đến thời Vua Tự Đức, công lao rất lớn.

Ông đã được thăng làm Đông các đại học sĩ, gia hàm Thái tử Thiếu Bảo vẫn giữ chức Thượng thư bộ Hình.

Con gái ông được tuyển làm cung tần hầu Vua Tự Đức, nàng là một người đức hạnh, được mẹ chồng là Nghi Thiên Chương Hoàng hậu vợ Vua Thiệu Trị rất yêu. Do đó, khi Tự Đức lên ngôi Vũ Xuân Cẩn càng được trọng vọng...

Biết Tự Đức là người nặng lòng về tôn tộc, nhớ lại vụ án thời Vua Minh Mệnh, vì vợ Hoàng tử Cảnh (tức Anh Duệ Thái tử) là Tống Thị mắc tội nên con trai là Mỹ Đường, đã bị khép tội, phải xoá tên khỏi dòng tôn thất. Con cháu của ông này đều phải giáng làm thứ dân. Hoàng tử Cảnh, với nhà Nguyễn là người có chí, từng được Vua Gia Long phong làm người nối ngôi, từng xông pha trận mạc có công, chẳng may chết sớm mà hậu duệ đến nỗi trôi nổi như thế... Mà cái án của Tống Thị người đời còn bàn ra tán vào. Cho nên Vũ Xuân Cẩn, sau nhiều đêm trăn trở đã dâng sớ xin Tự Đức xem xét lại vụ này. Các quan ai cũng cho ông là bạo gan, tự mua dây buộc mình.

Dâng sớ rồi, Vũ Xuân Cẩn cùng hồi hộp lo lắng... Chẳng ngờ ít lâu sau, bản tấu của ông được Vua Tự Đức phê son như sau: "Xét Anh Duệ Hoàng thái tử có công với nước nhà, đối xử hậu với người thân, nghĩa phải nên làm trước... Hoàng tổ Thánh tổ Nhân Hoàng đế (tức Vua Minh Mệnh), có lòng chí nhân, đã có lời dụ ôn hoà rức rở, nêu rõ đạo lý người xưa. Trẫm nay theo ý Hoàng tổ, phép đã làm rồi, thì ban cho ơn, Mỹ Đường (con Hoàng tử Cảnh) đã từng bị phế từ lâu và chết rồi đã xứng với tội, nay ban cho con trai, con gái và cháu, gia ơn chuẩn cho tuân theo ân cách năm Minh Mệnh thứ mười bốn, đều được ghi vào tôn phả, cấp cho con cháu được hưởng lương bổng như hàng tôn thất".

Vũ Xuân Cẩn mừng lắm, dâng sớ tạ ơn. Triều đình ai cũng khen ông dám làm những điều người khác không dám làm...

Ít lâu sau, cũng lại ông dâng sớ lên Vua Tự Đức xin bổ dụng các con cháu của Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Lê Chất... Bà vị tướng này vốn là công thần của nhà Nguyễn, nhưng sau vì con cháu mà liên lụy bị biếm truất... Vua đọc kỹ lời tấu, cảm động vì lòng trung hậu của ông và nghe theo.

Năm tám mươi tuổi, một lần nữa ông dâng sớ xin nghỉ, Vua Tự Đức vẫn cố giữ, mãi đến năm sau mới duyệt cho. Vua gọi vào

hỏi chuyện và gợi ý để ông nêu ra những việc thường làm: Ông nêu ra bốn việc tự trung không ngoài chuyện lo cho dân no đủ khi thường cũng như khi có tai hoạ; lo cho quân có sức bền, luân phiên luyện tập và chăm sóc gia đình của họ; không nên quá tách biệt tôn thất với trăm quan, nên để họ được kết giao, gả con cái cho nhau, thì họ Vua với triều đình càng gắn bó; và cuối cùng là phong tặng những người có công cho đúng lúc. Vua khen lắm, ban cho chức Thái bảo.

Ông tạ ơn rồi lui về vui thú điền viên, quên hẳn trước đây từng là trọng thần của triều đình.

Người thích cầm quân

1

Ông Ích Khiêm vốn thông tuệ và bướng bỉnh từ nhỏ. Khoảng hơn mười tuổi đã đọc thông kinh sử lại có tài ứng đối, thích đi chơi những nơi cảnh lạ, tục hay. Một bận, đi thăm ở một làng sơn phòng của huyện Điện Phước, tới một rừng thông quan binh đang ngả để mở đường. Chỗ này là cửa rừng lắm quạ.

Một vị tú tài cùng đi liền xuất thân ra một vế đối:

Tùng, tùng, tùng, trống giục dẫn thông, ô, ngày trước quạ hay đậu đó...

Câu đối khá học hiêm, chơi chữ khá đắt. Đối sao cho được hai chữ Hán Nôm, cùng nghĩa tùng, thông và ô, quạ thế nào đây? Đoàn người còn chưa ai đối được thì Ông Ích Khiêm đã đọc luôn:

Cốc, cốc, cốc, mõ rao giữ thóc, thử đêm, nay chuột có ăn không?

Mọi người đều chịu là giỏi, khi Khiêm chọn được mấy chữ cốc, thóc, thử, chuột, và đối ý, đối cảnh thật sát.

Mấy nhà nho được mời vào quán dịch nghỉ trưa. Vừa đến đã thấy một vị hoà thượng từ trên núi xuống. Sư người đầy đà to béo, ngồi trên chiếc chõng tre rừng mới đóng, mà chõng tưởng không chịu nổi thân xác của "nhà chùa". Vị tú tài hay chữ nọ lại đọc một vế đối nữa:

Tiên sinh toạ tịch thượng cốt chi kết, kết chi cốt, cốt kết cốt kết...

Biết là ông Tú lỡm nhà sư, nhưng câu ra đối hay quá, nên nhà sư đỡ ngược, liền mỉm cười:

- Các thầy ai giỏi đối thử xem nào.

Cậu bé Ông Ích Khiêm đối ngay:

Tiểu tử nhập đình trung, thơ chi thần, thần chi thơ, thơ thần thần thơ...

Niên hiệu Thiệu Trị thứ bảy (1847), Ông Ích Khiêm thi đỗ Hương tiến ở kinh đô Huế. Vua Thiệu Trị gọi hỏi quan Cần Chánh điện học sĩ Trương Đăng Quế, xem khoa này có ai trong đám sĩ tử đáng lưu ý không. Trương Đăng Quế tâu có Ông Ích Khiêm, là vị tân khoa trẻ nhất, quê Điện Phước Quảng Nam, mới mười lăm tuổi. Vua cho triệu vào Tả thi lâu viện để sát hạch xem sao. Cùng dự với Vua Thiệu Trị có quan Học sĩ họ Trương. Lầu Vua khá đẹp, Ông Ích Khiêm dẫu nhỏ tuổi, lần đầu tiên được châu Vua, không lấy thế làm sợ hãi, vẫn ung dung bước vào. Không những thế ông còn không vội, ngó nghiêng ngắm nghía hồi lâu quang cảnh đẹp xung quanh. Sau khi lạy Vua, vái chào Trương Học sĩ, Vua Thiệu Trị cho Ông Ích Khiêm bình thân. Chưa kịp lui về, thì Trương Học sĩ, đã cười và hỏi:

- Ông tiên sinh hà sứ đáo lại, cảm thuyết Trình, Chu sự nghiệp...

Câu hỏi và cũng là một vế ra đối, nội dung khá lịch thiệp: "Tiên sinh họ Ông từ nơi nào đến, có dám bàn đến sự nghiệp Trình, Chu?".

Ông Ích Khiêm, chấp tay giơ trước ngực, thông thả đáp:

- Ngã quân tử kiến cơ nhi tác dục vi Nghiêu Thuấn quân thân... (Người quân tử như tôi thấy có dịp là làm, muốn trọn nghĩa quân thân thời Nghiêu Thuấn...).

Trương Học sĩ gật đầu khen. Vua Thiệu Trị nhìn Ông Ích Khiêm rất ưu ái rồi ban lời:

- Trẫm thấy khanh trẻ tuổi có tài, muốn xem mặt. Tiện đây ra một bài thơ, khanh thử làm ngay, dâng Trẫm coi.

Vua ra đầu bài thơ là "Thiếu niên anh tuấn". Không cần nghĩ ngợi lâu, Ông Ích Khiêm đọc ngay:

Thiếu niên anh tuấn

*Thiếu niên sơ đẳng đệ
Hoàng đô đắc ý hoàn
Hàm đức như sơn trọng
Thừa ân tự hải thâm
Nhậm nhân như phục quyển
Bút lạc tự tâm thanh
Đắc lộ giai anh tuấn
Hà tài đáp thánh minh
Nghĩa là:
Tuổi trẻ sớm thi đỗ
Cung Vua được đến châu
Đức nhà trọng như núi
Quân ân tựa biển sâu
Sách đọc đâu ngại mỏi
Vẩy bút chữ rào rào...
Gặp cơ may, người giỏi
Đến đáp hẹn tài cao*

Vua ban trả rồi cho lui, khi Khiêm ra khỏi cung, Thiệu Trị nói với Trương Học sĩ:

- Người này giỏi nhưng kiêu căng. Cũng mong anh ta lập được công tích thờ Vua giúp nước!

2

Vùng Hải Ninh, cướp biển hoành hành khá dữ. Chúng cho thuyền cướp bóc các thuyền buôn đổ bộ lên các làng ven biển, cướp của giết người. Phần lớn chúng từ Trung Hoa bị nhà Thanh truy quét giạt sang vùng biển Hải Ninh. Triều đình rất lo, gần đây, hai tên tướng cướp là Ước và Độ làm phỉ, lại tiếp ứng cho chúng, thanh thế rất lớn. Ông Ích Khiêm, vốn là Tri huyện Kim Thành (Hải Dương), vì tự ý tu bổ thêm tiền vào khoản thuế hàng năm nhằm tu tạo, mở mang huyện lỵ, bị dân địa phương đâm đơn kiện. Triều đình vừa cách chức. Khiêm không muốn về quê xin nán lại, nhân đó dâng tấu xin triều đình được đi đánh dẹp.

Tự Đức hỏi Thượng thư bộ Binh Cơ Mật Viện đại thần là Trương Đăng Quế, có nên giao việc cho Khiêm không? Quế vốn biết Ông Ích Khiêm từ khi thi đỗ Hương tiến, liền tâu:

- Ông Ích Khiêm dám làm những việc người khác không làm, giặc biển ở Hải Ninh đời nào cũng là nỗi lo của triều đình, nếu Ích Khiêm có chí ấy, Hoàng thượng nên chuẩn tấu.

Vua Tự Đức y cho Khiêm cho quân sĩ giấu lương thực trong thuyền, rồi đóng giả làm thuyền buôn chở nặng, đi đông... Lại cho hai đạo thuyền phục kích ở lối bọn phỉ hay đem thuyền tới vây bọn cướp. Quả nhiên tướng phỉ là Ước và Độ mắc mưu, dẫn thuyền tới vây cướp. Ông Ích Khiêm chờ cho giặc đến gần, nổi chiêng trống, rúc tù và vang một góc biển. Quân phục kích đổ ra, người giả trang, cầm lấy vũ khí, đánh tan bọn phỉ. Tướng giặc là Ước và Độ đều bị bắt.

Ba năm sau, giặc biển Hải Ninh lại tụ họp khá đông. Ông Ích Khiêm đã được phục chức Tri huyện Kim Thành. Khiêm liền triệu tập các tổng, lý và bộ lão lên huyện, mời cơm rượu, rồi nói:

- Huyện ta là nơi thóc gạo sẵn, trâu bò nhiều giặc biển hay theo đường sông vào cướp bóc, nay mỗi làng nên lấy trai tráng nhanh khoẻ, dũng cảm, lập nên Thành Dũng cơ, khi giặc đến thì xông lên trước đánh giặc. Lại nổi trống ngũ liên để các làng lân cận kéo quân sang trợ giúp, thì ắt hẳn giữ được làng đuổi được cướp.

Dân các làng trong huyện đều nghe theo. Khiêm lại chọn trong số Thành Dũng cơ các xã những người quả cảm nhất, huấn luyện đánh trên sông trên bộ, rồi cho quan tuần huyện chỉ huy, chốt giữ ở nơi hiểm yếu. Gặp đám thuyền qua lại đáng ngờ thì kiểm soát, có cướp thì đến cứu ứng ở xã đang lâm nguy... Tình hình trị an trong huyện khá hẳn lên.

Năm ấy, giặc biển kéo nhau đánh các đồn Quỳnh Lâu, Yên Trì. Khiêm đem Thành Dũng cơ đến phá được thì lại được lệnh triều đình đem quân phối hợp với Phó vệ uý Phan Đình Thoả, gấp đến thành Hải Ninh vừa bị giặc biển cướp mất.

Ông Ích Khiêm gom hết quân Thành Dũng cơ ở các xã được sáu trăm người, phối hợp luyện tập năm ngày liền, mổ trâu khao quân, rồi tiến thẳng ra biển... Quân của Ông Ích Khiêm ghét giặc biển từ lâu, xông trận rất hăng hái, dùng thang tiến vào được thành Hải Ninh, mở cổng thành cho quân triều đình vào, giết được bọn phản rất nhiều... Tự Đức khen lắm. Trương Đăng Quế vẫn tiếc văn tài của Ông Ích Khiêm liền tâu Vua cho Khiêm về triều làm Hồng Lô Tự Khanh, Biện lý bộ Lễ. Khiêm dẫu chỉ đỗ Hương tiến, nhưng không coi các vị Tiến sĩ, viên ngoại lang, chủ sự ở Bộ là gì! Do đó có dịp châm chọc là gây chuyện ngay. Họ đều không ưa Khiêm, nhân có giặc ở Bắc Ninh, từ nhà Thanh

Trung Hoa sang gây loạn, Tự Đức liền thăng Khiêm làm Binh bộ Thị lang, sai đem quân ra đánh giặc, ban cho chức Khâm phái Bắc Ninh Tiểu phủ sứ. Khiêm lại dẹp được giặc, truy bắt được sáu mươi lăm tên, đem chém cả... Lúc ấy Thái Nguyên lại có giặc, Tổng đốc Ninh Thái, xin để Khiêm ở lại Thái Nguyên đánh giặc. Vua nghe theo... Khi bãi triều, Vua quay lại bảo Trần Tiễn Thành, đại thần Viện Cơ Mật rằng:

- Ông Ích Khiêm xuất thân quan văn lại thích việc quân cơ, âu cũng là thời thế tạo anh hùng.

Giặc Pháp đổ quân vào Đà Nẵng. Lần trước Nguyễn Tri Phương cầm quân, đắp đồn, đánh suốt mấy tháng, quân Pháp sau phải nghị hoà. Sau giặc Pháp lại mang quân vào. Ông Ích Khiêm xin Vua đem quân đánh giặc, lừa giặc vào trận, phục kích, giết được giặc cướp được súng. Khiêm liên tiếp lập công song cũng liên tiếp gây ra những việc rắc rối tùy tiện khiến triều đình bực mình. Năm Tự Đức thứ hai mươi sáu (1893), Khiêm cùng quan tướng Khâm mạng kinh lược sứ Nguyễn Tri Phương và Thống đốc quân vụ là Hoàng Tá Viêm đem quân đánh dẹp ở Tuyên Quang nhưng ghét Hoàng Tá Viêm nhất và hay khôn vặt, Ông Ích Khiêm không đem quân tới, thác bệnh, lui quân về đóng ở một nơi. Nguyễn Tri Phương cho là không tuân tướng lệnh, xin với Vua cách chức. Sau này Khiêm sốt rét mắc bệnh tâm hoả nên được miễn tội về quê Điện Phước dưỡng bệnh. Sau đấy, Khiêm còn tùy tiện đem quân về, khi cùng Tôn Thất Thuyết đánh phi ở Yên Định, cũng bị Thuyết tâu Vua xử trí.

Năm Tự Đức thứ ba mươi lăm (1882), Khiêm lại ra làm quan ở bộ Hộ rồi thăng Thị giảng Tham Biên phòng vụ lo việc phòng thủ miền biển. Quân giặc dòm ngó kinh thành đã lâu, Ông Ích Khiêm, muốn cho đồn xong nhanh, sai lính đồn ép, đốc thúc dân chúng khá ráo riết. Người nào không đi bắt giam lại, rong khắp làng đánh đập khá tàn bạo, cho là sợ chết, không dám đánh

Pháp. Tự Đức được tâu báo, bức lắm, song nghĩ đến tình chỉ mong chặn được giặc bảo vệ kinh thành của Khiêm, liền ban lời cho Khiêm rằng: "Trẫm thấy khanh có công đánh dẹp, đã đem lòng tin cậy. Thế mà gần đây nghe tin người thả lỏng cho quân sĩ xử quá làm càn, bức bách dân chúng. Từ xưa, danh tướng, đem việc hay để khuyên nhủ để người ta sợ phục ân uy, nên đến đâu cũng thành công. Nếu chỉ biết có chữ "dũng" mà không chú ý đến trọng hậu nhân tình thì đâu có thể gọi là danh tướng. Người xử sự thế là nghĩa làm sao, nay Trẫm vì người, chưa ra roi pháp luật để thức tỉnh người khỏi giấc mộng say.

Người cần hối cải để khỏi phụ ơn tri ngộ của Trẫm".

Khiêm được dụ, tự biết mình sai, liền thôi không bức bách dân nữa... Hải quân Pháp đánh vào Cửa Thuận... Pháo bắn dữ dội, quân Pháp áp đảo quân Nam bằng hỏa lực mạnh, đồn vỡ, mất về tay chúng. Còn được bảy trăm quân, Ông Ích Khiêm phải rút về. Tuy thua trận nhưng Khiêm vẫn cho quân thúc trống hiệu om sòm và hò hét giết giặc dọc đường rút...

Khi Tôn Thất Thuyết được di chúc phò Vua Dục Đức lên ngôi, sau khi Tự Đức mất. Ông Ích Khiêm đứng về phe Thuyết, vì đó là phe chủ chiến, dù Khiêm cũng không thích Thuyết... Thuyết bỏ Dục Đức, bức chết Hiệp Hoà... Thuyết tránh tiếng để Ông Ích Khiêm và Trương Đăng Đệ đến nơi ở của Vua Hiệp Hoà, bắt Vua tự xử... Khiêm bất đắc dĩ phải đi... Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường khống chế triều đình, dù lòng dạ muốn chống Pháp. Trong mấy tháng trời, thay đến ba vua. Phan Đình Phùng là quan Ngự sử, đàn hặc Thuyết bị cách chức. Ông Ích Khiêm tuổi cao lại hay bị bệnh cũ tái phát, nên chán đem năm mươi lính bỏ về thẳng ở Quảng Nam. Bọn ngự sử đàn hặc. Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường cũng thấy Khiêm khó bảo, liền nghị tội, bắt đi an trí ở Bình Thuận. Khiêm bức quát đến rách cả mắt, nói ngay trước cửa Ngọ Môn:

- Một đời ta đánh dẹp trong Nam ngoài Bắc, rút cục chết về tay mấy đứa lộng quyền. Thả ta ra để ta cầm quân diệt giặc Pháp...

Nhưng quân lính chỉ biết y lệnh. Khiêm thét thế, thế nữa, nào có ích gì!

2003

Tam Nguyên Trần Bích San

Tổng Duy Tân từ Thanh Hoá vào thi cùng Trần Bích San, sau khi chờ bạn vào điện thí trở ra, họ Tổng hỏi họ Trần:

- Đề thi hôm nay hỏi gì vậy?

Trần Bích San nói:

- Hoàng đế hỏi về việc, nước gặp ngoại xâm, dân chúng đang gặp tai dị, lại thêm quan tham, lại những, làm sao để đưa lại khí hoà⁽¹⁾ để gốc nước được bền vững!

Họ Tổng hỏi:

- Huynh làm bài ra sao?

Trần Bích San đưa quyển nháp cho Tổng Duy Tân. Họ Tổng ngồi xuống ghế, trước hoa viên đọc:

"Triều đình gặp lúc thiên tai, có phượng sách cứu đói mà người thừa hành hư nhiều thực ít. Đó là do kẻ làm quan còn chưa vì dân mà làm hết mình vậy. Còn như kẻ đến bọn nha lại tề hại thì kẻ không xiết. Xin nêu như việc trưng binh đánh giặc. Giặc Pháp đã nhắm nhe xâm phạm bờ cõi.

Đáng lý ai đầu quân thì phải hết sức cổ vũ khuyến khích. Đằng này, nếu nhà nào con cái yếu muốn thay thế một người họ hàng, phải nộp ba quan, năm quan mới được nhập ngũ. Xã nào thiếu lính, phải nộp sáu quan đến mười quan, thì nha lại chấp nhận là đủ số ngay (!). Chuyện xử lý hình phạt cũng là một tệ

⁽¹⁾ Ý nói sự thái bình, ổn định.

hại. Khi nha lại đệ một vụ án lên, lập tức hạnh hoẹ bên nguyên, bên bị đòi nộp tiền năm sáu chục quan tiền. Triều đình nào cho phép, lệ phí là bọn nha lại được quan trên lờ đi hoặc cùng chấm dứt đặt ra vậy...

Nước đang có giặc, quan lười, lại những thì khí hoà làm sao được!

Từ điều đó suy ra: chọn quan lại không được tốt, thì đức giáo không dựng được hình chính không sửa nổi. Thần kính xin Bệ hạ lấy tính khiêm hoà phát huy thêm tính cương hoà, lấy việc hoà dân làm căn bản! Đối với quan lại các phủ huyện nhất thiết phải tra xét kỹ lưỡng, đích xác là có tài năng chính sự, mới bổ dụng. Đối với bọn thư lại bát cữu phẩm ở tỉnh và nha lại ở các phủ huyện, hễ người nào thanh liêm cần cán thì mới để lại. Nếu còn thiếu thì lấy cử nhân tú tài mà sung vào. Bọn họ được học hành, hiểu nghĩa lý để nuôi dưỡng tâm tình, có lẽ không quá ư những nhiều. Lại chọn những viên quan thanh liêm, công bằng sung làm chức trung sứ⁽¹⁾ ở các đạo, giao cho chuyên tâm khảo sát các quan lại xem có thực tài hay không, hàng năm tâu về triều hễ ai làm việc có hiệu quả được dân yêu thì Hoàng đế khen thưởng thăng chức. Viên quan nào dân kiện, dân tình không phục thì cách chức ngay...".

Tống Duy Tân, ghé tai bảo Trần Bích San:

- Huynh thẳng thắn nói bạo thế này ư? Xưa nay sĩ tử chỉ quen nói quanh bóng gió. Kiểu nói của huynh, khảo quan khó tính, lại cho rằng huynh dám lên giọng dạy Vua đấy!

Trần Bích San trong bụng cũng hơi lo, nhưng tự an ủi nói với họ Tống:

- Tôi đem những điều tâm huyết tâu bày. Nói được là sướng bụng, còn phán xét của khảo quan và Đức vua thì còn chờ xem đã...

⁽¹⁾ Như đặc phái viên hiện nay.

Không ngờ, Vua Tự Đức năm ấy, đích thân đọc quyển khi quan chủ khảo đệ lên, đã lấy Trần Bích San đỗ đầu diện thí (Trạng nguyên).

Ba kỳ thi đều đỗ đầu, Trần Bích San đã trở thành quan Tam Nguyên của Nam Định.

Trần Bích San được bổ làm Tri phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Lúc này bọn Tây Dương cậy có đại bác tàu đồng, gây hấn ở nhiều nơi. Chúng bắn đại bác vào bán đảo Sơn Trà, cho tàu vào cửa Hàn những nhiều yêu sách. Sĩ phu, dân chúng rất phẫn nộ. Trần Bích San lại vừa thêm một cái Tết xa quê. Cha già, quê xa, lòng nhớ quê làm sao quên nổi nơi ông ở là Cổ Mai Trang, bên dòng sông Vị. Nam Định mấy năm nay buôn bán sầm uất. Ở phía đông thành Nam, nhà cửa mọc lên san sát... nhưng khu nhà của ông, là những gia đình nhà nhỏ, thường không chuyên vào buôn bán, chỉ dựa vào ruộng vườn. Cổ Mai Trang là xóm gồm những nhà có những vườn mai đẹp. Trần Bích San từng ngồi học trong vườn mai, những ngày giáp Tết, cha ông là quan Phó bảng Trần Doãn Đạt, thường cùng với mấy người bạn thân kê tràng kỷ dưới mái nhà uống rượu, uống trà thưởng mai, rồi cùng bàn bạc thế sự, hoặc ngâm thơ, khoe những đôi câu đối tài tình vừa mới nghĩ ra. Cổ Mai Trang mùa hoa đã đẹp, mùa quả lại càng rộn rã, những quả mơ đầu mùa, đã vào cuộc rượu, cuộc thơ của những nhà nho tài tử. Trần Bích San từng thấy cha mình, đem rượu nếp hoa vàng, chỉ cầm rót ra chén đã thơm lừng cả bàn tiệc. Rượu được để trong bình cổ gốm Chu Đậu, bộ chén truyền đời của dòng họ Trần được bày lên. Men gốm xanh nửa rêu nửa chàm thật nhã..., thức nhắm là những con cá diếc nướng, ăn với mai đầu mùa... Cứ trông các bậc cha chú nhâm nhi, xé lườn cá thả vào miệng lại chọn một quả mơ chín cây ăn kèm rồi khà một tiếng, thì các vị bát tiên quá hải xưa cũng chỉ đến như thế. Rồi, quả đã chín vàng trong tầng lá mai xanh, mẹ ông, bà Bảng Đạt, chọn những quả đếm

trăm, để vào chiếc giá nước mây, bưng sang biếu bà ngoại, biếu các dì, để họ ngâm nước mơ, kịp mùa hè sắp tới...

Lòng nao nao, Trần Bích San, con nhớ nhà nhớ làng đã dồn lên ngực, lên mắt, lên mũi... Sống mũi cay cay ông làm bài thơ gửi người em họ thân, từng theo đòi trường văn, trăn bút với mình. Ông viết liền một hơi:

Tặng xá đệ

*Kỷ độ cao tường Vị thủy nhai
Tự liên nhất nhạn độc nam phi
Đông quân cách tuế hoàn tương kiến
Du tử từ gia thượng vị quy.*

Tặng em họ

*Mấy độ liệng vòng trên bến Vị,
Thương con nhạn lẻ phải đi xa.
Chúa xuân đến hẹn còn sum họp.
Du tử rời quê chẳng trở về...*

Đang bù ngùi thì phía ngoài cửa, viên vệ ụy hốt hải vào thưa rằng: có hai tên cố đạo vừa đến một làng ngoại ô truyền đạo. Ngoài buổi hành lễ, chúng xui dân chúng báng bổ triều đình, lại ngầm hẹn nhau, nếu quân Pháp từ cửa Hàn kéo lên thì phải làm nội ứng. Chúng đến giảng đạo lại đi võng có lọng che, nghênh ngang không coi ai ra gì, ý là chúng cậy tàu chiến của Pháp cập bến cửa Hàn, và những trận đại bác kinh hồn câu vào bán đảo Sơn Trà, uy hiếp quân lính triều đình vừa mới đoạn.

Trần Bích San hỏi:

- Người có chứng cứ gì không?

Vệ ụy thưa:

- Bì chúc cho người giữ lại, hỏi giấy thông hành và giấy phép hành đạo, thì viên giáo sĩ này không có, lại nhỏ bọt, chỉ vào đám giáo mác của quân lính cầm trong tay bảo rằng: "Cái thứ giáo mác này làm sao doạ nổi ta...". Bì chúc đã tạm giữ viên cố đạo này ở một đình làng ngoại ô.

Trần Bích San nói:

- Cho giam lại. Lấy nhân chứng khẩu cung rồi giải tỉnh. Ta sẽ đương đầu với hai tên phản gián.

Lúc này, Pháp đang gây sức ép trước Lục tỉnh Nam Kỳ... Triều đình muốn nhượng bộ, Suý phủ Pháp ở Gia Định biết tin, can thiệp. Triều đình hoảng sợ, vội sức cho quan tỉnh phải tha ngay hai viên cố đạo buớng bình và triệu Trần Bích San về. Vua Tự Đức thân hỏi sự việc rồi giáng ông xuống hai tư về tội làm việc thiếu cân nhắc!

Trần Bích San chỉ cười khi bè bạn hỏi thăm, nhưng trong ruột thì tơ vò trăm mối...

Trần Bích San là một người chủ chiến. Ông cho rằng người Pháp lấn tới, nếu triều đình cứ nhượng bộ hoài, thì giặc càng lên mặt. Vả lại, dân chúng nơi nơi, chỗ nào có quân Pháp đến, đều dựng cờ chống Pháp. Dân Nam Kỳ vốn khí khái, thấy kẻ lạ vào cướp đất, chèn ép, đâu có chịu... Trần Bích San hồi còn theo đuổi đèn sách, thường có đến dự những buổi đại tập của ông Nghè Tam Đẳng Phạm Văn Nghị. Nghe tin quan Nghè họ Phạm dâng Trà Sơn kháng sớ lên Vua Tự Đức, bày tỏ tâm can, xin Vua hãy nghiêng về chủ chiến, và dâng Vua phương lược chống giặc. Trần Bích San rất thích khi được đọc ý quyết chiến của thầy học cũ trong tờ tấu: "Sự tài giỏi của lũ giặc kia chỉ ở chỗ tàu bè, súng ống! Bể khơi không đối mặt được, thì ta liệu kế phòng thủ với giặc. Tòì nghe chúng ở mãi dưới nước cũng hay đổ bộ lên bờ. Thế là có chỗ hở, ta có thể đánh được chúng... Huống hồ giặc Pháp lại hay đánh lén ban đêm, đó là vì chúng đem ít quân.

Chúng không dám đuổi ta đến cùng vì sợ ta. Nếu như quân ta phục kích đánh chúng làm nhụt nhuệ khí của giặc, thì chỉ đôi, ba lần thôi, chắc giặc phải tự lui...".

Theo chủ chiến, Trần Bích San luôn cổ vũ cho những người lên tiền duyên đánh giặc.

Ba tỉnh miền Đông, rồi ba tỉnh miền Tây liên tiếp mất về tay giặc Pháp, nhiều tướng lĩnh, quân lính, nghĩa quân đã oanh liệt chống trả... Triều đình nhu nhược, nhượng bộ... Trần Bích San tuy bị thăng giáng, nhưng Tự Đức trọng tài và tính khiêm cung của ông nên cử ông giữ nhiều trọng trách: Tuần phủ Trị Bình (Quảng Trị - Quảng Bình) rồi Tuần phủ Hà Nội bên cạnh Tổng đốc Trần Đình Túc. Bởi là quan văn, biết ông là phe chủ chiến, nên Tự Đức đã ban ý chỉ cho Túc, hãy giao cho Trần Bích San những việc hình án, điền hộ, thương chính... Và lại khi ông ra nhận chức ở Hà Nội, vì triều đình nhượng cả sáu tỉnh Nam Kỳ, nên quân Pháp đã rút khỏi Bắc Kỳ...

Năm 1877, Trần Bích San được triệu về kinh làm Tham tri bộ Lễ. Một hôm, ông được Tự Đức triệu vào kinh, mấy vị đại thần trong Nội Mật Viện cùng dự với Vua. Tự Đức nói:

- Triều đình Pháp ngỏ ý mời sứ bộ Đại Nam sang thăm Pháp để thương lượng các việc sắp tới. Trẫm cử khanh dẫn đầu sứ bộ đến trước Vua nước Pháp và quần thần của họ, tỏ thiện ý của Trẫm và xem có bàn với họ chuộc được đất đã mất chăng?

Làm đến chức Tham tri bộ Lễ, Vua cử đi sứ từ chối sao làm được. Ông đành lạy Vua mà chịu mệnh nhưng trong lòng chán nản vô cùng.

Ông Trời thật trớ trêu, một con người cho đến lúc này vẫn thiên về kháng chiến, lại phải thân dẫn sứ bộ đi cầu hòa. Một con người chỉ muốn được làm tham mưu cho những quan tướng chống Pháp, mà nhiều lần xin đi đều bị từ chối, nay lại phải vượt biển sang

Pháp đế ngọt nhạt, xin xỏ đám giặc đang giày xéo non sông đất nước mình...

Ông buồn lắm, tuy không nói ra miệng, nhiều đêm ông ngồi phoir mặt trước quán nghinh phong, ngắm vầng trăng lạnh cũng đang cô đơn như chính mình... Chén rượu rót để trên bàn, mà cơn nghĩ, làm ông lòng đắng đót, không nâng lên được!

Ngày đêm hôm ấy, ông bị cảm lạnh. Trước buổi chiều hôm sau, Tự Đức nhận được tin dữ. Quan Chánh sứ Trần Bích San đã mất! Vua lặng người đi, mới hôm nào, ông từ Hà Nội được triệu vào, ra mắt Vua, sau khi tâu trình công việc, Vua hỏi có bài thơ nào hay đọc, cho nghe, ông đã vâng mệnh đọc bài *Ba lần qua Hải Vân*⁽¹⁾:

*Lẻ loi một cánh chim bay,
Ba năm ba lượt qua dài Hải Vân
Cây cao thấp cả trời, trăng
Càn khôn trong mắt côi trần nhỏ không!
Vấn hùng bởi có núi sông
Người không dấu dãi, ắt không thành tài
Ái Tân đường hiểm mặc thầy,
Khởi lan đầu ngựa, hoa dây quanh ta.*

Tự Đức lại cầm bản tấu chưa ráo mực mà ông tỏ bày tấm lòng đầy trọng trách về chuyến đi sứ sắp tới:

*"Cầm cờ tiết rời nước ra đi, việc Vua mong làm trọn,
Ngồi xe đơn trước thù thẳng tới, lòng sứ dẫu thờ ơ!
Những mong chu đáo công thành,
Há sợ muôn trùng gió bụi!"*

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán. Người viết truyện dịch.

*Đâu dám nói trung trinh nghĩa khí, chỉ một dạ sắt son. Quyết
chẳng chịu khuất nửa lời, xin giữ sắt son băng tuyết.*

Một tác đất, tác lồi sẽ giành về.

Nặng nghĩa lớn, sứt hoàng hoa tròn mệnh.

Đức vua thở dài than:

- Bích San bỏ ta đi rồi! Ta biết trao việc này cho ai đây!

Rồi búi ngùi, bước mạnh lên coi châu!

2002

Viết lên trời xanh

1

Mỗi lần lên kinh thành chơi, Cao Bá Quát thường ghé chơi Nguyễn Văn Siêu để đàm đạo văn chương. Hai ông hiện nay vốn là danh sĩ Bắc Hà, sĩ tử ai cũng nể phục về tài văn chương. Bữa ấy, Cao đến chơi, thấy Nguyễn Văn Siêu cứ luẩn quẩn ra vào mãi tìm thứ gì. Cao Bá Quát hỏi:

- Huynh sao cứ ra ra vào vào mãi thế?

- Đệ tìm cái siêu đồng để đun nước mà không thấy đâu cả, chắc là hàng xóm lại sang mượn mất rồi!

Cao Bá Quát chỉ cái siêu đất còn đó bảo:

- Thế nấu siêu kia không được hay sao?

- Đệ muốn nấu siêu đồng cho chóng.

Vốn hay đùa, Cao Bá Quát đọc trêu Nguyễn Văn Siêu, tay phe phẩy chiếc quạt lông, lấy làm đắc ý:

Siêu đồng, Siêu đất cũng là Siêu,

Siêu đất thường khi lắm kẻ yêu...

Đồng gỉ, nước xanh, trà uống phí

Đất nung, trà đun, sượng bao nhiêu.

Nguyễn Văn Siêu, chịu tài Cao Bá Quát. Nước sôi, Siêu pha trà mời bạn. Quát khen, nhân đấy mới kể một chuyện:

- Bữa nọ, đệ có ghé vào một nơi đại tập của mấy thầy nho, mấy ông tấp tễnh thi Hương đổ nhau văn sách⁽¹⁾ là gì, nguồn gốc ở đâu. Người cho rằng văn sách là văn rút từ trong sách ra mà làm, người cãi lại thì giải thích hàm hồ không đầu vào đầu cả. Đệ bực quá, quát cho một trận rồi nói cho chúng biết rằng: "Ngu lắm, Sách Chu Quan chép rằng: Lời Nhà vua phát ra gọi là sách, tức như những lời điển sách ở trong các truyện ký. Đến đời Hán, Vua mới lấy bài sách bắt học trò thi...".

Để cho Cao Bá Quát kể hết câu chuyện, Nguyễn Văn Siêu mới hỏi:

- Thế hôm ấy anh Quát to hay Quát nhỏ.

Không biết mình đã vào tròng, Quát hồn nhiên bảo:

- Bọn chúng nó dốt, phải quát cho đến nơi đến chốn chứ!

Đúng lúc ấy, Nguyễn Văn Siêu tủm tỉm cười đọc trả miếng Cao Bá Quát bốn câu thơ:

Quát to quát nhỏ đừng nên quát

Quát nhỏ người kinh cỡ quát to!

Quát nhỏ quát to đều dụng võ

Chi bằng lấy đức dạy êm ro...!

Cao Bá Quát phục tài mẫn tiệp của bạn, reo lên rằng:

- Anh lúc nào cũng vậy, có để ai thắng mình đâu.

Nguyễn Văn Siêu khiêm nhường nói:

- Thì nhờ anh gợi ý cho dùng siêu đất thay siêu đồng mới nảy ra ý "Quát to, quát nhỏ đừng nên quát" đấy chứ.

Cả hai đều cười phá lên vang cả nhà...

⁽¹⁾ Một thể văn bắt buộc các thí sinh các khoa thi xưa phải làm khi thi Hương, thi Hội, thi Đình...

Nguyễn Văn Siêu, người Hà Nội, gốc ở làng Lũ huyện Thanh Trì, sau dời lên ở huyện Thọ Xương, nổi tiếng từ thời còn trai trẻ. Cùng với mọi người dùi mài kinh sử, nhưng ông đọc sách khác hẳn số đông. Siêu tìm những sách cổ, kim về lịch sử, dư địa chí, phong tục văn hoá; gặp sách hay là mua, thấy đâu nói những sách khảo cứu cổ kim đều đến tận nơi tìm đọc. Mỗi khi lên kinh thành, đến những cửa hiệu sách, đều lòng tìm những sách trước thuật, bàn luận về phong hoá, văn minh, lai lịch các miền đất để mua. Ông không thiên làm văn kinh nghĩa, văn sách, không thu thập các sách nói về khoa cử, các bài văn mẫu mà các thầy nho thường đua nhau sưu tập để lăm giạt bằng vàng... Vậy mà khoa thi Hương tiến, lần đầu tiên đi thi, Nguyễn Văn Siêu đỗ ngay. Những tưởng năm sau ông sẽ đi thi Hội, nhưng không, ông lui về quê, miệt mài đọc và viết sách ở ngôi nhà tranh, thâm lặng không ai biết... Cho đến mười năm sau, năm Minh Mệnh thứ mười chín (1838) mới vào kinh đô Huế thi Hội, đậu Phó bảng. Lúc ấy ông đã soạn xong các cuốn *Chư Kinh Khảo ước* và *Chư sử khảo ước*. Ai đọc qua cũng đều thán phục. Đời Vua Thiệu Trị ông làm Viên ngoại lang bộ Lễ rồi thăng Nội các thừa chỉ. Khi Vua Tự Đức lên ngôi biết tài học của ông, phong làm Thị giảng học sĩ, dạy học các Hoàng tử. Năm sau, ông sang sứ Trung Hoa khi về được bổ vào Viện Tập Hiền. Ông là người được giao cho soạn thảo các cáo văn, điển sách của triều đình. Văn chương nghiêm cẩn, phong nhã. Vua Tự Đức thường khen do đó đồng liêu đương thời cũng rất trọng Nguyễn Văn Siêu.

Nhân ngoài Bắc mấy năm liền đề Văn Giang vỡ, có người bàn muốn huỷ đề. Đây là chuyện quốc gia đại sự. Ngay khi mới lên ngôi, Vua Gia Long nhà Nguyễn đã tính chuyện đắp đê hay bỏ đê. Đến đời Vua Minh Mệnh, một cuộc tổng điều tra về hệ thống đê, kè, cống công và tư ở Bắc thành được tiến hành. Và, những dải đê các sông lớn như sông Nhị Hà, sông Phú Lương, sông Luộc đều

được đắp kiên cố thêm, nên những khoảng năm sau đó, không bị lụt. Nhưng sau đó, nước to, hàng loạt đê ở Sơn Tây, ở Bắc Ninh, Hà Nội liên tục vỡ, thuyết bỏ đê lại rộ lên.

Vua Minh Mệnh chấp thuận việc "đình chỉ đắp đê, bãi bỏ nha Đê Chính". Vua cho đào sông Cửu An thuộc địa phận Hưng Yên, Hải Dương để chứa nước sông Hồng mùa lũ và cho rằng đây là một việc lớn trong đời làm Vua của mình. Vua cho khắc công trình sông Cửu An vào Ngự đỉnh ở sân Thế Miếu nhưng lũ to, sông Cửu An cũng không chứa nổi, lụt lội lại xảy ra... Đời Thiệu Trị và đời Tự Đức lại bàn chuyện đắp đê hay bỏ đê... Nguyễn Văn Siêu thuộc phái, phải đắp đê thì cuộc sống nông dân Bắc Hà mới khỏi túng đói. Trong bản tấu, ông có nhắc lại việc đào sông Cửu An, mà không đắp đê của Vua Minh Mệnh đã không phải là kế sách an dân lâu dài!

Tự Đức cho thế là phạm thượng nên ông phải chuyển đổi đi xa... Gần chục năm trong đời làm quan, Nguyễn Văn Siêu đã hiểu được cảnh "rận trong chân", nên dịp này, mượn cớ, ông dâng sớ lên triều đình xin được về làng mở trường dạy học.

Vua Tự Đức thấy lời lẽ tha thiết, liền chuẩn tấu...

3.

Quan Đốc học Vũ Tông Phan đến thăm quan Án sát Phương Đình Nguyễn Văn Siêu.

Cả hai đều đã từ quan ở nhà dạy học. Quan Đốc học kiến thức uyên thâm, hoà nhã, dạy học trò điểm phạm và thâm thúy, chưa bao giờ thấy ông có sắc giận và lời xẵng với học trò. Còn quan Án Nguyễn Văn Siêu, về mở trường ở gần chợ Gạo. Ở ngay trước cửa trường cho dựng một chiếc đình vuông mang tên hiệu của mình gọi là Phương Đình... Cái đình ấy được cả hai ý tứ: một là, bước chân vào, ai cũng biết đây là trường của thầy Phương

Đình Nguyễn Văn Siêu, thứ hai, Phương là vương, tượng trưng cho Đất, là luôn mở rộng (việc học), là biểu tượng lối sống có góc cạnh, có bản lĩnh. Lối sống vương là lối sống phải trái rạch ròi, trái hẳn với lối sống tròn, gió chiều nào che chiều ấy, lăn theo bất cứ cơ hội nào. Bữa nay quan Đốc Vũ được mời sang bàn với quan Ân Nguyễn, một việc hệ trọng.

Số là họ đã xây dựng xong một quần thể di tích đền Ngọc Sơn và dựng một hội quán nhằm chấn hưng văn hoá và khuyến khích người thành phố học hành, giờ phải lo viết đôi câu đối ở cổng đền. Khu đảo Ngọc Sơn ở hồ Hoàn Kiếm, xưa kia được gọi là đảo Tượng Nhĩ (Tai voi). Khi Vua Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long, đặt tên lại là Ngọc Tượng (Voi ngọc) đến đời Trần thì gọi là Ngọc Sơn. Trên đảo Ngọc Sơn, có cung Khánh Thụy của Chúa Trịnh. Lê Chiêu Thống lên ngôi đã căm tức nhà Trịnh cho đốt trụi. Đảo này có đền thờ Quan Văn Trường, và bởi trước hồ Hoàn Kiếm vốn là hồ Thuỷ Quân, nơi duyệt quân Thuỷ của thời Lê Trịnh, nên đều được coi như một võ miếu. Dân Hà Thành thờ thêm đức Trần Hưng Đạo bên cạnh bệ thờ Quan Văn Trường. Cuối đời Lê, cung Khánh Thụy đổ nát hoang tàn, ông Tín Trai, một người có của, đứng ra lập trên nền cung nhà Chúa một ngôi nhà là chùa Ngọc Sơn. Vào năm Thiệu Trị thứ ba (1843) các con ông Tín Trai nhường cho hội Hương Thiện. Hội đổi làm đền thờ tam thánh. Hội đã bỏ gác chuông, xây lại các gian điện chính, xây hai dãy phòng tả, hữu đưa tượng Văn Xương đế quân vào thờ và đổi tên là đền Ngọc Sơn. Ngôi Văn Xương này, theo phương Đông chính là vị thần chủ về văn chương khoa cử...

Khi Nguyễn Văn Siêu đang làm Án sát Hưng Yên thấy quy mô đền còn đơn sơ, bèn bàn với quan Án sát Hà Nội là Nguyễn Như Cát quyền tiền để tu bổ cho xứng với đế đô... Công việc dở dang thì ông Cát được bổ Bố chánh Hải Dương nên quan Án sát mới là Đặng Văn Tá tên chữ là Lương Hiệu thay thế... Bởi công trình xứng với đất đế đô, nên những người hàng tâm, hàng sản đều quyền góp rất hào hứng.

Phương Đình Nguyễn Văn Siêu rất tâm huyết với công trình này. Được hai ông Án sát Hà Nội giúp đỡ, đến năm Tự Đức thứ mười lăm (1865) đền hoàn thành. Ông án sát Đặng Văn Tá có viết bài văn bia ghi lại công việc trùng tu này, lời văn khá trang nhã: ... "Hiện nay đền thờ mới hoàn thành, phía trước kể bờ nước, làm đình Trấn Ba, ngụ ý là cột trụ đứng vững giữa làn sóng văn hoá. Bên tả, phía đông cầu Thê Húc dựng dài nghiêng. Lại phía đông trên núi Độc Tôn xây Tháp Bút, tượng trưng cho nền văn vật... Qua bốn năm dựa vào tiền quỳên góp mới làm xong, nhờ tôi làm bài ký.

Tôi nghĩ, miếu thờ đức Văn Xương ở khắp cả thiên hạ, để dạy mọi người làm điều thiện mà thôi nhưng người ta làm điều thiện, không gì quan trọng bằng ngăn lòng dục của người mà bảo tôn lễ phải của trời, chẳng cầu phúc mà tự nhiên đại phúc. Đạo nhà nho ta sáng chói trong kinh sách không có thứ nào hơn. Từ khi người đời xưng lên thuyết Tử Đồng đế quân⁽¹⁾ thì việc tin báo ứng luân hồi ngày càng thịnh. Muốn cấm trừ tục ấy không phải là dễ! Nhìn ngắm quy mô miếu mạo, hình thể nơi danh thắng, nhận thức văn vẻ sáng đẹp mà nâng cao ý thức, đó mới thật khác thói tục thông thường.

Thế nhưng có cái đẹp thiên tạo trước, rồi mới có cái lạ của việc trang điểm vẽ vời của con người. Thăng Long là nơi lễ giáo từ xưa, bao phen biến đổi, danh thắng hoang tàn. Cảm nhớ dấu xưa mà sửa sang phục hồi, đủ khiến non sông thêm vẻ đẹp...".

Nguyễn Văn Siêu nói với Vũ Tông Phan:

- Tháp Bút là một công trình dễ nhận thấy. Đài nghiêng đối xứng với Tháp Bút, để muốn nói văn chương đạo học là của muôn đời. Do đó đề mới viết ba chữ Tả Thanh Thiên (viết lên trời xanh), lên Tháp Bút để tỏ ý nguyện đó, huynh thấy thế nào.

Độc học Vũ Tông Phan nói:

⁽¹⁾ Tên chính là Trương Á Tư, người đời nhà Tấn Trung Quốc, sau chết hiển linh được nhiều người thờ cúng.

- Đó chẳng là điều tâm huyết, là trách nhiệm của những bậc thức giả ở đô thành chúng ta ư. Thăng Long là nơi buôn bán sầm uất, nhiều lúc việc buôn ắt việc học, đồng tiền ắt cả lương tâm, thì chán hưng đạo học, chán hưng văn hoá đâu chỉ là việc của một người!

Nguyễn Văn Siêu nói:

- Đúng là thế. Đạo học cũng chính là đạo làm người. Đệ mới soạn một đôi câu đối, để viết ở cổng ngoài, huynh đọc và phủ chính cho.

Vũ Tông Phan cầm lấy, nhìn nét chữ rắn rỏi của Nguyễn Văn Siêu, đọc to lên:

- "Lập nhân tiêu biểu khai nhân kính. Độ thế tân lương giác thế quan". Hay lắm! Làm kiếp người, chuyện đáng nêu gương, là mở lối cho đạo làm người. Giúp đời, thì chuyện tạo bến bờ hiểu biết, để cho đời vươn tới... Câu đối này không trương ở cổng đền thì còn để ở đâu nữa! Đúng là Thần Siêu, Thánh Quát.

Nguyễn Văn Siêu nói:

- Cao Bá Quát văn chương là thánh rồi. Chứ như đệ ấy ư! Hồi còn mồ ma họ Cao, ông ta chẳng ví đệ là Siêu đồng, Siêu đất đó!

Vũ Tông Phan cười bảo:

- Thì huynh cũng trả miếng họ Cao rằng: "Quát to, quát nhỏ đừng nên quát", đó sao!

Cả hai đều cười vang trước cổng đền.

Đức vua mất ngủ

1

Tự Đức hỏi Phạm Phú Thứ:

- Trẫm muốn dùng một người đứng đầu Quốc tử giám, phẩm hạnh đoan trang, để dạy học trò ở kinh thành, người có biết ai chăng?

- Tâu có Nguyễn Dục, người Quảng Nam.

- Hành trạng người này thế nào?

- Dục đỗ Phó bảng khoa thi năm Minh Mệnh thứ mười chín, bởi có mẹ già, Vua gọi ra làm quan, thương mẹ, xin ở nhà phụng dưỡng cho đến lúc mất, sau đó ra làm quan được ít lâu thấy quan trường không hợp, lui về dạy học mười năm, học trò rất đông nhiều người thành đạt. Thời Đức vua Thiệu Trị, gọi ra làm Giáo thụ ở Điện Bàn, rồi Lĩnh lang trung bộ Lại. Người này giúp việc cho thân, đôn hậu, thẳng thắn, có thể tin cậy được!

Tự Đức cười hỏi:

- Có thẳng thắn bằng khanh không?

Phạm Phú Thứ cúi đầu, nhìn xuống đất không nói gì cả. Chẳng là, Nhà vua nhắc lại việc Phạm Phú Thứ từng là người, vào năm thứ ba thời Tự Đức, Vua liên tục vắng mặt ở mấy buổi chầu, khi trời mưa rét, lại cũng không ra ngự giảng ở nhà Kinh Diên⁽¹⁾, ông

⁽¹⁾ Nơi giảng sách cho các hoàng tử và con các đại thần, trao đổi kiến thức giữa

đã dâng sớ ngụ ý trách Vua chưa lo hết phận sự, trong đó có đoạn: "Lễ đại đình không thấy Ngài Ngự ra coi châu, nhạc nội kèn trống ở hậu cung, thượng uyển thì vang vọng suốt đêm. Việc triều đình không thấy Đức vua ban lời hỏi han. Thần tử bốn phương, ở các phủ huyện cũng lâu không được hỏi đến xem tốt xấu ra sao? Chẳng lẽ do ốm phải phục thuốc chằng hay dựa vào quân thần thỉnh an mà khất cả công việc". Triều đình cho là phạm thượng định nghị tội, Tự Đức nghe lời quan Ngự sử, chỉ phái xuống lo việc ruộng đất rồi lại gọi về. Vua nhắc chuyện cũ, khiến Phú Thứ không khỏi bối rối!

Tự Đức lại hỏi:

- Khanh vừa từ Bắc Hà về kinh, ghé thăm quê, có chuyện gì hay không?

Phú Thứ tâu:

- Dạ, chỉ có chuyện Ông Ích Khiêm thôi ạ!

- Có phải viên tướng bướng bỉnh ngang ngạnh, không chịu hợp tác với Hoàng Tá Viêm để bình định bọn thảo khấu ở mấy tỉnh duyên hải phía Bắc không?

- Tâu, đúng là chuyện đó. Ông Ích Khiêm chống lệnh chẳng qua Hoàng Tá Viêm vốn dùng binh ngại đánh võ mặt, mà tính táo bạo trong chiến đấu thì Khiêm lại có thừa. Vậy mà triệu về, phạt lỗi, phạt bổng, giáng chức. Khiêm cũng không coi chuyện đó là gì! Có điều giặc đất Bắc nhiều, mà công đánh dẹp, trội hơn là Tôn Thất Thuyết và Ông Ích Khiêm. Nước cần người tài, mà tướng thì lại được về quê câu cá, e không nên. Vậy xin Bệ hạ gia ân cho thần tâu trả lại cho Ông Ích Khiêm quyền đốc tướng để Khiêm có thể báo đáp.

Tự Đức lại hỏi:

- Còn khanh, có việc gì cần Trẫm giúp không?

Vua và các quan.

- Dạ, việc nhà, thân vừa về thu xếp đã yên ổn cả...

Tự Đức thăm khen tấm lòng đôn hậu của Phú Thứ, mấy hôm sau xuống chiếu phong cho Nguyễn Dục làm Tế tửu Quốc tử giám và phục chức cho Ông Ích Khiêm, phái ra Bắc dẹp loạn...

2

Tự Đức triệu Phạm Phú Thứ vào cung bảo:

- Khanh làm đại thần Viện Cơ Mật, thự⁽¹⁾ Thượng thư Bộ Hộ, công việc đã lão luyện. Hiện nay tỉnh Hải Dương là một trọng trấn ở ngoài Bắc, Trẫm muốn Khanh ra đó trấn thủ một thời gian, giúp trị an một nơi luôn bất ổn này.

Phú Thứ tâu:

- Lo yên dân, không chỉ dùng pháp luật, dùng võ bị để răn đe vào nền nếp mà còn phải tính đến chuyện sao cho việc nông việc thương tiến triển, việc cần phải chọn người làm tốt, sinh lợi. Dân có miếng ăn mới yên được!

- Khanh có kế sách gì không?

- Tâu, Hải Dương có sông lớn thông thương với biển, có hải cảng, việc buôn bán với các nước bằng đường biển đã hàng trăm năm, thân xin được khuếch trương công việc thương chính ở đây.

Vua nghe theo, phong cho Phú Thứ làm Thự Tổng đốc Hải Dương, sung chức Tổng Lý thương chính đại thần.

Khi Phú Thứ tới, thì tỉnh thành sau cơn binh hoả dinh thự bị đốt hết, làng ấp tiêu điều, lương thực thiếu thốn, dân đói tha phương, bị bọn phỉ, bọn giặc cướp mua chuộc theo rất nhiều. Có nơi bánh chưng ăn có cả đốt ngón tay người trong đó... Phạm Phú Thứ triệu các quan phủ huyện, các thổ quan ở các vùng huyện đảo, đến

⁽¹⁾ Thự: Quyền (chức chưa phong chính thức).

hỏi kế, sau đó, tâu Vua xin hoãn thuế một năm, lại mua thóc của các nhà giàu cho các nhà túng thiếu vay, để họ ở lại làng ấp lo mùa vụ... Một mặt ông cho mở chợ lớn ở những cảng, bến lớn, gọi người đến buôn bán, thu thuế, một nửa nộp cho triều đình, một nửa giữ lại mua thóc trữ để phòng thiên tai. Đề Văn Giang Hưng Yên mấy năm nay, năm nào cũng vỡ. Đề vỡ các phủ huyện ở Hải Dương nước mênh mông, mùa màng, trên đồng dưới bãi mất hết, Phạm Phú Thứ phải xoay sở khôn lường.

Một lần Phú Thứ gọi hai viên phó là Nguyễn Tăng và Nguyễn Đa Phương đến bàn kế. Phú Thứ nói:

- Từ ngày ta nhận chức, đôn đảo không lúc nào ngơi nghỉ? Dân tình vừa êm một chút, nay lại lụt trắng đồng, hai ông nghĩ nên tính sao đây khi nước rút.

Nguyễn Đa Phương nói:

- Hai phủ Bình Giang, Ninh Giang bị nước lụt tràn qua, thiệt hại nặng nhất. Trước hết hãy lo phát chẩn, sau đó, ngay bây giờ nên điều những người khoẻ mạnh, cấp cho họ lương, đưa đến những huyện đảo, cuốc đất trồng ngô ngắn ngày. Phiên chế theo hộ, và thu hoạch được bao nhiêu cho tất để lấy lương cấy tái giá khi lụt yên...

Phạm Phú Thứ nói:

- Đó là kế mượn đất thừa cứu dân đói! Hay lắm, hay lắm! Hai ông, mỗi ông xuống ngay mỗi phủ lo việc cho ta...

Ngay đêm ấy, Phạm Phú Thứ điều hết thuyền lớn đậu trên các bến, cảng trung dụng mười ngày, đưa dân vùng lụt ra các huyện đảo trồng ngô cứu đói... Dân chúng nhờ thế mà vượt qua được trận lụt lớn, không bị hụt chân..., đâu đâu cũng ca ngợi mấy quan đầu tỉnh.

Công việc vừa tạm ổn thì lại có tin đảo Cát Bà, dân phần lớn từ Khâm Châu Trung Quốc sang buôn bán và đánh cá, bướng bỉnh không chịu đóng thuế. Phạm Phú Thứ hỏi Nguyễn Tăng:

- Dân Cát Bà khó bảo là tại sao, ông có biết không!

- Thừa đại nhân, đến nay tôi vẫn chưa hiểu. Thuế khoá thì ở đâu trên đất vua chẳng thế. An Dương Đồ Sơn ngoan ngoãn nộp, chỉ duy Cát Bà năm nào thuế thu cũng muộn mà luôn luôn bị ngư dân thương nhân người Hoa đến cự nự.

Phạm Phú Thứ cười nói:

- Đây là ta không biết dùng người của họ bảo người của họ đấy thôi.

Nói rồi, xuống thuyền đi kinh lý Cát Bà. Đến nơi xuống tận bến cá, ra thương cảng xem xét việc làm ăn, buôn bán rồi gọi những người Hoa có uy tín, giàu có ở đó đến nói rõ ý tứ của triều đình, khuyến khích khuếch trương đi biển và buôn bán. Ngay hôm đó lại cùng quan phủ sở tại cử các chức bang trưởng và đầu mục cho từng khu làng, khu phố biển để tự bảo nhau.

Quả nhiên, việc thuế má, công việc giao thương của Cát Bà yên ắng hẳn.

3

Nhân lo cứu đói, đưa người vỡ đất hoang trồng ngô ngắn ngày, Phạm Phú Thứ nhận ra cả một vùng đất ở mấy khu đất địa đầu Đông Triều còn bỏ hoang rất nhiều. Ông tâu Vua xin mở đồn điền, mộ dân lưu tán về khai khẩn. Xét đất hoang có trên hai vạn mẫu. Đưa dân đói khắp nơi về đây lật đất làm cỏ thì tỉnh Hải Dương vụ lúa sẽ thêm nhiều mà công việc giao thương của Thương chính Hải Đông cũng chỉ là gạo, muối, vải vóc, đồ gốm... Thật là một công đôi việc...

Vua Tự Đức nghe theo và còn tặng thơ ông để khuyến khích công việc đại thần ở xa...

Mấy năm được mùa, lương thực ở Hải Dương dồi dào, không có người đói... Mà nếu như dê Văn Giang lại vỡ, thì dân chúng

cũng biết cách đến đôi hoang, vỡ đất trồng ngô ngắn hạn được nước rút sẽ lấy ngô ăn, nuôi những đồng lúa sau ngày giáp hạt...

Giặc giã dẫu có nhưng toàn những toán cướp bóc nhỏ, không đáng kể. Uy tín của quan Tổng đốc ngày càng cao, nên kẻ ganh ghét lại càng nhiều. Trong đêm đọc bản tấu, Vua Tự Đức thấy có người tố cáo Phạm Phú Thứ mấy tội: Thứ thiên lệch trong buôn bán, thường không xuất gạo cho những thuyền buôn của thương lái thân người Pháp mà lại xuất cho thương lái ở Cát Bà chở gạo đem về Khâm Châu. Ninh Bình, Hà Nam đói, đến mua gạo ở Hải Dương thì bán hạn chế, còn thuyền buôn gạo của Quảng Nam, quê Phú Thứ ra mua chở về miền Trung thì mua bao nhiêu cũng được.

Vua sai Lê Điền đi thanh tra... Lúc này Phạm Phú Thứ mắc bệnh nặng, xin được về kinh chữa thuốc, rồi chờ phán xử...

Một bận, Vua nhớ Phạm Phú Thứ, nhưng bởi Thứ đang bệnh, chờ án nên không triệu vào, Vua cứ quanh quẩn vào ra thì vừa hay Lê Điền về. Vua hỏi:

- Tội của Phú Thứ ra sao?

Lê Điền tâu:

- Phạm Phú Thứ thanh liêm, quan lại xung quanh ít bổng lộc, lại phải xốc vác nhiều việc nên oán, mới đưa thư tố cáo. Thực ra chuyện hạn chế bán gạo cho Pháp là có, nhưng chuyện cấm bán gạo cho hai tỉnh Ninh Bình và Hà Nam là vu oan cho ông!

Vua thở dài, thương cảm:

- Làm quan khó thế đấy. Phú Thứ có công mà miệng thế buộc vào tội. Không bán gạo cho Pháp tức là không bán cho kẻ thù, không để nó ăn gạo mình lại xả súng vào dân mình, đem hoá thuyền, đại bác chiếm đất của mình há chẳng đúng sao!

Vua vừa chỉ dụ mời Phú Thứ vào thăm thì được nội giám báo tin ông mất.

Vua ngồi phịch xuống ghế mà nói:

- Phú Thứ bỏ ta mà đi rồi sao?

Vua nói với xung quanh:

- Phú Thứ kinh lịch trải nhiều khó nhọc, đi sứ sang Pháp, làm quan đều thường trấn nhậm ở vùng đất loạn lạc, địa đầu biên giới rất khó khăn. Đến đâu cũng chỉ nghĩ đến việc an dân; việc trước mắt, việc lâu dài đều suy tính chu đáo. Các khanh sau này nên lấy đó mà theo.

Liên gia phong cho hàm Tổng đốc thực thụ Hiệp Biện đại học sĩ, sai Hoàng trưởng tử thân đến viếng tang...

Đêm ấy Vua nhớ Phú Thứ, đi lại trong ngự tẩm mãi không ngủ được.

Nguyễn Cao tướng quân

Nguyễn Cao tựa án thiu thiu ngủ. Chợt màn động, một người đáng thanh thoát, đội mũ thiết vân, đeo gươm đại phu rất dài, trước cổ đeo một viên ngọc sáng hình mặt trăng... Cao giật mình vội vái mà hỏi:

- Ông là ai đến thăm ta vậy.

- Ta là Tam Lư đại phu đây.

- Trời quan Tam Lư. Sao bữa nay, Cao này có vinh hạnh gì mà được đón một người lừng danh thiên hạ thế này. Học trò này xưa nay vẫn được đọc văn thày.

Khuất Nguyên hỏi:

- Ông thấy văn chương của ta như thế nào?

- Như mặt trời lồng lộng ban ngày, mặt trăng vàng vạc trong đêm khuya.

- Người đời cứ quá khen. Ta chỉ giải bày tấm lòng của ta, lòng thương dân, thương nước, tiếc không giúp được nước Sở để nước mất về tay nhà Tần mà thôi.

Nguyễn Cao dâng trà cung kính nói:

- Học trò này đã thuộc lầu bài "*Thiệp Giang*" của thày. Tấm lòng băng tuyết ấy, nghìn đời sau còn kính phục.

Rồi ông cất giọng ngâm:

Trèo lên núi Côn Lôn hễ, ăn cánh hoa tươi,

Sánh tuổi thọ với trời đất hễ, tranh sáng cùng mặt trăng, mặt trời.

Thương dân hoang sơ chưa biết ta hề, sáng mai ta sẽ vượt sông Tương.

Đứng bến Ngạc mà quay đầu trông lại hề, ào ào gió nổi đầy bi thương,

Ruổi ngựa ta hề chốn Sơn Cao

Đậu xe ta hề đất Phươg Lâm

Bơi chiếc thuyền hề lên sông Nguyễn.

Đều tay chèo hề, sóng vỗ rầm.

Thuyền lững thững mà không đi hề,

Nước chảy quanh nên khó sang,

Sớm đi từ Uổng Chủ hề

Chiều nằm ở Thán Thang

Nếu bụng ta mà ngay thẳng hề,

Dù xa quanh có hà phươg!...

Khuất Nguyễn nghe xong thở dài nói:

- Thơ thấy nước mắt mà không cứu được, phải lang thang với trời cao, đất rộng ấy mà, giọng sang sảng đấy, mà buồn thật đứt ruột đấy.

Nguyễn Cao nói:

- Học trò còn thuộc câu này nữa: "Đường về đất Sính xa xôi. Một đêm hồn mộng ngược xuôi chín lần". Ai yêu thương đất nước được bằng Tam Lư đại phu.

Khuất Nguyễn nói:

- Ta nghe ông có bài "*Tự phận ca*" cũng hay lắm. Bởi bài ấy có nhắc đến ta, nên ta mới đến thăm ông đây. Xin cho nghe vài đoạn.

Nguyễn Cao nói:

- Thưa thầy. Đó chẳng qua là lời than thở, cũng như ngài thôi. Nước tôi bị ngoại bang xâm lấn. Triều đình nhu nhược, sợ

tàu chiến đại bác, hết nhường đất này sang đất khác, mình muốn đem thân liễu chết giăng lại non sông mà xem ra thời thế chưa cho mình toại nguyện.

Khuất Nguyên nói:

- Lòng trung của một người lo gì thiên hạ không biết. Thôi đọc ta nghe nào!

Nguyễn Cao đọc:

Trời xanh kia, sinh ra ta làm gì?

Trót theo khoa bảng, trải mấy tình kỳ,

Những tưởng yên phận, nào hay thời nguy,

Chợt nghe mệnh gọi, há dám đâu chần chừ,

Danh nghĩa là trọng, lợi hại kẻ chi,

Những muốn lẽ thẳng, thời thế đâu chiều,

Chí thì đã quyết, công thành thấy đâu.

...

Trời xanh kia, sinh ra ta làm gì?

Sống trong chìm đắm cùng loài chó dê

Thà chết mà cùng đất trời toả sáng,

Còn hơn sống nhẩn làm cục thịt thừa,

Thà chết làm nhànhi quỳnh hoa nơi non xanh nước biếc,

Sông Nhị còn đó, núi Nùng vẫn kia...

Khuất Nguyên nghe xong, cầm tay Nguyễn Cao mà nói:

- Xin ông đừng buồn. Ông còn may mắn hơn ta nhiều lắm. Trách trời làm gì. Xưa nay, nhân định thắng thiên. Ta biết ông sẽ còn có cơ may báo đền đất nước... Còn ta thì xác đành gửi ở dòng sông Mịch La thôi.

Rồi chào, từ biệt mà đi. Nguyễn Cao tỉnh dậy còn băng khuâng tiếc mộng, ông vội sửa khăn áo, đốt trầm thấp nhang, thân

đến bàn thờ khấn Tam Lư đại phu cảm ơn về cuộc gặp vừa qua... Vừa lúc ấy, người hầu trẻ bước vào, chợt hỏi:

- Hôm nay là ngày kỵ ai vậy, thưa thầy... Hay đã đến giỗ của phu nhân...

- Chưa đến giỗ của bà ấy đâu. Ta thấp hươu cảm tạ Tam Lư đại phu thôi. Nay Lam Kiều, con xem công việc của quan Tán Thuật và quan Đề đốc Tạ Hiện thế nào?

- Thưa thầy, nghĩa quân của Đề đốc Tạ Hiện vừa thắng một trận lớn ở Diêm Điền lại vừa đánh úp quân của Công sứ Pháp ở đồn Quỳnh Côi.

- Còn của quan Tán Thuật?

- Quan Tán Thuật vừa bất ngờ chặn được một đoàn xe chạy trên đường từ Kiến An về Hà Nội... Nghe nói cũng giết được nhiều giặc lắm. Nhưng tên chó săn Hoàng Cao Khải, theo lệnh Tây đang thúc quân tiến thẳng vào bãi sậy... Chúng vây lũng dữ lắm.

Nguyễn Cao nói:

- Ta nghe, Công sứ Thái Bình cũng vừa xin Thống sứ Bắc Kỳ đưa quân xuống đánh quan Đề Hiện. Ta cùng hai ông ấy kết nghĩa cùng nhau, tạo thành thế liên hoàn, dấy quân Cần Vương, cùng hưởng ứng chiếu của Đức vua Hàm Nghi và quan tướng Tôn Thất Thuyết, gọi quân nghĩa của chúng ta một cái tên chung là "Đại Nghĩa Đoàn". Nay hai ông ấy bị giặc vây đồn, ta tuy yếu nhưng cũng đánh một trận, hút địch về phía mình để giải bớt sự nguy cấp cho họ.

Liên sai Lam Kiều gọi chư tướng đến nghị sự...

Quân khởi nghĩa chuẩn bị rất gấp. Một bộ tướng của Nguyễn Cao dẫn hai trăm quân, áp sát về Bồ Đề, chờ đêm tối lấy thuyền vượt sông, nằm trên bãi cát chờ lệnh. Một bộ phận khác, giả khách buôn, ngấm giấu súng nhỏ trong người, vác loa đứng trước các ngã ba bảu sáu phố phường, loa âm lên là quân Đại Nghĩa đoàn về

chiếm Thăng Long. Giặc Pháp trong thành thấy phố xá náo loạn, tất không để yên, sẽ dẫn quân đến dẹp. Nhân đó, nghĩa quân sẽ bắn tía tiêu diệt chúng, chúng sẽ sơ khoảng phòng thủ ở mạn Đồn Thuỷ.

Kế của Nguyễn Cao khiến quân Pháp mắc mẹo. Đêm ấy trên bầm sáu phố phường, quân nghĩa giết được khoảng vài chục tên lính Pháp, chỉ tiếc rằng phía Đồn Thuỷ, hoả lực không có, quân ta chỉ có súng trường, giáo mác, nên tấn công đến hết tiền đồn thì bị súng liên thanh và súng cối của giặc chặn lại. Quân khởi nghĩa không thể tiến sâu vào trong đồn được. Trời sắp sáng, Nguyễn Cao đành cho quân rút lui.

Các nhà ở ven chân đê sông Hồng, đều là nơi cất chứa quân của Nguyễn Cao. Giặc cho người vây dọc hai bờ sông, lại đem súng cối, thuyền máy tuần tiễu đi dọc sông Hồng, Nguyễn Cao biết, nếu mình rút sang phía Bồ Đề thế nào cũng bị giặc bắt. Ông liền cùng Lam Kiều trút bỏ quần áo Đại Nghĩa Đoàn, đóng giả thầy lại lên kinh bảm việc, theo cửa ô, chạy về phía Hương Sơn.

Mấy ngày tiếp theo, quân Pháp lùng ráp ở bầm sáu phố phường rất dữ. Nhiều nghĩa quân đều bị sa vào tay giặc.

Nhờ có trận đánh Đồn Thuỷ của Nguyễn Cao, dẫu không thắng lớn, song quân Pháp ở Thái Bình, Hưng Yên cùng với quân triều đình, đều rút về tăng cường cho Hà Nội. Do đó nghĩa quân Tấn Thuật và nghĩa quân của Tạ Hiện ở Thái Bình thoát được vây hãm.

*

Hai thầy trò Nguyễn Cao về nương náu ở làng Kim, huyện Ứng Hoà, nghe ngóng tình hình để quay trở lại khu căn cứ tập hợp quân nghĩa, sau khi dốc toàn lực đánh một trận lớn...

Nhưng không may cho Nguyễn Cao, giặc bắt được người vệ sĩ thân cận của ông là Lam Kiều. Chúng treo ngược, lấy dùi đỏ nung vào dùi, nhấn đầu xuống nước, tra khảo đủ kiểu để moi lấy nơi ẩn

náu của Nguyễn Cao. Từ lúc bị bắt, Lam Kiều như một người câm, như một khúc gỗ, mặc cho máu chảy hoà trên mặt, trên thân thể, không nói nửa lời. Lúc nào đau quá ngất đi thì thôi, khi tỉnh chỉ nhìn trừng trừng vào mặt giặc. Những lúc chúng nói xác xược đến Vua Hàm Nghi, đến quan tướng Tôn Thất Thuyết, đến chủ tướng Nguyễn Cao, thì Lam Kiều lại nhỏ nước bọt vào mặt chúng.

Giặc biết không làm gì nổi liền chém rồi bêu đầu ngay ở cửa ô...

Nguyễn Cao thương trò, khóc lên thành tiếng. Không may cho ông, nửa tháng sau, ông lại sa vào tay giặc.

*

Giặc điệu Nguyễn Cao về Hà Nội. Máy hôm đầu tiên Nguyễn Cao được chúng cho ăn uống rất tử tế, và một hôm cửa ngục mở, tên cai ngục dẫn lên phía nhà quan Án sát và để ông bước vào phòng. Ông nhìn lên, thấy hai viên đại thần đang ngồi trên hai chiếc ghế khảm trai. Một người là quan Án sát. Người kia, ông chưa biết là ai. Quan Án sát chỉ ghế mời Nguyễn Cao ngồi.

Quan Án nói:

- Ta rất tiếc sĩ phu Bắc Hà không biết lẽ ngược xuôi. Cái thời, cái thế là trọng. Muốn cưỡng lại nó không nổi. Quân Cần Vương các ông làm gì nổi quân Pháp với đại bác, tàu đồng nào. Đến cả triều đình với các danh tướng như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Ông Ích Khiêm, Tôn Thất Thuyết đều phải bó tay... Vua Hàm Nghi nay mai chắc cũng không ở chốn rừng xanh, núi đỏ mãi được. Vài trăm quân ô hợp của các ông, chống lại người Pháp, có khác nào trứng chọi với đá... Hôm nay biết ông là người nghĩa khí, quan Tổng đốc Hoàng Cao Khải, biết ông trước từng làm quan Bồi chánh Thái Nguyên, nay theo thời, nhẹ dạ, đến tiếp ông, mong ông cải tà quy chính.

Nguyễn Cao ngửa cổ cười âm lên. Quan án hỏi:

- Sao ông lại cười? Ta nói có gì sai chăng?

Nguyễn Cao chỉ mặt hai tên bộ dít Tây, mà nói:

- Ta mà phải cải tà qui chính ư? Chỉ bọn bay mới phải cải tà qui chính thôi. Chính là ta còn tà chẳng là bọn bay đó ư?

Quan án không ngờ Nguyễn Cao lại chửi thẳng vào mặt mình và quan Tổng đốc, người được quân Pháp tin cậy nhất hiện nay. Hoàng Cao Khải giữ bộ mặt lạnh như tiền, không nói năng gì, chỉ phẩy tay ra hiệu cho quan Án sát.

Nguyễn Cao lại được đem về giam trong ngục thất.

Quan Án sát tức lắm, hôm sau lôi ông ra tra khảo. Ông lại chỉ mặt mắng cho hấn một trận nữa. Quan Án đập bàn mắng lại:

- Mi là nhà nho đất học, chẳng lẽ không biết lễ quân thần. Người ăn lộc nhà Nguyễn, sao bây giờ lại phản lại nhà Nguyễn, không thẹn với mũ áo cân đai ư?

Nguyễn Cao đứng thẳng dạy nói:

- Người nói năng như một con vẹt. Bọn Pháp nó mớm lời cho người chứ gì! Vua của người là Vua bù nhìn theo Pháp, đâu phải là Vua của ta. Vua của ta là Đức Hàm Nghi, đang cùng quân Cần Vương giành lại non sông đất nước, chia sẻ ngọt bùi cay đắng cùng với tướng sĩ. Ta có chết cũng chết vì Người. Tra tấn ta ư, moi tin tức về Tạ Hiện, về Nguyễn Thiện Thuật ư? Đừng có hòng. Ta chết trước mắt người cho mà xem đây này.

Nói rồi rút trong người một mảnh nứa sắc không biết lấy được từ đâu, rạch bụng moi ruột ra trước mặt bọn quan Án...

Ông được chúng lôi đi, khâu lại và buộc thuốc. Nhưng Nguyễn Cao la hét âm ỉ, giằng đứt bông băng. Chúng phải trói ông lại, mới để cho y sĩ khâu lại vết thương được.

*

Mấy lần sau Nguyễn Cao vừa lành vết mổ bụng, chúng lại lôi ông ra dụ dỗ, tra khảo; tra khảo chán lại dụ dỗ. Lần nào Nguyễn Cao cũng chửi mắng chúng thậm tệ.

Chúng lôi ông ra chém. Trên dọc đường đến Pháp trường, ông ngẩng đầu rất cao, đọc to lên những câu thơ khảng khái trong bài "*Tự Phận ca*", đêm nào, trong mộng ông đã đọc cho Khuất Nguyên nghe:

... Trời xanh kia, sinh ra ta làm gì?

Trót theo khoa bảng, trải mấy tình kỳ.

Những tưởng yên phận, nào hay thời nguy.

Chợt nghe mệnh gọi, há dám đâu chần chờ.

Danh nghĩa là trọng, lợi hại kể chi...

... Trời xanh kia, sinh ta mà làm gì?

Sống trong chìm đắm cùng loài chó dê

Thà chết mà cùng trời đất toả sáng,

Còn hơn sống nhẩn làm cục thịt thừa

Thà chết làm nhành quỳnh hoa nơi non xanh nước biếc,

Sông Nhị còn đó, núi Nùng vẫn kia...

Bọn Pháp cho người vả vào miệng, Nguyễn Cao vẫn cao tiếng ngâm dọc đường đến nơi chịu nạn.

Người hai bên đường ai nghe thấy cũng rờn rờn nước mắt.

Bạn đồng hương

Phan Bội Châu hỏi Mai Lão Bạng:

- Công việc đưa quân nghĩa về nước thế nào rồi, ông bạn đồng hương của tôi.

Mai Lão Bạng nói:

- Ba cánh quân của ta đều đã sẵn sàng. Một từ Quế Lâm, một từ biên giới Xiêm, một từ Vân Nam, lúc nào có lệnh minh chủ, là lên đường.

- Thế là được.

- Trước khi đưa quân về nước, tôi đã cho người đem các bản Hải ngoại huyết thư, Hà thành liệt sĩ phân phát khắp các tỉnh thành biên giới. Khi quân ta tới, họ sẽ biết, đám thanh thiếu niên chắc hẳn sẽ hưởng ứng. Cái mộng phục quốc, đánh Pháp của chúng ta, phen này có nhiều hy vọng đấy.

Phan Bội Châu, không để ý đến lời lẽ lạc quan của Mai Lão Bạng, chỉ cau trán nói:

- Tôi từ Nhật sang Tàu, từ Tàu sang Nhật, mượn tiếng Đông du để lấy sự canh tân của Á Đông, thức tỉnh thiên hạ. Nhưng tiếng nói ở bên ngoài vọng về nước, dù có giờ nào cũng nói, ngày nào cũng nói, tháng nào cũng nói, cũng chẳng bằng đem quân về đánh một vài trận, để cho bọn Pháp hiểu ta không chỉ nói suông. Mà khi một thân người ngã xuống, máu đỏ tươi lên đất mẹ đang rên xiết dưới gót giày xâm lược, thì khí thế chống Pháp sẽ sôi sục trên khắp cả Bắc, Nam, Trung.

Mai Lão Bạng, gật gật đầu, tỏ vẻ đồng tình. Phan Bội Châu vẫn chưa hết lo, nói:

- Nhưng đánh rồi ở lại hay lại rút về biên giới. Quân đã họp rồi thì lương thực vũ khí để chiến đấu tiếp thế nào đây! Thật là nan giải, thật khó quá!

Mai Lão Bạng đưa trà Thiết Quan Âm mời ông Phan. Phan cầm lấy uống. Phan cảm thấy Mai Lão Bạng có điều gì lo lắng liền gạn hỏi:

- Có chuyện gì đáng lo hơn thế nữa, ông Mai?

Mai Lão Bạng nói:

- Ba cánh quân ở xa nhau, liên lạc đều phải qua thư từ bí mật. Liệu có đồng loạt tiến quân được chăng? Điều tôi lo hơn là, tỉnh Quảng Đông lại không yên. Mà đồng chí ta quanh quẩn ở đây không phải là ít. Người Tàu mà có chuyện, thì việc của ta cũng ảnh hưởng lớn đấy!

Phan Bội Châu cũng đã biết qua loa chuyện quân lính Quảng Đông nổi loạn chống lại Đô đốc Trần Cảnh Hoa, đang định hỏi thì Mai Lão Bạng đã nói:

- Quân lính kéo đến dinh Trần Cảnh Hoa đòi cải thiện đời sống, cấp đủ lương tháng, quần áo phụ cấp. Ông này xà xẻo của họ cũng nhiều. Trần Cảnh Hoa thấy nguy đến tính mạng đã phải bỏ chạy. Long Tế Quang đã đem binh tới dẹp đám lính nổi loạn, thiết quân luật trong thành phố, tự lãnh chức Đô đốc Quảng Đông rồi. Người trong thành phố nháo nhác, nơm nớp, giá gạo, giá thịt, giá dầu hoả, giá muối tăng gấp hai, gấp ba... Cái quỹ xep lép của chúng ta lo đem quân về nước, kỳ này lại xep thêm mất.

Phan Bội Châu kêu lên:

- Thế thì gay cho Hội ta rồi. Trần Cảnh Hoa và Hồ Hán Dân có cảm tình với chúng ta, cho chúng ta nương nấu để mưu việc lớn. Nay Long Tế Quang, mượn gió bẻ măng, nắm lấy

quyền ở Quảng Đông. Ông này có quen biết gì những người cách mạng Việt Nam đâu. Mà cái tính cơ hội của con người này, làm sao mà tin được!

Mai Lão Bạng nói:

- Hay là mình chủ hãy tạm lánh sang một chỗ nào đấy.
- Không được. Tôi phải nán ở đây, tương tế tị nạn.

Lại được tin Toàn quyền Đông Dương đích thân sang Quảng Châu gặp Long Tế Quang. Rồi một tuần sau, tất cả các nơi có người Việt nấu ản làm cách mạng, mưu tiến quân về nước đều bị khám xét. Nhiều nhà hoạt động cách mạng người Việt đều bị bọn Long Tế Quang bắt và xét hỏi.

Mai Lão Bạng và Phan Bội Châu rất lo. Chưa biết xử lý thế nào thì quân của Long Đỗ đốc đã áp tận nhà, bắt giải đi.

Phan Bội Châu và Mai Lão Bạng thấy mình không được giam ở chỗ những người tù chính trị mà lại giam tại chỗ những người tử tội. Mai Lão Bạng nói:

- Thế này, thì Long Tế Quang sắp chém đầu chúng ta mất rồi.

Phan Bội Châu cười:

- Chẳng lẽ lại trở trêu thế này ư! Nhưng chắc là các đồng chí ta ngoài đó, không chịu bó tay đâu. Rồi tiên sinh sẽ thấy.

Nói thế để an ủi bạn thôi, chứ Phan Bội Châu lạ gì đám quan chức người Tàu, họ lật lọng như trở bàn tay. Mà tay Long Tế Quang này xảo quyết lắm. Ở đời chuyện gì chẳng có thể xảy ra. Biết đâu, người Pháp lại chẳng mượn tay Long để dẫn độ mình về nước. Để bạn khỏi lo toan, sau khi ăn bữa cơm tử tù, Phan Bội Châu vỗ vai Mai Lão Bạng nói:

- Tôi vừa nghĩ được bài thơ về cảnh ngộ của chúng ta đây này. Ông có còn bụng dạ nào để nghe không?

- Sao lại không nghe. Chúng ta chẳng là những bậc người ra người sao. Dù có dao kề cổ vẫn còn rung đùi đọc thơ kia mà!

Phan Bội Châu cất giọng ngâm:
*Phiêu bồng ngã bối các tha hương
Tân khổ thiên quân phận ngoại thương
Tính mạng kỷ hồi tân tử địa,
Tu mi tam độ nhập linh đường.
Kính nhân sự nghiệp thiên đào chú,
Bất thế phong vân đế chủ trương
Giả sử tiền đồ tận di thảo
Anh hùng hào kiệt giả dung thường⁽¹⁾.*

Mai Lão Bạng khen:

- Thật đúng là ông Giải San. Văn chương chứa đầy một bụng.

Phan Bội Châu cười:

- Đây là tặng bác. Tôi chờ bác làm thơ tặng lại. Nhưng xét cho cùng. Bạn làm thơ tặng mình chắc chỉ khen thôi. Chỉ bằng, mình làm cho chính mình thì có cái mình muốn nói, nói lên được.

Bèn cao giọng đọc tiếp:

*Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu,
Chạy mỗi chân thì ta ở tù.
Đã khách không nhà trong bốn biển
Lại người có tội giữa năm châu.
Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế,
Mở miệng cười tan cuộc oán thù
Thân nợ vẫn còn, còn sự nghiệp
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu!*

⁽¹⁾ Tạm dịch là: Tha hương tôi bác bơ vơ. Mà riêng phận bác cay chua đủ mùi. Bao phen chết hụt cõi ngoài. Ba lần tù tội vào rồi lại ra. Trời còn thử thách đó mà. Nên công nhờ chúa ắt là có phen. Đường đời nếu cứ phẳng im. Anh hùng hảo hán biết tìm đâu ra.

Mai Lão Bạng rất phục Phan Bội Châu ở nét điềm tĩnh, khí phách hơn người. Một người tử tù ở bên cạnh hỏi:

- Các ông cũng mắc vào tội chết ư?

Mai Lão Bạng nói:

- Không chúng tôi là những người cách mạng.

- Các ông là người Việt Nam?

- Phải!

- Các ông không sợ chết ư?

- Chết thì có gì đáng sợ. Chỉ có là chết như thế nào, chết vì điều gì thôi!

Người tù người Tàu, gật gật đầu, tỏ vẻ tán thưởng.

*

Phan Bội Châu bị lôi lên hỏi cung. Một viên thanh tra hình sự của Long Tế Quang cử đến. Hắn hỏi xong tên họ, liền hỏi:

- Ông là người Việt Nam, sấm vũ khí ở đất Trung Hoa là có ý gì.

Phan Bội Châu nói:

- Tôi ở đất Trung Hoa đâu mới chỉ một vài ngày, đâu chỉ có một mình. Người Việt ở Quảng Đông đã nêu rõ mục đích của mình: chúng tôi sấm vũ khí là lo phục quốc, đánh lại kẻ xâm lược của chúng tôi. Tôn chỉ của chúng tôi là độc lập, tự chủ, tiến tới sánh vai cùng năm châu bốn biển, tự lập, tự cường. Hiện nay, người Trung Hoa có Tôn Dật Tiên khởi xướng, giành được nền dân quốc, như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi đã đề xướng, các nhà cách mạng Trung Hoa trước đây đều từng đã quen biết và đã tán thành tôn chỉ, mục đích của chúng tôi. Chúng tôi có Hội, có Đoàn, sống thân hữu với người giúp mình, sao lại ghép chúng tôi vào tù tử tội. Chúng tôi có làm gì phương hại đến an ninh của các ông đâu!

Viên thanh tra trẻ mặt lạnh như tiền, khẽ hỏi:

- Ông không sợ chết ư?

Phan Bội Châu cười vang trả lời:

- Đã làm cách mạng, thì có đâu sợ chết! Tôi xin đọc một lời di mệnh của một đồng chí của chúng tôi trước khi bị giặc Pháp bắn để ông nghe: "Yêu nước tội gì? Chỉ có tinh thần là chẳng chết! Đánh Tây chưa được, nguyện đem tâm sự gửi đời sau...".

Viên thanh tra hỏi thêm một chút nữa, rồi trả Phan Bội Châu về nhà lao.

Ông Phan kể lại cho Mai Lão Bạng nghe buổi hỏi cung. Mai Lão Bạng rất cảm phục và bảo:

- Những câu trả lời của anh có thể lưu vào sử sách được.

Ông Phan nói:

- Tấm lòng mình với non sông đất nước thế nào, cứ thế mà nói ra. Nói được có chết cũng hã.

Đêm ấy Phan Bội Châu nghĩ ngợi rất nhiều. Ông bồn chồn khi thấy cả mình và Mai Lão Bạng nằm chết dí trong tù, trong khi anh em đồng chí ở ngoài thì cần mình hơn bao giờ hết. Ông chạnh buồn vì công việc chuẩn bị hàng năm, đang có hy vọng, thì lại bị tình thế rối ren của đất bạn làm hỏng việc. Ông cũng hơi lo ngại, Long Tế Quang, có thể là một kẻ hám lợi, hơn chuộng nghĩa...

Sáng sớm hôm sau, ông nói với Mai Lão Bạng:

- Ngày hôm qua mình cứ lờn vờn nghĩ đến Cao Bá Quát. Mình cứ nghĩ đến đôi câu đối ngất ngưỡng của ông ấy: "Ba hồi trống giục, dù cha kiếp. Một lưỡi gươm đưa, bỏ mẹ đời". Khéo chúng mình rồi cũng phải đọc những lời trước khi ra pháp trường mất. Anh đã nghĩ được câu gì hay chưa?

Mai Lão Bạng nói:

- Việc gì mà nghĩ. Tôi tin rằng Long Tế Quang không thể xuống tay với tôi và anh đâu. Chẳng gì tinh thần cách mạng của hội

Viên thanh tra trẻ mặt lạnh như tiền, khẽ hỏi:

- Ông không sợ chết ư?

Phan Bội Châu cười vang trả lời:

- Đã làm cách mạng, thì có đâu sợ chết! Tôi xin đọc một lời di mệnh của một đồng chí của chúng tôi trước khi bị giặc Pháp bắn để ông nghe: "Yêu nước tội gì? Chỉ có tinh thần là chẳng chết! Đánh Tây chưa được, nguyện đem tâm sự gửi đời sau...".

Viên thanh tra hỏi thêm một chút nữa, rồi trả Phan Bội Châu về nhà lao.

Ông Phan kể lại cho Mai Lão Bạng nghe buổi hỏi cung. Mai Lão Bạng rất cảm phục và bảo:

- Những câu trả lời của anh có thể lưu vào sử sách được.

Ông Phan nói:

- Tấm lòng mình với non sông đất nước thế nào, cứ thế mà nói ra. Nói được có chết cũng hă.

Đêm ấy Phan Bội Châu nghĩ ngợi rất nhiều. Ông bồn chồn khi thấy cả mình và Mai Lão Bạng nằm chết dí trong tù, trong khi anh em đồng chí ở ngoài thì cần mình hơn bao giờ hết. Ông chạnh buồn vì công việc chuẩn bị hàng năm, đang có hy vọng, thì lại bị tình thế rối ren của đất bạn làm hỏng việc. Ông cũng hơi lo ngại, Long Tế Quang, có thể là một kẻ hám lợi, hơn chuộng nghĩa...

Sáng sớm hôm sau, ông nói với Mai Lão Bạng:

- Ngày hôm qua mình cứ lờn vờn nghĩ đến Cao Bá Quát. Mình cứ nghĩ đến đôi câu đối ngất ngưỡng của ông ấy: "Ba hồi trống giục, dù cha kiếp. Một lưỡi gươm đưa, bỏ mẹ đời". Khéo chúng mình rồi cũng phải đọc những lời trước khi ra pháp trường mất. Anh đã nghĩ được câu gì hay chưa?

Mai Lão Bạng nói:

- Việc gì mà nghĩ. Tôi tin rằng Long Tế Quang không thể xuống tay với tôi và anh đâu. Chẳng gì tinh thần cách mạng của hội

Đông Du chúng ta, của Hội, Đoàn do chúng ta lập ra, những người cách mạng Trung Hoa, ai là người không biết.

Phan Bội Châu ghé tai nói:

- Tàu cũng có năm bảy hạng Tàu. Nhưng tôi tin là anh đúng! Đây, tôi qua tôi làm một lúc được ba bài thơ về Cao Bá Quát nhé. Để tôi đọc anh nghe.

Mai Lão Bạng nhìn bạn cười:

- Giá anh làm thi sĩ thì đâu đến nỗi long đong vất vả thế này! Nào đọc cho gã Mai này nghe đi!

Phan Bội Châu đọc:

Ừ thế, non sông, thế mới tài!

Tài cao há lẽ núp như ai.

Xung lên, trời muốn hai tay nắm,

Hứng tới, vời toan một cẳng bơi.

Mây gió xoay tròn đầu ngọn bút

Càn khôn chết lỏng nửa tròng người.

Khí thiêng đất nước còn nguyên đó.

Chín suối ai ơi, đứng dạy cười.

Cười ngất ông xanh quá thiệt thà

Sinh ra những cố bắt làm ta

Ngoài năm châu lớn, gì gì huây

Trong bốn ngàn năm, thế thế à?

Trót chẳng hay ư, nhưng chẳng dở,

Đành không trẻ nữa, ngán không già.

Mò tìm quên quách cầm râu bạc,

Bảy chục còn nghi tuổi mới ba.

*Thấy vui liền vác tập thơ ra,
Đồ nhắm xưa nay Cự với ta,
Son mực thấy thừa oan kiếp giấy,
Gió mưa lâm lạc rui đời hoa.
Tám bia vạn cổ trời để chữ
Năm cốt ba sinh đất gán nhà
Trên án hương tâm hồn hỡi dậy,
Sau ly rượu cúc, trước chung trà!*
Mai Lão Bạng vỗ đùi, khen:

- Cao Bá Quát bị Phan Bội Châu mượn cốt để gửi hồn rồi! Rồi bảo: "Anh đọc lại nữa đi! Đọc lại lần nữa!". Câu thơ khí khái sướt ruột gan lắm!

*

Cửa ngục mở. Lại viên thanh tra hình sự, đứng sau người coi ngục:

- Các ông đã được tự do!

Phan Bội Châu nhìn viên thanh tra, vẻ mặt vẫn lạnh lùng như bữa trước:

- Cảm ơn ông!

Mai Lão Bạng thì nói:

- Chúng tôi đã bảo từ đầu là các ông nhầm rồi mà.

Viên thanh tra vẫn không nói gì. Hai người được dẫn ra khỏi ngục.

Phan Bội Châu ngửa mặt nhìn lên bầu trời trong xanh. Ông hơi bị quá nắng vì chói nắng, phải vịn vào vai Mai Lão Bạng. Ông bảo bạn:

- Thế này là lần thứ tư anh lại ra khỏi trại giam.

Mai Lão Bạng nói:

- Bắt ta là Long Tế Quang, thả ra vẫn là Long Tế Quang, ông ta có thể gọi là Long hồ đồ được đấy!

Phan Bội Châu cười:

- Ông ta không hồ đồ đâu! Chắc là Toàn quyền Đông Dương đã trở về Hà Nội rồi!

Mai Lão Bạng cũng cười:

- Thế là anh đã được vong hồn Cao Bá Quát phù hộ rồi! Ông ấy không gọi anh xuống đọc thơ viết về ông ấy đâu!

Phan Bội Châu bá vai Mai Lão Bạng:

- Thôi về tìm anh em ở hội, sở xem tình hình ra sao đã...

18.7.2000

Hùm thiêng Yên Thế

Sư ông chùa Lèo đang gõ mõ, tụng kinh. Chiều xuống. Những vệt nắng vàng nhạt dần. Những mảng đêm lúc đầu còn mờ nhạt, rồi dần tối sẫm, trùm phủ xuống. Căn nhà trai nhỏ bé, cửa liếp tạm khép. Minh sư trụ trì ở đây. Tung tích của người không ai rõ. Chỉ biết đó là một người hay chữ, lại phốp pháp. Hàng năm, ngày Phật đản, tay nải gió đưa sang chùa An Bình bên tỉnh Đông, rồi lại về trụ trì ở chùa Lèo. Mỗi tháng sư xuống núi một lần, đem thuốc, mộc nhĩ, nắm hương, hoa quả, đổi lấy gạo nếp, gạo tẻ, muối, rồi lại tự gồng gánh ra về. Sư rất giỏi thuốc, muốn cứu nhân độ thế, nhưng hồi còn ngồi giữ chùa Trúc, thấy sư mất tay, con bệnh đến đông quá làm cho việc tu hành gián đoạn, vì thế sư đến trụ trì ở chùa Lèo.

- Bạch thầy!

Sư ông giật thót mình quay trở lại. Một người trán băng miếng vải nhuộm chàm đã bạc, máu còn rỉ ở bên trán, đứng trước tam bảo.

- A di đà Phật. Tín chủ từ đâu tới. Sao thương tích lại nặng đến nhường kia.

Người kia hồi hã đáp:

- Bạch thầy, tôi là tay chân của cụ Hoàng đến nhờ thầy ra tay tế độ!

- Hoàng nào? Có phải quan Đề Hoàng Hoa Thám không? Ông ấy đâu rồi?... Chắc là ông ấy bị thương?

Người kia gật đầu. Sư ông vội vái mấy cái, rồi quay lại bảo:

- Đưa quan Đề vào ngay trong nhà trai của ta!

Người hộ vệ Đề Thám vội ra ngay. Một lát sau, cả ba người đều đến. Đề Thám bị thương nặng nhất. Vết thương ông ở bả vai. Đạn thông ra sau lưng, phá một miếng rất lớn. Vải bịt đã đỏ nhoè, những vành ngoài đã khô cứng. Sư ông vội nấu nước lá đặc, cởi băng rửa vết thương cho quan Đề, rồi tìm cách đắp lá cầm máu lại. Ông mệt quá, nằm yên không nhúc nhích. Người hầu cận cũng được tháo băng ra chăm sóc vết thương. Người kia thì một mình đeo hai khẩu súng trường, bụng lại còn giắt một khẩu súng ngắn nữa.

Sư ông thở dài hỏi:

- Ta nghe tin thất trận của quan Đề liên tiếp, qua những buổi xuống núi. Sự thể lại thảm hại đến thế này ư?

Người hầu cận biết nhà sư vốn là bạn cũ của quan Đề, không giấu giếm gì cả...

Chữa trị được nửa tháng, người hầu cận đã khá lên, nhưng Đề Thám thì vết thương lại mưng mủ. Mỗi ngày, ông chỉ húp một bát cháo, ông lại bị sốt liên miên. Nhưng cơn ho động đến vết thương càng làm cho ông đau đớn. Người lính còn khoẻ hơn thường ngày vẫn mặc giả người kiếm củi, đi quanh nhà chùa rất xa để xem quân Pháp có cho người truy lùng không.

Viên hầu cận tên là Cự, còn người lính tên là Tèo. Một bữa sư ông bảo Tèo:

- Anh đi xuống tận dưới các làng xem thử tình hình động tĩnh ra sao, nhân thể đóng lấy vài thúng gạo. Trước ta chỉ có một người, nay chùa những bốn người, lương thực cạn kiệt cả. Muối thì còn nhiều, không phải lo.

Tèo vội vã nhận tiền đi ngay. Sư ông bảo Cự:

- Còn anh đi ngược suối lên bãi phẳng ở chỗ có tên là Trùng Khế, xung quanh khe rừng rất nhiều. Chỗ ấy mát mẻ, có chim có quả.

Anh có thể đặt bẫy gà rừng để chăm sóc quan Đề được. Ở đây kín đáo hơn. Hàng ngày ta sẽ vào thăm chữa trị cho hai người. Nhớ nhắc anh Tèo, nấu nướng phải chọn chỗ kín đáo, đừng để lộ khói ra ngoài...

Ra được mấy bữa bệnh tình ông Thám càng nặng. Ông gầy, sút rất nhanh. Vết thương ảnh hưởng đến tim phổi khiến ông co giật suốt. Nhà sư túc trực mấy hôm liền quên cả tụng kinh, dăng lễ mà vẫn không đỡ...

Gương mặt sư ông và hai người thân cận của ông Đề đầy nỗi lo toan...

*

Toàn quyền Xa-rô sai người liên lạc với Lương Văn Phúc, vốn là con nuôi của tướng giặc Cờ vàng Lương Tam Kỳ từ Vân Nam lánh nạn sang. Kỳ vẫn nương náu ở các làng ven núi vùng Đà Giang, lấy cướp bóc mà nuôi quân. Lương Văn Phúc đang có những ý đồ lập công với quân Pháp. Y thường nói ra miệng với vợ con:

- Thời nhiều nương thì thàng đi câu cũng thành Tri huyện. Lão đồ Phán ở Đa Phúc cũng làm đến Tri phủ nữa là.

Được Toàn quyền gọi đến, Phúc mừng lắm, khăn gói đi ngay.

Xa-rô tiếp Phúc trong mật đình, sau khi đuổi hết mọi người hầu ra, chỉ giữ lại một viên trợ lý.

Xa-rô nói:

- Ta muốn mượn tay Lương Tam Kỳ lấy đầu thàng giặc già Đề Thám. Ông có giúp được không?

- Xin quan cứ nói.

- Người biết đấy, thầy trò người lúc nào cũng thiếu tiền, thiếu gạo để nuôi quân. Một cái đầu Đề Thám, hai mươi lăm ngàn đồng bạc trắng, há chẳng phải là món to sao?

Xa-rô ngừng lại một lát dò xem thái độ của Lương Văn Phúc, rồi nói tiếp:

- Còn riêng phần của nhà ngươi, nếu biết tận tụy với nước Đại Pháp, thì bổng lộc còn truyền đến tận con cháu. Ngươi về suy nghĩ kỹ đi.

Lương Văn Phúc về ra mắt Lương Tam Kỳ và nói:

- Thưa cha, con có điều này muốn nói với cha.

- Có phải là chuyện mưu lấy đầu Đề Thám không?

- Dạ, cha cũng đã biết?

- Ta đã có mật thư của quan Thống sứ Đê-tơ-nay gửi cho. Hẹn nếu nghe thì ngày ấy, giờ ấy đến dinh ông ta, tất nhiên là ta phải cải trang, để bàn việc cơ mật. Ta biết tổng là việc gì rồi!

Phúc nói:

- Đề Thám trước sau cũng chết! Ta bây giờ đang thiếu lương thực. Quân Pháp chẳng ưng gì ta. Nhưng vì muốn dùng ta vào việc nên mới hứa cho hai mươi lăm ngàn đồng. Đầu Đề Thám lúc này lấy rất dễ. Ông ta tan nát cả một đạo quân xây dựng hàng chục năm rồi. Vừa rồi lại bị thất trận thua lớn. Cả Dinh, Cả Trọng, Cả Huỳnh, Cai Thanh đều tan tác, thất lạc nhau cả. Vụ Hà Thành đầu độc cũng bị thất bại. Bây giờ người Pháp đã cực mạnh. Họ có tay chân ở khắp nơi, không giúp họ dễ bị họ làm rầy. Mà họ nói rằng chỉ có cha giả danh đến viện binh, giúp vũ khí thì Đề Thám mới chịu nghe. Quân Pháp sùng sỏ, đầy súng to, súng nhỏ. Thám chống lại thế nào được. Theo con, rất nên làm, nếu không làm thì sau họ có cơ diệt mình.

Lương Tam Kỳ quát mắt lên nói:

- Ta cùng Lưu Vĩnh Phúc, Hoàng Sùng Anh sang đây, lãnh nhờ đất An Nam, vốn dĩ vì ghét bọn Hồng Mao lấn át nước Trung Hoa. Đề Thám cũng chống bọn Pháp, dấy lên ngọn cờ đòi lại xứ sở, lẽ nào ta lại phản người cùng chí hướng. Thôi, ngươi lui ra đi...

Lương Văn Phúc lăm lét lui ra. Nhưng món tiền lớn hai mươi lăm ngàn vẫn ám ảnh hần. Hần tự mình đến dinh Thống sứ Đê-tơ-

nay nhận việc, và sau đó đem theo hai người khách, vốn cũng tham tiền như hần, ngày đêm đi gấp lên Yên Thế.

Phúc dò hỏi dân trong vùng biết rằng Đề Thám đã chạy về hướng chùa Lèo, nên vội vã bảo nhau đi luôn về hướng đó. Đề-tơ-nay lại gửi mật thư cho Bút-sê, một tên cáo già Pháp hiện làm đại lý ở Nhã Nam bày mưu tính kế cho Lương Văn Phúc...

Bút-sê cho người phi ngựa đến báo cho chức sắc ở dọc đường bọn Lương Văn Phúc đi qua dừng làm khó dễ cho họ, để họ dò xét được tung tích của Đề Thám. Ở nhà, hần chỉ thị cho viên quan hai sẵn sàng cấm trại lính Pháp để chờ cơ hội dùng đến...

*

Ông Đề Thám bỗng tỉnh hơn trước. Ông uống cạn một bát chè xanh pha mật ong. Và tựa mình vào chiếc đẫy toàn lá khô mà Cơ và Tèo đã làm cho ông để ông có thể ngồi tựa, khỏi nằm liệt trên chiếc ổ ở trong hang. Vòm hang hơi ẩm. Dân Nhã Nam, những người tâm phúc của Đề Thám đều hốt hoảng về chuyện ông biến mất ở khu rừng Yên Thế. Đồn Phồn Xương, quân Pháp đã chiếm lĩnh mất rồi, trở về chắc cũng khó! Cuối cùng mấy vị trùm trưởng của xã cũng đến thăm và đem đến cho ông được ít mật gấu, vài chai mật ong và chút ít lương thực. Ông nhìn họ đầm thắm và an ủi họ. Mắt ông muốn nói rất nhiều điều với họ, nhưng rồi không hiểu vì sao lại thôi...

Trong lúc quan Đề tiếp những người thân cận nhất, thường là nơi lui tới của ông khi thắng, khi bại, ở Nhã Nam này thì bọn Lương Văn Phúc cũng dò dẫm đến chùa Lèo.

Sư ông giật thót mình thấy trước cửa ngôi chùa tranh nhỏ bé của mình có ba người. Một mắt cúp mồm rộng, da xám ngoét, thứ người mà nhìn tướng mạo lộ ra bên ngoài, đã rõ ra là tên nham hiểm; hai tên kia, một tên lấm lì, một tên thì mắt xếch, râu rậm, đích thị một tên lục lâm. Lương Văn Phúc nhìn trước, nhìn sau, thưa với nhà sư:

- Bạch thầy, chúng tôi có việc cơ mật muốn được gặp ông Đề Thám.

Sư ông cố giữ bộ mặt thản nhiên nói:

- Mô Phật. Nhà chùa ở tận nơi hẻo lánh này từ lâu có tiếp ai đâu, trừ vài người tiểu phu, sơn tràng kiếm củi ghé qua, và bây giờ là các ông vậy.

Phúc xảo quyết nói:

- Sư ông hãy xem cái này. Chúng tôi ra ngoài này ăn bữa trưa cái đã! Hắn cố tình đặt phong thư trên án viết, rồi cùng hai tên ra mé ngoài cửa chùa, giở cơm nắm, thịt rang ra ăn với nhau.

Sư ông nghĩ ngợi lung lăm, cuối cùng cũng mở tờ thư ra đọc rất nhanh. Thư viết:

Lương Tam Kỳ gửi tâm thư để quan Đề xứ Nhã Nam xem xét:

Nghe tin đồn Phồn Xương bị vỡ, Kỳ tôi những muốn cất quân lên giúp, nhưng đã quá muộn. Tôi biết trí lự quan Đề là muốn thay trời hành đạo, đuổi bọn người Tây Dương ra khỏi bờ cõi. Oai phong của họ Hoàng đã khiến các miền đều kính phục. Kỳ tôi đã nhiều lần mong được tiếp kiến. Anh hùng hảo hán có lẽ nào lại không giúp được nhau lúc vận hạn cơ nhỡ. Nếu như gặp được người của tôi, quan hãy tin họ những việc tâm phúc. Tôi mong rằng, nhân nghĩa lại tụ họp dưới cờ, lúc ấy nếu Ngài cần súng ống, đạn dược hoặc cần lương thực để cần quân Pháp, tìm kiếm những người tiếp tục mưu việc lớn thì Kỳ này xin hết lòng. Ví như thân cô, thế cô, giặc vây dữ, thì hãy cải trang theo ba người này, đến nơi Kỳ đang ở, Kỳ xin kết nghĩa anh em giúp Ngài phục lại oai phong thuở trước.

Nóng ruột chờ trông.

Mong sớm hội ngộ.

Lương Tam Kỳ.

Sư ông xem xong gập theo nếp cũ, đặt lên y nguyên trên án, và lặng lẽ ra ngồi bên bàn. Bọn Lương Văn Phúc ăn xong, liền quay vào. Hấn hỏi:

- Nhà sư đã đọc thư rồi chứ?

- Mô Phật, kẻ tu hành đã trừng giới, chỉ muốn ngày đêm đèn nhang kinh kệ, đâu dám can dự vào việc thế gian.

Phúc cười dò hỏi:

- Bạch thầy, xin thầy chớ nghi ngại. Tôi là người của Lương tướng quân đến để giúp đỡ quan Đề. Nếu thầy biết chỗ, xin chỉ cho chúng tôi đến.

Sư ông cười nhã nhặn:

- Mô Phật! Quả thật là tôi không biết.

- Tiếc nhỉ! Xin thầy cho tôi ở lại đây để dò tung tích của quan Đề được không? Có người nói quan Đề bị thương, chỉ lẫn quất đâu đây, chưa đi xa đâu mà.

Sư ông chùa Lèo đáp lại, thản nhiên:

- Việc tôi tôi làm, còn việc của các thầy các thầy cứ làm. Nhà chùa chật hẹp, muốn nghỉ thì phải nằm ở trên luồng chùa thôi...

Phúc cười:

- Nằm đâu cũng được, miễn là có chỗ trú chân. Nhà chùa hãy làm phúc cho người đi làm việc nghĩa như chúng tôi, chắc là cũng có công quả đấy!

Phúc thú vị về câu nói dụ dỗ ngầm của mình và cười hề hề...

*

Ở trong hang, một buổi sáng, thấy trong mình mệt mỏi, khó thở, ông Thám bảo Tèo công ra trước cửa hang để ngồi cho thoáng. Cơ đã đỡ, đang đi ra bờ suối để xem có bắt được con gà rừng, con chồn nào đem về làm bữa... Tèo để quan Đề ngồi trên một phiến đá

rộng, phía trước là thung lũng đá, hoa dại và bướm đang bay chấp chới. Tèo đi nhặt mấy cành khô để tí nữa về nhóm bếp sưởi cho hang bớt lạnh. Rồi anh quay lại chỗ quan Đề ngồi. Anh hốt hoảng khi thấy chủ tướng của mình nằm nghiêng trên phiến đá. Hình như ông dính gió luồng và đã bị cảm. Khó khăn lúng túng lắm, Tèo mới công ông Đề được vào trong hang. Anh ném lá khô, cành khô đốt lửa thật to rồi lay gọi liên tục. Có lúc không giữ gìn, tiếng gọi vang um cả vào vách đá dội ra tận bờ suối. Cơ đang gõ bầy nghe tiếng người trong hang vọng đến vội chạy về. Cơ và Tèo nhìn Thầy rờn rờn nước mắt.

Chợt có tiếng mật hiệu của sư ông ngoài cửa hang. Tèo và Cơ vội ra đón vào. Ba người ôm nhau khóc. Sư thầy nói:

- Việc gấp rồi, ta phải tìm cách chôn quan Đề thôi. Có bọn người nói là quân Cờ vàng đến tìm giúp quan Đề, tôi đang bán tín bán nghi..., định lên đây bàn với chủ tướng, nhưng ngài đã mất rồi! Ta phải lo phần mộ cho chu đáo, lại khéo léo. Cái đầu của người bây giờ được treo giá lớn, cho nên nếu không giấu tung tích, chết rồi ngài cũng không được yên. Các anh phải nhanh tay thôi.

Sư ông vốn quen thung thổ vùng này. Người chọn được một khe đá vôi luồn tít vào sâu đặt thầy người trong một hốc hang, rồi nhặt đá chẹn kín cửa hang lại, vất vả mất non một buổi sáng mới xong. Sau đó Tèo và Cơ hỏi ý kiến sư thầy nên làm gì, ở hay trốn! Sư thầy cho biết người của quân Pháp đã toả ra khắp rừng, chỉ còn đây là nơi yên ổn. Hãy tạm nương nấu dăm bữa nửa tháng nghe động tĩnh thế nào sẽ liệu.

Bọn Lương Văn Phúc vẫn chia nhau, theo dõi hành tung của sư ông. Buổi sáng hôm ấy, hần thấy nhà sư xuống chợ, liền đi theo. "Nhà chùa" đi khoan thai mà rất nhanh. Sư vào chơi một người quen ở trong xóm, ngồi lâu ở trong đó, rồi quay trở ra đi tiếp về ngôi chùa ở xóm dưới, ý chừng để thăm sư trụ trì ở đây. Ba đứa chờ mãi không thấy sư thầy ra, nóng ruột vào chùa hỏi, thì sư trụ trì nói

sư thầy ngồi chơi một chút rồi đi ngay rồi. Phúc quát mắng hai tên tùy tùng, rồi tức tốc đi về phía chùa Lèo, cho hai tên đến báo cho Lý Bắc vốn là tay chân thân tín của Bút-sê đi báo quân Pháp cho người bủa vây ngay vùng rừng xung quanh chùa, chờ báo tin thì đến bắt Đề Thám.

Phúc về thì gặp sư thầy cũng vừa đến chùa. Phúc cười:

- Hửn ông đi đến chỗ ông Hoàng Hoa Thám.

- Mô Phật! Sao người nghĩ ác cho người tu hành thế?

Phúc quát hai tên tay chân. Chúng rút dao găm giấu trong người xông đến. Nhà sư cũng là tay võ nghệ, lập tức nhảy về phía sau, dùng quyền chống trả... Nhưng chúng đông hơn hẳn, ông đã bị chúng bắt trời lại ở ngay cột chùa và ra sức tra hỏi. Nhà sư một mực im lặng. Chúng đánh đập người thâm tím, mặt mày sưng vù, trông thấy dễ sợ... Sau đấy, chúng nhét giẻ vào miệng sư thầy và bươn bả đi vào trong rừng. Cuối cùng chúng cũng tìm ra chỗ ẩn náu của Tèo và Cơ. Hai người có da bọc xương, nhưng họ có súng. Họ đã bắn trả bọn chúng quyết liệt. Lương Văn Phúc thấy đồng lửa chọt nghĩ ra một kế... Một mặt hắt nắp sau đá bắn chống cự, giữ chặt cửa hang. Mặt khác hắt cho hai tên đi theo nhặt củi vớt gần kín mặt hang rồi châm lửa đốt. Chúng ném thêm lửa vào. Chúng đốt cả đêm và mờ sáng hôm sau không thấy bên trong động tĩnh gì nữa. Chúng cắt đầu Tèo và Cơ, bọc vào vải, đem theo mấy khẩu súng trở lại chùa Lèo...

Sư ông ngắt xỉu đi. Chúng cười trời cho ông, rồi tát nước vào mặt. Một lát sau ông tỉnh, Lương Văn Phúc quát to lên hỏi:

- Thằng sư hổ mang kia! Tên giặc già Đề Thám đâu, khai ra không tao cắt cổ!

- A di đà Phật.

Phúc tức điên lên dùng chân đá vào đầu nhà sư, chẳng ngờ đã trúng vào gáy, nhà sư ngoặt cổ ra, chết luôn...

Phúc quăng con dao vừa kê cổ xuống, kêu lên:

- Hồng mẹ nó hết cả rồi!

Một tên khách nhìn Phúc hồi lâu, rồi thủng thẳng nói:

- Việc gì mà hồng! Khéo làm thì khéo ăn...

Phúc ghé tai hỏi:

- Mà bảo sao?

- Không có đầu ấy thì mượn đầu khác mà nộp có gì đâu!

Phúc nghĩ ra ngay:

- Ý mà bảo tao lấy đầu thằng sư hổ mang này thay cho đầu của Đề Thám!

Tên khách gật đầu. Phúc ngẫm nghĩ một lúc rồi bảo:

- Thôi được. Mặt thằng này bị đánh sưng lên cũng giống mặt Đề Thám đây. Tụi Tây bây giờ đang cần đầu Đề Thám để bêu! Thật hay giả! Kệ mẹ chúng nó, miễn là chúng nó chấp nhận.

*

Lương Văn Phúc được nhận thưởng hai mươi lăm ngàn đồng bạc trắng và được bổ Tri phủ Quảng Oai. Hết sức giữ mình, đi đâu cũng đem hàng chục tên thủ hạ, võ nghệ cao cường theo, nhất là khi có các công việc phải đến các huyện miền núi xa khác. Phúc hí hửng cho là vận may đến với mình. Cho đến nay, chính Phúc cũng không hề biết Đề Thám còn sống hay đã chết, nhưng dư đảng của đám nghĩa quân Yên Thế thì chẳng còn gì nữa. Đi đến đâu, hiểu dụ trước đám hào lý, hoặc những đám đông tay chân, Phúc đều nói:

- Các người từ nay sẽ an nhàn, người Pháp đã trị hết các đám giặc, chứ như ta cách đây mấy năm, ngồi ở huyện đường nhấp nhòm không yên. Vùng này đêm nào chẳng có tiếng tù và rúc gọi tuần phiên đi đánh cướp.

Mấy đứa nịnh ra sức tán tụng tài trí của Lương Văn Phúc. Từ ngày lấy đầu Hoàng Hoa Thám, lúc nào Phúc cũng thấp thỏm, ngủ không yên giấc. Có hôm Phúc mê ngủ, hết âm lên, vợ phải gọi mãi mới tỉnh, miệng vẫn còn lắp bắp, lắp bắp:

- Đề Thám, Đề Thám!

Khi tỉnh dậy, Phúc nói với vợ rằng thấy Đề Thám đến đòi đầu...

Một bận Phúc đi kinh ký miền chân núi Ba Vì ở một làng Mường, vốn là nơi trước đây Lương Tam Kỳ thường trú quân, và đã nhận Phúc làm con nuôi, giới thiệu với Thống sứ Bắc Kỳ cho Phúc ra làm quan...

Phúc đi cáng đến đầu làng đã thấy dân chúng đem trống chiêng vống lọng ra đón. Phúc yên tâm lắm. Nhưng khi Phúc vừa bước xuống thì mới biết đó là đám rước giả.

Một người cao to, mặt vuông, giống hệt Đề Thám, tuốt gươm vung trước mặt Lương Văn Phúc nói:

- Tên bán nước hại dân kia, ta là bộ tướng của quan Đề ở Ba Vì đây. Ta quyết lấy đầu mày để trả thù cho quan Đề.

Phúc vội lặn mình xuống cỏ, gươm chém đuổi theo, xạt một bên vai. Các thủ hạ của Phúc xông đến. Hai bên ẩu đả dữ dội. Phúc lúi vào một bụi rậm, tụt xuống một bờ ao, rồi dần dần men ao mà lúi mong thoát ra...

Đám dân làng ra đón, hòa vào đám thủ hạ đánh đuổi được quân phục kích, rồi quay về tìm quan Tri phủ... Họ gọi khắp nơi, Phúc khiếp hãi không dám ra. Mãi sau nghe thấy tiếng của tên võ sĩ tuýt tùng mới lập cập run rẩy lên tiếng:

- Quan đây! Quan ở đây kia mà!

Chúng đến. Phúc không còn đủ sức mà leo nổi lên bờ ao. Quan phủ ướt lướt thướt như chuột lột, mặt tái như gà cất tiết. Đám thuộc hạ phải bỏ dở cuộc thăm, lấy áo của bọn hào lý tạm cho quan mặc, rồi đưa quan về...

Sau trận chết hụt ấy, Phúc suốt ngày ru rú ở xó phủ. Rồi bệnh phổi lại kéo đến, người gầy rạc. Y rất thèm ngủ, nhưng không sao nhắm mắt được. Bởi cứ nhắm mắt lại mơ thấy Đề Thám và hai người thân tín của ông đến đòi đầu...

Một bữa y thét rống lên, cầm lấy tóc mình lôi lên, tay tự vả vào mặt mình và nói:

- Thằng Phúc, thằng Phúc, đồ táng tận lương tâm, đồ phản dân hại nước... Hãy nhìn thẳng vào đây, xem chúng tao là ai!

Ít lâu sau, Phúc lăn ra chết..., cũng trong một cơn hoảng loạn!

1994

Miếu ông Cai

Bấy giờ, quân Pháp đã chiếm được thành Hà Nội. Băm sáu phố phường đã chạy loạn về quê. Thành vắng, phố cũng vắng. Chỉ những người có công vụ mới ở lại, hoặc những người tài sản chẳng là bao, phải chạy chợ, đeo bám lấy cái rẻo đất riêng của mình để sinh sống...

Huyện Thọ Xương cũng vắng vẻ lắm. Mấy viên lại, lục sự đã bỏ nhiệm sở. Chỉ có ông thừa phái, và quan huyện, không bỏ đi đâu được là đành phải giữ lệ bộ, bám lấy huyện đường...

Nhưng đội lính lệ thì vẫn còn nguyên ngót vài chục người với thầy cai Trí... Buổi sớm, thầy vẫn cho các chú lính lệ chạy một vòng quanh phố huyện, rồi về trong sân huyện, vung mã tấu, tập đúng bài "mai hoa dải nguyệt" rất đẹp mắt, như thể chẳng hề hấn gì đến chuyện quân Pháp đóng trong thành, phố phường li tán...

Tập xong, cai Trí thường ra quán cháo lòng, gọi một đĩa lòng nhỏ, một chén rượu tằm, ngồi ăn sáng, và cuối cùng thì lót dạ một bát cháo đầy những bao tử lợn, dồi và gan... Bà hàng cháo đã luống tuổi, phàn nàn:

- Chỉ có ông cai là vẫn trung thành với tiết canh lòng lợn.
- Hàng họ đạo này chắc cũng khó bán, bà nhời!

- Có ai ăn đâu mà bán thầy cai! Trước đây ngồi một chỗ, mặt trời lên bằng con sào thì hàng đã hết, khách ngồi chật hai hàng ghế, mấy bữa nay thì lác đác lắm. Tôi phải cho hàng vào quang gánh, quẩy lên đầu chợ Long Biên, bán đến trưa thì cũng hết. Chợ lao

xào, mắt trước mắt sau rồi tan, cũng may cũng có những người gan, đến ăn hàng cho mình. Mà tội Pháp mấy bữa nay, không biết có chuyện gì, chúng hay giễu qua mấy dãy phố lớn lắm.

- Chúng nó, làm oai đấy thôi!

- Hay là chúng lòng sục gì chăng?

- Chúng đủ mà lòng sục ấy chứ. Tiếng là chiếm thành, nhưng lòng dân đã theo đâu... Còn lâu cái bọn mũi lõ, tóc quăn ấy mới yên ổn được.

- Nghe nói chúng sẽ đem quân xuống chiếm các phủ huyện xung quanh.

- Chúng cứ thử đến mà xem! Dân Hà Thành này coi cái chết tựa lông hồng!

- Tôi thấy nhiều người bỏ cửa chạy lấy người, đến quan còn chạy, lại còn chạy, hướng hồ dân chúng...

Thầy cai, ngắt một giò húng Láng thả vào bát cháo, lấy thìa khuấy những miếng lòng dưới đáy lên, hơi cháo đang nóng, húp một thìa rồi nói:

- Thằng nào chạy cứ chạy, chứ cai Trí thì không!

Tri huyện Thọ Xương gọi cai Trí lên, đóng cửa huyện đường lại bảo:

- Ta giao cho thầy chiếc hòm sơn son này, thầy phải giữ cho bằng được!

- Dạ vâng, bạc châu báu gì ư?

- Không! Cứ đọc chữ niêm phong thì rõ.

Cai Trí ghé mắt đọc:

- Thằng Long Đốc Bộ đường!

- Có phải đây là hòm giấy tờ mật của quan Tổng đốc gửi xuống!

- Phải, hồi Pháp rục rịch đánh thành, quan Tổng đốc có cho người phân tán các giấy tờ, văn thư quan trọng xuống các huyện, nhờ giữ hộ... Huyện ta cũng được gửi một hòm.

- Sao quan không giữ, các ông lục sự, thừa phái không giữ, lại trao cho tôi...

- Ta chọn mật gửi vàng. Nếu như quân Pháp không đánh xuống huyện ta thì thôi. Nếu chiến sự xảy ra, thì chắc không chống giữ nổi. Ta chỉ là quan văn, có mang chạy theo thì không lọt vào tay giặc, cũng lọt vào tay bọn cướp. Nó chẳng biết trong đó chỉ toàn là giấy má, chỉ thấy hòm niêm phong, càng ngờ, chiếm lấy mất thì ta và các ông đắc tội với triều đình.

Cai Trí khẳng khái nói:

- Vậy xin quan cứ trao cho tôi. Dù có phải gan nát, óc lầy, tôi cũng quyết giữ chiếc hòm này bằng được.

Viên Tri huyện nói:

- Được người có nghĩa khí như thầy, ta yên tâm rồi.

Ngày mồng 8 tháng 3 năm Nhâm Ngọ (1882), quân Pháp cho quân từ Đồn Thủy, tiến về huyện Thọ Xương từ sáng sớm... Chúng đi một đội gồm cả bọn lính mộ và lính Pháp khoảng vài chục tên, có đầy đủ súng ống...

Cai Trí lúc nào cũng đề phòng, được tin dân chúng báo về liền lên huyện đường nói với viên Tri huyện.

Ông huyện nói:

- Thầy nghĩ thế nào! Đánh hay không đánh.

- Giặc đến thì phải đánh, không có cách nào khác. Cơ lính lệ của tôi, từ khi quan Tổng đốc giữ thành tuần tiết, ai cũng muốn hết lòng báo đền nợ nước. Ta lại giữ hòm văn thư căn mật của Đốc Bộ đường, không đánh thì để cho chúng xông vào lấy ư!

- Ta chỉ sợ đánh không lại bọn chúng, chúng có đầy đủ súng ống, ta thì giáo mác thô sơ...

Cai Trí hùng hồn quay lại hỏi các chàng lính lệ:

- Nhà nước nuôi chúng ta cầm gươm giữ đất, giặc đất cướp huyện, cướp đất, anh em nghĩ thế nào?

- Chém xả đôi chúng ra! Chúng tôi dù chỉ có giáo mác cũng quyết chiến với chúng một trận sống mái rồi ra sao thì ra!

Quay lại, cai Trí nói với quan huyện, còn đùa cợt:

- Quan có ngại thì cứ chạy, còn chúng tôi là con nhà võ, chạy thì thiên hạ cười cho đấy!

Liền chia quân đi trấn giữ cửa huyện đường rất chu đáo...

Viên Tri huyện đóng cửa huyện, hô hào nha dịch ở lại chống giữ. Lại có cả mấy chàng trai ngoài phố cũng vác vũ khí xin cùng đánh giặc.

Giặc tiến đến, gọi cửa, bên trong im lìm không mở.

Giặc cho nổ súng, bắn dữ dội vào phía trước rồi phá cổng, xông vào huyện.

Đầu giờ Ngọ chúng tiến vào trong sân, cai Trí đốc quân giữ các cửa nách... Chúng phá được cửa huyện đường, vừa xông vào thì hai tên lính mộ đã bị chém lăn ra đất, rồi từ bên trong nhà, một loạt người cố thủ xông ra, vung mã tấu, dao quắm, xông tới. Nhưng súng của bọn Pháp đã bắn họ ngã gục khi họ tiến được gần sát chúng.

Quan huyện mở cửa sau cho những người chỉ có dũng khí mà trong tay, hươu gươm lên, múa chưa thành thế, chạy hết ra ngoài. Cai Trí giao hòm vào tay một người lính lệ và bảo: "Cởi áo lính ra, lấy bộ áo thường mặc vào ngay, rồi ôm cái hòm này chạy thoát ra ngoài, đem nộp cho huyện bên". Người lính lệ vội làm theo ngay.

Cai Trí nấp sau cửa nách, để cho quan huyện và mọi người rút hết. Bọn giặc đã xông vào huyện đường rất đông, súng lăm lăm trong tay.

Chợt nghe một tiếng thét đến vỡ nhà:

- Giết! Giết...!

Một người từ cửa nách xông ra, mấy tên giặc nghe thấy tiếng thét đều giật bắn mình, sững lại. Cai Trí vùng thanh mã tấu xông vào chém gục tên Pháp chỉ huy...

Nhưng ông cũng ngã gục trước hàng loạt đạn bắn vào ngực, vào bụng...

Ở đầu ngõ huyện, dựng một chiếc miếu nhỏ, gần bên cạnh đình làng... Đó là miếu thờ cai Trí, gọi là miếu Ông Cai. Dân làng đã lập nên, mặc con mắt dò xét của bọn mật thám.

Hôm miếu xây xong, quan Giáo thụ huyện Thọ Xương làm một bài văn tế, xoa tóc mà đọc:

"Hỡi ơi, hùng khí Thăng Long hun đúc, danh thơm lưu lại muôn đời! Ai dám bảo anh hùng từ đám thảo dân, không làm nức lòng người tứ xứ"

Nhớ linh xưa:

Ở chốn huyện đường

Chỉ là chức nhỏ

Đất nước lắm than,

Cuộc đời sóng gió

Mồng tám giờ Thìn,

Tháng ba năm Ngọ.

Quyết chí diệt thù,

Cắm phừng mũi lõ

Đã chiếm thành Hà

Lại nhòm huyện Thọ,

Kẻ sĩ bầm gan,

Quan nha sốt vó!

Dù dất vợ con

Phá rào, chui ngõ

Quyên vị dành thôi,

Huyện đường cũng bỏ.

Còn lại mình ông,

Mắt trừng ngầu đỏ,

Một thanh đao xoàng

Xông vào chém cổ

Dãi tám gan vàng

Dốc bầu máu đỏ

Mệnh lông hồng bay,

Xác da ngựa bỏ

Sức cùng lực kiệt, gổ một cây, khôn chống nhà xiêu.

Sống khổ, thác trong, đường chính nghĩa đã hằng tỏ rõ.

Hồn ông phảng phất với non sông,

Dân khóc thương thâm trong đáy ngõ...

Lễ bạc kính dâng

Suối vàng chứng tỏ

Ô hô! Thượng hưởng!"

Từ ngày lập, miếu rất thiêng, dân chúng đến lễ bái rất đông, huyện Thọ Xương, tấp nập lại dân, qua miếu, ai cũng không ngăn nổi nước mắt...

Một bận, bọn lính Pháp cho đây là nơi tụ tập, dựng cờ Cần Vương, cho một tiểu đội xuống dẹp. Vừa qua cửa miếu, bỗng một trận lốc nổi lên, cát bụi mù trời, bọn giặc ngã xiêu vẹo không mở được mắt, gạch đá quăng vào người túi bụi. Chúng ngã lăn, ngã lộn, súng một nơi, người một nẻo, khi cơn lốc qua thì hồn bay phách lạc, thầy tớ chẳng còn bụng dạ nào thi hành công vụ, lủi thủi kéo nhau về như bọn thất trận.

Người ta bảo, ông cai Trí hiển linh, chết rồi mà còn làm bay vía giặc...

Ngày Ất Hợi, tháng Rồng năm Canh Thìn.

Đêm tháng tám

Lương Ngọc Quyến bồn chồn chờ đợi những tiếng súng. Theo thư mật của ông đội lính khố xanh là Trịnh Văn Cấn thì việc lớn khởi sự đã đến rồi.

Đội Cấn quê ở Vũ Di, một làng ven đê sông Hồng ở Vĩnh Tường. Nhớ ngày ông Quyến bị khép vào tội khổ sai chung thân, rồi giặc Pháp giải lên Thái Nguyên giam giữ, một hôm thấy viên giám thị, dẫn một viên đội khố xanh, mở cửa xà lim, nói với giọng cung kính:

- Thưa ngài Đội, đây là buồng giam Lương Ngọc Quyến.

Đội Cấn bảo viên giám thị:

- Anh ra ngồi gác đi. Nếu có động, tìm cách báo hiệu cho ta!

Viên giám thị lễ phép vâng lời đi ngay. Chỉ một cử chỉ nhỏ, Lương Ngọc Quyến biết được cái uy của Đội Cấn ở tỉnh lỵ này.

Ông ngồi vức dậy, khẽ gật đầu chào. Đội Cấn nói:

- Tôi đọc báo khá nhiều về vụ xử khổ sai chung thân của thầy, nhân đó cũng biết thêm chút ít lai lịch. Tôi thật sự mến tiếng thầy, hôm nay vào thăm. Thầy đừng buồn, nếu còn có tôi ở đây chắc thầy cũng được đối xử khác mọi người. Thầy cứ yên tâm

Lương Ngọc Quyến ngược mắt nhìn Đội Cấn. Ông khỏe, vạm vỡ. Mặt vuông, mắt sáng, tiếng nói rất vang. Đúng là tướng võ. Người đường hoàng thế này, không thể là kẻ xấu được. Liên hỏi chuyện:

- Ông Đội lên đây đã lâu chưa?

- Cũng đã gần ba năm. Tôi nghe thầy trước đây là học trò yêu của cụ Phan, lại là con trai của cụ Cử Lương Văn Can, thật là người gia thế. Khi thầy giải lên đây, đám thanh niên ở phố đứng cả dãy để xem mặt thầy. Bọn Tây, bắt lính khổ xanh đi đẹp, không cho họ đến gần nhà lao. Bữa đó, tôi biết trước, xin nghỉ phép về quê!

Lương Ngọc Quyến nhìn thẳng vào mặt Đội Cán bảo:

- Ra thế!

Đội Cán hỏi:

- Nghe nói thầy Quyến bị quân Tàu bắt ở Hương Cảng rồi dẫn độ về Hà Nội phải không?

- Sao ông biết!

- Thì báo chí nói hết mà. Tôi có đọc Đông Pháp thời báo, tờ này nói rõ hành vi của thầy lắm. Ra bên Tàu cũng có người sẵn lòng giúp, mà cũng có mặt thám ăn cánh với bọn Tây ở bên nước mình.

Lương Ngọc Quyến nhân đó kể:

- Tôi được cha tôi cho Đông du theo cụ Phan Bội Châu sang Nhật được ít lâu. Cụ gửi tôi vào một trường võ bị. Đến năm 1911, trở về Quảng Đông theo cụ Phan để lập Việt Nam Quang Phục hội, nhằm sắm sửa vũ khí về nước đánh Tây. Ở Quảng Châu, tụ tập được khá nhiều thanh niên sang. Khi phong trào đã khá, cụ Phan cử tôi sang Hương Cảng để lập phân hội và xem thử có cách gì để mua sắm vũ khí. Nào ngờ, giặc theo dõi, tôi bị chúng bắt, giải về nước, giam mãi ở Hỏa Lò rồi mới xử và giải lên đây!

Đội Cán khẽ gật đầu. Buổi gặp gỡ đầu tiên chỉ có thế. Nửa tháng sau, Đội Cán lại quay lại, ngồi nói chuyện lâu hơn, lời lẽ vẫn ân cần, cử chỉ càng thân mật hơn. Hôm đó, Trịnh Văn Cán còn bảo giám thị, cởi cùm cho Lương Ngọc Quyến thoải mái. Đội Cán thì ngồi trên chiếc ghế ở cửa xà lim, quay vào nói chuyện với Lương Ngọc Quyến. Lương Ngọc Quyến cầm lấy tay Đội Cán nói:

- Ông Cấn, ông Cấn. Ông có dám làm những chuyện cha ông ta từng làm không?

Đội Cấn nói:

- Ông rủ tôi chống lại người Pháp?

Lương Ngọc Quyến gật đầu:

- Nước mất, những người như chúng ta nếu không nêu cao đại nghĩa thì con em lấy ai mà noi theo! Hay ông ngại điều gì!

- Tôi ngại là sức mình mỏng, khó lòng địch nổi với họ.

Lương Ngọc Quyến nói:

- Nếu nhìn một chỗ thì mỏng, nhưng bao quát cả ba miền, thì Yên Thế có ông Đề Thám, trong nước ngoài nước đang sôi động phong trào của hai cụ Phan, nếu mình gây được thế lực ở đây, chiếm được Thái Nguyên, lấy núi rừng làm nơi tụ nghĩa, lúc ấy ở hải ngoại vượt biên trở về, các nơi tìm đến, thì có thể làm chuyện lớn đấy!

- Thầy định tính thế nào?

- Tôi thấy ở tỉnh Thái Nguyên lính Pháp hầu như không có. Chỉ có một đại đội khổ đỏ. Ngài cầm quân một trung đội, đứng đầu ở tỉnh là tên giám binh thì lại ở với ngài. Quân Pháp ở Hà Nội thì xa, có lên được đến nơi thì đại sự cũng đã xong rồi. Hiện nay người Pháp lại đang phải dồn sức đánh quân Đức ở chính quốc, hai người tôn của. Thời cơ bằng vàng này, nếu ta không chớp lấy thì thật uổng phí.

Đội Cấn trầm ngâm một lát rồi bảo:

- Thầy để tôi nghĩ thêm một chút nữa đã!

Lương Ngọc Quyến biết Đội Cấn đã xiêu lòng, nói thêm:

- Ngài phải biết thuở xưa Vua Lê khởi nghĩa ở Lam Sơn, cũng chỉ có một số người nhưng khi cờ nghĩa dựng lên rồi, thu hút cả những người tâm huyết trong cả nước. Xin ngài vì dân, vì nước hãy

quên vinh hoa phú quý mà phải dưới quyền của kẻ chà đạp lên đất nước của mình.

Đội Cấn suy ngẫm lâu lắm. Bỗng đi hàng tháng không trở lại. Thì ra ông ở doanh trại đang tìm cách thuyết phục những viên cai và những người lính thân cận, và rủ họ nổ súng chống lại người Pháp.

Lương Ngọc Quyến tưởng Đội Cấn còn bịn rịn với vợ con, chức tước, song một buổi sáng đã thấy ông đến. Ông Quyến mừng lắm. Đội Cấn nói:

- Tôi ở đây nhìn thấy rõ lòng dân chúng và cái thói ngông nghênh của bọn quan ta, quan Tây. Lại thấy lực lượng quân lính của giặc ở đây rất mỏng. Lời của thầy rất có lý. Thời cơ đến, không nắm lấy thì sau này ân hận một đời!

Lương Ngọc Quyến mừng lắm. Đội Cấn nói qua về phương lược cầm quân nổi dậy của mình. Ông nói:

- Tôi sẽ làm chủ trại lính khố xanh, giết tên giám binh, sau đó sẽ chiếm các công sở. Tôi sẽ cho người đến lấy trại giam và thả thầy ra. Thầy đứng lên hô hào những người tù chính trị theo thầy, rồi thầy cùng viên cai cướp trại giam tiến đánh vào dinh Công sứ... Như vậy có được không!

- Được lắm! Được lắm. Ngài Đội có chí lớn như thế, quả là phúc lớn cho đất nước! Tôi sẵn sàng làm quân sư cho ngài!

Khoảng chín giờ đêm, tiếng súng ở đồn Khố Xanh đã nổ vang. Mắt Lương Ngọc Quyến sáng lên. Ông hồi hộp chờ đợi.

Khoảng một tiếng sau thì phía ngoài trại giam cũng có tiếng súng nổ, rồi tiếng hò la của quân khởi nghĩa, phá được cổng tràn vào. Viên giám thị đã mở cửa xà lim và Lương Ngọc Quyến chạy vội ra.

Viên cai của tiểu đội khố xanh chạy đến vội nói:

- Thầy Quyến, thầy Quyến, theo tôi.

Mấy xà lim tù chính trị cũng mở theo. Đám lính và giám thị của trại giam được gom lại. Một số tên đã lĩnh trốn mất.

Lương Ngọc Quyến bảo viên giám thị, mở trại giam tù dân sự rồi đứng giữa cửa nói:

- Quân khởi nghĩa chống Pháp hành động dưới sự chỉ huy của ngài Đội Trinh Văn Cấn đã lấy được tỉnh. Anh em ai là người vì dân vì nước hãy theo chúng tôi đánh Pháp.

Có tới hơn một chục người đứng ra một bên. Lương Ngọc Quyến chia đôi đám người này rồi ghép họ vào tiểu đội lính khố xanh cướp trại giam, lại lũng tùm hết mấy khẩu súng còn để ở trại, hỏi ai biết bắn súng thì giao cho họ. Thấy tiếng súng ở trại lính khố đỏ đang quyết liệt, Lương Ngọc Quyến kéo quân về phía ấy, khí thế rất hùng dũng.

Một tiểu đội khố xanh đang cùng những thanh niên cầm giáo, gậy đang áp sát trại lính khố đỏ, nhưng chưa vào được bên trong. Lương Ngọc Quyến dẫn quân về phía cửa sau đánh tập hậu. Hai bên bắn nhau rất dữ dội. Phía bên kia, Đội Cấn biết là Lương Ngọc Quyến đã đến phối hợp cũng nổ súng rất dữ, lại hò la vang trời. Nhưng bọn lính khố đỏ có súng cối. Từ bên trong thành, chúng nhìn thấy Lương Ngọc Quyến đang chỉ huy quân bò lên phá cửa thành, chúng liền lấy phân tử bắn.

Một quả cối trùm lên chỗ Lương Ngọc Quyến đứng. Có tiếng thét lên:

- Quân sư chết mất rồi!

Viên cai khố xanh vội tiến lên chỉ huy, thét lớn:

- Hãy trả thù cho thầy Lương Ngọc Quyến và thúc quân đánh thẳng vào cổng thành...

*

Suốt năm ngày chiếm giữ Thái Nguyên, Trinh Văn Cấn biết không thể chống lại với quân lính của Thống sứ Bắc Kỳ điều từ Hà

Nội lên với hàng nghìn lính Tây và lính khố đỏ. Chúng kéo theo cả một trung đội pháo binh hạng nặng, gồm hai khẩu đại bác 105 ly và mấy khẩu súng cối lớn.

Trong khi đó, lực lượng nghĩa quân phải dần mỏng, giữ lấy công sở. Tiền bạc lưu giữ ở tỉnh lỵ không được bao nhiêu. Năm ngày giữ tỉnh Thái Nguyên, các nhà buôn đều đóng cửa chợ không họp. Lương thực dự trữ ở trại lính khố xanh, khố đỏ đã dần cạn...

Trịnh Văn Cấn liền quyết định rút chạy. Để khỏi liên lụy đến một số người còn có vợ con, đã theo mình, ông tập hợp quân lính lại và nói:

- Ta và ông Lương Ngọc Quyến mong cuộc khởi nghĩa sẽ là một trái bom nổ, cảnh tỉnh lũ thực dân Pháp cướp nước. Nay quả bom ấy đã nổ rồi. Trời bắt mất quân sư của ta, giặc thì vây bốn phía. Các anh ai theo ta thì theo, bằng không cải trang mà trở về với gia đình. Còn ta, chí hướng sẽ không đổi, ta sẽ chống giặc Pháp đến cùng...

Quân sĩ ai cũng rớt nước mắt. Nhiều người xin ở lại. Nhưng còn ai hiểu lính của mình hơn ông. Ông không muốn vì mình mà họ phải liên lụy. Cuối cùng ông chỉ chọn một tiểu đội, gồm những người trung thành quả cảm nhất.

Đêm ấy, sau khi để mọi người tản mát trong dân chúng về với gia đình, Đội Cấn dẫn tiểu đội cắt rừng qua Cát nê đến chân núi Tam Đảo. Ông nghỉ trong rừng chuối, bắn hạ một con nai, xáo với chuối xanh. Thầy trò ăn một bữa đã đời.

Hôm sau leo ngược sườn Tam Đảo phía Thái Nguyên, sang sườn phía Vĩnh Yên. Thầy trò trú quân ở mé sau chùa Tây Thiên, ban ngày, thay áo lính bằng áo chàm, xuống núi, đem tiền còn mang theo, mua lương thực thực phẩm.

Bọn Pháp sức cho quan tỉnh Vĩnh Yên truy lùng rất dữ. Đội Cấn muốn về thăm quê mình ở Vũ Di cũng không nổi.

Ông án binh bất động, mua lương thực trữ ăn cả tháng, không xuống núi, bạt tằm tích.

Số lính đi theo, cho xuống chợ các làng mua lương thực lại bị bắt mất quá nửa. Ông luôn luôn di chuyển chỗ, sợ giặc tra tấn, quân của mình không chịu nổi, khai nơi lẩn tránh của ông.

Từ mé chùa Tây Thiên, còn mấy thầy trò, ông kéo quân lên khu nghỉ mát phía Tam Đảo và bắn mất mạng một viên chức Pháp... Ít lâu sau, ông giả làm lái buôn, giấu súng ngắn trong người vào thẳng huyện đường, bắn bị thương một viên Tri huyện khét tiếng gian ác, đang cho người lùng giết ông rất dữ ở các làng chân núi Tam Đảo.

Cho đến một ngày giáp Tết, chỉ còn lại ba thầy trò. Giặc đã tằm thấy hút ông ở một làng người thanh y. Chúng đang cho lính lùng sục. Nửa đêm, ông bảo hai người tâm phúc:

- Thời cơ thoát hiểm rất ít. Theo ta thì chắc chắn sa vào tay giặc cả... Các anh hãy vượt rừng, thoát khỏi vòng vây đi, sau này tùy cơ ứng biến.

Hai người đều nói:

- Chúng con xin cùng liều chết ở lại chống nhau với giặc đến cùng!

- Việc lớn như thế đã xong. Không thành công cũng thành nhân. Ta thanh thản lắm. Một mình ta ở lại là đủ.

Hai người lính khóc mà chia tay ông. Đội Cấn ở lại, chủ động tấn công giặc, bắn cho đến lúc gần hết đạn, còn một viên giành cho mình.

Ông ngồi tựa vào vách đá, nhìn về phía làng Vũ Di, phía sông Hồng, bình thản và khẽ thở dài.

Một tiếng súng nổ vang giữa cây rừng Tam Đảo.

27-7-2000

Bạn tù Côn Đảo

Buổi tù Côn Đảo đi làm ở Cầu Tàu, đám tù khổ sai thấy lính giải tù dưới tàu lên một người tù, dong dỏng cao, mắt sáng, dáng rất ung dung thư thái. Đó là Phan Chu Trinh. Ông mới bị bắt trong lúc thực dân Pháp đàn áp những nông dân nổi dậy chống sưu thuế.

Huỳnh Thúc Kháng đang làm, vỗ tay reo lên:

- Chúng ta có bạn rồi! Chúng ta có cái để mà hoạt động ở nhà tù rồi!

Viên giám thị vội quắc mắt lên, nhưng không dám làm dữ:

- Làm đi! Làm đi! Không được nhón nháo.

Rồi Huỳnh cũng tìm cách được giam cùng cang với Phan Chu Trinh. Họ ôm chầm lấy nhau. Ông Huỳnh hỏi:

- Tôi nghe tình hình ngoài Bắc sôi sục lắm phải không? Bác cho nghe đôi chút. Ở đất này, chúng bùng bít tin tức ghê lắm. Mù tịt chẳng rõ điều gì!

Phan nói:

- Đông Kinh nghĩa thực ở Hà Nội được hưởng ứng nhiệt liệt. Các ông Lương Văn Can, Hoàng Tăng Bí đón tiếp trọng vọng lắm. Đâu chỉ có đám học trò lên lớp... Có tới hàng vạn, hàng triệu thanh thiếu niên ở bên ngoài, đều hướng về Đông Kinh nghĩa thực. Một bài giảng ở đó, vừa ra khỏi lớp đã được chép tay ra trăm, nghìn, vạn bản, được học thuộc lòng, rồi cứ thế mà truyền bá đi khắp Trung, Nam, Bắc. Tôi cũng vừa giảng ở Đông Kinh nghĩa thực về. Sau đó, đi Quảng Nam cũng muốn khuếch trương học

thuyết của mình với những người có tâm huyết trước vận mệnh đất nước, thì bị bắt vào đây!

Huỳnh hỏi:

- Huỳnh giảng bài gì ở Đông Kinh nghĩa thực vậy?

Phan nói:

- À, tôi giảng bài "Tỉnh quốc hồn ca" nghĩa là thức tỉnh lòng người trong nước phải chấn hưng công nghệ, đua tài buôn bán, học các nước châu Âu, để nay mai có nhân tài, làm được những việc ích nước lợi nhà.

Huỳnh nói:

- Huỳnh có thể cho nghe một đoạn nào hay nhất được không?

Phan nói:

- Có lẽ đoạn này là cốt lõi nhất, đó là khuyên ai có điều kiện phải xuất ngoại mới thấy hết được cái hay cái đẹp của các nước khắp năm châu bốn biển. Đoạn ấy thế này:

*Người ta thích dò sâu, lường biển,
Chốn kheo khur, tìm kiếm khắp nơi,
Chơi vơi góc biển chân trời
Rằng băng núi lửa cũng chơi cho cùng.
Nào là chốn hải hùng cạp rấn,
Nào là nơi mưa nắng phi thường
Thái Bình, Ấn Độ, Tây Dương,
Mỹ, Phi, Úc, Á là đường chiều mai
Ai ai cũng đua tài du lịch,
Một thân qua đất khách như chơi.
Chơi cho biết thói, biết người,
Xông pha gió bụi, vẽ vơi non sông.
Ấy chẳng phải chơi không vô ích*

*Chơi rồi xem sự tích viết ra,
Đất rộng hẹp, đường gần xa,
Dân phong thế ấy, vật hoa thế nào?
Để cho biết non cao biển cả,
Lại cho hay Hoa hạ, Man Di,
Người mình một bước chẳng đi
Loanh quanh xó bếp biết gì đến ai!
Ra khỏi cửa, chiều mai nhận nhó,
Tỉnh này qua tỉnh nọ đã xa.
Đi đâu cũng quán lấy nhà,
Vợ con vấn vít chó gà xăn vằn...*

Huỳnh thốt lên:

- Đây mới thật là văn chương. Rất thời thượng, lại thúc giục được lớp người mới... Tôi nghe huỳnh tìm sang Nhật, gặp Phan tiên sinh. Chắc là cuộc trò chuyện tâm đắc lắm!

Phan nói:

- Tâm đắc thì tâm đắc. Đệ đã lên Yên Thế, đàm đạo mấy đêm với Hoàng Hoa Thám, lại lệnh đệnh vượt biển sang Nhật, hội kiến với Phan Bội Châu. Nhiệt tình của Phan huynh, uy tín và trí lực đã vang danh cả nước. Nhưng Phan Bội Châu, chủ trương bạo lực, từ ngoài đánh vào, xem ra cũng không ổn. Tương quan lực lượng giữa bọn Pháp và ta xa lắm. Trước mắt, dùng bạo lực hiệu quả ít, tổn thất nhiều. Đệ chủ trương hãy thức tỉnh lòng người trong nước, một mặt ra nước ngoài học tập cho bằng người, dự trữ lực lượng. Địch là kẻ ta phải chống trả. Nhưng chống trả có nhiều cách. Trước mắt, hãy nói hết mọi nhẽ về việc trị dân thế nào là có lợi, để người Pháp thi hành một chính sách bớt hà khắc hơn trước, dân mình đỡ khổ phần nào hay phần ấy... Khi thực lực ta đã có. Người đi học đủ tài đức, người buôn bán có dần vốn, có thể cạnh tranh với người Pháp.

Văn minh, văn hoá được phổ biến mọi nơi. Từ đó, ta lại tính đến bước mới, đấu tranh với kẻ cướp nước.

Huỳnh Thúc Kháng xem ra không mặn mà lắm với chủ trương của Phan Chu Trinh, song cũng quý ở cách nghĩ, cách làm không theo vết chân người đi trước nên im lặng không nói gì...

Buổi làm đã mãn... Họ lại trở về trại giam chờ đến ngày hôm sau.

Những buổi có giám thị Tây trông thì các sĩ phu có vẻ cũng được nói lỏng hơn. Viên giám thị, thường đeo súng đi một lượt, đến từng lớp tù đang làm những việc khổ sai. Y chưa biết được nhiều tiếng Việt nên các tù nhân được dịp tha hồ trò chuyện.

Bữa nay, Phan và Huỳnh cùng nhau đi đập đá. Câu chuyện hôm trước lại tiếp tục. Huỳnh nói:

- Khi giặc Pháp đàn áp dữ, Phan tiên sinh và huynh cũng đã sang Nhật, các sĩ phu trong nước vừa trông đợi, vừa có chút gì bùi ngùi. Đệ cũng ở trong tâm trạng ấy, mới làm được một bài thơ, kiểu lưu biệt. Những ngày ở khám lớn Sài Gòn chờ bọn Pháp chở ra Côn Đảo, đệ đã đọc cho anh em bạn tù nghe, ai cũng cảm khái. Không ngờ ra đây lại được gặp huynh!

- Huynh thử đọc đệ nghe nào?

- Bài ấy như thế này:

Trăng trên trời, có khi tròn khi khuyết,

Người ở đời sao khỏi tiết gian nan

Đáng trượng phu tùy ngộ nhi an,

Tố hoạn nạn, hành hồ hoạn nạn,

Tiền lộ định tri thiên hữu nhĩ

Thâm tiêu do hứa mộng hoàn gia⁽¹⁾

Mấy mươi năm cũng vẫn chưa già.

⁽¹⁾ Đường phía trước sẵn rồi, trời có mắt. Đêm khuya còn thấy mơ được về nhà.

Nọ núi Ấn, này sông Đà⁽²⁾

Non sông ấy còn chờ ta thêm dệt,

Kìa tụi tán chẳng qua là tiểu biệt

Ngựa Tái ông hoạ phúc biết về đâu!

Một mai kia, con tạo khéo cơ cầu

Thấy bốn bề cũng trong bầu trời đất cả!

Ư bách niên trung, tu hữu ngã,⁽³⁾

Dầu đến lúc núi sụp, biển lở trời nghiêng đất ngã

Tấm lòng vàng, tạc đá vẫn chửa mòn

Trăng khuya, khuyết đó lại tròn!

- Hay quá! Rất tự nhiên, đầy tráng khí!

- Đêm ấy, có người có giọng tốt, đóng làm ả đào, lấy hai mảnh tre giấu ở góc trại làm phách. Cả trại rung rung... Và hôm sau đệ bị còng tay ra đây!

Ông Phan nhìn ông Huỳnh người nhỏ bé mà đánh thép, thơ lại hào hoa, cười bảo:

- Hoá ra khi đi tù Côn Đảo cũng sang trọng đấy chứ. Nó như khắc vào đời người chúng ta những dấu ấn của một lịch sử đời người. Cái lúc bọn Tây còng tay đệ, giải lên tàu, đệ cũng xúc cảm lắm. Tự dưng thấy mình như một vị thần, có sức mạnh riêng, huyền diệu, vô hình khiến giặc phải sợ. Tự dưng thấy nhà cửa, hoa cây, vợ con, bè bạn, đồng chí quanh mình đều thiêng liêng hơn mọi ngày... Và thế là, gan ruột nôn nao, cũng làm được mấy bài thơ!

Ông Huỳnh vội giục:

- Huỳnh đọc cho đệ nghe thử xem nào?

Ông Phan định đọc một lúc cả ba bài thơ, giọng sang sảng:

⁽²⁾ Sông và núi ở Quảng Nam.

⁽³⁾ Trong cõi trăm năm, cần phải có ta.

Xuất đô môn

*Luy luy già toả xuất đô môn
Khảng khái bì ca thiết thượng tôn
Quốc thổ trăm luân, dân tộc tuy,
Nam nhi hà sự phạ Côn Lôn!*

Ông Phan sắp đọc bài thứ hai, ông Huỳnh ngăn lại, bảo:

- Khoan đã. Hay lắm. Để đệ dịch thử xem nhé: "Xiềng gông cà kẹ biệt Đô môn. Khảng khái ngâm nga, lưỡi vẫn còn! Đất nước đắm chìm, nòi giống mồn. Thân trai nào sợ cái Côn Lôn". Nào huỳnh đọc tiếp đi!

Ngay lập tức, ông Phan đọc sang một bài khác, ông nói:

- Hai bài này, huỳnh không cần dịch đâu, bởi đệ làm thơ quốc ngữ! Đệ mới nhẩm ra được sớm nay!

Đập đá ở Côn Lôn

*Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn
Lòng lấy làm cho lở núi non!
Xách búa đánh tan năm bảy đống
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi
Mưa nắng càng bền dạ sắt son.
Những kẻ vá trời, khi lỡ bước,
Gian nan chi kể việc con con.*

Côn Lôn tức cảnh

*Biển dâu dời đổi mấy thu đông,
Cụm núi Côn Lôn vẫn đứng trông
Bốn mặt dày vô, oai sóng gió
Một mình che chở, tội non sông.*

*Cỏ hoa đất nảy cây trăm thước,
Rồng cá trời riêng biển một vùng.
Nước biếc non xanh thiêng chẳng nhẽ
Gian nan, xin hộ khách anh hùng...*

Mấy bài thơ của ông Phan, ông Huỳnh thuộc lòng ngay. Rồi những đêm tiếp theo, cả nhà lao Côn Đảo đều ngâm nga, "căng" nọ truyền sang "căng" kia. Ngay những người tù chân bị cùm, cũng đầy hứng khởi, khi ngâm lên những bài thơ đó.

Khi ông Phan đi đập đá, ai cũng nhìn ông kính phục, như nhìn một vị anh hùng. Ông Huỳnh bảo:

- Từ ngày anh ra đây, có bóng anh, nơi này đã như được hâm lên khí thế cách mệnh.

Mà đâu chỉ ở Côn Đảo, cả nước đang rầm rập đòi giặc Pháp phải thả ngay Phan Chu Trinh, nhiều cuộc bãi khoá, bãi thị đã nổ ra liên tục suốt năm, khiến nhà cầm quyền rất đau đầu. Cuối cùng, đến năm thứ ba, giặc Pháp phải ra lệnh thả ông Phan.

Tiền ông Phan, cả Côn Đảo rất sôi nổi. Bạn tù tìm mọi cách để ông Phan có một bộ đồ rất đàng hoàng. Những ngày sắp đến phút ông Phan được tự do, các khám tù thay nhau đọc vang bài "Tỉnh quốc hồn ca". Họ đã thuộc lòng cả bài. Giám thị dẹp được "căng" này, thì "căng" khác lại vang lên những đoạn tiếp cho đến hết, rồi lại bắt đầu lại...

Tên Chúa đảo, bực lắm, như ngồi trên bàn chông. Cả đêm hần không ngủ, cứ hăm hăm lồng lộn, quát tháo, chạy theo những lời thơ cách mệnh của ông Phan, muốn dập tắt nó mà không sao dập nổi!

6-9-2000

Ông nghề thành Nam

Từ quán trọ, Ngô Thế Vinh, dậy rất sớm vào hoàng thành để thi Hội. Trong lúc chờ gọi vào thi, một ông Cử nhân xứ Nghệ, tính vốn ngang tàng, ngông ngạo, vừa đi vừa ngâm vang câu thơ:

Khổng Mạnh⁽¹⁾ văn chương thủy hậu thế

Y, Chu⁽²⁾ sự nghiệp tá mình thời...

(Khổng - Mạnh văn chương truyền mãi mãi,

Y, Chu sự nghiệp giúp Vua hay)

Mọi người nhìn ông ta, có vẻ ngượng mộ, chắc cũng là một người muốn giât ngôi cao... Ngô Thế Vinh, vốn là người khiêm nhường, đang đi ở sau người ngâm thơ, liền bước chậm lại, đi vào hàng cuối. Ông bạn họ Trương vội hỏi:

- Ngô huynh lưng danh đất thành Nam, sao không đối đáp mà lại lùi về phía sau thế?

Thế Vinh chỉ khiêm nhường nói:

- Tôi đang tính tâm để ôn lại những kinh, truyện để có thể qua được kỳ thứ nhất khoa này...

Khi thi xong, chờ xem yết bảng thì ông cử xứ Nghệ chỉ đồ Phó bảng còn Ngô Thế Vinh đỗ Đệ tam giáp Tiến sĩ...

Ngô Thế Vinh xuất thân từ một gia đình thuần hậu, nền nếp, từ nhỏ đến lớn, dù ở ngay bên cạnh trấn thành Nam Định, nhưng

⁽¹⁾ Túc Khổng Tử và Mạnh Tử, những người sáng lập ra đạo nho.

⁽²⁾ Túc Y Doãn và Chu Công, những bậc đại hiền giúp Vua dựng nghiệp thời cổ đại Trung Hoa.

không hề ham hố ăn chơi mà chỉ chuyện về đạo học, người ít nói nhưng có thực tài. Ông Phó bảng bị đánh xuống bảng phụ của Tiến sĩ, xem ra vẫn âm ứ, cứ bần thần mãi không hiểu lý do vì đâu. Ông Trương cũng đỡ Tiến sĩ cùng Ngô Thế Vinh, liền cười tùm tùm bảo ông Phó bảng xứ Nghệ:

- Huynh thử hỏi Tiến sĩ họ Ngô xem sao?

Ông Phó bảng liền tìm đến nhà trọ hỏi Ngô Thế Vinh. Họ Ngô hỏi:

- Bài Phú kỳ thi vừa rồi dùng chữ Quyển⁽¹⁾ gieo vần, huynh gieo vần trắc hay vần bằng?

- Đệ gieo vần bằng.

- Thế thì huynh bị đánh xuống Phó bảng chính là ở chỗ ấy đấy!

Ông Phó bảng vẫn chưa hiểu, Ngô Thế Vinh, miễn cưỡng phải giảng cho ông ta nghe:

- Trong bài thơ Vua ban cho chúng ta, với âm và nghĩa, chữ Quyển phải dùng âm trắc khi làm bài mới đúng. Đó chính là chỗ chúng ta dễ bị sai nhất. Khoa thi này, mấy chục Cử nhân thi, chỉ có Nguyễn Đăng Huân đỗ Nhị giáp Tiến sĩ và tám người đỗ Tam giáp, chính là không vấp vào lỗi ấy...

Quan Phó bảng xứ Nghệ nhận ra. Nghĩ đến buổi mới vào thi mình đọc thơ huênh hoang bên tai Ngô Thế Vinh, giờ lại chính ông giảng giải cho liền lặng lẽ cúi mặt, không nói gì cả...

*

Ngô Thế Vinh đang làm việc ở Hàn Lâm Viện, với chức Biên tu. Ông đang say mê đọc các sách ở thư viện, đọc hết các thơ cổ Đường Tống Trung Hoa, thơ văn Lý-Trần, để tâm tham khảo những sách bàn về Dịch học, thì lại được cử đi làm Tri phủ ở Định Viễn.

⁽¹⁾ Chữ Quyển có âm trắc, đọc là quyển, âm bằng đọc là khuyên, hai nghĩa khác nhau.

Phủ Định Viễn là một vùng đất mới, nhà Nguyễn chinh phục của Thủy Chân Lạp... Đó là một vùng biên trấn khá xa xôi... Từ cửa Thuận An, xuống thuyền lên đênh hàng chục ngày trời, ngoài biển, theo sông Hậu, qua trấn phủ Vĩnh Long, mới tới...

Phủ rộng mà lớn, gồm mấy huyện, hai bên bờ kênh rạch, bầu, đước, dừa nước, tràm, mọc um tùm. Dân chúng chọn nơi cao ráo để dựng làng. Người Chăm ở lẫn người Nam Kỳ... Sinh hoạt phần lớn đều dùng ghe thuyền. Sông, rạch có đầy cá sấu. Chim chóc bốn mùa tụ họp ở những rừng đước, rừng tràm... Mưa lũ nước rất to, quanh phủ lý, nước mênh mông trắng xoá... Dân chúng sống về nghề nông và nghề ngư... Người Kinh có vốn, thành thạo, thì sang đất Cao Miên, cất những thứ hàng quý bên đó về rồi lại đem vải vóc, trầm hương ở bên này sang bán... Được cái dân chúng thuần hậu, dễ bảo, các Tri huyện cũng là người năng nổ... Về võ bị, triều đình cử những vị đại thần giỏi giang đến trấn nhậm, nên cũng không phải lo...

Ngô Thế Vinh vốn là người có học, ông đem những điều sở đắc mộ dân, lập ấp, khởi xướng việc học hành. Ông xin Vua Minh Mệnh xá thuế cho những người khản hoang tới năm năm, xin triều đình bỏ học quan xuống tận các huyện mới, đều được Vua chuẩn tấu. Ông lại soạn những sách hay, gọn, dễ học như *Trạng Nguyên thi*, *Minh Tâm bảo giám*, *Sơ học vấn tân*, quốc sử và kinh, truyện, đem dạy ở trường hương học và tập văn ở trường huyện. Ở phủ, ông thường đến giảng cho các học trò... Nhưng dân chúng mới lập nghiệp, mãi lo về sinh kế, thường chỉ học được vài năm là nghỉ, chưa mấy người học lên cao được. Tuy vậy, do sự năng nổ của quan phủ mà sau này đất Định Viễn cũng đã có mấy chân Cử nhân...

Chưa được ba năm, Ngô Thế Vinh được cử về trường thi Hà Nội coi thi. Mấy năm nhận mũ áo đi làm quan, nay mới được rẽ qua nhà. Bỗng lộc ngoài mấy mẫu ruộng được Vua ban, ngôi nhà hàng tổng làm cho lúc đồ Tiến sĩ vinh quy, cũng chẳng có gì. Cha ông đã mất, nhà càng thanh bạch. Vốn là người không ham danh lợi, thích từ

chương, ham đọc sách, ông cũng không thích ở kinh thành Huế, giữa các ông hoàng, bà Chúa, chỉ thích rong chơi. Các quan lại, thậm chí kể cả đại thần, thì cố tìm vây cánh để thăng tiến. Phe này, phe kia, ra mặt bài bác nhau, rình hễ bên nào có sơ hở thì chỉ trích để dễ bề thăng quan. Vua thì thích dùng người miền Trung về văn và miền Nam về võ, còn với đám sĩ phu Bắc Hà, Ngài vừa dùng vừa ân uy, đe nẹt...

Trường thi năm ấy, vào mùa hè, lại có bệnh thời khí. Ngô Thế Vinh được cử làm giám khảo. Ông thấy đang lúc làm bài, nhiều học trò đau bụng phải bỏ dở, trông gương mặt thiếu ngủ, thất vọng của họ rất tội nghiệp. Do đó, động lòng thương cảm những người mười năm đèn sách, được một ngày đua tài trận bút lại không may, ông chấm thi cũng có phần châm chước... Nào ngờ, có viên quan đề điệu hạch tội, dâng tấu về triều, cho là ông có cảm tình với sĩ tử Bắc Hà. Vua bắt quan chủ khảo dâng mấy bài văn do ông chấm lên, quả nhiên có chuyện ấy.

Vua Minh Mệnh bực lắm, xuống chiếu cách chức và truất luôn cả học vị Tiến sĩ, đuổi về quê...

Ngô Thế Vinh không lấy thế làm buồn. Bạn bè biết ông hay chữ, lại có lòng ưu ái học trò, đến thăm và an ủi ông. Ông chỉ lặng lẽ cười và nói:

- Tái ông thất mã... Chuyện tái ông mất ngựa, trong cái rủi biết đâu lại chẳng có cái may...

Riêng trong thâm tâm, ông lại mừng vì có thời gian chăm sóc mẹ già tuổi đã cao, mà ông mấy năm nay luôn công cán mãi tận nơi chân trời góc bể...

*

Chưa bao giờ Ngô Thế Vinh thấy mình lại được thanh thản và ung dung như hiện nay.

Ngôi nhà gỗ năm gian của ông là nơi lui tới của nhiều bạn bè. Những bậc thức giả ở đất Nam Định đều biết tiếng ông, nhất là từ khi ông trở lại quê hương, trông nom mẹ già và mở trường dạy học. Ông làm nhiều thơ văn với bút danh Trúc Đường, được tập hợp trong Trúc Đường thi văn tùy bút. Ông tiếp tục soạn sách.

Gian giữa, Ngô Thế Vinh để bàn thờ, và một chiếc xập, ông ngồi viết, soạn sách và tiếp khách quý. Chiếc gối xếp tựa, chiếc diều ống khảm trai đặt ở giữa sập.

Ngoài vườn, ông trồng lan, thứ địa lan quý mà ông để công xem sách xưa mới chăm sóc nổi. Mỗi khi lan nở, ông mời bạn đến uống rượu thưởng hoa. Bạn của ông có khi là những nhà nho áo vải, hồn hậu và chân phác, có khi là những bậc túc nho, những bạn đồng khoa. Khi dạy học xong rồi, hoặc những buổi mùa màng, cho học trò nghỉ mấy hôm làm vụ, cùng những người bạn có thể đùa cợt, lục vấn nhau về văn chương chữ nghĩa không cần giữ lời; có khi quá chén bá vai nhau, ông cùng thách nhau làm thơ về lan, và, những câu hay tự đâu đã đến. Chẳng hạn, ông bạn họ Phạm, ngày thường thơ cũng vậy vậy, mà hôm thấy mấy giò địa lan lười gả, màu hồng rất đẹp, cùng giò lan cánh sẻ màu cánh kiến đua nở, bỗng thốt ra mấy câu:

Lười gà điểm điểm hồng chưa nở

Cánh sẻ rờn rờn sắc mới tô

Hoặc:

Rung rinh cánh mỏng hoa bay bướm

Điểm xuyết đơn sơ tím chuyển hồng.

Rồi đêm trăng, khách văn tặn bên Vân Đình, trên đường công cán ghé về chơi. Ông quét sân cho sạch mời đào nương hay nhất thành Nam, tay đàn đáy thượng hạng, tự viết thơ ca trù. Lúc ấy, ông cùng bạn thay nhau vào cầm châu, chọn những bài thơ thanh tao nhất, mà đàn ca...

Tiếng trống châu lúc thì Xuyên tâm, lúc buông Lạc nhạn; lời ca vào khổ thơ thì vút roi châu Quán châu, đào nương hát đến khổ

dồn thì tiếng trống Đoạt châu, Phi ngư dồn dập sôi nổi. Nói kiểu Thánh thán, như thế chẳng sướng sao? Chính những phút ấy, mà Ngô Thế Vinh mới viết được những câu thơ thần, mà quan viên, đào nương ca trù, ai ai cũng thuộc:

Hồng nhan tự cổ đa luân lạc

Thái bút như kim bán lục trăm⁽¹⁾

Người trăm năm ngoảnh lại cõi trăm năm

Tài với sắc tính ra là ngộ cả.

Quá ngán nhẽ người nằm thiên tải hạ

Cùng với lên chung một gánh sầu

Lệ tình há một Giang Châu!⁽²⁾

Ngồi dạy học mấy chục năm với nếp sống đạm bạc, thanh cao, tiếng tăm Ngô Thế Vinh đã lừng lẫy cả đất thành Nam. Học trò của ông đỗ đạt rất nhiều. Tổng đốc Nam Định bấy giờ là Nguyễn Đình Tân thấy ông thật là một người chân nho, đáng trọng, lại sớm bị xử án khá nặng, liền ngầm làm một tờ biểu dâng lên Vua Tự Đức. Ngài ngự từng yêu thơ văn, khi các trọng thần như Trần Bích San vào hầu thường hỏi chuyện văn chương Bắc Hà, Bích San có nhắc đến Vũ Công Phan ở Hà Nội và Ngô Thế Vinh ở Nam Định. Nay nhận được biểu tấu của Nguyễn Đình Tân, liền cho triệu Ngô Thế Vinh vào chầu.

Vua cho gọi Ngô Thế Vinh, đến nhà Duyệt Thị, hỏi về đảm lược văn chương, kiến thức xưa nay, rồi lại bàn bạc rất lâu về thi ca. Ngài Ngự rất hài lòng về bản dịch *Chức Cảm hồi văn* của Tô Huệ do Ngô Thế Vinh dịch...

Vua có ý muốn cất nhắc, liền hỏi thêm về thời thế, nhất là chuyện người Tây Dương truyền đạo, Ngô Thế Vinh biết Vua muốn mình lại dấn thân vào đường danh lợi, liền nói:

⁽¹⁾ Xưa nay kiếp hồng nhan thường chìm nổi. Nay khách văn chương lận đận hơn!

⁽²⁾ Tức Bạch Cư Dị nhà thơ đời Đường nổi tiếng, tác giả bài Tỳ Bà hành.

- Đã gần mấy chục năm, thân lấy nghề dạy học làm vui, với mẹ già, thân được trọn chữ hiếu thế là mãn nguyện. Ôn đây của Thánh thượng nhớ đến người đã từng lều chõng vào kinh ở những khoa đầu triều Nguyễn, vời vào để chiếu tuyết cho, thân vô cùng cảm kích. Chỉ xin Thánh thượng lại cho về mấy gian nhà gỗ để tiếp tục gõ đầu trẻ.

Vua Tự Đức biết không giữ nổi, bèn xuống chiếu phục hồi danh hiệu Tiến sĩ, ban tiệc rồi cho về...

Khi về đến làng, Ngô Thế Vinh mừng lắm. Bạn bè đến chơi rất đông... Bữa ấy, hoa lan nở đến mấy chậu. Nhất là chậu Kiến lan, cánh ngoài xanh trong trắng, hơi điểm sắc đỏ. Ông cử họ Phạm mê mẩn ngắm hoa rồi thốt lên:

- Tình hoa thảo cũng nồng hậu đến thế đấy. Những giò đông lan, kiến lan, chờ cho chủ nhân về đến nhà mới nở. Thế này thì đứt tình với cỏ cây sao được!

2004

HẾT

MỤC LỤC

THỜI NGUYỄN

Mùa mai vàng nở (Đào Duy Từ)	7
Quan nội tán đã về (Nguyễn Khoa Đăng)	16
Ông Cống đầu to (Vũ Đình Phương)	23
Khanh có tội gì đâu (Đặng Đại Độ).....	29
Người giữ thành Hà Nội (Nguyễn Tri Phương).....	35
Quan Tổng đốc họ Hoàng (Hoàng Diệu).....	48
Dinh điền sứ (Nguyễn Công Trứ)	63
Người cùng quê (Nguyễn Thông)	72
Quan phủ áo vải thô (Nguyễn Hữu Huân)	89
Tiếng trống kêu oan (Bùi Hữu Nghĩa).....	103
"Phật sống" miền Tây bắc (Nguyễn Quang Bích).....	110
Gặp lại người đánh đàn ở Long thành (Nguyễn Du).....	124
Ông đồ Tân Thới (Nguyễn Đình Chiểu).....	136
Ông Hoàng Mười (Tùng Thiện Vương).....	151
Đường quan tước (Phan Huy Chú)	164
Chén rượu của người nghèo (Cao Bá Quát).....	171
Bà Huyện Thanh Quan và những con chim Sâm Cầm.....	186
Ngõ trúc (Nguyễn Khuyến).....	202
Chậu trà núi đầu xuân (Chu Mạnh Trinh).....	219

Thầy tú Vị Xuyên (Trần Tế Xương)	230
Ông đốc Nguyễn (Nguyễn Thượng Hiền)	249
Một thời ngang dọc (Nguyễn Cư Trinh)	262
Thầy đồ làng Gia Trung (Nguyễn Văn Thành)	269
Ông nghề Bất Nhị (Trần Quý Cáp).....	277
Người đàn bà xứ Huế (Đinh phu nhân).....	286
Trong rừng Vụ Quang (Phan Đình Phùng)	293
Chiếc nghiên mực của Vua Tự Đức (Tự Đức)	300
Ông nghề Giao Cù (Vũ Hữu Lợi)	309
Chiến tướng họ Nguyễn (Nguyễn Duy)	315
Quan Thái Bảo họ Vũ (Vũ Xuân Cẩn)	322
Người thích cầm quân (Ông Ích Khiêm)	328
Tam Nguyên Trần Bích San	336
Viết lên trời xanh (Nguyễn Văn Siêu)	344
Đức vua mất ngủ (Phạm Phú Thứ).....	351
Nguyễn Cao tướng quân (Nguyễn Cao).....	358
Bạn đồng hương (Phan Bội Châu)	366
Hùm thiêng Yên Thế (Hoàng Hoa Thám).....	375
Miếu ông Cai	387
Đêm tháng tám (Lương Ngọc Quyến và Đội Cấn).....	393
Bạn tù Côn Đảo (Huỳnh Thúc Kháng - Phan Chu Trinh).....	400
Ông nghề thành Nam (Ngô Thế Vinh).....	407

TRUYỀN Danh nhân Việt Nam

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. LÊ VĂN ĐỆ

Biên tập: ***Đỗ Thu Hương***

Trình bày: ***Vũ Quang Anh***

Vẽ bìa: ***Nguyễn Trọng Kiên***

Sửa bản in: ***Hương Yến***

In 1000 cuốn khổ 14,5x20,5 cm tại XN In - NXB Lao động - Xã hội.
Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 12/2006/CXB/76-
295/CAND. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2006.

Truyện DANH NHÂN VIỆT NAM

Thời Nguyễn

truyện danh nhân vn-thời



Giá : 51.500đ